NGUYỄN DUY CHÍNH

ĐI TÌM CHÂN DUNG VUA QUANG TRUNG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TAO ĐÀN
THƯ QUÁN

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

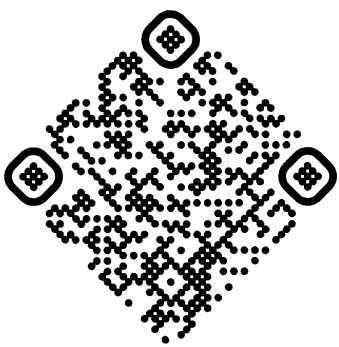

SCAN TO JOIN

NGUYỄN DUY CHÍNH

ĐI TÌM CHÂN DUNG VUA QUANG TRUNG

Tác phẩm: ĐI TÌM CHÂN DUNG VUA QUANG TRUNG
Tác giả: NGUYỄN DUY CHÍNH

Công ty cổ phần kinh doanh ấn phẩm văn hóa Tao Đàn Thư Quán giữ bản quyền xuất bản và phát hành ấn phẩm ĐI TÌM CHÂN DUNG VUA QUANG TRUNG theo hợp đồng chuyển giao bản quyền giữa tác giả Nguyễn Duy Chính với Công ty cổ phần kinh doanh ấn phẩm văn hóa Tao Đàn Thư Quán.

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của Tao Đàn Thư Quán và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đều là bất hợp pháp và vi phạm Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền quốc tế và Công ước Bảo hộ Bản quyền sở hữu trí tuệ Berne.

Liên hệ:
Bản quyền: anhsontd@gmail.com
Phát hành: Tao Dan Thu Quan / Tran Duc Anh Son / Anh Son Tran Duc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH ẤN PHẨM VĂN HÓA
TAO ĐÀN THƯ QUÁN
Địa chỉ: 160 đường 2 tháng 9, phường Hòa Thuận Đông,
quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (0) 236 386 5555 - Web: www.taodanbooks.com

NGUYỄN DUY CHÍNH

ĐI TÌM CHÂN DUNG VUA QUANG TRUNG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TAO ĐÀN
THƯ QUÁN

Mục lục

Lời tựa 7

Mười bài thơ của Tôn Sĩ Nghị khi đem quân sang nước ta 11

Trận Kỷ Dậu từ tài liệu gốc của nhà Thanh 50

Quang Trung thật, Quang Trung giả:
Bàn thêm về phái đoàn Đại Việt sang Trung Hoa
năm Canh Tuất (1790) 66

Khảo luận về thuyết quốc vương An Nam Nguyễn Quang Bình
sang Trung Hoa cuối đời Càn Long là người giả 107

Giải mã một bức tranh 135

Đã tìm ra chân dung vua Quang Trung? 173

Phúc Khang An và việc khôi phục quan hệ tông phiên
Trung Hoa - An Nam cuối đời Càn Long 204

Khai quan thông thị 243

Khảo cứu về việc quốc vương Việt Nam Nguyễn Phúc Ánh
sai sứ đến triều cống nhà Thanh 277

Tường thuật của một giáo sĩ Âu châu trong cung nhà Thanh 327

Tài liệu tham khảo 360

LỜI TỰA

"Give me six hours to chop down a tree,
and I will spend the first four sharpening the ax"
(Nếu cho tôi 6 giờ để chặt cái cây
thì tôi sẽ dùng 4 giờ đầu để mài cái búa)
Abraham Lincoln
Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ

Có những giai đoạn được người sau viết thành hàng trăm quyển sách nhưng vẫn thấy như còn thiếu cái gì, điển hình là thời kỳ nhiễu nhương, tranh tối tranh sáng, thay chủ đổi ngôi mà dù có tìm hiểu cặn kẽ đến đâu chúng ta cũng chỉ biết được một phần của biến động.

Đó là một sự thật mà người nghiên cứu nào cũng trăn trở nhưng lại cũng là cái "*thú đau thương*" vì nếu mọi món đã nấu nướng sẵn sàng chỉ việc bày ra mâm thì không tán dương được cái công lao tìm kiếm, tính toán để từ những món tầm thường nấu thành một bữa ăn ngon của người nội trợ.

Thế nhưng bất cứ một công trình nào dù nhỏ bé như làm một bài luận văn khi còn ở bậc tiểu học hay to lớn như viết một cuốn sách lúc đã trưởng thành thì cũng phải có đủ duyên mới thành tựu được. Trong nghiên cứu, tài liệu chính là duyên vì không một công trình thực sự nào có thể ra đời nếu không có đủ tài liệu và hoàn thành một tác phẩm do tưởng tượng.

Chỉ vài mươi năm trước, khi hệ thống thư viện còn eo hẹp, học giả Việt Nam thường phải trông vào liên hệ cá nhân để có thể mượn hay xem một ấn phẩm, lắm khi phải qua trung gian của nhiều người. Việc sao chép cũng khó, thường là viết tay hay quý giá hơn, đánh máy lại để có được hai, ba bản.

Những năm gần đây, sự phát triển công nghệ thông tin khiến chúng ta đi những bước dài, nhanh và nhiều gấp trăm, gấp ngàn lần thế hệ cũ. Qua mạng lưới internet, chúng ta có thể tìm thấy những tư liệu mà trước đây nằm mơ cũng không có được. Việc sao chép vừa dễ dàng, vừa chính xác khiến những ai muốn tìm hiểu một đề tài thường có nhiều tài liệu hơn mình cần khiến hôm nay, công bình mà nói, khó khăn không phải là thêm vào mà là bớt đi. Cũng chính vì quá phong phú nên thường rơi vào thực giả khó phân biệt, những gì chúng ta tìm thấy phải được kiểm chứng, đối chiếu qua lại và nhất là có được sự công tâm không để rơi vào định kiến hay cố chấp. Kiếm tài liệu đã đành mà chọn lựa những tài liệu đáng tin cậy để sử dụng lại càng cần hơn.

Trước đây, những người quan tâm nghiên cứu về giai đoạn nội chiến, thay chủ đổi ngôi cuối thế kỷ XVIII ở nước ta bị hạn chế vào tài liệu triều Nguyễn. Những ai muốn đi xa hơn thường phải sử dụng ngoại sử, đôi khi tự tưởng tượng ra một số chi tiết cho phù hợp với mục tiêu nguyên thủy của mình. Thêm một chút, nhiều tác giả tiểu thuyết hóa và coi đó như một dạng viết thay vào những khoảng trống lịch sử mà họ mong đợi.

Chính vì có một quá trình thêm bớt phức tạp như thế, lịch sử viết về thời kỳ này hư nhiều thực ít, lẫn lộn giả thật vì không ai cất công tìm hiểu xem những chi tiết đó nguồn gốc từ đâu ra, người đi trước viết sao thì người đi sau lập lại không cân nhắc. Trình tự quan trọng nhất khi tìm kiếm tài liệu là loại bỏ những tài liệu thứ cấp chưa đáng tin, nhất là những tài liệu có nguồn gốc thiếu minh bạch, cũng không ai làm. Ngay cả nhiều tác giả được đào tạo rất chính quy nhưng vì không có tài liệu nên cũng phải sử

dụng ngoại sử và chọn lựa những chi tiết nào phù hợp với sở hiếu của mình để dùng trong các nghiên cứu.

Nhờ vào sự mở rộng các mạng lưới thông tin, sử liệu Việt Nam nay có thêm nhiều cánh cửa mới, khi hệ thống đáng án của Trung Hoa được công bố, hàng trăm kho văn bản được sắp xếp, sao chụp và phổ biến công khai đến các thư viện lớn của thế giới. Tuy không dành riêng cho một ai nhưng xuyên qua lợi điểm mới chúng ta có nhiều cơ hội để tiếp cận và khám phá những tài liệu liên quan đến Việt Nam.

Một kho tài liệu khổng lồ khác cũng chưa được để tâm đến là tài liệu của giáo hội La Mã với rất nhiều báo cáo "tai nghe mắt thấy" mà các nhà truyền giáo sống ở nước ta thời đó gửi về tòa thánh, hiện nay vẫn nằm chết trong các kho sách chưa ai khai thác.

Ngày hôm nay, với tất cả những ưu điểm của thời đại, việc tiếp tục theo những lối mòn nghiên cứu mà các thế hệ trước đã đi qua không còn phù hợp. Chúng ta cần tiến bước vào những khu rừng hoang vu để tìm được những gì chưa ai biết. Đúng như một câu nói của Ralph Waldo Emerson (1803 - 1882), người nghiên cứu không thể chỉ đi theo những con đường cũ mà phải tìm những con đường mới để lại dấu vết cho người khác tiếp tục đi theo (*Do not go where the path may lead, go instead where there is no path and leave a trail*).

2.2020

NGUYỄN DUY CHÍNH

Về ngày, vì tính theo Âm lịch, chúng tôi dùng Giêng, Hai, Ba, Tư... Mười, Một (11 AL), Chạp (12 AL) và chỉ dùng 1, 2, 3... 10, 11, 12 khi tính theo Dương lịch.

MƯỜI BÀI THƠ CỦA TÔN SĨ NGHỊ KHI ĐEM QUÂN SANG NƯỚC TA

LỜI NÓI ĐẦU

Trong khi viết về chiến dịch Việt - Thanh, một bằng hữu ở Việt Nam có gửi cho tôi hai bài thơ của Tôn Sĩ Nghị (孫士毅), trích từ bản dịch *Tùy Viên thi thoại* của Trương Đình Chi (nguyên tác Viên Mai, TP.HCM: Văn nghệ, 2002), các trang 839-841, thoại 569.

Chi tiết đó khiến tôi quan tâm nhiều hơn tới di văn của họ Tôn nên đã kiếm được cuốn *Bách Nhất Sơn Phòng thi tập* (百一山房詩集), là một tập hợp thơ của họ Tôn bao gồm 12 quyển (tổng cộng 659 trang) từ Thư viện Đại học Harvard. Bộ sách này do Viên Mai (袁枚) soạn, bao gồm một số lượng lớn thơ văn của Tôn Sĩ Nghị. Viên Mai (1716 - 1798) là một người bạn thân của Tôn Sĩ Nghị (1720 - 1796), tuổi tác cũng không cách nhau nhiều nên có sự đồng cảm.

Điều khó hiểu là tuy trong phần tiểu sử do Viên Mai viết có đề cập đến chiến dịch đem quân sang đánh An Nam khá chi tiết, nhưng trong suốt 12 quyển này, chúng tôi lại không tìm thấy những bài thơ khi họ Tôn sang nước ta. Việc viết về chiến dịch cũng nhiều sai lầm nên ta thấy rằng ngay khi chiến sự vừa chấm dứt, nhà Thanh liền che giấu thất bại quân sự bằng nhiễu loạn tin tức để bào chữa không phải chỉ riêng Tôn Sĩ Nghị mà chính vì muốn giữ thể diện cho vua Càn Long, vốn là người chỉ huy tối cao của lần động binh này.

Gần đây, tôi tìm thấy 10 bài thơ của Tôn Sĩ Nghị khi đem quân sang nước ta nhưng lại không phải từ một tác phẩm viết riêng cho họ Tôn của Viên Mai mà từ *Tam Châu nhật ký* (三洲日記) khắc bản đời Quang Tự 5 của Trương Ấm Hoàn (張蔭桓), quyển 3, trang 26-30.

TIỂU SỬ

Tôn Sĩ Nghị (1720 - 1796).

Theo *Thanh sử cảo*, Tôn Sĩ Nghị (tự là Trí Dã 智冶, hiệu là Bổ Sơn 補山) người Hàng Châu sinh năm Canh Tí (1720), đỗ tiến sĩ năm Tân Tị, Càn Long 26 (1761), khi đó đã ngoài 40. Khi vua Càn Long du Giang Nam lần thứ ba, Tôn Sĩ Nghị dự một kỳ khảo thí đỗ đầu được vua khen triệu vào làm Nội các trung thư, vào làm chương kinh trong Quân cơ xứ, làm việc với đại học sĩ Phó Hằng (傅恆). Năm Mậu Tí, Càn Long 33 (1768), Tôn Sĩ Nghị theo Phó Hằng chinh thảo Miến Điện (1769) lập được nhiều công trạng nên dược thăng lên Hộ bộ lang trung, rồi Đại lý tự thiếu khanh, tuần phủ Vân Nam.

Năm Canh Tí (1780) Vân Quý tổng đốc Lý Thị Nghiêu bị cách chức, Tôn Sĩ Nghị cũng bị sung vào quân đi đánh Y Lê, nhưng được xá tội và trở về làm biên tu Hàn lâm viện. Sau vì điều tra tổng đốc Lưỡng Quảng là Furgun (Phú Lặc Hồn 富勒渾) tham nhũng được triều đình khen ngợi nên Tôn Sĩ Nghị được thăng tổng đốc Lưỡng Quảng (1786). Thời gian sau đó, ông đối phó nhanh nhẹn trong việc dàn áp những vụ nổi dậy ở Đài Loan (1786 - 1787) và luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng tiếp liệu, quân dụng nên được thăng lên Văn Uyên các đại học sĩ, tam đẳng nam tước, lại được ban mũ

với lông công hai mắt (雙眼花翎 - *song nhãn hoa linh*) dành cho người trong tông thất hay giới quý tộc Mãn Châu.

Cứ như sử chép, họ Tôn không phải là một nhà cai trị kém và những tài liệu còn ghi lại chứng tỏ việc đem quân sang An Nam được chuẩn bị khá chu đáo. Việc thua trận một phần lỗi là ở chính vua Càn Long và cũng vì thế Tôn Sĩ Nghị chỉ bị trách phạt rất nhẹ, sau đó lại thăng tiến rất nhanh.

Tôn Sĩ Nghị, Phúc Khang An và Minh Lượng là ba danh sĩ cuối đời Càn Long, tiểu sử chép chung trong một quyển. Tôn Sĩ Nghị nổi tiếng về văn tài, cùng với Kỷ Hiểu Lam (紀曉嵐) và Lục Tích Hùng (陸錫熊) là ba người được chỉ định trông coi biên tập bộ *Tứ khố toàn thư*. Ông tính thích sưu tầm các loại đá lạ không kém gì Mễ Phế đời Tống.[1] Tôn Sĩ Nghị từ trần vào tháng Sáu năm Bính Thìn (7.1796) sau khi dẹp loạn người Miêu và Bạch Liên giáo.

TIỂU DẪN

Cho đến gần đây, việc vua Càn Long sai Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta vẫn được xét dưới khía cạnh một nước lớn chủ động tấn công một nước nhỏ với ý đồ xâm lăng. Chính từ quan điểm đó, mọi động lực gây chiến đều quy tụ vào chủ trương chiếm đất của nhà Thanh, được chứng minh qua một số chi tiết từ *Đại Nam chính biên liệt truyện* và *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Tuy Tôn Sĩ Nghị quả thực có ý định đó, nhất là sau khi tiến quân chiếm được Thăng Long quá dễ dàng nhưng từ triều đình, vua Càn Long không thực sự thiết tha đến việc lập một trục lộ từ

1. Ngoài *Thanh sử cảo*, quyển 330, "Liệt truyện 117", tài liệu về Tôn Sĩ Nghị còn trích từ các nguồn: Cao Dương, *Thanh triều đích hoàng đế*, quyển 2 (1989), tr. 639-640. Tăng Lệ Hòa (Chủ biên), *Trung Quốc danh nhân tự điển* (1979), tr. 750, Arthur W. Hummel, *Eminent Chinese of the Ch'ing Period 1644 - 1912* (1970), tr. 680-682.

Thăng Long đến Phú Xuân để truy kích Nguyễn Huệ, một phần vì Thanh triều sợ sa lầy vào một cuộc chiến tiêu hao, dai dẳng như khi đem quân sang Miến Điện, phần khác không tập trung được sức lực và ngân khoản dành cho đại lễ Vạn thọ 80 tuổi của vua Càn Long năm Canh Tuất (1790). Nhiều tài liệu mật trong cung cũng cho thấy sau khi phân tích lợi hại về việc đem quân sang nước ta, được và mất, nhà Thanh cũng sợ nếu ở lâu sẽ rơi vào tình trạng "*bỏ thì thương, vương thì tội*" và sớm muộn gì dân Nam cũng nổi lên đánh đuổi họ về nước. Vì lẽ đó, tuy bản thân Tôn Sĩ Nghị quả có tham vọng muốn chiếm nước ta nhưng chưa có lệnh của vua Càn Long nên ông phải đóng quân tại Thăng Long và chưa sẵn sàng tiếp tục tiến quân xuống Thuận Hóa.

Mười bài thơ của Tôn Sĩ Nghị là những ngụy trang rất khéo léo để mua chuộc vua Càn Long khi về triều. Một mặt ông đề cao vai trò "*tông chủ*", coi việc Nam chinh như một phận sự cao cả, mặt khác gián tiếp "*chính nghĩa hóa*" đoàn quân xâm lăng. Tôn Sĩ Nghị đã phóng đại thành quả vừa như một hình thức "*kể công*", phù hợp với những tấu triệp ông gửi về Bắc Kinh, vừa tạo cho hoàng đế một ảo tưởng là ông đã sáng suốt nhìn rõ mọi chi tiết từ ngàn dặm.

Trong bản dịch này, chúng tôi có sắp xếp lại một số bài thơ theo thứ tự thời gian dựa trên các chi tiết trên đường tiến của quân Thanh cho hợp lý.

BẢN DỊCH

Số trang ở đây theo bộ sách của Trương Ấm Hoàn in đời Quang Tự theo [quyển-trang]

[3-26b] Năm Mậu Thân đời Càn Long [1788], nước An Nam có nội loạn, vua là Lê Duy Kỳ bị bầy tôi là Nguyễn Huệ đánh đuổi, gõ cửa quan cầu cứu.

Tôn Văn Tĩnh [tức Tôn Sĩ Nghị] phụng chiếu đem quân trừng trị, từ Long Châu ra khỏi cửa quan, đánh ở Lạng Sơn, Thọ Xương, Gia Quan, Thị Cầu đều đắc thắng, thừa thế tiến đến sông Phú Lương, rồi lấy lại Lê thành [tức thành Thăng Long]. Nguyễn Huệ chạy trốn về Phú Xuân. Sau đó [hoàng thượng] truyền chỉ phong vương cho Lê Duy Kỳ rồi [ra lệnh] ban sư. Về việc Nam chinh [Tôn] có làm 10 bài thơ để ghi nhớ sự kiện này. **[3-27a]** Nào ngờ Nguyễn Huệ đột nhiên quay lại, Lê Duy Kỳ đơn độc không người giúp đỡ, quân [của Tôn Sĩ Nghị] quay về bị nguy hiểm nên [Tôn] dâng sớ tự biếm chức mình.

Về sau Nguyễn Phúc Ánh quy phục, nước Việt đã bình định, nay đọc lại những bài thơ của Tôn Văn Tĩnh để cho đầy đủ, sao lục như sau:

1

門開太乙曙鐘遲，[1]
茶火軍容徼外知。
未必遇師同枕席，
庶幾荒服見威儀。
建旄已拜專徵命，
補牘應來選事疑。[2]
為語戎行須報國，
早將犁埽達彤墀。

Phiên âm:

Môn khai Thái Ất thử chung trì,
Đồ hỏa quân dung kiếu ngoại tri.

1. Nguyên chú: 是日黎明祭禡出關。(Ngày hôm đó sáng sớm tế cờ ra khỏi cửa quan).
2. Nguyên chú: 先是提督許世亨帶兵出關，數力請巢賊，蒙恩准視師。(Lúc đầu đề đốc Hứa Thế Hanh được lệnh đưa quân qua An Nam nhưng Tôn Sĩ Nghị hết sức xin được tự mình tiễu giặc, được hoàng đế chấp thuận cho cầm quân).

Vị tất ngộ sư đồng trẩm tịch,

Thứ ky hoang phục kiến uy nghi.

Kiến mao dĩ bái chuyên trưng mệnh,

Bổ độc ưng lai tuyển sự nghi.

Vi ngữ nhung hành tu báo quốc,

Tảo tương lê tảo đạt đồng trì.

Dịch nghĩa:

Mở cửa quan lúc sáng sớm thì cũng đã trễ rồi,

Ra quân hùng tráng như thế để cho ngoài biên kiếu thấy.

Gặp việc binh nhung không phải chỉ nằm gối đầu,

Để cho dân đen nơi hoang phục thấy uy nghi.

Đã bái cờ mao theo lệnh của nhà vua,

Giao cho kẻ làm quan văn nên cũng nghi ngờ.

Nói ra đi việc quân để báo đền ơn nước,

Sớm quét sạch lũ giặc để đưa tới bệ đan.

Người dịch chú: Vào thời kỳ này bên ngoài cũng như bên trong Nam Quan, mưa dầm rất nhiều, đường đi lại càng khó khăn, mấy năm liền bị hạn hán nhưng từ vào thu đến nay lại quá nhiều nước, nhiều đoạn đường núi bị ngập. Từ Nam Quan đến Thăng Long, đường khoảng 600 dặm, đi qua ba con sông Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương, nước sông chảy xiết, phải đến trung tuần tháng Mười trời tạnh ráo, quân Thanh lúc ấy mới đi qua được. Bốn ngàn quân lính phòng thủ các ải của tỉnh Quảng Tây vì bị mưa dầm nên rất đông người bị bệnh. Còn quân của tỉnh Quảng Đông bị điều đi từ cuối tháng Chín, nhưng phải sau ngày 20 tháng Một (11 AL) mới đến được Nam Quan.

Tôn Sĩ Nghị không đợi cho quân Quảng Đông đến đủ số đã ra lệnh phát binh, đích thân hối thúc quan binh, cho rằng đã trễ lắm rồi. Ngày 28 tháng Mười, giờ Mão quân Thanh tế cờ mở cửa ải tiến qua. Tôn Sĩ Nghị đích thân đưa 3.800 quân tỉnh Quảng Tây, thêm 1.500 quân tỉnh Quảng Đông, tổng cộng 5.300 người xuất phát, tới Lạng Sơn thì đóng quân đợi viện binh. Ngày 12 tháng Một, thêm 3.500 quân Quảng Đông, 1.200 quân tỉnh Quảng Tây đến, Tôn Sĩ Nghị phân bố 2.000 quân phòng thủ trên đường đi, đưa 8.000 quân tiến lên.

Bức tranh *Tam Dị - Trụ Hữu chi chiến.*

2

圍城襟帶接重洋，[1]

上下思文景物荒。[2]

寅霧蛟涎工揜日，[3]

---

1. Nguyên chú: 諒山城一名圍城，城外有江通洋海。(Thành Lạng Sơn còn có tên là Vi thành, ngoài thành có sông vây quanh thông ra ngoài biển).
2. Nguyên chú: 上文、下文，諒山所屬；上思、下思皆州地名。(Thượng Văn, Hạ Văn là đất thuộc Lạng Sơn, Thượng Tư, Hạ Tư là tên châu thuộc Lạng Sơn).
3. Nguyên chú: 安南多霧，寅時即迷漫四野，土人謂係蛟蜃噓氣。午前不見日。(Nước An Nam có nhiều sương mù, giờ Dần khắp nơi đều mờ mịt, thổ dân bảo là giống giao, giống sò nhả khói, trước giờ Ngọ chưa thấy mặt trời).

[3-27b]

丁男鴉嘴慣耕霜。[1]

入雲坂洞(坡名)盤千折，[2]

夾道翁荼網四張。

最是馬前頻慰勞，

檳榔滿接當壺漿。[3]

Phiên âm:

Vi thành khâm đái tiếp trùng dương,

Thượng hạ tư văn cảnh vật hoang.

Dần vụ giao diên công yểm nhật,

Đinh nam nha chủy quán canh sương.

Nhập vân bản động bàn thiên chiết,

Giáp đạo ông đồ võng tứ trương.

Tối thị mã tiền tần ủy lạo,

Tân lang mãn tiếp đáng hồ tương.

Dịch nghĩa:

Vi thành có sông vây quanh chảy ra ngoài biển,

Các đất Tư, Văn cảnh vật đều hoang tàn.

---

1. Nguyên chú: 該國惟諒山百里內有霜。過此則無，其地一面殖霜一面耕種，土人謂之耕霜。(Nước này chỉ chung quanh Lạng Sơn 100 dặm là có sương, qua khỏi thì không còn nữa, nơi đó một mặt thì sương tan, một mặt cày cấy trồng trọt, dân ở đó gọi là cày sương).
2. Nguyên chú: 呼官為翁荼，出入四人舁網而行。(Gọi quan là ông đồ, khi ra ngoài bốn người khiêng võng mà đi).
3. Nguyên chú: 夾道跪獻檳榔者千百為群。(Ở bên đường số người quỳ mời trầu cau mỗi đám hàng trăm, hàng nghìn).

Giờ Dần rồng thở sương mù che mặt trời,

Đàn ông đi cày qua suốt cả trời sương.

Các bản, các động chìm trong mây quanh co hàng ngàn khúc,

Trên đường "ông đồ" đi võng khắp mọi nơi.

Trước ngựa người ta đến ủy lạo luôn luôn,

Trầu cau đầy hộp thay cho giỏ cơm bầu nước.

Người dịch chú: Theo chú thích của bài thơ, tại Lạng Sơn có những địa danh Thượng Văn, Hạ Văn, Thượng Tư, Hạ Tư nhưng tra trong *Hồng Đức bản đồ* (Viện Khảo cổ, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, 1962) và *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra: Các tổng trấn xã danh bị lãm* (Dương Thị The, Phạm Thị Thoa, Hà Nội: Khoa học xã hội, 1981) không thấy có những địa danh này. *Đồng Khánh địa dư chí* (同慶地輿志) (Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin), École française d'Extrême-Orient, École Pratique des Hautes Etudes, Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), cũng không ghi.

Trước đây, dựa theo dịch giả Trương Đình Chi trong *Tùy Viên thi thoại* (nguyên tác Viên Mai, TP.HCM: Văn nghệ, 2002), các trang 839-841, thoại 569 trích ra hai bài thơ của Tôn Sĩ Nghị, có mấy chi tiết khác nhau. Trong bản của Trương Ấm Hoàn ghi là "*vi thành*", bản Viên Mai ghi là "*loan thành*" và có giải thích của dịch giả là một cách kiêng chữ Long thành "*chỉ được dùng để gọi tên thành của Hoàng đế Trung Hoa*" (*Tùy Viên thi thoại*, trang 839). Theo thứ tự của 10 bài thơ trích từ *Tam Châu nhật ký* thì đây là chỉ thành Lạng Sơn hợp lý hơn. Bài thơ này miêu tả cảnh tượng Lạng Sơn khi Tôn Sĩ Nghị vừa đem quân qua An Nam.

Chúng ta cũng biết thêm Lạng Sơn nhiều sương mù và sinh hoạt của nông dân làm việc vất vả. Các quan nước ta cũng di chuyển bằng võng như còn thấy tận đầu thế kỷ XX. Trong bài này hai tiếng "*ông đồ*" là tiếng nước ta được nhấn mạnh để phân biệt về phương thức vận chuyển của hai nước. Ở An Nam, người

giàu sang đi võng do hai người khiêng, thêm một người cầm lọng che và một người mang tráp, điếu. Trong khi đó, bên Trung Hoa, người ta di chuyển bằng kiệu, tùy theo vị thế và tước vị mà số người khiêng thay đổi cũng như khiêng bằng tay hay đặt đòn khiêng trên vai (*kiên dư*).

Họ Tôn cũng khoe khoang việc dân chúng ra đón và mời trầu cau như một hình thức đón chào đoàn quân viễn chinh. Theo ngoại sử, khi quân Thanh tiến vào Lạng Sơn có một số thổ mục đem rượu thịt ra đón rước nhưng thời kỳ đó, chiến tranh lại thêm mất mùa và đói kém nên tình hình dân chúng rất bi đát. Việc tụ tập hàng trăm hàng nghìn (*thiên bách vi quần*) chỉ là đại ngôn. *Hồ tương* là viết tắt của *đan thực hồ tương* (簞食壺漿), chỉ việc dân chúng đem thực phẩm, nước uống ra đón quân Thanh. Việc dân chúng ra đón rước có lẽ là do Phan Khải Đức (khi đó là trấn thủ Lạng Sơn đã về hàng quân Thanh) tổ chức để lấy lòng quân Thanh và lập công với Tôn Sĩ Nghị.

3

羊腸留綫虎留蹤，
開道蒙茸路久封。[1]
毋嶺群狙晨伏莽，[2]
鬼門燐火夜乘墉。[3]
宣旬竊欲方朱儁，[4]

1. Nguyên chú: 江漢一路多荏苒，藤雜糾結，商賈十年不行，賊人疑大兵斷不由此。 (Đường qua Giang Hán rất nhiều cỏ lau, cỏ qui, dây leo chằng chịt, người đi buôn mười năm rồi không đi qua, quân giặc nghĩ rằng đại binh [quân Thanh] không đi theo đường này).
2. Nguyên chú: 母子嶺極為險峻，數日前賊兵伏此。 (Núi Mẫu Tử (Khảo Mẹ, Khảo Con) cực kỳ hiểm trở, mấy ngày trước có quân giặc mai phục nơi đây).
3. Nguyên chú: 原名鬼門關，於康熙年間更名畏天關，草木蔽天，幾不得路。 (Tên gốc là Qui Môn Quan, năm Khang Hi đổi là Úy Thiên Quan, cây cỏ mọc che cả trời, nhiều nơi không có đường đi).
4. Nguyên chú: 朱酋以兵五千分道進剿交逆梁龍，旬月而定， 毅魄效之。緣極南地熱瘴盛，勢難久留也。 (Chu Tuấn đem 5.000 quân chia đường tiến đánh

來晚應知愧賈悰。

多少步兵齊繭足，

敢因下馬便支筇。[1]

Phiên âm:

Dương trường lưu tuyến hổ lưu tung,

Văn đạo mông nhung lộ cửu phong.

Mẫu Lĩnh quần thư thần phục mãng,

Quỉ Môn lân hỏa dạ thừa dung.

Tuyên tuần thiết dục phương Chu Tuấn,

Lai vãn ưng tri quý Giả Tông.

Đa thiểu bộ binh tề kiển túc,

Cảm nhân hạ mã tiện chi cung.

Dịch nghĩa:

Đường quanh co như ruột dê có những dấu chân cọp,

Nghe nói rằng dấu tích mờ mịt lâu nay không người đi qua.

Bọn giặc giảo quyệt mấy hôm trước mai phục ở Mẫu Tử Lĩnh,

Quỉ Môn quan ban đêm ánh lửa lấp lánh ở cái thành nhỏ.

Mong rằng cũng chỉ trong tuần nhật là xong như Chu Tuấn,

Đến chậm thấy quả là hổ thẹn với Giả Tông.

Hầu hết quân sĩ đều phải đi bộ đến sưng chân,

Vì vậy ta cũng xuống ngựa chống gậy đi cùng với họ.

---

giặc người Giao là Lương Long, một tuần là xong, thật là ra sức. Có điều ở phía cực nam thì nóng nực, nhiều chướng khí, thế không thể ở lâu được).

Giả Tông (賈琮), tự Mạnh Kiên, đỗ hiếu liêm, làm thứ sử Giao Chỉ, dân chúng than rằng sao ông đến quá chậm khiến cho dân phải làm phản. Sau làm thứ sử Ký Châu.

1. Nguyên chú: 險峻處，率同官下馬步行前進。 (Gặp nơi hiểm trở phải cùng các quan xuống ngựa đi bộ tiến lên).

Người dịch chú: Từ Nam Quan đến Lạng Sơn đường sá còn bằng phẳng dễ đi nhưng ra khỏi Lạng Sơn phải qua một con sông (sông Kỳ Cùng), hàng tướng nhà Tây Sơn là Phan Khải Đức cho chặt tre làm bè kết thành cầu phao quân Thanh mới qua được.

Ngày mồng một tháng Một năm đó, Tôn Sĩ Nghị bàn với Hứa Thế Hanh chia quân thành hai ngả:

- Đạo quân thứ nhất theo phía trái đường Mai Pha (枚坡) do tri huyện Lâm Tế Thanh dẫn xưởng dân (tức phu phen từ bên Tàu sang khai mỏ ở nước ta) và đám quân cần vương dẫn lộ. Đường phía này vừa hẹp vừa hiểm trở nên chỉ có 1.000 quân Thanh đi theo.

- Đường thứ hai theo Giang Hán (江漢) ở cánh hữu tỉnh Lạng Sơn do Phan Khải Đức tuyển thổ binh đưa lối[1], đi theo các ngả Nhân Lý (仁里), Đường Giáp (唐甲), Mai Tiêu (枚梢), Quang Lang (栚榔)... Vào thời này, vì tình hình loạn lạc nên trộm cướp nổi lên như rươi, không ai dám qua lại. Suốt đoạn đường này chỉ có hai chỗ tương đối khó đi là Núi Mẹ Con (Mẫu Tử Lãnh) và Úy Thiên Quan (tên thường gọi là Quỉ Môn Quan). Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì cách châu Ôn 11 dặm về phía tây có núi Kháo gồm hai ngọn, một cao một thấp gọi là "*kháo mẹ, kháo con*", trên đỉnh có đường lớn cho sứ bộ đi, khách buôn bán cũng qua đường này. Phía nam châu Ôn thì có Quỉ Môn Quan, thuộc xã Chi Lăng, đường hẹp, khó đi, hiểm trở, nước độc, đá hình như đầu ma, đầu quỉ nên đặt như thế. Khi sứ bộ Trung Hoa sang sách phong cho vua Lê đổi tên thành Úy Thiên Quan (quyển 4, tr. 377, 387).

Tôn Sĩ Nghị tiến quân theo đường Lạng Sơn thấy nơi nơi nhà cửa tiêu điều, xóm làng tan nát vì chiến tranh lâu nay, nhiều nơi còn cả xương trắng lẫn xác người thối rữa. Ngày mồng 6 tháng Một, đốc tiêu quân tỉnh Quảng Đông lại tăng viện thêm 1.000 người nữa.

---

1. *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập*, quyển 9 (1976), "Ngự chế thi", Tập V, quyển 43, tr. 34.

Đoàn quân đi theo hướng Mai Pha vì đường khó đi nên lại phải chia thành hai nhánh, một đội theo lối Đài Cao (苔高) và Cúc Thung (菊椿), một đội vẫn theo lối Mai Pha rồi gặp lại ở Gia Quan (嘉關). Quân Tây Sơn đóng ở Gia Quan nghe thanh thế quân Tàu quá lớn nên rút lui để bảo tồn lực lượng, giao binh khí, súng ống, thuốc nổ lại cho thổ quan Phan Khâm Doãn (潘欽允) thống lãnh dân chúng chống giữ nhưng khi quân Thanh tới vây đánh, Phan Khâm Doãn và Hoàng Ngọc Bá (黃玉伯) liền ra hàng.

Quân Tây Sơn rút về giữ Tiên Lệ (先麗), Cần Dịch (芹驛), Ha Hộ (訶詁), Trụ Hữu (柱右), dựa vào thế đất hiểm trở để ngăn giặc. Vì quân Thanh còn đang tiếp tục tiến qua, Tôn Sĩ Nghị ra lệnh cho đóng quân lại chờ cho đủ để cùng tiến.

4

龍城新鑄赫連刀，[1]

[3-28a]

要斬生蠶斷巨鰲。

萬里戎王歸信杳，

三江戍壘陳雲高。[2]

韋先鄭犒情原怯，[3]

蒜有齊烏計必逃，[4]

烈炬連空狼穴靜，

---

1. Nguyên chú: 令將士短兵殺賊，鑄純鋼刀五百柄。 (Ra lệnh cho tướng sĩ dùng đoản binh [vũ khí ngắn] giết giặc nên đúc 500 thanh dao bằng thép).
Hách liên đao là một loại dao đi rừng miền thượng du.
2. Nguyên chú: 時未悉黎嗣信。 (Lúc này chưa nghe tin tức của Lê tự tôn [tức vua Chiêu Thống]).
3. Nguyên chú: 阮賊遣頭目餽牛羊，頗大兵不往斥之。 (Nguyễn tặc cho đầu mục đem bò dê đến khao quân, xin đại binh đừng đến, bèn bác đi).
4. Nguyên chú: 所謂賊也，半屬空寨。 (Những đồn của bọn giặc khi gặp thì một nửa không còn ai).

斯斯競向朔風號。[1]

Phiên âm:

Long thành tân chú hách liên đao,

Yếu trác sinh đà đoạn cự ngao.

Vạn lý nhung vương quy tín yểu,

Tam giang thú lũy trận vân cao.

Vi tiến trịnh khao tình nguyên khiếp,

Mạc hữu tề ô kế tất đào.

Liệt cự liên không lang huyệt tĩnh,

Tư tư cánh hướng sóc phong hào

Dịch nghĩa:

Những đao hách liên mới rèn ở Long thành,

Muốn chém cá sấu và ba ba lớn.

Tin tức về vua rợ mờ mịt xa vạn dặm,

Ba con sông là lũy chặn tiếp mây bày ra.

Đem đồ đến khao quân khiếp sợ xin tha,

Bên trong đồn lộn xộn bỏ chạy cả rồi.

Lửa cháy hang chồn cáo đều yên tĩnh,

Chỉ thấy gió bấc rít lên mà thôi.

Người dịch chú: Trên đường tiến quân của Tôn Sĩ Nghị từ Lạng Sơn xuống Thăng Long, nước ta trước nay vẫn dựa vào ba

1. Nguyên chú: 派總兵張朝龍、游擊張純於枯詁、訶盧等處，兩路夾攻，匪眾潰竄，盡埽巢穴，歸報。(Sai tổng binh Trương Triều Long, du kích Trương Thuần hai đường giáp công các nơi Khô Cổ, Ha Lò, bọn phỉ bỏ trốn, phá sạch sào huyệt của chúng rồi về báo).

con sông lớn là sông Cầu, sông Thương và Nhĩ Hà để sắp xếp phòng tuyến cự địch. Vì chủ trương chỉ đánh cầm chừng làm chậm đường tiến quân nên khi quân Thanh đi đến đâu, quân Tây Sơn đều rút lui.

Tôn Sĩ Nghị đắc chí với tốc độ tiến quân mau chóng và tin rằng quân Thanh đi đến đâu thì các tướng lãnh Tây Sơn sẽ bỏ chạy và không bao giờ quay trở lại. Nỗi quan tâm của họ Tôn bây giờ là làm sao tìm được vua Chiêu Thống để tái lập vương triều nhà Lê, làm cơ sở cho việc vua nước Nam sang dự lễ Bát tuần khánh thọ của vua Càn Long vào năm Canh Tuất (1790) vốn là chủ trương của ông ta ngay từ đầu để làm vừa lòng hoàng đế và lập công trên hoạn lộ.

Cũng trên đoạn đường tiến quân này, nhiều trận đánh nhỏ đã được Tôn Sĩ Nghị tô điểm thành những chiến công lẫy lừng và dựa vào đó, vua Càn Long đã sai họa gia vẽ thành bộ *Bình định An Nam chiến đồ*. Ba bức tranh miêu tả các trận đánh ở Gia Quan - Ha Hộ, Tam Dị - Trụ Hữu, Thọ Xương chính là khung cảnh mà họ Tôn miêu tả trong bài thơ này.

Bức tranh *Thọ Xương giang chi chiến.*

5

闘虎聲中喋血鮮,

臨江士氣倍爭先。[1]

撓星遠落三層外,[2]

炮火還奔五步前。

豈有夜郎能自大,

果然飛騎竟從天。[3]

戰場直已成京觀,

此劫應消幾百年。

Phiên âm:

Hám hổ thanh trung điệp huyết tiên,

Lâm giang sĩ khí bội tranh tiên.

Sam tinh viễn lạc Tam Tầng ngoại,

Pháo hỏa hoàn bôn ngũ bộ tiền.

Khởi hữu Dạ Lang năng tự đại,

Quả nhiên phi kỵ cánh tung thiên.

Chiến trường trực dĩ thành kinh quan,

Thử kiếp ưng tiêu kỷ bách niên.

---

1. Nguyên chú: 市球江賊氣甚惡，我軍血戰兩晝夜不息，不能廢食，遂獲全勝。(Ở sông Thị Cầu giặc đánh rất hăng, quân ta [tức quân Thanh] huyết chiến hai ngày đêm không nghỉ, không ăn uống nhưng toàn thắng).

2. Nguyên chú: 駐軍三層山，即市球江岸。(Đóng quân ở núi Tam Tầng, bên bờ sông Thị Cầu).

3. Nguyên chú: 夜半令總兵張朝龍於左邊二十五里外潛渡彼岸，繞出賊營後，直搗中堅，賊始潰亂。(Nửa đêm ra lệnh cho tổng binh Trương Triều Long sang phía bên trái cách 25 dặm lén qua bờ bên kia, vào quấy phá sau doanh của địch rồi đánh thẳng vào trung quân, giặc phải bỏ chạy).

Dịch nghĩa:

Trong tiếng hổ gầm có chóp chép mùi máu tươi,

Đến sông quân sĩ hăng hái tranh lên trước.

Sao mờ ở phía bên kia núi Tam Tằng,

Súng nổ còn chạy thêm năm bước nữa.

Bọn Dạ Lang kia sao dám tự đại,

Quả nhiên quân phi kỵ có thể bay lên trời.

Chiến trường nay đã thành bãi tha ma,

Kiếp này có thể mất đi mấy trăm năm.

Người dịch chú: Trong bài thơ này, Tôn Sĩ Nghị đề cao việc quân Thanh hăng hái tiến lên vì đến đâu quân Tây Sơn cũng đều rút lui trước. Khi đốc trấn Lạng Sơn là Phan Khải Đức ra hàng và tình nguyện làm hướng đạo cho đối phương, đại tư mã Ngô Văn Sở sai Hoán Nghĩa hầu Trần Danh Bính đem quân lên tìm cách lấy lại Lạng Sơn. Tuy nhiên, thấy thế giặc mạnh, Trần Danh Bính lại cũng theo giặc nốt.

Để chiêu dụ hai người, Ngô Văn Sở gửi một bức thư kêu gọi họ trở về trong đó có những câu:

> *... Nước ta tuy nhỏ nhưng vẫn dựa vào lẽ trời, từ xưa cũng có lúc hưng lúc phế, cũng là sự thường. Ngày nay vương nghiệp đang lên, ấy cũng là thuận lòng trời vậy. Nội địa tuy có tinh binh trăm vạn nhưng cũng không qua khỏi cái lẽ phế hưng, nếu như muốn xâm lấn nước ta thì lấy cái danh nghĩa gì?*
>
> *Các ông há chẳng thấy vương thượng chúng ta anh võ như thế nào, binh tinh tướng dũng như thế nào, khi mới khởi nghĩa chỉ lừa thưa một nhóm, thế mà Chiêm Thành, Xiêm La đều thua xiểng liểng, huống hồ hôm nay đã có toàn cõi*

nước Việt ta, đất rộng dân đông, gấp trăm lần khi trước, nhưng cũng đã sai sứ trình lên một niềm cung thuận. Nước lớn có chinh phạt chi binh thì nước nhỏ cũng có kế sách chống đỡ, các ông việc gì mà phải lo?[1]

Lá thư này đã đưa Trần Danh Bính quay về nhưng Phan Khải Đức lại trình lên cho Tôn Sĩ Nghị xem. Vì thế họ Tôn cho rằng nước ta "*Dạ Lang tự đại*", nay đến đâu rút lui đến đó càng làm cho y tin tưởng hơn về suy đoán của mình.

Tích Dạ Lang lấy từ *Sử ký*, "Tây Nam Di liệt truyện", thời Hán Võ Đế, vì muốn liên minh với các nước nhỏ ở tây nam Trung Hoa, để chinh phục và tìm kiếm đường đi sang Ấn Độ nên sai sứ thần đến thuyết phục. Vua Điền (Vân Nam) và vua nước Dạ Lang (một nước nhỏ khác) đều hỏi: Nước Hán so với nước ta thì đâu rộng hơn? Về sau thành ngữ Dạ Lang tự đại để chỉ việc tiểu quốc không biết phận mình, dám sánh với đại quốc như trong đoạn văn của Ngô Văn Sở nêu trên.

Trần Danh Bính về sau lại bị quân Thanh bắt được đem ra chém đầu, coi như một chiến tích vẻ vang của Tôn Sĩ Nghị. Đó chính là lý do họ Tôn đã tự ví mình như Gia Cát Lượng bắt rồi thả, rồi bắt lại tướng giặc Mạnh Hoạch đời Tam Quốc.

Bức tranh *Thị Cầu giang chi chiến*.

1. Nguyễn Duy Chính dịch.

6

獲醜紛難詰姓名，

[3-28b]

一時駢首動哀鳴。[1]

編籬那許羝羊觸，

漂杵常教草木腥。

人說妖氛連四鎮，

我憐殺氣壓三城。[2]

軍門執法臣應爾，

聖德如天本好生。

Phiên âm:

Hoạch xú phân nan cật tính danh,

Nhất thời biền thủ động ai minh.

Biên ly na hứa dê dương xúc,

Phiêu chử thường giao thảo mộc tinh.

Nhân thuyết yêu phần liên tứ trấn,

Ngã liên sát khí áp tam thành.

Quân môn chấp pháp thần ưng nhĩ,

Thánh đức như thiên bản hiếu sinh.

Dịch nghĩa:

Bắt được giặc dâu cần phải hỏi tên làm gì,

Trước ngựa vang lên tiếng kêu khóc.

---

1. Nguyên chú: 連日生擒正法七百餘人。(Mấy ngày liền bắt sống và chém đầu hơn 700 người).

2. Nguyên chú: 黎城內土城一、磚城一。(Bên trong Lê thành có một thành đất và một thành bằng gạch).

Bờ rào đâu để cho dê húc vào,

Quấy nước để gạn lấy giống thảo mộc tanh hôi.

Người ta bảo yêu quái có khắp bốn trấn,

Ta thương cho sát khí đầy cả ba thành.

Ở nơi quân giữ phép nên bầy tôi phải vậy,

Đức của thánh thượng như trời vốn hiếu sinh.

Người dịch chú: Theo bài thơ này chúng ta biết được Tôn Sĩ Nghị khi đem quân sang nước ta đã lạm sát tù, hàng binh và dân chúng rất nhiều. Theo chính những thư từ gửi về triều, Tôn Sĩ Nghị giết hết những người dân nghèo khổ buôn bán trong thành Thăng Long, lấy lý do là do thám cho Tây Sơn.

Việc giết người để tỏ ra rằng việc Nam chinh hùng tráng và cam go cho thấy bản chất của đoàn quân này và chúng ta cũng biết thêm rằng việc miêu tả thổi phồng các chiến tích chỉ là những điều không thật. Đây cũng là hình thức lấy lòng vua Càn Long vì trong những mật dụ, Thanh đế có nhắn nhủ Tôn Sĩ Nghị phải để phòng gian tế do thám nên nhân dịp này y chém giết những người dân bị bắt, trong báo cáo mỗi ngày vài chục người để tâu lên làm như hoàng đế có viễn kiến nhìn xa trông rộng. Việc dành cho nhà vua những công lao, chẳng hạn việc đưa ra mưu kế "*Minh tu Sạn Đạo, ám độ Trần Thương*" (kế của Hàn Tín giả vờ tu sửa sạn đạo rồi lẻn đem quân đánh theo đường Trần Thương) ở sông Thị Cầu hay việc phòng ngừa gian tế ở Thăng Long đều là thủ thuật làm quan của Tôn Sĩ Nghị.

7

左鞍右傘古交州，[1]

鼓角殷江夜哭稠。

1. Nguyên chú: 黎城左鞍于山，右傘于山，富良江纏抱左右。(Bên trái của Lê thành có núi Yên Tử, bên phải có núi Ba Vì, sông Phú Lương ôm vòng hai bên).

搜粟幾時停校尉，[1]

立功畢竟數兜鍪。[2]

斬祛僅免思公子，[3]

釋縛還擒送孟酋。[4]

一事尚教懸聖慮，

前軍未送月氏頭。[5]

Phiên âm:

Tả Yên hữu Tản cổ Giao Châu,

Cổ giác ân giang dạ khốc trù.

Sưu túc kỷ thời đình hiệu úy,

Lập công tất cánh sổ đâu mâu.

Trảm khư cận miễn tư công tử,

Thích phược hoàn cầm tống Mạnh tù.

Nhất sự thượng giao huyền thánh lự,

Tiền quân vị tống nguyệt để đầu.

Dịch nghĩa:

Đất Giao Châu xưa bên trái có núi Yên Tử, bên phải có núi Ba Vì,

---

1. Nguyên chú: 安南兵食概取諸民。(Quân lính An Nam dùng thực phẩm từ chính dân chúng của họ).

2. Nguyên chú: 時諸將用命，將弁並給花翎。(Khi đó chư tướng theo lệnh hoàng đế tướng biện được cấp hoa linh [lông chim cài lên trên mũ]).

3. Nguyên chú: 國王母弟為刺客傷中要害，殆甚。(Em trai cùng mẹ của quốc vương [đây là hoàng đệ Lê Duy Chi] bị thích khách đâm trúng nơi yếu hại rất là nguy hiểm).

4. Nguyên chú: 賊將陳文奶既降复叛，命副將慶成生致之。(Tướng giặc là Trần Văn [Danh] Binh hàng rồi lại phản, ra lệnh cho phó tướng Khánh Thành bắt sống đem tới).

5. Nguyên chú: 謂賊首阮惠。(Nói về đầu sỏ giặc Nguyễn Huệ).

Tiếng trống lẫn tiếng sông ầm ầm ban đêm vẫn còn rền rĩ.

Góp thóc đã phải cách chức hiệu úy mấy lần rồi,

Lập công nhiều võ tướng từng ra sức.

Nghĩ đến công tử bị đuổi chém,

Thả rồi bắt giống như Mạnh Hoạch ngày xưa.

Việc này vẫn còn khiến cho thánh thượng phải lo nghĩ,

Vì chưa lấy được đầu giặc đưa đến trước quân.

Người dịch chú: Trong bài thơ này, Tôn Sĩ Nghị tóm lược những biến cố chính trong khi tiến quân. Những chi tiết về núi non, sông ngòi của nước ta cho thấy họ Tôn đã nghiên cứu kỹ các tài liệu cũ từ thời Nguyên Minh về những lần tiến quân trước khi sang đánh An Nam.

Ngoài ra, Tôn Sĩ Nghị cũng nhắc lại một số chi tiết mà ông đã tâu về triều đình trong đó có việc giao cho quân nhà Lê thu góp thóc lúa để nuôi quân. Việc đòi hỏi lương thực vào giai đoạn mà miền Bắc đang khó khăn, mùa màng thất bát đưa đến những oán ghét đoàn quân viễn chinh, mặc dầu trên thực tế, quân Thanh không lệ thuộc vào thực phẩm mua hay lấy được ở miền Bắc vì họ đã thiết lập một hệ thống đài trạm rất quy mô để chuyển lương từ các tỉnh miền nam Trung Hoa xuống Thăng Long.

Hai chi tiết quân sự Tôn Sĩ Nghị nhắc đến là việc ông hoàng Ba Lê Duy Chỉ bị thích khách chém trọng thương và việc bắt được Trần Danh Bính để tự ví như Gia Cát Lượng ngày xưa bắt rồi thả Mạch Hoạch khi đánh phương nam.

Bức tranh *Phú Lương giang chi chiến*.[1]

8

約法森嚴日幾巡，[2]

[3-29a]

滿城焦爛痛遺民。[3]

師貞行指逋逃藪，[4]

巽命先加草莽臣。[5]

鉅野戰難忘每飯，

有苗格或待經旬。[6]

---

1. Các bức tranh này trong bộ *An Nam chiến đồ*, trích từ *Thanh sử đồ diễn* (*Thanh triều thông sử đồ diễn* VI: Càn Long triều (Thượng), Chu Thành Như chủ biên, Cố cung Bác vật viện biên soạn, Tử Cấm Thành xuất bản xã, 2002), tr. 95-97.
2. Nguyên chú: 克復黎城後，禁止升兵不許一人入城。 (Sau khi khắc phục Lê thành, cấm chỉ không cho biền binh bất cứ một ai vào trong thành).
3. Nguyên chú: 居民呈訴阮賊戕害情形甚慘。 (Người dân trình rằng tình hình giặc Nguyễn giết hại rất là thê thảm).
4. Nguyên chú: 擬裹糧直搗賊巢。 (Tính toán việc lương thực để đánh vào sào huyệt giặc).
5. Nguyên chú: 剚孫黎維祁承襲國王。 (Tự tôn Lê Duy Kỳ nối ngôi quốc vương).
6. Nguyên chú: 自出關至克復黎城，剛閱兩旬，賊首阮惠是否投出，姑且俟之。 (Từ khi ra khỏi cửa quan đến lúc khắc phục Lê thành tính ra cũng đã 20 ngày nhưng đầu sỏ giặc là Nguyễn Huệ chưa thấy ra đầu thú, ta đành đợi vậy).

出關事事勞宸斷,

萬里還同幾席親。

Phiên âm:

Ước pháp sâm nghiêm nhật kỷ tuần,

Mãn thành tiêu lạn thống di dân.

Sư trinh hành chỉ bô đào tẩu,

Tốn mệnh tiên gia thảo mãng thần.

Cự dã chiến nan vong mỗi phạn,

Hữu miêu cách hoặc đãi kinh tuần.

Xuất quan sự sự lao thần đoạn,

Vạn lý hoàn đồng kỷ tịch thân.

Dịch nghĩa:

Phép tắc nghiêm nhặt trong mấy tuần nay,

Khắp thành hoang tàn thương cho dân chúng phải chạy loạn.

Đem quân vào nơi những kẻ chạy trốn,

Nhận lệnh trước phải phong tước cho bầy tôi thảo mãng.

Chiến đấu ở bên ngoài không quên mỗi bữa ăn,

Muốn cảm hóa giặc nên phải dợi mấy tuần nay.

Ra khỏi cửa mọi việc đều khiến hoàng thượng phải lo,

Xa vạn dặm mà thân thiết như cùng trên một chiếu.

Người dịch chú: Theo lời tâu của Tôn Sĩ Nghị, sau khi triều đình Lê Duy Cẩn "*ra hàng*", họ Tôn cùng một số võ tướng vào thị sát thành Thăng Long rồi đóng quân ở bờ sông Nhĩ Hà, không cho quân lính vào thành quấy nhiễu dân chúng.

Theo quan sát của Tôn Sĩ Nghị, thành Thăng Long bên ngoài có tường đất, trên trồng tre, lối kiến trúc đơn giản mà gần đây chúng ta còn thấy gọi là "*lũy tre*". Bên trong có một thành nhỏ hơn xây bằng gạch, trong nữa có cung điện vua Lê, chúa Trịnh và các dinh thự mà họ Tôn nói là không lớn lắm. Kinh thành khi đó hoang tàn vì nhiều năm chiến tranh, dân chúng đói khổ, nhà cửa tiêu điều...

Ngày hôm sau, Tôn Sĩ Nghị vào kinh đô làm lễ sắc phong cho vua Chiêu Thống lên làm An Nam quốc vương rồi chia binh trấn giữ các nơi chung quanh, bảo vệ hoàng thành. Quân nhà Lê, phần lớn là các nghĩa dũng do đại thần chiêu dụ được thì tiến xuống phía nam để chặn quân Tây Sơn đề phòng đánh lên.

Sau đó, vì việc truyền tin mất nhiều thời gian, trong gần một tháng Tôn Sĩ Nghị chỉ án binh bất động, và vài động tác rất phường tuồng như gửi thư dọa nạt Nguyễn Huệ, hẹn ra Tết sẽ thử tài nhưng thực tế là trông ngóng chờ lệnh từ bên trên. Bài thơ cũng cho thấy mọi việc đều do - hay Tôn Sĩ Nghị giả vờ như thế - vua Cao Tông định đoạt từ trung ương nên thiếu hẳn sự linh động trong việc điều binh, đưa đến việc Nguyễn Huệ dồn sức đánh úp mùa xuân năm Kỷ Dậu khiến quân Thanh đại bại, nhiều tướng lãnh cao cấp tử thương.

9

金章翠軸雁飛翔，

頫首殊恩下九閽。[1]

已分紀侯成大去，

忽令衛國慶忘亡。

---

1. Nguyên chú: 時從驛遞頒黎維祁襲封印敕。 (Khi đó dịch mã chạy [từ Bắc Kinh xuống] ban ấn sắc tập phong cho Lê Duy Kỳ).

租庸不稅尖方土，[1]

帶礪仍然異姓王。[2]

底事烏孫消息斷，

澄江無際望宣光。[3]

Phiên âm:

Kim chương thúy trục nhạn phi tường,

Phủ thủ thù ân hạ cửu xương.

Dĩ phận kỷ hầu thành đại khứ,

Hốt linh vệ quốc khánh vong vong.

Tô dung bất thuế tiêm phương thổ,

Đới lệ nhưng nhiên dị tính vương.

Để sự Ô Tôn tiêu tức đoạn,

Trừng giang vô tế vọng Tuyên Quang.

Dịch nghĩa:

Sắc vua, trục ngọc theo chim nhạn bay đến,

Cúi đầu nhận nhiều ơn ban xuống cho nước nhỏ.

Vốn có phận chư hầu bỗng qua đi,

Liền ra lệnh bảo vệ nước cho khỏi mất.

---

1. Nguyên chú: 屢奉諭旨，惟在繼絕存亡，不利寸土。安南向行租庸調法，今則不然矣。(Mấy lần nhận dụ chỉ giữ cho kẻ tuyệt tồn vong [nối dòng đứt, làm sống lại đã mất], không kiếm lợi một tấc đất đai. An Nam từ xưa đến nay vốn theo phép tô dung [thu thuế kiểu đời Đường], nay sẽ không chịu [theo cách khác]).

2. Nguyên chú: 黃河細得象條衣帶，泰山小得象塊磨刀石。比喻時間久遠，任何動盪也決不變心。(Sông Hoàng Hà giống như dai buộc áo, núi Thái Sơn giống như hòn đá mài, ý nói dù bao lâu nữa cũng không đổi ý [*Sử ký*]).

3. Nguyên chú: 宣光江發源雲南，教化長官司入交境時，望烏提軍信不得。(Sông Tuyên Quang phát nguyên từ Vân Nam. Có bảo trưởng quan các ti khi vào địa giới Giao Chỉ thì trông đợi tin quân của đề đốc Ô Đại Kinh nhưng chưa nhận được).

Không đánh thuế cũng không lấy đất,

Quyết không để cho họ khác đến xưng vương.

Sao tin tức Ô [Đại Kinh], *Tôn* [Sĩ Nghị] *lại không thông được với nhau,*

Nước sông trong vẫn ngóng về hướng Tuyên Quang.

Người dịch chú: Để kịp làm lễ phong vương cho Lê Duy Kỳ, vua Càn Long đã cho đem hỏa tốc sắc, ấn sang Thăng Long công nhận vua Chiêu Thống là An Nam quốc vương. Tôn Sĩ Nghị cũng nhân dịp này bố cáo cho mọi người biết công lao "*hưng diệt kế tuyệt, tự tiểu tồn vong*" của nhà Thanh đã vì thuộc quốc mà hưng sư lấy lại nước. Tôn Sĩ Nghị cũng nhắc lại chủ đích của triều đình không lấy đất, không bắt dân mà chỉ cốt sao giữ được dòng chính thống cho họ Lê.

Đến giờ phút đó, đoàn quân của hai tỉnh Vân - Quý đi theo đường Tuyên Quang xuống Thăng Long chưa có tin tức nên Tôn Sĩ Nghị vẫn trông ngóng có thêm viện binh trước khi tính toán một kế hoạch xa hơn.

Theo *Khâm định An Nam kỷ lược*, mãi đến ngày Tết năm Kỷ Dậu Ô Đại Kinh mới đến Thăng Long gặp Tôn Sĩ Nghị và được Tôn Sĩ Nghị giao cho việc tiếp nhận nếu như Nguyễn Huệ đến gặp y để xin hàng. Tính toán chủ quan của quân Thanh đưa đến việc đại bại trận Kỷ Dậu.

10

[3-29b]

裘帶居然遍百蠻，[1]

---

1. Nguyên chú: 雲貴四川俱為毅宦轍所經，己丑、庚寅間隨經略傅文忠公出師緬甸。([Tôn Sĩ] Nghị đã từng làm quan ở đất Vân [Nam] Quý [Châu], Tứ Xuyên. Trong khoảng Kỷ Sửu, Canh Dần (1769 - 1770) lại theo Văn Trung công Phó Hằng đem quân sang đánh Miến Điện).

洱河恩許唱刀環。[1]

伏波跡已埋銅柱，[2]

定遠心原戀玉關。

二月花穠黃木渡，[3]

三年香染紫宸班。[4]

祇因妖烏巢猶在，

夢繞羅平未肯還。[5]

Phiên âm:

Cừu đới cư nhiên biến bách man,

Nhĩ Hà ân hứa xướng đao hoàn.

Phục Ba tích dĩ mai đồng trụ,

Định Viễn tâm nguyên luyến ngọc quan.

Nhị nguyệt hoa nùng Hoàng Mộc độ,

Tam niên hương nhiễm tử thần ban.

Chỉ nhân yêu điểu sào do tại,

Mộng nhiễu la bình vị khẳng hoàn.

---

1. Nguyên chú: 時奉班師之命。(Khi đó được lệnh ban sư [đem quân về]).
2. Nguyên chú: 詢之土人云銅柱沒土中不可復見。(Hỏi thổ nhân thì họ nói rằng trụ đồng nay chìm xuống đất không còn thấy nữa).
3. Nguyên chú: 黃木渡，在廣州府城外。(Bến Hoàng Mộc ở tại bên ngoài phủ thành Quảng Châu).
4. Nguyên chú: 現值三年述職之期，回兵後即入都。(Hiện nay đã đến kỳ hạn ba năm, khi lui quân rồi sẽ lập tức được trở về kinh đô).
Vua Càn Long hứa sẽ cho Tôn Sĩ Nghị về kinh sau khi ra ngoài ba năm.
5. Nguyên chú: 賊巢未滅，深感烈士暮年之語。(Sào huyệt của giặc chưa phá được thì vẫn còn nghĩ đến lời nói của người xưa).

Dịch nghĩa:

Từng mặc áo cừu và đai đến làm quan khắp các xứ man,

Nhà vua đã bằng lòng cho rút quân khi đang ở Nhĩ Hà.

Trước đây Văn Uyên đã chôn cột đồng,

Định Viễn lòng vẫn nhớ về Ngọc [môn] *quan.*

Ở bến Hoàng Mộc hoa tháng Hai nở rộ,

Ba năm rồi sẽ lại được hưởng mùi hương nơi điện tía.

Chỉ vì cái tổ con chim yêu vẫn còn đó,

Nên giấc mộng trở về kinh đô chưa thỏa nguyện.

Người dịch chú: Hoạn lộ của Tôn Sĩ Nghị tương đối dài và trải qua nhiều chức vụ, nhiều nhiệm sở khác nhau. Ông lại tự hào là đã theo Phó Hằng sang đánh Miến Điện nên quen thuộc với người man ở phương nam, nắm vững cách thức chinh phục những dân tộc thiểu số.

Trong bài thơ này, ông tự sánh mình với Mã Viện (Mã Văn Uyên tức Phục Ba tướng quân) là người từng sang đánh Hai Bà Trưng và lập cột đồng ở biên giới, Ban Siêu (Định Viễn hầu) dem quân đánh Tây Vực là những danh tướng đời Hán từng đem quân chinh phạt các tiểu quốc ở chung quanh. Họ Tôn cũng đề cập tới việc mình sẽ trở về kinh đô như lời hứa của vua Càn Long nói rằng sau ba năm ở bên ngoài sẽ được về triều phục vụ. Nay vì phải đem quân sang nước ta và chưa phá xong hang ổ của dịch (khi đó Nguyễn Huệ còn đang ở Phú Xuân) nên chưa dám rút quân về.

Tâm lý tự mãn và kẻ cả cho thấy Tôn Sĩ Nghị vẫn tưởng rằng uy lực của nhà Thanh đã khiến cho Nguyễn Huệ phải rút khỏi Thăng Long và không còn tính đường quay lại nữa. Sự chủ quan đó cũng là một trong những lý do thất bại của Trung Hoa trong trận đánh mùa xuân năm Kỷ Dậu.

KẾT LUẬN

Nếu so sánh những bài thơ của Tôn Sĩ Nghị với nội dung trong bài thơ liên hoàn mà vua Càn Long cùng các học sĩ khai bút tại Trùng Hoa Cung ngày mồng Một Tết năm đó, chúng ta thấy có nhiều tương đồng, thể hiện sự kiêu hãnh của triều đình Trung Hoa biểu lộ vai trò "*đại quốc*" để can thiệp vào nội bộ những quốc gia nhỏ ở chung quanh mà họ coi là phiên thuộc. Sự tự hào đó đã bị tiêu tan khi chỉ vài tuần sau tin đại bại của Tôn Sĩ Nghị về đến Bắc Kinh và các quan lại nhà Thanh vội vàng tìm cách để che đậy, trước là giữ thể diện cho vua Càn Long, sau là giải thích cho qua một biến cố. Chính nhu cầu rửa mặt đó đưa đến những ngụy tạo về vai trò của vua Chiêu Thống và sau này giải thích cho êm xuôi việc công nhận nhà Tây Sơn. Sau đây là một đoạn tiểu sử được coi như chính thức của Tôn Sĩ Nghị, do Viên Mai, một đại nho sĩ viết và khắc lên bia đá với nhan đề Thái tử thái bảo Văn Uyên các đại học sĩ tấn tặng công tước Tôn Văn Tĩnh công thần đạo bi (太子太保文淵閣大學士晉贈公爵孫文靖公神道碑).

Nguyên văn: ...戊申安南國王黎維祺為其臣阮惠所逐。率其母妻叩關求援。公得信卽檄安南各處總兵起義而身自領兵防紡守鎮南關。上嘉其能識輕重知大體。命提督許世亨領兵送黎氏母妻還國。命公率兵相助。阮惠遣將抗拒。擊破之，進兵市球江，將造橋以渡，探知南岸有賊據山。乃於北岸列陣攻之。親自督戰相持三晝夜。砲聲振天，賊衆大潰。乘勝直抵富良江。賊驚曰。江在安南國都之外。王師渡江是無安南也。乃盡收戰艦泊南岸以死拒守。天大霧，公縛竹筏，命將士大呼渡江。賊不知我兵多寡，自相踩踐。獲其大小戰艦數百。擒斬無算。是役也賊衆四萬守江，我兵之先至者僅千餘人，竟送黎維祺還國復位。阮惠遁歸故城。事聞。上封公一等謀勇公。賜寶石帽頂。下詔撤兵。公遵旨遄退。而黎維祺本孱王也。孤立無助。阮惠率餘黨傾國而來。倉猝間衆寡不敵。公欲以死報國。策馬直犯其鋒。參將某牽公馬

泣曰。損大臣有傷國體。公怒擊以鞭遂其兩耳。而馬首已被牽回。不能再進矣。公上表自劾辭公爵。繳還恩賞。上以撤兵太早。引為己過。釋公罪。授工部尚書。賜第一區紫禁城騎馬...

Dịch nghĩa: ... *Năm Mậu Thân* [1788], *quốc vương nước An Nam là Lê Duy Kỳ* [chữ Kỳ ở đây viết là 祺] *bị bầy tôi là Nguyễn Huệ đánh đuổi, đưa mẹ, vợ gõ cửa quan cầu cứu. Ông* [Tôn Sĩ Nghị] *được tin liền gửi hịch đến các nơi ở An Nam đốc thúc khởi nghĩa, còn mình thì dích thân lãnh quân phòng thủ Trấn Nam Quan. Hoàng thượng khen là có khả năng biết đại thể nặng nhẹ, ra lệnh cho đề đốc Hứa Thế Hanh đem quân đưa mẹ và vợ họ Lê về nước, lại sai ông đem quân giúp đỡ. Nguyễn Huệ sai tướng kháng cự liền bị đánh tan. Quân tiến đến sông Thị Cầu, liền làm cầu để sang sông, dò thám biết được bờ phía nam có giặc chiếm cứ trên núi, nên dàn trận ở phía bắc để chống lại. Ông tự mình đốc chiến, cầm cự ba ngày đêm liền, tiếng pháo vang trời khiến cho quân giặc phải tan vỡ, thừa thắng đánh thẳng đến sông Phú Lương.*

> *Giặc kinh hãi nói: "Sông là ở bên ngoài quốc đô An Nam, quân nhà vua* [tức quân Thanh] *nếu qua được sông thì còn gì là An Nam nữa". Vì thế giặc tận thu chiến thuyền về bờ sông phía nam để liều chết chống lại.*
>
> *Hôm đó trời sương mù dầy đặc ông cho buộc tre làm bè, sai tướng sĩ hô vang để qua sông. Giặc không biết nhiều ít thế nào nên tự dày xéo lên nhau, ta lấy được chiến thuyền lớn nhỏ đến vài trăm chiếc, bắt chém vô số quân giặc. Trận này quân địch dùng bốn vạn quân giữ sông, còn bên ta chỉ mới đến được hơn nghìn người* [vậy mà] *đã đem được Lê Duy Kỳ về nước lấy lại ngôi vua.*
>
> *Nguyễn Huệ chạy về thành cũ. Việc tâu lên, hoàng thượng phong cho ông lên nhất đẳng Mưu Dũng công, ban cho*

chỏm mũ bảo thạch. Hạ chiếu rút quân. Ông tuân chỉ vội vàng đưa quân về.

Thế nhưng Lê Duy Kỳ vốn dĩ là một ông vua hèn yếu, một mình không có ai giúp đỡ. Nguyễn Huệ dốc hết dư đảng toàn quốc đến đánh, trong lúc bất ngờ thế ít không chống nổi, ông muốn lấy cái chết để đền ơn nước, giục ngựa tiến thẳng vào mũi nhọn của địch. Tham tướng nọ nắm cương ngựa của ông khóc nói: "Mất đại thần e tổn thương đến quốc thể". Ông giận dữ vung roi quất hai bên nhưng đầu ngựa đã bị dẫn quay lại rồi không thể tiến lên được nữa.

Ông dâng biểu tự hặc, xin khước từ tước công, trả lại các ân thưởng. Hoàng thượng thấy vì lui binh quá sớm gây ra lỗi lầm nên tha tội cho ông, cho làm thượng thư bộ Công, lại ban cho phép được cưỡi ngựa vào khu đệ nhất trong Tử Cấm Thành...[1]

Chúng tôi trích một đoạn bia đá do Viên Mai soạn viết về Tôn Sĩ Nghị để nhấn mạnh rằng cuộc chiến ở nước ta được truyền ngôn hoàn toàn khác với thực sử. Chính đây là những chi tiết mà giới quan lại nhà Thanh phổ biến ra ngoài khiến cho dư luận bị lái đi một hướng hoàn toàn khác hẳn, coi việc bại trận là một sơ suất chứ không phải vì vụng mưu trút mọi tội lỗi lên đầu vua Chiêu Thống. Thực ra Tôn Sĩ Nghị đã bỏ chạy trước, qua sông lại chặt cầu phao khiến cho các tướng không ai chạy thoát. Nếu không nhìn vào những chi tiết ngoại sử như trên đây, chúng ta khó mà lý giải được những tin đồn và nhiễu loạn thông tin vốn được dùng như một màn khói che mờ sự thật vốn ít ai biết đến.

8.2018

1. *Bách Nhất Sơn Phòng thi tập* (百一山房詩集), quyển 1 (bia đá do Viên Mai soạn).

天仰
聖激切屏營之至謹奉表稱謝以聞合觀阮福映疏表
詞甚恭謹斟灌一旅光復舊部乃自比降王大長其志
量爲不小矣然阮氏一綫之傳莫非
聖朝字小之德乾隆戊申該國內訌越王黎維祁爲其
臣阮惠所逐叩關籲救孫文靖奉
詔征之自龍州出關戰於諒山壽昌嘉觀市毬江皆捷
乘勝至富良江遂克黎城阮惠遁歸富春乃傳
旨復黎維祁封班師凱撤爲南征詩十首以紀其事不

虞阮惠之卒至黎維祁孤立無援也歸師遇險上疏自
貶其後阮福映歸命越事乃大定至今誦孫文靖詩猶
足資攷證爰錄之詩曰門開太乙曙鐘遲是日黎明
祭禡出關荼火軍容徼外知未必遇師同枕席庶幾荒服見威儀建
旗已拜專征命補牘應來選事疑先是提督許世亨帶
兵出關毅力請勦賊蒙恩准視師爲語戎行須報
國早將犂埽達
形墀圍城襟帶接重洋諒山城一名圍城城外有江通洋海上下思文景
物荒上文下文諒山所屬上思下思皆州地名寅霧蛟涎工揖曰安南多霧
寅時即迷

三洲日記 卷三

浸四野土人謂係蛟
蜃噓氣午前不見日丁男鴉嘴慣耕霜該國惟諒山百里內有霜過此
則無其地一面殞霜一
面耕種土人謂之耕霜入雲坂洞坡名盤千折夾道翁茶
網四張呼官爲翁茶出入四人舁網而行最是馬前頻慰勞檳榔滿接
當壺漿夾道跪獻檳榔者千百爲羣羊腸留綫虎留蹤聞道蒙茸路
入封江漢一路多荏苒藤蘿糾結商賈十年不行賊人疑大兵斷不由此母嶺羣狙晨伏
莽母子嶺極爲險峻數日前賊兵伏此鬼門燐火夜乘墉原名鬼門關於康熙年間更名畏天闢草木蔽
天幾不得路宣旬竊欲方朱雋朱雋以兵五十分道進勦交逆梁龍旬月而定毅輒效之緣極南
地熱瘴盛勢難久留也來晚應知愧賈悰多少步兵齊
繭足敢因下馬便支笻險峻處率同官下馬步行前進龍城新鑄赫連

令將士短兵殺賊
刀鑄純鋼刀五百柄要斬生鼉斷巨鼇萬里戎王歸信
杳三江戍壘陳雲高時未悉黎嗣信韋先鄭犒情原怯阮賊遣頭目餽
牛羊願大兵所遇賊屯半屬空寨烈炬連空狼不往斥之幕有齊烏計必逃
穴靜斯斯競向朔風號派總兵張朝龍游擊張純於枯詰訶盧等處兩路夾攻匪衆潰
竄盡埽巢穴歸報闔虎聲中蹀血鮮臨江士氣倍爭先市毬江賊氛甚
惡我軍血戰兩晝夜不息不能蓐食遂獲全勝欃星遠落三層外駐軍三層山
即市毬江岸
礮火還奔五步前豈有夜郎能自大果然飛騎竟從天
夜半令總兵張朝龍於左邊二十五里外潛渡彼岸繞出賊營後直搗中堅賊始潰亂戰場直已
成京觀此刼應消幾百年獲醜紛難詰姓名一時駢首

動哀鳴連日生擒正法七百餘人編籬那許羝羊觸漂杵常教草木腥人說妖氛連四鎮我憐殺氣壓三城黎城內土城一碑城一軍門執法臣應爾

聖德如天本好生左鞍右繖古交州黎城左鞍子山右繖子山富良江纏安南兵食概取諸民立抱左右鼓角殷江夜哭稠搜粟幾時停校尉功畢竟數兜鍪時諸將用命將弁并給花翎斬祛僅免思公子國王母弟爲刺客傷中要害殆甚釋縛還擒送孟酋賊將陳文炳既降復叛命副將慶成生致之一事尚教懸

聖慮前軍未送月氏頭謂賊首阮惠約法森嚴日幾巡克復黎城

後禁止弁兵不
許一人入城滿城焦爛痛遺民居民呈訴阮賊
戕害情形甚慘師貞
行指逋逃藪擬裒糧直
搗賊巢巽命先加草莽臣嗣孫黎維祁
承襲國王
鉅野戰難忘每飯有苗格或待經旬自出關至克復黎
城剛閱兩旬賊首
阮惠是否投
出姑且俟之出關事事勞
宸斷萬里還同几席親金章翠軸雁飛翔頻首
殊恩下九閽時從驛遞頒黎
維祁襲封印敕已分紀侯成大去忽令衛
國慶忘亡租庸不稅尖方土屢奉
諭旨惟在繼
絕存亡不利寸土安南向
行租庸調法
今則不然矣帶礪仍然異姓王底事烏孫消息斷澄江
無際望宣光宣光江發源雲南教化長官司
入交境時望烏提軍信不得裘帶居然

褊百蠻雲貴四川俱爲教宣轍所經已丑庚寅間隨經略傅文忠公出師緬甸汗河恩許唱刀環時奉班師之命伏波蹟已埋銅柱詢之土人云銅柱沒土中不可復見定遠心原戀玉關二月花穠黃木渡黃木渡在廣州府城外三年香染紫宸班現屆三年述職之期回兵後卽入都祇因妖鳥巢猶在夢繞羅平未肯還賊巢未滅深感烈士暮年之語粵中梁汝熬筆記孫文靖戰勝後克復黎城置酒王宮大宴將士爲南征詩寄羊城揖紳視魏武橫槊殆有過之阮惠乘其無備寅夜襲攻孫文靖僅以身免阮惠爲惠州人張保爲阮惠養子與阮惠之婦鄭壹嫂通殺阮惠以降所說殊舛張保爲

TRẬN KỶ DẬU
TỪ TÀI LIỆU GỐC CỦA NHÀ THANH

Trận đánh Tây Sơn - Thanh đầu năm Kỷ Dậu (1789) tuy chỉ mới hơn 200 năm nhưng tài liệu đầu tay (*first hand accounts*) từ chính người trong cuộc ghi chép lại và tận mắt chứng kiến của phía nước ta hầu như không còn gì, gây khó khăn cho những ai muốn nghiên cứu tường tận một trận đánh lịch sử.

Tới gần đây, chúng ta có thể đưa thêm một số ghi chép của các giáo sĩ Tây phương nhưng cũng đều chỉ là nghe người khác nói lại nên miêu tả có phần mơ hồ, nhất là từ những nguồn dân gian thường hay phóng đại, bịa đặt như thói thường của những người ít học.

Tuy nhiên, trong văn khố Trung Hoa chúng ta còn tìm được một số bản tâu (tấu bản) từ các quan địa phương có liên quan trực tiếp đến chiến dịch này. Qua nhiều năm ly loạn, tài liệu lưu trữ đời Thanh cũng đã nhiều lần bị đưa ra ngoài bán theo dạng "đồng nát", một số khác lưu lạc ra nước ngoài nên việc tìm lại những văn kiện gốc không dễ dàng, đôi khi còn do duyên may hơn là công phu tìm kiếm.[1]

---

1. Thái Nguyên Bồi (蔡元培, 1868 - 1940) khi chủ trương tạp chí *Sử liệu tập san*

Trước đây khi khai thác tài liệu của Trung Hoa liên quan đến việc đem quân sang nước ta năm Mậu Thân - Kỷ Dậu, các sử gia Việt Nam chỉ tiếp cận được với những tài liệu thứ cấp. Ngoài bản dịch *Càn Long chinh vũ An Nam ký* của giáo sư Hoàng Xuân Hãn[1], những tham khảo khác thường nhắc đến *Thanh thực lục* (Cao Tông Thuần hoàng đế thực lục) nhưng việc nghiên cứu còn nhiều hạn chế vì *Thực lục* là sử triều đình thường chỉ nhấn mạnh vào những chi tiết có lợi cho bản triều.

Khoảng 20 năm trước, dịch giả Hồ Bạch Thảo có dịch hai cuốn *Cao Tông thực lục*, thượng và hạ (New Jersey: Thư Ấn Quán, 2004 - 2005) sau này được gom vào trong *Thanh thực lục: Quan hệ Thanh - Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX* (Hà Nội: Hà Nội, 2010). Một số tác giả trong và ngoài nước cũng dịch phần Việt Nam trích từ *Thanh sử cảo*.[2] *Thanh sử cảo* là bộ sử tương đối quy mô và đầy đủ trong việc nghiên cứu về tổ chức, định chế triều Thanh nhưng riêng về Việt Nam (quyển 527, "Liệt truyện 314: Thuộc quốc nhị, Việt Nam") thì tương đối sơ sài, nhất là phần viết về cuối triều Lê và thời Tây Sơn - Nguyễn có nhiều sai lầm, việc sử dụng phải hết sức dè dặt.

Gần đây hơn, người viết (NDC) có dịch bộ *Khâm định An Nam kỷ lược*[3] là tài liệu lưu trong cung cấm, dùng để tham khảo

---

(史料集刊) đã viết rằng khoảng năm Dân quốc 6, 7 đến 10 (tức 1917 - 1921) rất nhiều tài liệu bị mất mát, hủy hoại nên chủ trương công bố các đáng án (mà ông gọi là tài liệu trực tiếp) hơn là chỉ dựa theo những tài liệu thứ cấp (mà ông gọi là tài liệu gián tiếp). Những tài liệu đó được tập hợp thành bộ *Minh Thanh sử liệu* (明清史料) (Đài Bắc: Sở Nghiên cứu Ngôn ngữ, Viện Trung ương Nghiên cứu, 1958) rồi được tái bản trong bộ *Thanh quý nội các đáng án toàn tập* (清-季內閣檔案全輯) (Bắc Kinh: Học Uyển, 1999).

1. Hoàng Xuân Hãn, "Việt Thanh chiến sử theo Ngụy-Nguyên, một sử-gia Trung-Quốc đời Thanh" (Càn-long chinh vũ An-nam kí - năm Đạo-quang thứ 22-1842), Tập san *Sử Địa*, Số 9 - 10, Đặc khảo về Quang Trung, Sài Gòn, 1968, tr. 3-8, 245-263.

2. Châu Hải Dương, *An Nam truyện* (Hà Nội: Hội Nhà văn, 2018).

3. *Khâm định An Nam kỷ lược*, Nguyễn Duy Chính dịch (Hà Nội: Hà Nội, 2016).

về phương lược. Tuy đây là một tập hợp đầy đủ hơn bất cứ tài liệu nào đã được phổ biến từ trước, nhiều tài liệu trong bộ sách này (32 quyển) cũng đã được biên tập (cắt đi những chỗ không phù hợp với việc phô trương võ công của triều đình) nên nhiều chi tiết cần thiết cho người nghiên cứu chưa được trình bày đầy đủ.

Cung trung đáng Càn Long triều tấu triệp (宮中檔乾隆朝奏摺)

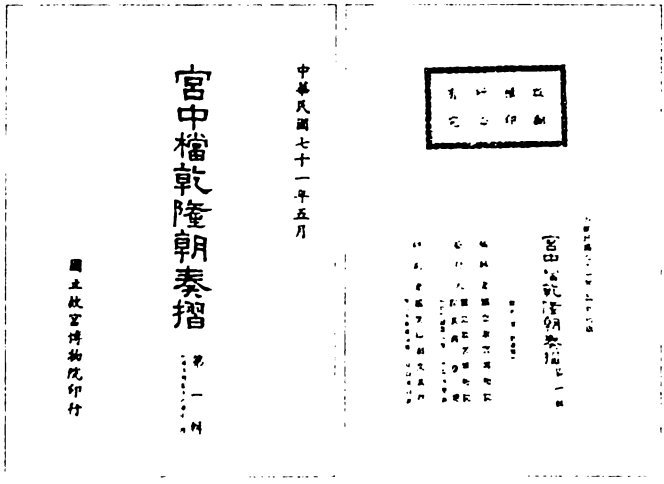

Chính quyền Trung Hoa Dân quốc khi sang Đài Loan mang theo rất nhiều văn kiện lịch sử lưu giữ trong các kho đáng án (*archives*) vốn dĩ được sắp xếp và biên tập kỹ lưỡng từ nhiều triều đại, nhiều thời kỳ trong đó đáng kể nhất là tài liệu đời Thanh.

Theo lời đề Tựa[1] của Tưởng Phục Thông (蔣復璁), viện trưởng Quốc lập Cố cung Bác vật viện thì từ năm Dân quốc 62 (1974), chính quyền Đài Loan đã xuất bản các tài liệu trong cung nhà Thanh, đặc biệt là các tấu chương của bầy tôi tâu lên nhà vua với lời ngự phê trên nguyên triệp.[2] Những tấu triệp đó được chụp lại và in ra theo lối ảnh ấn để bảo đảm độ chính xác không khác gì được cầm tận tay những bản gốc lưu trữ đã mấy trăm năm qua.

1. *Cung trung đáng Càn Long triều tấu triệp*, tập 1 (Càn Long nguyên niên đến tháng Một năm Càn Long 16), Lời Tựa (Đài Bắc: Quốc lập Cố cung Bác vật viện, 1982).
2. Bản tâu của quan đời Thanh được xếp lại thành tập nên gọi là triệp (摺).

Từ tháng 5 năm Dân quốc 71 (1982), Cố cung Bác vật viện bắt đầu xuất bản tấu triệp đời Càn Long. Các tấu triệp này vốn được lưu trữ trong điện Mậu Cần (懋勤殿) và hai bên giải vũ đông tây của điện Thái Hòa. Chế độ tấu triệp khởi đầu từ đời Khang Hi nhưng đến đời Càn Long mới có quy tắc kỹ lưỡng chung cho các quan không những về việc hành chánh, quân sự mà cả việc văn hóa, xã hội, kinh tế... trong nước và bên ngoài.[1]

Theo viện trưởng Tưởng Phục Thông thì chính quyền Dân quốc vận chuyển tổng cộng hơn 158.000 văn kiện trong cung, trong đó riêng đời Càn Long có những tấu triệp các năm 16 - 21, 28 - 30, 32 - 33, 38 - 39, 42 - 44, 46 - 49, 51 - 54... tương đối còn nhiều, những thời kỳ khác thì không đầy đủ. Số lượng tấu triệp đời Càn Long tuy không còn đầy đủ hoàn toàn như đã từng tồn trữ nhưng cũng lên đến hơn 59.000 văn kiện vẫn là con số cao hơn những thời kỳ khác trong những triều đại của Trung Hoa. Những văn thư ấy được sắp xếp theo thứ tự thời gian vì mỗi tờ tâu đều có ghi ngày giờ soạn thảo và gửi đi.

Về triều Càn Long, tổng cộng các văn thư Quân cơ xứ tấu triệp đã xuất bản là 74 tập (volumes), mỗi tập khoảng chừng 1.000 trang nhưng những văn thư liên quan đến cuối thời Lê và triều Tây Sơn chỉ hạn chế trong các tập từ 68 đến 74.[2]

Dưới đây là lời tâu của chính Tôn Sĩ Nghị gửi về triều ngày mồng 6 tháng Giêng [ngày hôm sau trận đánh lớn ở Thăng Long mồng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu] khi ông ta đang chạy trên đường về Nam Quan, trích trong *Cung trung đáng Càn Long triều tấu triệp*,

---

1. Từ thời vua Ung Chính, khi quan địa phương gửi triệp tâu về triều đình, hoàng đế sẽ châu phê trên tờ triệp đó rồi gửi trở lại để thi hành, sau đó lại gửi trả lại trung ương để lưu trữ. Những văn thư quan trọng phải đích tay đại thần viết, gửi bằng tráp có khóa và niêm phong, chỉ nhà vua mới có chìa để mở. Xem thêm: Nguyễn Duy Chính, "Văn thư đời Thanh" trong *Võ ngựa và Cánh cung* (TPHCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), tr. 385-398.

2. Những văn kiện gốc liên quan đến nước ta trong bộ sách này sẽ được dịch và xuất bản trong tương lai.

tập 70 (Càn Long 53, tháng Bảy đến tháng Mười), tr. 804-807. Lẽ dĩ nhiên, những chi tiết này không như sử nước ta miêu tả và Tôn Sĩ Nghị cũng cố tình biện hộ cho việc thua trận của mình nên có khác với những gì chúng ta từng biết. Vì là lời tâu mật nên chữ viết là của chính Tôn Sĩ Nghị còn những chữ thảo trong các hàng chữ là châu phê của vua Càn Long.

[804a]

Thần là tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị quỳ tâu.

Về việc mẹ con Lê Duy Kỳ sợ giặc[1] *chạy trốn, dân chúng hỗn loạn, thế giặc lên mạnh, đánh với quan binh rồi bị vây nên phải rút về tình thực tâu lên xin chỉ cách chức thần trị tội xin thánh thượng xem đến.*

Thần xét thấy Lê thành[2] *các nơi đã thu phục được, phía nam tiếp giáp với đất của giặc, ở giữa cách bức có mấy con sông. Sau khi lấy lại rồi thần ra lệnh cho quốc vương Lê Duy Kỳ sai người có khả năng đem thổ binh*[3] *đến các xứ đó phòng thủ.*

Ngày mồng 2 tháng Giêng năm nay [1789], *lúc giờ Mão, cứ như quốc vương báo cho thần biết thì y nhận được bẩm báo của di quan*[4] *đang lo việc phòng thủ rằng quân giặc đã qua sông đánh đuổi không cho bọn họ phòng thủ ở đó nữa nên chỉ còn cách rút lui. Lại cũng nói rằng Nguyễn Huệ nói mẹ con Lê Duy Kỳ*[5] *sang thiên triều*[6] *tố cáo khiến cho đại binh đã giết mất mấy nghìn quân của Quảng Nam, Phú Xuân*[7]*, cừu này phải báo, sau này phải bắt được mẹ con Lê Duy Kỳ thì mới thỏa lòng.*

---

1. Chỉ quân Tây Sơn (trong văn thư nhà Thanh khi còn chiến tranh, Nguyễn Huệ nói riêng và quân Tây Sơn nói chung đều bị gọi là tặc hay nghịch).
2. Kinh đô nhà Lê, tức Thăng Long.
3. Binh lính người nước ta.
4. Quan nhà Lê.
5. Tên tục của vua Chiêu Thống nhà Lê.
6. Chỉ nhà Thanh.
7. Chỉ quân Tây Sơn.

Lê Duy Kỳ khẩn cầu nói với thần chỉ mong dắt mẹ chạy sang nội địa[1] xin thánh thượng ban cho cơm ăn để toàn tánh mạng chứ không muốn trở lại làm An Nam[2] quốc vương. Thần giảng giải cho y về đại nghĩa lại thêm trách mắng, Lê Duy Kỳ nuốt nước mắt ra đi.

Thần lại cùng Hứa Thế Hanh[3] truyền cho các tướng, báo cho họ biết là xem tình hình này, quân giặc [**804b**] *đã ở giữa đường không bao lâu sẽ chiếm cứ An Nam giết hại mẹ con Lê Duy Kỳ. Chúng ta trước đây không lập tức đánh vào quét sạch hang ổ của giặc chỉ vì đường sá xa xôi, lương thực khó khăn thế không biện lý được.[4] Nay Nguyễn Huệ muốn chiếm cứ An Nam ắt là đích thân đến, chính là rơi vào cái bẫy của chúng ta, nhưng vì đã nhận được dụ chỉ triệt binh[5] nên mới bỏ qua không tính đến.*

Mọi người đồng thanh tình nguyện hết sức giết giặc, không hề chùn bước chút nào. Thần lại ra lệnh cho tổng binh Trương Triều Long[6] chọn ra 3.000 binh lính tinh nhuệ và các tướng bị dũng cảm, xuất sắc tức tốc ngay ngày mồng 2 tháng Giêng tiến lên.

Vì nghe tin quân giặc rất đông, Hứa Thế Hanh cũng chỉ huy 1.500 quân còn thần thì cầm 1.200 quân, tất cả là 5.700 người trước sau tiếp ứng. Ngày mồng 3, Trương Triều Long gặp giặc trên đường đi, thấy tặc phỉ liền ra sức chém giết, quân giặc thua phải rút lui nhưng đến đêm tối thì quay lại.

---

1. Nhà Thanh gọi đất của Trung Hoa là nội địa, bên ngoài Trung Hoa là ngoại di.
2. Đàng Ngoài khi đó gọi là An Nam, còn Đàng Trong thì gọi là Quảng Nam.
3. Đề đốc Lưỡng Quảng, trông coi quân vụ hai tỉnh Quảng Đông - Quảng Tây là người đứng đầu trong đoàn quân nhà Thanh khi sang đánh nước ta, chỉ dưới quyền Tôn Sĩ Nghị.
4. Sau khi lấy lại Thăng Long, nhà Thanh định đưa quân thẳng xuống Phú Xuân nhưng vì khó khăn lương thực, nhân phu nên không thực hiện được và định rút về Quảng Tây thì bị tấn công bất ngờ.
5. Rút quân về.
6. Trông coi quân vụ toàn tỉnh Quảng Đông, dưới quyền Hứa Thế Hanh.

Ngày mồng 4, cả một ngày một đêm quân giặc lại tràn lên như bầy ong bị quân ta chém giết thỏa thuê, không người nào là không một chống mười, giết địch không biết bao nhiêu mà kể. Đến canh năm ngày mồng 5 quân giặc quay lại, lại thua phải rút lui.

Lê Duy Kỳ nghe tin giặc Nguyễn đích thân đến, lòng dạ tan nát, lập tức tay bồng con thơ, cùng với mẹ bỏ chạy qua sông Phú Lương[1]*, không kịp dẫn theo vợ. Bách tính thấy tình hình như thế cũng hoảng hốt chạy tán loạn. Tin báo đến quân doanh, quân giặc cũng nghe được nên thế càng bùng lên. Thần cùng với Hứa Thế Hanh thương nghị tình hình như thế này thì đại binh chắc không đứng vững được nên chỉ còn cách hiểu dụ cho tướng sĩ quyết tâm huyết chiến để báo đáp* **[805a]** *ơn vua.*

Bọn Hứa Thế Hanh liền cùng nhau hô vang xông lên đi theo súng ống, chỉ toàn dùng đoản binh tiếp chiến. Quân giặc thây chết thành tầng, đâu phải chỉ vài nghìn thôi đâu. Quân ta người nào người nấy đầy máu đánh thốc lên nhưng càng giết địch càng đông, vây kín bốn phía, bên trong lại chia cắt đại binh thành nhiều khúc. Thần và Hứa Thế Hanh từ đó không còn thấy nhau nữa.

Thần thấy đề trấn[2] *đều là viên chức lớn, nay tuy giết được rất nhiều giặc cũng chưa phải là thua. Thế nhưng vì bị giặc cắt đứt, không biết may rủi sống chết thế nào. Nếu như thần lại tiếp tục xông lên đánh thì có liên quan đến quốc thể nên suất lãnh phó tướng Khánh Thành, Đức Khắc Tinh Ngạch, tham tướng Hải Khánh dem hơn 300 quân phá vòng vây chạy ra, nghĩ rằng các đề trấn vẫn còn hơn 5.000 quân, xem ra không ít. Ngoài ra, các bờ sông ở Lê thành cũng còn quân chia ra đóng hơn 3.000 người nên có thể đưa các quan binh này chia ra chiếm lấy hai bên ven sông để đợi đại binh rút ra.*

---

1. Sông Nhĩ Hà, tên cũ là Phú Lương.
2. Đề (đốc), trấn (tổng binh) là các võ quan cao cấp của nhà Thanh trông coi quân vụ hai hay một tỉnh.

Khi thần chạy đến bờ sông thì hơn ba nghìn quân chia ra đóng ở đây đã được tổng binh Thượng Duy Thăng[1]*, phó tướng Hình Đôn Hành, tham tướng Vương Tuyên cùng với thổ Điền Châu Sầm Nghi Đống đi theo đường khác tới tiếp ứng. Thần liền cùng bọn Khánh Thành chạy tới cầu phao, đem hơn 300 quân dừng lại ở bờ phía nam để bảo vệ phù kiều thì quân giặc đã đến bờ sông, hai bên bắn súng. Địch dừng lại nhưng chỉ chớp mắt đã kéo ra đến ba, bốn nghìn tên mà quan binh chỉ có hơn 300, ít không chống nổi nhiều. Khi đó, tổng binh Lý Hóa Long đem* [**805b**] *hơn 200 quân chạy đến, thần liền ra lệnh qua sông chiếm lấy bờ phía bắc để tiện cho việc thần đưa quân từ bờ phía nam về bờ phía bắc rồi từ bên kia sông dùng súng ống ra sức chống giữ.*

Thế nhưng Lý Hóa Long cưỡi ngựa chạy đến giữa cầu, trượt chân rơi xuống sông. Biền binh đi cùng thấy tổng binh[2] *chết đuối nên ai nấy hoảng loạn. Thần không còn biết làm thế nào chỉ ra lệnh cho phó tướng Khánh Thành quay lại bắn súng điểu thương để thần đem quân từ từ theo cầu phao rút về bờ sông phía bắc.*

Quân giặc thừa thế đuổi theo qua sông nhưng đều bị quân ta dùng súng lớn nhỏ bắn ngã, những tên còn lại trên sông không dám vượt qua. Thần chiếm đóng bến sông phía bắc trông ngóng để trấn đưa binh quay về, tuy bên kia có giặc nhưng số quan binh đưa đi có đến hơn 8.000 người, tặc phỉ khó dương cự nổi mà quân ta muốn qua sông cũng dễ.

Thế nhưng đợi đến một ngày vẫn không thấy tin tức gì, phía bờ bên kia thì rất đông người dùng thuyền nhỏ bốn bề vượt sông, lên bờ khắp nơi chặn đường rút lui của quân ta. Thần chỉ có vài trăm quân, thế khó mà cả hai mặt trước sau đều thụ địch nên chỉ có cách cùng với bọn Khánh Thành 3 người trở về sông Thị Cầu.

---

1. Trông coi quân vụ toàn tỉnh Quảng Tây, dưới quyền Hứa Thế Hanh.
2. Chỗ này Tôn Sĩ Nghị chắc rối loạn nên viết nhầm, Lý Hóa Long chỉ là cấp phó tướng, dưới tổng binh một bậc.

Khi đó đã có một, hai trăm thuyền giặc ở nơi bến sông cách chừng nửa dặm bắn súng lớn, thấy quân ta tề chỉnh nên không dám lên bờ ép tới. Xem hai ngày vừa qua tuyệt không nghe âm hao gì của đề trấn và các tướng bị[1]*, không biết là còn ở Lê thành hay đã theo đường Thái Nguyên qua các ải châu Quy Thuận tiến khẩu rồi. Một khi thần có tin tức đích xác sẽ lập tức gia khẩn*[2] *tâu lên.*

Còn hơn 3.000 quân tỉnh Điền[3] [cánh quân Vân Nam] *đang đóng ở chợ Bạch Hà* [Bạch Hạc?] *thì tuy đã gửi thư* **[806a]** *đốc thúc tới đây nhưng nghĩ tặc phỉ quá đông, hơn 3.000 quân tỉnh Điền cũng không thể nào chống trả được. Nay cánh quân tỉnh Việt* [tức Quảng Tây] *đã bị giặc cắt thành mấy đoạn, nếu như quan binh tỉnh Điền cũng bị tổn thất thì thật không ra thế nào. Vì thế đến xế trưa ngày mồng 5 thần ra lệnh cho họ theo đường cũ rút về Tuyên Quang, An Biên để chờ tin.*

Còn như Lê Duy Kỳ thì vô năng đến như thế, thật cũng không luyến tiếc. Có điều y đã nhận được ơn hoàng thượng ban cho, không nên để Nguyễn Huệ bắt được cho hả dạ. Thần hiện nay đã sai người đến Lạng Sơn, Nam Quan tra hỏi mẹ con Lê Duy Kỳ tạm ra lệnh tiến quan để cho sống sót.

Thần nhận được ơn lớn của hoàng thượng ủy thác việc lớn, vậy mà không biết sớm làm cho xong việc. Lần này lại vì tặc phỉ đông gấp bội quân ta đến nỗi các viên chức lớn đề trấn bị giặc vây hãm chưa thoát ra được. Lại nhân số quân mà thần đang chỉ huy chỉ có vài trăm người, sau khi vượt vòng vây rồi khí thế khó mà lên cao được nên không thể quay lại cứu viện, chỉ xin hoàng thượng cách chức thần và trị tội nặng để răn đe vì đã điều độ sai lầm.

---

1. Gọi chung các võ quan cấp dưới.
2. Theo cách thông tin của nhà Thanh thì nhanh nhất là 600 dặm một ngày nhưng trên một mức là gia khẩn, tức được bao nhiêu thì được nhưng trên 600 dặm.
3. Điền (滇) là tên tắt của Vân Nam, Việt (粵) là tên tắt của Quảng Đông, Quảng Tây (đừng nhầm với Việt (越) là nước ta).

Còn các đề trấn ví như bị giết hại, thần thề không cùng bọn giặc kia cùng sống, kính xin hoàng thượng chọn đại thần uy vọng to lớn có uy tín đem quân chinh thảo, thần nguyện sẽ tự lo việc củi nước đến quân doanh lập công chuộc tội. Hiện nay nhân thế giặc đang hung hăng, cần phải nghiêm phòng cẩn thận các quan ải. Thần định sẽ qua lại tuần tra một dải Lạng Sơn, Nam Quan, chăm chút xem xét chờ tin của các đề trấn rồi sẽ lại tâu lên.

[806b] *Thần hôm trước tại bờ phía bắc sông Phú Lương thấy bờ bên kia thế giặc hung hăng mà các đề trấn thì chưa về đến bên sông e rằng có chuyện sơ sẩy không thể rút ra được nên đã viết tay một tờ giấy ra lệnh cho người di mang qua bên kia sông giao cho đầu mục của giặc như sau:*

Lần này bản bộ đường phụng mệnh của đại hoàng đế thống binh xuất quan, vốn chỉ muốn khôi phục Lê thành để đưa Lê Duy Kỳ lên ngôi. Nay thấy Lê Duy Kỳ lại sợ giặc chạy trốn rồi, người đó ủy mị không trồi lên được, không đáng để giúp đỡ thêm lần nữa nên mới triệt binh trở về Nam Quan.

Nếu như Nguyễn Huệ dám giết một người quan binh chưa trở về được quan ải thì thử nghĩ xem thiên triều đã để cho ngươi phạm tội một lần, nay thêm lần nữa lại để yên hay sao?

Đại hoàng đế sẽ lập tức sai đại thần, thống lãnh quan binh vài mươi vạn bốn đường tiến tiễu, không diệt thì không thôi. Còn như nếu Nguyễn Huệ đem quan binh tử tế đưa về rồi tự trình bày hối tội để biết đâu là thuận, đâu là nghịch thì không chừng may ra được tha thứ. Họa phúc là do ngươi tự chọn lấy.

Nhân việc lúc cấp bách, chỉ có mấy lời.

Nay cũng xin hợp lại tâu lên. Việc Lê Duy Kỳ chạy trốn, quan binh bị vây và việc rút về cùng xin cách chức trừng trị kính cẩn theo đường dịch 600 dặm gửi lên, mong hoàng thượng xem đến.

Thần hết sức sợ hãi run rẩy tâu lên.

[807a] *Càn Long 54, ngày mồng 6 tháng Giêng.*

Ngoài tờ tâu chính thức này, Tôn Sĩ Nghị cũng kèm một triệp phụ như sau:

Thần Tôn Sĩ Nghị quỳ tâu.

Thần lại nhận được thượng dụ ngày 23 tháng Chạp năm Càn Long 53:

> *Tôn Sĩ Nghị tính toán tình hình xem có thể "nhân lương ư địch"[1] để có thể tuân theo chỉ trước thì thật toàn mỹ. Còn như có việc trở ngại không thể làm được thì cũng đừng bám víu vào chỉ ấy.*
>
> *Hãy cáo tri cho Lê Duy Kỳ chấn tác tự cường, phòng chống việc xấu từ bên ngoài và cũng dụ lệnh cho những bầy tôi của y phải cùng lòng ra sức giúp đỡ đừng để khi đại binh rút đi rồi lại để cho giặc chiếm mất khỏi phiền binh lực thiên triều quay trở lại bình định lần nữa.*
>
> *Đem việc này tha thiết hiểu dụ để cho ổn thỏa rồi rút quân về tỉnh Việt. Cũng lập tức báo cho tỉnh Điền đồng thời rút quân về.*
>
> *Khâm thử.*

Xét thấy Lê Duy Kỳ lúc này đã chạy sang nội địa, người này khó mà có thể chấn tác nếu như trong tương lai lấy lại được An Nam thì Lê Duy Kỳ cũng khó mà được liệt vào hàng phiên phong. Đến như họ hàng và bồi thần[2], khi thần đến Lê thành đều truyền từng người đến quân doanh để giảng luận về yếu tính trị nước và chống lại kẻ lấn áp nhưng không thấy người nào có thể giúp việc ấy cho quốc vương cả. Xem ra họ Lê không thể hưng trở lại.

---

1. Dùng lương thực của địch để cho mình.
2. Bầy tôi nước nhỏ.

Lê Duy Kỳ nói với thần khẩn khoản chỉ cầu xin đại hoàng đế cấp cho cơm ăn áo mặc để có thể thờ cúng tổ tiên là đủ. Còn như sào huyệt của giặc[1] *thì đường sá quá xa, lương thực cho binh lính khó mà tiếp tế được, thành như thánh dụ, chỉ có cách lấy lương của địch làm của mình thì lúc ấy mới có thể thành công.*

Thế nhưng tra thấy làng xóm người di vừa thấy đại binh đi qua lập tức trốn biệt không còn ai, e rằng khó mà có thể cung ứng được. Vậy ngẩng trông **[807b]** *thánh ân, bằng lòng ra lệnh cho chia đường tiến đánh, lấy Điền Nam* [Vân Nam], *Việt Tây* [Quảng Tây] *hai đường đánh vào trung tâm; Phúc Kiến, Việt Đông hai đường đánh vào sào huyệt như thế có thể không cần phải lo đến việc thêm quân đi đường xa, khó khăn về lương thực (đạo viễn lương nan), không tấn công mà địch phải vỡ.*

Còn như chỉ chuyên đánh một đường, thật quả là roi dài không với tới được, lo chuyện nọ lại nẩy ra chuyện kia. Ấy là hạ kiến của thần cứ thực kèm theo tâu lên. Lại khi thần đang toan bái triệp thì mẹ của Lê Duy Kỳ bồng cháu và các tùy tòng đến cửa quan. Thần cùng tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh cho người lo liệu đưa tới Nam Ninh cùng an tháp chung với Lê Duy Kỳ.

Nay hợp chung tâu lên, mong hoàng thượng xem đến.

Cẩn tấu.

1.2020

Nguyễn Duy Chính dịch, chú và giới thiệu

1. Chỉ Phú Xuân.

兩廣總督臣孫士毅跪

奏為黎維祁母子畏賊潛逃夷情渙散賊勢益張謹將官兵打仗及被累撤出各情形據實具奏請

旨將臣革職治罪仰祈

睿鑒事竊查黎城地方各處俱已收復其迤南一帶與賊境毗連中隔江面數重收復之後令該國王黎維祁派出得力人員帶領土兵前往該處防守本年正月初二日卯刻據該國王向臣告知接據防守夷官稟報有賊人過江趕逐不許伊等在彼防守只得退回並傳稱阮惠揚言黎維祁母子赴

天朝陳訴以致大兵將我廣南富春人殺戮數千此仇必報將來拏住黎維祁母子必要洩恨等語黎維祁向臣哀懇只好挈母逃至內地求

大皇帝賞飯一碗以全性命斷斷不願再做安南國王等語臣開示大義加以呵斥黎維祁含淚而去臣遂與許世亨傳齊衆將告知看此光景賊匪已在中途不久仍即佔據安南將黎維祁母子戕害我等前此不即進搗賊巢全因道遠糧艱勢難辦理今阮惠既欲佔據安南必親自前來竟是就我樊龍未便因奉有撤兵

諭旨置之不管衆人同聲情願奮勇殺賊斷不敢稍涉退縮遂派令總兵張朝龍挑選精銳兵三千名及勇幹出色之將備即於正月初二日前進因聞賊匪甚多許世亨帶兵一千五百名臣帶兵一千二百名共五千七百名先後接應初三日張朝龍途次即遇見賊匪奮力剿殺賊即敗退黑夜又復前來初四一日一夜賊復蜂湧而至我兵痛加誅戮無不以一當十殺死無算賊於初五日五更復又敗去詎黎維祁聞阮賊親至心膽俱裂即手抱幼孩隨同伊母逃過富良江不及携帶其妻百姓見此情狀俱慌張亂竄報至軍營賊人亦已聞信其勢愈張臣與許世亨等商酌此種情形大兵不能站住惟有諄諭將升人等決一血戰以答

主恩許世亨等遂各大呼直前鎗砲之後純用短兵相接賊人伏尸層積何止數千我兵俱人人裹血力戰所向披靡無如愈殺愈多將大兵四面密圍並中分數處臣與許世亨等遂不復見面臣以提鎮均係大員今雖殺賊甚多並未敗衂但既為賊勢截斷未卜凶吉存亡若臣再攖鋒鏑有關

國體遂率領副將慶成德克精額叅將海慶帶兵三百餘名奪圍而出因思提鎮處尚有兵五千餘名猶不為少此外黎城各江岸尚有分駐兵三千餘名必須將此項官兵分佔兩邊江面以待大兵之出及臣趕至江岸則此分駐之三千餘名已經總兵尚維昇副將邢敦行叅將王宣等率同土田州岑宜棟一齊帶領另從他路前赴接應臣即同慶成等前至浮橋將官兵三百餘名劄住南岸保守浮橋詎賊匪已到江岸彼此放鎗敵住轉瞬即集有賊匪三四千人官兵只三百餘名衆寡不敵適總兵李化龍帶兵二百餘名前來臣即令其過江佔住北岸以便臣將南岸之兵歸併北岸隔岸用鎗砲悉力抵禦乃李化龍騎馬行至橋心失足落江所帶弁兵見總兵溺水各各慌亂臣無可如何令副將慶成等回頭施放鳥鎗臣帶兵徐徐由浮橋撤至北岸賊人乘勢追趕過江均被我兵鎗砲打落江面餘賊不敢過來臣佔住北岸江口滿望提鎮回兵雖對岸現有賊匪而所帶官兵現有八千餘人賊匪斷難擋住我兵似尚易於渡江乃候至一日毫無消息而對岸賊人已多用小船四散渡江各處上岸截我後路臣所帶官兵只有數百名勢難前後受敵只得率同慶成等三員回抵市球江賊船已有一二百隻在半里外停泊遥放大砲見我兵尚整不敢登岸進逼查兩日以來提鎮及各將備絕無音耗或尚在黎城一帶或另從太原一路由歸順州各隘進口臣一得確信立即加緊奏

聞至駐劄白河市之滇省官兵三千餘名雖先經持

令往催但思賊匪為數過多滇兵三千餘名斷
斷不能抵禦今粵兵已為賊匪隔截數處萬一
滇省官兵再有損失更屬不成事體已於初五
日下午令即從途次撤回宣光安邊等處聽信
矣至黎維祁無能至此原不足惜但既經承受
皇上恩施未便一任阮賊擒拏快心臣現在令人趕
赴諒山南關一路訪查黎維祁母子暫令進關
存活臣荷
皇上隆恩委以重任不能及早藏功此次又因賊匪
數倍於我以致提鎮大員為賊圍裹未經得出
又因臣現帶之兵只有數百奪圍之後氣難再
鼓未能復行救援惟有仰求
皇上將臣革職從重治罪以為調度乖方者戒至提
鎮等萬一竟遭戕害臣誓不與此賊俱生偽蒙
皇上遴選望隆威重大臣前往征討臣願自備資斧
請赴軍前帶罪効力以贖前愆現因賊勢鴟張
關隘尤應慎重嚴防臣擬往來諒山南關一帶
稽查彈壓探候提鎮之信再行具
奏臣昨在富良江北岸見對岸賊勢猖獗而提督
鎮將並未回至江邊當係已經失事不能撤出
曾手寫片紙令夷人持過江面交與賊目云此
次本部堂欽奉
大皇帝恩命統兵出關原為恢復黎城使黎維祁襲
封起見今黎維祁又畏賊潛逃其人委靡不振
不值再為扶持是以撤兵入關倘阮惠敢將未
經撤出官兵戕害一人試思
天朝肯任爾一犯再犯將就完事否
大皇帝定即另派大臣統領官兵數十萬四路進剿
不滅不休若阮惠將官兵好好送出並自陳悔
罪緣由尚屬能知順逆或可仰邀
恩宥禍福惟爾自擇因事在敘迫只此數語合並奏
聞所有黎維祁潛逃官兵被裹撤出各情形及臣籲
請革職從重治罪緣由謹由六百里馳遞伏乞
皇上睿鑒臣毋任悚惕戰慄之至謹
奏

乾隆五十四年正月 四六 日

臣孫士毅跪

奏再臣欽奉五十三年十二月二十三日

上諭孫士毅酌量情形可以因糧於敵自必遵照妥辦以臻全美如有窒礙難行之處亦不可拘泥此旨仍當告知黎維祁振作自強防禦外侮其臣下亦當諭令同心協力相佐為理勿令大兵撤後仍為賊佔豈有復煩天朝兵力戡定之理將此剴切曉諭妥為安頓撤兵回粵亦即知會滇省同時並撤等因欽此查黎維祁現又逃至內地其人斷難振作即使將來仍行克復安南黎維祁似難再列藩封至伊宗族陪臣等臣到黎城時即一一傳至軍營與之講論治國禦侮之要竟無一人可以為該國王任事者看來黎氏一姓不能再興黎維祁向臣面懇亦只仰求

皇上給以衣食使之克奉宗祀而已至阮賊巢穴程途太遠兵糈難繼誠如

聖諭惟有因糧於敵方可易於蕆功但查夷地村莊一遇過兵即遷避無常竊恐難資接濟仰懇

聖恩准令分路進剿以滇南粵西兩路攻其腹心福建粵東兩路搗其巢穴其中間道遠糧艱之處似可無事加兵不攻自潰若專攻一路實屬鞭長莫及慮啓後虞謹就臣下見據實附片覆

奏再臣正在拜發摺函適黎維祁之母攜抱幼孫及隨從人等到關臣與撫臣孫永清委員照料仍赴南寧與黎維祁一同安插合並聲明伏乞

皇上睿鑒訓示謹

奏

[illegible]

臣孫士毅跪

奏查廣西提督印篆交在臣處現有前任右江鎮總兵蒼保家

恩准調廣東潮州鎮總兵尚未前赴新任臣現將廣西提督印務交該鎮蒼保暫行署理其廣西提督員缺請

旨簡員補放謹

奏

[illegible]

QUANG TRUNG THẬT, QUANG TRUNG GIẢ: BÀN THÊM VỀ PHÁI ĐOÀN ĐẠI VIỆT SANG TRUNG HOA NĂM CANH TUẤT (1790)

I. QUANG TRUNG THẬT, QUANG TRUNG GIẢ?

Trong thời gian gần đây, các mạng xã hội và báo chí trong nước dấy lên nhiều cuộc tranh luận về người dẫn đầu phái đoàn Đại Việt sang Trung Hoa năm Canh Tuất (1790). Việc đề cập đến một giả vương sang Trung Hoa đã tồn tại từ lâu, qua nhiều thời kỳ, nhiều giả thuyết. Có điều vì đây chỉ là một nghi án tương đối mù mờ mà theo thời gian, công bố sau thay thế những giả thuyết trước nên chúng ta khó nhận ra những biến chuyển tưởng chừng như trước sau không có gì thay đổi.

1. Người thay vua Quang Trung là Ngô Văn Sở

Ngay từ thời gian chuyến công du đang tiến hành, dư luận trong nước đã dấy lên những tin đồn về việc triều đình Tây Sơn đánh tráo người cầm đầu sứ đoàn và người sang Trung Hoa không phải là vua Quang Trung "*thật*". Tin đồn đó được ghi lại trong nhiều văn bản, hầu hết dưới dạng ngoại sử được thực hiện trong thời Tây Sơn, (hay chỉ một thời gian ngắn sau khi triều đại này bị tiêu diệt) do những tác giả sống ở miền Bắc.[1] Tuy nhân thân các

1. Về việc triều đình Tây Sơn cử người giả sang Trung Hoa, chúng tôi đã đưa ra giả thuyết là những người đối nghịch với triều đình đã không phân biệt được

tác giả không mấy rõ rệt nhưng theo nội dung và niên đại, chúng ta có thể biết rằng đây là công trình của những nhà nho không cộng tác với tân triều viết theo những gì họ quan sát ở địa phương kèm theo một số tin tức truyền tai thời tao loạn.

Chính vì những ghi nhận không kiểm chứng được nên chúng ta khó có thể đánh giá cho cặn kẽ toàn bộ các tài liệu ấy mặc dù nội dung cũng phản ảnh phần nào xã hội thời đó và thường được sử dụng như một loại tài liệu phụ khi cần miêu tả xã hội thời Tây Sơn.

Tây Sơn thuật lược (khuyết danh) viết người đóng giả vua Quang Trung là Đô đốc Nguyễn Hữu Chấn[1], *Lê quý dật sử* (Bùi Dương Lịch) viết là Tư Mã Chấn[2], *Nghệ An ký* (Bùi Dương Lịch)

---

phái đoàn Nguyễn Quang Hiển sang Trung Hoa thay mặt quốc vương dâng biểu cầu phong và nhận sắc ấn đem về. Vai trò "tuy đại do thân" (tuy thay mặt nhưng cũng như chính mình) đã bị nhầm lẫn với việc vua Quang Trung sang Trung Hoa để thay việc cống người vàng (đại thân kim nhân) để cầu phong. Khi vua Quang Trung sang Trung Hoa, ông đã là một ông vua của An Nam (An Nam quốc vương), trên thực tế cũng như trên danh nghĩa do triều đình nhà Thanh công nhận bằng một lễ phong vương ở Thăng Long hồi tháng Mười năm Kỷ Dậu (1789). Những nhầm lẫn rằng ông sang Trung Hoa cốt để được phong vương đã làm đảo lộn một tình huống lịch sử và bị nhiều thành phần cố ý hay vô tình ngộ nhận, trong đó có quan lại Trung Hoa, sứ đoàn Triều Tiên, các nhóm thân Lê và các nhóm chống Tây Sơn. Xem thêm: *Giả vương nhập cận: Có thực người sang Trung Hoa là vua Quang Trung giả hay không?* (TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016) của cùng tác giả.

1. "*... Mùa hạ, Huệ sai Điện-trung Thị-Ngự-sử Phan-Huy-Ích, Công-bộ Dãi-chiếu Thượng-thư Vũ-Duy-Tấn (đỗ hương-cống triều Lê, người ở Mộ-trạch) và Hàn-lâm Học-sĩ Đoàn-Nguyễn-Tuấn cùng với Đô-đốc Nguyễn-Hữu-Chấn sang nhà Thanh, lúc ấy vua Càn-Long đã 80 tuổi. Lúc trước vua nhà Thanh có bảo Huệ phải thân hành sang chúc phúc, Huệ cố từ. Bọn Phan-Huy-Ích tâu với Huệ xin quyền biến, Huệ mới giả mạo sai Chấn* [Chấn?] *đi thay cho mình, và khiến bọn Phan-Huy-Ích đi theo...*". Tạ Quang Phát (dịch), *Tây Sơn thuật lược* (Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1971), tr. 12-13.

2. "*... Khi đó có Các thần là Hòa Khôn chủ trì công việc bên trong cùng với Long An cai quản nơi phiên viện. Long An bảo Tây Sơn đem nhiều tiền của dút lót cho Hòa Khôn. Bên trong, bên ngoài tương ứng với nhau, ngầm khuyên vua Thanh bãi binh, không gây hiềm khích ở miền biên giới để khỏi tổn hại đến Trung Quốc. Vua Thanh nghe theo lời bàn ấy ra lệnh cho Nguyễn Huệ vào chầu. Nguyễn Huệ bèn ủy cho bề tôi là Tư Mã Chấn đến Yên Kinh, để vào chầu vua Thanh. Triều đình nhà Thanh giả*

viết là Nguyễn Chấn[1], *Lê triều dã sử* (khuyết danh) viết là Ngô Văn Tàng (một tên khác của Ngô Văn Sở)[2]... Tựu trung, khi thấy Đô đốc Chấn không có mặt ở Bắc Hà, sĩ phu Đàng Ngoài đã cho rằng ông chính là người đóng thay vua Quang Trung. Đô đốc Chấn hay Chấn Quận công chính là một tên khác của Đại tư mã Ngô Văn Sở, người nắm binh quyền ở miền Bắc, còn được biết dưới tên Ngô Hồng Chấn. Chúng ta cũng không loại bỏ giả thuyết chính triều đình Quang Trung cũng dùng cái tin "*giả vương*" như một màn khói để ngăn ngừa vọng động từ thành phần còn luyến tiếc nhà Lê. Cái tin đồn một võ quan đóng thay vua Quang Trung tương đối phổ biến, lan cả ra đến những người ngoại quốc đang sống ở nước ta.

2. Người thay vua Quang Trung là Phạm Công Trị

Có lẽ khi viết về triều đại Tây Sơn, sử thần triều Nguyễn thấy Ngô Văn Sở không thể đóng vai vua Quang Trung vì chính ông ta là một nhân vật quan trọng cùng đi trong phái đoàn nên Quốc sử quán nhà Nguyễn đã nêu tên người đóng vai vua Quang Trung bằng một cái tên khác. Đó là Phạm Công Trị, cháu gọi vua Quang Trung bằng cậu. Chi tiết này được ghi trong cả *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhất kỷ) và *Liệt truyện* (quyển 30, Ngụy Tây). Vì phát xuất từ sử triều đình nên cái tên Phạm Công Trị được hầu hết

---

vờ như không biết, hậu đãi sứ thần để về về...". Bùi Dương Lịch, *Lê quý dật sử*, Phạm Văn Thắm dịch (Hà Nội: Khoa học xã hội, 1987), tr. 92.

1. "*... Tháng 11, vua Thanh trở về Yên Kinh. Tây Sơn đem trao trả các tù binh và hài cốt của tri phủ Sầm Nghi Đống. Lại sai Nguyễn Chấn giả làm Nguyễn Huệ vào chầu vua Thanh. Người Thanh làm lơ như là không biết, tiếp đãi rất từ tế...*". Bùi Dương Lịch, *Nghệ An ký*, Nguyễn Thị Thảo dịch (Hà Nội: Khoa học xã hội, 1993), tr. 399.

2. "*... Năm Canh Tuất (1790) vua Càn Long xuống chiếu với Quang Trung, tháng Tám vào triều cận. Quang Trung bèn sai Ngô Văn Tàng* [một tên khác của Ngô Văn Sở, tr. 115] *phụng mệnh đi sứ, đưa người khác phụng mệnh vào yết kiến. Càn Long cho ngồi gần, đặc cách gia ân cho ở vào địa vị thân vương. Sứ thần và người đi theo được cho nhiều vàng bạc của cải. Trung Quốc đãi người An Nam từ xưa chưa bao giờ lại cực kỳ trọng hậu như lần này...*". Nguyễn Văn Thức - Lê Văn Bảy (sưu tầm - biên dịch), *Lê triều dã sử* (Hà Nội: Văn hóa - Thông tin, 2006), tr. 120.

các sử gia chấp nhận không bàn cãi. Phạm Công Trị cũng không phải chỉ đóng giả vua Quang Trung một lần và cũng theo sử triều Nguyễn, chính ông này cũng đã đóng giả vua Quang Trung để ra Thăng Long nhận phong vương (1789).

Nếu hôm nay chúng ta không có thêm những nguồn tài liệu đầu tay mới, tất cả những nghi vấn về vị thế của triều đại Quang Trung, vỏn vẹn vài năm cuối thế kỷ XVIII, sẽ không ai đặt ra. Phần lớn sử gia và người nghiên cứu chỉ miêu tả thời gian này qua tài liệu của triều Nguyễn và những tài liệu ngoại sử.

Năm 1967 Bộ Giáo dục Việt Nam Cộng hòa xuất bản cuốn *Đại Việt quốc thư* (dịch giả Đình Thụ Hoàng Văn Hòe) mà nguyên bản có lẽ đã dùng bản sao từ văn khố Viện Viễn Đông Bác cổ để lại. *Đại Việt quốc thư* (大越國書), 6 quyển, 410 trang, chủ yếu là các văn thư giao thiệp hậu chiến, tiến trình phong vương cho Nguyễn Quang Bình và chuyến Bắc du năm Canh Tuất.

Tập tài liệu này không thấy nhắc đến trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm: Nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam* (1 và 2) của Trần Văn Giáp[1] nhưng nay có một bản chép tay lưu trữ trong thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm dưới số hiệu 0486, nhan đề *Đại Nam quốc thư tập*, bản sao tại Paris số hiệu A.144 EFEO MF II.85 (A.144).[2]

Thế nhưng đây cũng là lần đầu tiên, nhân vật mà người ta vẫn cho là người đã đóng giả vua Quang Trung sang Trung Hoa được xuất hiện trong một văn bản đầu tay (tiên nguyên) thời Tây Sơn dấy lên mối nghi ngờ về sự chính xác của chi tiết trong sử

1. Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm: Nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*. Tập I (in lần thứ 2) (Hà Nội: Văn hóa, 1984), Tập II (Hà Nội: Khoa học xã hội, 1990). Theo lời nhà xuất bản ở tập II thì tập I in lần đầu do Thư viện Quốc gia năm 1970 và tập II in lần đầu năm 1990.

2. Lưu Xuân Ngân, Vương Tiểu Thuẩn, Trần Nghĩa (Chủ biên), *Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu* (Đài Bắc: Trung Quốc văn triết nghiên cứu sở, 2002), tr. 98. Tuy hai nhan đề có khác nhau nhưng nội dung là một.

triều Nguyễn. Chính dịch giả Đình Thụ, tuy không phải là sử gia, cũng cho rằng giả thuyết cũ nói rằng người thay vua Quang Trung tên là Phạm Công Trị không chính xác, vì họ Phạm cũng là một nhân vật đi trong phái đoàn:

> *... Có thuyết nói: Người đi thay Vua Quang-Trung là Phạm-Công-Trị (cháu gọi vua Quang-Trung bằng cậu) có thuyết nói một người trong tỉnh Nghệ-An giống Vua Quang-Trung.*
>
> *Xem trong tập này, khi Nguyễn-Quang-Thùy là con Vua Quang-Trung cùng sang nhà Thanh với cha, đi đường bị yếu, quan nhà Thanh là Phúc-Khang-An cho Phạm-Công-Trị là cháu gọi vua Quang-Trung bằng cậu, đem Nguyễn-Quang-Thùy về trước để điều trị, mà vua Càn-Long giáng chỉ-dụ cho việc làm như thế là phải.*
>
> *Như vậy thuyết giả-vương là Phạm-Công-Trị có lẽ không được đúng, vì không khi nào để Phạm-Công-Trị đi thay mình mà lại chọn một người khác làm Phạm-Công-Trị giả để đi theo. Đến như sứ Tầu đã sang ta hàng mấy tuần, tiếp xúc với Vua Quang-Trung, thời Giả-Vương đó người Tàu có nhận biết hay không?...* (Lời Kết-Luận của Dịch-Giả, tr. 356).

Theo diễn tiến khai thác các tài liệu, việc đề cập đến một người đóng giả vua Quang Trung sang Trung Hoa ở trong nước xuất hiện khi phái đoàn đang công du chính là Ngô Văn Sở, Đại tư mã trông coi quân sự trong triều đình. Lời đồn đãi này lan rộng và chỉ chấm dứt khi biết rõ Ngô Văn Sở chính là nhân vật đứng đầu hàng võ tháp tùng vua Quang Trung trong chuyến đi. Khi Quốc sử quán triều Nguyễn được thành lập thì người đóng vai vua Quang Trung trong chuyến công du này đổi thành Phạm Công Trị. Thuyết này được công nhận và có cơ sở đứng vững nên các nhà nghiên cứu mặc nhiên phủ nhận việc Tư Mã Chấn

đóng thay vua Quang Trung mà không cần biện giải. Đó cũng là điều đáng đặt ra khi sau này không còn ai nhắc đến Ngô Văn Sở như một người đóng thay mặc dù tồn tại trong nhiều văn bản ở miền Bắc.

Việc xác định ai là người dẫn đầu phái đoàn Tây Sơn sang Trung Hoa được mở lại khi một số tài liệu gốc của nhà Thanh được công bố theo lối ảnh ấn từ Trung Hoa lục địa lẫn Đài Loan thì hai bên đều nêu lên một người có tên Phạm Công Trị cùng với Đặng Văn Chân là thân tộc của vua Quang Trung đi trong phái đoàn và sau đó hộ tống vương tử Nguyễn Quang Thùy về nước.

Tài liệu Việt Nam: *Đại Việt quốc thư*[1]

Tài liệu ngoại giao giữa Tây Sơn và nhà Thanh từ nhiều kho tư liệu ở Trung Hoa lục địa lẫn Đài Loan trong mấy năm dời Quang Trung đến nay đã được công bố gần như đầy đủ nên chúng ta có thể khẳng định rằng dù soi xét kỹ lưỡng tới đâu, chúng ta cũng chỉ thấy cái tên đó xuất hiện trong một vài văn thư liên quan đến việc Nguyễn Quang Thùy [con trai thứ tháp tùng vua Quang Trung sang Trung Hoa] bị sốt không thể tiếp tục cuộc hành trình và phải trở về nước.

Việc vua Quang Trung đem theo một vương tử, đặc biệt đây là cậu con trai đã thay mặt ông đón tiếp phái đoàn Thành Lâm khi sứ thần nhà Thanh đến Gia Quất trước khi vào Thăng Long, cho thấy Nguyễn Quang Thùy tuy nhỏ tuổi nhưng vai vế rất quan trọng. Chính Nguyễn Quang Thùy thay mặt triều đình tại Thăng Long và cũng là người sát cánh với vua Cảnh Thịnh sau khi mất Phú Xuân. Ông tự tử ở Lạng Giang khi anh em Tây Sơn tính chuyện bôn dào sang Trung Hoa bất thành.

---

1. *Đại Việt quốc thư*, Nguyễn Duy Chính dịch (TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016).

Vai trò của Nguyễn Quang Thùy khá nổi bật đến nỗi vua Càn Long đã tưởng ông chính là người kế nghiệp của Nguyễn Quang Bình và sắc phong cho ông làm thế tử[1] và chỉ rút lại khi vua Quang Trung tâu rằng ông chỉ là con thứ, con trưởng là Nguyễn Quang Toản đang ở Phú Xuân coi việc triều chính.

Khi Nguyễn Quang Thùy phải quay về, vua Quang Trung đã sai Đặng Văn Chân, một tướng lãnh [mà cũng là người trong họ nội] đưa 30 người hộ vệ vương tử cùng với Phạm Công Trị về Thăng Long. Chính từ chi tiết này chúng ta biết rằng Phạm Công Trị là một nhân vật có thật, gọi vua Quang Trung bằng cậu, nhưng không thấy có một vai trò gì quan trọng trong suốt triều Tây Sơn. Cháu gọi bằng cậu là con của em gái vua Quang Trung, có gần lắm bà này cũng chỉ độ ngoài 30 nên con trai chắc cũng còn trong tuổi "trái đào" mà chúng tôi cho rằng chỉ là một cậu bé anh em họ với Nguyễn Quang Thùy được đưa theo để bầu bạn. Nguyễn Quang Thùy về nước thì vai trò của Phạm Công Trị cũng hết nên phải về theo.

Cũng theo tập công văn này (tập 6), ngày mồng 2 tháng Năm năm Càn Long 55 (1790) khi nghe tin Nguyễn Quang Thùy phải về nước, vua Càn Long đã gửi cho vua Quang Trung [Nguyễn Quang Bình] đang trên đường lên Bắc Kinh một đạo dụ khen ngợi, ban thưởng cho Nguyễn Quang Thùy một thanh ngọc như ý và cho phép dùng dịch trạm để chuyển về nước ngõ hầu vua Quang Trung khỏi lo lắng trên đường đi.[2] Cái tên Phạm Công Trị về sau không thấy nhắc đến nữa có lẽ vì đây chỉ là một chuyện nhỏ trong suốt chuyến đi với những sự việc khác quan trọng hơn nhiều. Ngoài Phạm Công Trị hàng chục nhân vật khác trong chuyến công du này cũng được nhắc đến tùy theo vai trò hành nhân, tòng nhân,

1. Theo điển lệ nhà Thanh, con kế nghiệp và tập tước của bậc thân vương có thể được phong tước "thế tử", con của các tước vương khác chỉ được phong "trưởng tử".

2. *Đại Việt quốc thư*, Nguyễn Duy Chính dịch (TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), tr. 228, bản chữ Hán tr. 388, tập VI.

phù ấn lang... trong các văn thư trao đổi với Thanh triều nhưng hầu như không còn biết đến.

Tài liệu Trung Hoa: *Khâm định An Nam kỷ lược*[1]

Cái tên Phạm Công Trị đã xuất hiện trong *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXVIII, trang 4a qua lời tâu của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh, và lại được nhắc tới trong "Thượng dụ", quyển XXVIII, trang 10b, là người cùng với Đặng Văn Chân hộ tống Nguyễn Quang Thùy về nước.[2]

Không chỉ xuất hiện trong *Khâm định An Nam kỷ lược*, cái tên Phạm Công Trị còn được nhắc tới trong nhiều tài liệu khác, bao gồm cả lời tâu của Phúc Khang An lẫn thượng dụ của vua Càn Long (*Thượng dụ đáng*, quyển XV, tr. 641). Do sự tố cáo của nhóm nhà Lê, Phạm Công Trị bị lẫn lộn với một người "cháu" khác của vua Quang Trung là Nguyễn Quang Hiển thay mặt vua Quang Trung [tuy đại do thân, tuy thay mặt mà như đích thân sang] đem biểu sang Trung Hoa cầu phong mấy tháng trước [mà hậu nhân đã nhầm rằng ông đóng giả vua Quang Trung] nên trở thành một cái tên quan trọng trong lịch sử. Ngoài ra Phạm Công Trị không có thêm một công nghiệp nào khác trong suốt triều đại Tây Sơn.

Nói tóm lại, hai người được đưa ra như là nhân vật đóng thay vua Quang Trung là Ngô Văn Sở (từ thành phần không cộng tác với Tây Sơn) hay Phạm Công Trị (từ sử triều Nguyễn) đều không chính xác vì cả hai người này đã tồn tại trong các tài liệu đầu tay và nguyên bản gốc với những vai trò khác. Những đề cập đến một "*vua Quang Trung giả*" chỉ tồn tại trong những văn kiện thứ cấp[3] từ bên ngoài chứ không phải từ chính những

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, Nguyễn Duy Chính dịch (Hà Nội: Hà Nội, 2016).
2. Xem: *Khâm định An Nam kỷ lược*, Nguyễn Duy Chính dịch (Hà Nội: Hà Nội, 2016), tr. 545, 548.
3. Giáo sư Nguyễn Phương trong tác phẩm giáo khoa cơ bản dùng cho sinh viên đại học Ban Sử Địa là *Phương pháp Sử học* (Phòng Nghiên cứu Sử, Viện Đại học Huế, 1964) đã nêu ra định nghĩa của việc phân biệt sử liệu đầu tay (hay tiên nguyên, tức

người từng phục vụ trong triều đình Quang Trung giao thiệp với nhà Thanh.

Không phải chỉ một chi tiết mà rất nhiều vấn đề khác triều Nguyễn viết về thời kỳ Tây Sơn đã không đúng sự thật. Viết về đối phương thì đã vậy, nhiều sự kiện trong *Tiền biên*, *Chính biên* viết về các đời chúa, đời vua nhà Nguyễn cũng không ăn khớp khi đối chiếu với tài liệu và nhân chứng bên ngoài đáng tin cậy hơn. Ngay cả hành trạng của vua Gia Long cũng không được ghi chép cho có quy tắc nên khi thành lập Quốc sử quán, vua Minh Mạng đã phải ra lệnh cho những người từng đi theo tiên vương chép lại theo trí nhớ để dùng làm cơ sở viết sử.[1] Điều đó cho ta thấy, tài liệu của triều đình cũng không thể hoàn toàn tin cậy được.

---

primary sources) và sử liệu thứ cấp (mà ông gọi là tu soạn, tức *secondary sources*) nguyên văn như sau:

"*Sự* [sử] *liệu trực tiếp còn được gọi là sử liệu tiên nguyên hay là dấu tay, và sử liệu gián tiếp cũng còn có tên là sử liệu tu soạn. Cách phân loại này hết sức thực tế, vì lý tưởng của sử gia bao giờ dự bị viết một bài sử cũng là tìm sao để về được đến những sử liệu trực tiếp, tiên nguyên như vừa nói...*

Có thể xếp vào loại các sử liệu tiên nguyên các bản tường thuật của các nhân chứng về các vụ ám sát, các trận chiến tranh, các tai nạn, các cuộc bàn cãi, các bản khẩu cung, các hiệp ước, các công văn, hoặc các tập ký sự, nhật ký. Các bộ sử chép về các thời đại, dầu là cổ điển hay danh tiếng đến đâu cũng chỉ là những sử liệu gián tiếp hay tu soạn. [NDC nhấn mạnh] *Thuộc về loại này phải kể các công trình của Herodotus, của Titus Livius, hay các bộ sách như* Sử ký *của Tư Mã Thiên,* Tiền Hán thư *của Ban Cố,* Hậu Hán thư *của Phạm Việp hoặc* Tư trị thông giám *của Tư Mã Quang...*" (tr. 69-70).

Trong công việc nghiên cứu, sưu tầm tài liệu là công tác gian nan và nhiều công phu nhất nhưng trong số hàng nghìn, hàng vạn tư liệu, văn bản mà chúng ta có được, việc phân chia, nhận định, đánh giá và chọn lựa để sử dụng lại càng khó khăn hơn vì phần lớn chúng ta chỉ tiếp cận được với loại tài liệu thứ cấp, nếu có may mắn hơn, cũng chỉ đạt tới loại tài liệu gần với tài liệu dấu tay chứ chưa hẳn đã là tài liệu nguyên thủy theo lối định nghĩa minh bạch của Giáo sư Nguyễn Phương.

1. Sách chép rằng năm Minh Mạng thứ 3 (1822), vua ra lệnh "*cho các quan từng giữ trọng trách trong triều, viết lý lịch sự vụ nạp tại Sử quán để làm tài liệu viết sử*" [Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 6 (123). 2015. Chuyên đề Sử liệu Việt Nam: *Lý lịch sự vụ* (nguyên tác Nguyễn Đức Xuyên, Trần Đại Vinh dịch), tr. 8]. Nếu tính theo thời điểm này, các ghi chép về thời chúa Nguyễn còn đang bôn ba cũng đã cách hơn 30 năm, số người theo ông cũng đã chết gần hết nên tài liệu gốc không được bao nhiêu, đến nay trong kho sách cũng hầu như mất cả. Thành ra chúng ta cũng khó biết sử triều Nguyễn viết từ đời Gia Long trở về trước dựa trên những tài liệu nào, đáng tin đến đâu?

II. VUA QUANG TRUNG "THẬT" Ở TRONG NƯỚC?

Từ kho tài liệu gốc của cả nước ta và Trung Hoa, việc đề cập đến một Ngô Văn Sở hay Phạm Công Trị đóng thay vua Quang Trung không còn đứng vững nhưng nếu xét nét như thói thường "*không có lửa sao có khói*" người ta vẫn có thể đưa ra giả thuyết rằng một người "*nào đó*" đóng vai Quang Trung và những người khác trong phái đoàn đều là những kịch sĩ trong một vở tuồng lớn.

Nếu có một người nào không phải Ngô Văn Sở hay Phạm Công Trị được đưa ra để đóng vai vua Quang Trung thì người đó là ai? Tài liệu có đáng tin không? Trong suốt thời gian phái đoàn công du, vua Quang Trung "*thật*" ở dâu? Làm gì?

Theo hướng đó, chúng ta cần có những chứng cớ là bản thân vua Quang Trung đang còn ở trong nước. Không thể tin được một vua Quang Trung đưa người đi thay mình rồi chính ông thì che giấu hành tung, im hơi lặng tiếng trong suốt gần một năm.

1. Lệnh chỉ năm Quang Trung 3 đóng dấu *Hoàng thái tử chi bảo*

Theo sách *Cổ vật thời Tây Sơn* (Kỷ niệm 240 năm phong trào nông dân Tây Sơn bùng nổ 1771 - 2011) do Hội đồng khoa học Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 2011, các trang 124 - 128, chúng ta thấy nhiều văn thư có niên đại Quang Trung 2, 4, 5 đóng dấu *Tiên Nhu chi bảo*. Duy nhất một lệnh chỉ giảm thuế cho nông dân huyện Thanh Trì để tháng Năm năm Quang Trung 3 (1790) ta lại thấy đóng dấu *Hoàng thái tử chi bảo* là con dấu của thái tử Nguyễn Quang Toản, khi đó tạm thay việc nước. Lệnh chỉ này cũng được đăng tải trong nhiều nghiên cứu khác điển hình là tạp chí *Xưa & Nay*, Số 349-350 (2.2010) trích bên dưới.

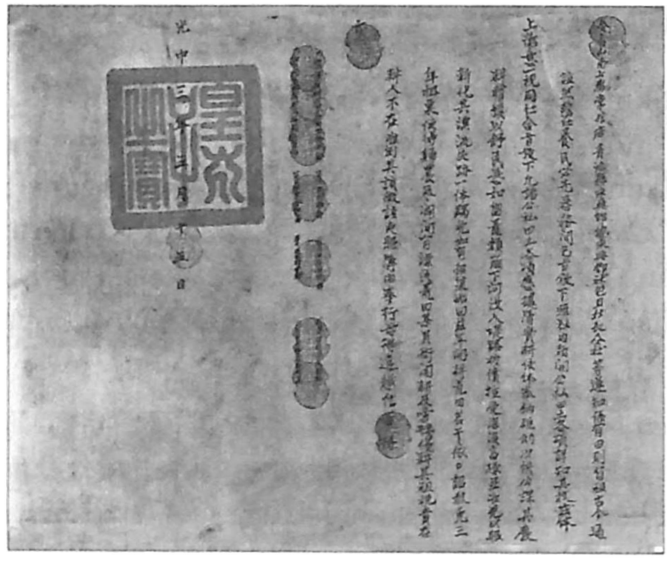

Lệnh chỉ năm Quang Trung thứ 3 đóng dấu *Hoàng thái tử chi bảo*
Nguồn: Tạp chí *Xưa & Nay*, Số 349-350, Tết Canh Dần (2.2010), tr. 21.

2. Văn thư liên lạc với Nguyễn Thiếp

Cũng trong *Cổ vật thời Tây Sơn*, các thư của vua Quang Trung viết cho La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp ta thấy có năm Quang Trung 2, 4, 5 (đóng dấu *Quảng Vận chi bảo*), trang 127 - 128 nhưng không có thư nào năm Quang Trung 3 là năm ông qua Bắc Kinh. Đối chiếu với danh sách của tác giả Hoàng Xuân Hãn trong *La Sơn phu tử* chúng ta thấy những văn thư do chính vua Quang Trung gửi chỉ thấy vào các năm Quang Trung 2 (C-17), Quang Trung 4 (C-19, C-20, C-21), Quang Trung 5 (C-22, C-23, C-24)[1] nhưng tuyệt nhiên không thấy năm Quang Trung 3, mặc dù theo tình hình lúc đó, Nguyễn Thiếp đang trông coi việc xây dựng kinh đô, ắt hẳn việc liên lạc giữa triều đình với Nghệ An phải thường xuyên hơn chứ không thể để hàng năm không ngó ngàng gì tới.

1. Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn phu tử* (Paris: Minh Tân, 1952), tr. 226-227.

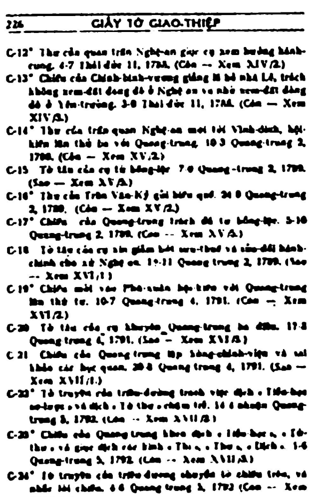

226 GIẤY TỜ GIAO-THIỆP

C-12° Thư của quan trấn Nghệ-an giục cụ xem hưởng [illegible]. 4-7 Thái-đức 11, 1788. (Còn — Xem XIV/2.)

C-13° Chiếu của Chính-bình-vương giảng [illegible] nhà Lê, trách không xem-đất đóng đô ở Nghệ-an và nhờ xem-đất đóng đô ở Yên-trường. 3-8 Thái-đức 11, 1788. (Còn — Xem XIV/3.)

C-14° Thư của trấn quan Nghệ-an mời tới Vĩnh-dinh, hội-kiến lần thứ ba với Quang-trung. 10-3 Quang-trung 2, 1789. (Còn — Xem XV/2.)

C-15 Tờ tâu của cụ từ bổng-lộc. 7-8 Quang-trung 2, 1789. (Sao — Xem XV/3.)

C-16° Thư của Trần Văn-Kỷ gửi biếu quế. 24-8 Quang-trung 2, 1789. (Còn — Xem XV/2.)

C-17° Chiếu của Quang-trung trách đã từ bổng-lộc. 5-10 Quang-trung 2, 1789. (Còn — Xem XV/3.)

C-18 Tờ tâu của cụ xin giảm bớt sưu-thuế và sửa-đổi hành-chính cho xứ Nghệ-an. 19-11 Quang-trung 2, 1789. (Sao — Xem XVI/1.)

C-19° Chiếu mời vào Phú-xuân hội-kiến với Quang-trung lần thứ tư. 10-7 Quang-trung 4, 1791. (Còn — Xem XVI/2.)

C-20 Tờ tâu của cụ khuyên Quang-trung ba điều. 17-8 Quang-trung 4, 1791. (Sao — Xem XVI/3.)

C-21 Chiếu của Quang-trung lập Sùng-chính-viện và sai khảo các học quan. 20-8 Quang-trung 4, 1791. (Sao — Xem XVII/1.)

C-22° Tờ truyền của triều-đường [illegible] « Tiểu-học » và dịch « Tứ thư » [illegible]. 14-4 nhuận Quang-trung 5, 1792. (Còn — Xem XVII/2.)

C-23° Chiếu của Quang-trung [illegible] « Tiểu-học », « Tứ-thư » và giục dịch các kinh « Thi », « Thư », « Dịch ». 1-6 Quang-trung 5, 1792. (Còn — Xem XVII/3.)

C-24° Tờ truyền của triều-đường chuyển tờ chiếu trên, và nhắc lời chiếu. 4-6 Quang-trung 5, 1792. (Còn — Xem XVII/3.)

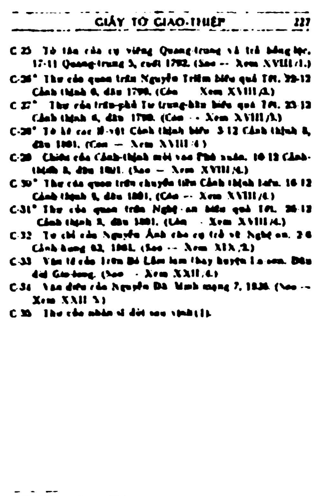

GIẤY TỜ GIAO-THIỆP 227

C-25 Tờ tâu của cụ viếng Quang-trung và trả bổng-lộc. 17-11 Quang-trung 5, cuối 1792. (Sao — Xem XVIII/1.)

C-26° Thư của quan trấn Nguyễn Triêm biếu quà Tết. 22-12 Cảnh-thịnh 8, đầu 1799. (Còn — Xem XVIII/2.)

C-27° Thư của trấn-phủ [illegible] biếu quà Tết. 23-12 Cảnh-thịnh 8, đầu 1799. (Còn — Xem XVIII/3.)

C-28° Tờ kê các [illegible] Cảnh-thịnh biếu. 3-12 Cảnh-thịnh 8, đầu 1801. (Còn — Xem XVIII/4.)

C-29 Chiếu của Cảnh-thịnh mời vào Phú-xuân. 10-12 Cảnh-thịnh 8, đầu 1801. (Sao — Xem XVIII/4.)

C-30° Thư của quan trấn chuyển tiền Cảnh-thịnh tiếu. 16-12 Cảnh-thịnh 8, đầu 1801. (Còn — Xem XVIII/4.)

C-31° Thư của quan trấn Nghệ-an biếu quà Tết. 20-12 Cảnh-thịnh 8, đầu 1801. (Còn — Xem XVIII/4.)

C-32 Tờ chỉ của Nguyễn Ánh cho cụ trở về Nghệ-an. 2-8 Cảnh-hưng 62, 1801. (Sao — Xem XIX/2.)

C-33 Văn tế của [illegible] Bá Lân làm thay huyện La-sơn. Đầu đời Gia-long. (Sao — Xem XXII/4.)

C-34 Văn điếu của Nguyễn Du. Minh-mạng 7, 1826. (Sao — Xem XXII/5.)

C-35 Thư của nhân sĩ đời sau [illegible](1).

(1) [illegible]

La Sơn phu tử (1952).

Cho nên, việc nêu lên những chứng cớ phụ cũng loại trừ những tài liệu thứ cấp (kể cả *Liệt truyện*) và những ngụy tạo vốn dĩ đầy rẫy sai lầm nhưng ít ai kiểm chứng.

III. ĐI TÌM THẬT GIẢ QUA THƠ VĂN CỦA CÁC VĂN THẦN TRONG SỨ ĐOÀN

Có lẽ tài liệu quan trọng nhất liên quan đến phái đoàn Quang Trung là di cảo của ba văn thần được cử đi theo vua Quang Trung. Đó là Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn và Đoàn Nguyễn Tuấn.

Trong ba người này Phan Huy Ích có một vị thế thật đặc biệt. Ông là người được mệnh danh là nhân vật chính yếu để thay mặt đối đáp và làm cố vấn mỗi khi gặp những vấn đề liên quan đến văn tự. Hai người còn lại có thể coi như phụ tá cho họ Phan và cả ba ông tạo thành một ban tham mưu hàng văn kề cận với quốc vương. Trong thứ tự đó, chúng ta thấy Phan Huy Ích là người chính (chánh sứ), các ông kia coi như thành phần dự bị (giáp, ất phó sứ).

Quan trọng hơn nữa, cả ba người đều có di văn để lại. Sự đồng nhất về cách diễn tả của cả ba người cho thấy sự tự hào và vai trò trước đây chưa từng xảy ra đối với giới nho gia nước ta. Chuyến công du cũng mang một vị thế mới gọi là "*hội áo xiêm*" chưa từng có trong lịch sử giao thiệp giữa hai nước.

1. Phan Huy Ích (潘輝益, 1751 - 1822)

Người trong chuyến đi để lại nhiều thi văn nhất là Phan Huy Ích. Ông tự là Khiêm Thụ, hiệu là Dụ Am, người làng Thiên Lộc, huyện Thu Hoạch, tỉnh Sơn Tây, đỗ Hội nguyên khoa Ất Mùi (1775), năm Cảnh Hưng 36, làm Hữu Thị lang bộ Lại triều Lê. Đời Tây Sơn, ông làm Thị trung ngự sử, Thượng thư bộ Lễ và là người đóng góp rất lớn trong công tác tái lập bang giao với nhà Thanh để đàm phán trên cơ sở bình đẳng nên đã tự hào là "*sáng thủy y thường hội*" (hội y thường lần đầu).

Ngoài các văn thư thay mặt quốc vương còn tồn tại trong *Đại Việt quốc thư* (cùng các văn thư còn lưu trữ trong văn khố nhà Thanh), Phan Huy Ích còn để lại hai tác phẩm đến nay vẫn chưa được khai thác trọn vẹn. Đó là *Dụ Am văn tập* và *Tinh tra kỷ hành*.

Về văn thư trong *Đại Việt quốc thư*, những gì ông thay mặt quốc vương viết ra chúng ta có thể không xét đến (nếu vẫn cho rằng người dẫn đầu phái đoàn là một ông vua giả) nhưng *Tinh tra kỷ hành* thì khác hơn. *Tinh tra kỷ hành* là một tập hợp văn thơ theo thói quen ngâm vịnh của các nhà nho thuở trước - bên ngoài công tác chính là phụ tá vua Quang Trung để thù ứng với Thanh triều - mà Phan Huy Ích đã làm trong suốt chuyến đi này. Đây là một tập tài liệu cá nhân nhưng ít nhiều nhắc đến những sự việc phái đoàn đã gặp trên đường và dịp đại lễ ở Yên Kinh.

Trước hết, về việc Phan Huy Ích được cử đi theo trong phái đoàn cho ta thấy đây là một công tác cực kỳ quan trọng và cao quý, không phải ai cũng có thể được giao phó. Tuy chính Phan Huy Ích không nói ra nhưng bài tựa quyển *Tinh tra kỷ hành* của Trần Bá Lãm có đoạn như sau:

... 既而通使議和。國體增重。代干戈以口舌。易兵卓爲衣裳。厥功韙矣。

歲庚戌，恭備大清乾隆皇帝八旬慶壽。藩邦畢會，特先馳諭我國懇邀御臨祝嘏。多方推阻。而敦勸愈諄。公與二三大臣，奉請行權。

先皇帝俯准其議，特命公爲陪臣，便宜酬應。是行也。周歷萬里，所致歡迎。與中州紳升相款洽。迨進覲熱河，回侍西苑...

> *... Cho nên hai bên đã thông sứ, nghị hòa, quốc thể lên cao lấy miệng lưỡi thay cho giáo mác, đổi binh xa bằng áo xiêm, việc của ông quả là phải vậy. Năm Canh Tuất cung kính chuẩn bị lễ khánh thọ của vua Càn Long nhà Đại Thanh, tụ hội các nước phiên nên đặc biệt dưa dụ tới nước ta, khẩn khoản yêu cầu nước ta đến triều chúc thọ.*
>
> *Bên ta nhiều phen thoái thác nhưng họ lại càng thêm thiết tha. Ông* [tức Phan Huy Ích] *cùng hai ba đại thần xin nhà vua nên tòng quyền. Tiên hoàng đế* [tức vua Quang Trung]

thuận theo lời nghị luận, đặc biệt ra lệnh cho ông làm bồi thần để lo việc đối đáp. Vì thế nên được đi.

Trên quãng đường vạn dặm đi đến đâu cũng được hoan nghênh, được các quan văn võ trung châu tiếp đãi. Sau khi chiêm cận ở Nhiệt Hà thì trở về Tây Uyển [Viên Minh Viên],...[1]

Ngoài ra chúng ta không thể không nhắc đến Đoàn Nguyễn Tuấn trong bài "Bạt" viết ở cuối sách *Tinh tra kỷ hành*:

吾友潘候之裕氏。才邁氣豪。睥睨一世。少年領鄉會。二元聲價藉甚。中間歷涉世故。稍收斂。粹如也。庚戌春。以才名應覘。是行也。大皇帝特格督臣伴送。舟卓旌旗。耀人耳目。所至奔走。官吏迎送。秋抵熱河行宮。復從駕回燕京出西苑。連旬進謁。天寵優異。從來我國華使。未有如此之奇且榮者。侯於文書酬應之暇。時及之詩。探中州之風物。品大地之山川。與夫承恩于密勿。陪遊于麗邃。隨在吟詠。裒摭成集。顏之曰星槎紀行。夫以大得意人寫大得意事。譬之紅樓朱屋。畫客所難。惟侯往往有言外餘趣。故其豐艷奪目。而傾人之態。尤在悠揚婉轉間。是以能其所難者歟。余不才。備數下列。無翰墨公冗。又不預朝燕。七八月間甚多暇。無一事可錄。性獨懶。亦罕及題述。卽有之。概屬蕭瑟荒寒之氣。大與豐艷濃致不同。一日在侯舟中悶甚。適覩是錄。偶捉筆書之。侯遂要竟其集。旣完。因附數言于集之後。時乾隆五十五年中冬日也。盟弟段阮俊書于寧明江次。

---

1. Lời tựa quyển *Tinh tra kỷ hành* do Trần Bá Lãm soạn ở đầu sách. Đoàn Nguyễn Tuấn viết bài "Bạt" ở sau cùng. Bài Tựa trên cũng nhắc đến những người sau đây ký tên hiệp duyệt (đọc để cùng góp ý):
   - Thị trung Đại học sĩ Tinh Phái hầu Hy Doãn Ngô Thì Nhậm.
   - Thị trung đài chiếu Thượng thư Trực Lượng hầu Khang Lộc Trần Viết Trực.
   - Đô sát thự đô ngự sử Hoằng Đạo hầu Hương Gia (Trà) Nguyễn Đăng Tuấn. Đô sát thự đô ngự sử Đạo Thành hầu Hải Lăng Lê Bá Đương.
   - Hộ bộ Tả thị lang Thanh Phong hầu Tả Thanh Oai Ngô Vi Quý.

Bạn tôi là Phan hầu có tài lớn khí hào vượt trội hơn hẳn người khác. Thuở còn trẻ đã thi Hương thi Hội hai lần đứng đầu, tiếng tăm lừng lẫy. Đến thuở trung niên từng trải sự đời nên thu liễm lại càng thêm chín chắn. Mùa xuân năm Canh Tuất chọn người tài danh theo hầu nhà vua đi triều cận, vì thế nên được đi.

Đại hoàng đế [vua Càn Long] *đặc biệt cho Tổng đốc* [Phúc Khang An] *bạn tống, thuyền xe cờ quạt khiến người ta xem lóa mắt. Hễ đi đến chỗ nào, các quan lại đều đón đưa, mùa thu đến hành cung tại Nhiệt Hà, lại theo vua về Yên Kinh ra Tây Uyển* [Viên Minh Viên], *suốt tuần ngày nào cũng vào yết kiến. Thiên tử ưu đãi lạ thường, từ trước đến nay người mình đi sứ Trung Hoa, chưa từng bao giờ lại lạ lùng và vinh hiển như thế.*

Khi nhàn rỗi thì ông đem văn chương qua lại với người ta. Khi có thì giờ được đưa đi thăm cảnh trung châu, bình phẩm núi sông nơi cõi lớn, hễ đi đâu cũng không rời, theo hầu tới những nơi đẹp đẽ, chỗ nào cũng ngâm vịnh, nên ông chọn ra để thành tập gọi là Tinh tra kỷ hành.

Phàm người có được cái tài xứng đáng ắt gặp để viết ra sự thật đắc ý, ví như lầu hồng nhà đỏ, người vẽ khó khăn, riêng chỉ có ông chỗ nào cũng còn những điều chưa nói hết, nên dẹp dẽ ưa nhìn, làm cho người phải nghiêng đổ. Còn như ở chỗ du dương uyển chuyển, thì ông lại càng tỏ lộ được những chỗ khó phô ra.

Tôi không có tài, nhiều lần phải đứng ở dưới thấp, không dám lấy chỗ hàn mặc để rườm lời, cũng không dám chen vào việc triều yến. Trong bảy, tám tháng biết bao thì giờ nhàn rỗi nhưng nào có ghi lại được gì đâu. Tính lại lười biếng nên cũng ít thuật lại chuyện gì, nếu có thì cũng chỉ có cái khí buồn bã lạnh lẽo, khác hẳn cái dồi dào dẹp dẽ nồng thắm của ông.

Một ngày ở trên thuyền cùng với ông đang lúc phiền muộn, bỗng thích chí mà cầm bút viết, ông liền yêu cầu đọc tập thơ này. Đọc xong mới viết thêm vào cuối sách một vài câu.

Nay vào năm Càn Long 55, ngày giữa mùa đông. Em kết nghĩa là Đoàn Nguyễn Tuấn viết tại nhà trọ trên sông ở Ninh Minh.

Cũng nên thêm, vào đời Gia Long, nhà của Phan Huy Ích bị cháy rụi nên bao nhiêu trước tác đều mất hết và công trình để lại ngày hôm nay không phải ghi tại chỗ mà là những gì ông nhớ lại và sưu tầm từ bạn bè, thân nhân nên mười phần chỉ được vài ba như ông tự thú. Lẽ dĩ nhiên, những công trình này được tổng hợp sau khi nhà Tây Sơn đã bị diệt và khi đó ông cũng chẳng có lý do gì không công bố những bí mật của tiền triều mà ông đã dự phần.[1]

Một chi tiết hầu như không mấy ai nhắc đến: Sau khi nhà Tây Sơn sụp đổ, họ Phan vẫn làm việc cho triều Nguyễn tới tận đầu đời Minh Mạng. Tuy không được sử sách ghi nhận một cách chu đáo, vai trò của Phan Huy Ích trong công tác giao thiệp với nhà Thanh là một khuôn mặt quan trọng và chính nhờ theo dõi hành trạng ông mà chúng ta có thể giải mã được nhiều bí ẩn trong tiến trình cầu phong đời Gia Long. Tuy công lao rất lớn, sự đóng góp của những văn quan chuyên về ngoại giao có gốc từ đời Lê và Tây Sơn chưa bao giờ được công nhận một cách chính thức.

Với hai chi tiết đó, chúng ta không có lý do để nghi ngờ rằng khi chép lại văn thơ cũ, Phan Huy Ích vẫn ngại ngùng mà không xác định người đi cùng với ông là một người giả và vua Gia Long biết được ngụy tạo này mà không truy cứu để lập công với nhà Thanh. Dẫu thời đại đã qua, những lời lẽ Phan Huy Ích viết về vua Quang Trung vẫn cực kỳ kính trọng, tên húy vẫn kiêng, tuyệt

1. Riêng tài liệu lưu trữ của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ta thấy kiêng húy chữ *Thì* [tên vua Tự Đức] (chữ *Nhật* viết ở bên phải thay vì bên trái) nên bản sao này còn sau hơn nữa.

nhiên không có chút nào coi thường nếu như trước đây ông đã bị ép buộc phải đóng một vai trò mạo hiểm, sinh tử quan đầu.

2. Vũ Huy Tấn (武輝瑨, 1749 - ?)

Người quan trọng đứng thứ hai trong hàng văn của phái đoàn là Vũ Huy Tấn. Ông tự Tự Chiêu, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương, làm Thị lang bộ Công đầu đời Tây Sơn, hàm Thượng thư được phong tước Hạo Trạch hầu và đi sứ nhà Thanh lần đầu năm 1789, lần hai năm 1790 cũng là chuyến đi cùng với vua Quang Trung trong vai phó sứ cho Phan Huy Ích. Trong lần đi này, ông để lại nhiều văn thơ tập trung thành tác phẩm có nhan đề *Hoa trình hậu tập* (華程後集).[1] Thơ văn của Vũ Huy Tấn để lại nhiều dấu ấn về việc ông phụng mệnh quốc vương, chẳng hạn trên đường đi ông viết "Tại Thanh Viễn huyện ứng chế phụng đề chi tác" trong đó chữ phụng đề hàm nghĩa là do lệnh của quốc vương.

Trong bài họa thơ Phan Huy Ích *Cảm họa Lại bộ Phan huynh thi vận*, ông viết:

同榦原來是世交。共持忠信任波濤。

Đồng cán nguyên lai thị thế giao. Cộng trì trung tín nhiệm ba đào.

Cùng lo bởi vốn là quen biết nhau từ nhiều đời, Vì chung giữ hai chữ trung tín mà chúng ta phải chịu sóng gió.

Vũ tiên sinh nhắc đến "*trung tín*" vừa để cập đến sự trung thành của mình với đất nước, với quân vương nhưng cũng nhấn mạnh vào chữ tín là việc mà hai ông Phan, Vũ đều cực lực khuyên vua Quang Trung giữ lời hứa đã nhận lời sang Trung Hoa.

---

1. Tài liệu Viện Nghiên cứu Hán Nôm, số hiệu A700. *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, Đệ lục sách (Phục Dán Đại học, 2010).

Trong lời dẫn bài *Ứng chế đề Đằng Vương Các*, ông viết:

余隨駕進覲，得臨此古來星槎所未曾到之地。莫非烟景文章之有夙因者。適奉督憲晏國王。命賦詩一章。將銘于石以記此遊。余喜因援筆立成以獻。

Khởi tòng vạn lý hữu tư du...

Dư tùy giá tiến cận, đắc lâm thử cổ lai tinh tra sở vị tằng đáo chi địa. Mạc phi yên cảnh văn chương chi hữu túc nhân giả. Thích phụng đốc hiến yêu quốc vương, mệnh phú thi nhất chương. Tương minh vu thạch dĩ ký thử du. Dư hỷ nhân viện bút lập thành dĩ hiến.

Hỗ tòng vạn lý hữu tư du...

> *Tôi đi theo nhà vua* [tùy giá] *lên kinh đô triều cận, được đến nơi này là nơi mà xưa nay người đi sứ chưa từng được đến. Chẳng phải là nơi văn chương đã có người ngâm vịnh hay sao. Cho nên tổng đốc* [Phúc Khang An] *mới yêu cầu quốc vương ra lệnh làm một bài thơ để khắc lên đá ghi nhớ chuyến đi này. Tôi vui mừng nhân đó viết thành đưa lên:*
>
> *Theo vua đi vạn dặm nên có chuyến viếng thăm này...*

Khi vua Càn Long ban cho vua Quang Trung mũ áo, Vũ Huy Tấn họa lại bài thơ "*ngự chế*" của vua Thanh:

應制奉代和特賜朝服御製詩韻。

Ứng chế phụng đại đặc tứ triều phục ngự chế thi vận.

Nhận lệnh thay mặt họa lại bài thơ ngự chế khi được đặc biệt ban cho triều phục.

Nhận lệnh thay mặt (*phụng đại*) là chữ dùng để chứng tỏ ông được vua Quang Trung ra lệnh cho làm thơ họa lại bài ngự thi chứ không phải tác giả tự tiện làm, nhất là họa thơ của hoàng đế.

Ngày hôm sau, vua Càn Long lại ban mũ áo tam phẩm cho các bồi thần hàng văn, Vũ Huy Tấn cũng được dự phần nên ông lại phụng mệnh vua Quang Trung mà làm thơ tạ ơn, dùng lại vần hôm trước:

次日奉賜三品冠服。因奉依前韻進謝。

扈從覲覿再瞻依。似此遭逢千載希。...

Thứ nhật phụng tứ tam phẩm quan phục. Nhân phụng y tiền vận tiến tạ.

Hỗ tòng cận bí tái chiêm y. Tự thử tao phùng thiên tải hy...

Hôm sau, được ban cho quan phục tam phẩm. Vì thế theo đúng vần trước họa tiến lên để tạ ơn.

Theo vua đến chiêm cận lại được thấy long nhan. Từ xưa đến nay gặp gỡ như thế thật là chuyện hiếm có nghìn năm...

3. Đoàn Nguyễn Tuấn (段阮浚)

Đoàn Nguyễn Tuấn cũng đi cùng trong phái doàn, nhưng với vai trò bồi sứ, vị thế của ông tương đối ít tỏ lộ hơn. Đoàn Nguyễn Tuấn người xã Hải An, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, năm sinh, năm mất không rõ rệt, chỉ biết ông sống vào cuối đời Lê, qua đời Tây Sơn đến đầu đời Nguyễn.

Tuy nhiên trong chuyến đi năm Canh Tuất sang Yên Kinh, ông để lại nhiều thơ văn, tập hợp thành *Hải Yên thi tập* (海烟詩集)[1] và *Hải Ông thi tập* (海翁詩集)[2] đặc biệt bài ký "Tòng hạnh Vạn Thọ Sơn ký" là một áng văn miêu tả chuyến đi thăm Vạn Thọ Sơn rất sống động.

---

1. Tài liệu Viện Nghiên cứu Hán Nôm, số hiệu A1167. *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, Đệ thất sách (Phục Đán Đại học, 2010).
2. Tài liệu Viện Nghiên cứu Hán Nôm, số hiệu A2603. *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, Đệ thất sách (Phục Đán Đại học, 2010).

Ngoài một số bài thơ miêu tả đường đi, phần lớn thơ văn của Đoàn Nguyễn Tuấn thuộc loại đề vịnh danh lam thắng cảnh và nhất là trao đổi với quan lại nhà Thanh, đối đáp với sứ thần Triều Tiên. Một đặc điểm đáng ghi nhớ là thơ văn sứ thần nước ta lần này ít nhiều trịch thượng, khác hẳn những lần đi sứ khác trong lịch sử thường kém vế nên dễ tỏ vẻ nhún nhường.

Cũng như Vũ Huy Tấn, các sứ thần nước ta đi theo vua Quang Trung lên thăm Đằng Vương Các đều được lệnh làm thơ (do yêu cầu của Phúc Khang An) nên trong bài thơ thất ngôn ông trình lên có viết:

... 扈蹕此邊臨者會。鳴鸞故祇在江邊。

... Hỗ tất thử biên lâm giả hội. Minh loan cố chỉ tại giang biên.

Theo chân vua nên mới gặp gỡ ở nơi này. Nghe tiếng chim loan hót ở nơi bờ sông cũ.

Những chi tiết mà chúng tôi nhắc đến nhằm đưa ra những "*chứng cớ phụ*" (*corroborative evidence*) để bổ sung cho luận đề chính vì thực tế các tài liệu đầu tay của cả Trung Hoa và Việt Nam đã đủ mạnh, nếu muốn bác bỏ chúng ta cần tìm ra những tài liệu sơ cấp (tiên nguyên) khác có sức thuyết phục hơn *Đại Việt quốc thư* và tài liệu trong cung nhà Thanh.

IV. QUANG TRUNG GIẢ THEO SỬ TRUNG HOA

1. Tài liệu đời Thanh

Thánh vũ ký

Tài liệu Trung Hoa chép về chiến tranh thời Quang Trung sớm nhất là bộ *Thánh vũ ký* của Ngụy Nguyên (魏源) (đời Đạo Quang, 1820 - 1850). Như đầu đề, *Thánh vũ ký* chủ yếu nói về công lao chiến trận đời Thanh (từ khi mở nước đến đời Đạo Quang), tất cả 14 quyển trong đó quyển số VI có một phần là *Càn Long chinh phủ An Nam ký* (Việc chinh phạt và vỗ về An Nam thời Càn

Long). Trong tài liệu này, việc vua Quang Trung sang chúc thọ được chép như sau:

... 五十五年，阮光平來朝祝釐。宴熱河山莊。班親王下，郡王上。賜冠帶受封歸。

> ... *Năm Càn Long 55, Nguyễn Quang Bình đến triều đình chúc thọ, được đãi yến ở Nhiệt Hà Sơn Trang* [tức Tị Thử Sơn Trang], *xếp vào hàng dưới thân vương, trên quận vương lại ban cho mũ và đai nhận tước phong trở về.*

Việt Nam tập lược

Khoảng 50 năm sau Ngụy Nguyên, cuối đời Thanh, Từ Diên Húc soạn *Việt Nam tập lược* và *Việt Nam thế hệ diên cách lược* chép thêm một câu như sau:

... 五十五年，阮光平來朝祝釐。宴熱河山莊。班親王下，郡王上。賜冠帶受封歸。其實阮光平遣其弟冒名前來，光平未敢親到也。

> ... *Năm Càn Long 55, Nguyễn Quang Bình đến triều đình chúc thọ, được đãi yến ở Nhiệt Hà Sơn Trang* [tức Tị Thử Sơn Trang], *ở vào hàng dưới thân vương, trên quận vương lại ban cho mũ và đai nhận tước phong trở về. Thực ra Quang Bình sai em mạo danh đi qua chứ bản thân Quang Bình không dám tới...*[1]

Thanh sử cảo

Sang thời Dân quốc, Triệu Nhĩ Tốn làm tổng tài soạn bộ *Thanh sử cảo*, chép về việc triều cận có thêm lời phê bình:

... 五十五年，阮光平來朝祝釐，途次封其長子阮光纘為世子。七月，入覲熱河山莊，班次班親王下，郡王上。賜御製詩章，受冠帶歸。其實阮光平遣其弟冒名前來，光平未敢親到也，其譎詐如此。

---

1. Từ Diên Húc (徐延旭), *Việt Nam tập lược* (越南輯略) (Ngó Châu: Quang Tự 3) (không đề trang).

> *... Năm Càn Long 55, Nguyễn Quang Bình đến triều chúc thọ. Trên đường đi* [hoàng đế] *phong cho con trưởng của y là Nguyễn Quang Toản làm thế tử. Tháng Bảy, nhập cận ở Nhiệt Hà Sơn Trang. Xếp hàng ở dưới thân vương, trên quận vương. Lại ban cho thơ ngự chế, nhận mũ đai đem về. Thực ra Quang Bình sai em mạo danh đến mà thôi chứ bản thân Quang Bình không dám tới. Ấy là xảo quyệt trí trá thế đấy.*[1]

Về cơ bản ba tài liệu này từng phần chép lại của nhau và việc đề cập đến người giả đóng thay vua Quang Trung chỉ có trong *Việt Nam tập lược* và *Thanh sử cảo*, cả hai đều xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

Hai tác phẩm của Ngụy Nguyên và Từ Diên Húc chủ yếu không phải là một bộ sử theo quan điểm chúng ta thường biết mà là một "*báo cáo*" đưa ra những chuẩn bị khi phải đem quân sang Việt Nam căn cứ vào kinh nghiệm những lần xâm lăng trước. Việc Nguyễn Huệ sai em sang thay cũng đã bị nhiều nhà nghiên cứu Trung Hoa bác bỏ, lý do là Nguyễn Huệ chỉ có một người em là Nguyễn Lữ (Quang Thái) mà khi đó tung tích rất mơ hồ. Những chi tiết khác mà Từ Diên Húc đưa ra gần như toàn bộ chép lại sách cũ nên cũng vấp phải những chủ quan và sai lầm tương tự.

Sơ suất quan trọng nhất mà Ngụy Nguyên và Từ Diên Húc nêu ra là việc "*Nguyễn Quang Bình... thụ phong trở về*". Vua Quang Trung sang Trung Hoa với tư cách quốc khách, không phải qua để nhận tước phong vì khi đó ông đã là An Nam quốc vương. Khi sử dụng tài liệu của Ngụy Nguyên, Từ Diên Húc, Triệu Nhĩ Tốn..., nhiều tác giả ngoại quốc không phân biệt được đúng sai nên vẫn trích dẫn trong các nghiên cứu của họ, coi như trước đây nước ta phải cống người vàng thay mặt khi cầu phong thì lần này

1. Triệu Nhĩ Tốn (趙爾巽), *Thanh sử cảo* (清史稿) (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1996), Tập 48 (quyển 527), "Liệt truyện 314: Thuộc quốc nhị, Việt Nam", tr. 14640.

đích thân sang nhận tước vị. Đối với nghiên cứu của người ngoài về nước ta, việc sai lầm đó không đáng kể, cũng không ai nhận ra nhưng đối với chính người Việt nếu sử dụng thì chi tiết đó đã làm thay đổi hoàn toàn bản chất của sự việc.

Càn Long chinh phủ An Nam ký, *Việt Nam tập lược*, *Thanh sử cảo* tuy có nhiều điểm tài liệu Việt Nam chưa đề cập đến nhưng cũng đầy những sai lầm nghiêm trọng, một phần vì tài liệu này chép lại tài liệu kia, một phần vì dựa trên những nguồn không xác thực. Cho nên khi tài liệu đầu tiên không chính xác thì những tác giả đi sau cũng lại bước vào vết chân cũ mà không ai đính chính. Dưới đây là một vài ví dụ tiêu biểu:

Ngụy Nguyên (thời Đạo Quang, 1820 - 1850) viết trong *Càn Long chinh phủ An Nam ký*:

... 暹羅既與廣南積怨。會黎氏甥農耐王阮福映者[本名種此其改名]奔暹羅。暹羅妻以女弟。助之兵。克復農耐。勢日強。號舊阮。數與新阮戰。奪其富春舊都...

> ... *Xiêm La cũng đã tích oán với An Nam. Nay cháu* [ngoại] *của họ Lê là Đồng Nai vương Nguyễn Phúc Ánh* [nguyên chú: tên gốc là Chủng nay đổi] *chạy sang Xiêm La. Vua Xiêm La gả em gái và giúp quân lấy lại đất Đồng Nai nên thế càng lúc càng mạnh, gọi là cựu Nguyễn, đánh nhau với tân Nguyễn mấy bận đoạt lại kinh đô cũ là Phú Xuân...*[1]

Từ Diên Húc (thời Quang Tự, 1875 - 1908) trong *Việt Nam tập lược*:

... 當維潭時，左輔政阮某之孫名福映者，本名種，其父某爲黎王壻，嗣廣南王位。右輔政鄧氏欺其年幼，出於順化，後復暗使阮惠攻滅之。黎氏有娠逃於農耐。農耐本水真

1. Nguyên bản Thanh Ngụy Nguyên (魏源) (soạn), *Thánh vũ ký* (聖武記) (Đài Bắc: Thế Giới thư cục, 1980), "*Càn Long chinh phủ An Nam ký*" (乾隆征撫安南記), tr. 189.

臘舊都即今之嘉定省也。生福映匿於民間及長奔暹羅。暹羅國王妻以女弟，助之兵攻克農耐居之，勢漸强，號舊阮，而稱阮光平父子為新阮，亦曰西阮...

> *... Thời Lê Duy Đàm, cháu nội của Tả phụ chính Nguyễn mỗ là Phúc Ánh, tên gốc là Chủng, cha y là rể của vua Lê, nối ngôi làm Quảng Nam vương. Hữu phụ chính họ Trịnh thấy y tuổi nhỏ coi thường nên đuổi ra Thuận Hóa, sau lại bí mật sai Nguyễn Huệ đánh diệt đi. Khi đó* [người vợ] *họ Lê đang có mang chạy trốn đến Đồng Nai* [*Đồng Nai vốn là kinh đô cũ của Thủy Chân Lạp, nay là Gia Định*] *sinh ra Phúc Ánh, trốn vào trong dân chúng mà sống. Khi lớn lên chạy sang Xiêm La, quốc vương Xiêm La gả em gái cho, giúp binh lính đánh chiếm lại Đồng Nai nên thế lực dần dần mạnh lên, gọi là "Cựu Nguyễn", còn cha con Nguyễn Quang Bình gọi là "Tân Nguyễn", còn gọi là "Tây Nguyễn"...*[1]

Thanh sử cảo (thời Dân quốc, 1912 - 1949) chép:

... 初，阮光平既攻滅廣南王阮某，阮某為黎王婿，妻黎氏有娠，逃於農耐，農耐為水眞臘舊都，卽嘉定省，今之西貢也。

黎氏生子曰阮福映，本名種，潛匿民間。及長，奔暹羅。暹羅王故與阮光平夙仇，乃以女弟歸福映，助之兵，攻克農耐，據之，勢漸强，號舊阮，而稱阮光平父子為新阮，亦曰西阮...

> *... Khi trước, Nguyễn Quang Bình công diệt Quảng Nam vương Nguyễn mỗ* [tức chúa Nguyễn], *Nguyễn mỗ là con rể vua Lê, lấy con gái họ Lê khi có thai, chạy trốn vào Đồng Nai. Đồng Nai là cựu đô của Thủy Chân Lạp, tức tỉnh Gia Định, nay là Sài Gòn vậy.*

---

1. Từ Diên Húc (徐延旭), *Việt Nam tập lược* (越南輯略) (Ngô Châu: Quang Tự 3) (không đề trang).

> *Họ Lê sinh con tên là Nguyễn Phúc Ánh, tên gốc là Chủng, trốn vào trong dân chúng. Khi lớn lên, chạy sang Xiêm La. Xiêm La vương vốn dĩ có thù với Nguyễn Quang Bình nên gả em gái cho Nguyễn Phúc Ánh, giúp binh lính, đánh lấy được Đồng Nai, giữ lấy, thế lực dần dần mạnh lên, gọi là "Cựu Nguyễn", còn cha con Nguyễn Quang Bình gọi là "Tân Nguyễn", cũng còn gọi là "Tây Nguyễn"...*[1]

Theo thứ tự thời gian xuất hiện, khi so sánh văn bản, đoạn này không phải do Triệu Nhĩ Tốn nghiên cứu viết ra mà chép lại từ Ngụy Nguyên hoặc Từ Diên Húc. Dù chỉ với kiến thức sơ đẳng, chúng ta ai cũng biết Nguyễn Phúc Ánh (vua Gia Long) không phải là cháu ngoại vua Lê, cũng không lấy em gái vua Xiêm. Những chi tiết sai lầm về nước ta như trên đầy rẫy trong thông sử của Trung Hoa nên không phải chỉ một vấn đề phái đoàn Quang Trung sang Trung Hoa mà nhiều chi tiết khác cũng cần nhìn lại cho chính xác.

2. Tài liệu cận đại

Nhiều tác giả nổi tiếng của Trung Hoa cũng tin vào ức thuyết một vua Quang Trung giả, đáng kể nhất có Trang Cát Phát (莊吉發)[2] ở Đài Loan và Cát Triệu Quang (葛兆光) ở lục địa.

Cát Triệu Quang không viết riêng những biên khảo về giai đoạn Tây Sơn, chỉ nhắc lại chi tiết vua Quang Trung "*giả*" sang Bắc Kinh trong những bài dẫn tiểu sử một vài tác giả trong bộ *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*. Tuy nhiên, cũng vì chỉ tham khảo các tài liệu Việt Nam nên ông cũng vướng những sai lầm đã được ghi nhận chứ không dựa vào một nguồn đáng tin cậy

1. Triệu Nhĩ Tốn (趙爾巽), *Thanh sử cảo* (清史稿) (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1996), Tập 48 (quyển 527), Liệt truyện 314: Thuộc quốc nhị, Việt Nam, tr. 14642.
2. Trang Cát Phát (莊吉發), *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu* (清高宗十全武功研究) (Đài Loan: Cố cung tùng san, Giáp chủng Số 26, Tháng 6 năm 1982).

nào cả. Cát Triệu Quang cũng là người nhầm bức tranh *An Nam quốc vương chí Tị Thử Sơn Trang* của Uông Thừa Bái là vua Chiêu Thống vào gặp Tôn Sĩ Nghị mà đến nay nhiều trang mạng vẫn cho là thật.

Trang Cát Phát ghi nhận việc vua Quang Trung "*giả*" trong *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu*[1] nhưng dẫn nguồn từ *Đại Nam thực lục*. Việc này cũng có thể giải thích là tuy tìm được một số văn bản gốc của nhà Lê, khi soạn nghiên cứu này (1982) Trang Cát Phát chưa có điều kiện để tham khảo những văn bản gốc còn giữ ở Hoa lục. Nếu phải viết lại, có lẽ ông sẽ nêu ra một kiến giải khác hơn cách đây gần 40 năm.

Hai tác giả điển hình việc phi bác thuyết "*giả vương*" có thể kể đến là Lý Quang Đào (李光涛) (Đài Loan) trong *Ký Càn Long niên bình định An Nam chi dịch* (記乾隆年平定安南之役)[2] và Trương Minh Phú (张明富) (Hoa lục) trong *Càn Long mạt An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình nhập Hoa triều cận giả mạo thuyết khảo* (乾隆末安南国王阮光平入华朝觐假冒说考).[3] Hai tác giả dùng tài liệu gốc trong kho đáng án nhà Thanh để phủ nhận việc vua Quang Trung sang Trung Hoa là người giả.

V. VIỆC NÊU LÊN MỘT VUA QUANG TRUNG GIẢ SANG TRUNG HOA NHẰM MỤC ĐÍCH GÌ?

Phần lớn chúng ta không mấy ai nhận chân được chuyến đi sang Trung Hoa của phái đoàn Tây Sơn là một sự kiện nổi bật

1. Trang Cát Phát (莊吉发), *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu* (清高宗十全武功研究) (Đài Loan: Cố cung tùng san, Giáp chủng Số 26, Tháng 6 năm 1982).
2. Li Kwangtao, *The Sino - Vietnam War 1788 - 1790. War and Peace under the Tributary System* (Đài Bắc: The Institute of History and Philology Academia Sinica, Special Publications No. 69, 1976).
3. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* (Historical Research), Số 3, 15.6.2010 (Trùng Khánh: Tây Nam Đại học lịch sử văn hóa học viện), tr. 60-67.

trong suốt chiều dài lịch sử và giao thiệp giữa nước ta với phương Bắc. Tuy vẫn nhận vị thế một tiểu quốc phiên thuộc, kể từ đầu thế kỷ thứ X, Đại Việt là một cơ cấu hành chánh độc lập, không hề bị chi phối bởi nước lớn nhưng cũng tùy thời kỳ, tùy vai trò của người cầm đầu mà nước ta được xếp vào thứ tự khác nhau.

Trong những năm đầu tiên khi mới tách ra để thành một lãnh thổ đứng riêng, các vua Đinh, Lê, Lý chỉ được phong làm Giao Chỉ quận vương, mãi đến đời Lý Anh Tông - nghĩa là sau hơn 150 năm tính từ Lý Thái Tổ - vua nước ta mới được phong làm An Nam quốc vương. Tuy nhiên, không phải nước ta luôn luôn giữ được vị thế đó. Sau khi đánh đuổi quân Minh, vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) không được phong vương mà chỉ được giữ quyền tạm cai trị nước (*quyền thự quốc sự*) cho tới mấy đời sau mới lại được nhà Minh phong làm quốc vương. Qua đời Mạc, cả vua Lê lẫn họ Mạc đều chỉ được phong An Nam đô thống sứ, tòng nhị phẩm và mãi đến đời Lê... mới lại được phong làm quốc vương.

Đến đời Tây Sơn, vua Quang Trung không những được phong làm An Nam quốc vương trong một thời gian ngắn kỷ lục mà ông còn được nâng cấp lên đến bậc thân vương, ngang với những hoàng tử cao cấp nhất đời Càn Long, một hiện tượng bất thường trong chính sách thiên triều - phiên thuộc và là một trường hợp ngoại lệ kể cả nhà Thanh nói riêng và các triều đại Trung Hoa nói chung.

Khi tìm hiểu giao thiệp và tương quan giữa nước ta với Trung Hoa, việc tìm kiếm một lý do là cơ sở hàng đầu để được xếp vào một thứ bậc trong hệ thống tông chủ - phiên thuộc. Đi tìm sự "*chính danh*" luôn luôn quan trọng khi thay đổi triều đại. Khi từ bỏ nhà Lê để công nhận Tây Sơn, vua Càn Long đã vin vào cớ "*thiên yếm Lê thị*" (trời ghét bỏ họ Lê), một lý do rất mơ hồ để quay sang công nhận Nguyễn Quang Bình. Hơn 10 năm sau, triều đình Gia Khánh từ bỏ Tây Sơn với lý do không giữ nhiệm vụ thuộc quốc vì để mất sắc ấn, sử dụng hải phỉ cướp bóc vùng duyên

hải Trung Hoa... Tuy đã làm chủ đất nước, hơn 30 năm sau, dưới đời Minh Mạng, triều Nguyễn lại "*ngụy hóa*" đối phương, tạo ấn tượng Nguyễn Huệ là kẻ trí trá, lật lọng nhấn mạnh vào sự bất tín, thiếu thủy chung.

Việc đề cập đến một vua Quang Trung giả không được nêu lên thời Gia Long mà chỉ xuất hiện nhiều năm sau. Khi cầu phong với nhà Thanh, chúa Nguyễn Phúc Ánh ngoài việc nêu lên sự kế thừa chính đáng của một dòng họ đã cai trị Đàng Trong trong suốt 200 năm, ông chỉ hạch tội Nguyễn Huệ về việc phá hủy lăng tẩm tiền triều, sưu cao thuế nặng và gây chinh chiến, còn Nguyễn Quang Toản thì cấu kết với cướp biển để ngăn trở thương thuyền đúng như hiện trạng thực tế của cuộc đuổi hươu tranh đỉnh trên đất nước ta thời đó, tuyệt nhiên không kết án vua Quang Trung lừa dối hay quấy phá Trung Hoa như *Liệt truyện* chép sau này.

Tờ biểu trần tình gửi sang nhà Thanh của chúa Nguyễn viết:

... 嗣後臣之先祖建國於南，闢土浸廣，父傳子繼，二百餘年。惟海溢山陬，梯航路阻，區區僻壤，未獲稟命於天朝。迨臣先叔阮醇沖年嗣服，國祚式微臣轄內奸民阮文岳、阮文惠等倡亂於西山外，而鄭氏乘危掩襲，臣先叔阮醇與臣族屬播越邊方，文惠遂逞毒心，肆行無忌，破毀臣歷代墳塋，戕戮臣至親骨肉，古來盜賊虐焰未有甚於此者。

... 文惠復逞兇威，連破鄭氏，遂併吞交南全幅。遡蒙聖德涵容，彼竟不能祇承訓範，猶且荼毒國內，無所不為，苛政暴刑，重徵厚斂，圍境士庶靡有聊生，究彼所行，罪盈惡積，誠神人之所共憤，　天地之所難容。彼既殞命，其子文纘以頑劣之姿蹈兇殘之習，率性妄作，弗畏明威。容養匪徒，劫掠邊鄙，暴殘之怨，日甚月深。

> *... Từ đó tổ tiên của thần dựng nước ở phương nam, mở mang bờ cõi, cha truyền con nối hơn hai trăm năm. Có điều ở chân trời góc biển, đường bộ đường thủy đều xa xôi, vì là*

nơi hẻo lánh nên chưa từng bẩm mệnh với thiên triều. Đến thời chú của thần là Nguyễn Thuần, tuổi trẻ kế nghiệp, thế nước suy vi, trong hạt của thần có kẻ gian dân là Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Văn Huệ nổi loạn ở đất Tây Sơn nên họ Trịnh thừa cơ tập kích, chú của thần Nguyễn Thuần và người trong họ phải chạy vào phương xa. Thế nhưng Nguyễn Văn Huệ lại có lòng độc ác, không từ một điều gì, phá hủy hết phần mộ nhiều đời, giết hết những người chí thân cốt nhục của nhà thần, xưa nay đạo tặc chưa từng bạo ngược đến như thế.

... Văn Huệ lại nhân uy thế hung mãnh, tiếp theo phá được họ Trịnh, thừa cơ thôn tính toàn cõi Giao Nam. Nhờ được thánh đức bao dung, nhưng y không theo những lời dạy dỗ, tàn ác với dân trong nước, không chuyện gì không làm. Chính sách hà khắc, hình pháp bạo ngược, sưu cao thuế nặng, dân trong nước không sao sống nổi. Những việc y làm tội chồng, ác chất, thần người đều oán giận, trời đất khó dung tha. Y chết đi, con là Văn [đúng ra là Quang] *Toản*[1] *cũng tính tình bướng bỉnh, quen thói hung hăng, làm điều càn rỡ, không biết sợ oai trời, dung dưỡng phỉ đồ cướp bóc vùng biên cảnh, oán ghét bạo tàn càng lúc càng sâu.*[2]

VI. TỪ ĐÂU NẢY SINH TIẾNG ĐỒN VUA QUANG TRUNG GIẢ SANG TÀU?

Ngay sau khi đánh bại quân Thanh đầu năm Kỷ Dậu (1789), việc giao thiệp với Trung Hoa đi vào một khúc quanh lịch sử. Mặt ngoài, tình thế trở nên căng thẳng hơn bao giờ hết. Triều đình Tây

1. Chi tiết này cho thấy tên vua Quang Trung, vua Cảnh Thịnh ở cuối thế kỷ XVIII bên phía chúa Nguyễn chỉ được biết như Nguyễn Văn Huệ, Nguyễn Văn Toản chứ chưa biết tới những tên Nguyễn Quang Bình, Nguyễn Quang Toản là tên chính thức trong văn thư gửi sang nhà Thanh.
2. Bản sao tờ biểu của vua Gia Long gửi lên nhà Thanh. Trương Ấm Hoàn (张荫桓), *Tam Châu nhật ký* (三洲日记) (1896), quyển 3, tr. 212-215.

Sơn một mặt phải chuẩn bị đối phó với việc nhà Thanh đem quân sang phục thù - dĩ nhiên quy mô lớn hơn lần trước - một mặt phải chống đỡ với các nhóm thân Lê, thân Trịnh ở khắp nơi, chỉ chờ có tin quân Thanh áp cảnh là nổi dậy hưởng ứng.

Chính trong khung cảnh tình hình biên giới dầu sôi lửa bỏng, lại thêm tin tức loan truyền về việc vua Chiêu Thống và những người đi theo đang ở Quế Lâm (Quảng Tây) đưa đến việc thổi phồng Phúc Khang An đang chuẩn bị binh mã chín tỉnh "*tứ lộ giáp công*". Những tin đồn đó cũng có thể do chính nhà Thanh đưa ra để gây áp lực, tạo thế mạnh trong đàm phán.

Tuy nhiên, bên trong tình hình ngoại giao đang có những thay đổi. Cả Thanh triều lẫn Tây Sơn đều không muốn tiếp tục xung đột mà đồng thuận để đạt tới một kế hoạch giảng hòa "*hai bên đều có lợi*" - một "*win-win solution*" như cách nói của khoa học quản trị mới. Một trong những trở ngại để nhà Thanh có thể công nhận An Nam quốc vương là điển lệ Trung Hoa trong nhiều triều đại (Nguyên, Minh) đòi quốc vương ngoại phiên đích thân sang kinh đô để cầu phong mà trong nhiều thế kỷ vua ta đều khước từ nhưng đúc một người bằng vàng gửi sang thay mình. Tục lệ đó gọi là "*đại thân kim nhân*".

Đại Việt sử ký toàn thư, quyển X, kỷ nhà Lê, trang 45b-46a chép:

Ngày 29, sai sứ sang trình bày với nhà Minh.

Trước đó, vua đã lập Trần Cảo. Hồi tháng Tám, đã sai sứ sang cầu phong.

Đến đây, lấy Hà lâm đãi chế Lê Thiếu Dĩnh (người làng Khả Mộ, nay là Mộ Trạch, huyện Đường An), Chủ thư sứ Lê Cảnh Quang đều làm Thẩm hình viện sứ, Quốc tử bác sĩ Lê Đức Huy, Kim ngô vệ tướng quân Đặng Hiểu Lộc làm Thẩm hình viện phó sứ (bốn người này đều là đầu mục), Nội lệnh sử Đặng Lục và Lê

Trạc, Vũ vệ tướng quân Đỗ Lãnh và Trần Nghiễm đều làm An phủ sứ (bốn người này đều là tòng nhân) đem tờ biểu và phương vật (hai pho tượng người bằng vàng thay cho mình, một chiếc lư hương bạc, một đôi bình hoa bạc, 300 tấm lục thổ, 14 đôi ngà voi, 20 lọ hương xông áo, 2 vạn nén hương, 24 khối trầm hương và tốc hương) cùng với bọn chỉ huy do Vương Thông sai về, đều lên đường đưa về [Yên] *Kinh*...[1]

Những chi tiết ghi trong *Đại Việt sử ký toàn thư* lại có nhiều điểm không giống với nguyên bản [bản tâu của Trần Cảo nhân danh con cháu nhà Trần] gửi lên vua Minh để cầu phong trong *Bang giao lục* (A.614, N.584) tàng trữ tại L'École française d'Extrême-Orient, Paris:

... 念臣祖父先入朝貢之誠，赦臣丘山之罪，寬臣斧鉞之誅，使臣得嗣服南荒，輸貢天闕，是則非獨臣一身一家之幸，寔一國生靈之幸。而臣之祖宗。亦預霑聖恩於地下矣。臣惟銘心刻骨效順輸忠，奉表稱臣。歲貢罔缺。除將代身金人銀賚捧謝罪表文，所貢方物。并起送還京邸信官軍人馬同造到。備細文册一本，差頭目黎少頴等捧赴京外。令將各各數目計呈。謹具□奏聞。伏候勅旨。

- 進呈情謝罪表文一道
- 代身金人銀人二箇

金人重一百兩，銀人重一百兩

- 赴京頭目四名，行人四名
- 送還京官軍人等。一萬三千五百八十七員名
- 一銀香爐重十六兩
- 一銀花瓶重三十二兩

1. *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản in Nội các quan bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 [1697], Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích, Hà Văn Tấn hiệu đính), tập II (Hà Nội: Khoa học xã hội, 1998), tr. 281.

- 土絹三百匹

- 象牙十四隻

... nghĩ đến ông nội thần thành tâm triều cống mà tha cho cái tội to như núi của thần, rộng lòng cho việc búa rìu tru lục để cho thần được nối đời giữ đất nam hoang, thành tâm triều cống cửa khuyết. Ấy không phải chỉ là cái may cho một thân một nhà thần mà còn là cái may của sinh linh một nước, cho cả tổ tông của thần cũng được thấm nhuần thánh ân ở dưới đất.

Thần chỉ biết minh tâm khắc cốt ra sức trung thành, dâng biểu xưng thần, triều cống hàng năm không dám bỏ sót. Ngoài người vàng, người bạc thay cho thân mang biểu văn tạ tội và phương vật tiến cống lại cũng gửi trả về kinh các quan quân nhân mã cùng đi theo sai đầu mục Lê Thiếu Dĩnh mang một bản văn sách mang lên kinh ra lệnh cho trình các số mục, kính cẩn tâu lên để đợi sắc chỉ.

- Tiến trình một đạo biểu văn tạ tội

- Người vàng người bạc hai món thay người (người vàng nặng 100 lượng, người bạc nặng 100 lượng)[1]

- Bốn đầu mục, bốn hành nhân lên kinh đô

- Trả về kinh quan quân tất cả 13.587 người

- Một lò đốt hương bằng bạc nặng 16 lượng

- Một bình hoa bằng bạc nặng 32 lượng

- 300 tấm thổ quyên

- 14 chiếc ngà voi

---

1. Một cân đời Minh khoảng chừng 590 gram, 1 cân = 16 lượng, tính ra 100 lượng khoảng 3,7 kg. Nếu đúng như tờ biểu này thì cống phẩm ngay cả đời Lê cũng không nhiều lắm. Trong khi đó theo Sông Bằng Bế Lãng Ngoạn và Vân Hạc Lê Văn Hòe trong *Việt - Hoa thông sứ sử lược* (Quốc Học thư xã, 1943) thì cống phẩm lớn hơn nhiều. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (Bang giao chí) cũng có khác.

Tuy nhiên, vào thời điểm nhà Thanh cần có lý do để công nhận vua Quang Trung, việc đòi hỏi đưa một hình người bằng vàng để thay mình sang cầu phong theo như truyền thống sẽ không ràng buộc được vua nước ta hứa hẹn đích thân sang chúc thọ vào năm sau. Ấy là chưa kể việc qua lại mất nhiều thì giờ mà nước ta cũng có thể diên trì thời khắc, nại cớ có những trở ngại mà thoái thác.

Chính vì thế, Phúc Khang An đã hội đồng cùng các quan Tây Sơn để đưa ra một biện pháp khác ổn thỏa hơn, không phải dùng người vàng thay mặt như các đời trước mà lại còn có thể đánh tan những tin đồn bất lợi (việc thanh đông kích tây để tấn công bất ngờ vào phía nam hay nhân khi vua Quang Trung đi xa mà đưa Lê Duy Kỳ về nước...). Đó là sắp xếp để triều đình Tây Sơn cử một nhân vật quan trọng trong gia tộc họ Nguyễn mang biểu thay mặt vua Quang Trung sang Trung Hoa cầu phong. Lối sắp xếp đó rất khéo, chủ yếu là để công khai cho dân chúng nhà Thanh được biết về việc nước ta đã thần phục nêu cao chủ trương "*chiến thắng mà không cần dụng binh*", lấy "*ngọc lụa thay gươm giáo*" mà vua Càn Long tự hào. Ngoài ra, cũng nhân cơ hội phái đoàn Tây Sơn đi qua Quế Lâm, Phúc Khang An cũng sắp xếp cho họ gặp vua tôi Chiêu Thống khi đó đang sống trên đất Trung Hoa để cho họ tận mắt thấy những người chạy sang nay đã gióc tóc, thay áo để thành một người dân thường không liên quan gì đến nước cũ nữa.

Vì phái đoàn Nguyễn Quang Hiển [người được coi là cháu vua Quang Trung thay mặt ông sang cầu phong] sang Trung Hoa nhằm rửa mặt cho vua Thanh và mang sắc ấn về nước đóng một vai trò tương đối quan trọng ở quan ngoại nhưng đối với trong nước thì không có gì đặc biệt. Sử sách cũng không chép gì nhiều về việc triều đình Quang Trung đưa rước sắc ấn từ Lạng Sơn xuống Thăng Long (ngoại trừ báo cáo của quan nhà Thanh lên vua Càn Long mà không ai kiểm chứng được đại lễ ấy trọng thể như thế nào). Vai trò nghi lễ và chính trị của Nguyễn Quang Hiển chỉ có thế.

Thế nhưng chuyến đi tương đối kín đáo của Nguyễn Quang Hiển lại đem đến những nghi hoặc cho những người thân Lê nhất là việc ông này thay mặt Nguyễn Quang Bình sang Bắc Kinh, dấy lên những tin đồn về việc chính Nguyễn Quang Hiển chỉ là một người giả chứ không phải cháu vua Quang Trung thật.

Theo tấu thư của Phúc Khang An ngày 24 tháng Một (11 AL) năm Càn Long 54 (1789) thì sau khi Phúc Khang An đánh lừa được Lê Quýnh và 29 người nòng cốt của nhóm nhà Lê sang Trung Hoa, khi họ biết sự thật là nhà Thanh nay không còn giúp đỡ cho việc phục quốc nữa thì đã tố cáo rằng người có tên là Nguyễn Quang Hiển không phải là cháu Nguyễn Huệ mà là một người họ Văn mạo danh.

... 據稱天朝以黎氏之國畀之阮惠，我心中實在不甘。且阮惠狡計[詐]多端，本年遣進之阮光顯實係姓文，並非阮惠親姪，天朝悞認為眞。

> *... nhưng Lê Quýnh một mực nói rằng việc thiên triều lấy nước giao cho Nguyễn Huệ thì lòng y không cam. Nguyễn Huệ là kẻ giảo trá đa đoan, người mà trong năm sai đi là Nguyễn Quang Hiển thực ra họ Văn, cũng không phải là cháu của Nguyễn Huệ nhưng thiên triều nhận lầm làm thực.*[1]

Trong việc vận động nhà Thanh tiếp tục kế hoạch trợ giúp, nhóm nhà Lê lần lượt đưa ra nhiều lý lẽ, lúc đầu thì khai là còn giữ được bảo ấn ở trong nước, sau đó liệt kê tiềm lực chống đối đang hiện hữu ở các nơi nhưng đều không đi đến đâu. Sau cùng họ lại tố cáo Nguyễn Huệ là kẻ gian trá, đưa một người giả sang Trung Hoa nhưng có biết đâu rằng việc sắp xếp đó có sự đồng tình - nếu

1. Tấu thư của Phúc Khang An, *Thanh quý nội các đáng án toàn tập - Minh Thanh sử liệu*, Canh biên, tr. 143 (Bắc Kinh: Học Uyển, 1999), quyển XI, tr. 4261. Bản tấu văn này cũng chép trong *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXV (8b-14b) nhưng lược bỏ một số đoạn trong đó có những lời Phúc Khang An tố cáo Lê Quýnh ngoa ngôn để đánh lừa nhà Thanh.

không nói rằng chính là mưu kế và chủ trương của Phúc Khang An để cho qua một thủ tục khúc mắc.

Hai chuyến đi, một của Nguyễn Quang Hiển, một của Nguyễn Quang Bình chỉ cách nhau mấy tháng khiến cho người ở ngoài triều đình không biết đâu là thực, đâu là hư. Những tin đồn về việc một người là cháu đóng giả vua Quang Trung sang Trung Hoa cầu phong đã bị nhiễu loạn để trở thành nghi án "*giả vương nhập cận*" cho tới tận ngày nay.

KẾT LUẬN

Khi triều Nguyễn được thành lập, những tài liệu của triều đình Tây Sơn đều bị hủy hoại rất quy mô và triệt để, không phải chỉ một đời vua mà là một chính sách xuyên suốt và có lẽ sẽ không bao giờ được đảo ngược nếu nhà Nguyễn tiếp tục làm chủ đất nước. Những gì chúng ta biết về triều đại Tây Sơn chỉ bao gồm tài liệu do triều đình cung cấp, tóm gọn trong quyển XXX của bộ *Đại Nam chính biên liệt truyện* có nhan đề "Ngụy Tây", chép về ba ông vua đối thủ của chúa Nguyễn Phúc Ánh. Trong mục tiêu hạ thấp kẻ thù, những chi tiết được ghi lại phần nhiều không chính xác, không kể việc bịa đặt và vu cáo khiến cho những nhà nghiên cứu luôn luôn phải đặt ra những câu hỏi để đi tìm sự thực.

Những tài liệu liên quan đến hành chánh, quân sự, kinh tế... hầu như không còn gì nên khi muốn phục dựng lại quy mô của một triều đại, các nhà nghiên cứu không thể làm khác hơn là sử dụng **tài liệu thứ cấp**, kể cả những chi tiết trong tiểu thuyết, tuồng tích hay những bịa đặt sau này nhưng người ta cảm thấy vừa ý để miêu tả một giai đoạn oai hùng.

Tuy nhiên, không phải toàn bộ tài liệu liên quan đến nhà Tây Sơn đều bị hủy hoại. Một mảng tư liệu được tồn lưu khá đầy đủ, mặc dù chỉ là một bên. Đó là việc qua lại giữa Tây Sơn và nhà

Thanh trong tiến trình phong vương và những động thái kế tiếp. Sở dĩ chúng tôi gọi là một bên vì chỉ là tài liệu của phía nước ta gửi sang nhà Thanh nhưng hầu như rất ít tài liệu từ phía bên kia, nhất là văn thư riêng nhằm chỉ ra những khúc mắc trong tiến trình giao thiệp giữa hai nước.

Sự tồn tại của những tài liệu này có lý do mặc dù sử sách không nhắc đến. Đó là sau khi vua Gia Long lấy lại Phú Xuân, mục tiêu được nhà Thanh công nhận là nhu cầu cấp bách, phần vì triều đình nhà Nguyễn muốn có một vị thế hợp pháp trong mô hình tông phiên của Trung Hoa, trước là để được bình đẳng với Xiêm La (mà chúa Nguyễn phải chấp nhận vị thế một thuộc quốc của họ khi phải nương nhờ vào triều đình Bangkok)[1], sau là tranh đoạt thế chính danh với triều đình Tây Sơn (hiện đang được Trung Hoa công nhận với nhiều ưu đãi).

Cho đến nay, tài liệu của triều Nguyễn vẫn miêu tả quá trình xin công nhận vua Gia Long tương đối dễ dàng. Thực tế, khi đọc những tấu triệp và mật lệnh từ phía Thanh đình, chúng ta biết rằng những viên đá dò đường của triều đình chúa Nguyễn gửi sang đều không nhận được hồi âm, một phần nhà Thanh chưa biết rõ người tự xưng là "Nông Nại quốc trưởng" kia như thế nào vì trong lịch sử, tuy có địa danh Đồng Nai (Nông Nại) nhưng đó chưa phải là một quốc gia mà phần nhiều được coi như là một khu vực tự trị, khi thì thuộc chúa Nguyễn, khi thì thuộc Xiêm La, là một quốc gia đối đầu với An Nam đang được nhà Thanh công nhận.

Một chi tiết quan trọng hơn, những lá thư mà chúa Nguyễn gửi sang tổng đốc Lưỡng Quảng bị đánh giá là "không hợp thể chế" - lý do cơ bản mà nhà Thanh thường nêu ra để trì hoãn việc giao thiệp - kéo dài thời gian khi cần tìm lợi thế, và nhất là khi họ ở trong thế mạnh, càng lâu thì càng bất lợi cho phía bên kia. Việc

1. Xem: Nguyễn Duy Chính, "Tương quan Xiêm - Việt cuối thế kỷ XVIII", *Núi xanh nay vẫn đó* (TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), tr. 113-211.

không hợp thể chế đó chính vì những văn thư này không ăn khớp với nghi lễ của Thanh triều, từ cách xưng hô đến thủ tục tiến hành, vị thế, quan tước, cống phẩm... vốn dĩ đã được quy định rất chi li trong điển lệ.

Những chi tiết đó - trong một trường hợp khá đặc biệt mà Nguyễn Phúc Ánh muốn tiếp tục những vận động cũ của các đời chúa trước (xin được nhà Thanh phong vương nhưng không thành công) đã đặt triều đình Gia Khánh vào một tình thế cần ỡm ờ cho đến khi tình hình ngã ngũ khiến cho việc giao thiệp với nhà Thanh không được đáp ứng, hay ít ra họ không tỏ thái độ gì để có thể suy luận là được hay không được. Cũng thời gian đó, để tìm đồng minh chúa Nguyễn cũng tìm cách liên lạc với những nhóm nhà Lê đang lưu vong ở Trung Hoa đồng thời tìm cách phá vỡ quan hệ Thanh - Tây Sơn mà chúa Nguyễn tưởng vẫn còn bền chặt.

Khi chúa Nguyễn chiếm kinh đô Phú Xuân, trong cơn hoảng loạn, vua Cảnh Thịnh bỏ chạy không mang theo được những văn kiện ngoại giao của nhà Thanh, quan trọng nhất là sắc phong An Nam quốc vương của vua Càn Long ban cho cha con vua Quang Trung và chiếc ấn bạc mạ vàng, núm hình lạc đà coi như tín vật của nhà Thanh trong việc công nhận một thuộc quốc. Không bỏ lỡ cơ hội, vua Gia Long cho người mang ấn tín và giải giao một số tướng lãnh Tây Sơn bị bắt (vốn gốc là thủy khấu hoạt động ở biển đông về đầu phục Tây Sơn) như những chứng cớ là triều đình Cảnh Thịnh không còn xứng đáng ở trong vòng thuộc quốc của thiên triều nữa. Nỗ lực phi nghĩa hóa đối thủ tuy có thành công trong việc gây chia rẽ giữa nhà Thanh và Tây Sơn nhưng việc công nhận một triều đại mới lại thuộc về một tiến trình khác.

Tuy đã tiến thêm một bước, triều đình Gia Long vẫn chưa vượt qua được các khó khăn về thủ tục cho đến khi hoàn toàn chiếm được toàn cõi An Nam và bắt được anh em Nguyễn Quang Toản. Trong số những văn quan cựu triều về hàng chính quyền mới, vua Gia Long rất quan tâm đến những nhân vật từng giữ

những vai trò then chốt trong việc giao thiệp với nhà Thanh, đáng kể nhất là hai ông Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích.

Với sự cộng tác của giới nho sĩ mới thần phục, triều đình nhà Nguyễn đã hoàn tất các bước đi để được nhà Thanh công nhận, vừa có một quốc hiệu mới cho lãnh thổ bao gồm cả An Nam lẫn Việt Thường (nay đổi thành Việt Nam), vừa chính thức vị thế Việt Nam quốc vương. Tuy thế, việc qua lại không phải chỉ vài tháng như đời Quang Trung mà mãi tận năm 1804 sứ nhà Thanh mới sang làm lễ phong vương cho vua Gia Long tại Bắc thành (Thăng Long) mặc dầu kinh đô nước ta nay đã ở Thuận Hóa.

Chính những trục trặc về thủ tục mà di văn của hai họ Ngô Thì và Phan Huy thực hiện dưới thời Tây Sơn được bảo tồn, chủ yếu như một dạng tài liệu tham khảo nhằm phục vụ công tác ngoại giao cho tân triều. Đó cũng là lý do tại sao vẫn chưa thấy những văn bản quan trọng về giao thiệp với Trung Hoa để xin công nhận và phong vương đầu triều Nguyễn.[1] Ngược lại, tài liệu về giao thiệp với nhà Thanh đời Tây Sơn khá phong phú được công bố vào đầu thế kỷ XX trên trang Hán văn của tạp chí *Nam Phong*.

Cho đến nay, việc nêu lên một vua Quang Trung giả sang dự lễ Bát tuần khánh thọ chỉ hiện diện trong những tài liệu thứ cấp (*secondary sources*) từ thành phần đối nghịch với Tây Sơn. Những chi tiết ấy đều mâu thuẫn với các tài liệu sơ cấp còn lưu trữ, dù trong đáng án của nhà Thanh hay di văn của nước ta. Mục đích của việc nêu lên một vua Quang Trung giả nguyên thủy là nhấn mạnh vào sự thiếu trung tín, lật lọng, gian trá để hạ thấp một triều đình đối nghịch phát xuất từ nhóm cựu thần nhà Lê - Trịnh hay sử thần nhà Nguyễn.

Những tài liệu thứ cấp ấy cũng chỉ xuất hiện nhiều chục năm sau khi nhà Tây Sơn bị diệt và lan tỏa qua nhiều hình thức

1. Xin đọc thêm *Từ An Nam đến Việt Nam* của Nguyễn Duy Chính (sắp xuất bản) để xem những văn bản giao thiệp với Trung Hoa xin phong vương của triều Nguyễn.

khác nhau. Bên cạnh việc thay đổi sự thật trong chuyến đi sang Trung Hoa đời Càn Long, sử triều Nguyễn cũng giúp che giấu sự bất lực của quan quân đời Gia Khánh bằng cách đổ tội cho triều đình Tây Sơn giúp đỡ cướp biển.

Không phải chỉ đến thế, những biến chuyển trong giao thiệp với Trung Hoa đời Tây Sơn cũng được nắn lại theo chủ trương đánh lừa đối phương hay những gây hấn thấp kém. Việc đòi nhà Thanh trả lại đất bảy châu Hưng Hóa nay thành đòi đất Lưỡng Quảng, việc cầu hôn công chúa nhà Thanh nay thành khiêu khích để hưng binh... Những sự kiện lớn mang quy mô quốc gia nay đã hoàn toàn bị hiểu một cách sai lệch.[1]

Ngay cả những công tác lớn nhằm xóa đi những bất bình đẳng từ nhiều năm như việc mở cửa ải thông thương (giải tỏa cấm vận nhằm khôi phục kinh tế) hay chuyển cống kỳ từ ba năm lên hai năm (nhằm xác định vị thế với lân bang), việc xin mua miễn thuế hàng hóa của nhà Thanh lên đến mười vạn lạng bạc (để gia tăng thương mại làm đầu cầu bán ra ngoài), việc trao đổi để đưa thân quyến nhà Lê sang Trung Hoa (trong kế hoạch thúc đẩy cho nhanh tiến trình trị an)... đều không được nhắc tới đúng như tầm vóc của sự kiện mà chỉ coi là một việc nhỏ bên lề giao thiệp với nhà Thanh.

Việc ngụy hóa phái đoàn Quang Trung sang Trung Hoa năm Canh Tuất (1790) đã thành công trên một số mặt khiến sử gia người Việt lẫn sử gia Trung Hoa không phủ nhận thì cũng không tin rằng có tầm vóc quy mô như thế. Các nhà nghiên cứu ngoại quốc thường chỉ quan tâm đến chuyến đi của phái đoàn Anh năm 1793 do hoàng thân Macartney dẫn đầu mặc dù xét trên phương diện nghi lễ (bên ngoài) hay bản chất (bên trong), chuyến đi cũng chỉ là một phái đoàn đàm phán thương mại, khác hẳn với đón tiếp

1. Những đề tài này được mở rộng đầy đủ hơn trong *Từ An Nam đến Việt Nam* (sắp xuất bản) của cùng tác giả.

một quốc khách là vua Quang Trung ba năm trước đó. Người ta cũng không biết rằng sự thành công của phái đoàn Quang Trung cũng nêu ra một tiền lệ, mở đầu cho việc Trung Hoa tiếp xúc với bên ngoài, là nhát búa làm nứt "*cánh cửa đá*" mà người Âu châu từng mong đợi.[1]

Trên quy mô khu vực, phái đoàn Đại Việt sang Trung Hoa là một vấn đề quốc thể đóng góp lớn trong việc thúc đẩy hình thành một trật tự mới của vùng Đông Á. Nghiên cứu sâu hơn về giai đoạn Quang Trung cũng có thể giải mã nhiều vấn đề khúc mắc trong nghi lễ với Trung Hoa cho đến tận ngày nay.

3.2018

1. Alessandro Valignano (1539 - 1606) là Khâm mạng của Giáo hoàng trông coi việc truyền giáo, là một trong những giáo sĩ Dòng Tên đầu tiên được gửi sang Á Đông, mỗi khi từ Macao vọng về lục địa Trung Hoa thường than một cách bi ai: "*Vách đá kia ơi, bao giờ người mới mở ra được?*" (Oh rock, when wilt thou open?). Ông đã đề xướng ra việc các giáo sĩ phải học về ngôn ngữ, tập quán và tôn trọng văn hóa của người bản xứ. Chính việc yêu cầu các giáo sĩ phải thông thạo ngôn ngữ và truyền đạo bằng tiếng của chính nước đó là phương thức mà Alexandre de Rhodes (1591 - 1660) đã tiến hành ở nước ta.

KHẢO LUẬN VỀ THUYẾT QUỐC VƯƠNG AN NAM NGUYỄN QUANG BÌNH SANG TRUNG HOA CUỐI ĐỜI CÀN LONG LÀ NGƯỜI GIẢ

(乾隆末安南国王阮光平入华朝觐假冒说考)

Nguyên tác: Trương Minh Phú (张明富)

LỜI NGƯỜI DỊCH

Nghiên cứu này trích từ tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* (Historical Research), Số 3, 2010 (Trùng Khánh: Tây Nam Đại học Lịch sử văn hóa học viện), ngày 15.6.2010, tr. 60-67.

Tác giả: GS.TS. Trương Minh Phú, Phó Viện trưởng Đại học Sư phạm Trường Giang, Trùng Khánh, Trung Quốc.

Tác giả sử dụng các tài liệu Trung Hoa để phản bác thuyết "*Quang Trung giả sang Trung Hoa*". Vì là người nước ngoài, ông không đi sâu hơn vào những tài liệu Việt Nam nên lý luận đôi chỗ hơi gượng ép. Dẫu không hoàn toàn đồng ý với tác giả ở một số điểm nhưng bản dịch này nhằm góp thêm một tiếng nói vào nghị án lịch sử "*Quang Trung thật, Quang Trung giả*" sang Trung Hoa.

7.2018
Nguyễn Duy Chính

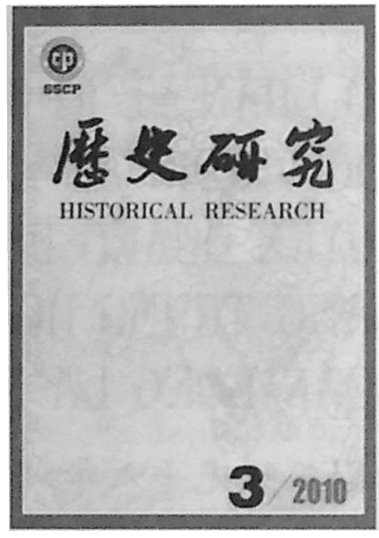

An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình (tức Nguyễn Huệ, lại có tên Nguyễn Văn Huệ) có đích thân sang Trung Hoa triều cận năm Càn Long 55 (1790) chúc thọ vua Càn Long 80 tuổi hay không, là một công án học thuật về quan hệ Trung Hoa - Việt Nam giữa đời Thanh. Trong một khoảng thời gian dài, nhiều cuộc tranh luận không đưa tới một ý kiến đồng nhất.

Càn Long thượng dụ đáng, Khâm định An Nam kỷ lược do Phương lược quán cuối đời Càn Long biên tập, cho chí *Thanh Cao Tông thực lục* biên soạn đầu đời Gia Khánh, các loại sử tịch đều khẳng định và ghi chép thật minh bạch. Thuyết "*giả mạo*" chỉ xuất hiện trong sử tịch vào hậu bán thế kỷ XIX cho đến khoảng thập niên 20 của thế kỷ XX.

Cuối đời Thanh, Từ Diên Húc biên soạn *Việt Nam tập lược* viết:

... 五十五年，阮光平來朝祝釐。宴熱河山莊。班親王下，郡王上。賜冠帶受封歸。其實阮光平遣其弟冒名前來，光平未敢親到也。[1]

1. Từ Diên Húc, *Việt Nam tập lược*, quyển 1, "Thế hệ duyên cách", Quang Tự 3 khắc bản, tr. 26-27.

> *... Năm Càn Long 55* [1790], *Nguyễn Quang Bình đến triều đình chúc thọ, được đãi yến ở Nhiệt Hà Sơn Trang* [tức Tị Thử Sơn Trang], *ở vào hàng dưới thân vương, trên quận vương lại ban cho mũ và đai nhận tước phong trở về. Thực ra Quang Bình sai em mạo danh đi qua chứ bản thân Quang Bình không dám tới...*

Sau khi nhà Thanh mất, các quan cũ của Thanh triều biên soạn *Thanh sử cảo* chép:

... 五十五年，阮光平來朝祝釐，途次封其長子阮光纘為世子。七月，入覲熱河山莊，班次班親王下，郡王上。賜御製詩章，受冠帶歸。其實阮光平遣其弟冒名前來，光平未敢親到也，其譎詐如此。[1]

> *... Năm Càn Long 55, Nguyễn Quang Bình đến triều chúc thọ. Trên đường đi* [hoàng đế] *phong cho con trưởng của y là Nguyễn Quang Toản làm thế tử. Tháng Bảy, nhập cận ở Nhiệt Hà Sơn Trang. Xếp hàng ở dưới thân vương, trên quận vương. Lại ban cho thơ ngự chế, nhận mũ đai đem về. Thực ra Quang Bình sai em mạo danh đến mà thôi chứ bản thân Quang Bình không dám tới. Ấy là xảo quyệt trí trá thế đấy.*

Hai ghi chép ở trên xem ra cùng một nguồn, đều nói là Nguyễn Quang Bình sợ Thanh triều bắt tội, không dám dích thân đến kinh đô nên sai em mạo danh đi thay. Bộ sử do triều Nguyễn của Việt Nam biên soạn là *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ, quyển 4 chép:

西賊阮文惠使人朝於清。初，惠既敗清兵，又稱為阮光平，求封於清，清帝許之，復要以入覲，惠以其甥範公治貌類己，使之代，令與吳文楚、潘輝益等俱，清帝醜其敗，陽納之，賜貲甚厚．惠自以為得志，驕肆益甚。[2]

---

1. *Thanh sử cảo*, quyển 527, "Thuộc quốc nhị, Việt Nam" (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1977), tr. 14640.
2. *Đại Nam thực lục* 2. *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ, quyển 4, Minh Mạng 2 đến Thiệu Trị 7, Tự Đức nguyên niên khắc bản, tr. 70.

Giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ sai sứ sang chầu nhà Thanh. Lúc trước, Huệ đánh bại quân Thanh, lại xưng là Nguyễn Quang Bình, cầu phong nhà Thanh, Thanh đế thuận cho nhưng đòi phải nhập cận. Huệ lấy người cháu [gọi bằng cậu] *là Phạm Công Trị tướng mạo giống mình, thay mặt đi, ra lệnh có Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích cùng đi. Vua Thanh thẹn vì thua trận nên cũng nhận, ban cho thật hậu. Huệ từ đó rất đắc chí, càng ngông nghênh rất mực.*

Đoạn này có nghĩa là vua Càn Long yêu cầu Nguyễn Quang Bình tiến kinh chúc thọ, Nguyễn Quang Bình không muốn đi nên đưa cháu là Phạm Công Trị tướng mạo tương tự với mình thay mặt cùng với Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích nhập cận. Vua Càn Long biết là giả mạo nhưng để cho khỏi mất mặt nên lặng thinh không nói gì lại ban thưởng rất hậu.

Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập, quyển 30 cũng ghi chép tương tự như thế:

庚戌春，福康安促惠治裝，惠乃以範公治冒己名使其臣吳文楚、鄧文真、潘輝益、武輝瑤、武名標、阮進祿、杜文功偕，例外貢雄象二匹，驛遞勞頓，沿途苦之，兩廣總督福康安、廣西巡撫孫永清伴送抵京，清帝欲表異之，賞賜甚渥。

Mùa xuân năm Canh Tuất, Phúc Khang An giục Huệ chuẩn bị hành trang, Huệ mới lấy Phạm Công Trị giả làm mình đi sứ, cho các bầy tôi Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ Văn Công đi theo, ngoài ra cống thêm hai con voi đực, đưa theo đường dịch khó nhọc, trên đường rất khổ, tổng đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An, tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh bạn tống lên kinh đô, vua Thanh muốn cho khác thường nên ban thưởng rất hậu hĩ.

Để cho rõ nghĩa thêm, lại ghi thêm bằng chữ nhỏ như sau:

惠复託言母死，請以子光垂代己入覲，康安不可，密使人往關上委曲誘掖，如不得已，須以狀貌類己者代之。

> *Huệ lại nói thác là mẹ chết, xin cho con là Quang Thùy thay mình nhập cận, Khang An không chịu, bí mật sai người đến cửa quan nói mọi điều để dụ dỗ, nếu như cực chẳng đã thì hãy lấy người hình dáng giống mình mà thay mặt.*[1]

Việc Phúc Khang An khuyên Nguyễn Huệ "*lấy người hình dạng giống mình mà thay mặt*" xem ra không bình thường. Những học giả cận và hiện đại tuy không hoàn toàn cùng một ý nhưng đều chấp nhận thuyết "*người giả mạo*". Chẳng hạn như *Việt Nam thông sử* do Trần Trọng Kim soạn [đây là *Việt Nam sử lược*] trong đó cũng nói là Phạm Công Trị thay mặt nhập cận.[2] Học giả Trung Quốc Tôn Hoành Niên cũng nhận định như thế nên viết "*dù giả mạo là người nào, cái thuyết Nguyễn Quang Bình không dám đích thân nhập cận cũng đáng tin*".[3] Vậy thì thuyết giả mạo có thể định luận chăng?

Trong bài này chúng ta sẽ dùng sử liệu tìm sự thực để đi sâu vào vấn đề này. Nếu có điều bất ổn xin quý vị chất chính.

1. "Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh nhập cận" không thể có được

Việt Nam tập lược và *Thanh sử cảo* viết rằng "*Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh nhập cận*" là một trong những thuyết "*giả mạo*" quan trọng. Dù để chứng minh là sự thực hay chỉ là sai lầm thì chúng ta phải tìm hiểu cho rõ tình trạng của người em Nguyễn

---

1. *Đại Nam thực lục* 4. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30 "Ngụy Tây liệt truyện: Nguyễn Văn Huệ", Tự Đức 5 soạn, Thành Thái nguyên niên khắc bản, tr. 338.
2. Trần Trọng Kim, *Việt Nam thông sử*, Đái Khả Lai dịch (Bắc Kinh: Thương Vụ ấn thư quán, 1992), tr. 227.
3. Nguyên văn: 不管何人假冒，阮光平未能親身入覲之說更為可信。Tôn Hoành Niên, *Thanh đại Trung Việt tông phiên quan hệ nghiên cứu* (Cáp Nhĩ Tân: Hắc Long Giang giáo dục xuất bản xã, 2006), tr. 36.

Quang Bình vì đây là mấu chốt của vấn đề. *Việt Nam tập lược* và *Thanh sử cảo* chép quá giản lược nên không rõ thực tế người em của Nguyễn Quang Bình như thế nào.

Như vậy, Nguyễn Quang Bình có em trai không? Nếu có, người em được cử đi là người nào? Muốn biết cho rõ tình trạng của người em Nguyễn Quang Bình, chúng ta cần tìm hiểu gia thế của ông. Gia thế Nguyễn Quang Bình được chép tuy giản lược nhưng rõ ràng trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* và *Đại Nam thực lục*.

Khâm định Việt sử thông giám cương mục viết:

文岳，其先義安興元縣人，盛德年間為我官兵所獲以歸，處於懷仁之綏遠，數世至文岳，為雲屯巡卞吏，以賭負官錢，遂逃人西山為盜，無賴之徒及貧乏者多從之，手下至數千，與其弟文惠、文侶分管之。

> *Văn Nhạc, tổ tiên vốn gốc người huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An. Đời Thịnh Đức bị quan binh ta bắt đưa vào Tuy Viễn, Hoài Nhơn, Quy Nhơn mấy đời sau đến Văn Nhạc làm tuần biện Vân Đồn, đánh bạc thua hết tiền quan nên trốn sang Tây Sơn đi ăn cướp, những kẻ vô lại và người nghèo khổ theo rất đông, thủ hạ lên đến vài nghìn, cùng với em là Văn Huệ, Văn Lữ chia ra cai quản.*[1]

Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập chép:

阮文岳，歸仁符離人，其先義安興元人，四世祖黎盛德間，為我軍所俘，處之歸寧西山一邑，父福移於堅城邑，生三男，長岳，次呂，次惠。

> *Nguyễn Văn Nhạc, người Phù Ly, tỉnh Quy Nhơn, tổ tiên người huyện Hưng Nguyên, Nghệ An, đời tổ thứ tư* [tức

1. Phan Thanh Giản, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 44, Lê Hiển Tông, Cảnh Hưng 36 (Đài Bắc: Quốc lập Trung ương đồ thư quản, 1969), tr. 3873.

chúa Hiển Nguyễn Phúc Tần][1] *bị quân ta bắt, cho vào ở ấp Tây Sơn, Quy Ninh. Cha là Phúc dời vào ấp Kiên Thành, sinh được ba con trai. Con trưởng là Nhạc, thứ đến là Lữ, thứ nữa là Huệ.*[2]

Từ hai tài liệu ghi trên ta biết viễn tổ của Nguyễn Quang Bình cư ngụ ở Hưng Nguyên, Nghệ An, tổ bốn đời[3] bắt đầu vào ở Tây Sơn, địa vị xã hội không cao. Đến đời cha y là Nguyễn Phúc thì dời vào Kiên Thành, sinh được ba con, số người mới trở nên nhiều. Con trai lớn là Nguyễn Văn Nhạc, Nhạc có hai em trai tức Nguyễn Văn Huệ và Nguyễn Văn Lữ.

Về thứ tự của Nguyễn Văn Huệ và Nguyễn Văn Lữ, hai sử liệu trên có khác nhau. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép là Nguyễn Văn Huệ đứng thứ hai, Nguyễn Văn Lữ đứng thứ ba. *Đại Nam thực lục* thì lại chép là Nguyễn Văn Lữ đứng thứ hai còn Nguyễn Văn Huệ đứng sau cùng. Nếu theo *Đại Nam thực lục*

---

1. Người dịch chú: Nguyên văn: ... 其先义安興元人。四世祖黎盛德間爲我軍所俘，處之歸寧...

Thịnh Đức là niên hiệu của vua Lê Chân Tông trong khoảng từ 1653 - 1657, đồng thời với Mạc Kính Khoan, niên hiệu Long Thái 37 - 41, Tây Vương Trịnh Tạc 9 - 13, Hiển Vương 5 - 9. Chúa Hiển Nguyễn Phúc Tần sau được truy thăng Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế, nếu tính từ Nguyễn Hoàng xuống thì là đời chúa thứ tư nên còn gọi là tứ thế tổ. Trước đây có tác giả dịch nhầm là "... *trong khoảng niên-hiệu Thịnh Đức (1653 - 1657) nhà Lê, ông tổ bốn đời của Nguyễn Văn Nhạc bị quân ta bắt...*" (*Nhà Tây Sơn*, bản dịch Tạ Quang Phát (Sài Gòn, 1970), tr. 7). Bản dịch của Viện Sử học (Huế: Thuận Hóa, 1997) cũng dịch là "*ông tổ bốn đời...*" (Tập 2, tr. 521). Theo chúng tôi hiểu thì "tứ thế tổ Lê Thịnh Đức gian" là một mệnh đề chỉ thời gian nghĩa là "*đời Lê Thịnh Đức, tức đời vua tổ thứ tư của ta*". Khi lên ngôi vua Gia Long truy thăng cho tổ tiên, Nguyễn Hoàng là Thái Tổ, Nguyễn Phúc Nguyên là Hi Tông, Nguyễn Phúc Lan là Thần Tông, Nguyễn Phúc Tần là Thái Tông... Tính ra như vậy gia đình của Nguyễn Nhạc đã vào ở đất Tây Sơn khoảng hơn 200 năm, phù hợp với lời khai của Nguyễn Huệ với nhà Thanh là họ ở đây đã 9 đời, không có quan hệ quán thân với nhà Lê... Nếu chỉ mới 4 thế hệ mà vào Quy Nhơn từ đời Thịnh Đức thì quá xa.

2. *Đại Nam thực lục*, quyển 4. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30: "Ngụy Tây liệt truyện: Nguyễn Văn Nhạc", tr. 319.

3. Người dịch chú: Đoạn này Trương Minh Phú hiểu sai giống như nhiều dịch giả Việt Nam, chúng tôi dịch theo nguyên văn và đã giải thích ở trên.

[*Liệt truyện*] thì Nguyễn Văn Huệ vốn không có em trai, hai loại tư liệu này một bên sai, một bên đúng và cần phải đi sâu thêm nữa. Thế nhưng có một điểm có thể minh xác. Ấy là Nguyễn Phúc sinh được ba người con trai, Nguyễn Văn Nhạc đứng đầu, nếu như Nguyễn Văn Huệ có em trai thì người đó phải là Nguyễn Văn Lữ chứ không ai khác. Chúng ta giả định là *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép chính xác, Nguyễn Văn Lữ là em Nguyễn Văn Huệ, vậy thì có phải Nguyễn Văn Lữ được Nguyễn Văn Huệ sai đi thay anh sang Trung Hoa triều cận năm Càn Long 55 hay không? Như vậy phải xem xét cuộc đời của Nguyễn Văn Lữ trước.

Nguyễn Văn Lữ, năm sinh không rõ, thời kỳ còn trẻ sự tích cũng không rõ rệt, chỉ có thể khảo được từ khoảng Lê Cảnh Hưng 32 (Càn Long 36) là năm y theo Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Văn Huệ phát động cuộc khởi nghĩa Tây Sơn "*lấy người giàu, cho người nghèo*" (掠富週貧) dùng võ lực chống lại triều đình Quảng Nam. Khi đó, triều đình Quảng Nam do quốc phó Trương Phúc Loan nắm hết quyền bính, "*công khai ăn tiền, người người đều phẫn nộ*" (貨賂公行，眾情憤怨), lại thêm nhiều năm mất mùa nên quân Tây Sơn đi đến đâu dân chúng đều rầm rộ hưởng ứng, thanh thế mỗi ngày một lớn, địa phương không chế ngự nổi.

Mùa thu năm 1773, Nguyễn Văn Nhạc rời khỏi Tây Sơn đến đóng ở Kiên Thành, đưa quân ra đánh phá khắp nơi, lấy được Quy Nhơn, quan quân triều đình nhiều lần thất bại.

Đến năm 1774, tình thế triều đình chúa Nguyễn càng thêm bất lợi. Chúa Trịnh đang nắm quyền ở ngoài bắc nhân cơ hội đem quân xuống phương nam đẩy triều đình Quảng Nam vào thế lưỡng đầu thọ địch.

Mùa xuân năm 1775, Nguyễn Văn Nhạc mãnh liệt tấn công khiến cho Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần phải chạy vào Gia Định. Quân Tây Sơn càng lúc càng lan rộng, Nguyễn Văn Lữ được trui rèn trong chiến đấu nên đã trở thành một tướng lãnh trọng yếu của Tây Sơn.

Mùa xuân năm 1776, Nguyễn Văn Nhạc phong Nguyễn Văn Lữ làm tiết chế đem thủy quân vào đánh Gia Định, vừa đánh đã thắng, Duệ Tông phải chạy lên Trấn Biên khôi phục những vùng đã mất, Lữ cướp lấy kho thóc rồi trở về Quy Nhơn. Tháng Hai, Nguyễn Văn Nhạc xưng là Tây Sơn vương, đúc ấn vàng, phong cho Nguyễn Văn Lữ làm thiếu phó, Nguyễn Văn Huệ làm phụ chính, triều đình Quảng Nam coi như sụp đổ.

Khi đó cháu của Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần là Nguyễn [Phúc] Dương lấy được Gia Định, hiệu là Tân Chính vương, tôn Duệ Tông làm Thái Thượng vương.

Năm 1777, Nguyễn Văn Nhạc sai Nguyễn Văn Lữ, Nguyễn Văn Huệ đem quân thủy bộ tiến xuống Gia Định, Tân Chính vương thua trận bị hại, chấm dứt 200 năm cai trị của chúa Nguyễn ở Quảng Nam, Nguyễn Phúc Ánh dẫn tàn quân chạy về Long Xuyên rồi quay lại lấy Gia Định, sau cùng phải chạy sang Xiêm La. Nói như thế, trong tiến trình làm cho triều đình Quảng Nam sụp đổ và chấm dứt có công lao của Nguyễn Văn Lữ.

Năm 1778, Nguyễn Văn Nhạc tự lập làm hoàng đế, niên hiệu Thái Đức, cho Lữ làm tiết chế, Huệ làm Long Tương [Nhương] tướng quân (龍驤將軍), cai trị cả miền Trung lẫn miền Nam Việt Nam ngày nay.

Năm 1786, Nguyễn Văn Nhạc sai Nguyễn Văn Huệ tiến đánh quân Trịnh đang giữ Thuận Hóa, cùng Lữ đem quân thủy theo sau. Tháng Năm, lấy được Thuận Hóa, Văn Huệ để Nguyễn Văn Lữ trấn thủ còn mình thì lấy danh nghĩa "*phù Lê diệt Trịnh*" đem thủy quân thừa thắng tiến ra Bắc.[1] Tháng Sáu, lấy được Thăng Long, diệt được họ Trịnh, Văn Huệ được Lê Hiển Tông phong làm nguyên soái, quốc công lại gả con gái là công chúa Ngọc Hân cho. Khi vua Hiển Tông mất, Huệ giúp cho thái tôn là Lê Duy Kỳ lên kế

1. *Đại Nam thực lục*, quyển 4. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30: "Ngụy Tây liệt truyện: Nguyễn Văn Nhạc", tr. 319-324.

vị, lấy năm sau là Chiêu Thống nguyên niên. Nguyễn Văn Huệ để bộ tướng là Nguyễn Hữu Chỉnh trấn thủ Thăng Long, lấy hết đồ quý giá trong vương phủ chúa Trịnh, đem quân trở lại Quy Nhơn.[1]

Sau khi trừ được triều đình chúa Nguyễn ở phương Nam và chúa Trịnh ở ngoài Bắc, đến tháng Tư năm Chiêu Thống nguyên niên (Càn Long 52), Nguyễn Văn Nhạc tự xưng là Trung Ương hoàng đế đóng đô ở Quy Nhơn, phong cho Văn Huệ làm Bắc Bình vương ở Thuận Hóa giữ miền bắc đất Quảng Nam, còn Văn Lữ làm Đông Định vương trấn thủ Gia Định.[2]

Đến lúc đó, mâu thuẫn tích lũy giữa Nguyễn Văn Nhạc và Nguyễn Văn Huệ nay bộc phát, hai bên trở thành thù hận. *Đại Nam thực lục* chép về nguyên nhân anh em Nhạc, Huệ hiềm khích như sau:

岳既得志，日肆淫暴，殺阮椿，又淫惠妻，人皆醜之。北侵之役，鄭府貨資一歸於惠，岳索之不與，惠欲並廣南之地，岳亦不與．遂成仇隙。[3]

> *Nhạc đã toại chí, ngày càng phóng túng dâm bạo, giết Nguyễn Thung lại gian dâm vợ Huệ, người người đều chê là xấu. Trong chiến dịch ra bắc, bao nhiêu của báu ở phủ chúa Trịnh đều vào tay Huệ, Nhạc đòi nhưng không được. Huệ lại muốn có cả đất Quảng Nam, Nhạc cũng không cho, thành ra hiềm khích.*

Văn Huệ cậy mình thế mạnh, đem quân vào Quy Nhơn, vây thành mấy tháng liền. Vì việc anh em trong nhà đánh lẫn nhau nên Nhạc, Huệ không rảnh để ngó xuống phương nam. Cháu của Nguyễn Phúc Thuần là Nguyễn Phúc Ánh thừa cơ từ Xiêm La trở

1. Phan Thanh Giản, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 46, Lê Hiển Tông, Cảnh Hưng 47, tr. 4021-4029.
2. Phan Thanh Giản, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 47, Lê Mẫn Đế, Chiêu Thống nguyên niên, tr. 4059.
3. *Đại Nam thực lục*, quyển 4. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30: "Ngụy Tây liệt truyện: Nguyễn Văn Nhạc", tr. 325.

về nước mưu chuyện khôi phục khiến cho lực lượng tương đối yếu đuối của Nguyễn Văn Lữ rơi vào nguy hiểm cuối cùng qua đời. *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ chép:

九月，禦舟進抵芹藤海口，四方義旅雲集響應，軍聲大振，阮文呂聞我兵至，引避於諒埠，築土壘以居，賊太保範文參據柴棍，堅壁自守，官軍累攻不下，帝方欲以計破之，因獲賊金蓬大船及告身一通，又於船中獲賊護督理愛妾氏祿，不殺而厚撫之，仍依告身印篆字樣假作阮文岳秘書，言參驕橫，使呂設計殺之，令氏祿持以告參，參得書大驚，即詐起白旗率水兵直至諒埠，呂望見白旗疑參已降，遂奔回歸仁，尋死。參復據守柴棍。[1]

> *Tháng Chín, vua ngự thuyền tiến vào cửa biển Cần Giờ, nghĩa quân bốn phương nổi lên hưởng ứng, tiếng tăm lên cao. Nguyễn Văn Lữ nghe tin quân ta đến nên tránh sang Lạng Phụ, đắp lũy đất để giữ, thái bảo giặc là Phạm Văn Tham giữ Sài Gòn, làm tường chắc chắn tự thủ, quan quân nhiều lần đánh mà không được. Vua muốn dùng kế để phá, nhân bắt được thuyền lớn kim bồng của địch trên có giấy đi đường, lại bắt được trên thuyền người ái thiếp của hộ đốc lý giặc là Thị Lộc, không giết mà vỗ về rồi y theo ấn triện trên giấy giới thiệu giả một bức thư mật của Nguyễn Văn Nhạc nói là* [Phạm Văn] *Tham kiêu căng càn rỡ, sai Lữ tìm cách giết đi, rồi cho Thị Lộc đến báo cho Tham. Tham nhận được kinh hãi, lập tức giương cờ trắng đem thủy quân đến Lạng Phụ, Lữ từ xa nhìn thấy cờ trắng nghi rằng Tham đã hàng nên chạy về Quy Nhơn, chết ở đó. Tham quay lại giữ Sài Gòn.*

Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập chép:

丁未，世祖自進羅返旆，進抵芹藤海口，呂退守諒埠，偽太保範文參守柴棍，我軍攻之不下，乃假作岳密書，

1. *Đại Nam thực lục* 2. *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ, quyển 3, tr. 334.

言參驕橫，使呂設計殺之，而詭投參所，參大驚，即詐豎白旗，率兵下諒埠，呂疑參已降，遂奔歸仁，尋死。[1]

> *Năm Đinh Mùi, vua Thế Tổ từ Xiêm La trở về, tiến vào cửa biển Cần Giờ, Lữ lui về giữ Lạng Phụ, ngụy thái bảo Phạm Văn Tham giữ Sài Gòn, quân ta đánh mà không hạ được nên làm giả mật thư của Nhạc nói rằng Tham kiêu căng càn rỡ, sai Lữ dùng kế giết đi nhưng làm như đưa lầm đến chỗ Tham. Tham kinh hãi, lập tức giương cờ trắng đem quân xuống Lạng Phụ. Lữ ngờ rằng Tham đã hàng vội chạy về Quy Nhơn, chết ở đó.*

Hai đoạn tài liệu trên tuy không nói rõ Lữ chết lúc nào nhưng theo lời văn thì Nguyễn Văn Lữ chết vào khoảng tháng Chín năm Càn Long 52 hay sau đó một chút, chậm lắm cũng không qua được cuối năm.

Cho nên thuyết "*Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh nhập cận*" đã được sáng tỏ. Nếu theo *Đại Nam thực lục* viết thì Nguyễn Văn Huệ không có em trai nên việc sai em đi thay không thể có, còn nếu dựa theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thì em của Nguyễn Văn Huệ chính là Nguyễn Văn Lữ, sau năm 1787 đã qua đời, làm sao ba năm sau (1790) lại có thể thay anh sang Trung Hoa triều cận chúc thọ được? Cho nên việc Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh nhập cận không đứng vững.

2. Việc Phạm Công Trị thay Nguyễn Quang Bình nhập cận cũng không đáng tin

Thuyết "*giả mạo*" quan trọng nhất là việc *Đại Nam thực lục* chép là Phạm Công Trị thay Nguyễn Quang Bình nhập cận có thể có hay không?

---

1. *Đại Nam thực lục* 4. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30: "Ngụy Tây liệt truyện: Nguyễn Văn Nhạc", tr. 326.

Theo thuyết này thì Phạm Công Trị thay mặt Nguyễn Quang Bình nhập cận và Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh đi thay mình nhập cận cũng như nhau. Theo *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ, quyển 4 chép là Nguyễn Huệ đánh bại quân Thanh rồi, đổi tên thành Nguyễn Quang Bình, sai sứ sang triều cống để xin Thanh triều sách phong y làm An Nam quốc vương, Thanh đế bằng lòng, nhưng bắt Nguyễn Quang Bình phải sang kinh đô triều cận. Nguyễn Quang Bình mới kiếm "*người dung mạo giống mình*" là Phạm Công Trị thay mặt sang nhập cận. Lại nói là vua Càn Long biết là giả mạo nhưng "*bề ngoài vẫn chấp nhận*".

Nếu như chỉ chép tới đây rồi ngưng lại thì có rất nhiều chỗ không thông:

(1) Thứ nhất, vào tháng Sáu năm Càn Long 54, Thanh triều giáng chỉ sách phong cho Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương rồi, lập tức phái hậu bổ đạo viên Quảng Tây là Thành Lâm đến Lê thành (tức Thăng Long) của An Nam để tuyên chỉ tứ phong. Sử chép, Thành Lâm rất quen thuộc với sự vụ An Nam lại là người tinh minh lõi đời, ngày 28 tháng Tám đến Trấn Nam Quan, ngày 13 tháng Chín ra khỏi cửa quan vào An Nam, sau khi đến Lê thành, chọn ngày tốt là ngày 15 tháng Mười tuyên chỉ phong vương. Sau khi lễ xong, cùng Nguyễn Quang Bình trò chuyện, đến ngày 17 tháng đó lên đường về nước, Nguyễn Huệ chắp tay đưa tiễn.[1]

Theo như thế, Thành Lâm đến Lê thành tuyên phong, ít nhất cũng gặp Nguyễn Huệ hai lần. Gặp nhau ở khoảng cách rất gần, dặc trưng diện mạo thân thể, khí chất cung cách, giọng nói ngôn ngữ ắt hẳn có ấn tượng sâu xa. Huống chi, mùa xuân năm Càn Long 55, quốc vương An Nam Nguyễn Quang Bình dưa con trai là Nguyễn Quang Thùy và bọn bồi thần Ngô Văn Sở lên đường sang

1. Phương lược quán, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 24, Ngô Phong Bối chỉnh lý (Bắc Kinh: Thư Mục Văn Hiến xuất bản xã, 1986), tr. 7-8.

Trung Hoa triều cận, ngày 13 tháng Tư đến Lạng Sơn, Phúc Khang An sai người năm trước đến Lê thành tuyên phong là Thành Lâm "*đến nơi hỏi han, đem dê rượu khao thưởng*"[1] nghinh đón nhập quan. Nếu như Nguyễn Quang Bình đã chọn người có tướng mạo "*giống mình*" thì một kẻ "*tinh minh lõi đời*" như Thành Lâm lẽ nào lại không nhận ra?

(2) Thứ hai, vua Càn Long sống trong thâm cung, chưa từng gặp Nguyễn Quang Bình bao giờ, làm sao biết được người sang nhập cận là giả mạo? Theo *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30, Nguyễn Văn Huệ truyện có hai đoạn chép đến. Thứ nhất, vua Thanh sách phong Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương, sai hậu bổ Quảng Tây là Thành Lâm sang, khi đến quan, Huệ mới thác rằng vượng khí Thăng Long đã hao kiệt, đòi vào Phú Xuân, Thành Lâm nói rằng không đúng lệ nên không chịu đi, Huệ mới nói là bị bệnh lẩn lữa, sai ngoại sanh (cháu gọi bằng cậu) là Phạm Công Trị giả mạo làm lễ.[2] Như vậy người thụ phong nghi lễ ở Lê thành thay Nguyễn Quang Bình chính là Phạm Công Trị đóng giả. Thứ hai, mùa xuân năm Càn Long 54, Phúc Khang An giục Nguyễn Quang Bình chuẩn bị hành trang lên đường, Quang Bình lấy cớ là mẹ mất, xin cho con mình là Nguyễn Quang Toàn (thực ra là Thùy) thay mặt nhập cận. Phúc Khang An không chịu, nên phái mật sứ đến cửa quan "*nói đầu đuôi khuyên nhủ mọi lẽ, nếu như chẳng dặng dừng, thì hãy lấy người dung mạo giống mình mà thay*" (委曲誘掖，如不得已，須以狀貌類己者代之). Nếu như thế, việc Nguyễn Quang Bình đem người giống mình là "*ngoại sanh Phạm Công Trị*" ấy là do chủ ý của quan nhà Thanh. *Đại Nam thực lục* trước sau ghi chép quả là hai bên nâng lẫn nhau, cái nọ bổ túc cho cái kia. Thoạt nhìn thì dường như thuyết đó có vẻ tròn trịa nhưng khi xem kỹ quan hệ Trung Hoa - Việt Nam thì

1. Phương lược quán, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 28, tr. 1.
2. *Đại Nam thực lục* 4. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30, "Ngụy Tây liệt truyện: Nguyễn Văn Huệ", tr. 337.

không đúng sự thực, nhiều chỗ tình lý không thông khiến cho người ta không thể tin được, nay phân tích như sau:

a. Theo như tình hình chế độ sách phong ngoại phiên và cục thế An Nam, người thụ phong ở Lê thành không thể là Nguyễn Quang Bình giả được.

Việt Nam kể từ khi Đinh Bộ Lĩnh dựng nước, tách rời khỏi các vương triều Trung Hoa ở trung nguyên để thành một quốc gia độc lập nhưng cũng từ đó thiết lập liên hệ tông phiên giữa hai bên. Tông phiên quan hệ chủ yếu nội dung bao gồm: Gửi sứ thần định kỳ sang Trung Hoa triều cống; khi quốc vương An Nam qua đời thì phải gửi người sang cáo ai (báo tin buồn), hoàng đế Trung Hoa sẽ sai người sang dụ tế; trước khi tân vương tức vị phải xin được phong, chỉ khi nào được hoàng đế Trung Hoa sách phong khi đó mới được coi như hợp pháp.

Liên hệ tông phiên giữa hai nước (trừ một thời gian ngắn đầu thời Minh là bị trực tiếp thống trị) [nói về thời kỳ nước ta bị quân Minh chiếm đóng], kéo dài đến gần một nghìn năm. Thanh triều và vương triều nhà Hậu Lê của An Nam chính thức kiến lập quan hệ tông phiên vào năm Khang Hi 5 (1666), cống kỳ là "*hai năm một lần, bốn năm sai sứ sang triều đình một lần, hợp hai lần cống làm một*".[1]

Việc sách phong quốc vương do hai bộ phận hợp thành bao gồm ban tứ chiếu thư và sai sứ sang tuyên phong: phàm sách phong quốc vương, ắt phải ban cho chiếu sắc, sứ sang phong nhận lệnh vua, khi sứ thần tuyên phong vào đến cảnh giới nước đó thì quốc vương sai bồi thần cung nghinh đến đô thành, đưa vào nghỉ ở sứ quán. Đến kỳ hạn tuyên đọc chiếu sắc, quốc vương cùng

1. Người dịch chú: Chi tiết này tác giả nhầm vì căn cứ vào *Thanh hội điển* soạn đời Quang Tự. Thực ra nước ta 3 năm một lần triều cống, 6 năm sai sứ đem sang hai lần gộp một. Đến năm Quang Trung 4, vua Quang Trung yêu cầu thay đổi lệ cống nên Thanh triều đã định lại là 2 năm một lần, 4 năm sai sứ sang triều cống. Cho nên chỉ từ đời Quang Trung sang các vua đời Nguyễn, nước ta hai năm triều cống một lần.

các bồi thần đến quán cung kính nghinh đón chiếu sắc. Lên điện, quốc vương dẫn bồi thần làm lễ tam quỳ cửu khấu, đứng dậy rồi quỳ xuống nhận. Chiếu sắc tuyên đọc xong, hành lễ như lúc đầu.[1] Việc tuyên đọc chiếu sắc trang nghiêm cung kính, tuyên phong lễ xong, quốc vương được sách phong coi như hoàn thành. Vua mới kế vị từ đó mới xác định được vị thế cai trị trong lòng thần dân. Đây là một tâm lý chính trị hình thành đã từ lâu.

Nguyễn Huệ nổi lên vào cuối thế kỷ XVIII cũng nằm trong cục thế chung của An Nam. Mùa hạ năm Càn Long 53, lấy tiếng là diệt Nguyễn Hữu Chỉnh, lần thứ hai tấn công Lê thành làm nghiêng đổ triều đình nhà Lê, quốc vương Lê Duy Kỳ chạy trốn, mẹ ông chạy sang Quảng Tây cầu viện.[2] Tháng Mười, Thanh đình sai tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị đem quân lấy lại nước cho Lê Duy Kỳ, hưng diệt kế tuyệt, tự tiểu tồn vong. Ngày 20 tháng Một, Tôn Sĩ Nghị đánh chiếm Lê thành, ngày 22, tuyên chiếu sách phong Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương.[3] Ngày 25, Nguyễn Huệ để ràng buộc lòng người hầu đối kháng với địch nên tự lập làm hoàng đế, niên hiệu Quang Trung, tích cực chuẩn bị phản công quân Thanh.[4]

Tháng Giêng năm Càn Long 54, Nguyễn Huệ đem quân tấn công Lê thành, Tôn Sĩ Nghị không hề phòng bị, đại bại chạy về, Lê Duy Kỳ cũng chạy vào nội địa.[5] Vua Càn Long giải nhiệm Tôn Sĩ Nghị, điều động Phúc Khang An sang làm tổng đốc Lưỡng

---

1. Nguyên văn: 俱宣讀詔敕之期，國王率陪臣等至館肅迎詔敕。升殿，國王率陪臣行三跪九叩禮，興，乃跪受，詔敕宣讀畢，行禮如初。Quang Tự triều biên soạn, *Thanh hội điển*, quyển 39, Lễ bộ (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1990), tr. 354.

2. *Thanh sử cảo*, quyển 527, "Thuộc quốc nhị, Việt Nam", tr. 14635.

3. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1319, Càn Long 53, ngày Quí Mão tháng Chạp (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1986), tr. 830.

4. *Đại Nam thực lục* 4. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30, "Ngụy Tây liệt truyện: Nguyễn Văn Huệ", tr. 334.

5. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1321, Càn Long 54, ngày Nhâm Ngọ, tháng Giêng, tr. 867.

Quảng, lo liệu việc An Nam. Khi đó, tuy trên thực tế chính quyền Quang Trung khống chế An Nam nhưng Nguyễn Huệ không phải là người hợp pháp. Bên trong nhiều mối lo chưa trừ được, thế lực chống Nguyễn [Tây Sơn] của tông tộc nhà Lê nổi lên khắp nơi, bên ngoài chống đối lại càng mạnh mẽ, cùng lân quốc Xiêm La chiến tranh, lại sợ Thanh triều đem binh sang một lần nữa, việc gấp gáp là làm sao hòa giải với Thanh triều để được hoàng đế nhà Thanh sách phong, có được vị thế hợp pháp, củng cố việc cai trị trong nước.

Vì thế, Nguyễn Huệ đã theo đuổi một chính sách ngoại giao linh hoạt, trong khi khói lửa chiến tranh chưa hoàn toàn dứt, ông đã nhiều lần sai sứ xin cầu phong. Trước khi Phúc Khang An đến đất Việt [Quảng Đông - Quảng Tây], Nguyễn Huệ đã ba lần sai sứ đem biểu văn đến cửa quan "*xin hàng*" vào ngày 22 tháng Giêng, mồng 9 tháng Hai và 21 tháng Hai năm Càn Long 54, và trong biểu văn thứ hai đổi tên là Nguyễn Quang Bình.[1] Cùng lúc đó, quan binh nhà Thanh tiếp tục tiến quan không bị giết hại, lại đem những người giết hại để dốc, tổng binh nhà Thanh ra xử tử.[2]

Tháng Tư năm đó, Nguyễn Quang Bình sai cháu ruột là Nguyễn Quang Hiển nhập cận.[3] Sau khi trải qua những khó khăn về ngoại giao, đến tháng Sáu vua Càn Long lần đầu giáng chỉ sách phong Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương.[4] Có thể nói, đây là mong đợi của Nguyễn Quang Bình từ lâu và là

1. Người dịch chú: Những chi tiết mà tác giả nêu ra chỉ dựa vào tài liệu nhà Thanh nên có nhiều chỗ sai lầm. Xin xem: *Thanh - Việt nghị hòa: Tiến trình công nhận triều đại Quang Trung* (TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2015) của Nguyễn Duy Chính.

2. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1322, Càn Long 54, ngày Mậu Tí tháng Hai, tr. 882; quyển 1323, Càn Long 54, ngày Ất Mão, tháng Hai, tr. 915; Càn Long 54, ngày Bính Dần tháng Ba, tr. 930. Phương lược quán, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 16, tr. 14. Người dịch chú: Thực ra đây chỉ là viết trên biểu để cho qua chuyện, nước ta không bao giờ trừng trị những người giết quan quân nhà Thanh.

3. Phương lược quán, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 21, tr. 1.

4. Phương lược quán, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 22, tr. 9.

thắng lợi vô cùng to lớn trong ngoại giao với Thanh triều. Thành Lâm đến Lê thành tuyên phong là bước sau cùng để hợp pháp hóa việc cai trị, điều Nguyễn Quang Bình rất coi trọng, và cũng là ý nghĩa quan trọng để ổn định cục thế đối với những thành phần thù nghịch. Nếu như người thụ phong ở Lê thành là Nguyễn Quang Bình giả thì tiến trình pháp định của việc sách phong cho Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương chỉ mới được một nửa, ảnh hưởng đến sự ổn định của đất nước. Nguyễn Quang Bình là một chính trị gia lão luyện không thể không nghĩ đến điều đó. Vì thế theo người viết [tức tác giả Trương Minh Phú], người thụ phong ở Lê thành là Nguyễn Quang Bình không thể giả. Việc phân tích này có thể giải thích chính xác qua *Bang giao hảo thoại* của Ngô Thì Nhậm.

Ngô Thì Nhậm, còn gọi là Ngô Nhậm, rất được Nguyễn Quang Bình tín nhiệm, giao cho đại quyền ngoại giao với nhà Thanh, nhiều văn thư trình lên Thanh triều do ông soạn thảo. *Bang giao hảo thoại* là một tập hợp về văn thư ngoại giao với Trung Hoa. Theo *Bang giao hảo thoại* thì khi Nguyễn Quang Bình ở Nghệ An nghe tin Thanh triều sai viên chức lớn sang An Nam tuyên phong đã "*vì việc tốt lành này mà vui mừng bội phần*", lập tức "*tuyên bố cho quốc dân sao cho mọi người đều biết*". Ngày 28 tháng Tám, từ Nghệ An khởi trình đi Thăng Long "*nghinh đón sắc thư*". Thế nhưng khi đi đến Đông Thành thuộc địa phận Nghệ An thì bệnh cảm mạo cũ trở nặng, bất đắc dĩ phải quay thuyền về thành Nghệ An điều dưỡng, ủy cho con ruột là Nguyễn Quang Thùy "*cung kính đến thành Thăng Long để đợi nghinh đón*", khẩn khoản xin sứ thần sắc phong của Thanh triều xuống thành Phú Xuân tuyên phong. Đề nghị này bị Thành Lâm bác bỏ.

Khi Nguyễn Quang Bình bệnh đã hơi đỡ, lập tức lên Thăng Long, ngày rằm tháng Mười, đại lễ hoàn thành. Nguyễn Quang

Bình "*cảm kích tận đáy lòng, không để đâu cho hết*"[1], không có hành vi gì gọi là giả mạo cả.

b. Phạm Công Trị không thể giả mạo Nguyễn Quang Bình nhập cận.

Xem các sử tịch, Phạm Công Trị không có các điều kiện để thay mặt Nguyễn Quang Bình nhập cận. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 28 chép, giờ Tị ngày 15 tháng Tư năm Càn Long 55, An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình đưa con trai là Nguyễn Quang Thùy, bồi thần Ngô Văn Sở tất cả 150 người tiến quan, Phúc Khang An ở tại Chiêu Đức Đài tiếp đón và đãi trà trò chuyện. Vì trên đường đi Nguyễn Quang Thùy bị sốt, Nguyễn Quang Bình thỉnh cầu đưa trở về nước điều trị, Phúc Khang An bằng lòng để cho về trước. Nguyễn Quang Bình khi đó mới sai cháu là Phạm Công Trị, bồi thần Đặng Văn Chân và tùy tòng 30 người theo Nguyễn Quang Thùy trở về, Phúc Khang An cho người hộ tống xuất quan.[2]

Đoạn văn này nói rõ ngoại sanh [cháu gọi bằng cậu] của Nguyễn Quang Bình là Phạm Công Trị quả thực có dự tính sang Trung Hoa triều cận nhưng chỉ mới tới Trấn Nam Quan, vì Nguyễn Quang Thùy nhiễm bệnh nên không tiện đi tiếp lên phương Bắc để đường xa lao khổ nên theo Nguyễn Quang Thùy về An Nam. Phạm Công Trị đã về An Nam, làm sao có thể thay Nguyễn Quang Bình sang Trung Hoa triều cận?

Theo như *Đại Nam thực lục* chép, lần này sang Trung Hoa thì Phạm Công Trị đóng thay Nguyễn Quang Bình, vậy người

---

1. Ngô Thì Nhậm, *Bang giao hảo thoại*, (21) Hựu nhất dạo "Phụng sứ lai phong đệ thư trình tạ, quốc vương bẩm", (23) Hựu nhất dạo "Thỉnh hứa sắc sứ tựu Phú Xuân thành tuyên phong, quốc vương bẩm", (24) "Trình thiên triều Thái Bình phủ chính đường Vương đại nhân", (26) "Trình Thang đại nhân Phong lễ cáo thành đệ thư minh tạ, quốc vương thư trình". *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, Tập 3 (Hà Nội: Khoa học xã hội, 2005), tr. 488, 498, 504, 512.

2. Phương lược quán, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 28, tr. 3-4.

đóng giả Phạm Công Trị ấy là ai? *Đại Nam thực lục* không thấy nói đến chuyện này.

c. Vua Càn Long biết chuyện người sang Trung Hoa không phải là Nguyễn Quang Bình nhưng vì muốn khỏi mất mặt nên không nói ra là điều không tin được.

Khi Nguyễn Quang Bình từ Bắc Kinh về nước, vua Càn Long vẫn thường nhớ đến, đến khi Nguyễn Quang Bình qua đời, khi nghe tin này vua Càn Long tỏ ra rất bi thương là điều chứng thực.

Sau khi Nguyễn Quang Bình nhập cận về nước, vua Càn Long "*nhớ nhung khôn nguôi*". Tháng Tư năm Càn Long 56, khi Tết Đoan dương đến gần, "*nghĩ đến năm ngoái Đoan dương tiết, ấy là lúc quốc vương đang trên đường đi, đã từng cho chạy trạm thưởng cho một phần quà tết. Nay ở xa khuyết đình, lòng trẫm rất là quyến luyến nên cũng theo lệ như năm trước, gia ân thưởng cho khố sa, cát sa, quạt ngà voi, quạt ba tiêu, quạt thập cẩm, khăn phù dung, hương khí, thuốc viên và một hộp bánh sữa* [nãi bính], *kèm theo chỉ mà giao cho để tỏ lòng ưu quyến*" (因思上年端節，正值該國王入覲在途，曾馳賜節賞一分。今遠隔闕廷，朕心深為廑注，著照上年之例，加恩賞給庫紗、葛紗、牙扇、蕉扇、十錦扇、芙蓉巾、香器、藥錠等物並奶餅一匣，隨旨發往，用昭優眷。).[1]

Tháng Sáu, vua Càn Long dừng chân nơi Tị Thử Sơn Trang ở Nhiệt Hà, trong khi nhàn hạ xem lại những thơ văn đã làm, thấy năm trước khi An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình đến Tị Thử Sơn Trang bệ kiến dã ban cho thơ văn, nghĩ đến vua nước An Nam năm trước vạn dặm xa xôi đến triều đình, nhớ lại tình cảm nồng thắm, thi hứng đại phát nên "*dùng theo vần trước đặc chế thi chương, viết lên quạt mà ban cho*" vì "*hiện nay đang mùa nóng, quốc vương dùng quạt đuổi xua viêm nhiệt*". Thơ rằng:

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1377, ngày Giáp Tí tháng Tư năm Càn Long 56, tr. 483.

例事山莊駐夏巡，敕幾不息必躬親。
近當慍解南薰我，遠憶心懸北極人。
詣闕去年思會面，為邦永訓在漸仁。
筵頭寫寄梅花信，風被瀛疆奕葉春。[1]

Phiên âm:

Lệ sự sơn trang trú hạ tuần,
Sắc ky bất tức tất cung thân.
Cận đương uẩn giải nam huân ngã,
Viễn ức tâm huyền bắc cực nhân.
Nghệ khuyết khứ niên tư hội diện,
Vi bang vĩnh huấn tại tiệm nhân.
Diên đầu tả ỷ mai hoa tín,
Phong bị doanh cương dịch diệp xuân.

Dịch nghĩa:

Theo lệ đi tuần mùa hạ đến ở sơn trang,
Sắc [gửi đi] *không ngừng càng cung kính thân thiết,*
Ở gần thì có thể giải được cho ta gió nồm,
Ở xa thì nhớ canh cánh của người cực bắc.
Đến triều năm ngoái nghĩ đến lúc gặp mặt,
Vì nước nên dạy làm sao có điều nhân.
Đầu tiệc viết gửi một bức tin hoa mai,
Gió thổi cho bờ cõi mãi mãi một mùa xuân.

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1381, ngày Mậu Thìn tháng Sáu năm Càn Long 56, tr. 532.

Tháng Chín năm Càn Long 57, Nguyễn Quang Bình qua đời ở Nghệ An, tháng Giêng năm Càn Long 58, thế tử Nguyễn Quang Toản sai bồi thần đến kinh đô báo tin, vua Càn Long rất thương tiếc, tự làm một bài thơ và cho 3.000 lạng bạc, phái người đã được thăng lên làm án sát là Thành Lâm đến Nghệ An cúng tế (祭奠), lại dặn Thành Lâm đem bài thơ phúng điếu đốt trước mộ Nguyễn Quang Bình. Bài thơ phúng điếu đó như sau:

外邦例以遣陪臣，展覲從無至己身。

納款最嘉來玉陛，懷疑堪笑代金人。

秋中尚憶衣冠肅，膝下誠如父子親。

七字不能罷哀述，憐其忠悃出哀真。

Phiên âm:

Ngoại bang lệ dĩ khiển bồi thần,

Triển cận tòng vô chỉ kỷ thân.

Nạp khoản tối gia lai ngọc khuyết,

Hoài nghi kham tiếu dại kim nhân.

Thu trung thượng ức y quan túc,

Tất hạ thành như phụ tử thân.

Thất tự bất năng bãi ai thuật,

Lân kỳ trung khổn xuất ai chân.

Dịch nghĩa:

Lệ ngoại bang chỉ sai bồi thần đến,

Xưa nay chưa có ai đích thân đến bao giờ.

Thành thực đến triều thật đáng khen thay,

Nực cười đáng ngờ lấy người vàng thay mình.

Nhớ lại mùa thu trước nghiêm chỉnh trong y quan,

Dưới gối thân thiết như cha con trong nhà.

Bảy chữ không sao có thể làm vơi nỗi buồn,

Thương thay cho kẻ trung thành nên tỏ nỗi buồn.

Thiết tưởng nếu như vua Càn Long biết rõ rằng Nguyễn Quang Bình là kẻ giả mạo, lẽ nào khi đã rời kinh đô để về nước rồi lại khắc khoải nhớ nhung? Rồi khi Nguyễn Quang Bình qua đời lại bồi hồi thống thiết, ngự chế một bài thơ phúng điếu mà không có chút gì oán hận? Nếu cứ theo tấm lòng người thường thì không thể như thế được. Dẫu chỉ để nói cho đẹp thì lời lẽ của vua Càn Long cho thấy thật là chân tình.

Như trên đã viết, thuyết Phạm Công Trị thay Nguyễn Quang Bình nhập cận thì mặt mũi có giống thế nào chăng nữa theo sử sách cũng có rất nhiều kẽ hở, không thể tin được.

3. Thuyết giả mạo: Tâm thái thượng quốc và tình tự dân tộc đã chi phối lịch sử

Nếu quả Nguyễn Quang Bình sai em nhập cận, Phạm Công Trị thay thế Nguyễn Quang Bình nhập cận, cả hai thuyết này đều không thể được thì thuyết giả mạo dĩ nhiên tự nó sụp đổ. Thế nhưng, sự thực về việc này từ đâu mà ra?

Theo chúng tôi [tức tác giả Trương Minh Phú] thuyết giả mạo không xuất hiện vào thế kỷ XVIII mà chỉ có từ đầu thế kỷ XIX trong thư tịch Trung Hoa hay Việt Nam. *Đại Nam thực lục chính biên* đệ nhất kỷ hoàn thành năm 1848, *Việt Nam tập lược* san khắc năm Quang Tự 3 (1877), *Thanh sử cảo* hoàn thành năm 1927, đều sau *Càn Long thượng dụ đáng, Khâm định An Nam kỷ lược* do Phương lược quán soạn cuối đời Càn Long và *Thanh Cao Tông thực lục* soạn đời Gia Khánh.

Thế nhưng *Càn Long thượng dụ đáng, Khâm định An Nam kỷ lược, Thanh Cao Tông thực lục* ghi nhận việc Nguyễn Quang Bình đích thân sang Trung Hoa rất minh bạch, nói Nguyễn Quang Bình đi cả thảy trên 150 người, ngày 15 tháng Tư qua Trấn Nam Quan, do Phúc Khang An đi cùng bồi tiếp qua Quảng Tây, Quảng

Đông, Giang Tây, Hồ Bắc, Hà Nam sơ tuần tháng Bảy đến Nhiệt Hà, được vua Càn Long long trọng tiếp đãi. Tháng Tám đến kinh đô, tham gia lễ Bát tuần khánh thọ của vua Càn Long theo điển lễ và làm lễ khánh hạ. Sau Vạn thọ tiết của vua Càn Long, lập tức được lệnh về nước. Ngày 29 tháng Một Nguyễn Quang Bình đến Trấn Nam Quan. Tuần phủ Quảng Tây Trần Dụng Phu làm lễ từ biệt. Ngày 20 tháng Chạp, về đến Nghệ An.[1]

Thượng dụ đáng là bản sao các dụ từ hoàng đế do Quân cơ xứ đời Thanh thực hiện, cả hai sách này đều căn cứ vào đáng án mà trích ra, đặc biệt *Khâm định An Nam kỷ lược* đều từ các đáng án xếp lại và so sánh, có tính chân thực rất cao.

Sử liệu Việt Nam như *Bang giao hảo thoại* thu nhập những văn thư Nguyễn Quang Bình trình đệ các viên chức lớn ở địa phương, trung ương nhà Thanh sau khi về nước đều chứng thực rằng quả thực Nguyễn Quang Bình đã đích thân nhập cận. Chẳng hạn như khi Nguyễn Quang Bình trên đường đi ngang qua Hồ Bắc, khi đó Tất Nguyên là tổng đốc sở tại, trong *Trình Tứ Xuyên tổng đốc Tất đại nhân giản* có viết:

昨因：展覲天庭，經由貴省。周旋一路，多荷盛情。車指朱蒙，神留黃峽。

> *Hôm trước nhân vì triển cận thiên đình, đi ngang qua quý tỉnh, trên đường quay về nhận được thật nhiều thịnh tình. Xe chỉ về Chu Diên, hồn còn vương Hoàng Hạp.*[2]

---

1. Phương lược quán, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 28, tr. 4, 5, 16, 20, 21; quyển 29, tr. 8, 9, 10, 15, 17, 19; quyển 30, tr. 17, 19. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1354, ngày Nhâm Ngọ tháng Năm năm Càn Long 55, tr. 134; quyển 1356, ngày Tân Hợi tháng Sáu năm Càn Long 55, tr. 164; quyển 1357, ngày Canh Ngọ tháng Sáu năm Càn Long 55, tr. 187; ngày Canh Thìn tháng Bảy năm Càn Long 55, tr. 198; quyển 1358, ngày Quí Mùi tháng Bảy năm Càn Long 55, tr. 199. *Càn Long thượng dụ đáng*, sách 17, văn kiện số 225 (Bắc Kinh: Trung Quốc đáng án xuất bản xã, 1991), tr. 88.

2. Ngô Thì Nhậm, *Bang giao hảo thoại*, (47) "Trình Tứ Xuyên tổng đốc Tất đại nhân giản" (Quốc vương bẩm trình). *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, Tập 3, tr. 617.

Lại như *Trình thiên triều nội các đại thần Vương công gia* [Vương Kiệt] *giản* viết:

昨因：展覲天庭，晤瞻惠色。耕車南返，想慕彌殷。

Hôm trước nhân triển cận thiên đình, gặp nhau được thấy khuôn mặt từ ái, nay đi xe trở về phương nam, vẫn còn nhớ đến thịnh tình của ngài.

Trình thiên triều kinh diên đại thần Đổng đại nhân [Đổng Cáo] *giản*:

竊自：楓庭展覲，瞻晤德容；桂海言旋，久違清範。星凰在仰，懷想依依。

Trộm nhớ khi triển cận thiên đình được thấy khuôn mặt nhân đức, từ biệt để trở về Quế Hải. Mẫu mực của ngài, vẫn hằng ngưỡng mộ, nhớ mãi trong lòng.

Trình Lưỡng Quảng tổng đốc Gia Dũng công Phúc [Khang An] *đại nhân giản*:

小番自：前番展覲，遡仰天恩；憑藉寵光，撫茲南服。[1]

Tiểu phiên từ khi triển cận lần trước, được hưởng ơn trời cũng nhờ vào sự ưu sủng của thiên tử cho vỗ về phương nam.

Khi nhắc lại những việc ở trên không phải là rườm lời nên tuy lời lẽ của Ngô Thì Nhậm nhưng được lệnh trên viết ra, lấy danh nghĩa quốc vương An Nam để gửi đi. Nếu không phải là Nguyễn Quang Bình đích thân nhập cận, vua tôi nhà Thanh biết là người giả thì gửi những thư đó đi làm gì? Do đó, chúng tôi [Trương Minh Phú] nhận định rằng những gì chép trong *Càn Long thượng*

1. Ngô Thì Nhậm, *Bang giao hảo thoại*, (48) "Trình thiên triều nội các đại thần Vương công gia giản", (49) "Trình thiên triều kinh diên đại thần Đổng đại nhân giản", (50) "Trình Lưỡng Quảng tổng đốc Gia Dũng công Phúc đại nhân giản". *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, Tập 3, tr. 620, 623, 625.

dụ đáng, Khâm định An Nam kỷ lược, Thanh Cao Tông thực lục là việc đáng tin.

Như vậy, thuyết giả mạo từ đâu mà được cấu thành? Trong khi xây dựng thuyết này có những nhân tố nào chi phối?

Thuyết "*Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh nhập cận*" đầu tiên là do Từ Diên Húc trong *Việt Nam tập lược, Thanh sử cảo* chỉ lập lại thuyết này ở đây mà ra vì hai bên văn tự tương đồng.

Thuyết "*Phạm Công Trị thay mặt Nguyễn Quang Bình nhập cận*" trong *Đại Nam thực lục* hình thành vào khoảng giữa thế kỷ XIX, sớm hơn thuyết "*Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh nhập cận*". Chúng ta [Trương Minh Phú] hãy phân tích thêm thuyết "*Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh nhập cận*" của Từ Diên Húc xem như thế nào?

Từ Diên Húc (徐延旭, ? - 1884), tự là Hiểu Sơn, người đất Lâm Thanh, tỉnh Sơn Đông, đỗ tiến sĩ năm Hàm Phong 10 (1860) làm quan lâu năm ở Quảng Tây[1] rất thông hiểu tình hình Việt Nam, soạn các sách *Việt Nam sơn xuyên lược* (越南山川略), *Việt Nam thế hệ duyên cách lược* (越南世系沿革略), *Trung ngoại giao giới các ải tạp lược* (中外交界各隘卡略).[2] Sách *Việt Nam tập lược* (越南輯略) viết về văn hiến Việt Nam rất kỹ lưỡng vì tham khảo được sách vở Việt Nam nhưng không hoàn toàn chép lại của Việt Nam mà có rất nhiều thay đổi khác với sách Việt Nam. Trong những thay đổi này, thuyết "*Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh nhập cận*" do ảnh hưởng của tâm thái văn hóa và quan điểm chính trị.

Như đã nhận xét, theo thuyết "*Nguyễn Quang Bình sai em mạo danh nhập cận*", Nguyễn Quang Bình không dám đích thân đi vì khiếp sợ Thanh triều do tâm lý phiên thuộc - thượng quốc, nhưng thực tế không phải như vậy.

1. *Thanh sử cảo*, quyển 458, "Từ Diên Húc truyện", tr. 12681.
2. *Thanh sử cảo*, quyển 146, "Nghệ văn nhị", tr. 4304.

Tháng Sáu năm Càn Long 54, sau khi sách phong cho Nguyễn Quang Bình làm An Nam quốc vương, đến tháng Mười cử hành tuyên phong đại điển ở Lê thành rồi cuối năm, vua Càn Long sợ thần tử nhà Lê lấy danh nghĩa Lê Duy Kỳ gây ra rắc rối có thể ảnh hưởng đến sự ổn định của triều đình Tây Sơn nên ra lệnh cho Phúc Khang An đưa vua Lê và những người đi theo ông đang ở Quế Lâm chia ra thành nhóm đưa lên kinh đô, gia nhập kỳ binh, cho Lê Duy Kỳ làm tá lãnh.[1]

Chính sách "*phù Lê diệt Nguyễn*" (giúp nhà Lê diệt Nguyễn [Tây Sơn]) của nhà Thanh đã chuyển biến thành "*khí Lê, hưng Nguyễn*" (bỏ nhà Lê, nâng nhà Nguyễn [Tây Sơn]), vậy vì cớ gì mà lại diệt Nguyễn Quang Bình? Nguyễn Quang Bình cũng còn sợ gì mà không dám đích thân đi lên Bắc Kinh?

Theo sử chép Nguyễn Quang Bình "*tiếng vang như chuông, mắt lấp lánh như ánh điện, mưu mẹo thiện chiến, người người đều sợ*" (聲如巨鐘，目閃閃若電光，狡黠善鬥，人皆憚之), đánh trận dũng cảm "*ra trận thì đi trước sĩ tốt, hiệu lệnh nghiêm minh, kẻ dưới ai ai cũng hết lòng*" (臨陣必親先士卒，號令嚴明，部曲皆屬心焉)[2] là một nhân vật đảm lược có kiến thức, không dám đi thật không nói lên được đảm lược của ông.

Những người biên soạn *Đại Nam thực lục* là đại biểu cho giới quan phương của triều Nguyễn có tâm thái đối với Nguyễn Quang Bình đối chọi nhau, một mặt vì đã lật đổ được triều đình Quảng Nam nên giữ lòng thù oán tận xương tủy, gọi họ là "*Giặc Tây*" nhưng ở một phương diện khác, vì ông đã giao chiến với Thanh đình và đánh bại được quân Thanh nên coi ông như anh hùng dân tộc. Nếu nhìn lại cái gốc là quan hệ tông phiên giữa hai nước, trong việc miêu tả Nguyễn Quang Bình là kẻ giảo trá thủ đoạn, lừa dối vua tôi nhà Thanh, cũng cần đi ngược trở lại những gì đã xảy

1. Phương lược quán, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 24, tr. 3.
2. *Đại Nam thực lục* 4, *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30, "Ngụy Tây liệt truyện: Nguyễn Văn Huệ", tr. 327.

ra. Theo ghi chép, khi Thành Lâm đến Thăng Long tuyên phong, Nguyễn Quang Bình đưa cháu là Phạm Công Trị thay mình hành lễ, rồi đến mùa xuân năm 1790, khi tổng đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An hối thúc Nguyễn Quang Bình đến kỳ đi lên phương Bắc chiêm cận, Nguyễn Quang Bình lấy cớ là mẹ chết nên xin cho con là Nguyễn Quang Thùy đi thay, khi đó Phúc Khang An mới bí mật phái người đến cửa quan "*nói rõ đầu đuôi khuyên nhủ mọi lẽ*" rồi bảo là nếu bất đắc dĩ "*thì lấy người có khuôn mặt giống mình đi thay*", đều nhằm hạ thấp nhà Thanh.

Chưa hết, trong sách còn viết là khi sứ thần An Nam cáo ai còn bịa ra lời dặn lại trước khi chết của Nguyễn Quang Bình khiến cho vua Càn Long vô cùng thương tiếc.

Tháng Chín năm Càn Long 57, Nguyễn Quang Bình qua đời. Tháng Mười, chôn ở phía nam sông Hương. Nguyễn Quang Toản nối ngôi, sai người sang Thanh cáo ai "*nói dối rằng Huệ có dặn lại sau khi chết thì chôn ở Tây Hồ nơi Bắc thành để cho được gần với thiên khuyết. Vua Thanh tin là thực, ban cho tên thụy là Trung Thuần, đích thân làm thơ phúng điếu, ban cho một tấm khăn đại cáp đạt và ba nghìn lạng bạc để lo việc tang lễ*" (詭言惠遺囑：死後葬於北城之西湖，庶得近依天闕。清帝信之，賜謚忠純，親制誄詩，加賜大哈達一件、銀三千兩，俾作孝事。). Lại đưa án sát sứ Quảng Tây Thành Lâm mới được thăng nhiệm sang Thăng Long đến ngôi mộ giả dụ tế.[1]

Nói tóm lại, "*thuyết người giả*" không có chứng cớ gì trong sử, những điều ghi trong *Càn Long thượng dụ đáng*, *Khâm định An Nam kỷ lược*, *Thanh Cao Tông thực lục* là việc đáng tin.

1. Nguyễn Trọng Hợp, *Đại Nam thực lục* 4. *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, quyển 30, "Ngụy Tây liệt truyện: Nguyễn Văn Huệ", tr. 340.

GIẢI MÃ MỘT BỨC TRANH

Sau khi cố tạo ra được đủ 10 chiến công mà phần lớn chỉ là những thắng lợi "*rỗng tuếch*" (*hollow victories*) như các sử gia châm biếm, vua Càn Long sai khắc ấn *Thập toàn lão nhân* và viết bài ký "*Thập toàn*" miêu tả:

- Hai lần đánh Chuẩn Cát Nhĩ
- Một lần đánh Hồi Bộ
- Hai lần đánh Kim Xuyên
- Một lần đánh Đài Loan
- Một lần đánh Miến Điện
- Một lần đánh An Nam
- Hai lần đánh Khuếch Nhĩ Khoách[1]

Bài ký này được viết thành 4 thứ chữ Mãn, Hán, Mông, Tạng để tạc trên bia đá. Những chiến dịch đó cũng được họa sĩ triều đình vẽ thành những bộ chiến đồ rất công phu, chủ yếu không phải để miêu tả sự thật mà là để khoe khoang, một hình thức phô diễn rất phổ biến dời Thanh. Nhiều bức chiến đồ được gửi sang Âu châu để các họa sĩ và nghệ nhân bên đó dùng kỹ thuật khắc

1. Những chiến dịch này cũng được các sử gia gọi bằng những chữ rất nổi bật: *nhị bình Chuẩn Cát Nhĩ, nhất định Hồi Bộ, nhị đãng Kim Xuyên, nhất tĩnh Đài Loan, nhất hàng Miến Điện, nhất hàng An Nam, nhị thoái Khuếch Nhĩ Khoách.*

bản (*etching*) lên những tấm đồng rồi in thành tranh, gọi là *đồng bản họa* được dùng làm quà thưởng cho các quan.[1]

Ngoài những tranh vẽ do các họa gia Âu châu - phần lớn là các tu sĩ dòng Jesuit phục vụ trong triều đình - thực hiện, một số họa phẩm khác được vẽ theo kiểu mẫu Trung Hoa làm thành những họa sách (*album*) hay họa trục, lưu trữ trong cung và trong Tử Quang Các (một loại bảo tàng quân sự đời Thanh). Trong những họa sách đó, đáng kể nhất là bộ tranh có tên *Thập toàn phu tảo* (十全敷藻) do Uông Thừa Bái vẽ, chọn những chi tiết nổi bật không trùng với các chiến đồ.

Bộ tranh này gồm mười bức, mỗi bức một trang chia thành hai phần, trên là thiên chương (tức văn thơ của nhà vua), dưới là tranh vẽ. Giữa văn chương và bản vẽ có đóng dấu *Thái thượng hoàng đế chi bảo* là ngọc tỉ được dùng đóng trên các họa phẩm hay thư pháp trong bộ sưu tập của vua Càn Long sau khi thoái vị. Phần tranh cũng như phần chữ, mỗi khung có diện tích là 43,4 cm x 64,3 cm, như vậy toàn thể khuôn khổ bộ sách này là 64,3 cm x 86,8 cm.[2]

Ngoài hai trang đầu tiên viết bài *Thập toàn ký* của vua Càn Long theo lối chữ *khải*, 10 bức tranh tiếp theo có thứ tự sau đây:

- *Phát binh Kim Xuyên* (dem binh sang Kim Xuyên)

- *A Ngọc Tích tập doanh* (A Ngọc Tích tấn công vào bản doanh quân địch)

---

1. Xem: Nguyễn Duy Chính, "Bình định An Nam chiến đồ", *Việt - Thanh chiến dịch* (TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), tr. 393-442. Tham khảo thêm: Ông Liên Khê (翁連溪). *Thanh đại cung đình bản họa* (清代宮廷版畫) (Bắc Kinh: Văn Vật xuất bản xã, 2001) và Trương Hiểu Quang (張曉光), *Thanh đại đồng bản chiến công đồ toàn biên* (清代銅版戰功圖全編) (Bắc Kinh: Học Uyển xuất bản xã, 2000).
2. Chu Mẫn (朱敏) (Chủ biên), *Trung Quốc quốc gia bác vật quán: Quán tàng văn vật nghiên cứu tùng thư* (中国国家博物館: 館藏文物研究叢書) (Studies of the Collections of the National Museum of China), *Hội họa quyển - Lịch sử họa* (绘画卷 - 歷史画) (Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 2006), tr. 192.

- *Y Lê mã ngưu thị* (chợ buôn bán ngựa và trâu bò ở Y Lê)

- *Hồi Cương nhập bản đồ* (thu nhập đất Hồi Cương vào lãnh thổ Trung Hoa)

- *Giao đài nghinh A Quế khải toàn* (đón A Quế thắng trận trở về)

- *Đài Loan quy lai* (chiếm lại Đài Loan)

- ***An Nam quốc vương chí Tị Thử Sơn Trang*** **(vua An Nam đến Tị Thử Sơn Trang)**

- *Miến Điện tiến cống* (Miến Điện sang triều cống)

- *Trú thủ Tây Tạng* (đóng quân ở Tây Tạng)

- *Tây Tạng thiện hậu* (sau khi chiếm được Tây Tạng)

Bìa ngoài bộ tranh *Thập toàn phu tảo.*

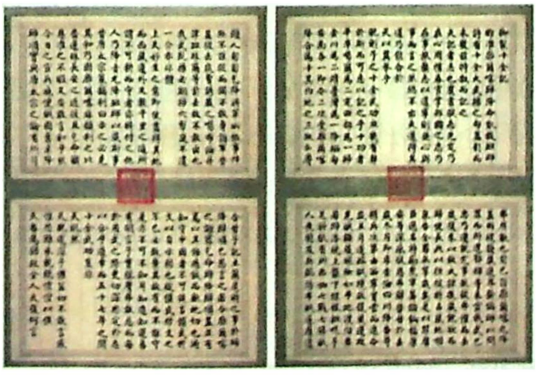

Thập toàn ký.

Một vài bức tranh trong bộ *Thập toàn phu tảo*.

Uông Thừa Bái (汪承霈, ? - 1805) tự là Thụ Thời (受時), có một tên khác là Xuân Nông (春農), hiệu là Thời Trai (時齋), biệt hiệu Tiêu Tuyết (蕉雪), người đất Hưu Ninh, tỉnh An Huy. Ông đỗ cử nhân năm Càn Long 12 (1747), làm quan đến chức thượng thư bộ Binh đời Gia Khánh. Họ Uông giỏi văn chương, giỏi cả vẽ từ sơn thủy đến điểu thú, hoa cỏ. Theo các nhà nghiên cứu, cuộc đời Uông Thừa Bái có nhiều liên hệ đến những cuộc chiến đời Càn Long vì cha ông là Uông Do Đôn (汪由敦) làm quan đến thượng thư bộ Lại và là quân cơ đại thần, cũng đảm nhiệm vai trò tổng tài các bộ *Bình định Kim Xuyên phương lược*, *Bình định Chuẩn Cát Nhĩ phương lược* nên khi ông vẽ bộ tranh *Thập toàn phu tảo*, ông rất được vua Cao Tông (Càn Long) ưa thích.[1]

1. Xem: Triệu Nhĩ Tốn, *Thanh sử cảo*, quyển 302, Truyện, tập 35 (Trung Hoa thư cục, 1977), tr. 10458-10459.

Bộ tranh này tuy không đề năm thực hiện nhưng chiến công cuối cùng trong *Thập toàn võ công* là bình định Khuếch Nhĩ Khoách năm Càn Long 57 (1792) nên phải thực hiện sau năm 1792. Cùng con dấu *Thái thượng hoàng đế chi bảo* đóng ở giữa mỗi trang, có lẽ tranh này vẽ trong khoảng 1795 - 1799 là những năm vua Càn Long đã nhường ngôi cho con để lên làm thái thượng hoàng. Nói chung, những bức tranh này dựa một phần theo lịch sử nhưng phần lớn do óc sáng tạo của họa sĩ chứ chưa hẳn do Uông Thừa Bái chứng kiến rồi ghi lại. Chính vì thế, những chi tiết không cho chúng ta dữ kiện nhưng giúp chúng ta hiểu thêm về sinh hoạt cung đình đời Thanh nhất là Uông Thừa Bái làm quan tại triều lâu năm nên ông nắm vững các quy luật lễ nghi và nhờ đó chúng ta có thể kết nối tranh vẽ với thực tế mặc dù chỉ tương đối.

Bộ tranh này bìa ngoài bằng gấm, chung quanh đóng nẹp gỗ, giữa trang bìa có kim tiên đề *Thập toàn phu tảo* (Mười bức tranh để phô trương) [thần Uông Thừa Bái kính thư cung họa], góc trái có dấu kiểm đề Lạc Thọ Đường nên biết là bộ tranh này được tàng trữ trong Nội vụ phủ nhà Thanh.

Trước đây, khi tự hào là hàng phục được An Nam, vua Càn Long đã sai vẽ bộ *An Nam chiến đồ* gồm sáu bức tranh, trong đó bức sau cùng là *Nguyễn Huệ khiển diệt Nguyễn Quang Hiển nhập cận tứ yến đồ* miêu tả phái đoàn nước ta do Nguyễn Quang Hiển thay mặt vua Quang Trung sang Yên Kinh vào triều kiến vua Càn Long dâng biểu cầu phong tại Thanh Âm Các, như một hình thức phô diễn là nước ta đã thần phục sau cuộc chiến ngắn ngủi ở Thăng Long.

Tranh *An Nam quốc vương chí Tị Thử Sơn Trang.*

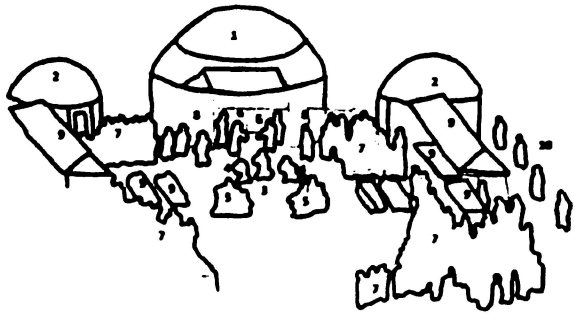

1. Hoàng Ác Điện
2. Nơi chứa vật dụng cung đình
3. Vua Quang Trung
4. Hai bồi thần Ngô Văn Sở và Phan Huy Ích
5. Các nhạc công nước ta
6. Lễ quan bưng áo bào và mũ thân vương
7. Các thân vương, quận vương và đại thần
8. Tán lễ quan
9. Lễ phẩm và quà tặng
10. Vệ sĩ

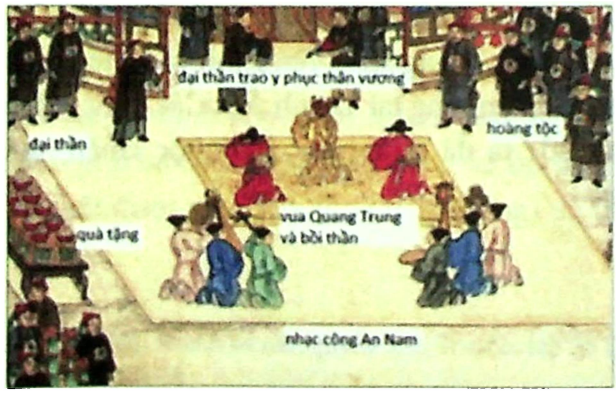

Khi xem xét chuyến đi của phái đoàn nước ta sang tham dự lễ Bát tuần khánh thọ, muốn cho tường tận, chúng ta cần nhìn dưới hai góc cạnh:

- Nghi lễ và thứ bậc của Thanh triều trong việc tổ chức, xuyên qua đó chúng ta nắm vững vai trò của từng người, liên hệ trên dưới. Những sắp xếp đó đều theo quy luật chặt chẽ được ghi lại từng chi tiết trong điển lệ.

- Các món quà được ban thưởng trong mỗi buổi lễ bao gồm quà được ban theo đúng lệ cho từng nước, từng người. Tuy nhiên, việc giải mã phải căn cứ theo những món quà phụ trội hay ngoại lệ mà nhà Thanh gọi là "*gia thưởng*" hay "*đặc thưởng*", là những lần ngoài sách vở, do ưu đãi đặc biệt của vua Thanh nhân những trường hợp bất thường hay do ưu ái riêng với một số người, được trao tặng với một ý nghĩa khác.

Vì hình thức cực kỳ quan trọng, thời gian, địa điểm, phẩm loại, đối tượng, ý nghĩa... đều phải được xét đến, là những thước đo để lượng giá từng trường hợp. Những chi tiết đó thường được ghi nhận từ nhiều nguồn khác nhau trong đó quan trọng nhất là tài liệu gốc là các đáng án (*archives*) của Thanh triều ghi chép ngay lúc đang xảy ra. Tài liệu này bao gồm *Thượng dụ đáng* (bản gốc các chỉ thị của hoàng đế), *Tấu triệp đáng* (bản gốc các tấu sớ của các quan tâu lên), *Nội vụ phủ* (ghi chép chi tiết xuất nhập từng món vào kho). Ngày hôm nay, tài liệu có thể kiếm được từ nhiều địa điểm lưu trữ ở Nhiệt Hà, ở Trung Nam Hải, ở các địa phương và ở Đài Loan là nơi mà chính quyền Dân quốc mang theo được khá nhiều tài liệu dời Thanh khi di cư sang.

Tuy nhiên đáng án mặc dầu nhiều chi tiết nhưng chưa đầy đủ. Nhà Thanh mỗi lần tổ chức những lễ lạt quan trọng còn có thêm những bộ sách lớn, điển hình là *Bát tuần vạn thọ thịnh điển* do A Quế làm tổng tài (tức chủ biên ngày nay), tổng cộng 120 quyển với những thư từ, chỉ dụ, tấu sớ kê khai việc sử dụng nhân

sự, điều động tài nguyên không phải chỉ ở trung ương mà cả các địa phương. Những văn thư bên ngoài, các thi văn ca công tụng đức không ghi trong chính sử cũng được ghi chép.

Lẽ dĩ nhiên, những tài liệu như *Thanh thực lục, Thanh sử cảo*... cũng cho một số nét chính về diễn tiến và nghi lễ nhưng nếu đi vào chi tiết từng loại lễ nghi, chúng ta phải tham khảo thêm các bộ *Hội điển sự lệ* và *Lễ khí đồ thức.*

Riêng về chuyến công du của nước ta sang Trung Hoa năm 1790, chúng ta có thêm *Đại Việt quốc thư* và di văn của nhiều danh nho tháp tùng vua Quang Trung. Điều đáng tiếc là tài liệu nước ta, ngoài một số văn bản gốc, lại chỉ toàn thơ văn cá nhân, xướng họa, ngâm vịnh... ít tường thuật diễn tiến. Trong cùng một buổi sáng chờ đón vua Càn Long, tài liệu nước ta viết chưa tới mươi hàng trong khi Triều Tiên miêu tả cùng một biến cố, đã để riêng 10 trang chép chi tiết các lỗ bộ của nhà Thanh, ít nhiều cho thấy sự quy mô và hùng tráng khi vua Càn Long di hành. Chúng ta cũng biết thêm khi giao thiệp, vì hai bên không hiểu nhau nên phái đoàn nước ta và phái đoàn Triều Tiên phải nói chuyện bằng cách viết chữ lên lòng bàn tay (*chỉ chưởng đàm*). Do đó thơ văn xướng họa có viết ra giấy thì đáng tin nhưng những ghi chép về đàm thoại ngoài luồng thì có tính chủ quan, độ chính xác chỉ vào mức tương đối.

Đại lễ lần thứ nhất (11 tháng Bảy)

Ngày 11 tháng Bảy, lần đầu tiên vua Quang Trung vào triều kiến vua Càn Long tại Quyển A thắng cảnh (卷阿勝境)[1] điện là nơi hoàng đế nhà Thanh đã cho thiết lập một lều vàng để biểu ý đại hãn (chúa Mông Cổ) tiếp một tiểu hãn (tiểu vương) theo nghi thức quan ngoại, ôm lưng áp mặt, nhấn mạnh vào võ công của một người thân

1. Nằm ở trung tâm Nhiệt Hà Sơn Trang, là một tổ hợp bao gồm nhiều kiến trúc như điện Cần Chính, gác Thanh Âm nơi tập trung những sinh hoạt quan trọng nhất khi hoàng đế nhà Thanh ở hành tại.

xa cách lâu ngày. Chính vì thế, trong bài thơ vua Càn Long ban cho vua Quang Trung có câu: "*Sơ kiến hồn như cựu thức thân*" (Tuy mới gặp lần đầu mà như thân thiết đã từ lâu) ý ám chỉ ông và Nguyễn Quang Bình có những liên hệ tâm linh không thể giải thích được. Việc đón tiếp ở lều vàng luôn luôn mang một ý nghĩa đón người ở xa tương tự như ba năm sau đó ông đón phái đoàn Macartney của Anh Cát Lợi. Đại lễ này là trọng điểm của lần gặp đầu tiên gặp vua Quang Trung mà vua Càn Long đã dày công sắp xếp.

Theo *Thanh thực lục* và *Khâm định An Nam kỷ lược*, vua Càn Long đón tiếp "*An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình, cùng bồi thần Ngô Văn Sở các người, bọn Mộc Bình tuyên úy ty* [Kim Xuyên], *Giáp Lặc Tham Nạp Mộc Tạp* [甲勒參納木卡] *ba mươi người, bọn Cáp Tát Khắc Hàn Hàng Hãn Lặc Tề* [em của Hòa Trác] *năm người nhập cận* [vào triều kiến]" tại Quyển A thắng cảnh.[1] Theo lá thư của vua Quang Trung gửi về cho thái tử Nguyễn Quang Toản, ông vào triều kiến và được vua Càn Long làm lễ "*bão kiến thỉnh an*" là đại lễ tôn quý nhất đời Thanh.[2]

PHỤ LỤC

Theo tờ khải ngày 28 tháng Hai (tài liệu số 1118), *Càn Long triều, Thượng dụ đáng*, quyển XV (1991), tr. 496 gửi cho Phúc Khang An trước khi vua Quang Trung và phái đoàn nước ta sang Trung Hoa thì:

... 諭旨以該國王覲見之初仍應服其本國衣冠。現在令蘇州織造製辦紅色，金黃色團領蟒袍兩分，候其到京時先賞紅袍。繼於朝覲筵宴時，再賞金黃袍以見天朝章服。自有等威恩賜疊加優崇逾格。

1. *Cao Tông thực lục*, quyển 1358. Theo tài liệu của Triều Tiên thì tháng Bảy nhà Thanh tổ chức 7 đại yến, lần đầu ngày mồng 9 nhưng vua Quang Trung chưa đến kịp. Các lần sau có sự hiện diện của phái đoàn nước ta.
2. *Đại Việt quốc thư*, quyển VI.

Dụ cho quốc vương lần đầu gặp mặt thì hãy cứ mặc y quan bản quốc. Hiện nay [trẫm] *đã ra lệnh cho xưởng dệt ở Tô Châu chế biện mãng bào màu đỏ, mãng bào màu vàng, cổ tròn hai món, đợi khi đến kinh đô thì sẽ thưởng trước một bộ màu đỏ. Sau đó khi vào triều cận ăn yến sẽ lại thưởng áo bào kim hoàng để thấy chương phục thiên triều. Có như thế mới thấy thiên triều uy ân lớp lớp càng thêm cảm phục.*

Cứ theo nguyên ý của lời dụ này, ta có thể biết việc ban thưởng y phục (theo mẫu nước ta) có đến hai lần. Lần đầu khi vua Quang Trung đến kinh đô, Thanh triều sẽ làm lễ tặng cho ông mãng bào màu đỏ (theo kiểu nước ta) là màu mà ông đang mặc. Lễ ban thưởng này không có mặt vua Càn Long vì khi đó ông đang ở Nhiệt Hà mà do các quan lưu kinh thay mặt hoàng đế trao. Bộ áo này có lẽ là y phục ông mặc trên bức chân dung vua Càn Long sai họa sĩ vẽ.

Sau đó, khi gặp mặt vua Càn Long ban cho vua Quang Trung y phục thân vương (áo bào màu kim hoàng theo kiểu nhà Thanh) như một tưởng lệ khác thường để đón người ở xa. Bộ áo này ông được ban cho trong bức họa *An Nam quốc vương chí Tị Thử Sơn Trang* trong bộ *Thập toàn phu tảo*.

Tuy nhiên, vì mưa ngập trên đường đi, thời gian đã quá hạn mất mấy ngày nên vua Quang Trung không ghé ngang kinh đô mà lên thẳng Nhiệt Hà vì vậy đại lễ ban cho áo bào màu đỏ không diễn ra, mặc dù ông vẫn được mời uống trà ở Lương Hương là một tục lệ cũng đặc biệt không kém chỉ dành cho vua nước ngoài đến thăm Bắc Kinh.

Theo danh sách những món ban thưởng ngày 11 tháng Bảy như sau:[1]

1. Trung Quốc đệ nhất đáng án quán, *Càn Long triều, Thượng dụ đáng* XV (Bắc Kinh: Đáng án xuất bản xã, 1991), tr. 790.

Quốc vương Nguyễn Quang Bình

Mãng bào	蟒袍	5 cái	
Đai ngọc	玉帶	1 cái	
Ngựa	馬，黃韁全副金帶一條	1 con	Có dây cương màu vàng, 1 bộ dây đai nạm vàng
Mão bằng vàng	金帽	5 cái	
Phật bằng ngọc	玉佛	1 tòa	
Ngọc như ý	玉如意	1 thanh	
Bình sứ	磁瓶	1 cái	
Trà lá	茶葉	Lớn và nhỏ 6 bình	Trà Tàu
Bình ngửi (tị yên)	鼻烟	2 bình	
Trà bánh tròn lớn	大團茶	2 bánh	Trà Phổ Nhĩ
Quạt	扇	2 cái	
Ngự chế thi	御製詩章	Một bài	Thơ do hoàng đế làm
Bạc	銀	Một vạn lượng	Cũng giống như món quà đặc biệt vua Càn Long ban cho mỗi hoàng tử con ruột ông

Thế tử Nguyễn Quang Toản

Mão bằng vàng	金帽	1 cái	

Bồi thần Ngô Văn Sở

Nguyên bảo	元寶	2 đĩnh	Vàng khối nguyên chất
Quạt	扇	1 cái	
Trà	茶	2 bình	

Trà cao Phổ Nhĩ	普洱茶膏	2 hộp
Đĩa	碟	1 cái
Chén	碗	1 cái

Năm viên bồi thần

Nguyên bảo	元寶	1 đĩnh	Mỗi người
Quạt	扇	1 cái	Mỗi người
Trà	茶	2 bình	Mỗi người
Trà cao Phổ Nhĩ	普洱茶膏	2 hộp	Mỗi người
Đĩa	碟	1 cái	Mỗi người
Chén	碗	1 cái	Mỗi người

Ba viên tòng, một phù ấn lang (cầm ấn), bốn hành nhân

Tám người được 4 đĩnh nguyên bảo (chia đều nhau).

Ngày 12 tháng Bảy

Vua Quang Trung được thưởng một cái đồng hồ đeo ở dây lưng (loại đồng hồ quả quít ngày nay vẫn còn có người dùng) (帶鐘時辰錶) và một đôi hộp bằng ngọc (玉攢盒).

Đại lễ lần thứ hai (13 tháng Bảy)

Ngày 13 tháng Bảy là một ngày trọng đại vì vua Quang Trung và các quan nước ta được ban thưởng triều phục theo kiểu nhà Thanh.[1]

Quốc vương Nguyễn Quang Bình

Lương mạo (mũ đội mùa hè)	寶石頂三眼花翎涼帽	1 cái	Có kèm theo tam nhãn hoa linh và chỏm bằng bảo thạch
Áo bào hoàng mã quái	黃馬褂衣袍	1 bộ	

1. *Càn Long triều, Thượng dụ đáng* XV (1991), tr. 777.

Đai màu kim hoàng và một bộ hà bao đầy đủ	金黃帶荷包全副	1 bộ
Vĩ mạo	綽帽	1 cái
Tứ đoàn long bổ phục kim hoàng mãng bào	四團龍補服金黃蟒袍	1 bộ
Triều châu bằng san hô	珊瑚朝珠	1 chuỗi

Bồi thần Ngô Văn Sở

Vĩ mạo có chỏm bằng đá đỏ	紅頂綽帽	1 cái
Mãng bào có bổ phục hình cẩm kê[1]	錦鷄補服蟒袍	1 cái
Triều châu	朝珠	1 chuỗi
Đai và hà bao	帶荷包	1 bộ

Năm viên bồi thần

Vĩ mạo có chỏm bằng đá xanh	藍頂綽帽	1 cái	Mỗi người
Mãng bào có bổ phục hình giải trãi[2]	獬豸補服蟒袍	1 cái	Mỗi người
Triều châu	朝珠	1 chuỗi	Mỗi người
Đai và hà bao	帶荷包	1 bộ	Mỗi người

Một viên thông sự

Vĩ mạo có chỏm bằng đá xanh	藍頂綽帽	1 cái
Mãng bào, bổ phục, đai, hà bao	蟒袍補服帶荷包	1 bộ đầy đủ

1. Cẩm kê, theo *Hoàng triều lễ khí đồ thức* là bổ tử của quan văn nhất phẩm.

2. Giải trãi, theo *Hoàng triều lễ khí đồ thức* là bổ tử của đô ngự sử nhà Thanh, tương đương nhất phẩm hàng văn. Trước đây tôi căn cứ vào *Đại Việt quốc thư* nên lầm tưởng Ngô Văn Sở được nhị phẩm, các bồi thần được tam phẩm. Nay xin đính chính.

Ngày 13 tháng Bảy, phái đoàn nước ta được theo vua Càn Long đi thăm phong cảnh khu vực Tị Thử Sơn Trang và các cung điện như Đạm Bạc Kính Thành Điện, Bát Tiện Điện, Tứ Tri Thư Ốc...

Đại lễ lần thứ ba (14 tháng Bảy)

Theo *Bát tuần vạn thọ thịnh điển*, quyển 61 thì ngày 14, vua Quang Trung dâng lên 10 bài *Đại vạn thọ chúc hỗ từ* tại Đạm Bạc Kính Thành Điện và ngày hôm đó, nhạc công An Nam đã trình tấu 10 bài từ này để chúc thọ. Các món quà ban thưởng hôm đó như sau:[1]

Quốc vương Nguyễn Quang Bình

Mãng đoạn	蟒緞	8 tấm
Trang đoạn	粧緞	8 tấm
Chương nhung	漳絨	8 tấm
Cẩm đoạn	錦緞	8 tấm
Thiểm đoạn	閃緞	8 tấm
Thái đoạn	綵緞	27 tấm
Xuân trù	春綢	27 tấm

Gia thưởng (thưởng thêm)

Ngọc như ý	玉如意	1 thanh
Ngọc khí	玉器	2 món
Mãng đoạn	蟒緞	4 tấm
Trang đoạn	粧緞	4 tấm
Thiểm đoạn	閃緞	4 tấm
Cẩm đoạn	錦緞	6 tấm
Đồ sứ	磁器	4 món
Đồ pha lê	玻璃器	4 món
Đồ sơn mài	漆器	4 món

1. *Càn Long triều, Thượng dụ dáng* XV (1991), tr. 791.

Quyên tiên	絹箋	4 cuộn
Bút mực	筆墨	Mỗi món 4 hộp
Nghiên	硯	2 cái
Triều châu bằng san hô	珊瑚朝珠	1 chuỗi

Đặc thưởng

Quạt có thơ ngự chế	御製詩扇	1 cái

Thưởng 6 người bồi thần

Tiểu quyển bát ti đoạn	小卷八絲緞	6 tấm	Mỗi người
Xuân trù	春綢	6 tấm	Mỗi người
Sa	紗	2 tấm	Mỗi người
Lăng	綾	2 tấm	Mỗi người
Trạch trù	澤綢	8 tấm	Mỗi người

Gia thưởng

Thái đoạn	綵緞	1 tấm	Mỗi người
Đại đoạn	大緞	1 tấm	Mỗi người
Tiểu quyển ngũ ti đoạn	小卷五絲緞	1 tấm	Mỗi người
Đồ sứ	磁器	2 món	Mỗi người
Đồ pha lê	玻璃器	2 món	Mỗi người
Giấy hoa tiên	箋紙	2 cuộn	Mỗi người
Mực	墨	2 hộp	Mỗi người
Bút	筆	2 hộp	Mỗi người
Nghiên	硯	1 cái	Mỗi người
Tiểu quyển bát ti đoạn	小卷八絲緞	1 tấm	Mỗi người

Thưởng 3 người viên tòng, 1 người phù ấn lang

Tiểu quyển ngũ ti đoạn	小卷五絲緞	4 tấm	Mỗi người
Phường trù	紡綢	4 tấm	Mỗi người
Sa	紗	1 tấm	Mỗi người
Lăng	綾	1 tấm	Mỗi người
Trạch trù	澤綢	4 tấm	Mỗi người

Gia thưởng

Đại đoạn	大緞	1 tấm	Mỗi người
Chương nhung	漳絨	1 tấm	Mỗi người
Tiểu quyển bát ti đoạn	小卷八絲緞	1 tấm	Mỗi người
Bút	筆	1 hộp	Mỗi người
Mực	墨	1 hộp	Mỗi người
Tiên chỉ	箋紙	1 cuộn	Mỗi người

Thưởng 4 người hành nhân

Tiểu quyển ngũ ti đoạn	小卷五絲緞	3 tấm
Phưởng trù	紡綢	2 tấm
Sa	紗	1 tấm
Lăng	綾	1 tấm
Kiển trù	繭綢	3 tấm
Bố	布	3 tấm

Gia thưởng

Chương nhung	漳絨	1 tấm	Mỗi người
Tiểu quyển ngũ ti đoạn	小卷五絲緞	1 tấm	Mỗi người
Bạc	銀	10 lượng	Mỗi người

Thưởng 10 người linh công[1], 10 người hộ vệ, 20 tùy nhân

Trạch trù	澤綢	3 tấm	Mỗi người
Mao thanh bố	毛青布	7 tấm	Mỗi người

Gia thưởng

Bạc	銀	8 lượng	Mỗi người

Lại thưởng cho các linh công

Bạc	銀	3 lượng	Mỗi người

1. Người trong ban nhạc của nước ta.

Liên tiếp cho đến khi về nước hơn một tháng sau đó, hầu như ngày nào phái đoàn nước ta cũng dự các buổi lễ và đại yến của nhà Thanh. Quà ban thưởng cũng rất nhiều, ngay tại triều cũng có mà vua Càn Long sai người đem tới công quán cũng có.

GIẢI MÃ BỨC TRANH

Tranh vẽ không phải như ảnh chụp ngày nay thu nhận tất cả mọi chi tiết trong một thời điểm nhất định. Họa sĩ thường chọn những chi tiết quan trọng nhất để miêu thuật, có khi ghép nhiều cảnh ở nhiều nơi, nhiều lúc cốt làm nổi bật ý nghĩa của bức tranh. Chính vì thế, khi xem bộ tranh chúng ta biết đây chú trọng đến một số biểu tượng chứ không phải toàn cảnh, toàn thời gian như khi chúng ta xem một phim ảnh. Ngay cả tác giả có thực sự chứng kiến hay chỉ dựa trên một số chi tiết rút ra từ sách vở hoặc do người khác thuật lại chúng ta cũng không dám chắc.

Việc đó cũng hiển nhiên vì cũng như bao nhiêu tranh vẽ thời xưa, nội dung luôn luôn mang theo một thông điệp "*tuyên truyền*" lắm khi còn ưu tiên hơn mục đích "*thông tin*". Tranh đời Minh, nhà vua luôn luôn to lớn hơn những người khác, mặc dù theo phép phối cảnh, hoàng đế có thể ở một vị trí xa hơn trong toàn cục.

Trong bức *An Nam quốc vương chí Tị Thử Sơn Trang*, Uông Thừa Bái đã miêu tả vua Quang Trung và bồi thần gặp vua Càn Long và được ban y phục thân vương tại hoàng ác điện ở sơn trang trong khi thực tế sự việc xảy ra có thể khác về địa điểm và thời gian.

Theo tài liệu ghi nhận ngay tại trong cung thời điểm này thì ngày 11 tháng Bảy là ngày đầu tiên vua Quang Trung và một số tòng thần vào triều kiến, làm lễ "*bão kiến thỉnh an*". Nếu dựa trên các món được ban thưởng (danh sách theo *Thượng dụ đáng* XV, tr. 790-791 như liệt kê ở trên) thì ta thấy trong ngày này những

người được ban thưởng gồm có An Nam quốc vương, (thế tử Nguyễn Quang Toản không có mặt), 6 bồi thần (Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ Văn Công), viên tòng 3 người (Lê Văn Bích, Tạ Văn Tinh, Phạm Văn Sinh), phù ấn lang Lý Chí Hòa, 4 hành nhân (Đào Kim Chung, Phạm Đình Tiệp, Trương Gia Nghiễm, Lê Thận Thái).[1] Tổng cộng như vậy là 15 người.

Qua ngày 13 tháng Bảy, các món ban thưởng gồm có quốc vương, 6 bồi thần và một người thông sự (thông ngôn). Như vậy phái đoàn nước ta có 8 người. Vua Quang Trung được ban thưởng y quan bậc thân vương kèm thêm hoàng mã quái, một ân thưởng vô cùng vinh dự mà chính các con vua Càn Long chưa từng được.

Như vậy, nếu đúng theo tài liệu còn ghi chép thì bức tranh *An Nam quốc vương chí Tị Thử Sơn Trang* của Uông Thừa Bái vẽ quang cảnh trao mũ áo ngày 13 tháng Bảy năm Canh Tuất. Đây chính là trọng điểm của miêu tả, nhấn mạnh vào việc vua Càn Long đã đưa được nước ta trở về thành một phiên thuộc như trước, nêu cao tiêu chí "*thắng mà không cần dụng binh*" để khỏa lấp một thất bại quân sự. Mặt khác, bức tranh cũng đề cao đẳng cấp mới mà vua Quang Trung đạt được. Đó là vị thế một bậc thân vương trong quĩ đạo nhà Thanh, vai trò mà suốt lịch sử nước ta chưa bao giờ được coi trọng đến thế.

Cũng nên thêm rằng, bức tranh này do họa sĩ Trung Hoa vẽ nên nhấn mạnh vào nghi lễ mà không theo phối cảnh. Nếu muốn nhìn toàn diện biến cố này, chúng ta có thể tham khảo thêm bức tranh *Vạn Thụ Viên diên yến đồ* (萬樹園廷宴圖) do họa sĩ người Ý Giuseppe Castiglione vẽ năm 1755 mới thấy quy mô tráng lệ của một đại lễ tiếp khách theo lối du mục đời Thanh.[2]

---

1. Trung Quốc đệ nhất lịch sử đáng án quán, *Thanh cung Nhiệt Hà đáng án* [VI, 197] (Bắc Kinh: Trung Quốc đáng án xuất bản xã, 2003), tr. 505.

2. *Thanh sử đồ điển, Càn Long triều* (Thượng), tr. 64. Theo *Bát tuấn vạn thọ thịnh điển*, trong những ngày mới đến các nhạc công An Nam được đưa sang để cùng

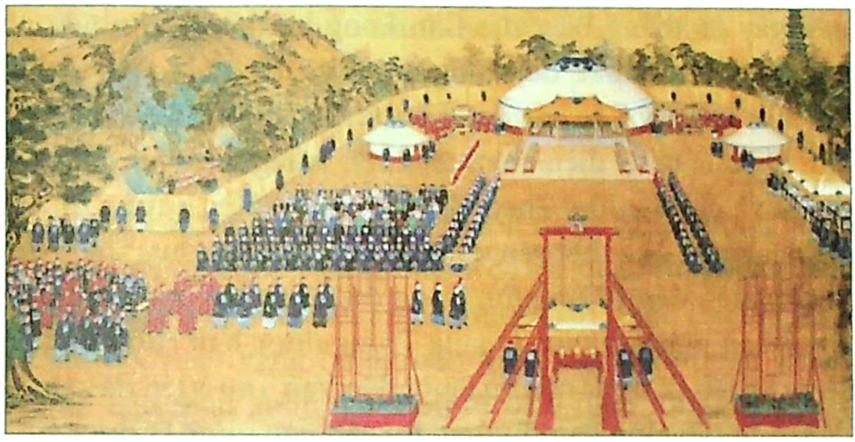

Vạn Thụ Viên diên yến đồ
Tranh Giuseppe Castiglione (1755)
Thanh sử đồ điển, Càn Long triều (Thượng), tr. 64.

Bão kiến: ôm lưng, giáp mặt
Thói tục của người quan ngoại là nguyên thủy của đại lễ *Bão kiến thỉnh an*.

---

các lễ quan và linh công nhà Thanh tập hát theo lối "Nam âm", hai bên đối đáp cho đúng nhịp. Chính vì thế những lần đầu tiên vào triều kiến, chúng ta không thấy có các nhạc công trong số những người được thưởng. Như vậy, đích thực theo diễn tiến sự việc, ngày 13 tháng Bảy là ngày vua Quang Trung được ban mũ áo thân vương cũng không có mặt các linh công An Nam. Lần đầu tiên nhạc An Nam được trình tấu là ngày 14 tháng Bảy và các nhạc công cũng được ban thưởng cùng với những người khác trong phái đoàn.

Ngày 14 tháng Bảy, vua Càn Long lại đón tiếp nhiều phái đoàn phiên thuộc khác, cả những người đã đến từ trước và những người mới sau này. Lần này đại lễ được thực hiện ở Đạm Bạc Kính Thành Điện là cung điện chính của sơn trang, nơi vua Càn Long làm việc và đãi tiệc lớn. Theo *Vạn thọ thịnh điển*, quyển 73, cũng trong ngày này, ông thết yến quan khách, thân vương, đại thần... tổng cộng lên đến 171 người, trong đó 23 người được chính tay nhà vua ban ngự tửu. Vua Quang Trung được ban rượu đầu tiên. Sau bữa ăn, tất cả được nhà vua mời đến Vạn Thụ Viên để xem hỏa thụ.[1] Trong các món ban thưởng, tuy lần này nước ta được nhiều và hậu hĩ hơn các phái đoàn khác, nhưng không thấy có các loại y phục mà chỉ có đủ loại vải vóc. Duy nhất món thưởng vật liên quan đến quan phục là một chuỗi triều châu bằng san hô là loại quý nhất dành cho bậc thân vương hay hoàng tử. Phái đoàn nước ta những người được thưởng có quốc vương, 6 bồi thần, 3 viên tòng, 1 phù ấn lang, 4 hành nhân, 10 linh công, 10 hộ vệ, 20 tùy nhân. Tất cả 55 người.

Tổng kết lại, ta thấy Uông Thừa Bái không miêu tả lần đầu tiên vua Quang Trung gặp vua Càn Long trong đại lễ "*ôm lưng, áp mặt*" (*bão kiến thỉnh an*) ngày 11 tháng Bảy, một hình thức tiếp đón trịnh trọng, tuy vẫn có thứ bậc trên dưới nhưng khác hẳn việc hành lễ "*ba lần quỳ, chín lần rập đầu*" là lễ triều kiến hoàng đế của nhà Thanh như trong bức tranh.

Bức tranh Uông Thừa Bái vẽ lần vua Quang Trung vào triều kiến vua Càn Long ngày 13 tháng Bảy và được ban mũ áo bậc thân vương, đặc biệt nhất là có kèm lông công ba mắt như ta thấy đại thần bên phải đang cầm. Tuy nhiên ngày hôm đó, vua Càn Long không thết đại yến nên không có các linh công vào tấu nhạc và trong danh sách được ban thưởng chúng ta không thấy có các nhạc công.

1. Cột cao có treo nhiều loại đèn, khi đốt nổ tung như pháo bông ngày nay.

Thế nhưng trong bức tranh họ Uông lại cố tình vẽ thêm 6 linh công và nhạc khí nước ta nghĩa là có pha trộn hình ảnh của ngày hôm sau (14 tháng Bảy) là ngày mà phái đoàn Đại Việt đông đảo lên đến 55 người như đã thuật ở trên.

Nếu theo đúng nghi lễ - các món được ban thưởng lần sau phải cao hơn lần trước - thì chúng ta có thể nhận ra rằng ngày đầu tiên (11 tháng Bảy) vua Quang Trung nhận được các loại mãng bào màu đỏ, màu vàng (theo kiểu nước ta) và tứ đoàn long bổ phục (áo bào màu xanh, có 4 bổ tử tròn thêu rồng màu vàng). Sau đó ngày 13 tháng Bảy, ông lại nhận thêm mãng bào màu kim hoàng, hoàng mã quái, chỏm mũ, triều châu và nhất là mũ có gắn lông công ba mắt là những biểu tượng tôn quý nhất của triều đình nhà Thanh.

Ngày 14 tháng Bảy, trong đại lễ tiếp đón các phái đoàn phiên thuộc, nước ta được ban thưởng thêm các món bình thường mà chúng ta cũng thấy trong quà tặng các nước khác, ngoại trừ chuỗi triều châu bằng san hô là phụ tùng dành riêng thân vương hay hoàng tử. Cũng trong buổi lễ này, vua Quang Trung là người đầu tiên được ban ngự tửu, một nghi lễ mà Phan Huy Ích đã rất xúc động viết trong bài *Hồi triều hỉ phú* khi ông được vua Càn Long tự tay ban cho một chén rượu.

Dù sao chăng nữa, khi đặt tên là "*phu tảo*", chúng ta cũng không trông đợi họa sĩ miêu tả đúng như những gì đã xảy ra mà ít nhiều có phần phô trương, tuyên truyền không thể trung thực như những bức ảnh chụp ngày nay.

TỊ THỬ SƠN TRANG

Các vua đầu đời Thanh không cảm thấy hài lòng với kinh đô Bắc Kinh, vốn dĩ là công trình kiến trúc của các vua nhà Minh nên đã tìm cách tự tạo thêm một kinh đô phụ ở bên ngoài, vừa là nơi

nghỉ mát, vừa có chỗ làm việc trong một thời gian dài hàng năm mà không phải đi đi về về các cung điện chính.

Tị Thử Sơn Trang là hành cung của các vua nhà Thanh vào mùa hè nên có cái tên "*sơn trang tránh nóng*", thường được sử dụng trong khoảng tháng Tư, tháng Năm đến tháng Chín, tháng Mười mới trở về Bắc Kinh. Tại sơn trang, vì cũng là thời điểm sinh nhật (tháng Tám) nên vua Càn Long thường tổ chức yến tiệc thết đãi các phái đoàn phiên thuộc đến chúc thọ, ban thưởng cho họ trong vai trò của nước tông chủ. Các phái đoàn ngoại phiên khác thường được sắp xếp để đến triều kiến vào dịp Tết Nguyên đán khi nhà vua ở kinh đô. Việc sứ đoàn nước ta đến sơn trang triều kiến chỉ xảy ra dưới triều Tây Sơn. Tuy việc đến sơn trang nghỉ mát xảy ra hàng năm, vì ở xa kinh đô chính nên vẫn được nhắc đến như một dịp hoàng đế tuần thú ở bên ngoài.

Tị Thử Sơn Trang được bắt đầu xây dựng từ thời vua Khang Hi 42 (1703), đến năm Khang Hi 47 (1708) thì sơ thành. Cái tên Tị Thử Sơn Trang do vua Khang Hi đặt năm 1711, rồi trải qua những đời kế tiếp Ung Chính, Càn Long tổng cộng 89 năm (1703 - 1792) mới hoàn thành. Vì là một "*ly kinh*" (kinh đô bên ngoài, còn gọi là Âm Kinh) nên cũng đầy đủ quy mô như một triều đình lưu động, những kỳ yến tiệc, tiếp đãi lắm khi còn trội hơn ở Bắc Kinh. Ở đây, vốn là nơi núi non, cây cối nhiều nên ngoài việc tiếp khách, các vua nhà Thanh còn tổ chức những chuyến du ngoạn, săn bắn... cho phù hợp với tinh thần sùng võ của người quan ngoại. Dưới thời Khang Hi, nhà vua cho kiến tạo 36 thắng cảnh, sang đời Càn Long lại thêm 36 nơi nữa, tổng cộng là 72 thắng cảnh trên toàn khu Tị Thử Sơn Trang.

BỐ TRÍ CUNG ĐIỆN

Tị Thử Sơn Trang có nhiều cung điện, nơi cổng vào khu vực cung điện là Lệ Chính Môn xây năm Càn Long 19 (1754). Ngoài

ra những cung điện chính yếu có thể kể là Đạm Bạc Kính Thành Điện (1710), Yên Ba Chí Sảng Điện (1711), Tùng Hạc Trai (1749), Vạn Hác Tùng Phong (1708). Ngoài ra cũng có những khu vực để nguyên cảnh thiên nhiên, suối hồ, bình nguyên, núi non... được bảo tồn một cách hài hòa.

Nơi vua Càn Long đón phái đoàn nước ta là một lều vải quan ngoại theo truyền thống của người Mãn Châu tiếp các phiên vương. Căn lều tròn dựng nơi đây có đường kính 7 trượng 2 thước theo lối lều Mông Cổ màu vàng gọi là "*hoàng ác điện*" (黃幄殿) trong trần thiết ngai vàng và đủ món cần thiết được coi như một cung điện lưu động khi hoàng đế tuần du. Theo Chiêu Liên trong *Khiếu Đình tục lục* (嘯亭續錄) thì lều tròn này có thể chứa đến hơn một nghìn người.[1] Chỉ những khi cử hành đại lễ và nhấn mạnh vào việc ân cần của nhà vua, vua Càn Long mới cho dựng lều vàng này vì rất tốn kém. Ở lều vàng, vua Càn Long cũng ban ngự tửu cho những người thật đặc biệt, lập lại nghi lễ khích lệ đại thần của người Mông Cổ.[2]

Phía sau lều có dựng thêm 5 gian lều Mông Cổ là nơi chứa những vật cần dùng của nhà vua. Trước ngự điện cũng dựng hai cái lều tương tự như lều nhà vua nhưng nhỏ hơn, mái nhiều màu và hai phòng theo lối Tây phương ở hai bên ngự ác (lều nhà vua) đối xứng nhau là nơi nghỉ cho triều thần và vệ sĩ. Ở chung quanh khu vực nhà vua còn có 24 gian lều Mông Cổ khác dùng cho những người phục vụ và nhu dụng hàng ngày.[3]

---

1. Nguyên văn: "上宴於山高水長殿前及避暑山莊之萬樹園中，設大黃幄殿，可容千餘人。" 昭梿 [嘯亭續錄・大蒙古包宴] (Hoàng thượng thiết yến ở trước điện Sơn Cao Thủy Trường và tại Vạn Thụ Viên trong Tị Thử Sơn Trang, dựng hoàng ác điện có thể chứa hơn một nghìn người).
2. Vua Minh Mạng cũng tự đặt ra một lễ tên là "ôm gối" và cũng bắt chước ban ngự tửu nhưng không mang một ý nghĩa biểu tượng nào.
3. Quách Thành Khang (郭成康), *Càn Long hoàng đế toàn truyện* (乾隆皇帝全传) (Bắc Kinh: Học Uyển, 1994), tr. 743.

Lều tròn của đại hãn Mông Cổ đã được đề cập và miêu tả từ rất xa xưa, vốn được tạo dựng như một loại nhà di động. Vào thế kỷ thứ XIII, một tu sĩ Thiên Chúa giáo là Friar William of Rubruck đã có dịp đi từ Constantinople (Thổ Nhĩ Kỳ) đến Karakorum (kinh đô Mông Cổ) và miêu tả những sinh hoạt trên các thảo nguyên rất chính xác.

... Họ thiết lập nơi cư ngụ trong một cái khung hình tròn kết với nhau bằng những cây sào tạo thành một cái lỗ tròn ngay trên đỉnh, vươn lên thành một cái ống khói. Bộ khung này được che phủ bằng nỉ trắng hay đen. Chung quanh cái ống khói họ trang trí bằng nhiều hình đẹp đẽ. Ở cửa ra vào, họ thả màn thêu màu hình cây cối, chim chóc, thú vật... Căn lều đó rất to, có cái chiều ngang đến 30 feet [9 mét]...[1]

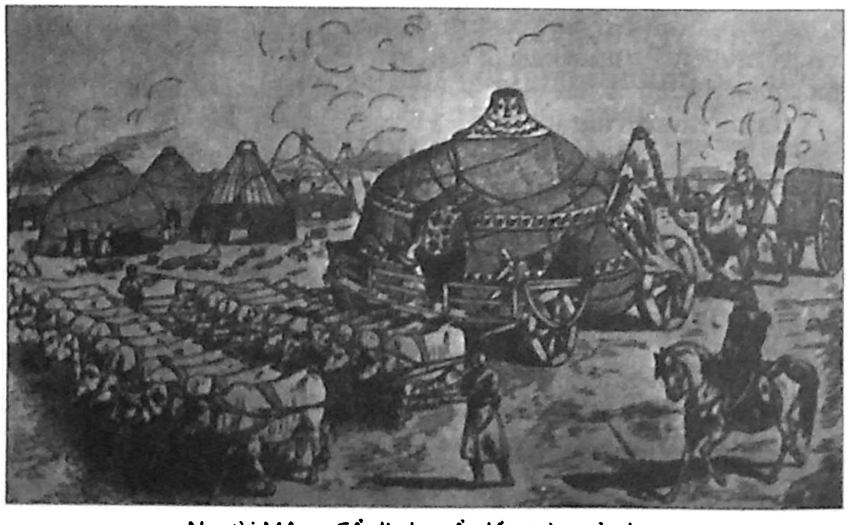

Người Mông Cổ di chuyển lều tròn của họ
Barbarians and Mandarins, tr. 35.

1. Nigel Cameron, *Barbarians and Mandarins, Thirteen Centuries of Western Travelers in China* (New York & Tokyo: John Weatherwill, Inc., 1970), tr. 35.

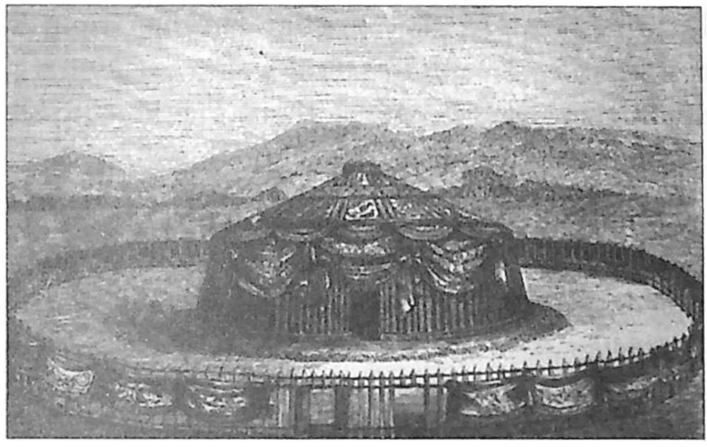

Lều lớn của Kublai Khan (Thành Cát Tư Hãn) có thể dỡ ra xếp lên xe và di chuyển đến nơi khác, tiền thân của hoàng ác điện đời Thanh
The Travels of Marco Polo, tập san *History* (Sept-Oct 2019), tr. 74.

Mỗi khi cần di chuyển đi nơi khác, họ để chiếc lều lên trên một khung có bánh xe, kéo bằng một đàn bò đến mấy chục con. Cũng theo Friar William thì:

> *... Khi họ dựng lều thì luôn luôn hướng phía cửa về phương nam và xếp những xe kéo chứa đồ đạc dụng cụ ở hai bên chiếc lều khiến cho hai dãy xe trở thành hai bức tường... Một gia đình Mông Cổ khá giả có đến một trăm, hai trăm cái xe đựng đồ dùng. Batu* [tên đại hãn Mông Cổ] *có 26 bà vợ, mỗi bà có một ngôi lều lớn và nhiều lều nhỏ hơn xếp chung quanh chiếc lều lớn được dùng như những phòng chứa, nơi đó các cô thợ thêu ở, mỗi lều lớn có đến 200 chiếc xe... Mỗi khi hạ trại, lều của người Mông Cổ chẳng khác gì một thành phố, trong đó rất ít đàn ông. Mỗi cô gái chỉ huy khoảng hai, ba mươi chiếc xe. Vì xứ này bằng phẳng nên chỉ khi nào gặp đoạn đường khó đi, họ mới tháo rời ra đưa từng chiếc xe qua...*[1]

1. Nigel Cameron, *Barbarians and Mandarins, Thirteen Centuries of Western Travelers in China* (1970), tr. 36-37.

Theo miêu tả của Hans Christian Huttner trong *Nachritcht von der Brittischen Gesandtschaftreise durch China* (1797) khi quan sát tận mắt về đại lễ của nhà Thanh vào khoảng cuối thế kỷ XVIII được trích lại theo Alain Peyrefitte thì:

> *Lều của người Tartar tròn hình vòm không được dựng bằng cột mà bằng tre đan với nhau một cách khéo léo bao phủ bằng nỉ dày. Một trong những lều đó to và cao hơn những cái khác, phủ bằng thảm màu vàng, treo đèn kết hoa trong đó có ngai vàng của hoàng đế.*[1]

Theo miêu tả của phái đoàn Anh Macartney thì "*... Ở phía nam là những lều* [yurts] *của người Mãn Châu, chính giữa là lều của hoàng đế, to lớn hơn các lều khác nhiều. Tường chung quanh được che bằng nhiều cái thảm màu vàng, còn chỏm thì vẽ những vòng hoa có treo nhiều đèn lồng... bên trong là ngai vàng của hoàng đế trên một cái bệ...*".[2]

Riêng về nghi lễ đón vua Quang Trung thì không theo diễn tiến như thế này mà tương tự như việc tiếp kiến phái đoàn Anh Cát Lợi, có khác là trong đại lễ "*bão kiến thỉnh an*", hoàng đế bước xuống khỏi ngai để ra đón khách.[3]

---

1. Nguyên văn: "*... The Tartar tents, round and vaulted, were not held up by posts but were made of bamboo interwoven with considerable skill and covered with thick felt. One of them was much tallet and larger than the others. Hung in yellow, decorated with a rug, and bedecked with painted lanterns and garlands, it contained a throne for the Emperor*". Alain Peyrefitte, *The Collision of two Civilisations: The Bristish Expedition to China 1792 - 1794* (Nguyên tác: *L'Empire Immobile ou Le Choc des Mondes*, Librairie Arthème Fayard, 1989) (Alfred A. Knopf Inc., 1992), tr. 217.

2. Aubrey Singer, *The Lion and the Dragon: The Story of the first Bristish Embassy to the Court of the Emperor Qianlong in Peking 1792 - 1794* (London, 1992), tr. 64.

3. Đại lễ bão kiến thỉnh an không thấy miêu tả chi tiết nhưng được ghi nhận như sau: *Lễ tiết long trọng đời Thanh dành cho vương công đại thần khi vào triều kiến hoàng đế.* Chiêu Liên (昭槤) trong *Khiếu Đình tạp lục* (嘯亭雜錄) [Tây Vực dụng binh thủy mạt] có nhắc đến lễ này khi nhà vua ôm đồng thời "*thân mật hỏi han*" (從容撫慰: thung dung phủ ủy).

Diêu Tuyết Căn (姚雪根) trong truyện Lý Tự Thành [chương 29, quyển 3] chép rằng: "*Hoàng Thái Cực đích thân xuất thành mười dặm nghinh tiếp, hai bên gặp*

Việc dựng lều vàng dành cho nhà vua ở Tị Thử Sơn Trang cũng phải tuân theo những lề luật nghiêm nhặt có ghi trong điển lệ. Theo *Hoàng triều lễ khí đồ thức*, phần "Võ bị", lều nhà vua ở bên ngoài cung điện như sau:

> *Chung quanh nơi dựng lều cho nhà vua phải dựng tường bằng màn che màu vàng, cửa hướng về phía nam, cây cối bên trong che bằng vải vàng. Chính giữa là lều tròn* [圓幄], *cao hai trượng, đường kính 3 trượng, 4 thước, trên có khung cái* [穹蓋, chỏm bao], *đỉnh tròn úp xuống...*
>
> *Trong chính giữa điện là ngự tọa, che rèm tơ 5 màu, viền đoạn xanh. Ngự tọa cao 1 thước 6 tấc 5 phân, bề rộng 3 thước 9 tấc 5 phân, ngang 5 thước 7 tấc 5 phân, rủ rèm kép trên là gấm dưới là đoạn vàng...*

Cũng theo *Lễ khí đồ thức*, chỉ hoàng đế mới được dựng lều tròn màu vàng, các quan võ, tướng lãnh khi ra ngoài chỉ dược dựng lều bằng vải màu lam theo hình chữ nhân (人, tức V ngược), chiều dài 6 thước 4 tấc, chiều ngang 1 trượng 2 thước. Rường lều bằng gỗ chống bằng hai cột, mỗi cột cao 6 thước 5 tấc. Vải bạt che xuống tới đất, có rèm 7 tấc, hai đầu che vải, phân ra giữa ở nơi cột để tiện việc ra vào. Theo hình vẽ lều của tướng lãnh cũng giống như lều quân đội ngày nay. Lều tướng lãnh là công cụ dùng trong chiến trận còn lều màu vàng của nhà vua là một cung điện di động không thể nhầm lẫn được.

---

nhau, Nao Dư Quận Vương A Ba Thái đi đầu, từng người từng người quỳ một gối trước mặt ông ta, tay vòng sang ôm lưng, đầu nghiêng qua bên trái, qua bên phải hai lần, còn ông ta [Hoàng Thái Cực] *thì cúi xuống ôm lấy lưng và vai người kia. Hành lễ tối long trọng này gọi là bão kiến lễ, sau đó* [cả hai] *cùng đứng lên đi trở về kinh thành*". La Trúc Phong (Chủ biên), *Hán ngữ đại từ điển* (漢語大詞典), quyển VI (2008), tr. 490.

"*Lễ bão kiến: Lễ tiết đời Thanh người Mãn Châu dùng để giao thiệp. Dùng cho người thân xa ngày nay gặp lại hay khi cáo biệt. Khi hành lễ, người nọ ôm lưng người kia, mặt áp vào nhau, là lễ rất trịnh trọng tôn quý. Từ trung kỳ nhà Thanh trở về sau lễ này ít dùng*". Nhiệm Kế Dũ (Chủ biên), *Trung Quốc văn hóa đại điển* (中國文化大典), quyển 1 (Sơn Tây: Sơn Tây giáo dục xuất bản xã, 1999), tr. 81.

Y PHỤC THÂN VƯƠNG

Cứ như những thông tin ban đầu, khi vua Quang Trung sang Yên Kinh, vua Càn Long đã báo cho biết trước sẽ xếp ông "*dưới thân vương, trên quận vương*". Thân vương và quận vương là hai tước cao quý nhất của nhà Thanh thường chỉ ban phát cho các con ruột, em trai hoàng đế và thường khi đã trưởng thành chứ không phải là một đặc ân tự nhiên.

Nếu chúng ta không đối chiếu với điển lệ, không so sánh với các thời kỳ khác, những dòng chữ "*thân vương hạ, quận vương thượng*" sẽ không cho một ý niệm nào đặc biệt. Tuy nhiên khi nhìn lại vị thế của vua nước ta và những tước vị được phong theo thời gian thì sẽ nhận ra ngay, đây là một thứ bậc rất cao quý, không phải ai cũng có được. Vương tước ban cho ngoại phiên phần nhiều chỉ là hình thức, không bao giờ được coi tương đương với nội phiên mà so với vương công trong triều thì lại còn kém hơn nữa. Chỉ cần nhìn vào cách sắp xếp chỗ ngồi, thứ tự trước sau, không chỉ ở trong đại điện mà cả ở bên ngoài khi đón chờ, nghinh đón chúng ta cũng có thể "*đọc*" được khá nhiều nội dung của buổi lễ, làm cơ sở để giải thích những biến chuyển xảy ra không khác gì ngày hôm nay người ta quan sát những đại lễ mang tầm vóc quốc gia hay những buổi quốc yến.

Nói như thế, trong đại lễ Bát tuần khánh thọ, vị thế của vua Quang Trung không những cao hơn các vua chúa nước ta từ trước mà còn là một vinh dự đặc biệt so với cả triều đình Trung Hoa lúc bấy giờ. Việc ưu dãi khác thường đó cũng phát sinh nhiều dố kỵ ngấm ngầm mà ngoại sử còn ghi chép.

Mãng bào

Theo tài liệu, khi sang Trung Hoa, vua Quang Trung mặc y phục nước ta gồm áo bào màu đỏ, thêu hình rồng vàng nhưng khi may y phục nước ta để ban cho ông, vua Càn Long lại đặc cách cho

áo bào màu vàng (là màu dành riêng cho hoàng đế và các hoàng tử). Cũng chính vì thế, những bộ tranh của nhà Thanh vẽ ông mặc hoàng bào (là y phục mới được ban) còn bức chân dung của ông lại vẽ ông mặc áo màu đỏ là bộ áo nguyên thủy khi về nước.

Theo điển lệ, mãng bào của bậc thân vương hay quận vương là áo màu lam (蓝, xanh ngả màu tím đỏ) hay màu xanh đá (thạch thanh 石青, màu xanh dương sậm) tùy ý nhưng nếu ai được ban áo màu kim hoàng thì cũng có quyền dùng, may giống như mãng bào của hoàng tử. Mãng bào hoàng tử được định nghĩa là sắc màu kim hoàng, đường viền bằng chỉ vàng trên áo có thêu 9 con rồng, có đường xẻ hai bên trái phải. Theo chi tiết trong những món được ban thưởng, vua Quang Trung được *Kim hoàng mãng bào* là loại áo tôn quý nhất.

Một hoàng tử đời Thanh mặc y phục giống như vua Quang Trung được ban *Kim hoàng mãng bào*, mũ chỏm hồng bảo thạch và triều châu san hô (chỉ thiếu lông công ba mắt).

Bổ phục

Bổ phục là y phục có mảnh vải thêu trên ngực (*bổ tử*), hình vuông nếu là đại thần ngoài hoàng tộc, hình tròn nếu là người trong họ nhà vua. Theo quy định, bổ tử chia thành 9 bậc, từ cửu phẩm đến nhất phẩm, hàng văn thì hình chim, hàng võ thì hình thú. Trên các quan là bổ tử tròn hình rồng dành riêng cho người trong họ nhà vua.

Vua Quang Trung được ban cho áo bào có bốn bổ tử hình tròn, có thể coi tương đương với người trong hoàng tộc vua Thanh. Theo điển lệ, bổ tử bậc thân vương sắc màu xanh đá, trên có thêu rồng vàng 5 móng tại 4 nơi, trước ngực, hai vai và sau lưng nên gọi là "*tứ đoàn long bổ phục*" (bổ phục có bốn con rồng hình tròn). Trước ngực và sau lưng thêu hình *chính long* (con rồng nhìn thẳng phía trước), hai vai thêu hình *hành long* (con rồng đang di chuyển). Bổ phục hình tròn chỉ dành riêng cho người trong hoàng tộc, nay vua Quang Trung được ban thưởng loại mãng bào này là một trường hợp rất đặc biệt, một phá lệ gây đố kỵ cho những hoàng tử nhà Thanh.

Áo bào màu xanh đá (thạch thanh) có thêu tứ đoàn long bổ phục
(Áo cũ trong bảo tàng viện nên đã ngả màu).

Triều đái

Triều đái và phụ tùng.

Triều đái tức là cái đai thắt ngang lưng nhưng có nhiều phụ tùng đi kèm. Đai dành cho bậc thân vương có màu kim hoàng, bốn khóa bằng ngọc vuông, mỗi cái có gắn đông châu, giữa có đá mắt mèo (*miêu tinh thạch*), hai bên trái phải có dây đeo cùng màu đai.

Triều quan

Mũ mùa hè, mùa đông và ống cắm hoa linh.

Triều quan là mũ đội khi vào triều, đi kèm với triều phục. Có hai loại mũ, *lương mạo* (đội mùa hè) và *noãn mạo* (đội mùa

đông). Để phân biệt thứ bậc, các loại mũ nào có kèm thêm một chỏm mũ và những ai lập chiến công thì được thưởng thêm một cái ống ngọc (linh quản) để cắm một cái lông chim trơn, một, hai hay ba mắt. Vua Quang Trung được ban mũ đội mùa hè dệt bằng *ngọc thảo* (một loại cỏ) hay *đẳng ti* (sợi dây leo), *trúc ti* (sợi tre), lõi làm bằng sa đỏ, riềm là dây vàng, vải màu thạch thanh, trên chỏm làm bằng bảo thạch. Trên mũ tết các dây màu đỏ (chu vĩ), có trang sức 5 viên ngọc đông châu, đằng sau tết hoa vàng, trang sức 4 hạt đông châu. Chỏm mũ là 2 tầng kim long, tết 10 viên ngọc đông châu, trên đính hồng bảo thạch.

Hoa linh

Một trong những phụ kiện tuy nhỏ nhưng lại rất quan trọng, đó là lông chim cắm vào mũ. Đây là một ban thưởng đặc biệt do chính hoàng đế ban cho những ai lập chiến công. Vì thế những thân vương, hoàng tử rất ít ai được vì không có cơ hội cầm quân ra trận. Vua Quang Trung được ban thưởng lông công ba mắt là đẳng cấp quan trọng nhất của nhà Thanh. Để hình dung sự quan trọng của chiếc lông công ba mắt này, chúng ta thấy phần nhiều những danh tướng quan trọng hàng đầu của Thanh triều cũng chỉ được thưởng đến lông công hai mắt trong đó có A Quế, Phó Hằng, Phúc Khang An...

A Quế

Phó Hằng

Phúc Khang An

Một nhân vật rất nhiều người trong chúng ta quen thuộc là phụ chính đại thần Ngao Bái đời vua Khang Hi cũng chỉ được ban thưởng mũ lông công một mắt.

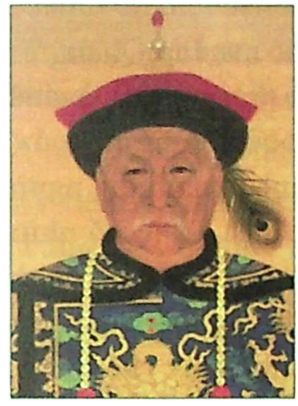

Ngao Bái.

Theo *Hoàng triều lễ khí đồ thức* (皇朝禮器圖式) thì các loại lông công chia ra như sau:

Lông công ba mắt (三眼花翎 - *tam nhãn hoa linh*) là loại quý nhất chỉ dành riêng cho thân vương, quận vương và bối lặc.

Lông công hai mắt (雙眼花翎 - *song nhãn hoa linh*) dành cho các tôn thất nhưng cấp bậc thấp hơn hay giới quý tộc Mãn Châu.

Lông công một mắt (單眼花翎 - *đơn nhãn hoa linh*) dành cho quý tộc Mãn Châu và các quan người Hán xuống tới lục phẩm.

Những người dưới nữa không được quyền có mũ lông công nhưng có thể được ban thưởng *lam linh* (藍翎) là loại lông màu xanh không có mắt. Võ quan cũng có thể được ban thưởng điêu vĩ, một loại đuôi chồn giả làm thành hình chữ V tỏa ra hai bên lông công.

Triều châu

Triều châu là chuỗi ngọc đeo cho bậc thân vương chỉ không được dùng đông châu (ngọc trai), ngoài ra dùng các loại đá quý gì

cũng được. Vua Quang Trung được ban triều châu bằng san hô, màu đỏ là loại tôn quý nhất.

Phụ tùng khác

Một vinh dự khác mà vua Quang Trung được ban thưởng là *hoàng mã quái* (黃馬褂), nôm na là chiếc áo ngắn khoác ngoài màu vàng. Hoàng mã quái cũng như một loại bảo quốc huân chương đời nay, chỉ dành cho những người có công lớn với quốc gia hay có võ công đặc biệt. Trong số những nhân vật đời Thanh được ban thưởng y phục cao quý này, ngoài vua Quang Trung đời Càn Long, ta còn thấy hai người ngoại quốc khác, Prosper Giquel là người đã xây dựng nhà máy chế tạo võ khí (arsenal) ở Phúc Châu và tướng Charles Gordon, người chỉ huy Vạn Thắng Quân góp phần đánh bại quân Thái Bình Thiên Quốc.

PHÁI ĐOÀN ĐẠI VIỆT

Trong bức tranh này, ngoài vua Quang Trung và hai cận thần, Phan Huy Ích và Ngô Văn Sở, đáng chú ý còn 6 linh công (người tấu nhạc) chia hai bên ở phía sau. Theo *Bát tuần vạn thọ thịnh điển*, nước ta đem theo 12 nhạc công nhưng mỗi lần tấu nhạc chỉ có 10 người. Các linh công cũng mang theo 8 món nhạc khí liệt kê trong *Hoàng triều lễ khí đồ thức*:

- *Trống chiến* (丐鼓): được dùng trong những buổi yến tiệc. Trống có tang bằng gỗ, một mặt căng da, mặt kia để trống, chung quanh đóng đinh sít nhau, đường kính 8 tấc 4 phân (khoảng 30 cm)[1], đặt trên một cái giá bằng tre, ba chân, đánh bằng hai dùi tre hay một tay cầm trống, một tay cầm dùi gõ.

1. Theo Trịnh Thiên Đình (郑天挺), Ngô Trạch (吴泽), Dương Chí Cửu (杨志玖) (Chủ biên), *Trung Quốc lịch sử đại từ điển* (中国历史大辞典) (Thượng Hải Từ Thư xuất bản xã, 2000) thì đời Thanh có nhiều giai đoạn, thước dùng chênh lệch từ 32 đến 35,5 cm. Chúng tôi tính độ chừng, không tuyệt đối chính xác.

- *Sênh tiền* (丐拍): theo mặt chữ thì là "*cái phách*" làm bằng gỗ đàn (*sandalwood*, 檀), gồm ba mảnh đều dài 8 tấc 5 phân, rộng 8 phân, dày 2 phân rưỡi, một thanh trên mặt có hai cái đinh đồng, xỏ mấy đồng tiền, một thanh thì một bên khắc hình răng cưa, một thanh mặt có khắc hình xẻ. Khi nhạc công hát, tay trái cầm hai thanh đánh vào nhau làm cho mấy đồng tiền kêu loảng xoảng, tay phải cầm lưỡi cưa kéo vào thanh có khắc cho ra tiếng.

- *Sáo ngang* (丐哨): tiếng Hán gọi là *hoành địch* (横笛) gồm hai loại khác nhau đều cùng dài 1 thước 9 tấc 5 phân (khoảng hơn 60 cm), đường kính 7 phân (hơn 2 cm) làm bằng ống trúc, đốt vẽ bằng sơn mài, tất cả 21 đoạn. Lỗ sáo đầu tiên bên trái để thổi, có thêm 6 lỗ để bấm, hai lỗ sau cùng để hơi thoát ra. Ngoài ra có hai lỗ nhỏ để buộc dây treo. Hai đầu bịt bằng sừng cho đẹp. Khi linh công hát thì thổi sáo.

- *Đàn tam* (丐弹弦子): đàn có 3 dây, làm bằng gỗ đàn, máng vuông và dài, bầu đàn bịt da rắn. Đàn dài 2 thước 9 tấc 4 phân, cần dài 2 thước 4 tấc 9 phân, mặt trên rộng 8 phân, bên dưới rộng 9 phân 6 li, dày 8 phân. Máng dài 4 tấc 5 phân 1 li, rộng 4 tấc 4 li, dày 2 tấc 4 phân. Đàn có 3 trục, 2 bên trái, 1 bên phải đều dài 3 tấc 6 phân 6 li, dây từ sơn khẩu đến trục dài 2 thước 4 phân.

- *Đàn cò lòn* (丐弹胡琴): đàn giống như đàn nhị, tiếng Hán gọi là *hồ cầm*, cán bằng tre, máng hình ống tạc bằng gỗ đàn, trên mặt bịt da rắn, có 2 dây, dài 2 thước 2 tấc 6 phân. Cán dài 2 thước 1 tấc 3 phân, mặt trên đường kính 1 tấc 9 phân, mặt dưới rộng hơn đường kính 2 tấc 4 phân 2 li, bề dày 3 tấc 1 phân 2 li. Đầu đàn cong xuống, bên dưới có hai quản trục dài 5 tấc, trên mặt có thanh tre, dây đàn căng từ sơn khẩu đến thanh này dài 1 thước 8 tấc. Đầu cán có dây đồng để treo, núm có dây tua màu vàng tương tự như hồ cầm của các nước phiên.

- *Đàn nguyệt* (丐弹雙韵): đàn hình như mặt trăng, dẽo bằng gỗ đàn, mặt đàn bằng gỗ ngô đồng, hình tròn như trăng ngày rằm,

cổ cong có 4 dây, dài 2 thước 8 tấc 6 phân 6 li. Cán dài 1 thước 1 tấc, rộng 9 phân. Mặt đàn đường kính 1 thước 1 tấc 6 phân, dày 1 tấc 8 phân. Dây đàn xỏ vào có 4 trục để giữ, trái phải mỗi bên hai cái, dài 3 tấc 6 phân. Đàn có 7 phím, từ sơn khẩu đến phúc thủ dài 1 thước 8 tấc 2 phân, đều làm bằng gỗ đàn. Có dây treo màu vàng.

- *Đàn tỳ bà* (丐弹琵琶): hình quả lê, làm bằng gỗ cây ngô đồng, sau lưng và hai bên sơn mài, vẽ hoa cỏ bằng thếp vàng, có 4 dây, dài 3 thước, mặt đàn rộng 7 tấc 3 phân, dầy 1 tấc 2 phân. Đỉnh rộng 8 phân, giữa dày 1 tấc 2 phân, bên cạnh dày 4 phân. Một đầu có xỏ dây có 4 trục để căng, trái phải mỗi bên hai cái, dài 3 tấc 4 phân. Dây đàn từ sơn khẩu đến phúc thủ dài 2 thước 1 tấc 4 phân.

- *Tiu cảnh* (丐三音鑼): còn có tên là sala, là loại nhạc khí gồm ba miếng đồng hình tròn, ghép vào nhau bằng một các khuôn sắt bao quanh bên ngoài, đường kính 4 tấc 5 phân buộc với nhau như hình chữ *phẩm*. Phèng la hình như vân la, cái trên cùng đường kính 2 tấc 4 phân 5 li, bên hữu đường kính 2 tấc 3 phân 8 li, bên tả đường kính 2 tấc 3 phân. Bốn bên đều có lỗ, dùng dây đồng buộc các vòng sắt lại với nhau, dưới có hai dây đồng buộc chung lại. Cán bằng gỗ, bịt đồng, dưới có buộc dây treo, đánh bằng dùi sừng.

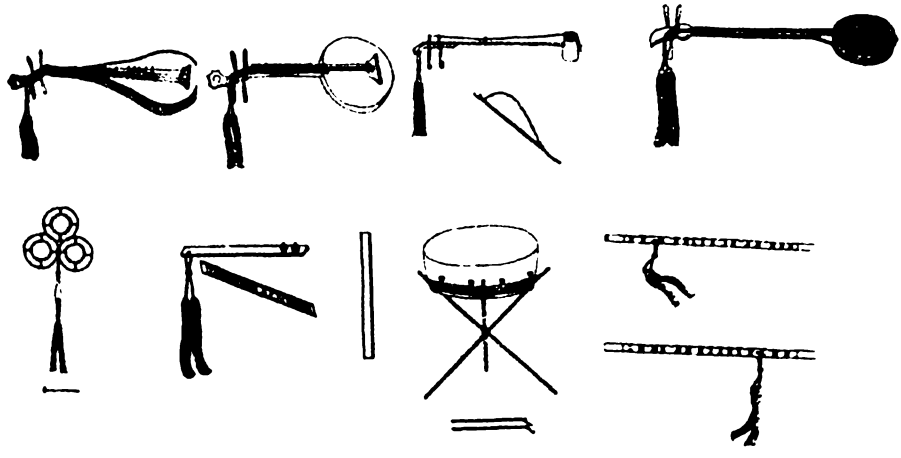

Các nhạc khí An Nam mang sang Bắc Kinh
còn ghi trong *Hoàng triều lễ khí đồ thức*: tỳ bà, đàn nguyệt, cò lòn (hồ cầm), đàn tam, tiu cảnh, phách, trống, sáo ngang.

KẾT LUẬN

Bức tranh *An Nam quốc vương chí Tị Thử Sơn Trang* trong bộ *Thập toàn phu tảo* đã từng bị nhận lầm là miêu họa vua Chiêu Thống vào triều kiến vua Càn Long. Thực ra, cuộc đời lưu vong của vua Lê chỉ thuần túy là một đặc ân của nhà Thanh đối với những người thất thế, được "*an tháp*" cho sớm hội nhập vào xã hội mới, chấm dứt chiêu bài "*tự tiểu tồn vong*" trước đây sử dụng làm bình phong cho việc đem quân sang nước ta. Nhà Thanh nhấn mạnh vào sự độ lượng của họ đối với vua tôi nhà Lê và thổi phồng việc "*thắng mà không cần dụng binh*" nhằm khỏa lấp việc thất bại quân sự.

Chính sách "*an tháp*" những người chạy sang được lập lại khi nhà Thanh chấp nhận phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết và những người đi sang cầu viện cuối đời Thanh, tương tự như một loại "*trợ cấp xã hội*" cho những người di dân để họ khỏi gây bất ổn.[1]

Nhờ tiến bộ của khoa học thông tin, chúng ta có nhiều phương tiện để tìm kiếm và tiếp cận với những tài liệu gốc của Trung Hoa, bù đắp phần nào những mảnh "*khuyết sử*" đã bị lãng quên và biến dạng khi có những thay đổi triều đại hay chế độ chính trị.

Cách đây vài mươi năm, khó có ai trong chúng ta lại nghĩ rằng mình có thể được xem những bộ ảnh quý giá trong văn khố Âu châu, những cuốn sách cổ nhiều trăm năm của người nước ngoài viết về nước mình mà không cần phải đi đâu cả. Với kho tư liệu khổng lồ trong văn khố Trung Hoa, Đài Loan, Nhật Bản, Triều Tiên, Xiêm La..., người nghiên cứu lại càng phải bỏ nhiều công lao để phân định, đánh giá tài liệu ngõ hầu có những nhận định cho chính xác.

---

1. Xem thêm báo cáo của tổng đốc Lưỡng Quảng Trương Chi Động về việc an tháp nhóm Nguyễn Phúc Thuyết 15 người. Quách Đình Dĩ (郭廷以), Vương Duật Quân (王聿均) (Chủ biên), *Trung Pháp Việt Nam giao thiệp dáng* (中法越南交涉檔), Tập VI, Quang Tự 12 - 14 (tái bản) (Đài Bắc: Trung ương nghiên cứu viện cận đại sử nghiên cứu sở, 1983), tài liệu 2206, tr. 3808-3810.

Qua những tài liệu gốc có niên đại đồng thời với biến cố, chúng ta có thể nhìn lại nhiều chi tiết ngoại sử vốn dĩ định hình và được lập đi lập lại trong sách vở một cách máy móc. Việc khai thác tư liệu cũng đưa lịch sử trở về gần với sự thật hơn và nâng tầm sử học lên thành một bộ môn khoa học nhân văn.

Chỉ ba năm sau chuyến đi của phái đoàn Quang Trung sang Trung Hoa, một phái đoàn khác của người Anh quy mô hơn nước ta nhiều do bá tước Macartney dẫn đầu sang nhà Thanh để đàm phán mở cửa thông thương. Trên mặt ngoại giao, chuyến đi không mang về một kết quả cụ thể nào và vì thế sử Trung Hoa cũng sẽ lãng quên nếu sau vài mươi năm chiến tranh giữa liệt cường và Trung Hoa không bùng nổ, đưa đến cái nhục phải chia cắt nhiều khu vực làm tô giới.

Tuy người Anh còn lưu lại nhiều bút ký, hình vẽ ghi chép về chuyến đi này, xuất bản nhiều bộ sách rất đầy đủ về tình hình và sinh hoạt của Trung Hoa trong thời gian đó nhưng lại không "*đọc*" được những "*thông điệp*" qua cách tiếp đón cũng như quà tặng khiến hai bên không hiểu được đối phương.

Với nước ta, Trung Hoa có liên hệ tông phiên nên việc giao thiệp với họ cực kỳ phức tạp. Giải mã được những chi tiết trong tương quan giữa hai nước đòi hỏi việc tìm hiểu cặn kẽ về chính sách cũng như về nghi lễ. Mười hai năm sau chuyến đi của vua Quang Trung, vua Gia Long cũng lúng túng trong cách giao tiếp với triều đình Gia Khánh. Cũng may, sau khi lấy được Bắc Hà, giới sĩ phu Đàng Ngoài vốn đóng vai trò chủ chốt trong công tác liên hệ đời Tây Sơn đã sớm cộng tác nên triều đình nhà Nguyễn chóng vánh nối lại được giao thiệp với Thanh triều mà không phải mất nhiều công lao như các thời Lê, Mạc. Đó cũng là một điểm son trong cách dùng người của vua Gia Long mà chúng ta cần quan tâm.

6.2018

ĐÃ TÌM RA CHÂN DUNG VUA QUANG TRUNG?

HÌNH ẢNH VUA QUANG TRUNG THEO SỬ CŨ

Cho đến gần đây, khuôn mặt vua Quang Trung vẫn còn là một câu hỏi. Tuy chính sử và ngoại sử cũng có những chi tiết đề cập đến dung mạo, hình dáng và y phục của ông nhưng quá mơ hồ và đáng tin đến mức nào thì vẫn không ai dám khẳng định.

Quốc sử quán triều Nguyễn trong *Đại Nam chính biên liệt truyện*, quyển 30, "Ngụy Tây", truyện Nguyễn Văn Huệ chép:

> *Nguyễn Văn Huệ là em của Nhạc, tiếng vang như chuông, mắt sáng như ánh điện, mưu lược thiện chiến, người người đều kinh sợ.*[1]

Tây Sơn thuật lược chép:

> *... Năm ấy Nguyễn Huệ mất, tóc của Huệ thì quăn, mặt thì đầy mụt, có một con mắt nhỏ, nhưng cái tròng rất lạ, ban đêm ngồi không có đèn, thì ánh sáng từ mắt soi sáng cả chiếu...*[2]

---

1. Nguyên văn: 阮文惠，岳之弟也。聲如巨鐘，目閃若電光。狡黠善[戰]鬬人皆憚之。(tr. 17b). *Nguyễn thị Tây Sơn ký* cũng chép như vậy, có lẽ hai quyển cùng một nguồn.

2. Vô danh thị, *Tây Sơn thuật lược* (bản dịch Tạ Quang Phát) (Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1971), tr. 16-17. Nguyên văn: 是年阮惠殂。惠髮鬈，面痘。一目細，而眼睛甚異。昏坐無燈，光射燭席。(tr. 9b-10a)

Trong văn chương, các nhà nho Bắc Hà gọi ông là "*cuồng Chiêm*[1], *hắc tử*[2]" với hàm ý khinh miệt, coi ông chỉ là một kẻ mọi rợ ở phương nam. Nho sĩ cuối đời Lê cũng giễu cợt ông về nhân dáng, về giọng nói và cả cách xử thế. Tuy nhiên, những chi tiết này tuyệt nhiên không thể coi là tả chân dung mạo và con người Nguyễn Huệ.

Về điêu khắc, chúng ta thấy ông qua hình ảnh pho tượng đi hài một chân trong, một chân ngoài ở một ngôi chùa tại Hà Nội. Nguyễn Phương trong *Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn* viết:

> *... Đó là ảnh chụp một pho tượng ở chùa Bộc, tại Hà Nội. Đã lâu nhiều người cứ nghĩ rằng đó là một pho tượng Phật nhưng kỳ thực hình dung Quang Trung với tất cả thái độ ngang tàng của ông, ví dụ mình bận triều phục mà chân thì một trong hia một nằm ngoài. Đôi câu đối hai bên pho tượng vừa ngụ ý Quang Trung là anh hùng cái thế, vừa dùng danh nghĩa tôn giáo để gìn giữ cho pho tượng khỏi bị triều Nguyễn phá. Đôi câu đối đọc là:*
>
> *Động lý vô trần, đại địa sơn hà lưu đống vụ* [vũ],
>
> *Quang Trung hóa Phật, tiểu thiên thế giới chuyển phong vân.*[3]

---

1. Cuồng Chiêm: Người Chiêm hung hăng. Trước đây người Bắc Hà vẫn đồng nhất người Nam Hà với người Chiêm vì phương nam là đất cũ của Chiêm Thành. *Lê Duy Dản thi tập*, Tài liệu chép tay, Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), EFEO, ký hiệu A.2821.

2. Hắc tử: Tên da đen. Tờ bẩm của Phan Khải Đức gửi Tôn Sĩ Nghị ngày mồng 1 tháng Tám năm Mậu Thân (1788). Trang Cát Phát (莊吉發), *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu* (清高宗十全武功研究) (Đài Loan: Cố cung tùng san, Giáp chủng Số 26, Tháng 6 năm 1982), tr. 355. Nguyên văn: ... 況天朝尊台稟大皇帝之命，汎愛藩王，恢復黎緒一揚，檄於通衢，則草木皆兵，何險不夷，何堅不破，況西山一黑子乎? (*Huống chi tôn đài theo lệnh của hoàng đế tỏ lòng yêu rộng rãi đến phiên vương, truyền bá việc khôi phục lại dòng họ Lê, tờ hịch một khi tung ra khắp nơi thì ắt là cây cỏ cũng thành binh lính, nguy hiểm đến đâu cũng thành yên được, kiên cố đến đâu cũng phá được, sá gì một tên mọi đen đất Tây Sơn?*).

3. Nguyên văn: 洞裡無塵，大地山河留練字。光中化佛，小天世界轉風雲。

Dịch nghĩa:

Trong hang không bụi, lưu nêu cột giữa non sông rộng lớn,

Giữa sáng thành Phật, chuyển gió mây trong thế giới cỏn con.

Và câu đối cũng nói rằng ở Thăng Long vẫn còn có chỗ để thờ Quang Trung dưới hình dạng một tượng Phật...[1]

Tượng ở chùa Bộc
Nguồn: Internet.

Tuy nhiên năm 1990, nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Hinh đã nêu lên những bất ổn trong việc ngộ nhận đây là pho tượng Quang Trung và kết luận rằng ba pho tượng này chỉ là tượng Đế Thích được thờ phụ vào trong hầu hết các chùa chiền ở Việt Nam.[2] Có lẽ vì thế những nhà nghiên cứu về sau ít khi đề cập đến tác phẩm này.

Về tranh vẽ, lâu nay sách vở lưu truyền hình một võ tướng cưỡi ngựa được chú thích là vua Quang Trung [hay dè dặt hơn là Phạm Công Trị, "*giả vương*" sang Trung Hoa]. Bức hình này xuất hiện trên *Đông Thanh tạp chí*, Số 1, 1932 [theo ghi chú trên Tập

1. Nguyễn Phương, *Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn* (Sài Gòn: Khai Trí, 1968), tr. 401, cước chú 1.
2. Xem "Về một pho tượng chùa Bộc", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* (Hà Nội), Số 3, tr. 38-44, 54.

san *Sử Địa*, Số 9 - 10, phát hành Tết Mậu Thân, 1968][1] và được in lại trên nhiều ấn phẩm khác.

Dựa trên bức tranh, họa sĩ đã mô phỏng để tạo hình vua Quang Trung trên giấy bạc 200 đồng (trước năm 1975 tại miền Nam) và theo đó nhiều nghệ sĩ đã sử dụng để điêu khắc tượng đài, cả trong nước lẫn hải ngoại coi đây như là diện mạo chính thức của Nguyễn Huệ.

Tuy nhiên, khi tư liệu lịch sử được phổ biến công khai và rộng rãi hơn, người ta có thể khẳng định rằng bức tranh người cưỡi ngựa này chỉ là một bản sao của họa phẩm nổi tiếng do họa sĩ Giuseppe Castiglione - giáo sĩ người Ý - vẽ vua Càn Long [cưỡi con tuấn mã có tên là Vạn Cát Sương (萬吉驌) do quận vương xứ

1. Tập san *Sử Địa* (Sài Gòn), Số 9 - 10 (1968) có ghi chú [nguyên văn]: "Ảnh do vua Kiến Long sai vẽ năm 1790, đồ quân phục cũng do vua Tàu tặng. Ảnh lấy ở trong Tập *Màn-Châu Cổ-họa*, đăng trong *Đông Thanh tạp chí* số I, 1932".

Khalkha tiến cống] trong một lần duyệt binh được thực hiện vào khoảng 1743[1] chứ không phải vua Quang Trung.

HÌNH ẢNH VUA QUANG TRUNG BÊN NGOÀI NƯỚC

Khi vua Quang Trung đem một phái đoàn hùng hậu sang Bắc Kinh dự lễ Bát tuần khánh thọ của vua Cao Tông (Càn Long), nhiều tài liệu của Trung Hoa và Triều Tiên nhắc đến ông nhưng chỉ nói về hành vi mà không miêu tả về dung mạo.

Sứ thần Triều Tiên Từ Hạo Tu (徐浩修) trong bộ *Yên hành lục tuyển tập* (燕行錄選集)[2] chép:

> *Quang Bình cốt cách khá thanh tú, hình dáng bệ vệ xem ra vượt trội người ở Giao Nam. Thế nhưng các bầy tôi đi theo tuy hơi giỏi văn tự nhưng thân thể nhỏ bé, yếu đuối, ăn nói, hành động giảo trá khinh bạc.*[3]

---

1. *Legacies of Imperial Power: Two Exceptional Qianlong Scrolls from a Private Collection* (Auction in Hongkong Wednesday 8 October 2008), tr. 18, 28.
2. Seoul: Minjok Munhwa Ch'ujinhoe, 1976. *Yên hành* nghĩa là chuyến đi sang Yên Kinh, một tên gọi khác của Bắc Kinh, thường được chỉ về việc đi sứ. Trong văn chương của nước ta cũng có những thi văn tập dùng hai chữ *Yên hành* hoặc *Như Yên* của các sứ thần ghi chép khi sang Trung Hoa.
3. Nguyên văn: 光平骨格頗清秀，儀容亦沉[沈]重似是交南之傑。然者從臣則頗能解文字而軀材短小，殘劣，言動狡詐輕佻。(*Quang Bình cốt cách phả thanh tú, nghi dung diệc trầm trọng tự thị Giao Nam chi kiệt. Nhiên giả tòng thần tắc tuy sảo giải văn tự nhi khu tài đoản tiểu, tàn liệt, ngôn động giảo trá khinh diêu*).

> *... Hôm đứng vào tế ban ở Tịch Nguyệt Đàn nơi điện Thái Hòa mới thấy họ* [tức sứ đoàn nước ta] *mặc y phục bản quốc. Vua của họ đầu bịt khăn lưới,*[1] *đội thất lương kim quan* [七梁金冠][2] *mình mặc long bào bằng gấm màu, đeo đai bằng ngọc trắng. Tòng thần cũng quấn khăn, đội mão đen năm ngấn, thân mặc mãng bào hoặc màu xanh, hoặc màu tía, đeo đai vàng, hình trên áo bác tạp, lạ lùng trông như trong tuồng hát khác xa cổ chế nước An Nam.*[3]

Trong nhiều thế kỷ, triều đình Trung Hoa đã phát triển việc lưu giữ hình ảnh qua kỹ thuật mộc bản (khắc in bằng bản gỗ), đồng bản (khắc in bằng bản đồng) và đến thời Minh - Thanh thì du nhập thêm nhiều phương pháp hội họa của Âu châu, trong cung luôn luôn có một đội ngũ họa gia đông đảo trong đó có nhiều giáo sĩ sang truyền giáo. Chính vì thế, trong chuyến đi sang Bắc Kinh, hình ảnh vua Quang Trung đã được ghi lại trên một số họa phẩm bằng màu, đặc biệt là trên hai bức vẽ sinh hoạt cung đình và chính chân dung của ông do vua Càn Long sai thợ vẽ trước khi ông về nước.[4]

Thập toàn phu tảo (十全數藻)[5]

An Nam quốc vương chí Tị Thử Sơn Trang (安南國王至避暑山莊)

---

1. Nguyên văn: 頭匝綱巾 (*đầu tạp võng cân*).
2. Theo hình vẽ mới tìm thấy, đối chiếu với hai bức tranh trong *Thập toàn phu tảo* và *Vạn thọ trường đồ* thì có thể nhận ra vua Quang Trung không đội thất lương kim quan như tên gọi một loại mũ miện theo cổ phục mà là mũ xung thiên của vua chúa đời nhà Lê.
3. *Yên hành ký* (燕行紀), Tuyển tập V, quyển 2, phần nguyên văn chữ Hán.
4. Xem: Nguyễn Duy Chính, "Vài sự kiện về bức chân dung vua Quang Trung do họa sĩ nhà Thanh vẽ", *Núi xanh nay vẫn đó* (TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), tr. 213-239.
5. Chu Mẫn (朱敏) (Chủ biên), *Trung Quốc quốc gia bác vật quán: Quán tàng văn vật nghiên cứu tùng thư* (中国国家博物館: 館藏文物研究叢書) (Studies of the Collections of the National Museum of China), *Hội họa quyển - Lịch sử họa* (絵画卷 – 歷史画) (Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 2006).

Một trong bộ tranh mười bức ca tụng *Thập toàn võ công* của vua Cao Tông do Uông Thừa Bái (汪承霈) vẽ có tên là ***Thập toàn phu tảo*** (十全敷藻) trong đó có một bức nhan đề *An Nam quốc vương chí Tị Thử Sơn Trang* (安南國王至避暑山莊) vẽ hình vua Quang Trung và hai bồi thần (tức Phan Huy Ích và Ngô Văn Sở) vào triều kiến vua Càn Long ở Nhiệt Hà.

Bức tranh này - như tên gọi (phu tảo) là dạng tranh tuyên truyền vẽ vua Quang Trung và phái đoàn bệ kiến vua Càn Long ở Nhiệt Hà ngày 13.7 khi ông được ban mũ, áo bậc thân vương (có hai đại thần một người cầm mũ, một người cầm áo đứng trao).

Chúng ta cũng nhận ra hai tòng (tụng) thần mặc áo đỏ quỳ bên cạnh mà chúng ta biết rằng đây là Phan Huy Ích và Ngô Văn Sở. Sáu nhạc công An Nam ở phía sau cầm các loại nhạc khí, hiện còn ghi trong *Hoàng triều lễ khí đồ thức*.[1]

1. Bức tranh này có người nhận lầm là vua Chiêu Thống nhưng thực tế vua Chiêu Thống không bao giờ có dịp bệ kiến vua Càn Long và việc bắt buộc đổi sang y phục Trung Hoa không phải là một nghi lễ quan trọng. Xem thêm: Nguyễn Duy Chính, *Phái đoàn Đại Việt và lễ Bát tuần khánh thọ của Thanh Cao Tông* (TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), tr. 251-253.

Bát tuần vạn thọ thịnh điển (八旬萬壽盛典)[1]

Bộ sách này tổng cộng 120 quyển, nằm trong *Sử bộ* (史部), *Khâm định Tứ khố toàn thư* (欽定四庫全書). *Thịnh điển* do đại học sĩ A Quế làm tổng tài cùng với một ban biên tập 74 người trong đó có 12 danh thần, hoàn tất tháng Mười năm Nhâm Tí, Càn Long 57 (1792), hai năm sau kỳ đại lễ. Tài liệu đồ sộ này ghi lại đầy đủ chi tiết về nghi lễ và tổ chức khánh thọ. Hai quyển 77 và 78 trong *Bát tuần vạn thọ thịnh điển* là các tranh vẽ, mỗi quyển 121 bức, tổng cộng 242 bức tranh khắc bản với đầy đủ chi tiết từ Viên Minh Viên đến Tây Hoa Môn (cửa tây thành Bắc Kinh) trong đó có cảnh vua Quang Trung cùng vương công đón hoàng đế hồi loan.

Theo Ngô Chấn Vực (吳振棫) trong *Dưỡng Cát Trai tùng lục* (養吉齋叢錄) viết đời Đồng Trị (1861 - 1875) thì bức tranh có hình vua Quang Trung được miêu tả như sau:

> *... Phía bắc chiếc cầu màu đỏ là một tòa* [giả] *sơn, hình ngoằn ngoèo như thước gập, ngoài có lan can màu son. Phía tây là một nham động làm cửa, có đường nhỏ lên núi, trên có hai ngôi lầu, trong lầu diễn kịch "Vạn quốc lai triều". Trước tòa núi giả là quốc vương An Nam Nguyễn Quang Bình cùng với bồi thần, sứ thần các nước Triều Tiên, Nam Chưởng, Miến Điện và các sơn phiên Kim Xuyên, Đài Loan cho đến các hãn Mông Cổ, Hồi Bộ, kế đến các vương, thai cát quỳ bên cạnh đường, nghênh đón thiên tử.*[2]

Miêu tả nói chung khá chính xác. Bức tranh có một tấm bia vẽ ngay bên cạnh trên đề: 安南國王阮光平及蒙古王公朝鮮緬甸南掌各國使臣恭迎萬壽來京於此瞻覲 (*An Nam quốc vương*

1. Khúc Diên Quân (Chủ biên), *Trung Quốc Thanh đại cung đình bản họa: Bát tuần vạn thọ thịnh điển*, quyển 34 (Hợp Phì: An Huy Mỹ Thuật, 2002).
2. Ngô Chấn Vực (吳振棫), *Dưỡng Cát Trai tùng lục* (養吉齋叢錄) (Bắc Kinh: Bắc Kinh cổ tịch xuất bản xã, 1983), tr. 125-126.

Nguyễn Quang Bình cập Mông Cổ vương công, Triều Tiên, Miến Điện, Nam Chưởng các quốc sứ thần cung nghinh vạn thọ lai kinh ư thử chiêm cận), nghĩa là: Quốc vương An Nam Nguyễn Quang Bình cùng vương công Mông Cổ và sứ thần các nước Triều Tiên, Miến Điện, Nam Chưởng cung kính nghinh đón nhà vua trở về kinh đô nên chiêm cận ở đây.

Trong hình vua Quang Trung quỳ đón hàng đầu tiên, đằng sau là Ngô Văn Sở và lễ quan, bên trái là các thân vương và người trong hoàng tộc (với bổ phục hình tròn, đeo triều châu), bên phải là các đại thần nhà Thanh (với bổ phục hình vuông, không đeo triều châu). Vua Càn Long đi kiệu khiêng trên vai (*kiên dư*) do 28 thị vệ (hay thái giám) gánh, chung quanh có ngự lâm quân và các cận thần theo hầu.

Vua Quang Trung dẫn đầu phái đoàn vương công đại thần đón vua Càn Long hồi kinh ngày 12 tháng Tám.

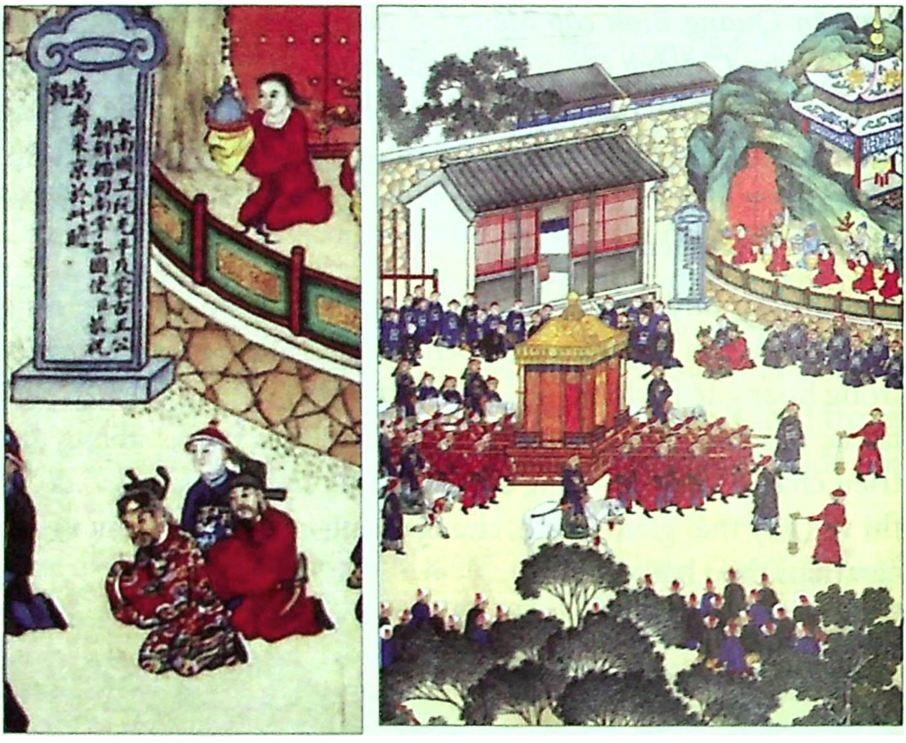

Đây là một bộ phận trong bức trường đồ, cuộn thứ hai [không rõ tác giả, hoàn tất năm 1797]. *China: The Three Emperors (1662 - 1795)*, tr. 77.

ĐẾN MỘT PHÁT HIỆN MỚI...

Gần đây, trên mạng internet[1], nhà nghiên cứu Trần Quang Đức ở trong nước đã công bố một bức chân dung vua Quang Trung và sau đó ông đã cung cấp thêm một số chi tiết về nguồn gốc bức tranh này. Đó là danh mục số 169 trong Catalogue của Công ty đấu giá Sotheby's (Catalogue of Chinese Decorative Arts) trưng bày những món hàng bán trong ngày mồng 5 tháng 6 năm 1981 tại London (Anh quốc).

Theo những chi tiết đó, ngày 16 tháng 3 năm 2018, tiến sĩ Trần Huy Bích và tôi đã đến bảo tàng viện Paul Getty tại Los

1. http://dcvonline.net/2017/07/30/dau-moi-that-quang-trung/

Angeles, Hoa Kỳ và mượn được cuốn Catalogue nêu trên tại The Getty Research Institute.[1] Theo danh bạ này thì bức tranh được ghi giá ban đầu 400 - 600 (bảng Anh), sau phiên đấu giá đã được mua với số tiền 1.300 (bảng Anh) nhưng không biết nhà sưu tập nào có cái may mắn đó. Theo ghi chú trang 76 (hình số 169) thì vua Quang Trung mặc áo bào đỏ, thêu rồng bằng chỉ vàng và bức tranh có khổ 99 x 56 cm vẽ bằng màu nước nhưng hình giới thiệu chỉ là hình đen trắng. Điều đó cũng dễ hiểu vì giai đoạn những năm 1980, kỹ thuật in màu còn hạn chế, chỉ dùng cho những trường hợp đặc biệt và có lẽ nhà đấu giá cũng không đánh giá cao về giá trị thực của bức tranh này.

Cũng cùng trên trang 76 - 77, trong kỳ đấu giá này còn bán một bức tranh Quan Đế (Quan Vân Trường) (số 170), một bức chân dung Phó Hằng (số 171) và chân dung A Quế (số 172), cả hai đều là trọng thần dưới đời Càn Long.

Với những chi tiết trên bức tranh, đây chính là một trong ba bức chân dung vua Càn Long đã ra lệnh cho họa gia trong cung vẽ tại Bắc Kinh năm 1790 khi vua Quang Trung dẫn đầu một phái đoàn sang chúc thọ và nhờ những duyên may nên bức tranh này còn tồn tại sau nhiều cơn binh lửa.[2] Như ghi trong danh bạ, đây là một bức tranh màu nước nhưng vì in trắng đen nên nhiều chi tiết bị che lấp. Dẫu sao, trong giới hạn có thể chúng tôi cũng đưa ra một số nhận định sơ khởi để khi có một hình ảnh rõ ràng hơn sẽ bổ túc sau.

---

1. Số mục OCLC 171359993, Getty Research Institute, Los Angeles, Hoa Kỳ.

2. Theo nghiên cứu của chúng tôi, khi vua Quang Trung sang Trung Hoa, ông được vẽ ba bức nhưng chỉ một bức tranh được tặng cho ông mang về còn hai bức để ở Bắc Kinh. Như vậy bức tranh này nằm trong sưu tập của vua Càn Long nên có thêm những con dấu nhỏ để xác định nơi và bộ phận lưu trữ. Danh họa của vua Càn Long sưu tầm bị thất lạc ra ngoài rất nhiều, nhất là trong vụ Bát quốc liên quân phá hủy Viên Minh Viên (1860). Xem thêm: Nguyễn Duy Chính, "Vài sự kiện về bức chân dung vua Quang Trung do họa sĩ nhà Thanh vẽ", *Núi xanh nay vẫn đó* (TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016), tr. 213-239.

Hình vua Quang Trung do tác giả NDC chụp lại từ Catalogue đấu giá của Sotheby's tại The Getty Research Institute (California).

169 A PORTRAIT PAINTING in watercolours on silk depicting th... ...ewly feudalised Annam King, Ruan Guangping, wearing a crown and red robe de...d with dragons in gold and an inscription dated 1790, 39*in.* *by* 22*in.* (99*cm.* *by* 56*cm.*)

ILLUSTRATION

Ghi chú về bức tranh đấu giá trên danh bạ
169. Một bức truyền thần bằng màu nước vẽ trên lụa vua nước An Nam mới được phong vương, Nguyễn Quang Bình (Ruan Guangping), đội vương miện và áo bào đỏ trang trí hình rồng bằng vàng ghi nhật kỳ năm 1790 [39 inches x 22 inches hay 99 cm x 56 cm].

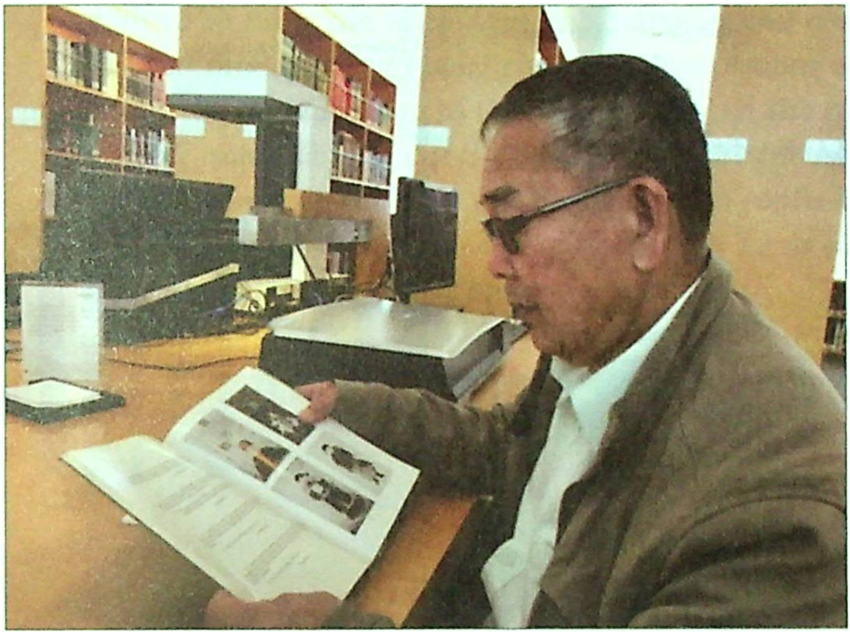

Tác giả NDC tại Getty Research Institute, California, Hoa Kỳ (16.3.2018)
Ảnh: Trần Huy Bích.

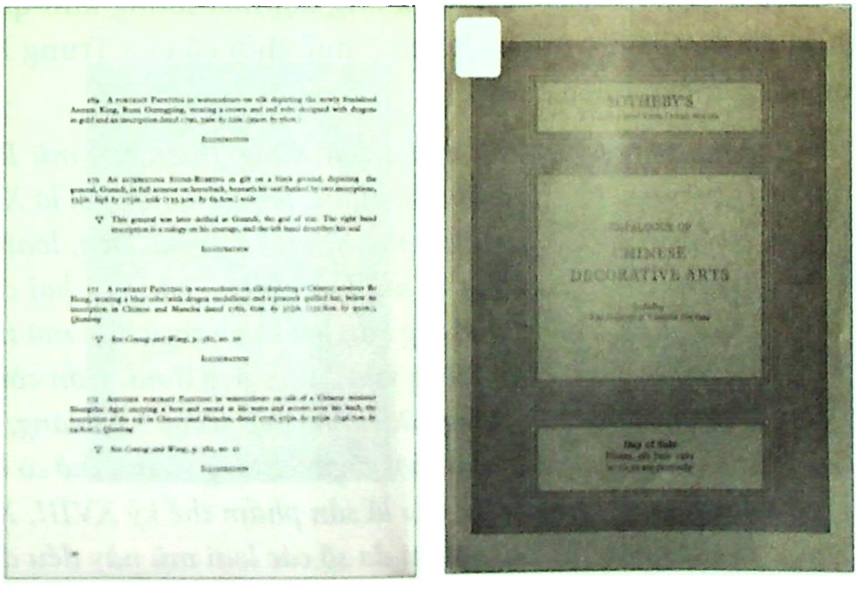

Một số trang trong danh bạ của Sotheby's.

CHINESE DECORATIVE ARTS

which will be sold by auction
by
SOTHEBY PARKE BERNET & CO.
Auctioneers of Literary Property and Works Illustrative of the Fine Arts

Day of Sale
Friday, 5th June 1981 at 10.30 am precisely

Sotheby Parke Bernet & Co.
PRICE LIST

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM ĐÁNG GHI NHẬN

Theo hình vẽ, vua Quang Trung đội mũ xung thiên là mũ của vua chúa nước ta thời đó. Trước đây, khi đọc miêu tả của sứ thần Triều Tiên Từ Hạo Tu nói là ông đội thất lương kim quan, chúng tôi đã nhầm với loại mũ có 7 múi thời cổ của Trung Hoa (còn gọi là thông thiên quan).[1]

> *Phan Huy Chú định nghĩa mũ Xung Thiên tức mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn hướng lên trên, nên gọi là Xung Thiên. Theo quy chế của nhà Minh và Triều Tiên, loại mũ Thường triều của vua là mũ Dực Thiện, cũng có hai cánh chuồn hướng lên trời, song hầu hết là những chiếc mũ trơn, không có trang sức. Riêng vua Minh ngoài mũ trơn còn có loại mũ được sức trang sức hình rồng vàng, hoa vàng, bác sơn vàng. Qua khảo sát một số pho tượng và mũ thờ có kiểu dáng Xung Thiên, chủ yếu là sản phẩm thế kỷ XVIII, XIX, có thể nhận thấy tuyệt đại đa số các loại mũ này đều được*

1. Xem thêm: Thôi Khuê Thuận (崔圭順), *Trung Quốc lịch đại đế vương miện phục nghiên cứu* (中国历代帝王冕服研究) (A Historical and Cultural Study on Emperor's MianFu of China) (Thượng Hải: Đông Hoa đại học, 2007).

đính vô số trang sức và có dạng thức tương tự như nhau. Mũ thờ thường có xu hướng phức hóa, khoa trương nên không thể coi là loại mũ tả thực. Song chúng tôi cho rằng việc sức trang sức vàng bạc lên mũ dường như đã trở thành truyền thống của các triều đại Việt Nam, nên nhiều khả năng loại mũ Xung Thiên của các vị vua thời Lê sơ cũng được đính một số trang sức bằng vàng nhất định.[1]

Mũ xung thiên (triều Nguyễn).[2]

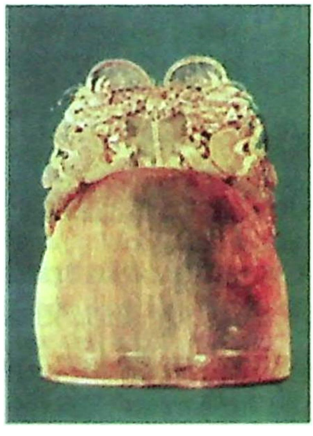

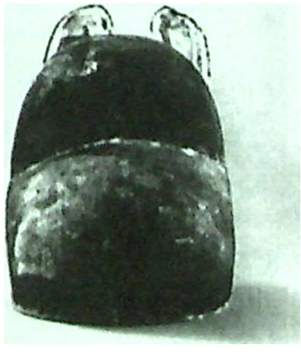

1. Trần Quang Đức, *Ngàn năm áo mũ: Lịch sử trang phục Việt Nam giai đoạn 1009 - 1945* (Hà Nội: Thế giới - Nhã Nam, 2013), tr. 166.

2. Trích từ bài của tác giả Trịnh Bách: https://anhsontranduc.wordpress.com/2015/07/12/chan-dung-trang-phuc-cac-vua-trieu-nguyen-that-va-bia/

Mũ dùng cho hoàng đế hay thân vương đời Minh có tên là *dực thiện quan* (翼善冠) trước tròn, sau vuông có hai cánh chuồn đâm lên ở phía sau tương tự như *xung thiên quan* của ta.[1]

Ngay trên bức chân dung là bài thơ ngự chế (và cũng là ngự bút) của vua Càn Long khi vua Quang Trung vào bệ kiến, thi hành lễ "*bão kiến thỉnh an*" ngày 11 tháng Bảy năm Canh Tuất (1790) với hai dấu ngọc tỉ ngay chính giữa theo bề ngang, một trên một dưới. Chếch sang bên trái còn một dấu thứ ba là dấu Thái thượng hoàng đóng sau này khi vua Càn Long đã nhượng vị để xác nhận đây là tranh được treo trong khu bảo tàng riêng của vua cha. Đối chiếu với các tranh vẽ và bút thiếp khác đời Càn Long, chúng ta thấy:

- Ngọc tỉ đóng ngay chính giữa trên đầu bức tranh là *Bát trưng mạo niệm chi bảo* (八徵耄念之寶). Quả ấn này được khắc năm Canh Tuất để đánh dấu đại khánh vua Càn Long đúng 80 tuổi, cũng là năm vua Quang Trung sang dự lễ.

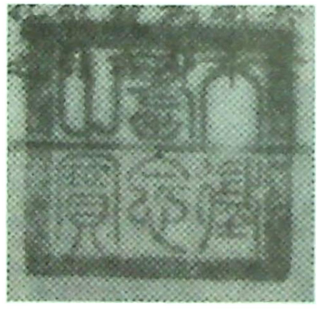

- Con dấu thứ hai nằm chếch sang phía bên trái là ngọc tỉ *Thái thượng hoàng đế chi bảo* (太上皇帝之寶) được khắc khi vua Càn Long nhường ngôi cho con là Vĩnh Diễm lên làm thái thượng hoàng năm Gia Khánh nguyên niên (1796).

1. *Trung Hoa ngũ thiên niên văn vật tập san* (中華五千年文物集刊), *Phục sức thiên* (Hạ) (服飾篇) (下) (Đài Bắc, 1986), tr. 275-276.

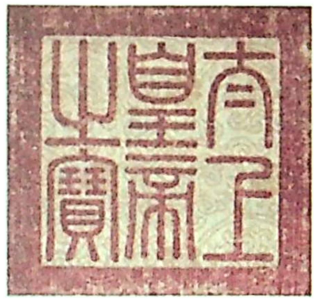
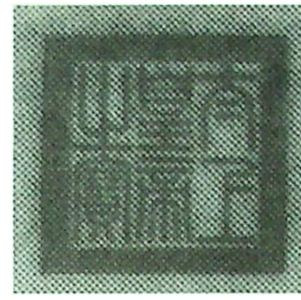

- Con dấu thứ ba ở trên cùng nhận ra được là ngọc tỉ *Ngũ phúc ngũ đại đường cổ hi thiên tử bảo* (五福五代堂古稀天子寶).

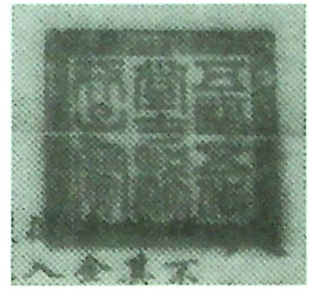

Ba chiếc ngọc tỉ này đều là những bảo vật riêng của vua Càn Long coi như dấu ấn lúc cuối đời.

Hàng chữ bên phải của chân dung chúng tôi nhận ra được là *Tân phong An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình*[1] (新封安南國王阮光平).[2]

---

1. Nguyễn Quang Bình là tên chính thức của vua Quang Trung còn Nguyễn Huệ là tên gọi thường ngày với ý không tôn trọng. Sử nhà Nguyễn thường gọi trổng là Huệ này, Huệ nọ... cũng như phía Tây Sơn gọi chúa Nguyễn Phúc Ánh là Chủng, thường thóa mạ tên Chủng kia...

2. Bức tranh chân dung vua Quang Trung có một nếp gấp nên hai trong ba bảo ấn hơi bị co lại nơi chính giữa.

Ba chiếc ấn son phía bên trái để so sánh với những ấn đóng trên bức hình vua Quang Trung chúng tôi trích từ nghiên cứu "Legacies of Imperial Power: Two Exceptional Qianlong Scrolls from a Private Collection" (Auction in Hong Kong 8 October 2008) của hãng đấu giá Sotheby's, tr. 33. Một trong hai bức có nhan đề *Đại duyệt đệ tam đồ* (duyệt trận) vẽ hình vua Càn Long cưỡi ngựa duyệt binh. Trên bức trường đồ này, từ trên xuống dưới ba chiếc bảo tỉ cũng theo thứ tự *Ngũ phúc ngũ đại đường cổ hi thiên tử bảo, Bát trưng mạo niệm chi bảo, Thái thượng hoàng đế chi bảo* như bức hình vua Quang Trung.

Về bài thơ ở bên trên, theo đúng thông lệ khi vẽ hình những đại thần, tướng lãnh để treo trong Tử Quang Các, vua Càn Long luôn luôn tự để một đoạn văn khen ngợi hay một bài thơ (ngự chế). Riêng trên bức tranh này thì ông dùng ngay bài thơ hoàng đế làm khi vua Quang Trung vào bệ kiến lần đầu, hành lễ "*bão kiến thỉnh an*".

Chúng tôi sao lại như sau (từ phải sang trái, đọc theo hàng dọc):

御製安南國王阮光平至避暑山莊陛見詩以賜之

瀛藩入祝值時巡，初見渾如舊識親。

伊古未聞來象國，勝朝往事鄙金人。

明正德間安南黎惠之臣莫登庸逼逐其主明興師討之踰年師不出登庸進代身金人逐封為都統其後惠孫維潭奪莫茂洽都統亦進金人後封為王是明代既不能致彼入朝而為金人以代兼有黷貨之殊為可鄙

九經柔遠祇重驛，嘉會於今勉體仁。

武偃文修順天道，大清祚永萬千春。[1]

乾隆庚戌孟秋

1. *Cao tông thực lục*, quyển 1358; *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập*, tập 10, quyển 59, tr. 10; *Đại Nam chính biên liệt truyện*, quyển 30, tr. 26b; *Tinh tra kỷ hành* (*Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, quyển VI), tr. 232.

Phiên âm:

Ngự chế An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình chí Tị Thử Sơn Trang bệ kiến thi dĩ tứ chi

Doanh phiên nhập chúc trị thời tuần

Sơ kiến hồn như cựu thức thân

Y cổ vị văn lai Tượng quốc[1]

Thắng triều vãng sự bỉ kim nhân

Minh Chính Đức gian, An Nam Lê Huệ chi thần Mạc Đăng Dung bức trục kỳ chủ. Minh hưng sư thảo chi. Du niên bất xuất. Đăng Dung tiến đại thân kim nhân trục phong vi đô thống. Kỳ hậu Huệ tôn Duy Đàm đoạt Mạc Mậu Hợp đô thống diệc tiến kim nhân, hậu phong vi vương. Thị Minh đại ký bất năng chí bỉ nhập triều nhi vi kim nhân dĩ đại, kiêm hữu độc hóa chi thù vi khả bỉ.

Cửu kinh nhu viễn chi trùng dịch

Gia hội ư kim miễn thể nhân

Võ yển văn tu thuận thiên đạo

Đại Thanh tộ vĩnh vạn thiên xuân

Càn Long Canh Tuất mạnh Thu

Dịch nghĩa:

Kẻ phiên thuộc ở ngoài đến chúc thọ trong khi đang đi tuần,[2]

Mới gặp lần đầu mà như người thân đã biết từ lâu.

Từ xưa đến nay chưa từng nghe người ở Tượng quốc đến,

Việc triều trước đòi người vàng thật là đáng khinh.

---

1. Tượng quốc là tiếng nước ta tự xưng trong bài biểu mừng khắc trên kim tiền vua Quang Trung đem sang (hiện còn trong *Bang giao hảo thoại*).
2. Vua Càn Long hàng năm đến Tị Thử Sơn Trang nghỉ mát, sách vở gọi là đi tuần [vua ra khỏi hoàng cung].

Nguyên chú: (chữ nhỏ) Đời Chính Đức nhà Minh, bầy tôi của Lê Huệ (chữ Huệ có bộ ngôn) nước An Nam là Mạc Đăng Dung đuổi chủ chạy đi, nhà Minh hưng sư đánh dẹp nhưng qua một năm mà quân chưa ra [khỏi cửa quan]. Đăng Dung tiến người vàng thay mình được phong làm đô thống. Về sau, cháu của Huệ là Duy Đàm đoạt lại chức đô thống của Mạc Mậu Hợp, lại cũng tiến người vàng, sau được phong tước vương. Ấy là đời Minh không khiến họ tới triều đình được nên lấy người vàng để thay, lại cũng vì tham của cải thật là đáng khinh bỉ.[1]

Đường xa đạo nhu viễn phải qua nhiều trạm,

Mừng rằng hôm nay gặp được nhau để tỏ điều nhân.

Dấu việc võ, sửa việc văn là thuận với đạo trời,

Nhà Đại Thanh sẽ kéo dài mãi đến nghìn năm.

Càn Long tháng mạnh Thu [Bảy] năm Canh Tuất [1790]

Ngoài ra, nếu quen thuộc với nét chữ của vua Càn Long, chúng ta cũng nhận ra bài thơ không phải ngự bút mà là do một đại thần hay chương kinh chép lại theo lệnh của hoàng đế. Tuy không dám khẳng định, những hàng chữ nhỏ ở bên trái dưới cùng theo chúng tôi suy đoán bao gồm hai phần, một bên là "*thần Mậu Bính Thái* 臣繆炳泰" cùng với hai con dấu nhỏ và bên cạnh là "*Hòa kính thư* 和敬書" cho biết họa sĩ Mậu Bính Thái vẽ và người viết bài thơ này chính là đại học sĩ Hòa Thân, vị đại thần nổi tiếng đời Càn Long về chữ đẹp. Hòa Thân là người được chỉ định viết những mật dụ trong Quân cơ xứ (thường ghi ngay dòng đầu là đại học sĩ Hòa tự

1. Những hàng chữ nhỏ chú thích này là của chính vua Càn Long viết thêm để làm rõ nghĩa cho bài thơ nhưng không được ghi trong *Thực lục* hay sao chép của tòng thần nước ta mà chỉ có trong *Thanh Cao Tông thi văn toàn tập* khắc in sau này. Ngay cả trong *Khâm định An Nam kỷ lược* cũng không thấy. Trước đây nhiều tác giả đã không đánh giá đúng mức việc vua Càn Long bãi bỏ lệ cống người vàng và thường cho rằng do sự cứng cỏi của nước ta hoặc chủ quan hơn, do Thanh triều sợ mình nên không đòi.

ký) và cũng là người thủ bút bài "*Ngự chế Tị Thử Sơn Trang ngũ phúc ngũ đại đường ký*" chúng tôi chụp làm mẫu dưới đây.[1]

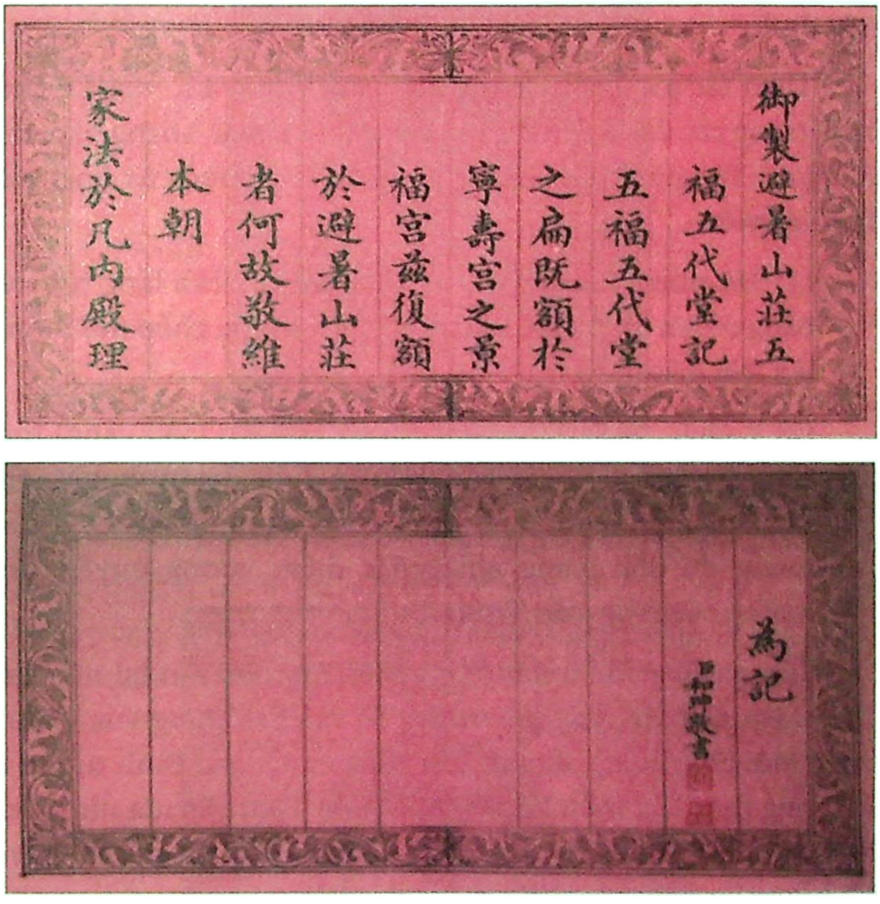
御製避暑山莊五
福五代堂記
五福五代堂
之扁既額於
寧壽宮之景
福宮茲復額
於避暑山莊
者何故敬維
本朝
家法於凡內殿理
為記

Thủ thư của Hòa Thân.

1. Hòa Thân (1750 - 1799) là viên quan rất được vua Càn Long sủng ái, thuộc Chính Hồng kỳ Mãn Châu, thế tập tam đẳng khinh xa đô úy. Năm Càn Long 37 (1772), Hòa Thân được phong tam đẳng thị vệ, phụ trách bảo vệ hoàng đế khi đi tuần du. Năm Càn Long 40 (1775), làm ngự tiền thị vệ kiêm phó đô thống Càn Thanh cung rồi sau đó được giữ nhiều chức vụ quan trọng như thượng thư các bộ: Hộ, Binh, Lại, Lý Phiên viện, Văn Hoa điện đại học sĩ, quân cơ đại thần, nhất đẳng Trung Tương công. Sau khi vua Càn Long (đã lên làm Thái Thượng hoàng) qua đời, vua Gia Khánh liền cách hết chức tước, hạ ngục, ép phải tự tận. Bức viết này trích trong bộ *Thiên hạ gia quốc* (Testemunhos do Império Qing - Witness the Qing Empire), quyển Trung, tr. 207, 210.

Trên bức tranh chếch sang phía bên trái cũng còn ba con dấu nhỏ (một tròn, một vuông, một chữ nhật) là những con dấu được dùng để xác định theo bộ phận lưu trữ trong các sưu tập của triều đình.

Theo tác giả Trần Quang Đức, dưới thời Lê, vua Lê chúa Trịnh trong các đại lễ đều đội mũ xung thiên, mặc hoàng bào, thắt đai ngọc.[1] Tác giả Trịnh Quang Vũ miêu tả y phục của hoàng đế khi thiết triều:

> (1) Mũ miện: vua Lê đội mũ xung thiên, hình lăng trụ trên bằng có hai cánh phía sau trỏ thẳng lên trời, chóp mũ hướng lên trời màu vàng.
>
> (2) Y phục: vua Lê mặc hoàng bào (áo bào màu vàng) thêu rồng 5 móng... Hoàng bào triều Lê được dệt hình mặt rồng nghiêng, uốn lượn, đuôi quặp, rồng có sừng và vẩy, 5 vuốt móng dữ dội, mang nhiều đặc điểm vương quyền, ảnh hưởng của Nho giáo Trung Quốc.[2]

Trong cả ba bức tranh vẽ mà hiện nay còn tồn tại nêu trên (*Thập toàn phu tảo*, *Vạn thọ trường đồ* và chân dung vua Quang Trung mới phát hiện), lễ phục của Nguyễn Quang Bình tương tự như dạng thức của triều Lê. Sứ thần Triều Tiên vì chưa nhìn thấy triều phục của vua chúa nước ta nên đã nhầm mũ xung thiên với thất lương kim quan.

Như chúng ta biết, khi vua Quang Trung sang Trung Hoa ông chỉ mới 37 tuổi. Cũng trong dịp này, một người đi trong phái đoàn là tiến sĩ Phan Huy Ích (39 tuổi) cũng mang về một bức truyền thần (nay đã mất) được in lại trên bìa quyển *Chinh phụ ngâm bị khảo* của Hoàng Xuân Hãn (Paris: Minh Tân, 1953).

---

1. Trần Quang Đức, *Ngàn năm áo mũ: Lịch sử trang phục Việt Nam giai đoạn 1009 - 1945* (2013), "Trang phục vua, chúa", tr. 188-191.
2. Trịnh Quang Vũ, *Trang phục triều Lê - Trịnh* (Hà Nội: Từ điển Bách khoa, 2008), tr. 44.

Hình vua Quang Trung năm Canh Tuất (1790) theo bản vẽ của nhà Thanh
Trích từ Catalogue đấu giá của Sotheby's tại The Getty Research Institute (California).

Phan Huy Ích khi 39 tuổi (1790)
In trên bìa sách *Chinh phụ ngâm bị khảo* (1953).

BỨC TRANH ĐƯỢC VẼ KHI NÀO?

Theo báo cáo ghi trong bản tổng kê của Như Ý quán trong *Thanh cung Nội vụ phủ Tạo biện xứ đáng án tổng hối*, quyển 52 (1790 - 1791) từ trang 30 đến trang 34 thì có ba (3) bức hình vua Quang Trung được vẽ, cả ba đều là vẽ nửa người (半身臉像 - *bán thân kiểm tượng*). Chúng ta lại biết cả tên họa gia thực hiện là Mậu Bính Thái[1] (繆炳泰) và một họa sĩ phụ tá là Y Lan Thái[2] (伊蘭泰). Hai ông này đều là họa sĩ có tiếng trong cung đời Thanh Cao Tông.[3]

Công tác này được thực hiện trong khoảng từ ngày 20 tháng Tám năm Canh Tuất và hoàn tất vào khoảng 23 tháng Mười cùng năm sau khi đã gắn trục bằng gỗ sam, hai đầu bằng tử đàn. Ngày 20 tháng Tám chính là ngày vua Quang Trung tâu với vua Thanh xin từ biệt để về nước. Như vậy đúng như sử nước ta chép, việc họa hình là một biệt ân được vua Càn Long ban cho ngay khi phái đoàn Đại Việt từ biệt và tác phẩm chỉ hoàn tất khi Nguyễn Huệ đã rời kinh đô nên được dịch trạm đuổi theo trao lại cho phái đoàn nước ta khi gần đến Nam Quan.

Sở dĩ chúng ta biết được chi tiết này vì theo lá thư của vua Quang Trung gửi Phúc Khang An thì trên đường đi "*đại hoàng đế nghĩ xuống đường sá xa xôi gửi ban cho một hộp bánh sữa* [奶餅],

1. Mậu Bính Thái (1744 - 1808) là một văn nhân người Triết Giang, được Phúc Trường An [là em của Phúc Khang An, một trong bốn người con của danh tướng Phó Hằng, đại thần trong Quân cơ xứ của vua Càn Long] tiến cử nhập cung làm họa gia. Ông chuyên vẽ chân dung và được coi là họa gia vẽ người nổi tiếng nhất đời Thanh. Theo Cao Dương (高陽) trong *Mai Khâu Sinh Tử Ma Da Mộng* (梅丘生死摩耶夢) (Đài Bắc: Liên Kinh, 2004), tr. 102-103, thì Mậu Bính Thái là người duy nhất trong mấy chục họa gia cung đình được vua Cao Tông khen ngợi và luôn luôn cho đi theo mỗi khi ra ngoài. Có đến vài chục bức chân dung trong Tử Quang Các do ông vẽ.

2. Họa sĩ cung đình đời Càn Long, nổi tiếng với bức Hải Yến Đường vẽ cung điện tại Viên Minh Viên.

3. Xem nguyên bản ở bên dưới.

một hộp mứt trái cây và một cuộn tranh vẽ dung nhan quê mùa của kẻ hèn này [陋容小照一軸 - *lậu dung tiểu chiếu nhất trục*]".[1]

Việc phát hiện ra bức chân dung vua Quang Trung của nhà nghiên cứu Trần Quang Đức là một đóng góp lớn cho những ai quan tâm đến bang giao Thanh - Việt thời Tây Sơn. Tuy chỉ thu hẹp trong một thời kỳ ngắn ngủi, khôi phục lại lịch sử giai đoạn này vẫn còn là một công trình dài.

Trong thời đại thông tin càng lúc càng mở rộng, việc tiếp cận với nhiều nguồn tài liệu mới đã cho chúng ta những góc độ rộng rãi hơn lắm khi trái ngược với những gì chúng ta lâu nay được định hình. Chúng tôi mong mỏi rằng từ đầu mối này, các nhà nghiên cứu có thể tiếp tục đi xa hơn về bức chân dung độc nhất vô nhị trong lịch sử.

8.2018

1. Phan Huy Ích, *Dụ Am văn tập*, quyển 1, "Trình Phúc công gia giản".

中國第一歷史檔案館
香港中文大學文物館 合編

清宮內務府造辦處檔案總匯

52

乾隆五十五年起
乾隆五十六年止

1790—1791年

人民出版社

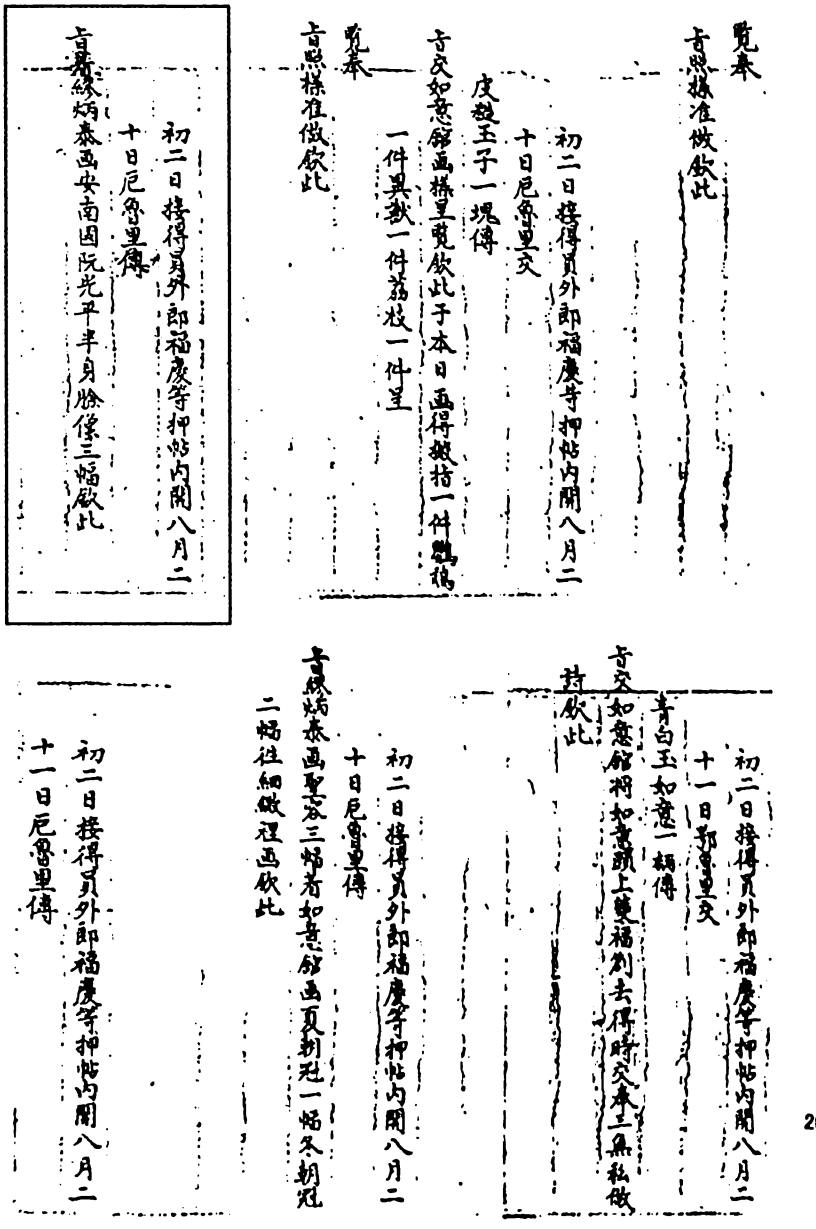

覽奉
旨照樣准做欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內開八月二
十日厄魯里交
皮毅玉子一塊傳
旨交如意館畫樣呈覽欽此于本日畫得搬指一件鸚鵡
一件異獸一件荔枝一件呈
覽奉
旨照樣准做欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內開八月二
十日厄魯里傳
旨著緣炳泰畫安南國阮光平半身臉像三幅欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內開八月二
十一日鄂魯里交
青白玉如意一柄傳
旨交如意館將如意頭上雙福剜去得時交奉三無私做
詩欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內開八月二
十日厄魯里傳
旨緣炳泰畫聖容三幅着如意館畫夏朝冠一幅冬朝冠
二幅往細緻裡畫欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內開八月二
十一日厄魯里傳

26

初二日接得員外郎福慶等押帖內閏九月初
一日懋勤殿交
錢選留犢圖手卷袱子一件 有字 傳
旨交如意館另换白綾裡欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內閏九月初
一日懋勤殿交
宣窯瓶一件 並見原本文一張 傳
旨交如意館照本文刻詩欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內閏九月初
三日太監順喜 傳
旨將明園寫琴廊畫稿着如意館着色再畫欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內閏九月初
七日太監常及薩頼 傳
旨交鶴年影山樓院內迴圍遊廊畫稿着如意館收什見
色通色欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內閏九月初
七日懋勤殿交
胡桂畫八開 傳
旨交如意館收冊頁一冊欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內閏九月初
八日懋勤殿交
安南國阮光平半身像二幅 傳

旨交如意館裱掛軸二軸欽此
杉木杆二根 長五尺 寬五八分
地杆二根 長一丈一尺八分 寬一寸八分
紫檀軸頭二對 長二寸 寬一寸六分

初二日接得員外郎福慶等押帖內開九月十
六日將玉作做得
紫檀木嵌玉肥頭如意四柄 上此而做送到本文呈
覽奉
旨照本文各做銀庀字金寶做銀陽右組四箇欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內開九月十
七日鄂啓里交

梅大章仿畫白鷹畫一張 傳
旨交如意館裱掛軸一軸欽此
杉木杆一根 長四尺五寸 寬八分
地杆一根 長四尺五寸 寬一寸一分
紫檀軸頭一對 長二寸二分 寬二寸

初二日接得員外郎福慶等押帖內開九月十
七日懋勤殿交
胡桂畫八開 傳
旨交如意館裱冊頁一冊欽此

初二日接得員外郎福慶等押帖內開九月十
九日懋勤殿交

30

十七日接得員外郎福慶等押帖內開十月初
二日懋勤殿交
傀瓚山水手卷一卷 傳
旨交啟祥宮配祓等匣欽此

十七日接得員外郎福慶等押帖內開十月初
四日懋勤殿交
紫柱木嵌舊玉拱壁圓柄如意一柄上貼本文四張 傳
旨交啟祥宮照本文做銀片字金寶欽此

十七日接得員外郎福慶等押帖內開十月初
十日懋勤殿交
御筆平定伊犁回部戰圖十六詠冊頁一冊隨紙功扉字大字四張

御筆平定烏什戰圖補詠冊頁一冊隨楊氏[illegible]大字四張
御筆平定兩金川戰圖十六詠冊頁一冊隨[illegible]大字四張
御筆平定台灣戰圖十二詠冊頁一冊隨彩戊[illegible]大字四張
傳
旨交啟祥宮各將御筆大字挖嵌裱前副頁二開上欽此

十七日接得員外郎福慶等押帖內開十月十
六日懋勤殿交
胡桂畫冊頁八開 傳
旨交啟祥宮裱冊頁一冊欽此

十七日接得員外郎福慶等押帖內開十月十
七日懋勤殿交來

33

阮光平半身像一幅 傳
旨交啟祥宮著伊蘭泰添畫數珠急速畫欽此
十七日接得員外郎福慶押帖內開九月十九
日懋勤殿交
陳容九龍圖手卷一卷 傳
旨交啟祥宮著楊大章防畫欽此
十七日接得員外郎福慶押帖內開十月二十
一日懋勤殿交
御筆度人經二冊 傳
旨著配一色錦套安白綾簽欽此

十七日接得員外郎福慶押帖內開十月二十 34
五日懋勤殿交
安南國王阮光平半身像掛軸二軸 傳
旨著配一色錦套安白綾簽欽此
十七日接得員外郎福慶押帖內開十月二十
五日懋勤殿交
楊大章畫白鷹一軸
賈清泰畫貢鹿一軸
御筆仿趙孟頫沙渚雙鶩一軸 傳
旨著配錦套安白綾簽欽此
十七日接得員外郎福慶押帖內開十月二十

PHÚC KHANG AN VÀ VIỆC KHÔI PHỤC QUAN HỆ TÔNG PHIÊN TRUNG HOA - AN NAM CUỐI ĐỜI CÀN LONG

(福康安與乾隆末中安宗藩關繫的修復)

Nguyên tác: Trương Minh Phú (張明富)

LỜI NGƯỜI DỊCH

Giới nghiên cứu về thời đại Tây Sơn thường không mấy chú trọng đến quan hệ Trung Hoa - An Nam vì phần lớn chỉ nhấn mạnh vào chiến thắng quân sự và coi mâu thuẫn vẫn tiếp tục sau chiến tranh mà nhà Thanh ở thế lép nên bị lừa dối cũng phải làm ngơ. Tuy cũng có những nhà nghiên cứu mở rộng thêm khung cảnh chính trị và ngoại giao sau khi thắng quân Thanh nhưng vì bị định kiến là "*Tây Sơn chống Tàu*" nên hầu hết giải thích những sự kiện qua lăng kính một chiều và lệch lạc. Chính vì thế, một khi thấy tài liệu không đáp ứng được mong mỏi của họ, giới viết sử thường khai thác những chi tiết thuộc về ngoại sử, cả những chi tiết trong tiểu thuyết.

Với những nhà nghiên cứu nghiêm túc thì tài liệu cũng không mấy ai qua khỏi quyển 30 (Ngụy Tây) trong bộ *Đại Nam chính biên liệt truyện*, coi đó như khuôn mẫu để miêu tả triều đại Tây Sơn. Nếu có thêm những tài liệu bên ngoài sử triều đình - điển

Phúc Khang An.

hình là các di văn của Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm - thì cũng chỉ thấy được một phần của vấn đề nên việc trình bày lắm chỗ khiên cưỡng, nhiều khi sai lệch.

Gần đây, khi các kho tài liệu trong đáng án của nhà Thanh được công khai, một số học giả Trung Hoa - cả lục địa lẫn Đài Loan - cũng đi sâu hơn vào một số vấn đề ngoại giao mà trước đây chỉ nhìn được một cách hạn chế qua các tài liệu cũ như *Thánh vũ ký*, *Việt Nam tập lược*, *Thanh sử cảo* (phần Việt Nam) vốn dĩ sơ sài, nhiều sai lầm. Những nghiên cứu mới có ưu điểm là sử dụng những tài liệu gốc (*primary sources*) giúp cho lịch sử được tái tạo tương đối chính xác.

Thế nhưng, vì chỉ là tài liệu từ phía Trung Hoa nên tuy là tài liệu sơ cấp nhưng cũng chỉ nêu ra kết quả mà ít khi trình bày cho rõ ràng những diễn tiến của sự việc. Bài viết của tác giả Trương Minh Phú là một thí dụ cụ thể. Những động thái mà người ta tưởng như "*ban ơn*" cho nước nhỏ, thực tế là những đấu tranh ngoại giao cam go vì Trung Hoa vốn dĩ rất chặt chẽ trong việc áp dụng điển lệ, mỗi nhượng bộ đều bao gồm nhiều giai đoạn, nhiều giải pháp mà họ không thể từ khước.

Bang giao Thanh - Việt cuối thế kỷ XVIII là một giai đoạn đầy khúc mắc, qua những nỗ lực to lớn, lắm khi phải đánh liều để tiến hành những bước đi vô định, triều đình nước ta đã tái lập được quan hệ với Trung Hoa trong thế tối ưu, vượt trội vai trò vốn dĩ thấp kém của một tiểu quốc trong lịch sử.

Tác giả đã miêu thuật Phúc Khang An như một nhân vật chủ chốt trong việc nối lại bang giao Thanh - Việt trong khung cảnh hoàn toàn tan vỡ nhưng không đề cập đến những chi tiết tế nhị ở phía nước ta vì Trương Minh Phú chưa được tiếp cận với tài liệu ở phía đối tác. Cũng nên thêm, sau những cao điểm của quan hệ tông phiên Trung Hoa - An Nam trong vài năm đời Quang Trung, tình hình đi vào thoái trào, một phần vì nhà Thanh có những vấn đề mới phải lo toan, nhưng cũng có một âm mưu "*ném đá giấu tay, thọc gậy bánh xe*" của chính Phúc Khang An để chặn lại những bước mới mà nước ta đang tiến hành.

Một nửa sự thật tuy có hơn hoàn toàn hư cấu nhưng vẫn chưa phải là sự thật. Bản dịch này được sử dụng như một nốt nhạc dạo cho nghiên cứu "*Từ An Nam đến Việt Nam*" của người dịch (sắp xuất bản). Những chỗ trống trong tài liệu Trung Hoa sẽ được bổ túc bằng tài liệu của nước ta trong quá trình luôn luôn gai góc này.

3.2019

Nguyễn Duy Chính

BẢN DỊCH

Trích yếu

Cuối đời Càn Long, quan hệ tông phiên (tông chủ - phiên thuộc) giữa Trung Hoa và An Nam nhiều lần gặp sóng gió, phải xét lại đôi ba bận. Đến năm Càn Long 53 và 54 thì lại càng gay go, lại có chiến tranh nên quan hệ tông chủ - phiên thuộc đã bị đứt đoạn trong khoảng gần hai năm, là một chuyện đáng tiếc trong quan hệ Trung Hoa - An Nam.

Tuy nhiên hai nước có truyền thống quan hệ tốt đẹp nên việc qua lại của hai bên đều có nguyện vọng chân thành và sốt sắng. Vì nỗ lực chung của cả Trung Hoa và An Nam nên đến năm Càn Long 55 tình hình trở lại ấm áp và mọi sự đều quay lại bình thường.

Thế nhưng quan hệ tông phiên Trung Hoa - An Nam không phải chỉ một lần là xong. Trong quá trình, người nhận nhiệm vụ tổng đốc Lưỡng Quảng là Phúc Khang An đảm nhận trọng trách, theo lệnh vua Càn Long, thực lòng giải quyết công việc, tạo lập phương cách xử lý việc An Nam, cùng Nguyễn Huệ tiến hành trình tự ngoại giao, phá vỡ những bế tắc đồng thời bảo tồn được danh dự cho Thanh triều và mời được Nguyễn Huệ sang Bắc Kinh chúc thọ. Trên đường đi cùng phái đoàn, ông chịu nhiều khó khăn để bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, tạo nên một giai đoạn ngoại giao mới.

Phúc Khang An, họ Phú Sát Thị (富察氏), sinh năm Càn Long 19 (1754), chết năm Gia Khánh nguyên niên (1796). Tuy không thọ, chỉ được 42 tuổi nhưng cuộc đời ông có nhiều thành tựu lạ lùng, là một đại thần rất được vua Càn Long trọng dụng, việc chinh chiến đạt được nhiều chiến công lẫy lừng và trong giới học thuật đã có nhiều nghiên cứu về nhân vật kiệt xuất trong gia tộc Phú Sát Thị này.[1]

---

1. Đái Đạt (戴逵), "Luận Phúc Khang An" (论福康安), *Thanh sử nghiên cứu thông tấn* (清史研究通讯), 1993 (3), tr. 1-5.

Tuy nhiên về việc ông đã khôi phục lại được quan hệ tông phiên hồi cuối đời Càn Long, cho đến nay vẫn chưa có ai tường thuật và bình luận. Bản văn này là do thu thập các tư liệu liên quan để dựa trên cơ sở đó, tái tạo một quá trình lịch sử.

1. Quan hệ tông phiên Trung Quốc - An Nam đời Thanh và việc gián đoạn cuối đời Càn Long

An Nam (từ năm Gia Khánh thất niên (1802) đổi quốc hiệu thành Việt Nam), đời xưa gọi là Giao Chỉ, với nước ta [lời tác giả, tức Trung Hoa] sông núi liền nhau, có một lịch sử giao thiệp qua lại lâu đời. Từ đời Minh Anh Tông, Chính Thống nguyên niên (1436), sách phong cho Lê Lân[1] (黎麟) làm An Nam quốc vương trở đi, họ Lê "*đời này sang đời khác làm vua An Nam*" (世王安南). Suốt thời nhà Minh, nhận tước phong, triều cống không đứt đoạn, giữ quan hệ tông phiên với Minh triều rất mật thiết.

Sau khi nhà Thanh thay nhà Minh, trung nguyên đổi chủ, quan hệ tông phiên của họ Lê ở An Nam với Trung Hoa nay phải

---

Hàn Như (韩茹), "Lược luận Phúc Khang An chinh tiểu Khuếch Nhĩ Khách" (略论福康安征剿廓尔喀), *Lịch sử đáng án* (历史档案), 1994 (3), tr. 98-102.

Giang Duy Chúc (江维祝), "Phúc Khang An lực chủ trùng khai Tây Tạng dữ chu biên lân quốc mậu dịch tư tưởng thức tích" (福康安力主重开西藏与周边邻国贸易思想试析), *Tây Tạng nghiên cứu* (西藏研究), 1994 (3), tr. 40-43.

Giang Duy Chúc (江维祝), "Phúc Khang An chỉnh đốn Tạng quân tư tưởng sơ thám" (福康安整顿藏军思想初探), *Tây Tạng nghiên cứu* (西藏研究), 1996 (3), tr. 64-67.

Phùng Tá Triết (冯佐哲), "Phúc Khang An, Hòa Lâm dữ Viên Mai đích thi văn giao vãng" (福康安、和琳与袁枚的诗文交往), *Tử Kinh thành* (紫荆城), 2002 (4), tr. 2-4.

Trương Minh Phú (张明富), "Phúc Khang An chỉnh đốn Quảng Tây Trung - Việt biên mậu thuật luận" (福康安整顿广西中越边贸述论), *Tây Nam Sư phạm Đại học học báo* (西南师范大学学报) [Nhân văn xã hội khoa học bản], 2004 (6), tr. 114-117.

Trương Minh Phú (张明富), "Phúc Khang An sinh niên cập thân thế khảo" (福康安生年及身世考), *Tây Nam Sư phạm Đại học học báo* (西南师范大学学报) [Triết học xã hội khoa học bản], 1998 (6), tr. 107-110.

1. Người dịch chú: Vua Lê Thái Tông.

điều chỉnh. Lần đầu triều đình nhà Lê tiếp xúc với nhà Thanh đã xảy ra ngay từ khi việc thống nhất Trung Hoa [của nhà Thanh] chưa hoàn thành, do cơ duyên mà có.

Tháng Sáu năm Thuận Trị 4 (1647), quân Thanh đánh lấy được Phúc Kiến, khi đó sứ thần An Nam tiến cống nhà Nam Minh đang bị kẹt lại đất Mân chưa về nước được nên bị bắt đưa tới Bắc Kinh. Thanh đình giải quyết vấn đề một cách thận trọng, đãi theo lễ, ban cho áo mũ, trù đoạn, vải vóc rồi cho về nước, lại gửi sắc dụ cho An Nam quốc vương: "*Từ xưa đến nay, đời đời xưng thần phụng sự Trung Quốc, sai sứ sang triều cống, ấy là lệ cũ... Nếu như biết thuận theo thiên lý, sai người đem các cáo phong, ấn sắc của nhà Minh cũ tới kinh đô thì trẫm sẽ chiếu theo lệ cũ mà phong cho*".[1]

Bằng danh nghĩa hoàng đế Thuận Trị có nguyện vọng thành khẩn muốn họ Lê nước An Nam thiết lập quan hệ truyền thống tông phiên với một điều kiện tiên quyết là họ Lê phải giao nạp sắc mệnh, phong ấn của triều đình Nam Minh tới Bắc Kinh. Việc đó cũng khẳng định nhà Lê công nhận tính hợp pháp của Thanh triều tại trung nguyên. Thế nhưng khi đó nhà Minh còn đang kháng cự kịch liệt nên họ Lê đã không sốt sắng đáp ứng việc này.

Đến năm Thuận Trị 16 (1659), quân Thanh tiến vào Vân Nam, vua Vĩnh Lịch thua chạy sang Miến Điện thì họ Lê chủ động hòa hoãn giao thiệp với nhà Thanh. Tháng Tám năm đó, Lê Duy Đề[2] (黎维禔) sai sứ "*đến trước doanh Tĩnh Quận vương, thành thực nạp khoản*" (赴信郡王军前，恳忱纳款).[3]

1. *Thanh Thế Tổ thực lục*, quyển 32, ngày Đinh Sửu tháng Sáu năm Thuận Trị 4.
2. Người dịch chú: Đây là vua Thần Tông (trị vì 1619 - 1643 và 1649 - 1662). Vua Thần Tông có nhiều niên hiệu, nhiều tên khác nhau khi giao thiệp với nhà Thanh. Vì tình hình Trung Hoa chưa ngã ngũ, trên nguyên tắc cả nhà Minh lẫn nhà Thanh cùng tồn tại nên nước ta chưa ngả hẳn về bên nào.
3. *Thanh Thế Tổ thực lục*, quyển 127, ngày Bính Thân tháng Tám năm Thuận Trị 16.

Năm Thuận Trị 17 (1660), Lê Duy Kỳ[1] (黎维祺) dâng biểu, cống phương vật, thành thực quay về (输忱向化).[2] Thanh đình hết sức tán thưởng việc làm của Lê Duy Kỳ: "*Đời xưa gọi kẻ thức thời là người tuấn kiệt, dù là bậc vương hay dân thường thì được mấy người*" (古称识时俊杰，王庶几有之), lại ban thưởng cho ngân tệ, y phục các loại.[3] Từ đó quan hệ của hai nước ấm dần, bàn cờ ngoại giao nay đã nối lại.

Thanh đình yêu cầu Lê Duy Kỳ nạp lại chiếu sắc, ấn phong của triều đình Vĩnh Lịch nhà Nam Minh ban cho để đổi lấy sắc ấn của Thanh triều nhưng Lê Duy Kỳ trả lời: "*Theo cựu chế của các triều đại trước thì không đòi trao đổi sắc ấn, chỉ đợi chuẩn thuận cho lệ cống nên theo đúng kỳ hạn mà dâng lên*" (前代旧制，原不缴换敕印，惟待奉准贡例，依限上进). Rồi căn cứ theo lệ cũ các đời trước, không chịu giao nạp sắc ấn nhưng "*gửi biểu cống*".[4] Vì thế hai bên phát sinh chia rẽ nghiêm trọng. Vấn đề này trong sách sử viết về quan hệ Trung Hoa - An Nam được gọi là "*tranh chấp về sắc ấn*" (敕印之争). Hai bên tranh luận không phải việc có hay không thiết lập quan hệ tông phiên mà là việc kiến tạo đi theo thể thức nào, nguyên tắc nào.

Về phía Lê Duy Kỳ [tức nước ta] thì chỉ cần An Nam chấp nhận việc dâng biểu xưng thần, định kỳ triều cống thì là đủ nghĩa vụ tông - phiên. Trong khi đó, Thanh đình lại kiên quyết đòi hỏi là nếu họ Lê ở An Nam muốn thiết lập quan hệ tông phiên thì trước hết phải giao trả sắc ấn của nhà Nam Minh ban phát, sau đó nhà Thanh mới ban cho sắc ấn mới, phong cho làm An Nam quốc vương và xác lập quan hệ giữa hai bên, còn hạn kỳ triều cống chỉ là một trong nội dung của quan hệ đó. Thanh đình không chấp nhận

1. Người dịch chú: Có hai vua nhà Hậu Lê cùng tên Lê Duy Kỳ (viết khác nhau), đây là vua Thần Tông. Người thứ hai là vua Mẫn Đế Chiêu Thống.
2. *Thanh Thế Tổ thực lục*, quyển 140, ngày Quí Sửu tháng Chín năm Thuận Trị 17.
3. *Thanh Thánh Tổ thực lục*, quyển 2, ngày Quí Mão tháng Tư năm Thuận Trị 18.
4. *Thanh Thánh Tổ thực lục*, quyển 4, ngày Canh Tí tháng Bảy năm Thuận Trị 18.

việc An Nam vừa nhận sách phong của Nam Minh, lại vừa triều cống Thanh đình theo lối nước đôi như vậy.

Tuy nhà Nam Minh đã bị diệt vong nhưng thế lực "*phản Thanh*" còn rất mạnh nên Thanh đình cương quyết không chấp nhận thái độ đó nên "*nhiều lần gửi dụ đòi hỏi*" (屡谕缴送) mà An Nam không chịu giao sắc ấn nhà Minh ban cho. Còn phía An Nam thì tiếp tục chiến thuật cù cưa không đưa đến (迟久未至).

Tháng Hai năm Khang Hi 2 (1663), Lê Duy Kỳ qua đời, Lê Duy Hi[1] (黎维禧) lên nối ngôi nhưng vẫn giữ như cũ. Khi Thanh đình thúc giục nhiều lần, An Nam mới đưa ra một cách giải quyết chiết trung. Đó là An Nam sẽ sai quan cầm sắc ấn của nhà Minh lên biên giới Trung Hoa - An Nam rồi "*tiêu hủy ngay tại chỗ*" (当面销毁). Thanh đình cho rằng cách giải quyết đó "*không tuân theo nghi lễ của thiên triều*" (殊非尊奉天朝之礼) nên không chấp thuận.

Đến tháng Hai năm Khang Hi 5 (1666), Thanh triều mới nghiêm khắc gửi dụ cho An Nam quốc vương: "*Mau mau đem ngụy sắc, ngụy ấn đưa lên kinh đô thì sẽ chuẩn cho nhập cống. Còn như nếu không, thì tuyệt đối không cho sứ thần đến nữa*" (速将伪敕印送京，准其入贡。否则，绝其来使).[2] Khi đó, kẻ thù truyền kiếp của họ Lê ở An Nam là họ Mạc đang sống ở Cao Bình, nhà Thanh ban cho Mạc Nguyên Thanh[3] làm An Nam đô thống sứ, tình hình trong nước chưa quy về một mối. Dưới áp lực mạnh mẽ của Thanh triều, Lê Duy Hi không thể không thỏa hiệp nên đến tháng Năm cùng năm đó phải đem một đạo sắc mệnh do vua Vĩnh Lịch nhà Nam Minh ban cho, một chiếc ấn vàng nạp lên, từ đó việc tranh luận mới chấm dứt.

---

1. Người dịch chú: Tức Lê Huyền Tông.
2. *Thanh Thánh Tổ thực lục*, quyển 18, ngày Kỷ Mão tháng Hai năm Khang Hi 5.
3. Tức Mạc Kính Vũ.

Vua Khang Hi liền sai sứ đến An Nam, sách phong cho Lê Duy Hi làm An Nam quốc vương.[1] Từ đó quan hệ tông phiên giữa họ Lê và Thanh triều chính thức thiết lập.

Năm Khang Hi 7 (1668), thấy An Nam "*đường sá xa xôi, núi sông ngăn trở, việc triều cống gian khổ*" (道路悠远，山川阻深，贡役劳苦) nên từ cống kỳ 3 năm một lần đổi sang 6 năm hai lần cống cùng đem một lượt.[2] Tính chất lo nghĩ đến người ở xa quả rất chu đáo, đặt để quan hệ tông phiên giữa Trung Hoa và An Nam trên một cơ sở bền chặt. Quá trình xác lập quan hệ Trung Hoa - An Nam như vậy bắt đầu từ năm Thuận Trị 4 (1647), mất 19 năm, trong đó rất nhiều tranh biện và cách biệt nhưng không phải chỉ ở phía Thanh triều đơn phương áp đặt lên An Nam mà phản ảnh nhu cầu của cả hai bên. Thanh triều muốn An Nam "*giữ đúng vai trò phiên thuộc, mãi mãi là phên giậu che chắn*" (恪守藩封，长为屏翰)[3] để hoàn thành mục tiêu mọi nước đều hòa hợp, cùng một con đường, cùng phong tục, dưới gầm trời đều là một nhà.[4] Còn họ Lê nước An Nam thì có một mục đích rất là hiện thực, muốn mượn quan hệ tông phiên với nhà Thanh để củng cố địa vị cai trị trong nước và có lợi ích về kinh tế.

Thế nhưng tình hình chính trị của An Nam cũng không yên ổn, liên tiếp có việc phân tranh, chia cắt. Ngay từ đời Minh Gia Tĩnh, hai họ Trịnh - Nguyễn đời đời nối nhau làm tả, hữu phụ chính nắm giữ việc triều đình nên vai trò của nhà vua không nổi lên được.[5] Về sau, hữu phụ chính họ Trịnh thừa cơ hội họ

1. *Thanh Thánh Tổ thực lục*, quyển 19, ngày Nhâm Dần tháng Năm năm Khang Hi 5.
2. *Thanh Thánh Tổ thực lục*, quyển 26, ngày Giáp Tí tháng Năm năm Khang Hi 7.
3. *Thanh Thánh Tổ thực lục*, quyển 107, ngày Mậu Thìn tháng Giêng năm Khang Hi 22.
4. Người dịch chú: Đây là quan điểm của Trung Hoa để biện minh cho ý đồ bành trướng của họ, thực tế không phải như vậy.
5. Người dịch chú: Tác giả dựa theo tài liệu của Trung Hoa (*Thánh vũ ký*, *Thanh sử cảo*...) nên không đúng với ghi chép trong sử nước ta.

Nguyễn chết mà con còn nhỏ nên kiêm luôn chức tả phụ chính, lũng đoạn triều chính, đuổi họ Nguyễn vào Thuận Hóa nhưng họ Nguyễn vẫn giữ được quyền lực mạnh mẽ, gọi là Quảng Nam vương.[1] Vì thế hai họ Trịnh - Nguyễn đời đời thù hận, chinh chiến không thôi.

Năm Càn Long 24 (1759), Lê Duy Diêu[2] nhận sách phong của nhà Thanh làm An Nam quốc vương nhưng vương quyền càng lúc càng suy yếu. Phụ chính Trịnh Đống [thực ra là Trịnh Sâm, còn Trịnh Đống là Trịnh Khải] làm càn không còn úy kỵ gì nữa, lại giết thế tử, có ý định soán ngôi tự lập làm vua. Tuy nhiên vì sợ sức mạnh của Quảng Nam nên liên hợp với anh em Tây Sơn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cùng xuất binh, tiêu diệt Quảng Nam vương ở Phú Xuân để loại trừ một thế lực chính trị thù nghịch. Thế nhưng tranh chấp chưa chấm dứt. Sau khi Quảng Nam vương bị loại trừ, Nguyễn Huệ tự lập làm Thái Đức vương, chiếm lấy đất Quảng Nam. Trịnh Đống tự lập làm Trịnh Tĩnh vương. Hai vương đều mang dã tâm, Nam - Bắc đối địch làm chủ thời cuộc, Lê Duy Diêu không có quyền hành gì, chỉ còn là bù nhìn chính trị (傀儡).[3]

Năm Càn Long 51 (1786), Trịnh Đống chết, Nguyễn Huệ khởi binh tiến ra Bắc, công phá Lê thành, giết con Trịnh Đống là Trịnh Tông, tóm thu quyền lực. Năm sau, Lê Duy Diêu chết, tự tón là Lê Duy Kỳ kế vị. Đại thần là Cống Chỉnh bất mãn vì thấy Nguyễn Huệ chuyên quyền nên có ý "*phù Lê cự Nguyễn*", Nguyễn Huệ gom hết châu báu quay về Quảng Nam.[4]

Mùa hạ năm Càn Long 53 (1788), Nguyễn Huệ chuẩn bị binh lính lại ra công phá Lê thành, Lê Duy Kỳ bỏ chạy. Mẹ, vợ và tông

---

1. Người dịch chú: Sử Trung Hoa viết về nước ta không chính xác.
2. Người dịch chú: Tức vua Lê Hiển Tông.
3. Người dịch chú: *Thanh sử cảo*, quyển 527 (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1977). Những chi tiết rút ra từ *Thanh sử cảo* có nhiều sai lầm.
4. Người dịch chú: *Thanh sử cảo*, quyển 527 (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1977).

thất hơn 200 người được đại thần Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh bảo hộ, chạy tới ải Đầu Áo thuộc Long Châu, phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây, ở bên sông cầu cứu, lại mạo hiểm vượt sông, những người không kịp qua đều bị truy binh ở bờ phía nam giết cả.[1]

Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị, tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh nhận được tin báo lập tức tâu lên. Vua Càn Long cho rằng An Nam thần phục bản triều rất là cung thuận, nay bị cường thần soán đoạt, gõ cửa chạy sang nội địa, nếu như bỏ qua không can thiệp thì còn gì là cái đạo "*tự tiểu tồn vong*" nên đã có chỉ dụ minh xác, đối với những quyến thuộc họ Lê và người đi theo chạy sang nội địa thì sắp xếp ăn ở cho chu đáo, cấp lương thực cho đầy đủ và lưu tâm bảo vệ.[2] Còn như họ Nguyễn "*đuổi chủ loạn đạo thường, sai người tiến cống, không có lý nào chuẩn thuận cho nạp khoản được*" (逐主乱常，差人进贡，断无即准其纳款之理)[3] nên Thanh đình quyết ý phù Lê diệt Nguyễn để thi hành việc bảo hộ nghĩa vụ và trách nhiệm tông phiên.

Ngày 28 tháng Mười năm Càn Long 53, tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy hơn một vạn quân ra khỏi cửa quan tiến đánh, vươn dài vào sâu, ngày 20 tháng Một lấy được Lê thành. Ngày 22, tuyên chiếu sách phong Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương, lại báo cho Tôn Vĩnh Thanh đưa quyến thuộc Lê Duy Kỳ về nước.[4]

Thế nhưng vì Tôn Sĩ Nghị thành công quá nhanh, có lòng tự mãn, lại có bụng tham công nên đóng quân ở Lê thành để đến nỗi sinh ra biến cố không ngờ được. Đầu tháng Giêng năm Càn Long 54 (1789), Nguyễn Huệ đem quân tập kích Lê thành, Tôn Sĩ Nghị

1. Người dịch chú: *Thanh sử cảo*, quyển 527 (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1977).
2. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1308, ngày Tân Dậu tháng Bảy năm Càn Long 53.
3. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1309, ngày Giáp Thân tháng Bảy năm Càn Long 53.
4. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1319, ngày Bính Ngọ tháng Chạp năm Càn Long 53.

vội vàng ứng chiến, tổn thất rất nặng, đại bại trở về. Lê Duy Kỳ cũng chạy vào nội địa (投进关内).[1]

Chiến dịch phù Lê diệt Nguyễn của nhà Thanh thất bại, họ Lê mất nước, lại có trạng thái thù nghịch với họ Nguyễn khiến cho quan hệ tông phiên giữa Trung Hoa - An Nam nay giữa đường đứt gánh.

2. Phúc Khang An nhận lệnh trù biện công việc An Nam và quan hệ tông phiên Trung Hoa - An Nam nay nối lại

a. Xác lập phương kế "dưỡng quân uy, tồn quốc thể" (养军威，存国体)

Tôn Sĩ Nghị là quan to thống lãnh binh lính, đối với cuộc chiến này không thể đổ trách nhiệm thất bại cho ai được. Vua Càn Long thấy y uy vọng đã mất, nếu vẫn lưu nhiệm thì việc sai phái sẽ không còn linh ứng nên ra lệnh giải nhiệm trở về kinh, giáng chỉ điều động Phúc Khang An sang làm tổng đốc Lưỡng Quảng, đến đóng ở Trấn Nam Quan để trù biện sự việc An Nam, lại ra lệnh cho Tôn Sĩ Nghị trước khi Phúc Khang An đến nhiệm sở thì hãy "*cố gắng trấn tĩnh, đóng ở dọc theo Trấn Nam Quan, biện lý cho chu toàn việc rút quân và tuần phòng biên ải, đợi Phúc Khang An tới hãy trình bày mọi việc, giao xong hãy về kinh*" (惟当倍加镇静，驻扎镇南关一带，将撤兵事宜及巡防边隘等事办理周妥，俟福康安到彼，详悉告知，再行交代来京) và "*chớ nên hoang mang rối loạn, khiến không thể chuyên tâm lo liệu việc quan trọng*" (断不可心忙意乱，于应办要務转不能悉心經理).[2]

Trong quan hệ tông phiên giữa Trung Hoa và An Nam, vua Càn Long rơi vào nguy cơ trầm trọng, việc điều động Phúc Khang An sang làm tổng đốc Lưỡng Quảng không phải chỉ do tâm tình

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1321, ngày Nhâm Ngọ tháng Giêng năm Càn Long 54.
2. Phương lược quán biên toàn, Ngô Phong Bối chỉnh lý, *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển 13 (Bắc Kinh: Thư Mục Văn Hiến xuất bản xã, 1986).

yêu ghét mà là một quyết định sau khi đã suy nghĩ kỹ càng. Phúc Khang An là người từng trải việc binh nhung, sành sỏi việc quân lữ, một văn thần như Tôn Sĩ Nghị không thể nào bì kịp, đã từng cầm quân trấn áp việc Lâm Sảng Văn khởi nghĩa ở Đài Loan, tiếng tăm rất lớn.

Khi đó diều nhiệm Phúc Khang An làm tổng đốc Lưỡng Quảng, một mặt làm ra vẻ như Thanh triều đang tính toán chuyện cử binh chinh thảo, có tác dụng uy hiếp họ Nguyễn, mặt khác khiến cho dân chúng sống dọc theo biên giới được an tâm, họ Nguyễn không dám dem quân đến biên cảnh gây sự, có lợi cho trấn định tâm lý dân chúng ở Quảng Tây.[1]

Phúc Khang An nhận dụ chỉ biết rằng sự tình khẩn cấp, lập tức sai người dem quan phòng [ấn lớn] của tổng đốc Mân Chiết và các ấn tín hành chánh khác về tỉnh thành giao cho tuần phủ Từ Tự Tăng tiếp nhận để tạm thời coi công việc, ngày đêm ra đi, theo dường Mân đến đất Việt.[2] Khi đó vua Càn Long phải đối phó với cục thế thay đổi, mặc dù đã kịp thời thay ngay nhân vật hành chánh cao cấp nhất của Lưỡng Quảng nhưng vì có liên quan đến quốc thể, có còn nên tiếp tục phù Lê diệt Nguyễn và tiến quân tiễu trừ Nguyễn Huệ hay không nên do dự không quyết định dược.

Trong dụ chỉ ngày 26 tháng Giêng bổ nhiệm Phúc Khang An làm tổng đốc Lưỡng Quảng có viết: "*Nguyễn Huệ chỉ là một thổ tù đất An Nam, trục chủ loạn thường, sau khi quân thiên triều đến chinh thảo mấy lần thua chạy đã tập hợp quân sĩ đến quấy phá làm chết quan binh, thật là tội ác cực lớn. Nay đang là lúc giao xuân, xứ đó là khu vực chướng lệ, không tiện lập tức dem quân vào sâu nước đó để hỏi tội, vậy các đốc phủ ở dọc theo biên giới hãy dem doanh binh thao diễn gấp, chuẩn bi lương hướng đầy đủ, quân lính tinh nhuệ để chờ nghe lệnh điều khiển, chuẩn bị kể tội dem quân đánh dẹp*".

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1321, ngày Quí Mùi tháng Giêng năm Càn Long 54.
2. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 15.

Theo ý đó thì nay đang là lúc lập xuân, ở An Nam chướng lệ đang lan truyền, không phải là lúc có thể động binh nên thao diễn binh mã, chuẩn bị lương hướng, chờ nghe lệnh để thảo phạt Nguyễn Huệ, dùng biện pháp chiến tranh giải quyết vấn đề An Nam.

Thế nhưng cũng ngày hôm đó hơi sau một chút, một dụ chỉ khác bên trong lại viết: "*... Nguyễn Huệ chẳng qua chỉ là một thổ tù đất An Nam, huống chi nay quốc gia đang lúc toàn thịnh, nếu như tập trung đầy đủ binh lực, bốn mặt hội tiễu đánh thẳng vào sào huyệt thực không khó khăn gì. Thế nhưng nước đó xưa nay chướng lệ, giống như Miến Điện, lấy được đất thì không đáng giữ, lấy được dân thì không đáng làm bầy tôi, việc gì phải đem binh, mã, tiền, lương hao phí vào nơi nóng nực, hoang liêu vô dụng làm gì? Việc tiến quân tiêu diệt Nguyễn Huệ, lúc này không phải là không làm được nhưng tính toán thiên thời, địa lợi, nhân sự đều không đáng làm*". "*... Sau khi Phúc Khang An đến Trấn Nam Quan, nếu như Nguyễn Huệ nghe tiếng mà sợ hãi, đến cửa quan chịu tội xin hàng thì Phúc Khang An hãy lớn tiếng trách móc, không chấp nhận ngay, để xem lòng thành sợ tội quy phục, đợi khi y cầu xin mấy lần, lúc ấy hãy tùy cơ mà liệu việc, để cho hoàn thành*".[1] Những chi tiết này cho thấy Thanh triều muốn kết thúc việc xung đột với Nguyễn Huệ nhưng giữ sao cho khỏi mất mặt.

Cùng một ngày gửi đi hai dụ chỉ, thái độ trước và sau khác hẳn nhau chứng tỏ tâm thái mâu thuẫn của vua Càn Long. Ngày 12 tháng Hai Phúc Khang An đến Thái Bình, phủ Hưng Hóa nhận được dụ chỉ vua Càn Long gửi đi ngày 26 tháng Giêng, lập tức tâu lên nói rõ quan điểm của mình: "*An Nam cung cẩn thần phục Trung Quốc đã lâu, Nguyễn Huệ ương ngạnh dùng binh, mẹ con Lê Duy Kỳ bôn ba lưu lạc, không được sống yên, Thanh triều hưng sư phạt tội, nghĩa chính từ nghiêm. Nguyễn Huệ kháng cự quân Thanh, thương tổn quan binh, phải nói rõ để chinh thảo, hiện nay Thanh*

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1321, ngày Quí Mùi tháng Giêng năm Càn Long 54.

triều quốc khố đầy đủ, binh lực toàn thịnh thì việc tru diệt có khó gì? Thế nhưng xứ đó người hay nghi kỵ, đất nhiều chướng lệ, không đáng để Trung Quốc phải hao phí binh, mã, tiền, lương vào nơi vô dụng. Ngày nay việc của An Nam, Tôn Sĩ Nghị hăng hái lúc đầu, sai sót lúc cuối, nay thần đến đây chủ yếu nuôi dưỡng quân uy, bảo tồn quốc thể là chính.

Còn như Nguyễn Huệ nghe tin nội địa bốn đường cùng tiến đánh, ắt là thế cùng phải lên gõ cửa, thần sẽ không dễ dàng nhận lời cầu xin, đợi cho đến khi sợ quá nên thương hại, khi đó cứ theo tình hình thực mà tâu lên, cũng không dám vui vì công lao, tham làm chuyện lớn mà đem quân xông vào nơi chướng lệ để hoàng thượng phải ưu tư.

Thần đến nơi đó, xem xét bên trong củng cố bên ngoài, sửa sang đồn ụ, để cho biên cảnh an ninh, dùng cả kinh lẫn quyền tùy cơ mà hành sự cho mau sớm thành công để khỏi phụ lòng ủy nhiệm của hoàng thượng".[1]

Sự tính toán của Phúc Khang An rất rõ ràng, Tôn Sĩ Nghị mới bại trận, uy tín nhà Thanh tổn hại, nhiệm vụ trước mắt là chỉnh đốn binh bị ra vẻ như dang tính chuyện bốn đường tiến quân tiễu trừ để ép cho Nguyễn Huệ phải sợ binh uy mà gõ cửa quan thành thực xin quy thuận chứ không tham công lớn mà đương nhiên ra quân. Thế nhưng nếu muốn bảo toàn thể diện cho Thanh triều thì không thể dễ dàng chấp nhận việc giảng hòa, đợi đến khi "*úy cực cảm sinh*" (sợ quá nên thương hại) lúc đó mới bằng lòng.

Đề xuất tiêu chuẩn "*dưỡng quân uy, tồn quốc thể*" chính là phương kế chỉ đạo tổng quát việc xử lý vấn đề An Nam. Vua Càn Long tuy trong cơn thịnh nộ nhưng đầu óc vẫn sáng suốt. Trong cùng một ngày, khi gửi ra hai dụ chỉ mâu thuẫn, ông vẫn nói là đã "*suy đi tính lại*" (再四思维) và nhận ra rằng "*không đáng làm lớn chuyện, chi bằng rộng lượng mở một đường để cho y sợ tội mà quy*

1. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 15.

thuận, không phải làm cho quân lính mệt nhọc mà công việc vẫn xong" (实不值大办，莫若量宽一线，俾其畏罪输诚，不劳兵力而可以蔵事之为愈).[1]

Do đó, đề nghị của Phúc Khang An đã được vua Càn Long khen ngợi nói là Phúc Khang An "*lời tâu đã nắm được những đầu mối chính*", "*sở kiến tương hợp với ý của trẫm*"[2] cứ như thế mà biện lý. Vua tôi đồng lòng quyết ý dùng thủ đoạn chính trị để giải quyết nguy cơ An Nam trong đó cơ bản việc giải quyết vấn đề là "*dưỡng quân uy, tồn quốc thể*" (养军威，存国体). Lê Duy Kỳ nay trên chính đài trở thành một đứa trẻ mồ côi, chính sách của Thanh triều với An Nam đã thay đổi hoàn toàn.

b. Nguyễn Huệ xin hàng và thụ phong, kết thúc trạng thái thù nghịch

Về mặt Nguyễn Huệ, tuy đã tấn công lấy lại Lê thành, đánh tan quân Thanh vào đất An Nam nhưng mối lo gan ruột chưa trừ được vì thế lực của họ Lê vẫn còn hoạt động; nguy cơ bên ngoài thì còn đang nóng hổi, cùng nước bên cạnh là Xiêm La có chiến tranh, lại sợ Thanh đình hưng binh thảo phạt một lần nữa nên nhu cầu trước mắt là làm sao hòa giải được với nhà Thanh, được hoàng đế Thanh triều sách phong để có được một địa vị hợp pháp củng cố vai trò thống trị ở trong nước nên ngay khi dư hưởng chiến tranh chưa tan hết thì đã nhiều lần gửi sứ thần xin giảng hòa cầu phong.

Trước khi Phúc Khang An sang đến đất Việt [tức Quảng Đông, Quảng Tây], Nguyễn Huệ đã ba lần gửi sứ thần đem biểu văn đến cửa quan xin hàng bao gồm ngày 22 tháng Giêng[3], ngày

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1321, ngày Giáp Thân tháng Giêng năm Càn Long 54.
2. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1323, ngày Giáp Dần tháng Hai năm Càn Long 54.
3. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1322, ngày Canh Dần tháng Hai năm Càn Long 54.

mồng 9 tháng Hai[1], ngày 21 tháng Hai.[2] Lần thứ hai trong biểu văn xin hàng đổi tên thành Nguyễn Quang Bình để tiêu trừ dịch ý của Thanh triều nhưng đều bị nhà Thanh cự tuyệt.[3]

Đầu tháng Ba năm Càn Long 54, Phúc Khang An đến Quý huyện thuộc Quảng Tây, tiếp nhận triện tổng đốc, chính thức giữ nhiệm vụ tổng đốc Lưỡng Quảng. Ngày 12, y đi qua Nam Ninh, trên dường bí mật quan sát động tĩnh của An Nam.[4] Ngày 16, đi đến Trấn Nam Quan, lập tức bắt tay vào công tác biện lý việc An Nam.

Trước hết Phúc Khang An hội kiến với các quan chức ở Quảng Tây là những người am tường sự việc An Nam và tình hình biên giới. Khi đó tình thế ở biên quan đang căng thẳng, tiền tổng đốc Tôn Sĩ Nghị, tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh, đề đốc Hải Lộc đều đóng ở Trấn Nam Quan, Phúc Khang An đều tiếp kiến từng người, lắng nghe những lời báo cáo để tìm cách giải quyết tình hình.

Qua sự phân tích tình huống, Phúc Khang An nhận định rằng Nguyễn Huệ tuy đã mấy lần xin giảng hòa, trong biểu văn nói là không dám dắc tội với thiên triều nhưng "*lời lẽ hàm hồ chống chế*" (但措词含糊推委), lúc này chưa thuận tiện để nhận lời thỉnh cầu. Nếu như Nguyễn Huệ đem việc vì sao gây hấn với họ Lê, khi quân Thanh xuất quan sao không đến quân môn tạ tội, về sau sao quay lại Lê thành quấy nhiễu giết hại quan binh và việc hối tội dầu thành mọi việc như thế nào "*nói rõ đầu đuôi, đem đến cửa quan*" (详晰恭缮，一禀送到关前). "*Nếu như nhất nhất tuân theo, ấy là tù trưởng kia có lòng thiết tha nạp khoản*" (若能一一遵照，则是该酋纳款情切). Khi đó tùy theo tình hình mà trù biện "*tâu lên để hoàng thượng xem xét*" (奏请容裁)[5]

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1323, ngày Ất Mão tháng Hai năm Càn Long 54.
2. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1324, ngày Bính Dần tháng Ba năm Càn Long 54.
3. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 16.
4. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1326, ngày Tân Tị tháng Ba năm Càn Long 54.
5. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 17.

chấp thuận cho việc đầu hàng. Chỉ có như thế mới biết rõ lòng dạ Nguyễn Quang Bình đồng thời bảo tồn được thể diện cho Thanh triều.

Thứ hai, dưỡng quân uy và sửa sang lại việc ở biên giới. Phúc Khang An cũng tính toán rằng muốn cho công việc giảng hòa thành công thì phải có quân lực hậu thuẫn. Để cho Nguyễn Huệ thành tâm quy phục, ắt phải đưa ra một số áp lực quân sự. Vì thế, khi đến Trấn Nam Quan, Phúc Khang An ra lệnh cho đề đốc Quảng Tây Hải Lộc luôn luôn tuần tra các nơi quan ải dọc theo biên giới, kiểm điểm khí giới. Đồng thời lại gửi hịch cho các tướng biện, binh đinh ở các quan ải, một mặt thao luyện kỹ thuật, bắn súng biểu diễn, một mặt cẩn thận phòng giữ đồn trại, trên các cửa quan cắm đầy cờ sí, sửa sang tường thành để cho trong ngoài, gần xa ai ai cũng biết là quân sĩ mới được điều động tới các cửa quan[1] để khi nào có lệnh sẽ lập tức xuất chinh khiến Nguyễn Huệ phải sợ uy.

Thứ ba, tra hỏi các tướng sĩ, phu dịch thua chạy về để xem xét tính toán của Nguyễn Huệ. Sau khi triệt binh ở Lê thành, quân Thanh, phu dịch hoặc vì lạc đường, hoặc vì bệnh hoạn, thương tích không di được phải ở lại An Nam nên từ tháng Hai về sau mới lục tục tiến quan.

Phúc Khang An không ngại gian khổ, hết ngày này sang ngày khác liên tục tra hỏi thì họ khai rằng Nguyễn Huệ đãi họ tử tế, "*không những không giết hại mà còn ra lệnh cho người đi nuôi dưỡng, tặng cho phí tổn đi đường, sai người đưa đến tận cửa quan*". Lại nói: "*Nguyễn Huệ như quả có bụng kháng cự thì khi* [quân Thanh] *triệt binh khỏi Lê thành sẽ tập trung quân ngăn chặn tại các sông Phú Lương, Thị Cầu, như thế quân ta không thể vượt qua được. Nếu sau khi qua sông, Nguyễn Huệ cho quân đuổi theo thì quân ta phải quay lại đánh, ắt sẽ tổn thương. Thế nhưng từ Lê*

1. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 17.

thành đến Trấn Nam Quan không hề có quân ngăn trở. Việc đó cho thấy không có ý kháng cự".[1]

Thứ tư, tuân chỉ soạn thảo hịch văn ra lệnh cho Tả Giang Đạo Thang Hùng Nghiệp truyền gọi bọn Nguyễn Hữu Trù [Hồ Hồ Hầu theo sử nước ta] là người lần trước đã gõ cửa quan tiến biểu xin hàng đến nghe dụ. Nguyễn Huệ nghe tin này lập tức ra lệnh cho Nguyễn Hữu Trù từ Lê thành ngày đêm chạy lên. Ngày 28, bọn Nguyễn Hữu Trù hơn 20 người đến Trấn Nam Quan, lại chuẩn bị bò, gạo, dầu ăn, mì các loại đưa cho Thang Hùng Nghiệp gọi là làm lễ gặp mặt. Thang Hùng Nghiệp kiên quyết từ chối không nhận, chỉ chấp thuận cho nhóm Nguyễn Hữu Trù ba người và thêm một người thông sự tiến quan, số còn lại đi theo phải ở ngoài cửa ải để chờ.

Bọn Nguyễn Hữu Trù hết sức cung kính, đến Chiêu Đức Đài ở Trấn Nam Quan, làm lễ tam quỵ cửu khấu, rồi lại hướng về Thang Hùng Nghiệp hành lễ. Phúc Khang An ra lệnh cho Thang Hùng Nghiệp hỏi lại cho kỹ càng, bọn Nguyễn Hữu Trù đáp rằng "*Nguyễn Huệ không dám kháng cự thiên binh*" so với lời của tướng sĩ, phu dịch tiến quan thật không khác gì. Bọn Nguyễn Hữu Trù ngôn ngữ, cử chỉ kính cẩn "*tình hình sợ hãi khi đó hiện ra nét mặt*" (悚惕情形亦时溢于颜面).[2]

Sau khi Phúc Khang An xem xét, tìm hiểu kỹ lưỡng đã nhận định rằng: "*Nguyễn Huệ và họ Lê là cừu địch, hai bên man xúc tranh giành, ý muốn chiếm đoạt nước của họ Lê*", "*hiện nay Nguyễn Huệ hối tội thành khẩn quy phục, ấy cũng là vì lòng thành mà ra, không phải giả dối*" rồi tâu lên: "*Bây giờ không cần phải tăng thêm binh lính, mà cái thế cũng không cần thêm binh*", việc dùng binh với An Nam không cần thiết. "*Nếu như Nguyễn Huệ đích thân*

1. *Minh Thanh sử liệu*, Canh biên, đệ nhị bản (Đài Bắc: Trung ương nghiên cứu viện lịch sử ngữ ngôn nghiên cứu sở, 1960). Tấu triệp không toàn vẹn của Phúc Khang An (thuộc bản sao còn sót).

2. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 18.

đến Trấn Nam Quan để gặp thần cầu xin, khi đó sẽ tâu lên hoàng thượng xem xét gia ân, ấy là cái kế phủ dụ ngoại phiên, cất công một lần mà nhàn hạ mãi mãi".[1]

Vua Càn Long nhận được lời tâu nhận định rằng nếu như Nguyễn Huệ thành tâm sợ tội mà đất An Nam thì xa xôi hiểm trở, lại nhiều chướng lệ "*chi bằng đợi kỳ sau đến xin hàng, khi ấy tùy cơ hội mà làm cho xong việc*" và chấp nhận ý kiến của Phúc Khang An. Quan hệ Trung Hoa - An Nam nay đã chuyển biến.

Theo như thế, Phúc Khang An ra lệnh cho Tả Giang Đạo Thang Hùng Nghiệp gửi mật dụ cho Nguyễn Hữu Trù để báo cho Nguyễn Huệ hãy đích thân đến cửa quan mang theo biểu cầu hàng.[2]

Nguyễn Huệ "*sung sướng kính phục*" (欢感畏服) nhưng vẫn còn nghi kỵ, lấy cớ "*trong nước mới hết việc binh đao, lòng người hoang mang, chưa được yên ổn*" nên khéo léo cự tuyệt, sai cháu ruột là Nguyễn Quang Hiển "*kính cẩn mang biểu cống đến cửa quan xin hàng*" (敬资表贡抵关乞降), lại khẩn khoản xin tiến kinh nhập cận để xin ban phong hiệu cho Nguyễn Huệ.

Biểu văn đại lược nói là họ Nguyễn ở Quảng Nam, với họ Lê không có phân biệt trên dưới, quân thần; năm trước đã từng sai người đến gõ cửa quan để trần tình về nguyên do tranh chấp với họ Lê nhưng bị biên thần bác đi trả về nên không dệ đạt lên được.

Về sau quân Thanh xuất quan chinh thảo, tiến thẳng xuống Lê thành. Tháng Giêng năm nay, tôi [tức Nguyễn Huệ] tới Lê thành ý muốn hỏi Lê Duy Kỳ vì cớ gì lại mời đại binh sang, không ngờ Thanh binh hăng hái hùng dũng chém giết nên các thủ hạ của tôi không thể bó tay chịu bắt, khiến cho tổn thương đến Thanh binh nên rất là sợ hãi.

---

1. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 18; *Minh Thanh sử liệu* (1960). Tấu triệp không toàn vẹn của Phúc Khang An (thuộc bản sao còn sót).
2. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1326, ngày Canh Tí tháng Tư năm Càn Long 54.

Hiện nay đã trả lại quan binh chưa về kịp, còn những người giết hại đề (đốc), trấn (tổng binh) thì đã bị chính pháp.

Phúc Khang An nhận định rằng trong biểu văn nói Nguyễn Huệ không dám đắc tội với thiên triều và việc hai họ Nguyễn - Lê gây hấn "*giải thích rõ ràng khúc chiết*" quả là thành kính nên đã thay mặt tâu lên. Vua Càn Long gửi biểu, trong đó nói rằng "*tình tự so với lần trước thì cung thuận gấp bội, quả là sợ uy chí thành*", "*việc đã qua không thâm cứu nữa*".

Thế nhưng vì Nguyễn Huệ "*chưa đích thân lên cung khuyết tạ tội xin ân điển*" mà chỉ sai cháu thay mình nhập cận, trong bụng chưa vui nên lại minh giáng sắc dụ cho Nguyễn Huệ phải:

- Tháng Tám năm Càn Long 55 là kỳ Bát tuần vạn thọ của vua Càn Long phải đích thân đến kinh đô để xin được phong vương.

- Kiến tạo đền thờ Hứa Thế Hanh và các tướng sĩ trận vong ở An Nam, xuân thu tế lễ.

Như thế mới chấp thuận cho thâu thành nạp khoản, phong cho vương tước. Lại thêm, Thanh triều đối với các nước phiên thuộc, thứ bang không gì khác hơn là thành tín, Lê Duy Kỳ vô năng nên không có lý nào thừa lúc Nguyễn Huệ nhập cận mà đưa Lê Duy Kỳ trở lại An Nam, vì thế chớ có đem lòng nghi kỵ, sợ hãi.

Đồng thời, chuẩn thuận cho Nguyễn Quang Hiển nhập cận, lại thưởng cho Nguyễn Quang Bình một vòng trân châu để deo, ân uy gồm đủ. Phúc Khang An nhận được sắc dụ, lập tức bảo Nguyễn Quang Hiển sai người trở về Lê thành, giao cho Nguyễn Huệ xem. Nguyễn Quang Hiển vui mừng khôn xiết, đích thân viết thư cho Nguyễn Quang Bình "*mau mau soạn tạ biểu, khẩn khoản xin sang năm lên kinh đô nhập cận*".

Ngày 25 tháng Tư, Phúc Khang An tuân chỉ ra lệnh cho Thang Hùng Nghiệp hộ tống Nguyễn Quang Hiển tiến kinh.[1] Đến

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1328, ngày Kỷ Mùi tháng Năm năm Càn Long 54; quyển 1331, ngày Tân Sửu tháng Năm năm Càn Long 54.

lúc đó, việc hòa đàm giữa Thanh đình và An Nam đã đạt tới một bước quan trọng.

Ngày mồng 5 tháng Sáu năm Càn Long 54, Nguyễn Huệ sai người mang biểu tạ ơn và cống vật đến cửa quan. Biểu văn đại lược nói rằng, đợi cho quốc sự tạm ổn định, khẩn thỉnh được lên kinh đô chiêm cận vào lễ thánh tiết Bát tuần vạn thọ năm sau; các đại thần đề trấn của thiên triều bị thuộc hạ lỡ giết, rất là hối hận đau lòng nên đã lập đàn cúng tế, đã chọn đất ở phía nam quốc đô để xây đền, xuân thu tế lễ, xin ban xuống quan hàm của đề trấn đại viên, thụy hiệu. Họ Lê đã chấm dứt, việc can quan nay không còn, xin được gia ân vượt mức, ban cho phong hiệu để có danh phận giúp nước nhỏ có thể an tập được nhân dân.

Phúc Khang An ra lệnh cho sứ thần đem cống vật trở về Lạng Sơn chờ mệnh, đệ trình biểu văn lên kinh đô, đồng thời thỉnh thị xem có thể thu nhận những món tiến cống hay không? Vua Càn Long xem bản tâu rồi giáng chỉ: Nguyễn Huệ trình tiến biểu văn, thật là cung cẩn, cảm kích từ lòng chí thành; An Nam nay mới tạo bang, mọi việc chưa ổn định, muốn dựa vào chính danh định phận nên phong cho Nguyễn Huệ làm An Nam quốc vương; cống vật trình lên hãy thu nạp đưa lên kinh đô, lại thêm ân thưởng. Ra lệnh cho Phúc Khang An sai quan viên dạo phủ người Mãn Châu có khả năng ở Lưỡng Quảng đi sang Lê thành sách phong.[1]

Khi đó quan viên dạo phủ Quảng Tây không có ai là người Mãn Châu, còn dạo phủ người Mãn ở Quảng Đông thì lại không quen thuộc với việc An Nam nên Phúc Khang An phi hịch triệu về một chương kinh người Mãn Châu làm việc trong Quân cơ xứ đang được điều động đi thanh tra các phủ miền duyên hải tỉnh Quảng Đông. Đó là viên ngoại lang bộ Lễ Thành Lâm ra nhận trách nhiệm lớn này.

---

1. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 22. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1333, ngày Bính Tí tháng Sáu năm Càn Long 54.

Thành Lâm từng phụng chỉ sang đất Việt để giúp đỡ Phúc Khang An biện lý việc biên cương, mọi việc nạp khoản dầu thành (thành thực quy thuận) của Nguyễn Huệ đều nắm vững, lại là người hiểu việc rõ ràng, biết thể diện. Phúc Khang An dặn bảo về nghi lễ khi gặp quốc vương thì cứ theo *Thanh hội điển* đã ấn định mà tham chước cho kỹ lưỡng, sao cho thích hợp vừa phải (務期卑亢适中) để khỏi làm nhục việc đi sứ.[1]

Ngày 28 tháng Tám, Thành Lâm đến Trấn Nam Quan, ngày 13 tháng Chín ra khỏi cửa quan đi xuống An Nam, đến Lê thành rồi, chọn ngày 15 tháng Mười tuyên chỉ phong vương. Sau khi lễ nghi hoàn tất thì lập tức tương kiến với Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ nói rằng, vì thấy ơn lớn của thiên tử không cách nào báo đáp, chỉ còn cách tháng Ba năm sau, đích thân tiến kinh, cung chúc lễ Bát tuần vạn thọ của đại hoàng đế.[2]

Ngày 17, Thành Lâm khởi trình tiến quan, Nguyễn Huệ chắp tay tiễn đưa, lại sai con là Nguyễn Quang Thùy đưa ra khỏi ngoài 15 dặm.[3] Như vậy là nhiệm vụ tuyên phong đã hoàn thành một cách xuất sắc. Như thế có thể thấy được, Phúc Khang An quả thực có tài biết người.

c. Bát tuần vạn thọ của vua Càn Long, Nguyễn Huệ nhập cận, quan hệ Trung Hoa - An Nam khôi phục toàn diện

Nguyễn Quang Bình được Thanh triều chính thức sách phong, được địa vị hợp pháp chính thức cao nhất thế nhưng ông ta có thể thi hành lời hứa của mình hay không để đến lễ Bát tuần vạn thọ của vua Càn Long sẽ tiến kinh nhập cận chúc lý là việc có quan hệ đến thể diện Thanh triều và cũng ảnh hưởng đến vấn đề ngoại giao giữa

1. *Minh Thanh sử liệu* (1960), Canh biên, đệ nhị bản. Tấu triệp của Phúc Khang An.
2. Theo bản sao trong Nội các bản tấu của tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh ngày 12 tháng Một, Tôn Vĩnh Thanh tâu rằng An Nam đã ấn định nhật kỳ khởi trình (*Minh Thanh sử liệu*, Canh biên, đệ nhị bản) (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 23.
3. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 24.

Trung Hoa và An Nam trong tương lai. Vì thế, vấn đề đối với nhà Thanh hết sức quan trọng, Phúc Khang An là viên chức đóng vai chủ quản nên phải cố hết sức để sao cho hình thành.

Thứ nhất, nếu như năm Càn Long 55 Nguyễn Quang Bình hăng hái lên đường tiến kinh để tạ ơn thiên tử, cung chúc Bát tuần vạn thọ của vua Càn Long thì Thanh triều cũng phải cố hết sức để loại trừ những vấn đề tồn đọng có thể gây bất ổn cho An Nam ở trong nước để cho Nguyễn Huệ không phải lo lắng nhìn về phía sau. Hai họ Lê - Nguyễn ở An Nam vốn dĩ khác biệt, việc vận động của triều đình Nguyễn Huệ để ổn định chính trị cũng chưa qua được Lê Duy Kỳ và những cựu thần, và những người đi theo. Do đó, việc Thanh triều an trí, xử lý đối với những thuộc hạ, tùy tòng của Lê Duy Kỳ rất cẩn thận và việc ngoại giao đối với họ Nguyễn vì thế cũng tùy theo thời gian mà điều chỉnh.

Tháng Giêng năm Càn Long 54, sau khi thua trận ở Lê thành chạy về, ngày mồng 9 Tôn Sĩ Nghị tới Lạng Sơn. Ngày 11, đem hơn 3.000 quân về tới Trấn Nam Quan. Lê Duy Kỳ và quyến thuộc hơn 20 người, đã chạy trước Tôn Sĩ Nghị nên ngày mồng 7 đã vào Trấn Nam Quan. Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh lập tức dưa đến an tháp ở Nam Ninh "*cung cấp lương thực đầy đủ*" và tâu lên vua Càn Long.[1]

Vua Càn Long ra dụ rằng, Lê Duy Kỳ nhu nhược vô năng "*không cho phép lên kinh đô*", "*an tháp ở Quế Lâm, cung cấp cho đủ sống*" để khỏi không có chỗ ở. Tôn Vĩnh Thanh tuân lệnh nên cấp cho một chiếc phòng trống ở tỉnh thành Quế Lâm, "*mỗi ngày cấp cho gạo, muối, củi, rau đủ để sinh sống*".[2] Sau các người thân thuộc, cựu thần nhà Lê cũng lục tục tiến quan, tất cả đều được "*cấp lương ăn, chia ra an tháp*" ở Quế Lâm, Ninh Minh, Tầm Châu các nơi trở thành người dân nội địa.[3] Tuy Thanh triều vẫn nói là Lê Duy Kỳ

1. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 13.
2. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 15.
3. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 18.

mất nước chạy trốn, không có lý nào lại đưa về nước lấy lại ngôi cũ nhưng đối với Nguyễn Huệ thì vẫn là một mối lo lớn. Để cho Nguyễn Huệ hết nghi ngại, vua Càn Long dụ cho các đốc phủ ra lệnh cho Lê Duy Kỳ và các người đi theo "*tất cả đều phải cạo đầu, đổi qua y phục thiên triều*", sau khi làm xong thì cáo tri cho Nguyễn Quang Bình biết.[1]

Ngày 11 tháng Năm năm Càn Long 54, Phúc Khang An đến Quế Lâm.

Ngày 12, truyền gọi Lê Duy Kỳ, tuyên thị dụ chỉ rồi nói: "*Năm trước, mẹ con ngươi lưu lạc, mong nhờ thánh chúa gia ân tự tiểu tồn vong, dem quân xuất quan lấy lại nước nhưng vì ngươi hèn yếu vô năng, bỏ ấn mất nước, vậy ngươi là kẻ có tội. Thế nhưng đức hiếu sinh của hoàng thượng như trời, nghĩ rằng ngươi không có năng lực nên không trị tội, giữ lại nội địa, cho làm dân thường ấy là thi ân ngoài mực thường rồi. Nay ngươi ở trên đất Trung Hoa, thì phải theo chế độ Trung Hoa, ai cũng phải cạo đầu thay y phục, không được theo tục cũ của nước ngươi nữa*". Lê Duy Kỳ và tông tộc, cựu thần tất cả 54 người ở Quế Lâm đều cắt tóc, đổi qua y phục Trung Hoa.

Ngày 18, Thang Hùng Nghiệp hộ tống bọn Nguyễn Quang Hiển trên đường nhập cận đi qua Quế Lâm, Phúc Khang An truyền gọi Lê Duy Kỳ và vài người có tên tuổi trong số cựu thần đến công quán của Phúc Khang An chờ trước ở đó, sau đó mới ra lệnh cho Thang Hùng Nghiệp đem bọn Nguyễn Quang Hiển vào gặp[2] để cho mọi người biết rằng Thanh triều đã "*bỏ họ Lê, giúp họ Nguyễn*".

Bọn Lê Duy Kỳ tuy đã an trí ở Quế Lâm thế nhưng những "*họ hàng thần dân*" của họ Lê còn ở An Nam vẫn có dạ hoài vọng chủ cũ, thường lấy danh nghĩa họ Lê mà "*tập hợp nổi loạn*", đứng lên chống lại họ Nguyễn, chẳng hạn như lời tâu của Phúc Khang An đầu tháng Một: "*Lê Duy Chỉ lẩn trốn ở vùng Bảo Lạc đất An*

1. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 20.
2. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 21.

Nam, cùng với Hoàng Văn Thông [黄文通] tụ tập thổ binh tấn công Mục Mã, bị Nguyễn Quang Bình đánh bại phải bỏ trốn". Về việc "*vỗ yên An Nam*", vua Càn Long ra lệnh cho quân cơ đại thần truyền dụ cho Phúc Khang An rằng: "*Lê Duy Chỉ thuộc dòng họ Lê, tại An Nam tụ tập tông đảng cựu thần tranh đoạt với Nguyễn Quang Bình, đáng lẽ ra có thể gác qua một bên, thế nhưng nghĩ lại Lê Duy Kỳ đã từng là quốc vương, hiện nay đang an tháp ở thành Quế Lâm, gần với An Nam, sợ rằng bầy tôi cũ có thể lấy danh nghĩa của y, gây ra chuyện... nên ra lệnh cho Lê Duy Kỳ cùng với các thuộc hạ nhân khẩu tất cả đi lên kinh đô, gia nhập Hán quân kỳ binh, làm thành một tá lãnh, cho Lê Duy Kỳ làm tá lãnh thế quản... Lại truyền dụ cho Phúc Khang An lập tức xem xét kỹ lưỡng, đưa Lê Duy Kỳ và thuộc hạ đang an tháp tại các phủ chia thành nhóm đưa lên kinh đô, cho vào kỳ tịch... cho Nguyễn Quang Bình hay biết chi thuộc họ Lê toàn bộ đã đưa lên kinh đô, để khỏi lưu hậu hoạn, ắt là càng thêm cảm kích*".[1]

Phúc Khang An tra ra thấy tông tộc, cựu thần, tùy tòng họ Lê an tháp ở các phủ thuộc Quảng Tây tổng cộng là 376 người, mà tại các kỳ thì mỗi tá lãnh không quá một, hai trăm người nếu như đưa toàn thể lên kinh đô thì số người đông quá "*không những phòng ốc, chỗ ở không thể cấp đủ mà ép họ sống tụ tập tại kinh sư, sinh kế cũng không phải dễ*".

Vua Càn Long thuận theo lời bàn luận của Phúc Khang An nên ra lệnh chia ra, "*đem chi thuộc thân thích họ Lê và những người đã từng làm quan có chức vụ chừng hơn một trăm người, đủ số để thành một tá lãnh đưa lên kinh đô*", số người còn lại thì dưa đi Giang Nam, Chiết Giang, Giang Tây, Tứ Xuyên các tỉnh, "*chia ra các tiểu đốc phủ, ra lệnh nhập vào quân ngũ hưởng lương, ước thúc theo kỳ tịch để dần dần sống bình thường*".[2]

---

1. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 24.
2. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 25.

Phúc Khang An xem xét kỹ, đem bọn Lê Duy Kỳ 164 người phân thành 4 nhóm, chọn võ quan thích đáng giải tống họ lên kinh đô. Hạ tuần tháng Ba Lê Duy Kỳ lên đến kinh sư. Số 207 người còn lại chia ra đưa đi Giang Nam, Chiết Giang, Tứ Xuyên các tỉnh.[1]

Đồng thời, đối với những người cùng đường phải vào quan ải, không chịu cắt tóc gia nhập kỳ binh, tuyên bố chỉ muốn xin quân xuất quan để phục thù cho Lê Duy Kỳ là nhóm cựu thần Lê Quýnh, Phúc Khang An một mặt tìm cách kêu gọi những thủ hạ họ Lê sống ở gần Trấn Nam Quan tiến quan rồi đưa đi an tháp ở nội địa, một mặt nghiêm nghị "*nhiều lần bác khước*" không cho bọn Lê Quýnh về nước, lại đề nghị đưa họ lên Tân Cương an trí.[2]

Vua Càn Long ra lệnh cho Phúc Khang An giải họ lên kinh đô, lại truyền chỉ cho quân cơ đại thần "*tra hỏi, mấy lần mở đường*" nhưng họ nói rằng vốn không phải chạy sang nội địa để tị nạn, kiên quyết yêu cầu được trở về quê cũ An Nam, lo việc khôi phục, "*nên tạm giao cho bộ Hình giam lại*"[3], tiêu trừ mối họa ngầm cho họ Nguyễn ở An Nam.

Thứ hai, An Nam từ thời Tống sơ họ Đinh dựng nước đến nay, vua nước này chưa từng đích thân đến khuyết đình [kinh thành Trung Hoa], việc Nguyễn Quang Bình nhập cận, thực là lần đầu, so với việc bồi thần đem đồ cống sang thì không thể nào bì kịp. Việc Phúc Khang An công khai dự trù đón tiếp Nguyễn Quang Bình tiến kinh, ngày 24 tháng Một năm Càn Long 54 đã chước định chương trình tâu lên rõ ràng như sau:

*** Số người Nguyễn Quang Bình đi sang nhập cận**

Căn cứ vào điển lệ, sứ thần An Nam triều cống là 3 người, chuẩn cho đem thêm 20 người tùy tòng. Phúc Khang An nhận

1. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 27.
2. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 25.
3. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 27.

định rằng, Nguyễn Quang Bình là quốc vương An Nam, dĩ nhiên không thể coi ngang với cống sứ. Nguyễn Quang Bình nhập cận, đem theo bồi thần 4 - 5 người, tùy tòng 30 - 40 người, các bồi thần cũng mang theo tùy tòng vài người, tổng số không quá 60 người.[1]

*** Lễ nghi đón Nguyễn Quang Bình khi tiến quan**

Ngay khi nhận được tin An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình lên đường, Phúc Khang An lập tức chạy đến Trấn Nam Quan, Thái Bình, Nam Ninh đốc thúc quan viên lo liệu mọi việc.

Trước khi Nguyễn Quang Bình tiến quan một ngày, Phúc Khang An phái các viên chức lớn trấn, đạo đem dê, rượu các món sang Lạng Sơn khao thưởng.

Ngày Nguyễn Quang Bình tiến quan, vào Chiêu Đức Đài vọng về cung khuyết khấu đầu tạ ơn, còn Phúc Khang An và các đốc phủ đại thần gặp Nguyễn Quang Bình thì dùng lễ "chủ khách" để tiếp đãi. Bên trong bên ngoài Trấn Nam Quan, phân phối tướng bị đem binh đinh xếp hàng đứng thành đội, "*mọi người đều phải khí giới chỉnh tề, thân thể cường tráng, để tỏ vẻ nghiêm túc*". Thế nhưng mỗi nơi chỉ dàn binh đinh hơn 200 người, không để nhiều quá, để "*khỏi sinh lòng nghi kỵ, e dè*".[2]

*** Sắp đặt đường đi**

Đường cống sứ An Nam vốn đi từ Quảng Tây, vào Hồ Nam, Hồ Bắc qua Hà Nam vào kinh đô. Phúc Khang An gạn hỏi bọn Thành Lâm thì đều nói rằng Nguyễn Quang Bình vốn ái mộ hai đất Tô [Châu] Hàng [Châu] phồn thịnh. Phúc Khang An suy đi nghĩ lại, qua Tô Hàng thì phải đi đường vòng, "*lộ trình quanh co khúc chiết*" sợ rằng không đến kinh đô đúng hạn kỳ; sau khi xuất quan, Nguyễn Quang Bình "*lại nỗi lòng nhớ nhà*", thì trên đường

---

1. Người dịch chú: Thế nhưng phái đoàn nước ta lên đến 150 người và theo nhiều tài liệu còn cao hơn nữa.

2. *Minh Thanh sử liệu* (1960), Canh biên, đệ nhị bản. Tấu triệp của Phúc Khang An.

khó lòng mà chịu đi vòng lên Tô Hàng. Còn như từ Quảng Tây đi lên Hồ Nam thì đường đi cực kỳ gian hiểm. Từ Quế Lâm lên đến Toàn Châu "*đường thủy chảy xiết từ trên đổ xuống, từng chặng đều có ghềnh thác, phải kéo thuyền đi ngược dòng, mỗi ngày chỉ được 20 - 30 dặm, đi đường thật là phí sức, mà lúc mới đi thì đường núi cheo leo, các nơi hẻo lánh phải xây cất công quán cũng là hao tốn*".

Phúc Khang An liền cẩn thận hoạch định đường đi lên kinh đô:

"*Sau khi tiến quan, chỗ nào cũng là núi non, đường đi chật hẹp, chỉ có ở cách cửa quan 25 dặm là Mạc Phủ Đường có thể tạm nghỉ, đi thêm 60 dặm thì đến nơi gọi là Thụ Hàng Thành đất tương đối bằng phẳng, có thể ngủ lại. Ở nơi đây vốn có công quán đủ cho nhóm Nguyễn Quang Bình nghỉ ngơi, còn bồi thần tòng nhân, thì ở bên cạnh công quán dựng thêm chừng mươi gian nhà tranh, lấy màn chia ra thành phòng để nghỉ, hôm sau nghỉ lại doanh Quỳ Đạo* [尭道], *đến châu Ninh Minh thì lên thuyền. Thuyền của Nguyễn Quang Bình ngồi sẽ trang trí cho đẹp mắt để tỏ vẻ cao quý, các thuyền khác từ quốc vương trở xuống sẽ đánh số nối đuôi nhau mà đi. Các nơi có bến đò sẽ dựng rạp trang trí rực rỡ, kèn trống nghinh đón và tiễn đưa. Đến Thái Bình, Nam Ninh, Ngô Châu là những nơi có thành quách đáng xem sẽ dãi tiệc đôi ba lần*".

Vì Ngô Châu "*thuận đường vào phủ Triệu Khánh, tỉnh Quảng Đông, theo Phong Xuyên, Đức Khánh, Tam Thủy, Phật Sơn một dải vào tỉnh thành Quảng Châu, thuyền đi biển sang sát, thành phố tráng lệ, chợ búa xe cộ người đi như mắc cửi, quan viên Mãn Hán lại đông, cảnh tượng thật là hùng tráng.*

Sau khi đến tỉnh rồi, lại dãi tiệc một lần nữa. Khi đó trời đã bắt đầu mùa hè, vậy nên may sẵn y phục bằng lụa mỏng, ở lại một hai ngày, theo đường thủy đi theo đường tỉnh thành, Thiều Châu, Nam Hùng đến tỉnh Giang Tây. Đường này đi qua Mai Lĩnh, sơn xuyên tú lệ, hùng vĩ, người ở đông đúc nhiều nơi đáng quan chiêm... theo đường Nam Xương thẳng đến Hán Khẩu tỉnh

Hồ Bắc, đường đi tính ra không quá 6 trạm, phu mã, công quán sử dụng cũng tiện, từ đó theo đường Hà Nam lên kinh đô thì các địa phương cũng đều giàu có nên dùng xe đi được, mỗi xe chuyên chở tính ra bằng vài chục người phu nên cũng giảm chi phí, mà cũng giảm cả sức người.

... Xem đường từ Quảng Tây lên kinh đô, từ Quế Lâm đến Hồ Nam, Hồ Bắc so với đường từ Ngô Châu đến Quảng Đông, Giang Tây rồi đi lên Hồ Bắc, tuy lộ trình và trạm đường nhiều ít không giống nhau nhưng xa gần thì cũng tương đương.

Quốc vương đó tiến kinh nếu đi theo đường Quảng Đông, Giang Tây thì từ kinh đô trở về sẽ do Hồ Bắc thẳng đến Hồ Nam, Trường Sa đi thuyền theo thủy lộ thẳng đến tỉnh thành Quế Lâm giúp cho hai tỉnh Giang Tây, Hồ Nam có thể chia nhau ứng phó, lại giúp cho quốc vương kia có dịp đi thêm nhiều tỉnh, biết được đất đai thiên triều rộng rãi, đi về đường dài dùng nhiều thủy lộ thì cũng thoải mái hơn".[1]

*** Bồi thần nhân viên và cung ứng trên đường đi**

"Số người quốc vương kia mang theo hơi nhiều, đường xa vào những tháng nóng nực thì cần phải thêm nhiều người lo liệu, vậy hãy phái Tả Giang Đạo Thang Hùng Nghiệp và hậu bổ đạo Thành Lâm, thêm một viên phó tướng đi cùng, vài viên thiên tổng, bả tổng để cùng kinh lý. Hiện nay Thành Lâm đã phụng chỉ tiến kinh, tính ra đến khi đó y cũng đã trở về tỉnh Việt [Quảng Đông]. *Viên chức đó khi ở An Nam, đã có lời hẹn trước với quốc vương là sang năm sẽ cùng đi lên kinh đô. Còn Thang Hùng Nghiệp là người trước sau lo việc này, người đi vẫn phục y thành tín, có thể tham dự đi theo phái đoàn, những người khác thì chờ đến lúc đó sẽ sai phái. Những địa phương phải đi qua trên đường, đều phải binh 40 - 50 người, đô ti, thủ* [bị], *bả* [tổng] *các quan hai người, áp tống hành lý cho họ, đến*

1. *Minh Thanh sử liệu* (1960), Canh biên, đệ nhị bản. Tấu triệp của Phúc Khang An.

mỗi trạm thì đổi phiên. Trên đường đi các loại đồ ăn thức uống thì sao cho không nhiều mà cũng không ít, lo liệu sao cho vừa phải... Chương trình chước định rõ ràng, trong quy mô đầy đủ cũng biểu tỏ sự thể tất chu đáo của thánh thượng".[1]

Thứ ba, tháng Mười năm Càn Long 54, Nguyễn Quang Bình nhận được ấn tín của Thanh triều, sau khi chính thức cử hành nghi thức thụ phong nên gửi biểu trần tạ, lại chuẩn bị cống vật, sai bồi thần là Nguyễn Hoành Khuông đem đi. Hạ tuần tháng Giêng năm Càn Long 55, Nguyễn Hoành Khuông đến kinh đô, Nguyễn Quang Bình gửi thư tín, Thang Hùng Nghiệp theo đúng lệ mở ra xem, lại dem nguyên thư đệ lên cho Phúc Khang An. Trong thư nói rằng, mẹ y [tức vua Quang Trung] năm nay lên tuổi 80, "*khí thể suy yếu*", ra lệnh cho bồi thần Nguyễn Hoành Khuông đến kinh đô rồi, tìm cách mua nhân sâm đem về, để cho mẹ tuổi cao dùng bổ ích.

Phúc Khang An liền chuẩn bị 4 lạng sâm, giao cho Thang Hùng Nghiệp sai người đem tới Lạng Sơn "*để cho quốc vương dùng cho mẹ mà an tâm nhập cận*". Phúc Khang An chuyển tấu lên, vua Càn Long thấy việc làm đó rất là đắc thể nên cách ngoại gia ân, thưởng cho một cân nhân sâm, ra lệnh cho tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh sai người chạy đến Trấn Nam Quan, giao cho quan viên ở cửa ải chuyển dệ lên Nguyễn Quang Bình.[2]

Ngày 13 tháng Tư năm Càn Long 55, An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình đưa con trai Nguyễn Quang Thùy, và bọn bồi thần Ngô Văn Sở đến Lạng Sơn. Phúc Khang An sai người năm trước đã đến Lê thành tuyên phong là bọn Thành Lâm "*đến trước hỏi thăm, đem dê rượu khao thưởng*" (前往劳问，犒以羊酒等物).

1. *Minh Thanh sử liệu* (1960), Canh biên, đệ nhị bản. Tấu triệp của Phúc Khang An.
2. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1347, ngày Mậu Tuất tháng Giêng năm Càn Long 55.

Ngày 14 tháng Tư, Nguyễn Quang Bình đưa 150 người đến châu Văn Uyên của An Nam, trai giới, tắm gội.

Giờ Thìn ngày 15 tháng Tư, đến Trấn Nam Quan. Phúc Khang An phái tướng bị, biền binh đứng xếp hàng ở trong ngoài cửa quan rồi đích thân dẫn văn võ quan viên đến trước Chiêu Đức Đài đợi sẵn. Nguyễn Quang Bình sai người đem cống phẩm, voi đưa đến Chiêu Đức Đài trước.

Đến giờ Tị, Nguyễn Quang Bình đưa con ruột, bồi thần 150 người qua cửa quan đến đài tạ ơn (诣台谢恩). Phúc Khang An ở tại Chiêu Đức Đài tiếp kiến An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình, rồi cùng "*uống trà đàm đạo*" (待茶叙话), "*các bồi thần cũng đều được đãi trà ở bàn dưới*". Nhân dịp này, Nguyễn Quang Thùy trên đường nhiễm bệnh nóng lạnh, Nguyễn Quang Bình xin đưa về nước điều trị, Phúc Khang An bằng lòng.

Nguyễn Quang Bình liền sai ngoại sanh [cháu gọi bằng cậu] Phạm Công Trị, bồi thần Đặng Văn Chân cùng tùy tòng hơn 30 người theo Nguyễn Quang Thùy về nước, Phúc Khang An sai người hộ tống đưa ra khỏi cửa quan.[1]

Sau đó Phúc Khang An đi cùng với Nguyễn Quang Bình theo lộ trình và ngày giờ đi từ Quảng Tây tiến kinh, tháng Năm vào đến tỉnh Giang Tây; ngày mồng 8 tháng Sáu, bắt đầu đi từ Nam Xương; ngày 15 tháng Sáu, đi đến Hoàng Cương tỉnh Hồ Bắc; ngày 16 tháng Sáu, đến Võ Xương; ngày 24 tháng Sáu đến Hứa Châu; ngày mồng 1 tháng Bảy thì đến Từ Châu, tỉnh Trực Lệ.

Khi đến Lương Hương bên ngoài kinh đô, vua Càn Long ra lệnh cho thị lang bộ Lễ Đức Minh nghinh tiếp, lại ra lệnh cho thị vệ chuyên trách việc pha trà ở trà phòng và chương kinh đem trà đi theo Đức Minh đến để làm lễ tứ trà.

Phúc Khang An liền giao nhóm Nguyễn Quang Bình cho Đức Minh đưa lên Nhiệt Hà để mình từ Lương Hương về kinh

1. (Thanh) *Khâm định An Nam kỷ lược* (1986), quyển 28.

đô thăm mẹ, ở lại nhà thêm một ngày rồi đi lên Nhiệt Hà trước bọn Nguyễn Quang Bình, báo cáo cho vua Càn Long mọi việc liên quan đến sự vụ An Nam và cũng để vua Càn Long thăm hỏi.

Ngày mồng 8 tháng Bảy, Nguyễn Quang Bình đến Nhiệt Hà; ngày mồng 9 vào chiêm cận, được vua Càn Long long trọng tiếp dãi, lại ban cho thơ ngự chế.[1]

Tháng Tám về kinh đô, tham gia điển lễ Bát tuần đại thọ của vua Càn Long và làm lễ khánh hạ.[2]

Sau lễ Vạn thọ, vua Càn Long ra lệnh cho về nước. Ngày 29 tháng Một, Nguyễn Quang Bình về đến Trấn Nam Quan. Ngày 20 tháng Chạp, về đến Nghệ An.[3]

Phúc Khang An không nề tân khổ, không ngại nhọc nhằn, suốt trên đường cùng đi với Nguyễn Quang Bình lên kinh đô, hoàn thành sứ mệnh một cách tốt đẹp. Việc Nguyễn Quang Bình nhập cận đưa quan hệ tông phiên giữa nhà Thanh và An Nam trở lại hoàn toàn khôi phục.

3. Ý nghĩa của quan hệ tông phiên Trung Hoa - An Nam được nối lại

Sau khi quan hệ tông phiên giữa Trung Hoa và An Nam được khôi phục, tiến đến một giai đoạn mới trong lịch sử quan hệ giữa hai nước, các phương diện chính trị, ngoại giao so với trước trở nên mật thiết hơn. Những biểu hiện chủ yếu gồm có:

Thứ nhất, việc cống sứ qua lại nhiều lần hơn.

Theo cựu lệ, An Nam sai sứ triều cống 3 năm một lần. Dưới đời Khang Hi, theo lời cầu xin của vua Lê thể tất ngoại phiên nên đổi thành 6 năm sai sứ đi một lần, hai lần cống cùng đem đi.

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1358, ngày Kỷ Sửu tháng Bảy năm Càn Long 55.
2. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1360, ngày Tân Dậu tháng Tám năm Càn Long 55.
3. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1369, ngày Kỷ Sửu tháng Chạp năm Càn Long 55.

Năm Càn Long 57, An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình thỉnh cầu đổi cống kỳ 3 năm lên thành 2 năm, 6 năm một lần sai sứ đi thì nay đổi thành 4 năm sai sứ đi một lần mang cả 2 kỳ cống phẩm. Vua Càn Long nhận định rằng cống kỳ An Nam tuy so với trước gần nhau hơn nhưng lời thỉnh cầu cho thấy "*tấm lòng thân cận*" (親近之心) của Nguyễn Huệ đối với Thanh triều nên đồng ý thi hành. Đồng thời đối với cống phẩm của An Nam dưa sang thì cũng nới lỏng, ấy là "*hết lòng thương xót*" của vua Càn Long.

Trước đây, cống phẩm An Nam đã định là đồ vàng, bạc, trầm hương các món. Vua Càn Long dụ quân cơ đại thần "*theo đất mà đem cống, vốn là sản vật có thể kiếm được*", "*cựu lệ có vàng, bạc nay không phải trình tiến. Ngoài những món đó ra, trầm hương chẳng hạn cũng không cần đủ số, chỉ cần những món nước kia có sẵn như thổ hoàn, quyên bố* [các loại vải] *đều có thể đem tiến cống, không cần phải câu chấp thành lệ. Ấy là không phải do cống vật, cần do thành ý mà thôi*".[1] Cống kỳ thu hẹp lại cho thấy giao thiệp giữa hai nước trở nên thân mật, gần gũi hơn.

Thứ hai, khai mở trở lại các cửa ải, bờ biển để thông thương buôn bán.

Quảng Tây nằm ở tây nam, phía nội địa sông núi chằng chịt, địa hình phức tạp, tiếp giáp với An Nam một dải biên giới rất dài. Thanh triều thiết lập ba cửa quan, 100 cửa ải (三关百隘) dọc theo biên giới. Trấn Nam Quan là con đường đi của cống sứ, Thanh triều sai sứ thần sang An Nam cũng theo đường này mà xuất quan.

Trước đời Càn Long, chỉ mở hai cửa Bình Nhi, Thủy Khẩu cho phép thương nhân qua lại buôn bán. Năm Càn Long 9, người đương nhiệm tổng đốc Lưỡng Quảng là Mã Nhĩ Thái [đúng ra là Ngạc Nhĩ Thái, tác giả viết nhầm] lấy đất Kỳ Lừa [Khư Lư] là nơi tập trung hóa vật, cách ải Do Thôn của Quảng Tây không xa, lộ trình chỉ 60 dặm. Để tiện cho buôn bán mà cũng lợi cho dân

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1404, ngày Tân Sửu tháng Năm năm Càn Long 57.

chúng nên tâu xin mở ải khẩu Do Thôn, để hàng hóa của người từ xa đến thông thương được.

Nhân dân xuất quan mỗi năm một nhiều nên gây ra nhiều chuyện rắc rối, khiến An Nam phải giải tống về nước. Về sau có người dân nội địa là Trương Đức Dụ (張德裕) tại xưởng Tống Tinh bên An Nam khai thác mỏ, tập hợp giết người thành một vụ án khiến cho hai nước phải liên quan. Về việc sửa sang biên cảnh, năm Càn Long 40, tổng đốc Lưỡng Quảng Lý Thị Nghiêu tâu xin đóng các cửa Bình Nhi, Thủy Khẩu và ải Do Thôn "*không để cho một ai ra vào*".[1] Sau khi lệnh cấm ban ra, buôn bán đường bộ giữa Trung Hoa và An Nam bị gián đoạn.

Về sau, An Nam có nội chiến giữa hai họ Lê - Nguyễn [Tây Sơn], binh lửa mỗi lúc một nhiều, lại thêm thiên tai liên tiếp, nhiều năm đói kém. Khi Nguyễn Quang Bình lên cầm quyền thì hàng hóa thiếu thốn, tình hình tài chính rất thúc bách. Sau khi nhập cận năm Càn Long 55, Nguyễn Quang Bình liền xin khai quan thông thị, vua Càn Long đặc biệt hạ chỉ thuận cho việc mở lại mãi dịch An Nam và nội địa, ra lệnh cho Phúc Khang An "*thực hiện những điều đã thảo luận*" (妥行酌议) liên quan đến việc này.

Phúc Khang An cùng quốc vương Nguyễn Quang Bình trao đổi qua lại, tái lập cách quản lý buôn bán trước đây. Thương nhân nội địa và An Nam qua các cửa ải Bình Nhi, Thủy Khẩu thì thiết lập chợ buôn bán ở trấn Mục Mã thuộc Cao Bằng của An Nam, còn qua ải Do Thôn xuất quan thì thương nhân nội địa thiết lập mãi dịch ở tại trấn Kỳ Lừa thuộc Lạng Sơn của An Nam, "*phân ra ở Thái Hòa, Phong Thịnh hai hiệu, Việt Đông* [Quảng Đông] *thương nhân ở một hiệu, Việt Tây* [Quảng Tây] *và các tỉnh ở một hiệu khác, chia ra thành xưởng thị, mỗi xưởng có một xưởng trưởng và một viên bảo hộ. Trong chợ đặt một thị trưởng, một viên giám*

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 997, ngày Ất Mùi tháng Một năm Càn Long 40.

đương, soạn thảo danh sách, cấp cho yêu bài, hóa vật thì có gì bán nấy, loại hàng thì theo nhu cầu".

Thương nhân Trung Quốc buôn bán tại An Nam thì do An Nam phụ trách, quản lý. Lại ra lệnh cho Tả Giang Đạo Thang Hùng Nghiệp xem xét và bàn luận rõ ràng về việc quản lý thương nhân xuất cảnh buôn bán. Phúc Khang An cũng "*hỏi han rõ ràng*" (确加谘访) và cùng tuần phủ Trần Dụng Phu "*gửi trát qua lại về việc buôn bán và chú tâm trù hoạch*" nên đến tháng Năm năm Càn Long 56 đã soạn ra 16 điều về việc thương nhân xuất cảnh buôn bán, ngoài những điều lệ cũ còn thêm vào nhiều điều mới để vừa kêu gọi họ đến, vừa tạo lập chương trình quản lý chặt chẽ.[1]

Khai quan thông thị phản ánh nhu cầu của hai nước nên việc qua lại buôn bán lâu nay chìm đắm có dịp hưng thịnh trở lại. Sơ tuần tháng Tư năm Càn Long 57, Nguyễn Quang Bình trong tư trình gửi cho thự tổng đốc Lưỡng Quảng Quách Thế Huân có viết: "*Bản quốc nhờ được ơn thánh thượng xem xét thấy sản vật thiếu thốn, đặc biệt cho khai quan thông thị. Từ tháng Giêng đến nay, buôn bán sầm uất, các loại hàng hóa đồ đến nên đồ dùng trong nước đã thoải mái nhiều, thần dân trong cả nước đều cảm kích ca tụng cái đạo vỗ về kẻ ở xa của đại hoàng đế, nơi nơi vui mừng*".[2]

Từ khi chính thức mở cửa quan, lập chợ để buôn bán đến lúc này là 4 tháng, phố Mục Mã, trấn Cao Bằng của An Nam, phố Kỳ Lừa của trấn Lạng Sơn thương nghiệp phồn thịnh, hàng hóa sung túc, đầy đủ cho nhu cầu của toàn thể dân chúng An Nam giúp cho xã hội ổn định, vấn đề tài chính trong nước cũng thoải mái hơn.

---

1. *Minh Thanh sử liệu* (1960), Canh biên, đệ nhị bản. Bản sao của bộ Lễ trong Nội các về tấu triệp của Phúc Khang An.
2. Quản cơ xứ lục phó tấu triệp, *Cổ đại Trung Việt quan hệ sử tư liệu tuyển biên* (Bắc Kinh: Trung Quốc Xã hội khoa học xuất bản xã, 1982), tr. 607.

Năm Càn Long 58, thự tổng đốc Lưỡng Quảng Quách Thế Huân tâu lên: "*Theo như thự đồng tri Long Châu là Vương Phủ Đường* [王撫棠] *thì khách dân xuất khẩu qua hai ngả Bình Nhi, Thủy Khẩu định hạn 4 tháng sẽ quay về. Nay chưa đến 5 tuần thì đều đã về nội địa, hỏi họ thì biết rằng hàng hóa xuất khẩu đã bán được dễ dàng*".[1]

Người thường đi sứ sang An Nam là Thành Lâm năm Càn Long 59 trong lời tâu có nói rằng: "*Từ năm Càn Long 56 đến nay nhờ ơn thánh thượng chuẩn cho An Nam thông thị, lúc đầu các hàng hóa xuất khẩu thường chỉ là các loại chất đốt* [油舫], *đồ sứ, giấy, chảo gang các loại thô nặng, gần đây vì dân chúng nước kia vui sống, nhu cầu dùng hàng nội địa tăng lên gấp bội khi trước, nô tài qua lại Trấn Nam Quan trên đường mắt thấy ở ải Do Thôn hàng hóa đường bộ ra vào, cuồn cuộn không dứt. Tra hỏi hàng hóa họ mang thì trong đó có các loại vải tơ, trà thơm là những loại hàng tinh tế, còn ở Bình Nhi, Thủy Khẩu thuộc về đồng tri Long Châu lo liệu, cách Trấn Nam Quan khá xa, hỏi đồng tri Vương Phủ Đường thì cũng nói rằng gần đây hàng hóa xuất khẩu so với hồi mới thông thị thì cũng khá hơn nhiều*".[2]

Thị trường An Nam giúp cho việc xuất khẩu của Trung Quốc được kích thích, phát triển việc sản xuất hàng hóa bán ra ngoài, kinh tế hai nước vì thế cũng thêm mật thiết.

Ngoài ra, việc lùng bắt cướp biển và cứu trợ trên biển cũng có những hợp tác.

Hải phỉ ở Quảng Đông vì bị quan binh nội địa truy nã cấp bách nên lẻn trốn qua biển thuộc An Nam nên Phúc Khang An đã gửi văn thư hai bên hợp tác truy nã. Nguyễn Quang Bình liền sai binh đinh ra ngoài biển tìm bắt. Tháng Ba năm Càn Long 56, Phúc Khang An bắt được ngoài biển Quảng Đông "*đạo phạm cướp*

1. *Cổ đại Trung Việt quan hệ sử tư liệu tuyển biên* (1982), tr. 608.
2. *Cổ đại Trung Việt quan hệ sử tư liệu tuyển biên* (1982), tr. 609.

biển" là bọn Ngô Sĩ Kỳ (吳士奇) 33 người, khi tra hỏi thì cung xưng là cùng đồng đảng trốn sang An Nam. Phúc Khang An liền báo cho Nguyễn Quang Bình biết để "*trong khu vực của mình ngăn chặn tra bắt*" (于境内堵截搜拿).[1]

Nguyễn Quang Bình nhận được "*thông báo*", "*lập tức sức cho các đồn ở duyên hải nước đó, khẩn cấp tuần tiễu, lại ra lệnh cho Ngô Văn Sở làm thủy quân đô đốc, chia ra các nơi tuần tra truy nã*", "*gắng sức giết được nhiều tên đạo phỉ, bắt sống 2 tên, giải giao cho nội địa*".[2]

Tháng Mười năm Càn Long 56, Phúc Khang An tâu lên, Nguyễn Quang Bình điều bát đô đốc Lê Văn Nhận "*đem binh đi thuyền tại vùng biển Quan Lan truy kích thuyền giặc, bắn chết hơn 20 tên rơi xuống biển, bắt sống 2 tên, xử tử ngay tại chỗ*".[3]

Tháng Chín năm Càn Long 57, Nguyễn Quang Bình qua đời, thế tử Nguyễn Quang Toản kế vị thụ phong và vẫn tiếp tục giữ quan hệ tương đối tốt đẹp với Thanh triều. Thương nhân nội địa khi bị bão hay gặp nạn thì lập tức sức cho liệu lý đưa đến cửa quan.

Năm Càn Long 60, bọn Trường Lân tâu rằng: "*Con buôn người Quảng Đông là bọn Trần Dụ Lai* [陳裕来] *ra biển gặp bão, trôi đến An Nam, được quốc vương nước đó liệu lý chu cấp đưa về, tiến quan theo đường Lạng Sơn*".[4]

Mân Việt, tổng đốc Lưỡng Quảng cũng thông tri một khi cần hiệp đồng vây bắt hải phỉ, Nguyễn Quang Toản liền sai quan biên dem binh thuyền ra biển tuần tra tiễu trừ, dem các phạm nhân, thuyền bè, khí giới giao lại cho nội địa.[5]

1. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1375, ngày Bính Thân tháng Ba năm Càn Long 56.
2. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1380, ngày Đinh Mùi tháng Sáu năm Càn Long 56.
3. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1388, ngày Giáp Thìn tháng Mười năm Càn Long 56.
4. *Thanh Cao Tông thực lục*, quyển 1476, ngày Kỷ Sửu tháng Tư năm Càn Long 60.
5. *Thanh Nhân Tông thực lục*, quyển 17, ngày Canh Tí tháng Năm năm Gia Khánh 2.

Thế nhưng cũng phát sinh những việc không vui, chẳng hạn việc An Nam chiêu nạp hải phỉ Trung Quốc, ban cho tước Đông Hải vương, tổng binh, rồi ra lệnh cho ra ngoài biển cướp bóc con buôn.[1] Tuy nhiên nói chung, quan hệ hai nước không bị những rạn nứt trầm trọng, vẫn giữ được trạng thái bình thường.

KẾT LUẬN

Cuối đời Càn Long, quan hệ tông phiên giữa Trung Hoa và An Nam qua mấy lần sóng gió, thử thách. Từ năm Càn Long 53 đến 54, đã rơi vào vực sâu, xảy ra chuyện binh đao khiến cho quan hệ Trung Hoa - An Nam bị cắt đứt trong khoảng hai năm, là một giai đoạn đáng tiếc trong quan hệ giữa hai nước.

Thế nhưng hai nước vốn có quan hệ tốt đẹp lâu dài và việc qua lại chân thành, tích cực nên đến năm Càn Long 55 việc đóng băng đã tan rã, khôi phục toàn diện. Việc khôi phục quan hệ tông phiên không phải chuyện một lần là xong mà trong quá trình, người tổng đốc đương nhiệm khi đó là Phúc Khang An đã gánh vác, theo lệnh vua Càn Long, thực lòng lo liệu, đưa phương kế giải quyết vụ thực, tiến hành trao đổi công việc ngoại giao với Nguyễn Huệ, bảo tồn thể diện cho Thanh triều và mời được Nguyễn Huệ tiến kinh chúc thọ. Trên đường đi cùng, Phúc Khang An phải chịu rất nhiều khó khăn mới chính thường hóa được quan hệ giữa hai nước và đạt được tác dụng quan trọng, đưa hai nước Trung Hoa và An Nam đến một thời kỳ mới.

Nguyên tác trích từ Journal of Southwest University
(Social Sciences Edition),
西南大学学报(社会科学版),
Vol. 36, No. 4, July 2010.

1. *Thanh Nhân Tông thực lục*, quyển 102, ngày Giáp Thìn tháng Tám năm Gia Khánh 7.

KHAI QUAN THÔNG THỊ

LỜI MỞ ĐẦU

Khi đại diện nhà Thanh sang phong vương, vua Quang Trung từ Nghệ An ra Thăng Long để làm lễ, giữa đường bị bệnh phải quay lại điều trị nên phái đoàn Trung Hoa phải ngừng lại Gia Quất đến hơn nửa tháng để chờ.

Ngày rằm tháng Mười năm Kỷ Dậu, sứ thần Thành Lâm thay mặt vua Càn Long tuyên phong cho Nguyễn Quang Bình (tên chính thức của Nguyễn Huệ) làm An Nam quốc vương. Sau khi việc hoàn tất, vua Quang Trung đã khoản đãi phái bộ nhà Thanh và đề cập đến nhiều vấn đề trong đó có ba yêu cầu để chuyển lên vua Thanh:

- Thứ nhất, vua Quang Trung cho biết sẽ dời đô về Nghệ An là trung tâm của lãnh thổ ông hiện cai trị để tiện việc liên lạc với cả hai đầu.

- Thứ hai, ông xin được ban *chính sóc* nghĩa là hàng năm được ban lịch để in ra cho dân trong nước theo đó mà cày cấy, trồng trọt. Ban lịch cũng là một biểu tượng nước ta được công nhận trong hệ thống tông phiên với đầy đủ mọi quy định.

- Thứ ba, ông xin được mở lại các cửa ải, cửa khẩu vùng tây nam mà nhà Thanh đã cấm qua lại buôn bán trong 15 năm qua.

Thực tế, hai đòi hỏi trước chỉ là một cách thức ngoại giao khôn khéo chứ trên thực tế, nước ta đóng đô ở đâu là chuyện nội bộ, nhà Thanh không và cũng chưa bao giờ quan tâm đến. Việc ban *chính sóc* cũng là một thủ tục hình thức như một nhiệm vụ của quốc gia tông chủ vốn đã lưu truyền từ lâu. Riêng yêu cầu thứ ba, việc xin được khai quan thông thị (mở cửa buôn bán qua lại) tuy lịch sử thường chỉ đề cập rất giản lược nhưng thực ra là một biến cố lớn ảnh hưởng đến toàn bộ kinh tế nước ta và cũng là đòn bẩy để sau này vua Quang Trung đưa ra một số thỉnh cầu khác. Việc mở cửa để hai bên thông thương không phải chỉ là một nhu cầu nhất thời mà liên quan đến toàn bộ thương mại biên giới của nước ta với Trung Hoa cho đến tận ngày nay.

Theo lời tâu của Phúc Khang An (tổng đốc Lưỡng Quảng) và Tôn Vĩnh Thanh (tuần phủ Quảng Tây) vào tháng Chạp năm Kỷ Dậu (1789) thì:

> *Lại theo quốc vương kia nói thì Giao Nam sản vật vốn ít, lại thêm nhiều năm binh lửa, nên vật lực suy kiệt, đại hoàng đế che chở cho quần sinh như ánh sáng mùa xuân chiếu xuống vạn vật, mong hoàng thượng ngó xuống đất viêm hoang ở bên ngoài cũng là con dân mà chuẩn cho mở lại cửa quan Thủy Khẩu để buôn bán qua lại, như thế thì sinh linh toàn cảnh An Nam đều được lợi và có đồ dùng. Bọn thần tra thấy An Nam vốn mậu dịch thông thương nhưng từ khi có lệnh cấm đến nay thì hàng hóa ở nội địa khó mà đến Giao Nam được, chẳng hạn thuốc men, trà lá là những thứ mà nước này cần dùng, gần đây cầu xin nhiều lần nhưng chưa được chấp thuận.*[1]

Tuy cũng trong lời tâu này, Phúc Khang An đề nghị đợi vua Quang Trung khi sang Trung Hoa dự lễ Bát tuần khánh thọ sẽ xin và chấp thuận như một ân điển đặc biệt nhưng vua Càn Long đã

1. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXIV, tr. 16-17.

bác khước giải pháp này và truyền chỉ lập tức mở cửa lại để hai bên thông thương:

> *Nguyễn Quang Bình được phong tước vỗ về An Nam, biết kính phụng chính sóc của thiên triều nên khẩn cầu ban cho thời hiến thư*[1]*, vậy thuận cho lời xin đó. Vậy hãy báo cho rằng được cấp phát 20 bản thời hiến thư năm 55* [Càn Long 55]. *Từ nay về sau, bộ Lễ mỗi năm tra theo lệ ban cho Triều Tiên, ban phát thời hiến, ra lệnh cho tuần phủ Quảng Tây, giao cho Tả Giang đạo thông báo cho sai quan nước đó đến cửa quan nhận lãnh.*
>
> *Còn các cửa quan Thủy Khẩu ở Việt Tây có đường thông thương, nếu không thuận cho ngay e rằng hóa vật ở nước đó khan hiếm, người dân không có mà dùng, xem ra không phải là ý nhất thị đồng nhân, thể tất ngoại phiên của trẫm.*
>
> *Nay trẫm đã minh giáng dụ chỉ, chuẩn cho mở cửa quan, thông thương chợ búa* [開關通市]*, không cần phải đợi đến khi quốc vương lai kinh, tận mặt cầu khẩn, khi đó mới bằng lòng.*[2]

Khi đọc về việc mở cửa thông thương, chúng ta thấy sự việc có vẻ giản dị nhưng thực ra đòi hỏi nhiều nỗ lực để thi hành. Tuy nhiên, đây là một thỏa hiệp song phương - nói theo ngôn ngữ thời nay là một hiệp ước thương mại mà cả hai bên đều có nhiệm vụ thi hành nghiêm chỉnh nên ảnh hưởng của nó liên quan đến không phải chỉ nước ta mà cả vùng nam Trung Hoa.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Các quốc gia ở tây nam Trung Hoa vốn dĩ là khu vực mà nhà Thanh muốn bành trướng thế lực, nhất là sau khi họ đã vươn

1. Đáng ra phải là *lịch* nhưng *lịch* là tên húy vua Càn Long nên đổi thành *thư*.
2. *Khâm định An Nam kỷ lược*, quyển XXIV, tr. 23-24.

dài cánh tay ra tới Tân Cương, Tây Tạng. Tuy nhiên, Đông Nam Á không phải là thảo nguyên rộng rãi để quân Thanh có thể dùng sở trường của kỳ binh mà là một vùng rừng rậm, nhiều "*chướng lệ*" (các bệnh rừng núi như sốt rét ngã nước và thương hàn) nên nhà Thanh hao binh tổn tướng mà chẳng đi đến đâu.

Biết rằng không thể chỉ dùng võ lực đánh chiếm các khu vực này, nhà Thanh áp dụng chính sách "*ki mi*" coi các dân tộc nhỏ bé hơn như những con ngựa cần dẫn dắt, khi nhu khi cương rồi từ từ sẽ khống chế và chiếm lĩnh.

Giữa thế kỷ XVIII, Miến Điện là một vương quốc hùng mạnh và việc tranh giành thế lực ở vùng "*trăng non*" (crescent) - nằm trong khu vực Bắc Thái, Thượng Lào và Vân Nam hiện nay - đã đưa đến những xung đột quân sự với cả Xiêm La lẫn Trung Hoa. Vốn dĩ là một vùng riêng rẽ, khi quân Thanh tiến chiếm năm 1766, họ đã sáp nhập vào lãnh thổ Trung Hoa. Kinh nghiệm này gần giống như việc Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta và nếu như không bị đại bại chạy về thì việc biến An Nam thành quận huyện là chuyện có thể xảy ra.

Thế nhưng chỉ mới chiếm đóng một thời gian ngắn, quân Thanh bị thất lợi vì bệnh tật, tiếp liệu, liên lạc và quân Miến tái chiếm các vùng Muong Leam và Sipsongpanna khiến tổng đốc Vân Quý Dương Ứng Cư (杨应琚) bị triệu về kinh và bắt buộc tự tử.

Vua Càn Long thấy *lục doanh* (quân người Hán) thua trận nên sai Minh Thụy (明瑞) đưa ba vạn kỳ binh Mãn và Mông tinh nhuệ nhất tiến sâu vào Miến Điện tới sát kinh thành. Việc tiến quân đi quá nhanh nên hậu quân không tiếp ứng kịp khiến quân Thanh bị cắt đường vận lương và khi quân Miến phản công thì rút lui không kịp. Tháng 3 năm 1768 (tháng Hai năm Mậu Tí), trong cơn tuyệt vọng Minh Thụy cắt chiếc đuôi sam trên đầu gửi về triều rồi tự tử.

Vua Càn Long không chịu bỏ cuộc nên gửi vị tướng tài ba nhất - cũng là em của hoàng hậu - Phó Hằng (傅恒) (cha của Phúc Khang An, chú của Minh Thụy) đem bốn vạn quân trong đó có 11.000 kỳ binh và một mạng lưới tiếp liệu rất quy mô, chuẩn bị cực kỳ chu đáo đánh Miến Điện.

Lúc đầu Phó Hằng đạt được một số thắng lợi nhưng một khi muốn củng cố những vùng đất họ chiếm được thì quân Thanh lại phải đối phó với những vấn đề thực tế không khác gì Minh Thụy trước đây đã gặp phải. Miến Điện nhiều sông ngòi, quân Thanh không có thuyền bè, hỏa lực thì lại thua xa quân Miến (người Miến mua được súng ống của Âu châu) và nhất là không hợp thủy thổ nên số người chết vì chướng khí mỗi lúc một nhiều. Chính Phó Hằng cũng bị bệnh nên vua Càn Long phải ra lệnh rút lui.

Việc thỏa hiệp để ngừng chiến như thế nào thì tài liệu hai bên không thống nhất - tương tự như trận chiến ở nước ta sau này - vì nhà Thanh luôn luôn tìm cách nói tốt cho họ. Phó Hằng tâu lên rằng chính Miến Điện cầu hòa và sẽ sang triều cống khiến cho vua Càn Long rất trông đợi. Cuộc chiến Thanh - Miến vừa dây dưa, tốn kém vừa hao binh tổn tướng (Phó Hằng cũng chết vì sốt rét năm 1770) khiến cho Thanh triều vừa căm hận, vừa bẽ bàng. Để trả thù, vua Càn Long ra lệnh "*phong quan*" nghĩa là đóng tất cả các cửa thông sang phía tây nam, trong đó có cả các quan ải dọc theo biên giới nước ta.

Vua Thanh khi ấy cũng chỉ mong Miến vương chính thức lên tiếng thần phục để có lý do bãi bỏ lệnh cấm thông thương nhưng mãi đến năm Càn Long 53 (Mậu Thân, 1788 tức là gần 20 năm sau) vua Miến Điện mới sai người sang triều cống.

Khi Tôn Sĩ Nghị đem quân sang đánh nước ta, tuy dưới danh nghĩa "*hưng diệt kế tuyệt*" nhưng trong thâm tâm vua Càn Long muốn rửa một "*hội chứng Miến Điện*" hơn là thực lòng giúp đỡ nhà Lê. Thành ra tuy chỉ là những thắng lợi nhỏ nhưng cũng được

thổi phồng thành những chiến công vĩ đại và khi Tôn Sĩ Nghị thua chạy về thì cả triều đình nhà Thanh và các tỉnh biên cương náo loạn, e ngại trở thành một sa lầy thứ hai tại vùng tây nam. Vua Càn Long vội vàng gửi Phúc Khang An sang làm tổng đốc Lưỡng Quảng, ngoài mặt nói là để tính đường phục thù nhưng bề trong lại mật dụ là đừng làm lớn chuyện và đổ riệt cho Lê Duy Kỳ (tức vua Chiêu Thống) bỏ chạy làm loạn lòng quân. Phúc Khang An biết ý vua Càn Long nên cam kết sẽ làm đủ mọi cách để "*dưỡng quân uy, tồn quốc thể*" và khôn khéo đưa ra những khó khăn tương tự như trong cuộc chiến năm xưa với Miến Điện mong tránh cái số phận bi thảm của cha ông là Phó Hằng.

May thay, vua Quang Trung khôn khéo cầu hòa và vua Càn Long nhanh chóng phong vương. Để tỏ ra mình là nước lớn vua Càn Long cũng sốt sắng chấp thuận các yêu cầu của An Nam trong đó có việc mở cửa biên giới vốn không thông thương nhiều năm qua.

TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH

1. Địa điểm

Theo như tài liệu nhà Thanh, dọc theo biên giới Việt - Hoa có bách ải, tam quan là những nơi có thể qua lại. Tuy nhiên, việc buôn bán chỉ tập trung ở ba cửa lớn có đóng trọng binh là Trấn Nam, Bình Nhi và Thủy Khẩu. Ba cửa quan này một bên là phủ Thái Bình (Quảng Tây, Trung Hoa) một bên là hai trấn Cao Bằng (Thủy Khẩu, Bình Nhi) và Lạng Sơn (Trấn Nam) thuộc nước ta.

Tuy có lệnh cấm nhưng vẫn có những người lén chuyển hàng hóa theo số lượng nhỏ. Việc chuyển hàng lậu đó rất nguy hiểm và bị trừng phạt nặng nề nếu bị bắt nên hàng hóa đưa sang nước ta thật bất thường.

Hai cửa Thủy Khẩu và Bình Nhi có đường sông tới Long Châu còn Trấn Nam (chúng ta thường gọi là Nam Quan, nay

có tên là Hữu Nghị Quan) thì là cửa chính trên đường đi của các sứ thần, phía nước ta có Lạng Sơn, phía Trung Hoa có Bằng Tường.

Khi mở cửa quan để buôn bán trở lại, mỗi bên thiết lập một nơi tập trung hàng hóa để kiểm soát và phân phối, bên phía nhà Thanh gọi là xưởng còn bên nước ta gọi là chợ (thị). Ở Cao Bằng, chợ họp tại Mục Mã còn ở Lạng Sơn thì tập trung tại Kỳ Lừa thuộc Đồng Đăng. Vì khu vực Nam Quan có nhiều con buôn từ xa đổ đến nên tại Kỳ Lừa chia thành hai khu, một khu gọi là Thái Hòa cho dân từ Quảng Đông đến, một khu gọi là Phong Thịnh cho người Quảng Tây đến. Mỗi khu vực lại có nhân viên quản lý và bảo vệ. Trấn Nam Quan không mở ra cho dân chúng qua lại mà chỉ khi nào có sứ thần thì binh lính canh gác mới mở để cho qua, đôi khi còn làm khó thử tài văn chương nữa. Tuy nhiên ở gần đó có một ải gọi là Do Thôn là nơi khách thương qua lại và hàng hóa theo đường này.

2. Hành chánh

Theo tổ chức, phía nhà Thanh ở Quảng Tây có hai xưởng tại Tầm Châu và Ngô Châu, ở nước ta có hai chợ tại Mục Mã và Kỳ Lừa. Mỗi xưởng có một xưởng trưởng và một bảo hộ, mỗi chợ có một thị trưởng và một giám dương. Những viên chức này có nhiệm vụ thiết lập danh sách, cấp phát yêu bài để bạn hàng có thể qua lại cửa quan bán và mua hàng mang về. Ngoài ra còn những người có nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát hàng hóa.

Mọi hàng hóa qua lại đều phải chịu thuế. Nhà Thanh đặt thuế cục tại Bình Nhi, Thủy Khẩu và Do Thôn. Ngoài cơ quan hành chánh, hai bên còn thiết lập một số *nha hãng* là nơi trung gian giới thiệu mua bán. Các thương nhân từ Quảng Đông, Quảng Tây, Chiết Giang, Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây, Sơn Tây... đã đề nghị lập ở huyện Tuyên Hóa mười gian nha hãng được gọi chung là *An Nam thông thị nha hãng* đóng vai những nhà kho để tập trung

và phân phối hàng. Những nha hãng sẽ do phiên ti (bố chính ti) trông nom và phải đóng thuế gọi là nha thuế.

3. Kiểm soát

Việc buôn bán qua lại đều do các quan lại địa phương quản trị và kiểm soát. Mỗi tháng chợ phiên mở vào ngày mồng 5 và mồng 10. Các thương nhân phải đeo yêu bài (thẻ ở thắt lưng) và hàng hóa cũng như lý lịch sẽ được kiểm tra để cho qua lại.

Ở biên giới tình hình tương đối phức tạp vì phải đề phòng cả những kẻ bất lương ăn trộm, ăn cướp hóa vật rồi đưa qua biên giới bán kiếm tiền. Thương nhân cũng đa tạp và có thể nói hai ba thổ ngữ để giả làm người thiểu số.

4. Các mặt hàng

Theo như kê khai, ngoài những mặt hàng trong danh sách cấm, hàng hóa lúc đầu trao đổi chỉ thuần túy sản xuất tại địa phương, không có xa xỉ phẩm. Theo báo cáo của Quách Thế Huân (lúc đó đang giữ quyền tổng đốc Lưỡng Quảng) thì người Trung Hoa đem sang nước ta trầu cau, thuốc hút, trà, giấy bản, chén bát, vải tấm, thuốc nhuộm, dường và dầu (thắp đèn), thuốc bắc (loại xoàng)... còn người nước ta đem sang bán cho họ củ nâu, sa nhân, đại hồi, tơ tằm, tre gỏ...

5. Thi hành

Sau khi tổng đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An trình lên dự án khai quan thông thị và một bản tâu bao gồm 16 điều lệ được vua Càn Long chuẩn thuận thì hai bên đã làm lễ vào ngày rằm tháng Giêng (năm Canh Tuất 1790).

Tính đến hôm đó, các cơ chế điều hành, kiểm soát và thuế vụ của cả hai nước đã hoàn tất. Về phía nước ta nhân sự đảm trách các trấn xưởng để bảo hộ, giám đốc, tuần tra, kê khai thanh sát nhân viên hai nơi Mục Mã và Kỳ Lừa được vua Quang Trung điều

động từ Phú Xuân và Nghệ An lên, viên chức địa phương cũng hoàn tất việc xây dựng phòng ốc từ trung tuần tháng Chạp.

Nhìn chung việc mãi dịch của Trung Hoa với nước ta trong giai đoạn đầu chủ yếu là trao đổi những vật dụng hàng ngày. Tuy đã mở cửa cho hai bên buôn bán, người nước ta vẫn dùng đồ nội hóa sản xuất ngay tại địa phương. Chúng ta cũng thấy việc mở cửa thông thương vào đầu năm Canh Tuất là một công tác nặng phần ngoại giao, công khai tuyên bố hai nước đã bình thường hóa mọi quan hệ ngoại giao và thương mại, chấm dứt các tranh chấp quân sự như một món quà trước khi vua Quang Trung và phái đoàn Đại Việt sang Bắc Kinh vào tháng Tư năm đó.

Dù sinh hoạt mãi dịch không được ghi lại một cách chi tiết, việc tiến hành thông thương sau nhiều năm bị gián đoạn cũng mở ra một vận hội mới cho dân chúng miền Bắc, nhất là những khu vực tiếp giáp với Trung Hoa. Tuy không có số liệu cụ thể, việc mở lại các cửa quan đã vực dậy một khu vực bị chiến tranh và nạn cát cứ tàn phá trong một thời gian dài.

Năm Quí Sửu (1793) - sau khi vua Quang Trung qua đời - vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản có xin mở thêm một chợ tại Hoa Sơn để thương nhân qua theo lối cửa Bình Nhi không phải đến tận Kỳ Lừa buôn bán. Đường thủy từ Bình Nhi đến Hoa Sơn là chỗ đông đảo dân cư, nhiều hàng quán con buôn tụ tập rất tiện nên Thanh triều đã nhanh chóng chấp thuận.

Như vậy ở biên giới, nước ta đã mở ba chợ tương ứng với ba đường thông sang Trung Hoa:

- Chợ Mục Mã do thương nhân đi theo cửa Thủy Khẩu.

- Chợ Hoa Sơn do thương nhân đi theo cửa Bình Nhi.

- Chợ Kỳ Lừa do thương nhân đi theo ải Do Thôn.

Chỉ ba năm sau, Thành Lâm (khi đó là đồng tri Ninh Minh) đã tâu lên vua Càn Long:

Từ năm 56 được thánh ân chuẩn cho nước An Nam thông thị đến nay, lúc đầu các loại hàng hóa xuất khẩu chỉ có các loại dầu, đồ sứ, giấy bản, nồi gang... đều là những món nặng nề, thô kệch.

Gần đây, dân chúng nước ấy vui vẻ làm ăn nên những đồ cần dùng gia tăng gấp bội khi trước, nô tài qua lại Trấn Nam Quan mục kích trên đường đến ải Do Thôn hàng hóa xuất khẩu cuồn cuộn không dứt.

Tra hỏi họ đem những hàng hóa gì thì biết là có vải tơ, trà thơm và những món hàng không nặng lắm. Còn Bình Nhi, Thủy Khẩu hai cửa thuộc đồng tri Long Châu kinh lý, cách Trấn Nam Quan khá xa, hỏi ra thì đồng tri Vương Khẳng Đường cũng nói rằng gần đây hàng hóa xuất khẩu so với khi mới mở chợ, mỗi ngày một nhiều...

Càn Long năm thứ 59 [Giáp Dần, 1794] *ngày 24 tháng Chạp.*

GIA TĂNG BUÔN BÁN VỚI NHÀ THANH

Ngoài yêu cầu khai quan thông thị, vua Quang Trung cũng xin với nhà Thanh được chuyển từ ba năm một lần triều cống lên hai năm một lần. Về phương diện hình thức chúng ta dễ dàng tưởng như một đề nghị thiếu hợp lý. Thực ra những lần sứ đoàn sang Trung Hoa chính là dịp triều đình đặt mua một số sản phẩm ưu hạng của họ để đem về dùng trong nội phủ hay ban thưởng.

Cuối thế kỷ XVIII, lợi tức đồng niên tính theo đầu người (G.N.P. per inhabitant) của Trung Hoa gần như đứng đầu thế giới. Theo con số của Fernand Braudel (tính theo $US năm 1960) thì Anh quốc (1700) vào khoảng $150 đến $190; Pháp quốc (1781 - 1790) là $170 đến $200; Hoa Kỳ (1710) (khi đó còn là thuộc địa của Anh) khoảng $250 đến $290; Ấn Độ (1800) vào khoảng $160 đến $210 (nhưng đến 1900 thì chỉ còn từ $140 đến $180); Nhật

Bản (1750) là $160; còn Trung Hoa (1800) là $228 (năm 1950 chỉ còn $170).[1]

Năm Nhâm Tí (1792), vua Quang Trung gửi thư cho Quách Thế Huân, khi đó đang nắm quyền tổng đốc Lưỡng Quảng:

> *Quốc vương nước An Nam Nguyễn trình lên việc như sau:*
>
> *Bản quốc nhờ được thánh ân thấy sản vật thiếu thốn nhiều nên đã ban cho mở cửa qua lại buôn bán. Từ tháng Giêng đến nay, thương mại tụ tập, bách hóa dồn đến nên đồ dùng trong nước cũng nới ra nhiều, cả nước thần dân ai ai cũng cảm kích ca tụng thâm nhân của đại hoàng đế vỗ về kẻ ở xa, nơi nơi mở hội.*
>
> *Thế nhưng những đồ con buôn đem đến bán, chỉ đủ cho việc dùng hàng ngày, còn bào phục thải chương* [các loại vải thêu sặc sỡ] *thì ở xa nên không tới được. Bản quốc ngưỡng mong thiên ân muốn đổi mới triều phục, nghi văn cho quan phủ cũng cần đôi chút bề ngoài, thành khẩn học lối nói năng dung nghi của văn vật Trung Quốc để khỏi bị chê là quê kệch.*
>
> *Mùa xuân năm nay từ Vạn Tượng thắng trận trở về, tôi muốn ban thưởng cho tướng sĩ áo bào để tỏ chút ơn chia sẻ. Thế nhưng nếu không phải mua đồ dệt từ Giang Nam thì thể chế phần nhiều không dùng được. Còn như vật dụng dệt ở bản quốc thì dạng thức rất nhiều, phải được người chuyên môn đem mẫu đến để đặt cho dệt từ trước thì ban xuống mới thích hợp.*
>
> *Thành thử tôi định bỏ ra vài vạn lượng bạc, sai một người thông thạo kỹ thuật của bản quốc, đưa theo năm người đến tận nơi để chọn gấm. Thế nhưng thiên triều pháp luật sâm nghiêm, tới Giang Nam phải qua mấy tỉnh nên không*

1. *Civilization & Capitalism 15th - 18th Century: The Perspective of the World*, Vol. III (New York: Harper & Row, Publishers, 1979), tr. 534.

dám mạo muội. Những chuyện lặt vặt như thế không nên để cho thánh thượng phải rác tai. Chính vì thế nên tôi mới trình bày trước đài của Vương phân phủ Long Châu, nghĩ đến lòng thánh thiên tử đãi kẻ viễn phiên ưu hậu mà chấp thuận thông báo đến Giang Nam để cấp bài chiếu cho phép thông hành.

Còn việc mang ngân lượng và sau này các món vải vóc mua được, trên đường đi làm sao thuê mướn phu phen, thuyền bè, chuyển vận trên bộ dưới nước để họ có thể lấy đó mà theo ngõ hầu làm xong việc cho sớm sủa. Như thế thì văn võ bản quốc, ai ai cũng cảm kích bội phục nhớ ơn không biết đâu mà kể.

Chỉ có bậc quân tử mới hưởng được mùi thơm của mùa hè, gió mát của phương nam, nên lấy đó mà chúc mừng những bậc ẩn giả như ngài. Nay viết thư trình lên.[1]

Gửi đến trước đài của:

Thiên triều khâm mệnh Binh bộ thị lang kiêm Đô sát viện phó đô ngự sử, tuần phủ Quảng Đông dẵng ngoại địa phương để đốc quân vụ thự Lưỡng Quảng đốc bộ đường Quách [Thế Huân] *đại nhân.*

Càn Long năm thứ 57 [Nhâm Tí, 1792] *tháng Tư nhuận, ngày mồng...*[2]

Tuy nhiên, Quách Thế Huân đâu có thể tự tiện cấp thông hành để cho người nước ta sang mua một số lượng hàng lớn như thế, lại phải đi qua mấy tỉnh, nếu như người khác có bụng xúc xiểm tâu lên thì sẽ mang vạ vào thân, có khi còn bị khép vào tội "*tư thông ngoại phiên*" không chừng.

1. Đây là khéo tâng bốc Quách Thế Huân đang tạm quyền tổng đốc Lưỡng Quảng ý như ông ta chọn được phục vụ ở phương Nam vì là người quân tử.
2. Tấu triệp từ Quân cơ xứ trích trong *Cổ đại Trung Việt quan hệ sử tư liệu tuyển biên*, quyển Hạ (Bắc Kinh: Khoa học xã hội, 1982), tr. 606-607.

Theo tài liệu nhà Thanh, việc này đã được vua Càn Long cho đình nghị. Các đại thần trong Quân cơ xứ tâu lên như sau:

... Trước đây quốc vương nước đó đã gửi biểu lên xin định lại cống kỳ, bọn thần đã cùng với bộ Lễ định nghị rằng từ nay hai năm một lần tiến cống và đã được hoàng thượng chuẩn cho quốc vương kia thi hành. Vậy khi cống sứ qua lại thì những nhu cầu về vải vóc cần mua sẵn dịp lai kinh trên đường mua đem về. Chỉ có điều khi quốc vương gửi sứ sang thì do đường Hồ Quảng, Hà Nam mà không theo đường Giang Ninh. Nếu như quốc vương nước đó cần mua vật dụng mang về thì sẽ đổi lộ trình theo đường Hồ Bắc, Kinh Giang, Giang Ninh, Trường Giang cho tiện việc mua bán.

Vậy từ nay về sau, mỗi khi cống sứ nước đó lên kinh nếu cần phải mua hàng thì hãy trình trước cho các đốc phủ tâu lên để đổi theo đường thủy Giang Ninh, còn nếu không phải mua bán gì thì cứ theo đường cũ Hồ Quảng, Hà Nam tiến kinh.

Lần này nếu cần mua bào phục các loại thì hãy cứ theo chương trình định sẵn từ trước, cho thông sự viết rõ ràng kê khai từng món, trình giao cho quan viên địa phương để đưa cho các tiệm buôn chuẩn bị, các quan chức sẽ đôn đốc để khi nào sứ thần xuất kinh sẽ thu mua đem về nước.

Trong khi chờ đợi huấn thị, bọn thần sẽ chuyển giao cho thự Lưỡng Quảng tổng đốc chuyển cho quốc vương kia khâm tuân biện lý cùng đốc phủ Giang Nam tuân chiếu.

Xin tâu lên.

Càn Long năm thứ 57, ngày 20 tháng Sáu.

Châu phê: Lời tâu rất đúng. Cứ thế mà làm. Khâm thử.

Qua hai lá thư trên đây, chúng ta ngờ rằng nếu ông không cố ý cho người sang tìm hiểu cách thức sản xuất mẫu hàng vải của Trung Hoa để xây dựng một kỹ nghệ dệt cho mình thì cũng muốn

đặt mua hàng với số lượng lớn. Việc này không biết rồi ra sao vì không thấy thư hồi đáp và sau đó không lâu, vua Quang Trung bị bạo bệnh qua đời. Cái chết đột ngột của ông khiến cho một số dự tính không tiến hành được, bỏ lỡ những dịp may hiếm có cho nước ta.

Cũng nên thêm rằng trong giai đoạn được vua Càn Long tin cậy, vua Quang Trung đã tiến hành việc đòi lại bảy châu ở Hưng Hóa và cầu hôn một hoàng nữ nhà Thanh. Những động thái đó nhằm nâng nước ta lên thành một tông phiên (quốc gia có liên hệ hôn nhân) hầu dễ dàng trở thành một đầu cầu trung gian nhận và chuyển hàng từ Trung Hoa ra bên ngoài.

KẾT LUẬN

Một trong những lãnh vực ít được quan tâm là những canh cải của thời đại Quang Trung về kinh tế. Chính các đại thần nhà Thanh cũng khâm phục khi thấy những yêu cầu đầu tiên sau khi Nguyễn Huệ được phong làm An Nam quốc vương đều là những đòi hỏi cụ thể, ích quốc lợi dân để giải quyết khó khăn sau nhiều năm binh lửa.

Những thắng lợi ngoại giao cũng khiến cho Nguyễn Huệ nhận ra rằng việc xích lại với Trung Hoa để thừa hưởng những ưu điểm kỹ thuật của họ là điều cần thiết. Cuối thế kỷ XVIII, Trung Hoa là quốc gia trù phú và là trung tâm sản xuất nhiều mặt hàng bán ra hầu như toàn thế giới nên ông đã tính đến việc chuyển giao một số công nghệ sang nước ta, chẳng hạn sản xuất hàng tơ lụa là mặt hàng chúng ta có nhiều nguyên liệu thô nhưng lại ít bán ra ở dạng thành phẩm.

Trong vị thế ngoại phiên, hàng hóa từ nước ta đem sang bán và hàng mua từ Trung Hoa đem về được hưởng một thuế xuất ưu đãi. Do đó nếu biến các hải cảng ở miền Trung như Hội An, Quy

Nhơn thành những đầu cầu trung gian thì lợi ích kinh tế sẽ gia tăng rất nhiều.

Theo tài liệu mới phát hiện sau này ở châu Quy Hợp thì ngoài các cửa ở phương bắc thông sang Trung Hoa, vua Quang Trung cũng đẩy mạnh việc mở một thương khẩu ở phương tây qua ngả Nghệ An nhằm giải tỏa các hạn chế được áp đặt thời Lê - Trịnh. Một thương cục dưới quyền của bộ Hộ đã điều hành khu vực này và Quy Hợp trở thành cửa ngõ chính để chuyển hàng từ bên ngoài vào Lào, Bắc Thái, Miến Điện với các mặt hàng trao đổi rất phong phú.[1]

J. Kathirithamby-Wells trong nghiên cứu nhan đề "The Age of Transition: The Mid-Eighteenth to the Early Nineteenth Centuries" đã nhận định như sau:

> *... An important aspect of Tayson reform was the liberation of commerce and industry. To facilitate trade, a unified currency system was introduced. Symptomatic of the increased circulation of cash and the development towards a monetary system was the growth of wage labour in the main commercial centres of Hanoi, Fai-fo (Quang Nam), Binh Hoa and Saigon, well in advance of parallel developments in Burma and Siam. Mining was activated and shipbuilding, military workshops, paper and printing-works established. These developments, in combination with the abolition or the reduction of taxes on local produce, as well as the liberation of the frontier and maritime trade with China, rendered the thirty-year regime of the Tayson an era of important commercial growth, with the emergence of a pre-capitalist merchant community.*

1. Tran Van Quy, "The Quy Hop Archive: Vietnamese - Lao Relations Reflected in Border-Post Documents dating from 1619 to 1880", Ngaosrivathana, Mayoury và Kennon Breazeale, *Breaking New Ground in Lao History: Essays on the Seventh to Twentieth Centuries* (Chiang Mai: Silkworm Books, 2002), tr. 239-256.

(Một khía cạnh quan trọng trong cải cách của Tây Sơn là sự khai phóng về thương mại và kỹ nghệ. Để khuyến khích thương mại, một hệ thống tiền tệ thống nhất được ban hành. Việc gia tăng lưu hành tiền mặt và phát triển hệ thống tiền tệ đã đưa đến việc gia tăng lương bổng lao động tại những trung tâm thương mại như Hà Nội, Hội An, Binh Hoa [Biên Hòa?], *Sài Gòn nếu so với những khu vực tương đương ở Miến Điện và Xiêm La thì tiến bộ hơn nhiều.*

Việc khai mỏ được tiến hành, các xưởng đóng tàu, đúc súng, làm giấy và nhà in được xây dựng. Những phát triển đó kèm theo việc bãi hay giảm thuế cho các mặt hàng nội địa, việc khai thông biên giới và buôn bán đường biển với Trung Hoa đã khiến cho một triều đại tuy chỉ có ba mươi năm của Tây Sơn đã đạt được những tăng trưởng thương mại quan trọng và sự xuất hiện một cộng đồng thương nhân tiền-tư bản).[1]

1.2011

1. *The Cambridge History of Southeast Asia*, Volume One, Part Two: From c. 1500 to c. 1800, Edited by Nicholas Tarling (Cambridge University Press, 1999), tr. 245.

PHỤ LỤC

TẤU THƯ CỦA PHÚC KHANG AN VỀ VIỆC MỞ LẠI CÁC CỬA THÔNG QUA NƯỚC TA

Xét về việc quốc vương nước An Nam Nguyễn Quang Bình thỉnh cầu mở các cửa quan để cho qua lại buôn bán, ngẩng xin hoàng thượng cúi xuống dân đen ở chốn viêm tưu cũng đều là con đỏ của thiên triều.

Trước đây hai họ Lê - Nguyễn xung đột với nhau, lại bị nhiều năm đói kém, sản vật hao kiệt, vấn đề sinh sống của nhân dân thật là khó nhọc, xin đặc ban ân chỉ chuẩn cho được qua lại buôn bán với nội địa và ra lệnh cho thần Phúc Khang An lo liệu tính toán để cho việc khai quan thông thị tiến hành tốt đẹp, đủ biết lượng thánh chúa thật bao la đối xử với chỗ nào cũng đều nhân từ cả. Thần Phúc Khang An đã gửi thư cho Nguyễn Quang Bình kính cẩn tuân hành, nay tờ biểu cung tạ thiên ân đã ở trước án.

Cúi thấy An Nam ở một nơi hẻo lánh hoang vu, tiếp giáp với phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây bao gồm ba cửa và trăm ải, việc phòng ngự biên cương thật là cần mật, trước đây hai bên vẫn qua lại buôn bán với nhau nhưng từ khi thiết lập cấm chỉ cũng đã hơn mười năm rồi nên đồ nhu dụng cho dân nước kia ngày thêm khan hiếm. Lại thêm sau cơn binh lửa, vật lực lại càng gian nan.

Nay được thánh chúa thi ân vượt mức, hứa cho mở chợ buôn bán như cũ thì từ nay những món hàng có thể mua được dễ dàng dần dần sẽ trở nên phong phú, ngay cả những người mán mọi cũng đều được hưởng ân đức. Nguyễn Quang Bình đã vào hàng phiên phục, được sủng vinh cực lớn thật là thiên địa hồng ân, ắt hẳn cảm kích phi thường, việc thành tâm quay về lại càng kính cẩn.

Có điều việc chợ phiên của dân gian cũng phải có các cấp văn võ địa phương đốc thúc kiểm tra, huống chi nơi biên môn thì lại

càng thêm thận trọng. Các quan ải dọc theo biên giới Việt Tây [tức Quảng Tây], *giáp với An Nam gà gáy chó sủa cũng nghe thấy, trước khi cho thông thương thì hai cửa quan Bình Nhi, Thủy Khẩu theo đường thủy mà xuất khẩu* [ra khỏi Trung Hoa sang nước ta] *đều phải được thông phán Long Châu cấp cho yêu bài* [thẻ deo ở thắt lưng], *còn những ai đi đường bộ qua các thôn ải xuất khẩu thì phải có thẻ do tri châu Ninh Minh cấp, sau đó đem sang nha môn của đồng tri Minh Giang đổi lấy yêu bài. Mỗi tháng vào ngày mồng 5 và mồng 10 thì kiểm nghiệm rồi cho các con buôn qua lại, ấy là chương trình đã định sẵn.*

Thế nhưng tình hình hiện nay cũng đã có chỗ khác biệt không như trước, nên tuy theo cũ mà cũng phải canh tân, đều phải trù hoạch cho kỹ càng, các ti các đạo phải xem xét bàn luận rồi mới ra lệnh cho quan ngoại [tức bên phía nước ta] *lập ra các chợ cùng đường đi xa gần cùng cách thức làm sao quản thúc kê tra, tính toán rõ ràng rồi báo cáo lại.*

Nay theo như viên ti đạo Thang Hùng Nghiệp liệt kê những khoản đã bàn luận cùng những khoản đã thuận cho thư trả lời của Nguyễn Quang Bình thì các con buôn đi theo hai cửa Bình Nhi, Thủy Khẩu sang sẽ lập chợ ở phố Mục Mã, trấn Cao Bằng, các con buôn từ các thôn ải qua sẽ lập chợ ở phố Kỳ Lừa chia thành hai hiệu Thái Hòa, Phong Thịnh để thương dân Việt Đông thành một hiệu, thương nhân Việt Tây thành một hiệu cho hai bên khác nhau. Trong mỗi xưởng đặt một xưởng trưởng và một người bảo vệ, còn mỗi chợ thì có một thị trường, một giám dương để lập danh sách, cấp yêu bài.

Hàng hóa tùy lúc mỗi khác, giá cả cũng tùy theo mùa sao cho thích nghi đều được thảo luận trước. Xem những gì quốc vương bàn luận thì đều có lý lẽ, những gì mua bán giao dịch ở bên nước kia thì do nước ấy kê tra giải quyết. Những thương nhân nào từ nội địa [tức đất Trung Hoa] *thì việc đích cấp phát thẻ bài và các thủ tục, bọn*

thần sẽ tra hỏi đích xác, đi sang trở về mua bán những gì, sau đó sẽ trù liệu chi tiết.

Việc đó đầu tiên do nguyên tịch [nơi quê quán cư ngụ] *tra xét để rõ ràng lai lịch, sau đó sức cho quan ải tra nghiệm để phòng kẻ ăn trộm rồi đem hàng vượt biên giới. Thuyền bè, phu phen đều phải tra và vào sổ tất cả, các hàng quán cũng có trách nhiệm trong đó, đem trở về quan phải theo số lượng hạn chế đã định khi tiến khẩu sẽ xác nghiệm thẻ bài.*

Ở bên đất di [cách gọi của Trung Hoa chỉ nước ta] *thì cũng không cho lưu lại nơi trường xưởng để phòng cấu kết. Các loại hóa vật bị cấm thì lại càng lưu ý tra xét, nếu có đồ kẻ gian lén đem qua thì phải tra xét kỹ càng hơn.*

Trấn đạo có tổng lý chịu trách nhiệm, dưới có các ti chuyên môn. Trong những nguyên tắc cũ nay thêm vào và rút lại lập thành chương trình tổng cộng là 16 điều khoản, xin viết rõ ràng trình ngự lãm để xin thánh thượng huấn thị.

Phàm thiết lập trù hoạch các phép tắc kê tra nghiêm mật như thế thì trị pháp ắt ở việc sắp đặt người, thực lòng mới có thực chính nên bọn thần đã cùng Tả Giang trấn đạo đốc sức các quan viên văn võ cùng hăng hái, hết sức thi hành, không để cho bê trễ, xa gần đều theo mà làm chỉ có lợi mà không tệ hại hầu báo đáp lòng hoàng thượng trông xuống phiên phục, yêu mến thương nhân.

Nếu được dụ chỉ bằng lòng, thần sẽ báo ngay cho các tỉnh lân cận cùng gửi thư cho quốc vương Nguyễn Quang Bình để cùng tuân chiếu lo liệu. Thần cũng hợp lại gửi trát theo đường dịch trạm kính cẩn tâu lên để hoàng thượng soi xét và cho các cấp bàn luận thi hành.

Cẩn tấu.

Càn Long ngày mồng 4 tháng Sáu năm thứ 56 [Tân Hợi, 1791].

CÁC ĐIỀU LỆ CỦA NHÀ THANH VỀ VIỆC BUÔN BÁN VỚI ĐẠI VIỆT

Theo tài liệu thì điều lệ này tổng cộng 16 khoản nhưng chúng tôi chỉ thấy trong sách 14 khoản và nhiều chi tiết bị lược bỏ, có lẽ không quan trọng:

(1) Thương nhân sang An Nam buôn bán trước hết phải được nguyên tịch [nơi gốc đang cư ngụ] tra xét và cấp giấy chứng nhận. Xét những người sang An Nam mãi dịch, đa số là dân ở các phủ Nam Ninh, Thái Bình, Trấn An thuộc tỉnh Quảng Tây, các trấn Thiều Châu, Huệ Châu, Liêm Châu, Gia Ứng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông. Bọn họ thường là một mình hay đi từng đoàn mang hàng xuất khẩu, không giống như khẩu doanh ở nội địa mà sống rải rác ở biên giới, nên rất khó tìm ra nguyên tịch. Nay là lúc mới thông thị cần ra lệnh cho những thương nhân này phải về bản tịch trình báo quan lại địa phương để tra xét rõ là lương dân rồi bảo lãnh cam kết, sau đó cấp cho thẻ để tên họ, tuổi tác, hình dáng, tịch quán có đóng dấu. Những người xuất khẩu theo hai đường Bình Nhi, Thủy Khẩu thì đem ấn chiếu trình báo cho thông phán Long Châu tra xét để cấp cho yêu bài [thẻ đeo ở thắt lưng]. Còn những người theo thôn ải xuất khẩu thì đem ấn chiếu trình báo cho tri châu Ninh Minh xét nghiệm, cấp cho giấy có đóng dấu [ấn phiếu] để khi tới Minh Giang thì đồng tri nơi đó xét nghiệm rồi sẽ đổi cho yêu bài để cho binh sĩ đóng ở quan ải xét mà cho qua. Nếu như tuổi tác, hình dáng không phù hợp, số người và hàng hóa không ăn khớp, một khi quan lại ở cửa khẩu tra ra thì lập tức trả trở về, không cho ra khỏi cửa ải rồi đem cả nơi nguyên tịch cấp cho ấn chiếu bài phiếu lẫn các nơi trên đường đi tra xét đem ra xử.

(2) Nếu như đi buôn hàng ít người nhiều không được nguyên tịch địa phương xét cấp cho giấy tờ. Trước nay các con buôn sang An Nam mua bán đều thuộc loại tiểu thương không có nhu cầu nhiều người góp vốn. Nếu như chỉ có ít hàng hóa mà lại tụ tập đông người, thác xưng là góp vốn làm ăn thì đều là người giả mạo

để xuất khẩu, trong dó kẻ ngay người gian khó phân biệt. Từ nay về sau, người đi buôn ở quê quán xin giấy tờ sang An Nam thì địa phương phải tra xét cho rõ ràng, hóa vật nhân số nhiều ít thế nào, nếu nhưng hàng ít người nhiều thì không được cấp chiếu phiếu. Nếu theo đúng phép này mà kê tra thì sẽ không có những kẻ giả mạo len lỏi mà quan ải cũng dễ dàng tra xét.

(3) Thuyền bè, nhân phu của các nhà buôn xuất khẩu thì phải đậu tại Long Châu, Ninh Minh...

(4) Ở Long Châu và châu Ninh Minh phải thiết lập khách trưởng. Trước đây tại Long Châu và Ninh Minh có thiết lập khách trưởng. Từ năm Càn Long thứ 40 sau khi đóng cửa quan thì cũng giải tán các hội quán và khách trưởng. Nay nhờ có thiên ân nên mở cửa quan trở lại để dễ dàng buôn bán, nên sức cho thông phán Long Châu cùng tri châu Ninh Minh theo lệ cũ cẩn thận tuyển vài người dân già dặn, thực thà cho làm khách trưởng, thiết lập hội quán...

(5) Bài chiếu do các viên chức ở sảnh, châu cấp hay đổi để khỏi gây tệ nạn bày vẽ, chèn ép, kìm giữ...

(6) Hàng hóa xuất nhập quan ải thì phải được lệnh của người giữ cửa khẩu mới được qua.

(7) Thương nhân qua lại quan ải thì tùy theo từng loại mà định hạn kỳ.

(8) Người đã qua cửa ải nhưng vì bệnh tật, tai nạn thì phải lập tức báo cho trấn mục nước kia để thông tri cho nội địa tiện việc kê tra.

(9) Thương nhân nội địa nếu lẻn trốn qua các trường xưởng An Nam sẽ do trấn mục An Nam tra xét để trục xuất.

Các trường xưởng An Nam ở dọc theo các xứ Cao Bình, Mục Mã, Lạng Sơn có rất đông dân Triều [Châu], Gia [Hưng] từ Quảng Đông sang làm ăn đã lâu năm, đến nay không khác gì dân

bản xứ. Trong tấu triệp hồi năm ngoái khi thần tra xét việc biên cương cũng đã tâu rõ đưa những người tiến quan trở về bản tịch địa phương an tháp, quản thúc. Thực ra những người trốn sang An Nam cũng chỉ vì kiếm đường sinh sống nên chỉ sức cho hai tỉnh Đông Tây lưu tâm phòng ngừa các đường thủy lục quan ải không để cho có thêm người bị bắt về tội vượt biên. Nay quốc vương Nguyễn Quang Bình trả lời rằng đã phân biệt ra xưởng và chợ, thiết lập các chức xưởng trưởng, thị trưởng để bảo hộ và giám đốc các loại danh mục để kê tra kiểm soát các loại hàng hóa, biện lý xem ra chu đáo. Thế nhưng trường xưởng người khách kẻ xấu người tốt không giống nhau, nay khai quan thông thị thì tất cả khách buôn nội địa cùng đổ đến đây, hoặc có kẻ tự nhận là đồng hương hay mang thư tín rồi lẻn vào trong trường xưởng, người này đến, kẻ kia đi rồi chung vốn mở tiệm, liên lạc cấu kết sẽ sinh ra rắc rối, không thể không phòng từ chuyện nhỏ...

(10) Con buôn mua bán hàng hóa thì phải thuận mua vừa bán.

(11) Con buôn qua lại đường thủy, đường bộ phải có viên chức cao cấp kê tra tổng lý.

(12) Phải minh định nghiêm cấm không để kẻ gian lén vượt qua.

(13) Những loại hàng cấm phải được in ra và thông báo cho rõ ràng. Xét thấy trước đây các thương nhân sang An Nam buôn bán thì chỉ mang theo các loại hàng vải vóc, giày dép, giấy, mỹ phẩm, dầu đốt đèn, trà lá, đường trắng, trầu cau, đường bánh, thuốc hút và những loại dược liệu tầm thường. Khi tiến quan [trở về Trung Hoa] họ mang theo hàng hóa thì chỉ có sa nhân, củ nâu[1], thiếc, các loại tre gỗ. Ngoài ra đều là các loại hàng cấm nếu như lén đem ra ngoài sẽ bị phạt nặng. Thành ra khi mới thông thị e rằng có những khách thương vì không biết nên trót mang, vả lại quan ải đã đóng lại hơn mười năm nên lệ cũ chắc cũng quên rồi mà người đi buôn mới không phải là bạn hàng cũ, nếu không hiểu dụ

1. Nguyên văn: 薯莨 (*thự lang* - Dioscorea Cirrhosa).

trước cho rõ ràng thì chưa chắc gì đã biết được các lệ cấm. Vậy xin sức lệnh cho Long Châu, Ninh Minh các châu đem những hóa vật cấm không được mang ra ngoài, tìm hiểu cho minh bạch rồi liệt ra vừa nói cho biết, vừa khắc thành bảng gỗ dựng ở trên các ngã tư rồi giảng giải cho mọi người để các con buôn nhìn là biết ngay không thể nào nhầm lẫn được. Còn như ai ngoài mặt thì theo, bên trong lại vi phạm vẫn lén mang đi nếu tra ra sẽ trừng trị thật nặng.

(14) Hàng hóa xuất nhập, có ra thì phải có vào. Từ năm Càn Long 40 đến nay, Bình Nhi, Thủy Khẩu hai cửa quan vào ải Do Thôn đóng lại đã lâu, hiện nay khâm phụng ân chỉ khai quan thông thị, những con buôn ở gần thì biết, còn những khách dân ở hơi xa và những người buôn bán cùng tỉnh không phải ai ai cũng biết. Vậy nên mời gọi cho rộng rãi để cho hàng hóa nườm nượp xuất khẩu khiến ai nấy đều kính ngưỡng hoàng ân.

Hai tài liệu trên trích từ
Minh Thanh sử liệu, *Canh biên, đệ nhị bản,*
tr. 186-191 (tức các trang 4347--4357
trong Thanh quý nội các đáng án toàn tập,
quyển XII. Bắc Kinh: Học Uyển, 1999).
Những tài liệu này cũng được sao lại trong
Cổ đại Trung Việt quan hệ sử tư liệu tuyển biên.
Bắc Kinh: Trung Quốc Khoa học xã hội xuất bản xã, 1982,
tr. 598-602.

福康安等奏摺

臣福康安臣陳用敷跪奏爲酌籌內地安南通市事宜恭摺奏請聖訓事竊照安南國王阮光平籲請開關通市仰蒙我皇上俯念炎徼蒸黎俱屬天朝赤子□□□□□□□以連年荒歉物產耗竭民□生（約缺五字）恩旨准其與內地仍通貿易並令臣福康安將開關通市事宜妥行籌議仰見聖主量宏胞與一視同仁當經臣福康安照會阮光平敬謹遵行隨據具表恭謝天恩在案伏查安南僻居荒服與粵西太平等府境壤毗連而百隘三關邊防其爲嚴密從前原係互通貿易自設禁以來計已十有餘載彼國民用所需自必日形短絀況經兵燹之後物力尤覺艱難今蒙聖主格外隆施許（約缺十字）易可期漸致豐饒凡（約缺七字）和食德阮光平叨膺藩服備極寵榮荷此天地鴻恩尤切非常感戴宜共輸誠効倍益恪恭惟查民間墟市尙須地方文武彈壓稽查況在邊關自宜益加愼重粵西沿邊隘與安南雞犬聲聞從前通市時凡從平而水口兩關水路出口者俱由龍州通判給領腰牌其從由村隘旱路出口者先由寧明州知州給票再赴明江同知衙門換給腰牌每月逢五逢十驗放一切（約缺九字）程而今昔情形或有參差（約缺八字）須詳愼酌籌隨經據行司道悉心查議幷令將關外立市地方道途里數及如何管束稽查之處一併議覆去後茲據該司道湯雄業等列款議詳並據咨准阮光平咨覆平而水口兩關來商於高遷鎮牧馬庸立市由村隘來商於諒山鎮驅驢庸立市分設太和曇盛二號以粵東商民爲一號粵西及各處商民爲一號仍區別廠市於廠內置廠長一人保護一員市內置市長一人監當一員攢造名冊給發腰牌貨物隨其所售物價隨其所宜等由一併詳覆前來查該國王所議頗有條理其在（約缺九字）爲稽察辦理所有商民（約缺八字）牌給照各項事宜臣等確加諮訪

往返札商逐一細心籌酌先由原籍確查以清其來歷機防關隘嚴驗以防其偷越夫船則預編清冊行館則各有責成回關勒定限期進口確驗牌照在夷地則杜其逗遛於場廠則防其勾結逾禁貨物加意盤查私越奸徒申明稽察責鎮道以綜理畀承牧以專司於復舊之中參以新議於招徠之內嚴立章程計共一十六條另繕清單敬呈御覽仰祈聖明訓示凡此設法稽查籌辦似已嚴密第治法必（約缺九字）臣等惟有率同左江鎮（約缺九字）按照力行不使稍有弛懈冀以久遠遵循有利無弊以仰副我皇上懷柔藩服愛育商民之至意俟蒙俞允即當咨移隣省並照會該國王阮光平一體遵照辦理臣等謹合詞恭摺附驛具奏伏乞皇上睿鑒勅部議覆施行謹奏乾隆五十六年五月初九日

（硃批）該部議奏

禮部「爲內閣抄出兩廣總督福康安等奏」移會　六月二十一日　廣西開通市事宜

禮部爲移會事主客司案呈乾隆五十六年六月十三日內閣抄出兩廣總督公福廣西巡撫陳奏酌籌內地安南通
市事宜恭請聖訓一摺于乾隆五十六年六月初四日奉硃批該部議奏欽此欽遵抄出到部相應抄錄原抄移會稽
察房可也須至移會者計原抄一紙右移會稽察房乾隆五十六年六月二十一日

乾隆五十六年六月十三日內閣抄出臣福康安臣陳用敷跪奏爲酌籌內地安南通市事宜恭摺奏請聖訓事竊照
安南國王阮光平籲請開關通市仰蒙我皇上俯念炎徼烝黎俱屬天朝赤子從前黎阮內訌兼以連年荒歉物產耗
竭民人生計維艱特頒恩旨准其與內地仍通貿易並令臣福康安將開關通市事宜妥行酌議仰見聖主量宏施與
一視同仁當經臣福康安照會阮光平敬謹遵行隨據具表恭謝天恩在案伏查安南僻居荒服與粵西太平等府境
壤毗連而百隘三關邊防甚爲嚴密從前原係互通貿易自設禁以來計已十有餘載彼國民用所需自必日形短絀
況經兵燹之後物力尤覺艱難今蒙聖主格外隆施許其照舊市貿自此懋遷販易可期漸致豐饒凡在鑿齒雕題無
不飲和食德阮光平叨膺藩服備極寵榮荷此天地鴻恩尤切非常感戴宜其輸誠效(効)悃倍益恪恭惟查民間墟市向
須地方文武彈壓稽查況在邊門自宜益加慎重粵西沿邊關隘與安南雞犬聲聞從前通市時凡從平而水口兩關
水路出口者俱由龍州通判給領腰牌其從由村隘旱路出口者俱由寧明州知州給票再赴明江同知衙門換給腰
牌每月逢五逢十驗放一切商民出入各已定有章程而今昔情形或有參差互異則更新復舊均須詳慎酌籌隨經
檄行司道悉心查議并令將關外立市地方道途里數及如何管束稽催之處一併議覆去後茲據該司道湯雄業等

明清史料　庚編第二本　一八七

列款詳議並據咨准阮光平咨覆平而水口兩關來商於高憑鎮收(牧)馬庸立市由村隘來商於涼(諒)山鎮驅驢庸立市分設太和豐盛二號以粵東商民爲一號粵西及各省商民爲一號仍區別廠市于廠內置廠長一人保護一員市內置市長一人監尚(當)一員攢造名冊給發腰牌貨物隨其所售物價隨其所宜等因一并詳議前來查該國王所議頗有條理其在夷地交易應會該國自爲稽查辦理所有商民由內地出口一切給牌給照各項事宜臣等確加諮訪往返札商逐一細心籌酌先由原籍確查以清其來歷繼飭關隘查驗以防其偷越夫船則預編清冊行館則各有責成回關勒定限期進口確驗牌照在夷地則杜其逗遛于場廠則防其勾結違禁貨物加意盤查私越奸徒申明稽察責鎮道以綜理畀丞牧以專司于復舊之中參以新議於招徠之內嚴立章程計共一十六條另繕清單敬呈御覽仰祈聖明訓示凡此設法稽查籌辦似已嚴密第治法必在治人實心斯有實政臣等惟有率同左江鎮道督飭文武共相振作按照力行不使稍有弛懈冀以久遠遵循有利無弊以仰副我皇上懷柔藩服愛育商民之至意如蒙俞允即當咨移隣省並照會該國王阮光平一體遵照辦理臣等合詞恭摺附驛敬謹具奏伏乞皇上睿鑒勅部議覆施行謹奏乾隆五十六年六月初四日奉硃批該部議奏欽此

一商民前赴安南貿易先由原籍確查給照也查內地赴安南貿易多係廣西之南定(寧)太平鎮安等府及廣東之韶州惠州□州嘉應州民人伊等或係單身或係合夥置貨出口非同內地□營固宜盤詰於邊關猶宜清釐於原籍(籍)現當通市之始應令該商民等先赴本籍地方官呈報查明實係殷實良民取具保隣甘結將該商姓名年貌籍貫塡給印照其從平而水口兩關出口者將印照呈報龍州通判查驗明確給予腰牌如存(從)由村隘出口者將印照呈報寧明州

知州驗明給予印票俟行至明江由該同知驗明換給腰牌仍由駐劄關隘營弁督率兵勇驗放倘有年貌不符人數貨物不對者一經關隘廳州查出即行逐回不許出口仍將濫給印照牌票之原委（疑誤）（籍）藉地方官及沿途州廳分別查參議處

一商民貨少人多毋許原籍地方官濫給□□也查向來商販赴安南貿易均係小本經營毋需多人合本如以些微貨物糾約多人托稱合夥生理者必係混冒出口之人其中奸良莫辨（辨）嗣後商民在原籍請照前赴安南該地方務須切實查明貨物人數多寡不齊如係貨少人多不准濫給照票如此立法稽查庶在籍即無從冒混而關隘自易於盤查矣

一商民出口船隻人夫應在龍州寧明州雇覓也查商民等請領原籍印照前赴安南牧馬庸貿易者必由龍州之平而水口兩關水路出口其赴安南駈驢庸貿易者必由寧明州之由村隘出口查自龍州至平而關水路一百五十里自平而關至牧馬□路三百六十里龍州至水口關水路一百五十里又自水口關至牧馬各路四百里寧明州至由村隘一百里又自由村隘至駈驢七十五里均係陸路凡貨物出關必藉夫舡負載若任聽各商隨便自行雇覓勢必漫無稽核出口之後難保無滋生事端且以地外夫舡責地方關隘各官經管稽查亦恐有名無實查龍州爲舡隻聚集之所應請飭令龍州通判將境內舡隻各按埠額倣照沿海漁舡之例編列號數將舡戶姓名在于船旁大書深刻期于一望而知仍取具埠長并十舡連環保結每季清查一次將姓名年貌住址造冊登記如有事故更換由埠長隨時報明更正遇有客商僱用該所接（疑誤）冊點念（驗）一體註冊給牌驗放回日銷繳如有牌□□名之人即係偷越將

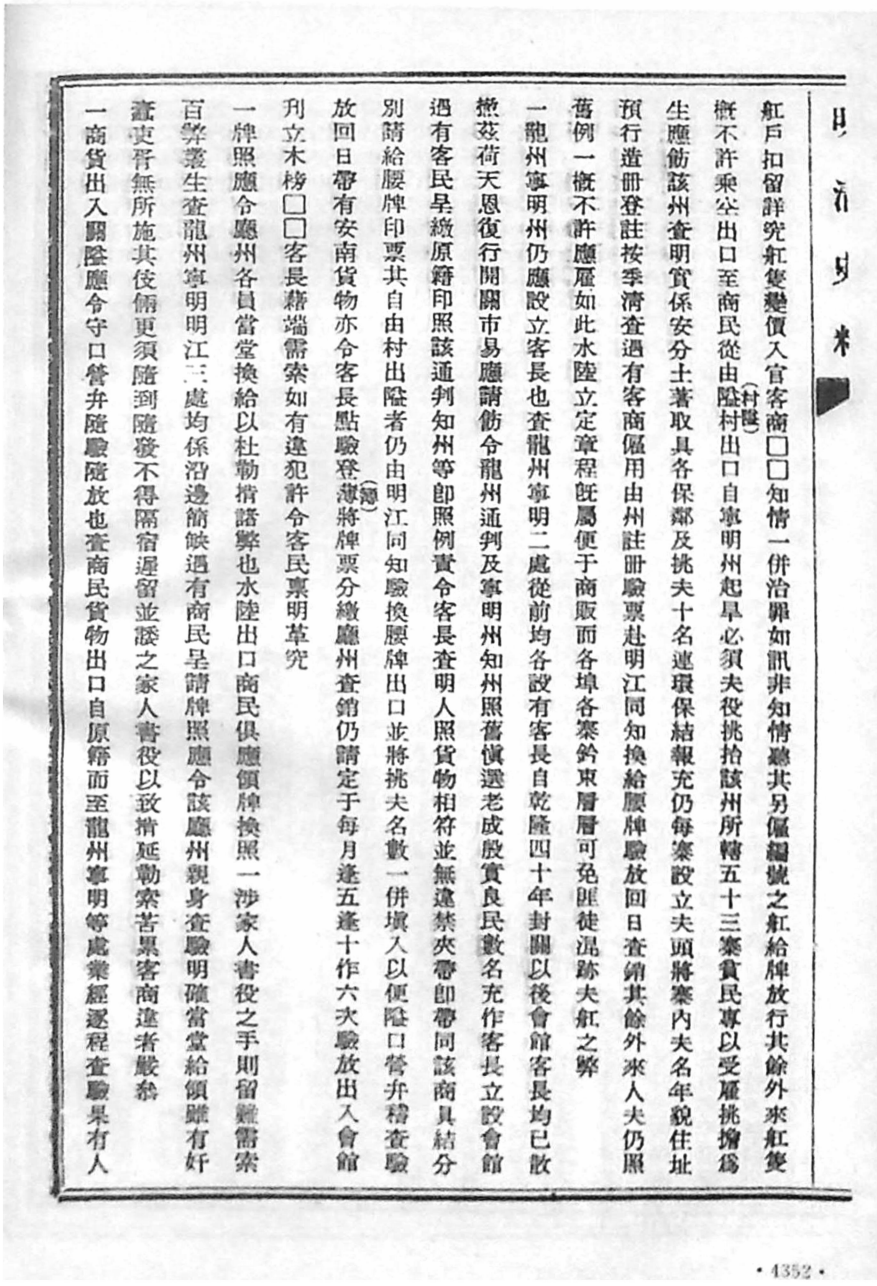

紅戶扣留詳究紅隻變價入官客商□□知情一併治罪如訊非知情聽其另僱編號之紅給牌放行其餘外來紅隻概不許乘空出口至商民從由隘(村隆)村出口自寧明州起旱必須夫役挑抬該州所轄五十三寨貧民專以受雇挑擔爲生應飭該州查明實係安分土著取具各保鄰及挑夫十名連環保結報充仍每寨設立夫頭將寨內夫名年貌住址預行造冊登註按季清查遇有客商僱用由州註冊驗票赴明江同知換給腰牌驗放回日查銷其餘外來人夫仍照舊例一概不許應雇如此水陸立定章程既屬便于商販而各埠各寨鈐束層層可免匪徒混跡夫紅之弊

一龍州寧明州仍應設立客長也查龍州寧明二處從前均各設有客長自乾隆四十年封關以後會館客長均已散撥茲荷天恩復行開關市易應請飭令龍州通判及寧明州知州照舊慎選老成殷實良民數名充作客長立設會館遇有客民呈繳原籍印照該通判知州等即照例實令客長查明人照貨物相符並無違禁夾帶即帶同該商具結分別請給腰牌印票共自由村出隘者仍由明江同知驗換腰牌出口並將挑夫名數一併填入以便隘口嘗弁稽查驗放回日帶有安南貨物亦令客長點驗登簿(簿)將牌票分繳廳州查銷仍請定于每月逢五逢十作六次驗放出入會館刋立木榜□□客長轄端需索如有違犯許令客民稟明革究

一牌照應令廳州各員當堂換給以杜勒指諸弊也水陸出口商民俱應領牌換照一涉家人書役之手則留難需索百弊叢生查龍州寧明明江三處均係沿邊衝候遇有商民呈請牌照應令該廳州親身查驗明確當堂給領雖有奸書吏胥無所施其伎倆更須隨到隨發不得隔宿遲留並嚴之家人書役以致指延勒索苦累客商違者嚴參

一商貨出入關隘應令守口營弁隨驗隨放也查商民貨物出口自原籍而至龍州寧明等處業經逐程查驗呈有人

照不符貨物不對以及夾帶偷漏等弊早已截留訊究且經客長等驗明出結該廳州當堂給照辦理已極周密籌悉關隘因有盤詰驗牌之責不肖弁兵藉端生事故意搜求不以人照既屬相符貨物又屬合例而留難勒索漁利營私以致客商聞風裹足流弊實爲匪細應請嗣後商販貨物一抵關隘飭令守口營弁驗明人貨夫紅與牌照相符立即放行不得以稽查偷漏爲名授意兵丁秤量貨物故作留難苦累商旅其自安南進口者查明印票腰牌連貨物立時放入亦不得稍爲措阻如有前項情弊一經查出或被告發弁兵斥革從重究懲該管上司一體參處

一商民出入關隘應分別定以限期也查商民出關市易事竣應即旋回內地原不許任意耽延但道里有遠近之分則銷售有疾徐之別應請嗣後凡自平而水口兩關水路赴安南者往返酌限四個月入口統限不得過半年紅戶酌限四個月進口其自由村隘陸路赴安南者往返酌限一個月入口統限不得過三月挑夫酌限二十日進口若逾限不歸實成該管廳州就近行文該國鎮目查押回籌其有無故在彼淹留者令該鎮目查明具稟驅逐進口照律究治如此嚴于稽查庶商民皆知定限不敢任意逗遛滋生事端矣

一出口商販遇有疾病事故應令就近報知該國鎮目轉報內地以便稽查也查商販前赴安南貿易往返定有限期不容任意逗遛惟一入安南境地之後或藉稱貨物銷售遲鈍置貨未齊或詭稱染疾淹留俱屬情事所有若不設法稽查誠恐易滋弊混應請嗣後商販出口之後如果貨物銷售遲鈍置貨未就及實在疾病淹留許其報明該國鎮目稟報給牌出口之地方官查核註冊俟前項商販銷貨買貨事竣病已痊好由該國鎮目另給腰牌一紙註明姓名年貌令其進關時同原給腰牌一併呈驗以杜假冒頂替其有病故者即令同伴之商報明該國鎮目查驗原給腰牌具

禀出口之地方官存案一面給發印照令同伴之商將棺柩扶回內地如此查察加嚴自不致有逗遛滋事之虞矣

一內地商民潛入安南各廠應責成該國鎮目查逐也查安南高平牧馬涼(諒)山沿邊一帶場廠多有廣東惠潮嘉等處民人在彼開採歷年既久無異安南土著臣前年于查辦邊務案內附摺奏明將已進關隘者發交本籍地方官安插管束其尚在安南者仍各聽其生理並嚴核東西兩省水陸要隘加意防範毋許再有偷越在案今該國王阮光平吉覆分別廠市設立廠長市長保護監督等項名目以資稽查彈壓辦理倘爲周匝但場廠客民良歹不一現值開關通市誠恐內地商民一至該處或藉稱方(訪)敍同鄉帶回書信因而潛入場廠此往彼來潛至合本開採交通勾結滋生事端不可不防其漸應請照會安南國王阮光平轉飭各該處鎮目嗣後內地販商到彼交通俱聽市長經理依期買賣事畢即散毋許私相交結倘有貨物銷竣之後潛入廠內逗遛逾限不歸者該鎮目嚴查有無滋事即日押回內地仍將該商民入廠緣由禀報結(給)牌出口之地方官按名從重究懲如此設法防杜內外交嚴自無流爲廠徒之患矣

一商販買賣貨物應聽其隨時自便也查出口商販多係兩粵民人由原籍置備貨物赴地方官領照前往其間南寧一府爲粵西繁庶之區商賈較多將來通市後商販由原籍置貨前抵南寧或同(因)時價獲利或因貨物相宜欲將原置之貨出售另置寧郡之物出口亦屬情事所有應飭令宣化縣慎選老成殷實之人仿客長之例給予照帖開設牙行專司貿易出口商人之事凡商販欲在寧郡出售原貨另置他物出口令牙行代爲經理敍明緣由出申甘結將該商原領印照呈請該縣查驗並無夾帶違禁貨物當堂另給印照令其前往仍不許牙行藉端需索如違商人禀明究革一南寧流寓商民出口貿易應准由宣化縣就近給照也查南寧府城五方雜處爲各路貨物總滙之區茲值開關通

市商民惟利是圖其欲置貨出口藉沾餘潤以贍養家者自屬不少若概令其回籍請照未免轉益勞費應請嗣後流寓南郡商民願赴安南貿易者准其赴宣化縣呈報責令行戶鄰明取具保鄰甘結將該商姓名年貌籍貫及所置各貨逐一查點果無違禁夾帶即具結呈請該縣當堂驗明發結(給)印照准令前往仍不得假手書役致啓需索勒措之弊一商民進口應查出口腰牌以杜私越也查商民出口貿易其姓名年貌籍貫及貨物各色(名)一一填註腰牌遄進口時亦應將安南所置貨物各色(名)添註牌內以憑轄核應嚴飭龍州明江二廳會同營汛將進口商民一體盤驗收牌截角其無牌可繳者即係私越之人應即究明該犯係何年月日從何處出口有無在安南爲匪隨時通報分別治罪遞籍如果原牌遺失能供出領牌日月姓名貨物查與底(簿)相符者取具同鄉經紀及客長甘結放行列入報冊俟將來或有執持此牌進口之人訊出該商私賣腰牌情由即行提究治罪

一水陸商販出入應令大員綜理稽核也從前平而水口南關出口商貨止由龍州通判驗明給牌由村一隘商貨由寧明州給照明江同知給牌各令就近稽查造冊通報並無大員董督共事辦理似未周密今奉恩旨通市關隘立法之初自應倍加詳慎查太平府距龍州二百三十里距寧明一百二十里距明江一百四十里道路非遙不至鞭長莫及而左江鎮道駐劄南寧邊關歸其統轄尤應責以綜理應請嗣後商民出口除照舊責成龍州通判寧明州知州及明江同知分別給牌換照外仍飭令該廳州將每月給過腰牌號次客貨人數及舡戶舵水挑夫名姓造冊按月具報太平府及鎮道等查核其進口人數舡隻貨物亦一體造送仍由該府核明按季彙冊通報倘有兵役勒措需索及商民夾帶偷竊私越出口等事該府即就近提究分別辦理仍責令該鎮道等隨時查察員弁如有懈弛立即從嚴揭報

似此層層稽察綜理加嚴邊防益昭慎重矣

一奸徒私越應申明定例嚴禁也查（南）寧大（太）平鎮安等府沿邊處所百隘三關向俱設有弁兵臣福康安復經奏明添撥駐防稽查嚴密自無稽越之虞但現開平而水口兩關及由村一隘恐小民趨利如鶩或因稽察加嚴轉從僻境越入而關隘弁兵工（疑誤）以開關通市客商准赴安南因此怠玩因循得錢賣放不可不爲嚴防應請責成左江道申明開關條款督飭漢土各屬會同嘗汛于奮禁出入之鎮南關並南寧二隘太平府之□五隘鎮安府屬之二十二隘嚴飭防守兵勇認眞巡緝獲犯必予重賞倘忽立卽究參庶現開之一隘兩關商民獲懋遷有無之利而封閉之鎮南關及各隘口亦可免奸匪偷越之弊矣

一逐禁貨物應先期刋剌曉示也查從前商民赴安南貿易所帶貨物止有紬緞布疋鞋襪紙張顏料燈油菜（茶）葉白糖檳榔糖果烟筒併尋常藥材之類進關帶來之貨不過砂仁薑萁白鉛竹木等項此外一切違禁之物偷漏出口例禁森嚴當茲通市之初誠恐各商無知誤帶且關隘封閉一十餘年之久向來舊例或已遺忘而現在新商多非舊客若不先行曉諭恐例禁未克周知應請飭令龍州寧明州將一切違禁貨物不應出口者查明定例逐一指明刋剌木榜竪立道衢逼爲曉諭俾商民一目了然不致無知誤犯如有陽奉陰違私行夾帶查出從重究懲

一出口商販應卽出示招徠也查自乾隆四十年迄今平而水口兩關及由村一隘久經封閉現在欽奉恩旨通市開關近處商民自能稔悉其距關遙遠之客民以及他省之商賈恐未能一一周知自應廣爲招徠俾其源源出口庶足以仰副皇上柔遠惠商至意臣等現已核發告示各處曉諭俾遠近商販接踵連檣捆載而至遵照規條出口貿易彼

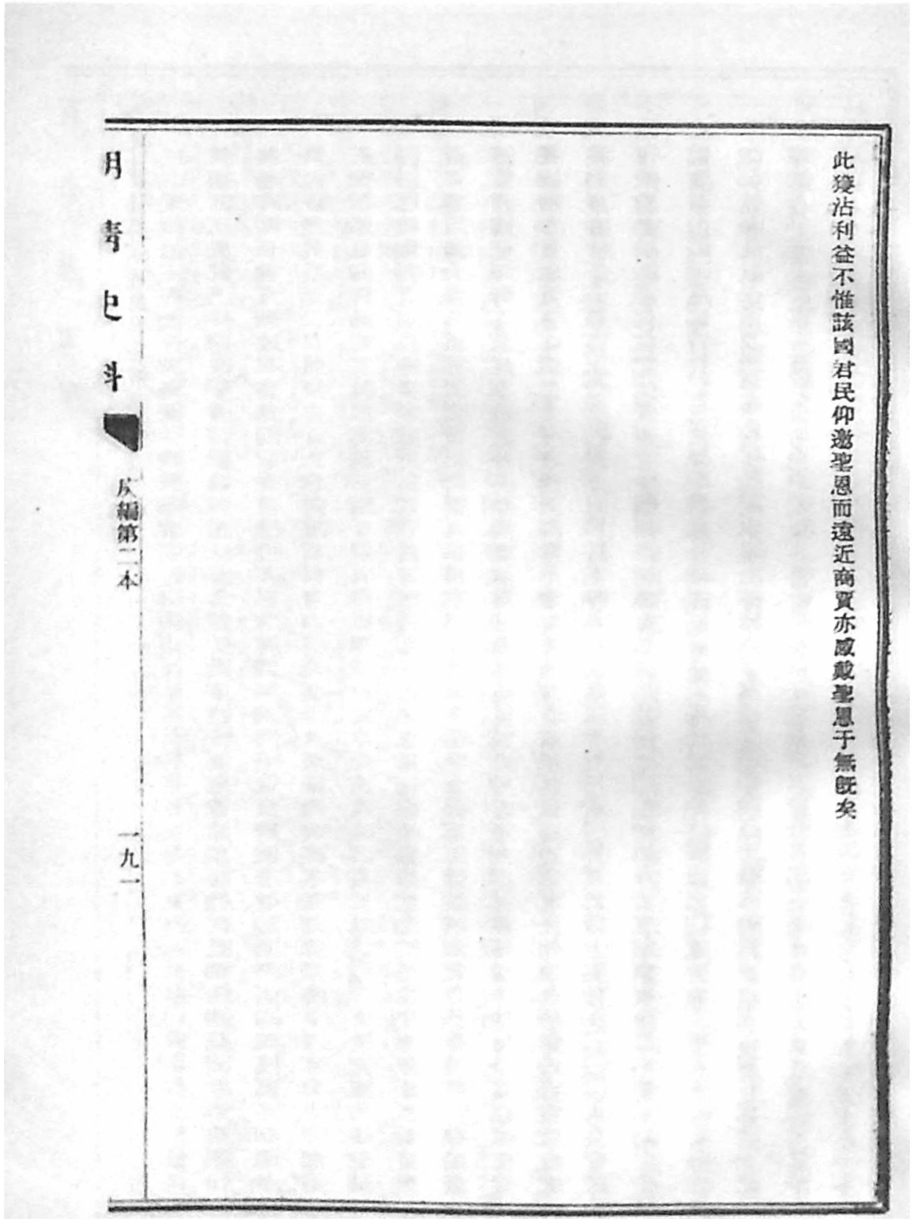

此獲沾利益不惟該國君民仰邀聖恩而遠近商賈亦感戴聖恩于無既矣

KHẢO CỨU VỀ VIỆC QUỐC VƯƠNG VIỆT NAM NGUYỄN PHÚC ÁNH SAI SỨ ĐẾN TRIỀU CỐNG NHÀ THANH

(越南國王阮福映遣使入貢清廷考)

Nguyên tác: Trang Cát Phát (莊吉發)

LỜI NGƯỜI DỊCH

Cuối thế kỷ XVIII, Trung Hoa can thiệp vào nội bộ của nước ta, khởi đầu bằng việc nhà Thanh đem quân sang dưa vua Chiêu Thống lên ngôi, tái lập vương triều nhà Lê sau khi Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc Hà.

Việc can thiệp vào nước nhỏ với danh nghĩa duy trì vai trò tông chủ - phiên thuộc, sâu xa hơn là để rửa mặt sau khi nhà Thanh nhiều lần đem quân sang đánh Miến Điện nhưng không thành công nên muốn tạo một chiến tích mới để làm quà cho đại lễ khánh thọ mừng vua Càn Long 80 tuổi.

Việc bé xé ra to, Thanh triều phải tiếp tục xây dựng những quan hệ mật thiết hơn với triều đại mới dựng ở nước ta nhằm chứng minh rằng nỗ lực của họ có lý do chính đáng. Chính vì thế, bất cứ động thái nào đều có thể nhìn từ hai mặt mà triều đình Trung Hoa coi như sự có đi có lại, mặc dù vị thế thiên triều mỗi lúc một suy giảm khi những tiến bộ chính trị lẫn khoa học tạo nên một trật tự mới trên thế giới.

Trong khi triều đình Trung Hoa tự ru ngủ bằng hình thức, lễ nghi thì ngược lại, tình hình phương nam mỗi lúc một thêm phức tạp. Tuy vua Quang Trung nổi lên như một tiểu bá trong khu vực một thời gian ngắn nhưng cũng còn nhiều vấn đề nội bộ phải giải quyết, nhất là những thế lực bên ngoài mỗi lúc một thêm đe dọa. Ngay khi ông còn tại thế, những áp lực đã bắt đầu hiển hiện khi đoàn thuyền được trang bị và tổ chức theo lối Tây phương của chúa Nguyễn tiến ra đốt sạch lực lượng thủy quân của Nguyễn Nhạc ở Thị Nại khiến Nguyễn Huệ phải vội vàng tính lại kế hoạch bành trướng, từ bỏ mục tiêu lấn qua phía tây mà chuyển mục tiêu xuống phía nam.

Khi Nguyễn Huệ qua đời, triều đình Tây Sơn rơi vào thế bất ổn vì nội bộ xâu xé lẫn nhau, tạo cơ hội cho chúa Nguyễn củng cố thực lực và quan trọng hơn, đánh giá chính xác sức mạnh của đối phương để tìm phương thức chế thắng. Nhân cơ hội Nguyễn Nhạc lâm nguy đưa thư cầu cứu, vua Cảnh Thịnh chiếm luôn phần đất người bác đang cai quản, tuy thống nhất được thành một mối nhưng cũng khiến cho lực lượng Tây Sơn nay căng ra trên một diện địa dài và hẹp, khó phòng thủ, thiếu cơ hội tấn công.

Cuộc chiến mỏi lúc một thiếu cân đối, một bên vươn dài sức mạnh kỹ thuật và canh tân, một bên thụ động chỉ còn lo giữ đất chứ không thể mở ra một mặt trận trên đất địch, cũng không được chọn lối đánh sở trường là tập trung nhanh, tấn công nhanh bằng lực lượng áp đảo như Nguyễn Huệ đã từng làm.

Về phần nhà Thanh, từ năm 1789 tình hình bang giao đã có nhiều cải thiện nhưng ngay từ khi Nguyễn Huệ còn sống, vua Càn Long cũng chỉ yểm trợ trên hình thức, thực tế không tạo được một liên minh quân sự nào ngoài việc giao cho triều đình Tây Sơn giữ yên mặt biển mà thực tế là đẩy các tập đoàn cướp biển xuống hoạt động trong vùng Biển Đông của nước ta.

Sau khi vua Càn Long qua đời, vua Gia Khánh gần như chấm dứt mọi liên hệ ngoại giao, giữ chính sách không can thiệp

vào thuộc quốc để quay về giải quyết những bất ổn nội bộ đang bộc phát. Nhiều vụ nổi dậy trên quy mô lớn từ nam chí bắc trở thành quan tâm hàng đầu của Thanh triều.

Vào những năm sau cùng của cuộc nội chiến Đàng Trong - Đàng Ngoài, tình hình giao thiệp Thanh - Tây Sơn càng lúc càng xấu đi khi vua Gia Khánh thõng tay "*man xúc tự tranh*" (蠻觸自爭)[1] vừa đứng ngoài mọi tranh chấp, vừa tìm cách khai thác tình hình.

Khi nhà Thanh bắt được một số cướp biển - vốn là tàn quân của Tây Sơn thua trận sợ tội chạy về trú ẩn ở biên hải Việt Hoa - họ liền đổi hẳn chính sách, trên giấy tờ là vì Nguyễn Quang Toản phản bội nhưng thực tế là chờ xem ai là kẻ thắng trận sẽ đưa tay cho họ nắm.

Không biết rằng nhà Thanh nay chỉ còn cái vỏ, chúa Nguyễn lại quay về những bước của mọi triều đại cũ để xin phong vương và công nhận một quốc hiệu mới. Tuy bề ngoài nói rằng Nam Việt là tên cũ của nhà Triệu, bề trong nhà Thanh sợ nước ta thừa thế đánh lên các tỉnh Hoa Nam nên việc vua Gia Long thần phục, quả hợp với sở nguyện của Thanh triều. Trật tự cũ nay tái lập và ảnh hưởng của nhà Thanh tính ra còn nhiều hơn trước vì nước ta kéo dài đến tận vịnh Xiêm La, bỏ mất cái cơ hội tách khỏi hẳn Trung Hoa để thành một thế lực độc lập.

Tài liệu này được trích từ *Thanh sử luận tập*, tập III (1998) từ trang 235 đến trang 260 của Trang Cát Phát, một chuyên gia về đời Thanh ở Đài Loan. Tuy nhiên, như hầu hết các học giả Trung Hoa, dù ở Đài Loan hay lục địa thì đều nhìn lăng kính lịch sử theo cách thức chủ quan của họ. Ngoài một số dữ kiện sai lầm Trang Cát Phát cũng không đề cập đến những chi tiết mà nhà Thanh

1. Thành ngữ từ sách *Trang Tử*, thiên Tắc Dương. *Man* là tiểu quốc ở sừng (râu) bên phải con ốc sên, *Xúc* là nước ở sừng (râu) bên trái con ốc sên, hai nước tranh chấp đánh nhau chết hàng vạn. Ý nói chỉ là việc nhỏ nhặt của tiểu quốc.

vẫn dùng để biện giải cho thay đổi, luôn luôn nêu cao đạo lý làm phương châm nhưng thực sự không hoàn toàn đúng như vậy. Việc từ bỏ nhà Lê, công nhận Tây Sơn hay sau này từ bỏ Tây Sơn, công nhận nhà Nguyễn thực chất cũng đều là vì quyền lợi, những chiêu bài bên ngoài chỉ để che đậy dã tâm.

Bài viết này có nhiều chi tiết chưa xuất hiện trong sử Việt nên dẫu có những đề cập không chính xác nhưng nói chung ít nhiều giúp chúng ta biết thêm những góc khác của sự việc. Giao thiệp với Trung Hoa là một vấn đề lớn vì đối phương luôn luôn tìm cách nắm lấy thế chủ động và tạo ra một màn khói mông lung để chúng ta không đoán định được họ thực sự muốn gì. Trên cương vị nước lớn, Trung Hoa thường dùng thời gian như một vũ khí để đối phương phải nóng ruột mà lụy họ. Chúng tôi chỉ dịch theo nguyên văn nên quan điểm của tác giả không nhất thiết trùng khớp với suy nghĩ của người dịch.

Các cước chú là của tác giả, nếu có ghi "*Người dịch chú*" thì là của chúng tôi.

1.2018
Nguyễn Duy Chính

LỜI NÓI ĐẦU

An Nam và Trung Quốc lãnh thổ liền nhau, hai nước có liên quan đã từ rất lâu. Trên phương diện địa lý, hai bên ở cùng một đại lục, về phương diện văn hóa, hai bên có cùng một nguồn gốc. Từ khi bị xâm chiếm dưới đời Tần Hán, An Nam bị đặt thành quận huyện để cai trị kéo dài đến hơn 1.000 năm. Suốt thời gian đó, nhờ các quan lại tại địa phương tích cực dẫn dắt, văn hóa được phổ cập mỗi ngày một tăng ở An Nam, không khác gì với nội địa.

Cuối đời Đường thời Ngũ Đại, việc loạn lạc trong ngoài liên miên khiến cho việc Trung Quốc cai trị ở An Nam bị lung lay,

từ đó An Nam thoát ly Trung Quốc để đứng riêng. Trải qua các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Tây Sơn, Nguyễn tổng cộng khoảng 900 năm, từ quận huyện nội địa nay trở thành phiên thuộc. Trên mặt đối nội An Nam vẫn là một chính quyền độc lập, thiên triều không quan tâm đến vấn đề nội chính của thuộc quốc, nhưng những triều đại quân chủ vẫn tiếp tục đi theo đường lối văn minh, giáo dục của Trung Quốc nên vẫn còn dư hưởng. Triều đình kiến tạo văn miếu, tổ chức thi cử chọn người có học, dùng Hán tự, theo chính sóc và nương theo chế độ chính trị Trung Quốc nên An Nam đã trở thành một phân chi của văn hóa Nho gia.

Sau khi người Mãn Châu nhập quan, An Nam vẫn tiếp tục duy trì quan hệ tông chủ - phiên thuộc với Thanh đình, dưới quyền quản hạt của bộ Lễ, chăm chỉ lo việc triều cống. Vua mới lên kế vị đều phải được triều đình nhà Thanh tích phong như thế mới có địa vị hợp pháp. Những năm cuối của triều đại Thanh Cao Tông (Càn Long), họ Nguyễn Tây Sơn nổi lên lật đổ triều Lê nhưng chưa hoàn toàn tiêu diệt được thế lực họ Nguyễn ở Quảng Nam. Đầu đời Thanh Nhân Tông Gia Khánh, Nguyễn Phúc Ánh mượn sức từ bên ngoài khôi phục được đất đai cũ, thống nhất An Nam nên Thanh đình sách phong Nguyễn Phúc Ánh làm Việt Nam quốc vương, kiến lập trở lại quan hệ Trung Hoa - Việt Nam.

Nghiên cứu này trình bày về mục đích theo tài liệu trong cung (*Cung trung đáng, Thượng dụ đáng, An Nam đáng*) hai triều Càn Long, Gia Khánh để xem việc thay đổi chính quyền trong những năm sau cùng đời Thanh Cao Tông, sự lên xuống của hai thế lực tân và cựu Nguyễn[1], nguyên nhân tại sao thái độ của Thanh triều lại thay đổi và ý nghĩa của việc Thanh Nhân Tông (Gia Khánh) đổi thành tên Việt Nam.

---

1. Tân Nguyễn chỉ Tây Sơn, cựu Nguyễn chỉ vương triều chúa Nguyễn và sau này là vua Nguyễn.

TÂN NGUYỄN NỔI LÊN VÀ VIỆC CỰU NGUYỄN MẤT NƯỚC

Họ Nguyễn ở Quảng Nam thuộc An Nam, các sử gia gọi là cựu Nguyễn còn họ Nguyễn Tây Sơn gọi là tân Nguyễn. Trước đây họ Nguyễn và họ Trịnh hai họ cùng làm quan với triều Lê, đến đời Lê Trung Tông (1548 - 1556), Nguyễn Hoàng vì có công đánh trận nên được phong làm quận vương, uy danh mỗi ngày một lớn khiến cho Trịnh Kiểm lo ngại. Nguyễn Hoàng xin được đi trấn thủ Thuận Hóa. Trịnh Kiểm thấy đây là vùng đất xa xôi cách trở nên bằng lòng.

Nguyễn Hoàng từ khi vào ở đất Thuận Hóa, vỗ về thương yêu dân chúng, lòng người ai nấy đều vui vẻ kính phục. Tháng Giêng năm Minh Mục Tông Long Khánh 4 tức năm Lê Anh Tông Chính Trị thứ 3 (1570), vua Lê phong cho Nguyễn Hoàng làm tổng trấn kiêm cả hai trấn Thuận Hóa và Quảng Nam. Năm Minh Thần Tông Vạn Lịch nguyên niên tức Lê Thế Tông Gia Thái nguyên niên (1573), vua Lê nhân việc Nguyễn Hoàng có công nhiều lần đánh dẹp họ Mạc nên ban thêm cho tước vương thế tập. Năm Vạn Lịch 39 tức Lê Kính Tông Hoằng Định thứ 12 (1611), Nguyễn Hoàng lấy đất Chiêm Thành, đặt ra phủ Phú Yên.[1]

Từ khi Nguyễn Hoàng lui về ở đất Quảng Nam, tuy văn trị không bằng được họ Trịnh nhưng phương diện võ công thì cũng có chỗ nổi trội. Họ Nguyễn lợi dụng điều kiện ưu việt về địa lý, một mặt chống lại áp lực của họ Trịnh ở phương Bắc, một mặt tích cực mở rộng về phía nam nên phương Nam dần dần trở thành trù phú.

Sau khi Mãn Châu nhập quan, vua Lê lại nhận chính sóc của Thanh đình, chiếu theo lệ tiến cống 3 năm một lần, 6 năm gộp hai lần làm một, sai sứ theo đường Quảng Tây tiến quan triều cống, còn triều đình nhà Thanh cũng công nhận tính hợp pháp của vua Lê ở An Nam. Thế nhưng nội bộ An Nam chia rẽ, nhiều lần dấy

1. Nham Thìn Thành Doãn (bản dịch Hứa Văn Tiêu), *An Nam thông sử* (Tân Gia Ba: Tinh Châu Thế Giới thư cục, 11.1957), tr. 167.

binh đánh nhau, họ Mạc bị đuổi chạy đến Cao Bình ở biên giới Trung Quốc, Lê triều bị họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê nay chỉ còn hư vị.

Họ Nguyễn ở Quảng Nam cai trị phương Nam gọi là Quảng Nam vương, dung nạp những binh lính dân chúng còn trung với nhà Minh nhận họ đến Quảng Nam khai khẩn những vùng đất hoang, giúp cho họ Nguyễn bành trướng ra bên ngoài nên quốc thế mỗi lúc một tăng, nghiễm nhiên nay trở thành một nước độc lập.[1]

Đến khi ở đất Tây Sơn có anh em Nguyễn Văn Nhạc, Văn Huệ, Văn Lữ, vốn gốc người huyện Hưng Nguyên tỉnh Nghệ An, nhiều đời ở dất Tuy Viễn, Hoài Nhơn. Năm đầu đời Thanh Cao Tông Càn Long, Nguyễn Văn Nhạc từng làm tuần lại ở Vân Đồn, nhân vì đánh bạc nên tiêu lạm vào tiền quan, mới trốn đến ở tại đất Tây Sơn. Nguyễn Văn Nhạc ở Tây Sơn chiêu tụ dân chúng đánh thành chiếm đất, quan địa phương không dám hỏi đến. Bọn Nguyễn Văn Nhạc tuy rất hung hãn nhưng cũng hơi có chút mưu mô, thổ hào các nơi nghe tiếng đều đi theo, thế lực thịnh lên rồi mới xưng là tân Nguyễn để phân biệt với cựu Nguyễn ở Quảng Nam, nhân vì nổi lên ở đất Tây Sơn nên còn gọi là Nguyễn Tây Sơn.

Năm Thanh Cao Tông Càn Long thứ 9 tức Lê Cảnh Hưng thứ 5 (1744), ở Quảng Nam Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi vương ở Phú Xuân, sau là Thuận Hóa, tuy vẫn dùng niên hiệu nhà Lê nhưng tự đúc tiền tệ gọi là *Thiên Minh thông bảo*, lại xây cất cung điện, ngoài thành đường phố san sát, thuyền buôn ra vào không ngớt, Phú Xuân trở thành một nơi đô hội lớn.

Tháng Năm Cảnh Hưng 26 (1765), Nguyễn Phúc Khoát từ trần, thế tử là Nguyễn Phúc Hạo cũng chết sớm, cháu là Nguyễn

1. Hạo Nhĩ (D.G.E. Hall) (bản dịch Lê Đông Phương), *Đông Nam Á thông sử* (*A History of South-East Asia*) (Đài Bắc: Trung Hoa văn hóa xuất bản sự nghiệp ủy viên hội, 5.1966).

Phúc Dương (阮福暘) còn nhỏ nên quyền thần Trương Phúc Loan ủng lập Nguyễn Phúc Thuần, càn rỡ bạo ngược khiến cho lòng người ly tán, thời đó người ta gọi là "Trương Tần Cối".

Tháng Hai năm Cảnh Hưng 34 (1773), anh em Nguyễn Văn Nhạc lấy danh nghĩa đánh dẹp Trương Phúc Loan chính thức khởi binh, tấn công chiếm thành Quy Nhơn, người Hoa là Tập Đình dẫn Trung Nghĩa quân, Lý Tài dẫn Hòa Nghĩa quân đi theo, chiếm Diên Khánh, Bình Khang các nơi còn Quảng Nghĩa thì do chính anh em Tây Sơn chiếm được.

Khi đó ở triều vua Lê, quyền thần Trịnh Sâm lấy trộm quốc ấn giấu đi, phế lập thế tử, âm mưu soán đoạt nhưng còn sợ Quảng Nam giàu mạnh nên cho người vào dụ Nguyễn Văn Nhạc xâm chiếm Quảng Nam để mong ngư ông đắc lợi.[1]

Tháng Năm năm Cảnh Hưng 35 (1774), Trịnh Sâm muốn thừa cơ tấn công diệt họ Nguyễn ở Quảng Nam nên sai Hoàng Ngũ Phúc làm thống tướng dẫn 3 vạn quân, thủy lục cùng tiến, bề ngoài nói rằng giúp đỡ cho họ Nguyễn ở Quảng Nam để cùng kháng cự Tây Sơn nhưng ban đêm lẻn vượt qua sông Gianh, tiến vào lũy Trấn Ninh. Trịnh Sâm lại sợ Hoàng Ngũ Phúc chỉ đơn độc một dạo quân tiến vào, có điều bất trắc nên sai Nguyễn Đình Thạch ở lại giữ kinh đô Thăng Long còn mình cũng tự đưa đại quân vào Nam. Tháng Một năm đó Trịnh Sâm vào đến Nghệ An, tháng Chạp vây hãm Phú Xuân.

Tháng Giêng năm Càn Long 40 tức Cảnh Hưng thứ 36 (1775), Nguyễn Phúc Thuần chạy đến Giá Tân (Bến Ván), lập Nguyễn Phúc Dương làm thế tử, xưng là Đông cung đóng ở Cáu Đê.

Tháng Hai, Nguyễn Văn Nhạc từ sông Thu Bồn tấn công Quảng Nam, đánh bại tướng đóng ở đó là Nguyễn Văn Do (阮文猶). Bộ tướng của Trịnh Sâm là Hoàng Ngũ Phúc cũng vượt đèo

1. Ngụy Nguyên, *Thánh vũ ký* (Đài Bắc: Thế Giới thư cục, 6.1970), quyển V, tr. 186.

Hải Vân tấn công Quảng Nam, Nguyễn Văn Nhạc chia ra sai Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, chặn đánh Hoàng Ngũ Phúc ở Cẩm Sa, thế quân rất mạnh nhưng sau cũng bị đánh bại khiến Nguyễn Văn Nhạc phải lui về Bến Ván.

Nguyễn Phúc Thuần thấy quân của Trịnh Sâm ép vào biên cảnh nên cùng tộc điệt là Nguyễn Phúc Ánh đi thuyền chạy vào Gia Định[1], còn Đông cung Nguyễn Phúc Dương bị Nguyễn Văn Nhạc bắt được.

Nguyễn Văn Nhạc từ khi thua trận ở Cẩm Sa, đồ đảng càng ngày càng ly tán, mặt khác vì người lưu thủ Long Hồ là Tống Phúc Hợp dẫn binh tiến đánh Phú Yên nên muốn giải trừ cảnh trước sau đều gặp địch uy hiếp, tháng Năm năm đó nhân khi Hoàng Ngũ Phúc tiến đến Châu Ổ, Nguyễn Văn Nhạc liền sai thuộc tướng là Phan Văn Tuế đến xin hàng, Trịnh Sâm phong cho Nhạc làm tiền phong tướng quân Tây Sơn hiệu trưởng.

Lúc đó ở Quảng Nghĩa đang có nạn dịch lớn, quân sĩ bị nhiễm bệnh chết rất nhiều nên tháng Một cùng năm, Hoàng Ngũ Phúc lui về giữ Phú Xuân còn hai phủ Thăng Bình, Điện Bàn thì lại về tay Nguyễn Văn Nhạc.

Tháng Giêng năm Càn Long 41 tức Cảnh Hưng 37 (1776), Nguyễn Phúc Dương chạy trốn đến Gia Định nối dòng là Tân Chính vương. Tháng Giêng năm sau, Nguyễn Văn Nhạc sai tướng là Đỗ Phước Tuyển (杜福僎) đến xin với Trịnh Sâm cho mình được trấn thủ Quảng Nam, Trịnh Sâm cũng ngại chuyện dùng binh, cho Nguyễn Văn Nhạc làm trấn thủ tuyên úy sứ Quảng Nam nên từ Phú Yên, Bình Thuận các nơi đều thuộc quyền Nguyễn Văn Nhạc.

Nguyễn Văn Nhạc rèn binh tích hướng, giữ những nơi hiểm yếu, thế không chế ngự được nữa. Tháng Ba năm Cảnh Hưng

1. Có thuyết nói rằng Nguyễn Phúc Thuần thấy quân Trịnh vào Quảng Nam nên đi thuyền chạy vào Gia Định, bị bão lật thuyền chết. Xem *An Nam thông sử*, tr. 173.

38 (1777), Nguyễn Văn Huệ tiến quân vào Sài Gòn, Tân Chính vương chạy sang Đăng Giang [rạch Chanh]. Nguyễn Phúc Ánh chiêu tập quân Đông Sơn được 4.000 người đến tiếp viện nhưng không chống nổi phải đưa Tân Chính vương chạy sang Cần Thơ, Long Xuyên. Tháng Bảy, Nguyễn Văn Huệ đánh Ba Việt, binh họ Nguyễn Quảng Nam thế ít không địch nổi nhiều, Tân Chính vương bị hại. Nguyễn Phúc Ánh một mình đi thuyền chạy thoát, thế là chính quyền Quảng Nam bị diệt.

NGUYỄN VĂN HUỆ BA LẦN ĐÁNH THĂNG LONG VÀ TRIỀU LÊ DIỆT VONG

Nguyễn Phúc Ánh tên gốc là Noãn, lại có tên là Chủng, sinh năm Càn Long 27, tức năm Cảnh Hưng 23 (1762), là con trai thứ ba của Hưng Tổ. Từ Diên Húc viết trong *Việt Nam thế hệ duyên cách lược* rằng: "*Phúc Ánh tên gốc là Chủng, cha là con rể của vua Lê, được nối dòng tước vương đất Quảng Nam, hữu phụ chính họ Trịnh xem là trẻ tuổi nên đưa ra Thuận Hóa, về sau bí mật dùng Nguyễn Văn Huệ tấn công tiêu diệt đi. Họ Lê có thai, chạy sang đất Nông Nại, Chân Lạp vốn là cựu đô của Thủy Chân Lạp, nay là tỉnh Gia Định, ở đó sinh ra được Phúc Ánh rồi lẩn trốn trong dân gian đến khi lớn lên thì chạy sang Xiêm La*".[1]

Sau khi chính quyền Quảng Nam bị diệt vong, Nguyễn Phúc Ánh chiêu tập tàn quân, nhiều lần muốn khôi phục lại đất đai đã bị mất. Tháng Chạp năm Cảnh Hưng 38 (1777), Nguyễn Phúc Ánh tấn công lấy lại Sài Gòn. Tháng Giêng năm Cảnh Hưng 39 (1778), ngoại hữu chưởng doanh Phương Quận công Đỗ Thanh Nhơn tôn Nguyễn Phúc Ánh lên làm đại nguyên soái trông coi quốc chính. Tháng Ba năm đó, sai Đỗ Thanh Nhơn giữ Sài Gòn, Nguyễn Phúc Ánh tự mình đưa bọn Lê Văn Quân tiến đánh lấy

1. Từ Diên Húc, *Việt Nam thế hệ duyên cách lược*, xem *Tiểu Phương Hồ Trai dư địa tùng sao* (Đài Bắc: Quảng Văn thư cục), quyển 10, tr. 86. Người dịch chú: Những chi tiết trên đây hoàn toàn sai với sử nước ta.

lại Lật Giang, Ô Nguyên. Tháng Năm, thu phục Gia Định. Tháng Sáu, sai cai cơ Lưu Phúc Trưng (劉福徵) sang Xiêm La giao hiếu.

Ngày 24 tháng Giêng năm Cảnh Hưng 41 (1780), Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vương ở Sài Gòn. Đỗ Thanh Nhơn ỷ mình lập được nhiều công lao, dưới tay có quân Đông Sơn nên làm nhiều điều càn rỡ. Tháng Ba năm Cảnh Hưng 42 (1781) bị giết.

Tháng Ba năm sau, anh em Nguyễn Văn Nhạc nghe tin Đỗ Thanh Nhơn đã chết, người trong nhóm Đông Sơn lòng không an, các tướng còn lại không ai đáng sợ nữa nên đem mấy trăm chiến thuyền, dồn sức tấn công Sài Gòn. Người Pháp là Mạn Hòe chỉ huy thuyền Tây dương chiến đấu đến chết, Nguyễn Phúc Ánh chạy về Ba Giồng (Tam Phụ), một dải Sài Gòn nay lại thuộc quyền anh em Tây Sơn.

Nguyễn Phúc Ánh gửi gắm Nguyễn Hữu Thụy đi theo đường Chân Lạp sang Xiêm La cầu viện nhưng Chân Lạp vốn đã bí mật phò Tây Sơn, Nguyễn Hữu Thụy bị giết, Nguyễn Phúc Ánh phải chạy ra đảo Phú Quốc. Khi ấy, Nguyễn Phúc Ánh binh thưa tướng ít còn Nguyễn Văn Nhạc binh uy thế thịnh nên đến tháng Tám năm đó mới tạo hoa vàng bạc, sai cai cơ Lê Phúc Điển sang Xiêm La giao hảo, xin được viện trợ gấp.

Tháng Bảy năm Cảnh Hưng 44 (1783), Nguyễn Phúc Ánh sai người đi gọi giáo sĩ người Pháp là Bá Đa Lộc dẫn con trưởng Cảnh sang Pháp cầu viện. Tháng Hai năm Cảnh Hưng 45 (1784), Nguyễn Phúc Ánh sang Xiêm mượn binh về Gia Định nhưng Xiêm binh hoành hành bạo ngược, dân chúng oán thán, lại không rành địa thế nên tháng Chạp năm đó bị anh em Nguyễn Văn Huệ đánh bại, Nguyễn Phúc Ánh phải chạy trở về Xiêm La.

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh khôi phục thế lực nhưng bị đánh bại rồi, ở Thăng Long triều Lê chính sự nội bộ bất ổn khiến cho họ Nguyễn Tây Sơn khai thác cơ hội. Năm Cảnh Hưng 41 (1780), Trịnh Sâm bắt giam con trưởng là Trịnh Khải, tháng Mười năm

sau, cải lập con nhỏ Trịnh Cán làm thế tử. Tháng Chín năm Cảnh Hưng 43 (1782), Trịnh Sâm chết, Trịnh Cán nối dòng, trấn thủ Nghệ An Hoàng Đình Bảo chuyên quyền, Trịnh Cán tuổi nhỏ ốm đau luôn, lòng người lo lắng. Tháng Mười, quân tam phủ nổi loạn giết Hoàng Đình Bảo, suy tôn Trịnh Khải làm nguyên soái Đoan Nam vương, Trịnh Cán bị phế. Tháng Một, tiền cơ Nghệ An là Nguyễn Hữu Chỉnh muốn nhân dịp kinh đô có loạn nên cùng trấn thủ Võ Tá Dao (武佐瑤) mưu chiếm lấy Nghệ An để tự lập, Võ Tá Dao do dự không quyết, Nguyễn Hữu Chỉnh vượt biển chạy vào Quy Nhơn đầu hàng Nguyễn Văn Nhạc.

Khi đó trong vùng đất nhà Lê đạo tặc nổi lên như ong, kỷ cương không còn gì nữa. Trịnh Khải muốn tôn phù vua Lê để thu phục nhân tâm nhưng lúc này kiêu binh nắm giữ thực quyền của Lê triều, sĩ tốt quan lại xa cách, nay theo mai phản như trở bàn tay, quốc sự không còn gì nữa.

Nguyễn Văn Nhạc diệt được Quảng Nam rồi, thanh thế lên cao nên tiếm xưng là Thiên vương, tự lập làm đế lấy năm Cảnh Hưng 39 (1778) làm năm Thái Đức nguyên niên. Tháng Năm năm Cảnh Hưng 47 (1786), Nguyễn Văn Nhạc phong cho em Nguyễn Văn Huệ làm Long Nhương tướng quân, tiết chế các quân thủy lục, thấy họ Trịnh chuyên quyền, lòng người không theo nên lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh, chia quân tiến ra thu phục Phú Xuân.

Đại quân họ Trịnh không có chí chiến đấu nên không đánh mà tan. Ngày 26 tháng Sáu, quân của Nguyễn Văn Huệ lần đầu ra chiếm kinh đô nhà Lê (Thăng Long), Trịnh Khải tự vẫn chết. Ngày 17 tháng Bảy, An Nam quốc vương Lê Duy Chuyên qua đời, hoàng thái tôn là Lê Duy Kỳ lên nối ngôi, lấy năm sau làm năm Chiêu Thống nguyên niên. Ngày 29 tháng Bảy, Nguyễn Văn Nhạc vào thành Thăng Long. Ngày 17 tháng Tám, anh em họ Nguyễn đem binh quay về Quy Nhơn.

Tháng Tư năm Càn Long 52 tức Chiêu Thống nguyên niên (1787), Nguyễn Văn Nhạc tự xưng là Trung Ương hoàng đế ở Quy Nhơn, phong cho Nguyễn Văn Huệ làm Bắc Bình vương, ở Phú Xuân, Nguyễn Văn Lữ làm Đông Định vương, đóng ở Gia Định. Nguyễn Văn Huệ tiếng tăm càng lúc càng lớn nên Nguyễn Văn Nhạc có điều úy kỵ, hai anh em trở nên bất hòa, tàn sát lẫn nhau.

Tháng Một, Nguyễn Văn Huệ sai Vũ Văn Nhậm [trong sách viết là Sĩ (仕), tác giả chép theo sử nhà Nguyễn kiêng húy chữ Nhậm (任)] đem quân tiến đánh Thanh Hoa, Nguyễn Hữu Chỉnh đem hết quân của Lê thành được ba vạn người, đắp lũy ở phía bắc sông Thanh Quyết cố thủ, nhân vì không phòng bị nên Võ Văn Nhậm đánh vào, Nguyễn Hữu Chỉnh phải chạy về kinh đô.

Tháng Chạp, Nguyễn Hữu Chỉnh thu thập tàn quân đưa Lê Duy Kỳ chạy lên Kinh Bắc. Vũ Văn Nhậm chiếm được kinh đô nhà Lê, bắt giết Nguyễn Hữu Chỉnh cho binh ra cướp phá không còn nghe Nguyễn Văn Huệ ước thúc nữa.

Ngày mồng 6 tháng Tư năm Chiêu Thống 2 (1788), Nguyễn Văn Huệ tự mình đem binh chạy tới Thăng Long dùng mưu giết được Vũ Văn Nhậm, cho Ngô Văn Sở lên thay. Nguyễn Văn Huệ thấy lòng người miền Bắc chưa theo, Nguyễn Văn Nhạc lại có thể thừa cơ đánh lên còn Nguyễn Phúc Ánh đang mưu đồ khôi phục nên đặt Sùng Nhượng công Lê Duy Cẩn giám quốc, để lại 8.000 quân giữ thành còn mình đích thân đem quân về Phú Xuân.

Bầy tôi cũ của nhà Lê là bọn Nguyễn Huy Túc hộ tống quyến thuộc vua Lê chạy vượt cửa quan Thủy Khẩu thuộc Long Châu, tỉnh Quảng Tây chạy vào nội địa. Ngày mồng 1 tháng Bảy, Nguyễn Văn Huệ sai đầu mục châu Văn Uyên là Hoàng Đình Cầu mang biểu qua cửa quan xin tiến cống, trong biểu ký tên là Nguyễn Quang Bình. Thanh Cao Tông thấy họ Lê thần phục Trung Quốc rất là cung thuận, nay bị cường thần soán đoạt, không thể không ngó tới.

Ngày 28 tháng Mười, tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị, đề đốc Hứa Thế Hanh đem đại quân mở cửa quan tiến xuống. Ngày 19 tháng Một, quân Thanh vượt qua sông Phú Lương, ngày 20 chiếm được Thăng Long.

Ngày 22, Tôn Sĩ Nghị vào trong thành truyền chỉ sách phong cho Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương, thực hiện mục tiêu của "*hưng diệt kế tuyệt*" [làm hưng lên một họ đã bị diệt, nối lại một dòng đã bị đứt].

Nguyễn Văn Huệ muốn giữ cho lòng người nam bắc không chia cách và uy vọng của mình đứng vững nên tự xưng đế ở Bân sơn, đổi năm Thái Đức thứ 10 thành Quang Trung nguyên niên, sai người đưa thư đến Tôn Sĩ Nghị, nhún nhường xin hàng.

Tôn Sĩ Nghị từ khi ra khỏi quan, đến đâu thắng đó, không khỏi có bụng khinh địch, việc phòng bị đâm ra lơ là. Ngày mồng 2 tháng Giêng năm Chiêu Thống thứ 2 (1789), Nguyễn Văn Huệ đem quân tiến đánh Lê thành, người nhiều thế mạnh. Ngày mồng 5, Nguyễn Văn Huệ xua quân đánh tới, đem hơn 100 con voi đực làm mũi nhọn, ngựa của quân Thanh sợ hãi chạy tứ tán. Nguyễn Văn Huệ thừa thắng xông lên chém giết, đề đốc Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, tham tướng Dương Hưng Long, Vương Tuyên, Anh Lâm, thổ ti Sầm Nghi Đống chết trận, binh dinh cũng thiệt hại mấy nghìn người còn Tôn Sĩ Nghị chạy được về đến Trấn Nam Quan.

Ngày mồng 7 tháng Giêng, Lê Duy Kỳ lại gõ cửa quan xin vào nội địa. Nguyễn Văn Huệ tuy ba lần lấy được Thăng Long, đánh bại quân Thanh nhưng muốn dựng nước thì nhân tâm chưa quy phục, như muốn kêu gọi quốc dân, tập hợp vỏ về thì cần phải có phong hiệu của thiên triều, được triều đình nhà Thanh thừa nhận, có thế mới chính danh định phận để được một địa vị hợp pháp. Vì thế Nguyễn Văn Huệ bốn lần sai sứ dâng biểu xin hàng, trả về những quan binh bị bắt, lại đem những hung phạm giết hại

để trấn [đề đốc, tổng binh] đem ra chém đầu thị chúng, khi đó Thanh đình mới thay đổi thái độ, chính thức sách phong Nguyễn Văn Huệ làm An Nam quốc vương.[1] Như thế triều Hậu Lê từ Trang Tông Nguyên Hòa nguyên niên đến Mẫn Đế Chiêu Thống tam niên (1533 - 1789) là 16 đời, tính ra 257 năm.

NGUYỄN QUANG TOẢN NỐI NGÔI VÀ THÁI ĐỘ CỦA THANH ĐÌNH THAY ĐỔI

Sau khi Nguyễn Văn Huệ chính thức được nhà Thanh phong làm An Nam quốc vương, đến tháng Ba năm Càn Long 55 (1790) sai người mạo danh đến kinh đô chúc thọ và triều kiến. *Thanh sử cảo* nói là "*kỳ thực Quang Bình sai em mạo danh đi thay, còn Quang Bình không dám tự mình đến*".[2]

Thế nhưng theo *Đại Nam thực lục* thì người mạo danh Nguyễn Văn Huệ là cháu tên Phạm Công Trị, đại khái như sau: "*Tây tặc Nguyễn Văn Huệ sai người triều kiến nhà Thanh. Lúc đầu Huệ đánh bại Thanh binh, lại xưng tên là Nguyễn Quang Bình cầu phong nhà Thanh. Thanh đế bằng lòng nhưng đòi phải nhập cận. Huệ lấy cháu* [gọi bằng cậu] *là Phạm Công Trị có khuôn mặt giống mình, sai thay mặt đi, lại sai Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích cùng đi. Thanh đế thẹn vì thua trận, nên chấp nhận, ban thưởng cho thật hậu, Huệ lấy làm đắc chí, hết sức kiêu căng càn rỡ*".[3]

An Nam từ các đời Đinh, Lý, Trần, Lê đến nay đều nhận chính sóc Trung Quốc, đời đời triều cống chưa từng dứa người thay bao giờ.[4] Cứ theo định lệ của bộ Lễ đời Thanh, nước An Nam

1. Trang Cát Phát, "Thanh Cao Tông sách phong An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình thủy mạt", *Cố cung văn hiến quý san*, đệ nhị quyển, đệ tam kỳ (Đài Bắc: Quốc lập Cố cung Bác vật viện, 6.1971), tr. 15.

2. *Thanh sử cảo* (Hương Cảng Văn Học nghiên cứu xã), Việt Nam truyện, tr. 1654.

3. *Đại Nam thực lục* (Nhật Bản: Hữu Lân Đường, 3 - Chiêu Hòa 36), quyển 4, tháng 3 năm Canh Tuất 11, tr. 33.

4. Người dịch chú: Tác giả Trang Cát Phát khi viết các tiểu luận này chưa từng được tham khảo *Đại Việt quốc thư* (Việt Nam) hay *Khâm định An Nam kỷ lược* (Trung Hoa).

theo lệ 3 năm một lần cống, 6 năm sai sứ một lần nhập triều, hợp hai lần cống làm một.

Theo lệ cống vật bao gồm lò hương bằng vàng, bình hoa 4 chiếc tổng cộng nặng 209 lượng, vàng vụn 21 đĩnh, bồn bạc 12 cái tổng cộng nặng 691 lượng, bạc vụn 209 lượng, trầm hương 960 lượng, tốc hương 2.368 lượng. Cống phẩm theo lệ tính ra giá trị khoảng hơn 2.150 lượng bạc, còn Thanh đình thưởng và thưởng thêm cho An Nam quốc vương tính ra giá trị khoảng hơn 2.270 lượng, không kể đến theo lệ thưởng và thưởng thêm cho sứ thần An Nam cùng tùy hành nhân viên các loại vật kiện giá trị khoảng hơn 890 lượng bạc.[1]

Năm Càn Long 57 (1792), Nguyễn Văn Huệ dâng biểu xin không theo lệ tiến cống cũ, định lại thời hạn tuế cống và số lượng phương vật. Tháng Năm năm đó, quân cơ đại thần tuân chỉ họp với bộ Lễ rồi cùng tâu lên, định lại thành hai năm một lần tiến cống, bốn năm sai sứ sang một lần gộp hai lần cống, cống phẩm nay có giảm bớt đôi chút.[2]

Trong thời gian Nguyễn Văn Huệ tại vị, giữ phận bầy tôi phụng sự Thanh đình rất cung kính chu đáo. Năm Càn Long 57, Nguyễn Văn Huệ chết. Ngụy Nguyên trong *Chinh vũ An Nam ký* và Từ Diên Húc trong *Việt Nam thế hệ duyên cách lược* đều chép là Nguyễn Văn Huệ chết vào tháng Ba năm đó.[3]

Cứ theo lời tâu của thự tổng đốc Lưỡng Quảng Quách Thế Huân thì Nguyễn Văn Huệ chết vào tháng Chín năm đó, còn tuần phủ Quảng Tây Trần Dụng Phu tâu rằng Nguyễn Văn Huệ bị bệnh chết tại Nghệ An vào ngày 29 tháng Chín. *Đại Nam thực lục* viết là tháng Bảy.

---

1. *An Nam đáng* (Đài Bắc: Quốc lập Cố cung Bác vật viện), Gia Khánh nguyên niên, ngày mồng 7 tháng Giêng.
2. *Văn hiến tùng biên* (Đài Bắc: Trung ương nghiên cứu viện lịch sử ngữ ngôn nghiên cứu sở, Dân quốc năm 47), Canh biên, đệ tam bản, ngày mồng 2 tháng Ba Càn Long 57, tr. 203. Bản sao tấu triệp của Quách Thế Huân.
3. *Tiểu Phương Hồ Trai dư địa tùng sao*, quyển 10, tr. 85-120.

Nguyễn Văn Huệ chết rồi, thế tử Nguyễn Quang Toản lên nối ngôi. Nguyễn Quang Toản còn có tên là Nguyễn Trát, năm đó mới 15 tuổi. Nguyễn Văn Huệ khi lâm chung đã dặn Nguyễn Quang Toản là Phú Xuân không phải là nơi dễ giữ, Nghệ An liên hệ đến đất của tổ tiên, thế hiểm yếu dựa vào được, khi Nguyễn Văn Huệ ở Nghệ An đã xây thành quách kiên cố, lấy làm trung đô nên dặn con chuyển về ở Nghệ An để khi hoãn khi gấp có thể trông cậy.

Nguyễn Quang Toản lên nối ngôi rồi đổi niên hiệu là Cảnh Thịnh. Sau khi Thanh Nhân Tông tức vị, tổng đốc Lưỡng Quảng Cát Khánh giải bọn dương đạo An Nam là Nguyễn A Tinh khai rằng "*Quang Trung là cha của Cảnh Thịnh, Quang Trung bị bệnh chết nên do Cảnh Thịnh tiếp nối*". Quang Trung là niên hiệu của Nguyễn Huệ, Cảnh Thịnh là niên hiệu của Nguyễn Quang Toản nhưng vì Thanh đình không biết rõ nội tình An Nam nên Thanh Nhân Tông từng ra lệnh cho quân cơ đại thần viết thư hỏi Cát Khánh tra xét "*Quang Trung có phải là chi duệ của họ Lê không? Hay là niên hiệu của Nguyễn Nhạc khi chiếm cứ, vậy Cảnh Thịnh có phải là niên hiệu kế tiếp của con Nguyễn Nhạc không?*".[1]

Nguyễn Quang Toản tập tước khi còn nhỏ, trong thì có quyền thần, ngoài thì có kẻ dòm dỏ, chúa thì trẻ, người thì nghi ngại lẫn nhau nên Cao Tông cũng quan tâm lắm. Tháng Giêng năm Càn Long 58 (1793), theo tấu báo của đốc phủ là Nguyễn Văn Huệ bị bệnh chết, nhà vua đã thân chế một bài thơ phúng điếu, sai niết ti Thành Lâm mang đến Nghệ An để đốt trước mộ Nguyễn Văn Huệ, lại thưởng cho một đại cáp đạt[2] (大哈達) và trích công khố tỉnh Quảng Tây 3.000 lượng bạc sai Thành Lâm đem qua cấp cho.

1. *Thanh Nhân Tông Duệ hoàng đế thực lục*, quyển 13, ngày Mậu Thìn tháng Giêng Gia Khánh nhị niên, tr. 16.

2. Khăn dài của Phật giáo Tây Tạng, gửi đến tặng gia để chia buồn và thương tiếc. Xem Trịnh Kim Đức, *Đại Tây Tạng văn hóa tuần lễ* (Đại Bắc: Văn Long, 2003), tr. 415-416.

Ngày mồng 8 tháng Tư, Thành Lâm đi đến Gia Quất thuộc An Nam, Nguyễn Quang Toản dẫn văn võ bồi thần quỳ tiếp long đình. Ngày mồng 10, đến thành Thăng Long, truyền chỉ phong cho Nguyễn Quang Toản làm An Nam quốc vương. Nguyễn Quang Toản lên ngôi rồi duy trì quan hệ tốt với Thanh đình, chợ búa qua lại nên dân chúng ở biên giới được lợi nhiều. Lúc trước vì biên cảnh giáp với An Nam vào những năm cuối triều Lê không được yên ổn, Thanh đình cấm không cho hàng hóa từ nội địa bán sang An Nam nên đồ dùng của nhân dân khan hiếm.

Khi Nguyễn Văn Huệ thống nhất An Nam mới dâng biểu xin khai quan thông thị, nhà vua mới hạ chỉ mở các cửa quan Thủy Khẩu để buôn bán, lại ra lệnh cho tổng đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An lo liệu việc mở cửa buôn bán cho ổn thỏa. Theo lời nghị thì hai cửa Bình Nhi, Thủy Khẩu sẽ qua lại buôn bán, phía An Nam lập chợ ở phố Mục Mã thuộc trấn Cao Bằng còn ải Do Thôn thì con buôn di đến phố Kỳ Lừa thuộc Lạng Sơn lập chợ, chia ra hai hiệu Thái Hòa, Phong Thịnh, cho dân chúng Quảng Đông một tên, còn Quảng Tây và các xứ khác một tên.

Trong xưởng đặt một xưởng trưởng, một bảo hộ, trong chợ cũng đặt một thị trưởng, một giám dương và Phúc Khang An cũng gửi thư cho An Nam để hai bên cùng tuân hành. Ngày 15 tháng Giêng năm Càn Long 57 (1792), chính thức mở cửa thông thương, các loại hàng hóa xuất khẩu (từ Trung Hoa sang An Nam) phần nhiều là trầu cau, trà, thuốc hút, giấy tráp, chum vại, chén bát, vải vóc, phấn son, đường, dầu, trừu đoạn (vải thô), thuốc men các loại còn tiến khẩu (từ An Nam vào Trung Hoa) thì là thổ sản như củ nâu (茅莨), sa nhân, đại hồi, giao quyên (lụa sống), tre, gỗ theo lệ thì được miễn thuế.[1] Ngoài ra trong những hóa vật trọng yếu từ nội địa sang An Nam còn có đồng, sắt, lưu

1. *Minh Thanh sử liệu* (Đài Bắc: Trung ương nghiên cứu viện lịch sử ngữ ngôn nghiên cứu sở, 4.1958), tr. 203. Canh biên, đệ tam bản. Tấu triệp của Quách Thế Huân ngày 2 tháng Ba năm Càn Long 57.

hoàng, tiêu thạch, chảo sắt, rìu[1] là những loại vật cấm theo luật thì không được chuyển qua.

Nguyễn Quang Toản lên ngôi rồi tuân lệ thông thương mãi dịch nhưng con buôn xuất khẩu từ Bình Nhi quan thì do đường thủy đến Hoa Sơn thuộc trấn Lạng Sơn, đường dài tính ra hơn 200 dặm mà các thôn trang gần Hoa Sơn thì trù mật có thể thêm nhiều loại hàng hóa nên con buôn thấy tiện lợi. Nguyễn Quang Toản vì thế bẩm xin thiết lập các cửa hàng ở Hoa Sơn, kêu gọi các thương dân từ Bình Nhi đến.

Tháng Tám năm Càn Long 58, tuần phủ Quảng Đông tạm quyền tổng đốc Lưỡng Quảng là Quách Thế Huân tâu lên được chuẩn thuận việc thiết lập thêm chợ ở Hoa Sơn, các thị trưởng, giám đương đều do người từ Kỳ Lừa phái đến.

Từ sau khi lên nối ngôi, việc thông thương buôn bán với Thanh triều của Nguyễn Quang Toản liên tục không ngớt, có điều giặc biển hoành hành, gây rối duyên hải Trung Quốc nên quan hệ giữa hai nước càng lúc càng xấu đi. Nguyễn Quang Toản vì cần tiền, quốc khố thiếu hụt nên để lo việc lương hướng cho quân đội đã sai thương thuyền ra biển cướp bóc, chiêu tập bọn vong mạng nội địa, cung cấp thuyền bè, ban cho tước vị để dẫn đường đến quấy nhiễu vùng duyên hải Mân Việt Giang Chiết (Phúc Kiến, Quảng Đông, Giang Tô, Chiết Giang), cướp đoạt khách buôn khiến cho đường biển đi đến Đài Loan, Hạ Môn bị ngăn trở, thương thuyền chở gạo thóc cho quan quân tới Đài Loan bị cướp truy đuổi phải theo gió chạy về Thiên Tân, trở thành đại hoạn cho vấn đề hải cương.

Năm Càn Long 60 (1795), tuần phủ Chiết Giang Cát Khánh tâu lên rằng huyện Bình Dương bắt được cướp biển Mậu A Dương (繆亞當), Hồ Á Mão (胡亞卯) hai người đều ở trên thuyền của đầu đảng cướp người An Nam Thát Quật (撻窟) cả.

---

1. Cung Kỳ Thị Định, *Á Tế Á sử nghiên cứu* (Nhật Bản: Đồng Minh Xá, tháng Ba năm Chiêu Hòa 49), đệ nhị sách, tr. 514.

Ngày mồng 6 tháng Chạp năm đó, thự Mân Chiết tổng đốc Khôi Luân tâu rằng bắt được thuyền cướp trong đó có đạo phỉ An Nam dùng vải đỏ quấn đầu đang hoành hành trên biển. Lúc đó ngự sử Tống Chú (宋澍) đã từng gửi triệp trong đó nói là thư nhà của Sái Tân (蔡新) gửi cho con là Sái Bản Tuấn (蔡本俊) cũng đã thuật lại là cướp biển ở tỉnh Mân (Phúc Kiến) khai là có thuyền của An Nam, đến đâu cướp đó, qua lại không sợ hãi gì.

Gia Khánh sơ niên, sau khi vùng Chương Tuyền (漳泉) bị nạn lụt, dân nghèo không có việc làm nên ra biển làm ăn cướp rất đông, trong số có cả những người ăn mặc theo lối An Nam. Cướp biển nội địa (tức người Trung Hoa) phần lớn dùng đất Giang Bình, Bạch Long Vĩ [Chú: Đây là một khu vực ở đông bắc, đã bị người Pháp nhường cho Trung Hoa khi ký hiệp ước Thiên Tân. Bạch Long Vĩ ở đây là một bán đảo ở cạnh Giang Bình, xin đừng nhầm với đảo Bạch Long Vĩ nằm trong vịnh Bắc Bộ vẫn còn thuộc về nước ta] của An Nam làm nơi tụ tập. Cứ như bọn dương đạo mà thự tổng đốc Lưỡng Quảng Chu Khuê bắt được là Lương Tuyên Xán (梁宣燦) cung xưng thì giặc biển phần lớn ăn cướp và giấu tang vật ở An Nam. Khôi Luân cũng tâu rằng bắt được bọn cướp La A Nghĩa (羅阿義) cũng khai rằng trên thuyền nào cũng có bọn cướp nội địa vài dứa ăn mặc theo lối "ngoại di", giả làm người An Nam để dọa nạt khách buôn (據供每船俱有内地盜匪数人穿著[外夷]服飾，扮作安南人，恐嚇商旅) (tr. 243).

Kẻ có mang ấn tiêu (giấy tờ có đóng dấu chính thức) do đầu sỏ là Vương Tín Chương (王信章) cấp làm bằng để được quyền đi ra ngoại dương. Vương Tín Chương vốn là người Quảng Đông đã từng ở nước ngoài lâu năm, thuyền cướp cùng bọn có 6 chiếc, lại có bọn khác số thuyền đến hơn 20 chiếc.

Dương dạo cầm ấn tiêu trong đó có "*ngụy hiệu*", lại cũng có hàng chữ "*mua hàng từ Thăng Long đem về Phú Xuân*". Khôi Luân sau đó cũng bắt được bọn đạo phạm ở tỉnh Việt [Quảng Đông] là

Trần A Trừng (陳阿澄) trong đó một tên là Phạm Quang Hỉ (范光喜) có chức tổng binh của An Nam.

Ngoài ra cứ theo lời cung xưng của La Á Tam (羅亞三) thì tàu ô An Nam có 12 tổng binh, thuyền hơn 100 chiếc, đều được phong hiệu của quốc vương An Nam, việc ra biển đánh cướp không phải là Nguyễn Quang Toản không biết. Theo *Thanh sử cảo* viết về quan binh ở tỉnh Chiết đánh dẹp cướp biển thì nhân mưa to gió lớn, trong mưa có lửa xẹt vào đốt thuyền giặc gây ra thiệt hại, tham tướng Lý Thành Long (李成隆) dẫn binh vượt nước thu đoạt súng lớn, bắt được sắc văn của An Nam và ấn đồng tổng binh bốn cái. Trong sắc văn có hàng chữ "*sai tào đội đại thống binh Tiến Lộc hầu Luân Quý Lợi*" (差艚隊大統兵進祿候倫貴利). Luân Quý Lợi là người Trừng Hải, Quảng Đông chạy sang theo An Nam từng đánh nhau với cựu Nguyễn [chúa Nguyễn Ánh] lập công lao, được phong hiệu. Đội thuyền của An Nam gồm 76 thuyền, chia ra ba nhánh tiền trung hậu, Luân Quý Lợi chỉ huy hậu chi. Bốn chiếc ấn đồng đó, Luân Quý Lợi đeo một chiếc, còn ba chiếc ấn kia do ba tổng binh dưới quyền y giữ.

Tỉnh Mân bắt được tổng binh thuyền giặc An Nam là Phạm Quang Hỉ, y từng khai rằng Nguyễn Văn Huệ thay họ Lê, sau khi Nguyễn Văn Huệ chết, truyền cho con là Quang Toản, lúc đó giao tranh cùng cựu Nguyễn nhưng lại không cấp quân phí nên phải sai đội tàu ra ngoài biển cướp bóc.

Ngày mồng 3 tháng Tám năm Gia Khánh nguyên niên (1796), quân cơ đại thần Hòa Thân gửi thư cho Khôi Luân ra lệnh gửi thư cho An Nam quốc vương Nguyễn Quang Toản, báo cho biết rằng "*... hiện đã bắt được trên biển vùng Mân Việt thuyền lớn của bọn giặc bề phần nhiều ăn mặc theo lối người đi, bên trong cũng có phỉ đồ nội địa giả làm người đi. Lại cũng bắt được đạo phỉ có mang ấn tiêu* [giấy tờ có đóng dấu] *có các địa danh Thăng Long, Phú Xuân và ấn ký An Nam, ấy là phỉ đồ của quý quốc thông đồng cướp phá đã có chứng cứ xác thực.*

Nghĩ đến quốc vương vốn được tắm gội trọng ân của đại hoàng đế nên nếu như tâu lên tất cả như thế e rằng quốc vương có điều chưa tiện, thành thử tạm hoãn báo cáo. Thế nhưng dương phỉ của quý quốc không chỉ cướp phá tại biển Việt [biển Quảng Đông] *lại còn tới tận biển tỉnh Mân* [Phúc Kiến], *nếu quốc vương không nghiêm nhặt cấm đoán, ắt là tình hình càng lúc càng bùng lên, lúc đó không thể không cứ thực tâu lên.*

Tổng đốc tiền nhiệm họ Chu chỉ vì không lùng bắt đầy đủ biện lý cướp biển không có khả năng khiến cho hoàng đế giáng chỉ ra lệnh hồi kinh trị tội, đặc mệnh bản bộ đường Cát [Khánh] *tiếp nhiệm tổng đốc Lưỡng Quảng, cùng bản bộ đường Khôi* [Luân] *cùng chung truy nã. Bọn bản bộ đường đều là đại thần người Mãn Châu, tiền quốc vương* [tức vua Quang Trung] *khi nhập cận đã từng gặp nhau ở kinh đô,* [có tình] *cùng đến triều đình nên mới gửi thư trước để cho quốc vương tra xét rõ ràng tìm cách giải quyết. Chắc hẳn bọn phỉ đồ này xông vào mặt biển nội địa đánh cướp, lại cần ấn tiêu, quốc vương chưa chắc đã biết mà là ở các trấn mục quý quốc không biết quản thúc chặt chẽ nên mới xảy ra cớ sự.*

Thế nhưng cha con quốc vương hai đời nhận được ơn thiên tử, thật là sâu dậm, ắt hẳn càng tăng thêm việc tra xét cho nghiêm nhặt, sức cho trấn mục hiệp lực truy bắt cho kỳ được tên đầu sỏ cùng nơi chúng ẩn náu, trừng phạt đích đáng để cho bọn đạo phỉ nghe tin trốn biệt, có thế mới không phụ ơn cao dày thiên triều ban cho, nội địa và quý quốc đường biển thông nhau, mặt biển đều đã định giới.

Từ nay về sau, giặc biển từ nơi quý quốc nếu như lại sang cướp phá ở mặt biển của nội địa, nếu như bắt được ắt sẽ lập tức chính hình [chém đầu] *thế ấy không phải là không báo trước. Huống chi quốc vương kế vị được phong làm phên giậu, đại hoàng đế cũng thêm ân quyến, so với phong cương đại thần* [đại thần được giao cho một khu đất, chỉ chức vụ tổng đốc] *thật chẳng khác gì, bách tính của quý quốc cũng như con dân thiên tử, gặp cảnh kẻ ác như thế này thì cũng không phân bờ cõi, đều trừng trị giải quyết. Còn*

như đạo phỉ nội địa nếu ở tại mặt biển quý quốc cướp bóc, quý quốc cũng hãy bắt giữ, lập tức chính pháp chẳng cần phải giải tống đến nội địa để khỏi sơ suất trốn thoát.

Như thế hai bên hỗ tương lùng bắt, đường biển có thể thông suốt, quốc vương cũng được hưởng ân quyến dồi dào...".[1]

Khôi Luân cùng Cát Khánh thay đổi gửi thư cho Nguyễn Quang Toản tra bắt, lại đem ấn tiêu tìm thấy gửi giao cho Nguyễn Quang Toản đọc, hỏi rằng ấn tiêu đó do ai cấp, ai là người được giao để trả lời cho rõ.

Ngày 14 tháng Giêng năm Gia Khánh thứ 2, Cát Khánh nhận được hai văn thư của quốc vương An Nam Nguyễn Quang Toản, nói rằng đã sai người ra sức tìm bắt, lại nói rằng các ấn tiêu thu được là của "*bọn đầu sỏ giặc các vùng Đồng Nai, Trấn Ninh ngụy xưng là Gia Hưng vương, Chiêu Quang vương cấp cho hải khấu để chúng làm vây cánh, rồi đưa ấn tiêu giả ra để giả họa tiếng xấu*".[2]

Nguyễn Quang Toản sai Đinh Công Tuyết (丁公雪) đem binh thuyền tuần tra mặt biển, bắt giết rất nhiều. Ngày 24 tháng Ba năm Gia Khánh 2, tri phủ Liêm Châu tỉnh Quảng Đông là Trương Tăng (張增) bẩm rằng Đinh Công Tuyết giải đến bọn đạo phạm Hoàng Trụ (黃柱) 63 người và 2 chiếc thuyền, lại phá hủy hơn 100 nhà cửa của bọn cướp ở Giang Bình. Ngày 26 tháng Ba, Đinh Công Tuyết giải giao bọn cướp ở Thiên Nam Kiều cho Trương Tăng thu nhận.[3]

Ngày mồng 1 tháng Năm, Thanh đình gửi lại sắc dụ trả lời Nguyễn Quang Toản hãy sức cho thuộc hạ biên viên nỗ lực tuần phòng, làm sạch giặc biển, an lòng thương nhân và hải cương yên tĩnh.

---

1. *An Nam dâng*, Gia Khánh nguyên niên, ngày mồng 3 tháng Tám, ký tín thượng dụ.
2. Người dịch chú: Gia Hưng là niên hiệu của chúa Nguyễn khi xưng vương năm Canh Tí (1780).
3. *Cung trung dâng*, hòm 2706, bao 16, hiệu 2368, Gia Khánh nhị niên, 24 tháng Tư, tấu triệp của Trương Thành Cơ (Đài Bắc: Quốc lập Cố cung Bác vật viện).

Càn Long mạt niên và Gia Khánh sơ niên, Bạch Liên giáo và Thiên Địa hội liên tiếp nổi dậy, các vụ án lớp này lớp khác không dứt. Tháng Bảy năm Càn Long 52 (1787), người của Thiên Địa hội là Hà Hỉ Văn (何喜文) đem binh thuyền chạy sang đầu phục An Nam, cha con họ Nguyễn liền thu nhận dung chứa cho đảng Thiên Địa hội.

Càn Long 53 (1788), quân Thanh bình định loạn Lâm Sảng Văn (林爽文) ở Đài Loan rồi, vấn đề trị an dọc theo bờ biển đông nam càng lúc càng xấu đi mỗi lúc một rõ, phía tây Quảng Đông bên cạnh biển của An Nam thì hải phỉ hoạt động càng thêm càn rỡ, Thanh đình đã sớm nghi rằng giặc bể có cấu kết với Nguyễn Quang Bình.[1]

Nguyễn Quang Toản đánh với Nguyễn Phúc Ánh mấy lần không thắng, dân nội địa lần trốn ở An Nam lục tục ra đầu thú. Tháng Tám năm Gia Khánh 4 (1799), Cát Khánh tâu rằng dân người Đản ở Quảng Đông là Phương Duy Phú (方維富) dem theo đồng bọn Lương Văn Khoa (梁文科) 18 người từ An Nam đầu xuất.

Tháng Mười năm Gia Khánh 8 (1801), theo tri phủ Liêm Châu, Quảng Đông là Thường Cách (常格) bẩm lên rằng đầu đảng cướp là Trần Thiêm Bảo (陳添保) đem theo đồng bọn dàn ông dàn bà đến Khâm Châu đầu thú, Cát Khánh lập tức sức lệnh đem bọn Trần Thiêm Bảo giải lên tỉnh thẩm vấn.

Theo lời khai thì Trần Thiêm Bảo vốn người huyện Tân Hội tỉnh Quảng Đông đi đánh cá bị bão trôi dạt sang An Nam năm Càn Long 48 (1783) bị Nguyễn Văn Huệ bắt được, phong cho chức tổng binh. Trần Thiêm Bảo có trình ra một quả ấn đồng của An Nam và 4 tờ sắc thư, đều là tên quan thuộc An Nam.

---

1. Sơn Bản Đạt Lang, *Việt Nam Trung Quốc quan hệ sử* (Đông Kinh: Sơn Xuyên xuất bản xã, 12.1975), chương 7, tiết 8: "Thanh Nguyễn lưỡng triều quan hệ chi thành lập", tr. 457.

Ngày 14 tháng Một, trong thượng dụ gửi xuống có nói là lâu nay cướp biển quấy rối, đều do An Nam chứa chấp mà ra. Khi Nguyễn Văn Huệ còn sống đã từng bắt giữ nhân dân nội địa, gia phong ngụy hiệu rồi ra lệnh cho ra biển ăn cướp, thật là táng tâm coi rẻ đạo lý, không còn là con người.

Còn như trong sắc thư của An Nam có viết: "*coi thiên hạ như một nhà, coi bốn biển như một người*" thì Nhân Tông trách mắng là "*Dạ Lang tự đại*". Nhân Tông lại dụ rằng: "*nếu xét những lời lẽ cuồng vọng ấy, đáng ra phải kể tội đem quân đánh dẹp, thế nhưng nước đó hiện nay đang cùng với Đồng Nai giao binh, ta cũng không nên thừa lúc họ nguy cấp mà chinh phạt, tính toán lẽ trời thì nước kia diệt vong chỉ trong sớm tối nên cũng không cần phải dùng văn mà dạy bảo, chẳng cần phải viết thư cho họ làm gì*".

Cha con Nguyễn Quang Toản được Thanh đình sách phong làm An Nam quốc vương, thân nhận ơn lớn, vậy mà sai đạo phỉ ra biển ăn cướp khiến cho thái độ của nhà Thanh thay đổi nên khi Nguyễn Phúc Ánh mượn được sức từ bên ngoài đại cử bắc phạt, chính quyền Nguyễn Quang Toản lâm vào cảnh tan rã thì Thanh triều lại hạnh tai lạc họa không hề ngó tới, không còn để ý đạo lý tự tiểu tồn vong, hưng diệt kế tuyệt, trông thấy triều cống thuộc quốc đổ mà không cứu.

NGUYỄN PHÚC ÁNH LẤY LẠI NƯỚC VÀ NGUYỄN QUANG TOẢN BẠI VONG

Nguyễn Phúc Ánh sau khi lưu vong ở Xiêm La nhưng vẫn trì chí khôi phục đất cũ, ngày đêm trông ngóng quân Pháp viện trợ. Tháng Bảy năm Càn Long 52 (1787), Nguyễn Phúc Ánh từ Xiêm La trở về nước. Bá Đa Lộc dắt con lớn của Nguyễn Phúc Ánh đến nước Pháp, thuyết phục vua Pháp trợ giúp Nguyễn Phúc Ánh lấy lại nước dùng đất An Nam làm căn cứ để tranh thủ với nước Anh.[1]

1. Ôn Diệp Quân Sơn, Đăn Đào (Dịch và hiệu đính), *Thanh triều toàn sử* (Đài Bắc: Trung Hoa thư cục, 9.1960), tr. 93.

Tháng Sáu năm Càn Long 54 (1789), con trưởng của Nguyễn Phúc Ánh là Cảnh quay về An Nam sau khi ký kết hiệp ước với nước Pháp. Nguyễn Phúc Ánh chiêu binh tập lính, tích cực chuẩn bị lại mua thêm binh khí Tây phương, chế tạo các loại chiến thuyền, mở cửa thông thương, trù biện lương hướng, lại nhờ quan quân Tây dương huấn luyện thủy sư chờ cơ hội tiến đánh.

Tháng Tư năm Càn Long 58 (1793), Nguyễn Phúc Ánh đem quân vây đánh thành Quy Nhơn, Nguyễn Văn Nhạc không chống nổi nên tháng Tám năm đó sai người đến Phú Xuân cáo cấp, Nguyễn Quang Toản sai thái úy Nguyễn Văn Hưng đem hơn 17.000 quân bộ và 80 con voi vào cứu viện, binh thế mạnh mẽ, Nguyễn Phúc Ánh sợ hai mặt trước sau đều bị tấn công nên rút về Gia Định.

Nguyễn Văn Nhạc chết, con là Nguyễn Văn Bảo cùng với Nguyễn Quang Toản hai bên nghi kỵ nhau, không thể dung được, trong nội bộ Nguyễn Quang Toản lại có tranh chấp, tình hình bất ổn. Thái sư Bùi Đắc Tuyên là cậu của Nguyễn Quang Toản từng nhận được di chiếu làm phụ chính, tùy tiện sinh sát, tiếng oán thán khắp nơi.

Tháng Năm năm Càn Long 60 (1795), y bị tư khấu Vũ Văn Dũng giết, các tướng chia thành phe đảng giết lẫn nhau, cựu thần, tướng giỏi phần nhiều bị tru lục, Nguyễn Quang Toản không ước thúc nổi, lòng người càng lúc càng ly tán. Tháng Bảy năm đó, Nguyễn Phúc Ánh thừa cơ lấy được thành Diên Khánh.

Gia Khánh nguyên niên (1796), Nguyễn Phúc Ánh nghe lời khâm sai đô thống chiêu thảo sứ là Đỗ Văn Trưng (杜文徵) nên tấn công Quảng Nam trước để chiếm lấy địa lợi, cắt đứt đường tiếp viện của Quy Nhơn.

Tháng Hai năm Gia Khánh 4 (1799), Nguyễn Phúc Ánh sai sứ sang Xiêm La mượn binh, xin điều động Chân Lạp và Vạn Tượng theo đường thượng đạo đánh vào Nghệ An để trợ thanh

thế khiến cho Nguyễn Quang Toản trước sau đều thụ địch không thể mưu tính chuyện gì khác.

Tháng Ba năm đó, Nguyễn Phúc Ánh lại đem đại quân tiến đánh Quy Nhơn, trong thành binh ít lương thực hết nên đến tháng Sáu năm đó lấy được thành, đổi tên thành Bình Định.

Tháng Năm năm Gia Khánh 5 (1800), lấy được đồn Hội An. Tháng Sáu, thượng đạo tướng quân là Nguyễn Văn Thụy (阮文瑞) đem quân Vạn Tượng tiến đánh Nghệ An.

Tháng Giêng năm Gia Khánh 6 (1801), thủy quân Nguyễn Quang Toản bị đánh bại ở cửa biển Thị Nại. Tháng Ba, liên tiếp lấy được Trà Khúc, Phú Chiêm, hai bên thủy lục cùng tiến lên khắc phục được kinh đô cũ nên đến tháng Năm dã đến Phú Xuân, Nguyễn Quang Toản bỏ thành chạy lên Thăng Long ở phía bắc.

Nguyễn Phúc Ánh vào thành, tra ra được 13 ấn tín, 33 đạo sắc thư.[1] Nguyễn Phúc Ánh sai Lê Chất đem bộ binh đuổi theo Nguyễn Quang Toản, lại sức hai phủ Triệu Phong, Quảng Bình sẽ thưởng cho ai bắt được đồng đảng của Nguyễn Quang Toản và tìm bắt được anh em của Nguyễn Quang Toản là Nguyễn Quang Cương, Nguyễn Quang Tự, Nguyễn Quang Điện.

Thanh đình tuy đã mật sức chú ý theo dõi nội tình An Nam thay đổi như thế nào nhưng cũng chỉ đứng xa để chờ thái độ. Năm Gia Khánh 4, khi Nguyễn Phúc Ánh đánh Quy Nhơn, có bọn Nguyễn Hựu Định (阮祐定) vì bị bão thổi vào vùng biển đất Việt [tức Quảng Đông][2] xin được cấp cho lương thực trả về Gia Định. Tổng đốc Lưỡng Quảng Cát Khánh cũng vỗ về rồi thả cho về An Nam.

1. Người dịch chú: Tức văn thư nhà Thanh gửi sang nước ta đời Tây Sơn.
2. Người dịch chú: Theo hồ sơ Nguyễn Hựu Định, còn tấu triệp của đốc phủ Thanh triều và thư của quan lại thì viết là Nguyễn Tiến Định, *Đại Nam thực lục* viết là "cai đội Nguyễn Hựu Định", ở đây theo *Đại Nam thực lục*.

Tháng Hai năm Gia Khánh 6 (1801), người dân ở huyện Thuận Đức, Quảng Đông là Triệu Đại Nhậm (趙大任) nhận bài chiếu (giấy phép) đến Nhai Châu buôn bán, bị gió thổi đến Hội An. Nguyễn Phúc Ánh sai người cho gọi Triệu Đại Nhậm đến Phú Xuân, cho người sửa lại thuyền, cấp cho lương thực. Tháng Bảy năm đó, khi Triệu Đại Nhậm gặp Nguyễn Phúc Ánh ở Phú Xuân, Nguyễn Phúc Ánh giao cho bẩm văn ra lệnh đem về Quảng Đông.

Trong tờ bẩm đó ngoài việc cảm tạ tổng đốc Lưỡng Quảng đã thưởng cấp cho Nguyễn Hựu Định lương thực ra còn viết: "... *trong tương lai khi việc chinh chiến* [金革] *đã lơi bớt, sẽ lại sai bồi giới đem mọi việc trong nước giãi bày để xin giúp cho việc thiên tử quyến cố được thành tựu*".[1]

Ngày 17 tháng Chín năm đó, Cát Khánh sao lục nguyên bẩm của Nguyễn Phúc Ánh và lời cung khai của Triệu Đại Nhậm trình lên, rồi gửi triệp trong đó viết: "... *ngoại phiên đánh lẫn nhau không liên quan gì đến nội địa, vốn không hỏi đến, huống chi An Nam quốc vương Nguyễn Quang Toản trước nay cung thuận, từng thụ ân phong, nay đã di chuyển đến thành Thăng Long. Nay kẻ địch của y là* [quân] *Đồng Nai, tuy đã có bẩm văn gửi đến tỉnh Việt* [Quảng Đông - Quảng Tây] *trình đệ, bọn thần không tiện gửi trát dụ trả lời để khỏi gây ra chuyện rắc rối. Tra thấy Đồng Nai binh lực mạnh, đã chiếm được Phú Xuân các nơi của An Nam, mai sau nếu lấy được toàn cõi An Nam, sai bồi giới đến đây, bọn thần sẽ xem xét tình hình, tra hỏi cho rõ ràng, rồi sẽ lại tâu lên để cung kính xin hoàng thượng chỉ dạy mà tuân hành. Hiện tại hai bên còn đang tranh đoạt mọi việc chưa xong, chưa nên ngả theo bên nào để thêm sinh chuyện*".

Nguyễn Phúc Ánh giúp cho Triệu Đại Nhậm trở về nước dệ trình bẩm văn cũng là để tạo thân thiện với đốc phủ, mong được

1. *Cung trung đáng*, hòm 2712, bao 50, hiệu 6175, Gia Khánh lục niên, ngày 17 tháng Chín, tấu triệp của Cát Khánh.

tâu rõ với hoàng đế để được Thanh đình giúp đỡ. Nhân Tông thấy Cát Khánh làm như thế rất đúng nên đã gửi dụ cho Cát Khánh hãy trấn tĩnh, không nên hỏi thêm nữa.

Ngày 20 tháng Một, Cát Khánh theo lời dụ viết thư trả lời Nguyễn Phúc Ánh, đại lược: "... *năm ngoái cứu giúp nạn dân nước kia, vốn là lệ thường của việc thiên triều vỗ về các nước ngoại di, nên chưa từng tâu lên cho đại hoàng đế thánh giám. Nay người dân Triệu Đại Nhậm bị dạt sang nước ông, chiếu liệu đưa trở về đất Việt, lại có bẩm văn kèm theo, bản bộ đường hết sức cảm tạ sự thành thực. Thế nhưng vì năm trước chưa từng tâu lên việc phủ tuất cứu nạn nên lúc này bẩm từ của nước ông cũng không tiện đưa lên*".[1]

Nói cách khác, việc nội chính của thuộc quốc, thiên triều không tiện hỏi đến nên chỉ sai đốc phủ ra mặt biện lý để coi như vấn đề thuộc địa phương mà thôi.

Định lệ của An Nam hai năm một lần triều cống, bốn năm sai sứ nhập triều một lần, đem cống lễ hai lần gộp một, năm Canh Thân, Gia Khánh 5 (1800) là cống kỳ của An Nam. Trước đây, năm Gia Khánh 4 (1799), Nguyễn Quang Toản đã cung kính gửi biểu văn tiến cống, sai bồi thần mang tới cửa quan tiến trình cho tuần phủ Quảng Tây Đài Bố (台布), tuân chỉ: "... *lần này dự tiến vào lệ cống của năm Canh Thân (1800), giống như lệ cống lần trước, lại tiến cống cả lần năm Nhâm Tuất (1802) cùng một lượt*". Năm Nhâm Tuất tức là Gia Khánh 7 (1802).

Thế nhưng cứ như tri phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây là Vương Phủ Đường (王撫棠) bẩm lên thì ngày 13 tháng Chín, Gia Khánh 6, quốc vương An Nam Nguyễn Quang Toản có dệ lên hai biểu văn tiến cống, hai bản văn trình riêng, trong biểu văn một cái liệt kê cống phẩm và một biểu văn tiến cống năm Giáp Tí (1804). Nguyễn Quang Toản nói rằng năm Giáp Tí tức Gia Khánh 9 (1804)

1. *Cung trung đáng*, hòm 2712, bao 52, hiệu 6722, Gia Khánh lục niên, ngày 20 tháng Một, tấu triệp của Cát Khánh.

cách năm Nhâm Tuất cũng không xa nên tâu lên xin được cùng cống một lượt, tờ trình đó chuyển sang cho đốc phủ Lưỡng Quảng hội đồng tâu lên thay, phụng chỉ chuẩn hành.

Tuần phủ Quảng Tây Tạ Khải Côn (謝啟昆) lập tức thông báo cho Nguyễn Quang Toản khâm tuân biện lý, Nguyễn Quang Toản trả lời rằng sẽ định vào tháng Năm, năm Gia Khánh 7 sẽ tới Trấn Nam Quan kèm theo là danh sách tên cống sứ và người tùy hành.

Khi đó Tân Châu, Phú Xuân các nơi liên tiếp thất thủ, Thăng Long cũng đang nguy cấp, Nguyễn Quang Toản mong được giúp đỡ gấp nên dự bị sửa soạn chức cống, bốn lần cống cùng mang một lượt.

Châu Bảo Lạc của An Nam giáp với phủ Trấn An, tỉnh Quảng Tây, năm Gia Khánh 5 (1800), cựu thần nhà Lê Nông Phúc Liên (農福連) dẫn dân chúng châu Bảo An cùng người trong mỏ thiếc tổng cộng 2.000 người, hưởng ứng lời kêu gọi của Nguyễn Phúc Ánh.

Ngày 20 tháng Chín năm Gia Khánh 6 (1801) đánh lấy được trấn Mục Mã rồi chia binh thành ba đường tấn công xuống kinh đô Thăng Long nhà Lê.

Tháng Mười năm đó, Nguyễn Phúc Ánh sai Nguyễn Văn Thành tấn công bảo (thành nhỏ) Chỉ Lô (紙爐) [Trực Lệ?], rồi thừa thắng vươn dài đến tận sông Tân An, quay vòng lại nhổ bảo Hôi Cao (灰窯), đại đô đốc An Nam là Lê Đình Chính (黎廷正) ra hàng.

Tháng Một, Nguyễn Phúc Ánh hủy mộ của Nguyễn Văn Huệ, bổ quan tài băm xác, bêu đầu tại chợ, con trai con gái cùng người trong họ, các tướng hiệu hơn 30 người đều bị lăng trì.

Tháng Giêng năm Gia Khánh 7 (1802), Nguyễn Phúc Ánh dời ra Động Hải, quân thủy của Nguyễn Quang Toản bị đánh tan

chạy ra Đông Cao (東皐) rồi vượt sông Gianh. Tướng là Nguyễn Văn Kiên đem quân ra hàng, Nguyễn Phúc Ánh tiến lên chiếm được bảo Thanh Hà.

Tháng Ba, bắt giết ba người con của Nguyễn Văn Nhạc, đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định, tu bổ xây đắp hoàng thành.

Ngày mồng 1 tháng Năm, làm lễ lên ngôi, lấy niên hiệu là *Gia Long*, sai thượng thư bộ Hộ Trịnh Hoài Đức làm chánh sứ, Binh bộ hữu tham tri Ngô Nhân Tĩnh, Hình bộ hữu tham tri Hoàng Ngọc Uẩn làm phó sứ, mang quốc thư và phương vật, lại cầm sắc thư và ấn tín Thanh đình tích phong cho cha con Nguyễn Quang Toản cùng bọn giặc biển Mạc Quan Phù, Lương Văn Canh, Phàn Văn Tài đến Hổ Môn tỉnh Quảng Đông giao lại.

Nguyễn Phúc Ánh dùng hai chữ *Gia Long* (嘉隆) làm niên hiệu, các sử gia nói mỗi người một cách. Trần Uy Tín trong *Việt Nam quốc hiệu khảo* (Khảo về tên nước Việt Nam) nói là: "*Khi sứ thần Việt Nam đến Trung Quốc bàn bạc về quốc danh, vua Gia Khánh đã kế vị vua Càn Long nên triều thần nghi rằng vua Việt lấy niên hiệu Gia Long có ý dùng tên của hai vua Gia Khánh và Càn Long nên đã trách hỏi sứ thần thì sau đó Việt sứ Lê Quang Định mới giải thích rõ ràng là vua Việt thống nhất đất nước nay từ Gia Định ra tới Thăng Long (nay Hà Nội) nên lấy ý nghĩa thống nhất toàn quốc, triều Nguyễn đổi Long* (龍) [là rồng] *thành Long* (隆) [là hưng thịnh]".[1]

Nói cách khác, định nghĩa cho hai chữ *Gia Long* ấy là vì đất mà có tên chứ không có ý dùng niên hiệu hai vua Càn Long, Gia Khánh. Có điều Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi lấy niên hiệu ấy là trước khi lấy được Thăng Long, chưa thống nhất toàn quốc. Còn như việc đổi "*Long* (龍) [là rồng] *thành Long* (隆) [là hưng thịnh]" vốn đã có từ các văn thư qua lại với Thanh triều còn khi Nguyễn

1. Trần Uy Tín, *Việt Nam quốc hiệu khảo* (Đông Nam Á học báo, đệ nhất quyển, kỳ thứ 2, 9.1965), tr. 16.

Phúc Ánh thống nhất An Nam thì kinh đô nhà Lê tức *Hà Nội* chữ viết vẫn là *Thăng Long* (rồng).

Theo sách *Việt Nam địa dư đồ thuyết* của Thịnh Khánh Phất (盛庆绂) thì: "*Họ Nguyễn Việt Nam lúc mới vào Đồng Nai thì tuyển dân binh hai vùng Gia Định và Vĩnh Long để mưu tính phục quốc được hưởng ứng rất là đắc lực. Khi được nước rồi không quên nơi xuất phát nên đã lấy Gia Long làm niên hiệu*".[1]

Thanh sử cảo cũng nói là: "*Nguyễn Phúc Ánh được nước do dân chúng từ Gia Định và Vĩnh Long rất đông nên lấy hai tỉnh làm niên hiệu, gọi là Gia Long*".[2]

Tỉnh Vĩnh Long tức là trấn Vĩnh Thanh cũ, tây bắc Gia Định [Trấn Vĩnh Thanh là một trong năm trấn của thành Gia Định] ấy là tên đất cũ của Sài Gòn, là căn cứ địa phục quốc của Nguyễn Phúc Ánh.

Nguyễn Phúc Ánh binh lực cường thịnh nên thắng được vì có người Pháp, Xiêm La, Chân Lạp, Vạn Tượng các nước giúp đỡ, Nguyễn Quang Toản binh nhỏ tướng ít, đánh đâu thua đó nên sai sứ cầu viện Thanh đình nhưng thái độ Thanh Nhân Tông lãnh đạm, từng dụ cho đốc phủ Lưỡng Quảng là "*man xúc tranh nhau có liên quan gì đến Trung Quốc đâu, vậy nên giữ chắc biên giới, bình tĩnh mà đợi thôi*".

Ngày 17 tháng Năm năm Gia Khánh 7, Nguyễn Phúc Ánh ra lệnh cho các lộ thủy lục tất cả cùng tiến lên.

Ngày 27, quân tiến đến Hoành Sơn, đô đốc An Nam là Nguyễn Văn Ngũ (阮文五) tan rã.

Ngày 28, lấy được Hà Trung (河中).

Ngày 29, lấy được Đại Nại (大奈).

---

1. Thịnh Khánh Phất, *Việt Nam địa dư đồ thuyết*, xem *Tiểu Phương Hồ Trai dư địa tùng sao*, tập 10, tr. 111 "Việt Nam đổi Thăng Long (升龙) thành Thăng Long (升宝) tháng Tám năm Gia Khánh 10".
2. *Thanh sử cảo*, Thuộc quốc truyện, tr. 1654.

Ngày mồng Một tháng Sáu, bắt được em của Nguyễn Quang Toản là Nguyễn Thất (阮七).

Ngày mồng 5, lấy được Dương Xá bắt được em Nguyễn Quang Toản là bọn Nguyễn Quang Bàn.

Ngày mồng 10, lấy được Thanh Hoa.

Ngày 14, vây đánh thành Thăng Long đến ngày 17 thì lấy được thành, Nguyễn Quang Toản và các em Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Quang Thiệu, Nguyễn Quang Thùy cùng tư mã Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Tích (阮文錫) chạy lên Xương Giang, đến đêm nghỉ lại chùa Thọ Xương, người đi theo đều bỏ đi cả. Nguyễn Quang Thùy chạy đến Thuyền Đầu (船頭) bị đuổi rất gấp nên tự cắt cổ chết. Còn bọn Nguyễn Quang Toản bị dân chúng trong làng bắt được, bỏ vào cũi giải về Thăng Long, sau cũng bị giết.

Ngày 21, Nguyễn Phúc Ánh vào thành Thăng Long.[1]

Tân Nguyễn từ Nguyễn Văn Huệ xưng đế cải nguyên đến Nguyễn Quang Toản thua trận bị bắt được hai đời vua, tổng cộng 15 năm thì mất. Nếu nói về toàn cảnh An Nam thì gồm 4 trấn, 47 phủ, 157 huyện, 40 châu đều do Nguyễn Phúc Ánh bình định, toàn quốc nay quay về một mối.

NGUYỄN PHÚC ÁNH SAI SỨ TIẾN CỐNG VÀ VIỆC TÁI LẬP QUAN HỆ TRUNG HOA - VIỆT NAM

Thanh đình rất quan tâm đến việc tranh chấp nội bộ ở An Nam từng nhiều lần sức cho đốc phủ thấy có gì thì báo lên ngay.

1. *Đại Nam thực lục chính biên*, quyển 170, tr. 21. Gia Long nguyên niên, ngày Canh Thân, tháng Sáu, Nguyễn Phúc Ánh hạ chiếu bố cáo trong ngoài. Lại cứ theo người dâu mục giữ cửa quan châu Văn Uyên tên là Lương Vinh Đạt (梁榮達) thì Nguyễn Quang Toản vào ngày 17 bị bắt ở Thông Xóm (通侩). Ngày 18, Nguyễn Phúc Ánh vào Thăng Long. Thịnh Khánh Phất trong *Việt Nam địa dư đồ thuyết* đã nhầm là Nguyễn Quang Toản thua chạy rồi tự sát.

Ngày 18 tháng Bảy năm Gia Khánh 7, quân cơ đại thần tuân chỉ gửi thư cho tổng đốc Lưỡng Quảng Cát Khánh hỏi rằng: "*Đồng Nai do ai làm chủ, binh lực như thế nào?*".

Ngày mồng 8 tháng Tám năm Gia Khánh 7, tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình nhận được thượng dụ gửi xuống, đại lược viết: "*... ngoại di thôn tính lẫn nhau, vốn không liên quan gì đến nội địa, nếu như Nguyễn Chủng quả có nạp khoản xin phong, hay có ý gì khác thì tổng đốc hãy tâu lên chờ chỉ mà thi hành*".

Trước khi Thăng Long thất thủ, cống sứ của Nguyễn Quang Toản sai đi thì đã khởi trình, ngày 21 tháng Năm năm Gia Khánh 7, cống sứ An Nam và những người tùy hành tổng cộng 25 người tiến quan. Ngày 18 tháng Sáu, đi đến Ngô Châu, ngày mồng 2 tháng Bảy, đến huyện Tam Thủy, tỉnh Quảng Đông.

Khi Thăng Long mất, phiên phong (danh nghĩa là phiên thuộc của nhà Tây Sơn) không còn giữ được nữa nên cống sứ An Nam không tiện hộ tống lên kinh đô nên Thanh Nhân Tông dụ cho đốc phủ ra lệnh cống sứ quay về Trấn Nam Quan.

Ngày 14 tháng Bảy, Cát Khánh tâu lên rằng bồi thần Nguyễn Phúc Ánh sai đi là Trịnh Hoài Đức đã trói giải đến bọn cướp biển là tổng binh An Nam Mạc Quan Phù, Lương Văn Canh, Phàn Văn Tài ba người đến đất Việt (Quảng Đông).

Theo lời cung khai của Mạc Quan Phù thì y gốc người huyện Toại Khê (遂溪), Quảng Đông. Năm Càn Long 52 (1787), y đến núi Thanh Lan (清澜) chặt củi bị giặc bắt phải gia nhập bọn chúng đi theo ăn cướp. Tổng binh An Nam là Trần Thiêm Bảo chiêu dụ Mạc Quan Phù, Trịnh Thất đi theo An Nam đều được phong chức tổng binh.

Gia Khánh nguyên niên, Mạc Quan Phù trước sau cướp được 17 chiếc thuyền lớn nhỏ, tụ được đồng đảng hơn 1.000 người, từng giết chết giặc biển tỉnh Mân là Hoàng Thắng Trường (黄勝長) hơn 600 người, quốc vương An Nam thấy y kiêu dũng như thế nên

phong y làm Đông Hải vương. Gia Khánh 6, Mạc Quan Phù cùng Lương Văn Canh đem 9 chiếc thuyền đánh với thủy quân của Nguyễn Phúc Ánh ở biển Phú Xuân rồi bị bắt.

Lương Văn Canh quê huyện Tân Hội, năm Càn Long 53 được Trần Thiêm Bảo chiêu dụ đi theo An Nam phong cho chức thiên tổng. Năm Gia Khánh 5, An Nam quốc vương thấy y ra sức chiến đấu, phong cho làm tổng binh.

Phàn Văn Tài quê ở huyện Lăng Thủy, năm Càn Long 53 chạy sang An Nam được phong chức chỉ huy. Năm Càn Long 55, thăng lên tổng binh.

Bọn Mạc Quan Phù ba người đều khai rằng trước sau tại duyên hải các tỉnh Giang [Tô], Chiết [Giang], Mân [Phúc Kiến], Việt [Quảng Đông] ăn cướp, giết người nhiều lần, đã tra hỏi minh bạch xin nghị tội, chiếu theo tội đại nghịch lăng trì luật thì phải lăng trì xử tử.

Tháng Bảy năm Gia Khánh 7, Nguyễn Phúc Ánh sai sứ thần là Lê Chính Lộ, Trần Minh Nghĩa bẩm xin được lên cửa quan nhưng vì chưa thông lễ tiết thiên triều, khẩn cầu chỉ thị "*tiểu phiên được ơn nuôi nấng kẻ nhỏ của thiên triều để an ở cõi nam*". Nguyễn Phúc Ánh tuy mượn ngoại lực đánh bại Nguyễn Quang Toản thống nhất được toàn cảnh đất An Nam nhưng lại mới bắt đầu tạo bang, lòng người chưa theo về. An Nam từ Đinh, Lý, Trần, Lê, Nguyễn các triều đều chăm chăm chức cống, Nguyễn Phúc Ánh muốn có được vai trò hợp pháp để củng cố chính quyền thì cần được thiên triều sách phong nên Nguyễn Phúc Ánh đã hai lần sai sứ nạp khoản để được chính thức thừa nhận.

Ngày 11 tháng Tám, tổng đốc Lưỡng Quảng Cát Khánh thấy lời lẽ trong tờ bẩm cung thuận nên gửi triệp tâu lên.

Ngày 20 tháng Tám, quân cơ đại thần tuân chỉ gửi cho tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình đem cống sứ của Nguyễn Quang Toản câu lưu gần Quảng Đông còn hai phái bộ sứ thần của Nguyễn Phúc Ánh thì cùng ra lệnh cho lên kinh đô.

Ở Trấn Nam Quan có Chiêu Đức Đài là nơi tiếp kiến sứ thần An Nam nên khi Nguyễn Phúc Ánh được chấp thuận nạp khoản rồi thì ngày 21 tháng Tám Tôn Ngọc Đình tâu lên xin ra lệnh cho sứ thần đến Chiêu Đức Đài chờ nghe tuyên dụ.

Ngày hôm đó, Cát Khánh nhận lệnh từ triều đình cho tuần phủ Quảng Tây đưa cống sứ thỉnh phong theo đường Quảng Đông lên kinh đô, cùng với sứ thần lần trước là bọn Trịnh Hoài Đức hai bên cùng đi một lượt.

Từ năm Càn Long 45 (1780), Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi tại Sài Gòn, sau đó mất cả Quảng Nam, lưu vong ở Xiêm La, mượn sức từ bên ngoài quay trở về nước, đến năm Gia Khánh 7 (1802), thống nhất toàn cõi An Nam, chiến đấu hơn 20 năm. Thanh đình từng nhiều lần sức cho bầy tôi tra xét tâu lên nhưng trong triệp của đốc phủ thường không rõ bên này bên kia, về Nguyễn Phúc Ánh khi thì Nguyễn Chủng, khi thì Đồng Nai, quan hệ tân cựu Nguyễn ở An Nam không nhận thức được đầy đủ.

Ngày 21 tháng Tám năm Gia Khánh 7, quân cơ đại thần tuân chỉ gửi cho Cát Khánh ra lệnh tra xét kỹ Nguyễn Chủng có phải là Nguyễn Phúc Ánh hay không, việc liên quan đến đại điển sách phong nên tên họ quốc vương thuộc quốc không thể không rõ ràng.

Khi đó Trịnh Hoài Đức đã trói dẫn bọn dương đạo Mạc Quan Phù đến Quảng Đông rồi còn đang đợi chỉ để lên kinh đô. Có điều khi Cát Khánh tâu rằng "*nghe nói Nguyễn Chủng là Binh bộ thượng thư của Nguyễn Quang Toản, đã bắt Nguyễn Quang Toản trói dẫn giao cho Nguyễn Phúc Ánh*" thì chỉ ra là Nguyễn Chủng và Nguyễn Phúc Ánh là hai người khác nhau, còn Tôn Ngọc Đình thì lại tâu Nguyễn Chủng và Nguyễn Phúc Ánh cùng là một người nên trong cống biểu của Nguyễn Quang Toản cũng nói là "*trước đây có tên giặc trốn đi là Nguyễn Chủng chiếm cứ Đồng Nai làm căn cứ*". Còn thuyết nói rằng Nguyễn Chủng là Binh bộ thượng thư của Nguyễn Quang Toản là việc ngoa truyền, Đồng Nai (農耐) là địa danh, tên

khác là Long Nại (龍柰), tức Lộc Lại (祿賴), lại có tên nữa là Lạo Lại (潦瀨), tức trong *Tống sử* từng gọi là Bồ Cam quốc (蒲甘國).[1]

Trong cống biểu của Nguyễn Phúc Ánh tuy xưng là Nam Việt quốc vương, có điều lời lẽ cung thuận nên đã được chuẩn thuận cho lên kinh đô tiến cống. Ngày mồng 6 tháng Tám năm Gia Khánh 7, quân cơ đại thần gửi thư cho Cát Khánh, đại lược "*trước đây Nguyễn Quang Bình thành tâm gõ cửa quan xin nội phụ, cực kỳ cung thuận, hoàng khảo ta xét lòng khổn thầm, ban cho phong hiệu đất đai, Nguyễn Quang Bình cảm kích vì được nhiều lần vinh hưởng, kính cẩn đích thân đến triều. Hoàng khảo lại càng thêm ân lễ, nhiều phen ban thưởng, nguyện sẽ chăm lo cho Nguyễn Quang Bình để cho xứng với cái ơn sủng ngộ. Đến khi Nguyễn Quang Toản kế vị đất Giao Nam, lại ban cho sắc mệnh, mong sao đời đời không đổi. Những năm gần đây, trên biển hai tỉnh Mân - Việt* [Phúc Kiến, Quảng Đông], *trong thuyền cướp biển có người để tóc dài, nghe nói là người của nước đó được lệnh ra biển nhập bọn đánh cướp. Cha con họ Nguyễn các đời nhận được quốc ân, không thể như vậy trẫm không vội tin ngay nên cho tra hỏi, nếu quả phỉ đồ tóc dài, biết đâu chỉ là dân nghèo nước đó, đi theo bọn cướp. Vì vậy đã giáng chỉ dụ sức cho tra bắt, nhưng không thấy nước đó bắt được người nào đưa tới.*

Nay Nguyễn Phúc Ánh trói giải bọn Mạc Quan Phù ba người, tra hỏi lấy cung, đều là đạo phỉ nội địa được nước kia chiêu dụ chạy qua, hoặc phong làm Đông Hải vương, hoặc phong làm tổng binh ngụy chức rồi ra lệnh tới biển của nội địa cướp bóc thuyền buôn, ấy là Nguyễn Quang Toản không tuân chỉ tra bắt mà còn oa trữ dung nạp kẻ phản bội, vong mạng, ban cho chức tước, hoành hành trên biển, phụ ơn cắn trả, thật không còn gì hơn nữa.

Đến như sắc thư ấn tín do thiên triều ban cho là những danh khí cực trọng phải kính cẩn giữ gìn, mất còn cùng với nước nhưng

1. Thịnh Khánh Phất, *Việt Nam địa dư đồ thuyết*, xem *Tiểu Phương Hồ Trai dư địa tùng sao*, tập 10, tr. 113.

Nguyễn Quang Toản không biết thận trọng, để cho năm ngoái Nguyễn Phúc Ánh khi đánh lấy Phú Xuân, lập tức vứt bỏ chạy trốn, tội ấy không thể nào trốn tránh được".[1]

Thanh đình thấy Nguyễn Quang Toản phụ ơn kết nạp kẻ phản bội, bỏ mất ấn tín, gây tội quá nặng không thể nào dung tha được. Còn như Nguyễn Phúc Ánh lại sai sứ thần cung kính giao nạp sắc ấn, lại bắt trói giặc biển chạy trốn đưa lên, tiến biểu xin nạp cống, quả là biết đạo thờ nước lớn, xem ra chí thành.

Ngày mồng 6 tháng Tám, trong đình ký có nói Nguyễn Phúc Ánh đất nước chưa yên, lại cũng chưa được phong làm phiên thuộc, nếu theo thể chế thiên triều thì chưa được vào hàng chức cống, nếu như nhận đồ cống hiến thì không hợp thể chế nên dụ lệnh cho Cát Khánh tạm thời bảo bọn Lê Chính Lộ quay về như thế mới đắc thể.

Ngày 30 tháng Chín, tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình đến Trấn Nam Quan, cho gọi bọn Lê Chính Lộ đến Chiêu Đức Đài sức dụ họ trở về nước báo cho Nguyễn Phúc Ánh biết, chuẩn cho sai sứ nạp khoản nhưng phải đem việc lấy toàn cõi An Nam, được nước thành tâm nạp khoản mọi duyên do đầu đuôi rồi làm biểu văn cầu phong, chuẩn bị cống phẩm sau đó sai sứ mang tới Nam Quan đợi lệnh.

Khi đó ở Bác La, Huệ Châu tỉnh Quảng Đông đang có hội dảng nổi lên, thế lực rất mãnh liệt nên tổng đốc Lưỡng Quảng Cát Khánh phải hết sức tiễu trừ vì vậy ra lệnh cho cống sứ lần trước là Trịnh Hoài Đức đổi sang đi đường Quảng Tây.

Ngày mồng 9 tháng Mười, Lê Chính Lộ trở lại Thăng Long. Nguyễn Phúc Ánh trước đó đã trở về Phú Xuân thăm mẹ nên Lê Chính Lộ cũng phải lên đường đi Phú Xuân.

---

1. *Cung trung dảng*, hòm 2712, bao 61, hiệu 8845, Gia Khánh thất niên, ngày mồng 6 tháng Tám, ký tín thượng dụ.

Tháng Một năm đó, Nguyễn Phúc Ánh thăng Binh bộ tham tri Lê Quang Định làm Binh bộ thượng thư sung vào chức chánh sứ, Lại bộ kiểm sự Lê Chính Lộ, Đông Các học sĩ Nguyễn Gia Cát sung giáp ất phó sứ, cung kính mang biểu văn, cống phẩm lên cửa quan thỉnh phong.

Cống phẩm bao gồm:

Kỳ nam	琦喃	2 cân
Ngà voi	象牙	2 đôi
Sừng tê	犀角	4 chiếc
Trầm hương	沈香	100 cân
Tốc hương	速香	200 cân
Lụa to sợi, lụa nõn, lụa sống, vải sợi bằng bông	紬紈絹布	Mỗi thứ 200 tấm

Trong biểu văn cũng xin được đổi quốc hiệu thành Nam Việt, trong đó lược viết: "*... các đời trước nầu mình ở đất Viêm Giao, đất đai mỗi ngày một mở rộng, bao gồm cả đất Việt Thường* [越裳], *Chân Lạp* [眞臘] *các nước, lấy tên đất là Nam Việt kế thừa hơn 200 năm. Nay đã quét sạch cõi nam, cai trị toàn đất Việt nên xin khôi phục tên cũ để cho được chính tên gọi*".

Ngày 18 tháng Chạp, tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình tâu lên kinh đô, tiến trình biểu văn xin phong vương, Thanh Nhân Tông liền giao cho các đại học sĩ hội họp với thượng thư 6 bộ bàn luận rồi tâu lên, lại ra lệnh cho quân cơ đại thần gửi thư cho Tôn Ngọc Đình, cống sứ Lê Quang Định sau khi tiến quan hãy lập tức đưa lên tỉnh thành, cùng với sứ thần lần trước là bọn Trịnh Hoài Đức do án sát Công Nga (公峨) đưa lên kinh đô triều kiến.[1]

Chỉ có trong biểu chi tiết xin đổi quốc hiệu thì chưa thể chấp thuận. Ngày 20 tháng đó, Thanh Nhân Tông dụ cho quân cơ đại

1. *Thượng dụ dáng* (Đài Loan: Quốc lập Cố cung Bác vật viện), Gia Khánh thất niên, ngày 18 tháng Chạp, ký tín thượng dụ.

thần, đại lược "... *trước đây như Tôn Ngọc Đình tâu lên gửi biểu văn thỉnh phong của Nguyễn Phúc Ánh, trẫm đã phê duyệt kỹ càng, việc xin ban cho hai chữ Nam Việt thì không thể thi hành được. Cái tên Nam Việt bao gồm rất rộng. Khảo lại sử trước, các đất nay thuộc Quảng Đông, Quảng Tây cũng nằm trong đó cả. Nguyễn Phúc Ánh là một tiểu di nơi biên kiếu* [lấy cọc đóng mốc để chia địa giới với các nước man di gọi là *biên kiếu* (邊徼), phía đông bắc gọi là *tái* (塞), phía tây nam gọi là *kiếu* (徼)], *bây giờ có toàn cõi An Nam, chẳng qua cũng chỉ là đất cũ của Giao Chỉ, sao lại dám tự xưng Nam Việt. Biết đâu đây chẳng phải là ngoại di khoe khoang, xin đổi quốc hiệu để thử lòng vậy hãy bác đi không chấp thuận*".[1]

Thanh Nhân Tông ra lệnh cho quân cơ đại thần thay mặt soạn một hịch dụ, lại đem nguyên biểu trả lại cho Tôn Ngọc Đình để giao hoàn cống sứ. Tôn Ngọc Đình tuân chỉ viết thư cho Nguyễn Phúc Ánh, ra lệnh cho hãy dùng quốc hiệu An Nam để xin phong.

Tôn Ngọc Đình truyền cho cống sứ đang ở trong tỉnh dụ cho họ tuân theo mà thi hành. Cứ theo như cống sứ trình bày, quốc trưởng Nguyễn Phúc Ánh quả không biết hai chữ Nam Việt có trùng tên với đất cũ của nội địa, lại vì trước đây họ Lê, họ Nguyễn đã lấy tên nước là An Nam nên không được lâu nay cũng không muốn lấy tên cũ mà gọi.

Nguyễn Phúc Ánh tiếp nhận được chiếu hội [thư gửi cho biết] rồi bẩm trở lại rằng sở dĩ xin tên nước là Nam Việt, ấy là nước ấy có đất cũ trước đây là Việt Thường, về sau lại thêm toàn cõi An Nam nên không muốn chỉ dùng tên An Nam mà quên đi khoảnh đất đời đời trấn thủ.

Ngày mồng 6 tháng Tư năm Gia Khánh 8 (1803), Thanh đình ra lệnh cho Tôn Ngọc Đình gửi hịch dụ cho Nguyễn Phúc Ánh thông báo cho biết rằng: "... *theo tờ biểu thỉnh phong trước*

1. *Thanh Nhân Tông Duệ hoàng đế thực lục*, quyển 106, Gia Khánh thất niên, ngày Đinh Tị tháng Chạp, tr. 25.

đây thì danh nghĩa quốc hiệu không phù hợp với đất được phong ngoài biên kiếu [微外封域] *nên không dám mạo muội tâu lên.*

Lần này tờ bẩm tường thuật đầu đuôi việc kiến quốc, xin được ban cho danh hiệu mới nên cứ tình thực mà tâu lên, phụng chỉ ban cho hai chữ Việt Nam, lấy chữ Việt để lên trên, chỉ về cương vực các đời trước, lấy chữ Nam đặt ra sau để tỏ phiên phong mới được ban. Ấy cũng là ở phía nam Bách Việt, không bị lẫn lộn với hai chữ Nam Việt đời xưa, tên gọi đã chính đáng, nghĩa chữ lại cát tường".

Tôn Ngọc Đình một mặt tuân chỉ gửi thư cho Nguyễn Phúc Ánh, một mặt sai người bạn tống [đi theo đưa đường] cống sứ đem biểu lên kinh đô.

Trần Uy Tín soạn *Việt Nam quốc hiệu khảo* trong đó có viết rằng: "*... năm Tây nguyên 1802 (Gia Khánh thất niên), vua Gia Long sai sứ đến Trung Quốc cầu phong, Thanh đình lấy lý do Trung Quốc đã có địa danh Nam Việt, Việt Nam không tiện lấy lại tên Nam Việt để phòng chuyện lẫn lộn. Đến khi sứ thần nước Việt đến Quế Lâm, chưa được đưa đến kinh đô thì phải quay lại. Vua Gia Long nghe lời tâu, lập tức chiêu tập quần thần thương nghị để tìm kế sách, đại thần là Nguyễn Đăng Sở* [阮登礎] *đề nghị lấy tên là Việt Nam, mọi người đều đồng ý. Đăng Sở là người tỉnh Bắc Ninh thuộc phương Bắc, là người cực lực chủ trương đem Nam Việt đổi thành Việt Nam, ấy là do nghĩa ở phía nam nước Việt thời cổ.*[1] *Các đại thần Lê Quang Định (thi nhân), Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh đều là người phương Nam nên xướng nghị việc đem quốc hiệu thêu trên quốc kỳ. Vua Gia Long là người ở miền Trung nước Việt Nam*

1. Người dịch chú: Chi tiết này cho thấy vua Gia Long đã dùng Nguyễn Đăng Sở (sứ thần của Nguyễn Quang Toản gửi sang nhà Thanh bị đuổi về) cũng như các quan lại Tây Sơn từng giữ công tác giao thiệp với Trung Hoa ngay sau khi chiếm được miền Bắc. Việc này cũng xác định nhiều quan lại cũ được triệu ra dùng trong đó có cả Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích... Nhiều người còn làm quan rất lâu tuy không nổi trội. Về chi tiết việc tranh biện Nam Việt, Việt Nam, mời đoán xem: *Từ An Nam đến Việt Nam* (sắp xuất bản) của người dịch.

nên thu gom ý kiến mọi người, quyết định lấy tên Việt Nam, lấy ý là từ nay nam, trung, bắc Việt thống nhất, đủ thấy rõ ràng".[1]

Cứ như Trịnh Hoài Đức là chính cống sứ lần đầu Nguyễn Phúc Ánh gửi đi, Ngô Nhân Tịnh (靖) tức là Ngô Nhân Tĩnh (靜) bị nhầm mà thành là một trong các phó sứ, còn người kia là Hoàng Ngọc Uẩn đều phụng chỉ theo đường Quảng Đông đến Quảng Tây để cùng với cống sứ là Lê Quang Định tiến kinh nạp cống, khi đó đều không ở An Nam. Nguyễn Quang Toản [đúng ra là Nguyễn Phúc Ánh] hai lần tiến biểu đều xin được phong *Nam Việt*, việc đổi tên *Nam Việt* thành *Việt Nam*, quả thực do đình nghị từ triều đình nhà Thanh, không phải do Nguyễn Đăng Sở đề ra.

Theo *Đại Nam thực lục* thì: "*... hoàng đế nhà Thanh lúc đầu thấy Nam Việt và Quảng Đông Quảng Tây tương tự, nên không bằng lòng, nhà vua nhiều lần viết thư biện giải, nói rằng nếu không thuận thì không thụ phong nữa. Vua Thanh sợ phật ý nước ta, nên đặt tên nước là Việt Nam*".[2]

Nói cách khác, Nguyễn Phúc Ánh trước sau kiên định xin ban cho tên nước là *Nam Việt*, thực không phải do thu nhận ý kiến của quần thần mà chủ động dùng tên *Việt Nam*.

Ngày 26 tháng Sáu năm Gia Khánh 8, Thanh Nhân Tông dụ cho nội các chính thức đổi tên nước An Nam thành Việt Nam, ra lệnh cho nha môn Khâm thiên giám khi ban hành lịch Thời hiến thì trong đó hai chữ *An Nam* đổi thành *Việt Nam*, thông sức cho tổng đốc tuần phủ các tỉnh từ nay về sau hành văn trong triệp gửi cho Nguyễn Phúc Ánh không gọi là Đồng Nai nữa. Thanh Nhân Tông cũng sai án sát Quảng Tây Tế Bố Sâm (齊布森) đem sắc ấn mới ban đi cùng với cống sứ Việt Nam xuất quan đến thi hành lễ sách phong, tuyên đọc chiếu chỉ và ban cấp sắc ấn.

---

1. Trần Uy Tín, *Việt Nam quốc hiệu khảo* (Đông Nam Á học báo, đệ nhất quyển, kỳ thứ 2, 9.1965), tr. 16.
2. *Đại Nam thực lục chính biên*, quyển 23, tr. 2.

Việt Nam chánh, phó sứ 6 người, lục sự 3 người, hành nhân 6 người, thư ký, thông sự tất cả là 28 người ngày mồng 5 tháng Tám đến Nhiệt Hà triều yết vua Nhân Tông, được ban thưởng theo lệ.

Ngày 21 tháng Tám, đến kinh sư, các cống phẩm trình lên vua Nhân Tông xem được để ở Viên Minh Viên ngự lãm, những món đồ thưởng và gia thưởng (thưởng thêm) cho cống sứ thì được ban cấp tại cửa Ngọ Môn ngày 22 tháng ấy và cũng theo lệ được ban yến hai lần.

Ngày 24, sứ thần lên đường về nước. Các món cáo sắc, ấn tín ban cho Nguyễn Phúc Ánh thì do đồng tri phủ Thái Bình là Lục Thụ Phong (陸受豐) mang đến tỉnh thành Quảng Tây giao cho Tế Bố Sâm.[1]

Tháng Giêng năm Gia Khánh 9 tức Gia Long 3 (1804), Tế Bố Sâm mang cáo sắc và quốc ấn cùng các món ban thưởng đến Thăng Long. Ngày 13 tháng đó, tại điện Kính Thiên làm lễ tuyên phong, ban phát cáo sắc cùng ấn tín. Ban thưởng theo lệ cho quốc vương Nguyễn Phúc Ánh bao gồm những vật sau đây:

Thưởng chính		
Mãng đoạn	蟒緞	8 tấm
Trang đoạn	粧緞	8 tấm
Cẩm đoạn	錦緞	8 tấm
Chương nhung	漳絨	8 tấm
Thiểm đoạn	閃緞	8 tấm
Miện đoạn	綿緞	27 tấm
Xuân trù	春綢	27 tấm
Thưởng thêm		
Mãng đoạn	蟒緞	4 tấm
Trang đoạn	粧緞	4 tấm

1. *Minh Thanh sử liệu*, Canh biên, đệ tam bản, tr. 219. Lời tâu của bộ Lễ về việc ban thưởng cho bồi thần Việt Nam đến kinh đô.

Thiểm đoạn	錦緞	4 tấm
Miên đoạn	綿緞	4 tấm
Đồ sứ	磁器	4 món
Pha lê	玻璃	4 món
Quyên tiên	絹箋	4 cuộn
Bút	筆	4 hộp
Mực	墨	4 hộp
Nghiên	硯	2 cái
Đồ sơn mài	漆器	4 món
Trà lá	茶葉	4 bình
Hộp hình trái đào sơn mài	漆桃盒	4 cái
Bình ngửi bằng sứ	磁鼻烟壺	4 cái
Hộp trầu cau sơn mài khảm xà cừ	螺甸漆檳榔盒	2 cái

Khi Tế Bố Sâm về nước, Nguyễn Phúc Ánh ra lệnh sứ thần hầu mệnh Trần Quang Thái (陳光泰) hộ tống nhập quan, rồi sai chánh sứ Lê Bá Phẩm (黎伯品), giáp ất phó sứ Trần Minh Nghĩa (陳明義), Nguyễn Đăng Đệ (阮登第) mang phương vật lên kinh đô tạ ơn.

Ngày 17 tháng Hai, Nguyễn Phúc Ánh yết Thái Miếu, ban chiếu đổi quốc hiệu, văn thư qua lại trong ngoài đều dùng Việt Nam làm tên nước, bỏ tên cũ An Nam và thông cáo cho Xiêm La, Lữ Tống, Chân Lạp các nước.

KẾT LUẬN

Cuối đời Minh đầu đời Thanh, hai họ Lê, Mạc của An Nam chống lẫn nhau. Họ Mạc chiếm Đông Kinh tự lập, họ Lê chiếm Tây Kinh nhờ có cựu thần Nguyễn Kim (阮淦) và Trịnh Kiểm giúp đỡ nên vương quyền mới không bị mất.

Đời Minh Thần Tông Vạn Lịch 20 (1592), họ Lê thu phục Đông Kinh, họ Mạc chạy lên Cao Bình từ đó không còn vùng lên

được nữa. Con của Trịnh Kiểm là Trịnh Tùng vì có công nên được giữ đại quyền, con Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng bất mãn nên năm Vạn Lịch 28 (1600) khởi binh đánh Trịnh Kiểm không được nên lui về giữ Quảng Nam, tự lập làm vương, An Nam thành ra bắc nam đối lập.

Đến đời Thanh Cao Tông Càn Long, họ Nguyễn Tây Sơn nổi lên, họ Trịnh dụ họ tấn công tiêu diệt họ Nguyễn Quảng Nam, Nguyễn Văn Huệ thừa dịp quyền thần của họ Lê là anh em Trịnh Đống tranh chấp nội bộ, đem quân tấn công Đông Kinh, Lê Duy Kỳ bỏ chạy ra ngoài, cựu thần nhà Lê và quyến thuộc bị bức bách quá phải chạy sang nội địa, gõ cửa quan cầu cứu.

Thanh Cao Tông lấy việc chinh phạt kẻ làm phản trong kinh Xuân Thu nên sai đem đại quân kể tội dẹp giặc, giúp cho vua Lê trở lại ngôi vị, thực hiện việc cứu kẻ yếu giúp kẻ nguy trong lý tưởng hưng diệt kế tuyệt. Có điều quân Thanh thắng nhỏ nên kiêu, chểnh mảng trong việc phòng bị nên Nguyễn Văn Huệ thừa cơ đánh cho đại bại.

Nguyễn Văn Huệ kháng cự trước, thành tâm nạp khoản sau, qua bốn lần xin hàng, Thanh Cao Tông mới thuận cho lời thỉnh cầu, sách phong Nguyễn Văn Huệ làm An Nam quốc vương. Nguyễn Văn Huệ tuy thống nhất được An Nam nhưng vẫn chưa triệt để tiêu diệt được thế lực họ Nguyễn ở Quảng Nam, Thanh đình cũng chưa thể từ đầu chí cuối giúp đỡ cho họ Nguyễn Tây Sơn.

Sau khi Nguyễn Quang Toản lên nối ngôi, hậu duệ của họ Nguyễn Quảng Nam là Nguyễn Phúc Ánh mượn sức từ bên ngoài để phục quốc. Lúc đó nhà Thanh thì giáo phỉ dấy lên, hội đảng [các bang hội lập thành đảng] nổi dậy, nội loạn thêm mạnh không rảnh tay để ngó xuống, cái đạo hưng diệt kế tuyệt, tự tiểu tồn vong không nói đến mà việc Nguyễn Quang Toản quên ơn chứa phản ấy là sự thực nên dùng lời nặng nề trách mắng nên khi Nguyễn

Phúc Ánh đem quân Bắc tiến, công hãm Thăng Long thì cũng chưa bị Thanh đình kể tội thảo phạt.

Thái độ chuyển biến của nhà Thanh thực có liên quan đến việc thế lực của tân cựu Nguyễn khi lên khi xuống, việc diệt vong của nhà Nguyễn Tây Sơn và việc họ Lê mất phiên phong đều cùng một vết xe, thiên mệnh qua rồi không quay trở lại nữa.

Nguyễn Phúc Ánh sai sứ nạp cống thỉnh phong, tháng Giêng năm Gia Khánh 9 (1804), Thanh Nhân Tông sai ti niết Quảng Tây là Tề Bố Sâm đến Thăng Long, chính thức sách phong Nguyễn Phúc Ánh làm Việt Nam quốc vương, bỏ tên cũ An Nam thành cái điều gọi là "*bồi đắp nghiêng đổ, nên nhân cái tài mà đắp thêm*" [傾覆栽培，無非因材而篤] (*Trung dung*) vậy.

Việt Nam từ Nguyễn Hoàng chiếm cứ Quảng Nam tự lập đến khi Thanh triều sách phong Nguyễn Phúc Ánh, trong thời gian đó chia cắt đến 205 năm, đến nay lần đầu thống nhất kết thúc việc phân liệt lâu dài.

Bang giao Trung Hoa - Việt Nam nay lại thiết lập, việc ngay cong của họ Lê, họ Nguyễn không đào sâu đến. Nguyễn Văn Huệ ba lần công hãm Thăng Long, quyến thuộc và cựu thần chạy theo vua Lê đều được an tháp ở nội địa.

Năm Gia Khánh 7, khi Nguyễn Phúc Ánh bàn nghị về việc đưa cống sứ tiến kinh thì con cựu thần nhà Lê Lê Quýnh là Lê Doãn Trác nghe tin, liền bẩm xin được tùy hành lên kinh đô để dò thám tin tức của cha. Lúc trước, Lê Quýnh đi theo Lê Duy Kỳ sang Trung Hoa, cùng Lý Bình Đạo chuyển vào trong tá lãnh ở kinh sư, sống ở xưởng Lam Điện. Tháng Bảy năm Gia Khánh 8, cống sứ Lê Quang Định đến Bắc Kinh. Ngày 15 tháng Bảy, Lê Quýnh đi tế mộ vua Lê, thừa dịp đến Lô Cấu Kiều chơi mới gặp một người Mông Cổ họ A, y cho hay sứ thần nước Việt đang lên kinh đô. Lê Quýnh liền khẩn khoản xin với tham lãnh Hỏa khí doanh là Bảo Thiện được nghỉ ba ngày.

Ngày 25 tháng Bảy, cống sứ lên đường đi Trác Châu. Hôm sau, Lê Quýnh đến Trác Châu nghinh tiếp cống sứ, hỏi con bề tin nhà khiến cho Thanh đình và cống sứ chú ý.

Ngày mồng 10 tháng Chín, quân cơ đại thần tuân chỉ tra hỏi rõ ràng việc cựu thần nhà Lê chạy sang Trung Hoa và việc họ tình nguyện trở về nước, sau đó gửi thư cho tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình và truyền dụ cho án sát sứ Tề Bố Sâm khi sang tích phong cho Nguyễn Phúc Ánh hỏi xem có bằng lòng thu nhận những bầy tôi cũ của nhà Lê về nước hay không?

Tháng Một năm đó, theo như tấu triệp của tổng đốc Lưỡng Giang là Trần Đại Văn thì năm Càn Long 55 có an tháp người An Nam ở Giang Ninh bọn Bế Nguyễn Cung 33 người, nay xin được trở về. Bọn Hoàng Đình Cầu 20 người, trước đây có thù với cha con Nguyễn Văn Huệ, lúc trước không muốn trở về, nay cũng xin về nước.

Ngày 12 tháng Hai năm Gia Khánh 9, quân cơ đại thần làm danh sách những người An Nam đang an tháp ở kinh sư, Nhiệt Hà và những người đang bị phát vãng đến Phụng Thiên, Hắc Long Giang, Trương Gia Khẩu, Y Lê các nơi trình lên ngự lãm đồng thời báo cho các nơi để sắp xếp tiền bạc đưa họ về Quảng Tây, giao cho Tôn Ngọc Đình chia thành nhóm đưa về.

Theo như danh sách của Quân cơ xứ thì người biên nhập kỳ binh gồm có:

KINH SƯ			
Lê Duy An	tá lãnh	1 vợ	2 con trai
Phạm Trần Thiện	kiêu kỵ hiệu		
Lê Duy Phổ	lãnh thôi		
Đinh Lệnh Ngang	lãnh thôi		
Đinh Võ Đường	lãnh thôi		
Đinh Võ Diễu	lãnh thôi		
Lê Doãn Toàn	lãnh thôi		
Nguyễn Nghiêm	mã giáp		20 người

Đinh Võ Đô	ngao nhĩ bố		2 người
Lê Duy Đam	dưỡng dục binh		10 người
Nguyễn thị	vợ Lê Duy Kỳ		2 người
Đinh thị			
Lê thị	con gái Lê Duy Kỳ		1 người
Nguyễn Xuân Hải	nội giám		3 người
	đàn bà		28 người
	con gái nhỏ		15 người
	đầy tớ		2 người
HỎA KHÍ DOANH			
Lê Quýnh	mã giáp		4 người
Trịnh Hiến	mã giáp		
Lê Trị	mã giáp		
Lý Bỉnh Đạo	mã giáp		
		Tổng cộng	97 người
NHIỆT HÀ			
Lê Quang Duệ	hưởng ½ lương hướng		20 người
		vợ con	12 người
PHỤNG THIÊN			
Lê Hân			1 người
HẮC LONG GIANG			
Phạm Như Tùng			1 người
TRƯƠNG GIA KHẨU			
Nguyễn Quốc Đống			1 người
Y LÊ			
Hoàng Ích Hiếu			3 người
		Tổng cộng	38 người

Năm Càn Long 56 nhân vì xúi Lê Duy Kỳ xin trở về nước, 38 người nêu trên bị phát vãng. Năm Gia Khánh 7 Nguyễn Thế Đăng (1 người), nhân vì say rượu gây chuyện rắc rối, bị đưa đi Hắc Long Giang.[1]

1. *Thượng dụ dáng*, ngày 12 tháng Hai năm Gia Khánh 9. Danh sách người An Nam.

Những người An Nam ở kinh sư từ ngày 29 tháng Hai bắt đầu trở về nước, chia thành ba nhóm cách nhau mỗi đợt hai ngày, trong đó có cả tàn cốt của cố quốc vương Lê Duy Kỳ cũng được đem theo về Việt Nam. Những người phát vãng đi Nhiệt Hà, Trương Gia Khẩu thì thuộc nhóm thứ tư đi ngày mồng 9 tháng Ba từ kinh đô khởi trình. Cựu thần nhà Lê và quyến thuộc mất nước ra đi tính đến giờ là 16 năm trời, nay đều được trả về, thật là gian khổ.

Tháng Hai năm Gia Khánh 10, Nguyễn Phúc Ánh chiêu kiến những người nhà Lê về nước là nhóm cựu thần Lê Duy An, ban thưởng hậu tiền bạc, y phục, phong cho Trịnh Hiến, Lý Bỉnh Đạo làm thị trung học sĩ, còn lại cũng được phong chức khác nhau.

Người Pháp giúp cho Nguyễn Phúc Ánh lấy lại nước, thế lực của Pháp cũng theo đó mà vào Việt Nam, làm quan hay cố vấn có Pháp tịch ở khắp các cơ cấu trọng yếu trong triều dình, truyền giáo sĩ người Pháp cũng được giảng dạo tự do trong xứ.[1]

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh qua đời, vua Minh Mạng kế vị, lúc lâm chung Nguyễn Phúc Ánh từng dặn vua Minh Mạng bảo hộ Khổng giáo, Phật giáo và Cơ Đốc giáo. Thế nhưng vua Minh Mạng sùng tín tư tưởng Nho gia, khi lên kế vị rồi lập tức khôi phục chính sách cấm đạo ở Việt Nam trục xuất các giáo sĩ, bài Pháp kịch liệt, những người Pháp đến giúp đỡ mong được ban thưởng và được truyền giáo tự do cùng đặc quyền buôn bán nhưng nay trục xuất giáo sĩ, bài trừ những người Pháp thế lực dẫn đến xung đột Pháp - Việt.

Trong thời gian vua Minh Mạng tại vị, người Pháp nhiều lần sai sứ thần đến Việt Nam yêu cầu Việt Nam thi hành nghĩa vụ điều ước và ký kết các thỏa hiệp buôn bán nhưng bị vua Minh Mạng kịch liệt khước từ. Chỉ khi nào điều ước Pháp Việt đồng minh được ký kết, nước Pháp mới có cơ hội đặt chân vào xứ sở An Nam,

---

1. Ngô Tuân Tài, *Đông Nam Á sử* (Đài Bắc: Trung Hoa văn hóa xuất bản sự nghiệp ủy viên hội, 1963), tr. 96.

Nguyễn Phúc Ánh nhận viện trợ của Pháp không khác gì dẫn sói vào nhà, bán đảo Đông Dương từ đó gặp nhiều điều rắc rối, chiến dịch Trung - Pháp - Việt ở cuối đời Thanh đã bắt đầu từ lúc này.

Nguồn: Thanh sử luận tập *(tam)* (清史論集)
(Văn Sử Triết xuất bản xã,
Trung Hoa Dân quốc 87, 1998), tr. 235-260.

TƯỜNG THUẬT CỦA MỘT GIÁO SĨ ÂU CHÂU TRONG CUNG NHÀ THANH

Nguyên bản: "Glimpses of the Court of China, 1773"

LỜI TỰA CỦA NGƯỜI DỊCH

Tài liệu này gồm một chương có nhan đề "Glimpses of the Court of China, 1773" (Những thoáng nhìn vào triều đình Trung Hoa, 1773) trích trong *Historical Scenes from the Old Jesuit Missions*, do giáo sĩ W.M. Ingraham Kip, D.D., L.L.D., hội viên của Hiệp hội Khoa học New York sưu tầm, Anson D.F. Randolph and Company, New York (770 Broadway) ấn hành năm 1875, từ các trang 115-152.

Bức hình vua Càn Long trong bài này trích từ tập I (1776) của bộ *Mémoires concernant l'histoire, les sciences, les arts, les mœurs, les usages, & c. des Chinois: Par les Missionnaires de Pékin*, tổng cộng 16 tập, in tại Nyon, Paris trong khoảng từ 1776 - 1814. Tuy ghi chú là do họa sĩ Panzi vẽ nhưng vì kỹ thuật in thời đó chưa tiến bộ nên đây chỉ là một bản khắc đồng với ghi chú trong sách "*Dessiné d'après nature par Panxi (tức Panzi) Jésuite, Gravé par Martinet*". Một bản sao hình vua Càn Long bằng màu do Asselin vẽ lại năm 1776 theo nguyên bản của Panzi nay còn tồn tại trong viện bảo tàng Louvres, Pháp quốc.

Những nhà truyền giáo Dòng Tên (Society of Jesus còn gọi là Jesuit) là người ngoại quốc duy nhất được tiếp xúc với sinh hoạt nội đình của Trung Hoa. Được huấn luyện về ngôn ngữ, họ gửi đi không chỉ người có kiến thức về khoa học mà còn cả những nhân vật có kỹ năng trên nhiều phương diện để tạo được sự chú ý của các ông hoàng bà chúa, gây ảnh hưởng với triều đình. Công tác đó đã đưa đến kết quả là những giáo sĩ Dòng Tên đã hiện hữu trong số những người cầm đầu về khoa học, kể cả nhiều bộ phận nghệ thuật (tại Trung Hoa) suốt thế kỷ XVII. Lá thư sau đây được viết cuối thế kỷ XVIII, là tường thuật quý giá và độc đáo cho chúng ta những hình ảnh về đời sống bên trong của sinh hoạt nội cung.

Tác giả bức thư, linh mục Benoit sinh ngày 8 tháng October, 1725[1] ở Autun nước Pháp, được đào tạo về toán và vật lý do những đại sư như Lemonnier và De la Caille rèn luyện nên khi được gửi sang Trung Hoa, ông có đủ những khả năng mà triều đình nhà Thanh đang cần. Trong những Thừa sai có mặt ở Bắc Kinh thời kỳ đó, Benoit là người được trao cho nhiều trách nhiệm quan trọng, đủ mọi công tác. Ông vừa đóng vai một kỹ sư cơ khí lại vừa là một kiến trúc sư. Làm việc trực tiếp với Castiglione[2], ông chịu trách nhiệm về xây dựng các cung điện theo kiểu Âu châu ở Viên Minh Viên. Đây là những dấu ấn vĩ đại của các giáo sĩ dòng Jesuit cho tới năm 1860 là khi các công trình này bị phá hủy.

Vua Khang Hi là người khởi công cho xây cất cung điện ở Viên Minh Viên trên đồi phía tây gần Bắc Kinh nhưng vua Ung Chính là người đầu tiên ở đây (khi còn là thái tử) và con ông, vua Càn Long là người mở rộng xây thêm những hoa viên và lâu đài tráng lệ.

---

1. Trong nguyên tác ghi là ông sinh năm 1725 nhưng trong nhiều tài liệu ghi năm sinh của ông là 1715.

2. Castiglione (1688 - 1766), họa gia người Ý nổi tiếng đời Càn Long, Hán danh Lang Thế Ninh (郎世寧).

Một hôm, khi vua Càn Long xem sách của người Âu châu, ông thấy một suối phun trong một khu vườn của người Pháp. Nhà vua hỏi Castiglione cách thiết kế và sau khi được giải thích kỹ càng, ông quyết định nhờ các Thừa sai xây một công trình tương tự.

Thế nhưng những nhà truyền giáo không ai có kinh nghiệm về việc này và sau cùng họ trao cho linh mục Benoit để ông vẽ kiểu và làm một mô hình mẫu. Mô hình đó khiến vua Càn Long rất vui lòng cũng như ông đã từng tán thưởng những máy móc mà cha Benoit chế tạo. Người ta đề nghị rằng "*thủy pháp*" (tên gọi suối phun) phải được đặt ở một nơi thích hợp và vì thế vua Càn Long liền ra lệnh xây một cung điện theo kiểu Tây phương, một điện Versailles thu nhỏ, ngay trong khuôn viên của Viên Minh Viên.

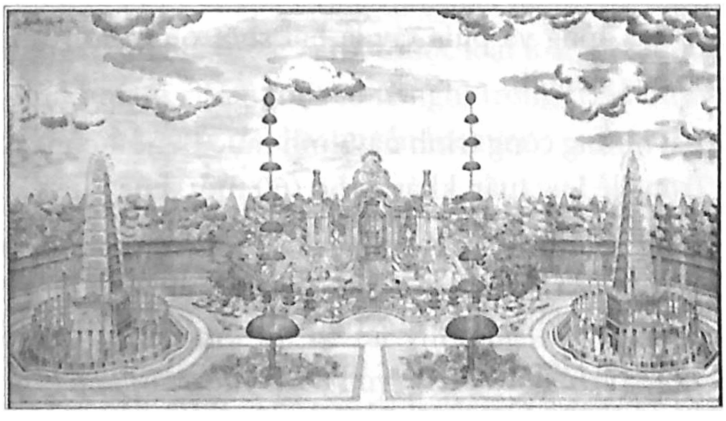

Một khu đất ở phía đông của hoàng cung là Trường Xuân Viên được dành riêng để thực hiện công trình này. Giáo sĩ Castiglione được chỉ định làm kiến trúc sư. Ngoài những khó khăn vật lý mà các Thừa sai gặp phải, họ còn phải tuân theo những quy luật "*phong thủy*" mà người Trung Hoa luôn luôn quan tâm, sợ rằng long mạch bị xâm phạm. Nước phun lên hay nhà cao tầng cũng là những cấm kỵ nên phải tuân theo phương hướng. Tuy nhiên, những Thừa sai được vua Càn Long yểm trợ nên không bị trở ngại gì. Họ đến địa điểm từ sáng sớm và được quyền ra vào mà không bị ngăn trở.

Khi cái suối phun đầu tiên và hệ thống thủy lực thành công, vua Càn Long ra lệnh làm thêm nhiều nơi khác. Tuy mất nhiều năm các cung điện này mới xong nhưng khi hoàn tất, vua Càn Long rất ưng ý. Tổng cộng có 7 cung điện hay hơn nữa được xây toàn bằng đá cẩm thạch trắng, theo mẫu trang trí đời Louis XV với các bậc thang lên theo hình móng ngựa và các cột pha trộn giữa kiểu Doric và Hi Lạp cổ.

Trong số những công trình kiến trúc Âu châu này, tòa cung điện lớn nhất có lắp hệ thống thủy lực và một bồn chứa nước để dẫn đến vòi phun. Phía tây của lâu đài là 12 sinh tiêu (Tí, Sửu... Tuất, Hợi) tượng trưng cho 12 giờ trong ngày (giờ Trung Hoa bằng 2 giờ hiện nay), là 12 pho tượng bằng cẩm thạch, và cứ mỗi giờ thì lại có một con vật phun nước chảy theo những đường dẫn bằng đá. Phía đông và phía tây là hai suối phun lớn nhất trong công trình của Benoit.

Ngoài những công trình này, linh mục Benoit còn chuyên về bản đồ. Trong lễ Lục tuần khánh thọ (60 tuổi) của vua Càn Long, Benoit dâng lên hoàng đế một bản đồ vẽ trên hai bán cầu, đường kính 1,5 mét. Ông cũng được lệnh khắc trên đồng bản Trung Hoa toàn đồ mà trước đây các tu sĩ Dòng Tên đã vẽ... Cũng từ một lá thư của Thừa sai Dòng Tên khác thì linh mục Benoit từ trần ở Bắc Kinh ngày 23 tháng October[1] năm 1774, chưa đầy một năm sau khi ông viết lá thư này.[2]

8.2018
Nguyễn Duy Chính

1. Vì trong lá thư này, giáo sĩ Benoit dùng cả hai hệ thống, âm lịch theo Đông phương và Tây lịch theo Âu châu nên khi dịch chúng tôi dùng Giêng, Hai, Ba... Một, Chạp khi nói về âm lịch và tạm dùng January, February, March... để chỉ các tháng theo dương lịch cho phân biệt và khỏi lẫn lộn.
2. Tài liệu tham khảo từ: Arnold H. Rowbotham, *Missionary and Mandarin: The Jesuits at the Court of China* (Russell & Russell, 1966), tr. 186-188.

LÁ THƯ CỦA LINH MỤC BENOIT[1], PHÁI BỘ TRUYỀN GIÁO Ở BẮC KINH

Ngày 4 tháng November, 1773

Chắc Đức Ngài cũng đã biết theo lệnh của hoàng đế thì những Thừa sai khi vừa đến Bắc Kinh đều phải vào triều kiến và theo tục lệ, khi gặp hoàng đế họ phải đem theo một số tặng phẩm. Hai viên chức mục vụ mới đến ngày 12 tháng January năm nay, 1773 là linh mục Mericourt, danh hiệu là thợ làm đồng hồ, và sư huynh Pansi[2], có khả năng về hội họa, nên cha bề trên đã giao cho tôi làm mọi chuẩn bị cần thiết cho việc yết kiến này.

Lá thư mà tôi có hân hạnh gửi hôm nay là để cho ngài thấy công tác thành công ra sao, vì quả thật vô cùng khó thực hiện nên tôi đã cố gắng làm hết sức trong tư cách của mình. Ngài sẽ thấy nhiều chi tiết trong lá thư của tôi thuộc loại ít ai biết ở Âu châu về nội thất của hoàng cung, một số lễ nghi trong triều đình và cách sinh hoạt của vị hoàng đế đầy quyền lực này.

Trong số những món quà tặng mà những người mới đến này dâng lên là một chiếc viễn vọng kính (*telescope*) lộng lẫy mới phát minh mà giám mục Bertin vừa gửi tới cho chúng tôi hồi năm ngoái. Viên thượng thư bộ Lễ rất vui lòng sắp xếp để trình lên những món quà từ vương triều huy hoàng và yêu quý của chúng ta. Cũng lại có một bức hình do sư huynh Pansi vẽ, và một máy bơm hơi (*air-pump*) mà ngài bề trên tổng quyền (*Superior-General*) là cha Le Fèvre từ Quảng Đông gửi tới cho chúng tôi. Đây là những quà tặng đáng kể nhất dành cho hoàng đế.

---

1. Tu sĩ dòng Jesuit (1715 - 1774), người Pháp thường được biết dưới tên Michel Benoist, có tên Hán là Tường Hữu Nhân (蔣友仁).
2. Tức Giuseppe Panzi (1734 - 1812), một họa sĩ dòng Jesuit làm việc dưới triều Càn Long cùng với linh mục Louis Antoine de Poirot (1735 - 1813). Panzi đến Bắc Kinh năm 1773 thay thế cho hai họa sĩ lừng danh trước đây là Giuseppe Castiglione và Jean-Denis Attiret. Panzi có Hán danh là Phan Đình Chương (潘廷章).

Việc đầu tiên là sắp xếp làm sao để cho hoàng thượng có thể làm quen được với giá trị của chiếc viễn vọng kính và cách dùng chiếc máy bơm hơi; vì những món quà tinh xảo dâng lên hoàng đế thường bị ông từ chối, hay nếu như ngài ưu ái mà nhận cho, thì những thứ đó cũng chỉ để trong phòng chứa, và chẳng bao giờ dùng đến, hay đúng ra là chẳng ai nhớ đến nữa.

Về phần chiếc máy bơm, chính tôi đã vất vả với nó trong mấy tháng trời để sao có thể sắp đặt trong điều kiện thích hợp. Tôi dã sửa soạn một bản giải thích bằng chữ Hán, về cả lý thuyết và thực hành, trong đó tôi chọn ra vẽ bằng mực Tàu khoảng hai chục biểu đồ đáng chú ý nhất để minh họa. Bản giải thích làm thành một cuốn sách mỏng, được trình lên hoàng thượng trước khi dâng lên ngài cỗ máy này.

Nay chúng tôi đã vào tháng Chạp của người Trung Hoa, là tháng mà các cơ quan công đều đóng cửa, tòa án nghỉ cho đến ngày 21 của tháng Giêng năm sau. Trong suốt thời gian nhàn hạ này, không việc gì được thực hiện ngoại trừ những công tác cần thiết phải làm ngay. Hoàng đế cũng ít bận rộn hơn những thời kỳ khác trong năm nhưng ngài lại phải cử hành nhiều lễ nghi tôn giáo, và tham gia các công việc nội đình. Chính vì thế tôi phải thúc đẩy thị thần để thu xếp việc trình diện hai vị Thừa sai mới và phải đích thân đến gặp các quan viên trong Nội vụ phủ để sắp đặt các loại nghi thức này. Họ quyết định là ngày 18 tháng January, nhằm ngày 26 tháng Chạp âm lịch.

Chiều hôm trước, tôi yêu cầu được đem các tặng phẩm tới và vì thỉnh nguyện triều yết phải đến Nội vụ phủ sớm, e ngại rằng có thể chúng tôi không đến kịp nên tôi giao cho những người có nhiệm vụ cả tờ biểu lẫn danh đơn cống vật, cùng tài liệu giải thích về chiếc máy bơm hơi để họ trình lên hoàng thượng. Tôi cũng thêm vào đó một lá thư rời trình lên rằng sư huynh Pansi ngoài khả năng trên nhiều lãnh vực hội họa còn có tài nghệ đặc biệt về vẽ chân dung. Tôi cũng bảo cho họ biết về cái máy bơm hơi, nếu

muốn giữ trong tình trạng có thể sử dụng được thì phải đặt trong một không gian thích hợp, che chắn không để bị lạnh buốt là tình thế thường xảy ra vào mùa này.

Ngày hôm sau, 18 tháng January, cha bề trên và tôi, cùng với một số Thừa sai khác của giáo hội chúng ta, đi cùng với hai người mới đến. Thỉnh nguyện để bệ kiến và các giấy tờ khác đã được gửi đi trước rồi. Dù mùa hè hay mùa đông thì việc đó cũng cần phải quan tâm đặc biệt.

Vào khoảng 9 giờ sáng, họ cho chúng tôi biết hoàng thượng đã đọc tờ biểu xin triều kiến dâng lễ vật nên đã ra lệnh đem tặng phẩm đến nội đình ngõ hầu khi hoàng đế rảnh rỗi ngài có thể xem và chọn những món ngài ưa thích. Sau giờ Ngọ, họ đem trở về những món quà mà nhà vua không nhận và cho chúng tôi biết rằng ngài ra lệnh đem ngay hai Thừa sai mới vào cung, mỗi người sẽ phô bày tài nghệ của mình, nghĩa là sư huynh Pansi sẽ cùng với các linh mục Damascene và Pisol vẽ 6 bức tranh mà hoàng thượng đã chỉ định, còn cha Mericourt thì sẽ làm việc chế tạo đồng hồ cùng với các linh mục Archange và De Vantavon. Chiếc máy bơm hơi sẽ được mang tới Như Ý quán (*Jou-y-koan*) - là nơi các nghệ sĩ Âu châu làm việc - để đến mùa xuân, khi khí hậu đã dịu bớt, cha Sighelbare và chính cá nhân tôi sẽ vận hành và giải thích cho hoàng đế xem. Đây là những mệnh lệnh đầu tiên của nhà vua nhưng sau đó một phần lớn các yêu cầu đó đã thay đổi. Các phẩm vật mà hoàng thượng ban thưởng cho những Thừa sai mới, theo thông lệ, là sáu tấm lụa nhỏ cho mỗi người.

Hoàng đế cũng chưa tha thiết tiếp nhận cái viễn vọng kính vì trước hết muốn biết đó là cái gì và dùng như thế nào. Tôi được triệu lên để giải thích và được dẫn đến cung điện nơi nhà vua đang ngự. Một trong những thái giám phục vụ trong cung bước ra khỏi căn phòng của hoàng đế và tôi hướng chiếc kính về phía chóp của một trong những mái của cung đình, nơi xa nhất mà chúng tôi có thể thấy được. Vì không khí trong trẻo, không có sương mù, viên

quan thị nhìn thấy mái điện rất rõ ràng và cũng rất gần khiến cho y hết sức kinh ngạc, chạy ngay vào báo cho hoàng thượng biết. Khi đó ngài đang ăn chiều, tuy chỉ mới khoảng hai giờ sau chính Ngọ vì hoàng đế có thói quen ăn vào giờ này và ăn điểm tâm vào khoảng 8 giờ sáng, và mỗi lần ăn không quá mười lăm phút. Trong tương lai, khi có cơ hội, tôi sẽ trình bày đầy đủ hơn những gì liên quan đến ngự thiện như thế nào.

Sau khi các thái giám trong hoàng cung và các cung điện khác đã thỏa mãn trí tò mò về chiếc viễn kính, họ dọn một chiếc bàn ở bên cạnh phòng nhà vua để tôi có thể sắp xếp kính hướng về một số mục tiêu. Sau khi làm xong, và lúc này thì hoàng thượng cũng đã hoàn tất bữa ăn, các viên nội giám mới mời ngài ra thử. Hoàng đế nhận ra ngay sự ưu việt của món dụng cụ này vì từ trước đến giờ ngài chưa được thấy bao giờ. Ngài chỉ định hai viên thái giám luôn luôn mang chiếc viễn kính theo mỗi khi ngài ra ngoài và ra lệnh cho tôi dạy họ cách dùng và cách sắp đặt nó. Để chứng tỏ ngài hài lòng như thế nào, ngoài những tấm lụa đã ban cho các Thừa sai mới đến, ngài lại thưởng thêm cho tôi và những người đó thêm mỗi người ba tấm lụa lớn, mỗi tấm lụa này giá trị gấp năm hay sáu lần tấm lụa cũ.

Tôi tạ ơn theo như tục lệ quy định và sau đó được lệnh mang sư huynh Pansi vào cung ngày hôm sau để nhà vua sẽ chỉ định phải làm gì. Và như thế, ngày 19 tháng January tôi dẫn người họa sĩ đến Khải Tường cung (*Ki-siang-kong*) là nơi trong nội điện mà mỗi năm ba tháng các họa viên Trung Hoa làm việc khi hoàng đế ngự tại Bắc Kinh. Ở đó, họ báo cho chúng tôi biết là hoàng thượng muốn sư huynh Pansi vẽ chân dung. Trong khi chờ sắp xếp để tiến hành công tác này, tôi tiếp tục dạy những thái giám được giao nhiệm vụ giữ gìn chiếc kính viễn vọng sử dụng nó. Họ nói rằng hoàng đế đã lên trên tháp, trên có đặt một cái bệ và hoàng thượng truyền lệnh nhắm kính vào những mục tiêu ở xa, nhưng vì thời

tiết có sương mù, nên họ dường như không nhìn thấy gì. Tôi bảo họ đừng lấy làm thất vọng vì kính phóng đại mọi vật lên thì đồng thời cũng làm cho hơi nước dày đặc hơn.

Ngày hôm sau, 20 tháng January, chúng tôi đến hoàng cung vào sáng sớm và ở ngay bên cạnh ngự phòng. Một lát sau, người ta đưa một thị thần vào khoảng 27, 28 tuổi tới, chính là người mà hoàng thượng muốn làm mẫu vẽ thử. Rất hiếm khi nào sư huynh Pansi phải phác họa (*rough sketch*) trước, nhưng lần này vì hoàng đế muốn bản vẽ phác thảo phải đem đến cho ngài xem, và nhà vua nói rằng ông đã nhận ra những nét đặc trưng của người thanh niên. Bản phác thảo đã xong rồi nên sư huynh Pansi có thể tô màu và nhà vua cũng muốn đem cho ông xem, khi trả về ngài đã tỏ vẻ rất hài lòng.

Nhà vua cũng nhấn mạnh cho chúng tôi biết ý thích của mình đặc biệt về vẽ bóng (*shading*), mà ở Trung Hoa người ta tô nhạt hơn ở Âu châu, không đủ để làm vật thể nổi trội lên (*relief*). Dầu sao chăng nữa, công việc vẫn tiến triển và thỉnh thoảng hoàng đế lại ra lệnh đem đến cho ngài coi. Ở đây, dẫu là những dòi hỏi nhỏ nhặt nhất của quân vương chúng tôi vẫn áp dụng triệt để nguyên tắc từng được huấn luyện ở Âu châu cho đa số thành viên của nhà dòng, ấy là họ phải vâng lời và ngưng ngay mọi công việc khi có lệnh triệu đến.

Sư huynh Pansi chưa quen với công việc thường xuyên bị cắt ngang nên không thấy thoải mái. Ông ta ngại rằng nếu hoàng thượng hết lần này đến lần khác chỉ nhìn những tác phẩm chưa hoàn thiện thì sẽ tưởng đây chỉ là một công việc bôi bác. Tôi liền trấn an ông, cho y biết hoàng đế sẽ không coi như vậy đâu, vì ngài đã quen thuộc với tiến độ của một bức vẽ mà ông ra lệnh thực hiện, và trình tự đó cũng áp dụng với các sư huynh Castiglione, Attiret và người khác, mà nhiều tác phẩm của họ đã khiến các họa sĩ danh tiếng nhất ở Âu châu cũng không thể coi nhẹ.

Chúng tôi trở lại cung điện, theo lệnh ban xuống vào ngày 26 tháng January, ở đó cũng có các họa gia Trung Hoa và các đại thần trông coi họa xưởng, tất cả cùng nhau đi đến Khải Tường cung (*Ki-siang-kong*). Cũng cần phải đề cập đến tất cả những gì có liên hệ đến nội thất của hoàng cung mà không một ai, dù là thân vương ruột thịt, tổng quản Nội vụ phủ... cũng không được phép vào, trừ khi được thái giám dẫn đường. Mỗi khi có một nhóm đông người, như trường hợp chúng tôi - bao gồm cả đại thần, họa sư, nội thị, và người Tây dương - thì họ đếm kỹ từng người một, cả lúc vào lẫn lúc ra.

Sau đó chúng tôi đến cũng đúng nơi mà sư huynh Pansi trước đây bắt đầu vẽ người cận thần trẻ. Ông ta tiếp tục với bức chân dung, khi nhà vua, càng lúc càng hài lòng với tài nghệ của y, nên đã cho người đến bảo là ông ta có thể bỏ ngang bức họa đang làm để bắt đầu vẽ chân dung cho chính hoàng đế. Chúng tôi lập tức vào ngay trong cung điện của hoàng thượng - sư huynh Pansi và tôi - nơi đó việc đầu tiên là đi qua tất cả những nghi lễ cần thiết[1], mà ông không để chúng tôi hoàn tất, nên cho bình thân ngay lập tức. Ông hỏi về tuổi tác và nguyên quán của sư huynh Pansi, dòng tu y đã sống... rồi giải thích về tư thái mà nhà vua muốn vẽ. Sở thích của người Trung Hoa là muốn vẽ dung mạo theo chính diện, không phải là nhìn nghiêng (*profile*) như người Âu châu thường làm. Việc cần thiết là làm sao cả hai bên của khuôn mặt được nhìn thấy cân bằng trên chân dung, và hai bên không có gì khác nhau trừ những chỗ do bóng đen tương ứng với nguồn ánh sáng được chiếu đến, nghĩa là khuôn mặt luôn luôn nhìn thẳng vào người xem. Vẽ người theo cách thức như thế khó hơn nhiều.

Vì hoàng đế phải tham gia rất nhiều công việc nên rất khó có thể giữ chúng tôi ở gần bên ngự tọa suốt thời gian cần thiết để thực hiện họa phẩm, ngài đã quyết định rằng sư huynh Pansi sẽ vẽ

1. Đây là lễ triều kiến *tam quỳ cửu khấu* (ba lần quỳ, chín lần rập đầu).

chân dung ở phòng riêng dựa trên một bức ngự dung vẽ từ trước, rồi sau đó khi có mặt ngài sẽ chữa lại trên khuôn mặt những nơi đã thay đổi theo thời gian.

Tôi đề cập việc đó với sư huynh Pansi và sau khi trao đổi với ông ta tôi đã nhờ viên tổng quản thái giám xin hoàng đế ban ơn cho Pansi được vinh dự vẽ hình ngài y như ngài thực sự hiện nay; vì dẫu ngài có giống bức hình cũ thế nào chăng nữa thì cũng chỉ thể hiện dung mạo hoàng thượng hồi trước chứ không thể miêu tả tình trạng thực trong hiện tại như thế nào. Tôi cũng thêm, dù sau này có sự hiện diện của hoàng đế để nắm bắt được những đường nét của ông thì bức chân dung được tu bổ cũng không thể hoàn hảo như kết quả của phác họa lần đầu vì họa sĩ đã nhìn trước được những biểu lộ khác nhau khi tìm những chi tiết cho trọn vẹn. Tôi khẩn cầu viên thái giám trình bày những việc đó cho hoàng thượng và vì họ cũng hào hứng về tài nghệ sư huynh Pansi nên cũng sợ ông không thành công như ý muốn. Viên nội thị thi hành công tác thật hoàn hảo, nhà vua cho người nói với chúng tôi rằng những điều cần thiết đã được trình lên ông.

Ngài nói: "Trẫm nay đã hoàn toàn khác hẳn khi ngươi mới đến đây. Bao lâu rồi nhỉ?".

Tôi trả lời: "Tâu bệ hạ, thần đến Bắc Kinh đã được 26 năm kể từ khi có vinh dự được yết kiến hoàng thượng và được giao phó cho nhiệm vụ thiết kế thủy đạo để làm tăng vẻ đẹp cho cung điện, cả ở đây lẫn tại Viên Minh Viên (*Yuen-ming-guen*)".

Hoàng đế nói: "Vậy thì chắc ngươi còn nhớ hồi đó ta mảnh dẻ và ốm yếu như thế nào, và nếu như từ đó ngươi chưa từng gặp lại trẫm thì ngày nay chắc không nhận ra đâu vì bây giờ trẫm đẫy đà hơn trước nhiều".

Tôi đáp: "Quả thực như thế, những hoạt động thường xuyên và việc dinh dưỡng hàng ngày đã khiến cho hoàng thượng uy nghi hơn. Theo lệ thường, một khi tuổi càng cao thì sức khỏe và sự

tráng kiện càng giảm. Trái lại, sức khỏe và thân thể của hoàng thượng xem ra tăng cường theo tuổi tác, hẳn là thượng đế ban phước lành để bệ hạ được chăm lo cho muôn dân".

Hoàng đế đáp lại: "Tuy trẫm vẫn khỏe mạnh và cường kiện nhưng cũng biết vóc dáng đã thay đổi, năm này sang năm khác, nay ta đã hoàn toàn khác hẳn với bản thân khi cho vẽ những bức truyền thần trước đây. Thành ra, *Pan-ting-chang* (Hán danh của sư huynh Pansi) có lý khi y nói như thế. Hãy để cho y vẽ ta như bây giờ, và làm sao cho y ở trong tình trạng thích hợp nhất để có thể kiện toàn công việc".

Hoàng đế hỏi vẽ ông mất bao lâu và trong khi vẽ, ông có thể làm việc riêng như đọc sách hay viết không? Sau khi trao đổi với sư huynh Pansi, tôi tâu với nhà vua rằng "việc phác họa sơ khởi mất chừng 2 hay 3 giờ; sau một vài ngày, khi màu đã khô thì họa sĩ sẽ tô thêm một lớp màu mới, cũng mất chừng thời gian như lần ngồi làm mẫu đầu tiên thì mới thành công được. Về phần còn lại thì lúc nào hoàng thượng muốn, họa sĩ có thể bỏ dở công việc và quay trở lại khi cần mà không làm bức họa bị tổn hại".

Tôi cũng thêm: "Như thế có nghĩa là trong khi họa gia chăm chú vào việc vẽ thì hoàng thượng có thể đọc, viết hay làm gì khác nếu cần miễn là thánh nhan luôn luôn ở hướng mà họa sĩ có thể nhìn được mọi đường nét khác biệt và khi công việc đòi hỏi một tư thế nào đó thì y có thể tâu lên cho bệ hạ biết".

Hoàng đế nói: "Không được làm hỏng và hãy cho trẫm biết khi nào cần phải đổi thế ngồi".

Diện đường mà nhà vua đang ngự thì cũng giống như các cung điện khác, hay nói chung là cũng như sở hiếu của những phú gia ở Bắc Kinh. Vì động đất xảy ra rất thường xuyên, các rầm và mái của kiến trúc Trung Hoa không được đỡ bằng tường mà bằng những cột gỗ được kê trên bệ đá, mái nhà thường hoàn tất trước khi người ta xây tường. Bằng cách đó một khi xảy ra địa chấn,

tường có khi bị đổ mà mái không sao, ngay cả đồ đạc trần thiết trong nhà cũng không bị hư hao. Tường thường xây bằng gạch và bên ngoài làm rất kỹ, nhiều khi còn được trang trí bằng các loại phù điêu, bên trong thì trát vữa nhưng ở nội thất thì lát ván có lót giấy. Trong nhiều sảnh đường khác, tường được bao phủ bằng những đồ mộc chạm.

Điện đường của hoàng đế được kiến trúc theo lối này, bề dài khoảng 27 m [90 feet], bề ngang khoảng 7,5 đến 8 m [25 - 26 feet]. Ngay chính giữa là ngự bảo [ngai vàng và các trần thiết] ngăn đôi điện đường. Bên ngoài điện dường dọc theo suốt đại sảnh là hành lang có mái che, rộng chừng 1,5 m [5 feet], được chống đỡ bằng hai hàng cột. Trần nhà, kể cả đại sảnh lẫn hành lang được trang trí bằng nhiều tác phẩm điêu khắc, một phần dược thếp vàng, một phần thì sơn và đánh bóng. Các cột nhà luôn luôn sơn dỏ thẫm. Dọc theo chiều dài của hành lang là những bậc bằng dá, cao dần lên cho đến khoảng 1,2 m [4 feet] khỏi sàn nhà để ngang với bề mặt của chính điện mà giữa sảnh để ngai vàng cho nhà vua, cao thêm lên vài bậc nữa.

Bảo tọa được bao quanh bởi nhiều món trang trí, phong phú và thẩm mỹ, phần lớn dược chế tạo tại Âu châu. Đồ vật gây nhiều ấn tượng nhất cho tôi trong số đó là hai chiếc đồng hồ tuy chỉ đẹp mức trung bình nhưng bệ dỡ, hoặc là mạ vàng hay mạ bạc, làm thành hình những cành cây có lá quấn vào nhau. Dưới một cái bệ là tượng một con voi mà cái vòi có thể cử động nhiều cách. Trên cành cây của cái bệ thứ hai là một con rồng. Toàn thể tạo thành cách thức rất tự nhiên đến nỗi người ta tưởng như đó là những con vật sống. Từ trên trần, theo như thói tục của người Trung Hoa, là những dèn lồng treo dủ mọi loại, cùng những món đồ trang trí với dải lụa dủ màu. Tòa đại diện này chỉ dùng cho những buổi gặp bình thường vì cung điện để tiếp đón theo nghi lễ là một đại sảnh riêng, tráng lệ và vĩ đại cho phù hợp với uy nghi của thượng quốc mà các nước đến thần phục.

Hoàng đế ngự tại phòng phía đông của cung điện. Các căn phòng ở cánh tây được dành cho những bà phi, các cung nữ và trẻ nhỏ. Thế nhưng hoàng đế, cũng như hoàng hậu, công chúa, các phi tần và cung nữ cùng những người hầu hạ thì ở các cung riêng, theo tục lệ của quốc gia này thì hoàng đế không bao giờ gặp người khác phái lúc ban ngày.

Ở cung điện mà nhà vua ở, nằm về hướng bắc của cung điện, là một cái phòng thụt vào bao quanh bằng các vòm gỗ, chống đỡ một cái trần cách sàn nhà chừng 2,4 - 2,7 m (8 - 9 feet). Trên cái phòng này đặt nhiều loại bình và lọ quý để hoa giả hay hoa tươi mà từ phòng ở bên dưới có thể trông thấy được. Bên trong phòng đặt nhiều kệ đánh bóng, đặt những bình quý làm bằng đủ loại bảo thạch. Cũng nơi đó, bên dưới cái hốc đó và cũng ở nhiều nơi khác trong cung điện là nhiều bình với đủ loại hoa tươi, và tại nơi đây suốt mùa đông, dẫu vào thời tiết giá lạnh nhất họ vẫn có bí quyết làm cho các loại hoa và cây có thể đâm bông dù rằng ít thoáng khí hơn tại Pháp. Tôi cũng biết có những cây đào và cây lựu nở hoa kép vào tháng January, ngay sau đó có trái đào, trái lựu, rất to. Chính tôi cũng khó mà tin rằng có loại hoa kép này, nếu tôi không nhiều lần chính mắt trông thấy những cây đó phát triển và chứng thực.

Bên trong cùng của căn phòng nhà vua ở là một cái bệ cao khoảng 60 phân (2 feet), rộng chừng 1,8 mét (6 feet) và ngang suốt căn phòng. Cái bệ và toàn bộ căn phòng được trải thảm bằng lụa, nền thảm màu vàng, trang trí với nhiều hình thù màu đỏ thẫm. Thường những tấm thảm này làm bằng lụa màu đỏ tươi (*scarlet*) hay những loại vải tốt, bằng nhung (*velvet*) hay các loại vải Âu châu. Để tránh cho khỏi ẩm ướt, người ta lót ở giữa tấm thảm và sàn nhà một lớp nỉ (*felt*) là loại mà họ lót để ngồi. Nền của buồng này và các phòng khác của hoàng đế đều lát gạch mà họ gọi là kim

chuyên[1] (*kin-tchou-en*) - có nghĩa là gạch kim khí - vì khi họ lát thì tiếng kêu như tiếng đồng hay tiếng kim loại. Những viên gạch đó vuông vức 60 phân, được làm ở những tỉnh phía nam. Loại sa thạch mà người ta làm gạch này được dùng để làm đá mài. Người ta [giã nhỏ thành cát] trộn cát nước để trong bồn cho lóng một thời gian và các vật thể lớn đọng lại dưới đáy thùng, sau đó đổ nước sang thùng khác và để một thời gian lâu cho đến khi nào chất liệu mịn nhất đã kết tủa. Chất kết tủa này được dùng làm gạch, mặt láng đến nỗi những mảnh vỡ thường được dùng để mài dao cạo và đánh bóng các đồ kim loại khác. Mỗi viên gạch trị giá 40 lạng bạc, tương đương với 100 crowns[2] bên Pháp. Khi lát cái sàn này, họ gắn các viên gạch với nhau bằng một loại keo có trộn sơn và khi đâu vào đấy rồi họ lại quét sơn lên khiến cho mặt diện luôn luôn bóng lộn, và cũng rất cứng, khi bước lên trên chúng ta có cảm tưởng là lát bằng đá cẩm thạch.

Hoàng đế ngồi trên ngai đặt chính giữa cái bệ, lưng quay về hướng đông, ngồi theo lối Tartar [kiểu ngồi xếp bằng của quan ngoại], hai chân xếp trên một tấm đệm thêu màu vàng. Một chiếc gối khác cũng cùng một loại chất liệu thì đặt dựa vào vách để tựa lưng. Hai bên cạnh ông là hai chiếc bàn nhỏ, cao chừng 2 hay 2 tấc rưỡi (8 hay 10 inches), trên đặt bút[3], mực đen hay son, nghiên, các loại giấy và một số sách. Áo bào của ông được lót bằng lông thú quý mà trị giá có thể 9, 10 lần hơn các loại lông chồn đẹp nhất. Vì đây là thời kỳ các đại lễ dịp Tết Nguyên đán, bộ long bào bên ngoài bộ lông thú là loại lụa màu vàng, thêu hình rồng năm móng (rồng năm móng dành riêng cho hoàng đế Trung Hoa cũng tương tự như hoa huệ (*fleurs-de-lis*) của vua chúng ta. Nếu ai đó, không phải là hoàng đế, mà thêu rồng trên triều phục, hay tranh

1. Chữ Hán: 金磚.
2. Đơn vị tiền ngày xưa, tương đương 5 shillings.
3. Nguyên tác là *pencils* nhưng chúng tôi cho rằng phải là bút lông (brushes) tuy ngày xưa dịch hơi khác.

vẽ, điêu khắc, thì chỉ được hình rồng với bốn móng mà thôi). Chiếc áo khoác ngoài có màu tím phủ dài xuống trùm tận cái bệ và che cả chiếc long bào. Chiếc mũ chỏm ông đội làm bằng da thú màu đen, trên chóp mũ là một hạt trân châu. Viên ngọc trai này, tôi từng được quan sát rất gần và từng được cầm đến, dài khoảng 3 cm.[1] Phần đáy của viên ngọc hình trái xoan còn phần ngọn thì làm thành hai cái chỏm bầu bầu.

Vua Càn Long do họa sĩ Giuseppe Panzi vẽ
Đây là bức chân dung được vẽ khi vua Càn Long 62 tuổi (đầu năm 1773).

Nói về tư thế của hoàng thượng, theo quan sát của cả sư huynh Pansi và bản thân tôi, thì đều khiến chúng tôi ngạc nhiên một cách thú vị. Như thế này, trong nhiều tư thế ngồi khác nhau, dù lâu mấy chăng nữa, khi chúng tôi vẽ, ngài cũng giữ một khoảng cách với cái nệm ở sau lưng mà chúng tôi không bao giờ thấy hoàng thượng dựa vào hay kê lên để ngồi cả. Thỉnh thoảng khi ngài hào hứng nói chuyện, hay phải nghiêng qua một bên để lấy vật gì, hoàng thượng cử động đầu, tay hay ngực nhưng chúng tôi không bao giờ thấy ngài cử động hai chân, hay thay đổi tư thế

1. Nguyên tác 14 lines, mỗi line là 1/12 inches, như thế 1 line khoảng hơn 0,2 cm, 14 lines khoảng gần 3 cm.

dẫu là rất ít. Điều này cho thấy ngài muốn làm gương cho những người thát đát khác là không nhượng bộ một việc gì dầu nhỏ bé chỉ cốt để chiều cho sở hiếu của mình. Mẫu mực đó cho ngài cái thẩm quyền trừng phạt, thậm chí cách chức, bất cứ ai, dù là người nào chăng nữa mà sống một cuộc đời hèn yếu, theo đuổi lạc thú quá nhiều, dẫu rằng có khả năng trên nhiều mặt khác.

Trong những cung thất mà nhà vua ngự không có ghế dựa hay đôn bởi vì nếu ngài có cho ai đặc ân được ngồi thì chỉ có cách là ngồi bệt dưới sàn, vì sàn luôn luôn có trải thảm. Nếu đôi khi ngài muốn cho ai một tư thế phân biệt với người khác, một thân vương trong hoàng tộc, một nguyên soái cầm quân, hay người mà ngài nhận chân rằng có công trạng vượt bực thì lúc đó mới cho ngồi lên trên bệ rồng ngài đang ngự.

Mỗi khi trời buốt giá, trên cái bệ đặt giữa phòng để một cái bình lớn bằng đồng, trong đựng đầy than hồng nhưng được phủ một lớp tro để giữ nhiệt độ không nóng quá. Ngoài cái bình than này, chúng tôi cũng biết ở Trung Hoa người ta còn dùng một loại lò sưởi khác bao gồm nhiều ống chạy dưới sàn, dẫn hơi nóng từ một cái lò đốt. Cái lò nung này được chôn ngầm bên ngoài căn phòng, thường ngược hướng với cửa sổ. Hơi nóng từ lò đốt, khi cháy lưu chuyển trong các đường ống sưởi ấm toàn bộ căn phòng và do đó tất cả ấm đều mà không có khói hay mùi khó chịu. Thế nhưng hoàng đế chịu lạnh quen nên ít khi ông sai đốt lò.

Bây giờ tôi xin kể vắn tắt để Đức Ngài am tường thêm về những đồ đạc trong cung thất của hoàng đế. Một số bàn bằng gỗ chạm một cách mỹ thuật, trên bày biện đầy những món nho nhỏ được kê ở bốn bên trong phòng. Đèn lồng và những món trang hoàng từ trần treo xuống cũng giống như trong cung điện để ngai vàng. Một số ảnh tượng của những bậc thánh nhân xưa của xứ sở này, vẽ bằng mực được treo tại những vách lát gỗ trong nội thất. Để thay cho những tấm thảm treo, giấy trắng được phủ trên tường và trần khiến cho căn phòng sáng rõ mà nhìn không mỏi mắt.

Hoàng đế cho lát giấy như thế trong nhiều cung điện là nơi ngài thường đi lại hay nghỉ ngơi. Những điện đường này được trang trí bằng các đồ pha lê, tranh vẽ, đồng hồ, chân đèn và nhiều loại phẩm vật khác là những món đắt tiền nhất mà chúng ta có được ở Âu châu. Quan lại từ các tỉnh dâng lên ngài đủ mọi loại vật như thế này. Hồi tháng Chạp năm ngoái, riêng tổng đốc Lưỡng Quảng ở Quảng Châu đã tiến cống một số phẩm vật trị giá đến hơn 30 vạn lượng (*ouan*), tính ra là 325.000 livres.[1] Thế nhưng hoàng thượng ít khi dùng đến những món này trong cung điện của ngài.

Sự huy hoàng của mái điện chính cũng nói lên ai là người ở dưới đó. Những viên ngói, được sơn màu vàng, sáng chói đến nỗi khi mặt trời chiếu vào người ta có cảm tưởng được dát bằng hoàng kim. Nóc nhà và các đầu hồi được trang trí với nhiều công trình diêu khắc, cùng loại chất liệu làm ngói và cũng được sơn bóng giống như vậy. Tuy nhiên, đôi khi họ sơn những viên ngói này bằng màu khác - xanh lá cây, xanh nước biển, tím, hay màu tươi... - và phần lớn những chỗ tô màu này đều rất đẹp và sống động. Ngoài hoàng cung hay đền đài, các trạch đệ của cư dân không được tô màu; nhưng cho những điện mà nhà vua ngự thì thường chỉ dùng một màu vàng mà thôi.

Sau vài chuyện ngoài lề này - cốt để cho thêm một ý niệm về những căn phòng của hoàng đế Trung Hoa và hình ảnh về tình trạng mà hoàng thượng ngồi khi sư huynh Pansi vẽ - tôi xin trở lại những gì liên quan đến bức chân dung.

Trước khi sư huynh Pansi bắt tay vào việc, hoàng đế bắt ông ta phải tới thật gần ngõ hầu người họa sĩ có thể quan sát ông thật thoải mái; nhà vua nhấn mạnh vào một số đặc điểm mà ngài muốn sư huynh phải ghi nhận kỹ lưỡng, và ngài cũng bắt tôi phải chú ý đến. Sư huynh Pansi, sau khi đã quan sát cặn kẽ những điểm cần ghi nhớ của hoàng thượng, ông để giá vẽ cách nhà vua chừng

1. Đơn vị tiền nước Pháp, bãi bỏ năm 1794.

hơn 2 thước. Tôi đứng ở bên cạnh ông và họa sĩ bắt đầu vẽ phác sơ khởi bằng bút chì.

Trong khi Pansi đang vẽ, hoàng đế hỏi tôi nhiều câu hỏi về tên và những khác biệt của các dòng trong giáo hội, tại sao chúng ta gọi là dòng phương Đông, dòng phương Tây... khi còn ở Âu châu chúng tôi làm gì trước khi sang Trung Hoa, có phải tất cả những người Âu ở Bắc Kinh đều là giáo đồ của các cộng đoàn huynh đệ (*religious fraternities*) hay không? Tại sao chỉ có những người trong giáo đoàn qua đây mà ít khi thấy những người khác? Đến tuổi nào thì họ mới được thực hành lời khấn nguyện (*vows*)? Có phải từ khi gia nhập giáo đoàn chúng tôi mới được học hỏi các môn khoa học và nghệ thuật hay chăng? Tôi cố gắng giải thích cho ngài hiểu mọi chi tiết này.

Tôi tâu với hoàng đế rằng tên của những dòng - Nam, Đông, Tây - là do danh hiệu liên quan đến điện đường, vốn dĩ được đặt tên tùy theo vị trí của tòa nhà ấy, chẳng hạn như dòng tu của chúng tôi là ở phía tây của hoàng cung nên đặt tên là dòng phía Tây mặc dù người trong kinh đô vẫn thường gọi đó là thánh đường phía Bắc vì chưng tòa nhà ấy tọa lạc ở phía bắc Bắc Kinh. Sau đó tôi cũng thêm là ở Âu châu, trước khi chúng tôi qua đây, chúng tôi là thành viên của cộng đoàn huynh đệ, thường là vào khoảng 16 hay 18 tuổi thì họ thực hành khấn nguyện, cũng có khi ở một tuổi lớn hơn, và mục tiêu của lời khấn này - gọi là *si-on-tuo* (mà họ tự nguyện làm theo) - là nỗ lực để cải thiện chính mình và cho người khác. Để làm việc này cho hiệu quả, khi còn ở Âu châu, chúng tôi dạy cho trẻ em ngữ pháp, phép biện luận, triết học và toán pháp.

Tôi nói tiếp: "Tuy nhiên, tâu bệ hạ, tất cả những khoa học này, như chúng tôi vẫn thường tâu lên ngài, vẫn chỉ là mục tiêu thứ yếu. Mục tiêu chính và trước hết của chúng tôi là dạy cho chúng giáo lý, để sửa những tật xấu và sống cho có đạo đức. Về phần hội họa, chế tạo đồng hồ, và những nghệ thuật khác, nếu ai đã quen thuộc với các bộ môn đó từ trước khi khấn nguyện thì

họ thường tiếp tục tập luyện như một sở thích nhưng họ không được đào tạo về những môn này trừ khi họ tính chuyện sẽ đi sang Bắc Kinh. Chúng tôi biết rằng hoàng thượng am tường nhiều loại nghệ thuật, những người định sang đây được huấn luyện, và cũng có khi được đào tạo nữa nếu họ có biệt tài về môn này".

Hoàng đế hỏi: "Còn *Pan-ting-chang* thì học vẽ từ sau khi y khấn nguyện chăng?".

Tôi trả lời: "*Pan-ting-chang* chỉ là thành viên của nhà dòng mới gần đây. Y vốn dĩ là một họa sĩ thế tục và đã nổi danh trong ngành này từ trước. Bởi vì y không muốn lập gia đình và sống một cuộc đời chẳng khác gì đã khấn nguyện bao nhiêu nên những người ở Âu châu từng quan tâm đến chúng tôi đã báo cho y biết giáo hội cần một hai họa sĩ giỏi và đề nghị y gia nhập nhà dòng để y có dịp làm công việc phụng sự hoàng thượng và y đã thuận theo điều đó".

Nhà vua hỏi: "Trong trường hợp này, nếu y không gia nhập dòng tu thì y sẽ không được sang đây hay sao?".

"Tâu bệ hạ, y cũng có thể qua nhưng không phải trong vị thế một sư huynh của dòng tu chúng tôi và chúng tôi cũng chỉ có thể quan tâm đến y tới một mức nào đó thôi; có thể là giúp y trong chuyến du hành, có thể là đưa y vào triều kiến hoàng thượng, hay cũng có thể, chăm lo cho y khi y ở đây".

Hoàng thượng lại hỏi: "Thế nếu ngươi biết rằng y là một người tử tế thì việc ngươi quan tâm đến y còn khó khăn gì nữa?".

Tôi đáp: "Tâu bệ hạ, dưới triều Khang Hi, chúng tôi mong có được một họa gia đến đây nhưng vì trong dòng tu của chúng tôi không có người nên chúng tôi đã mời một người ngoài giới về nghệ thuật, và trong nhiều năm y phục vụ tại đây, ông ta đã may mắn được vừa lòng tiên đế hoàng tổ[1] khả kính. Sau cùng, dẫu cho

1. Vua Khang Hi là ông nội của vua Càn Long nên xưng hô là hoàng tổ. Chúng tôi thêm vào hai chữ tiên đế vì đây là người ngoài nhắc đến vua Khang Hi.

đấng kim thượng dành cho bao nhiêu là ưu đãi, bất kể những cố gắng để giữ chân y nhưng ông ta vẫn nhất quyết quay về với mái ấm gia đình. Vì chúng tôi biết y là một người lương hảo nhưng không được phép có hành vi làm hạ uy tín những người Âu, và nhất là vì chính chúng tôi đã đem y qua đây, chúng tôi đã quản thúc y trong giáo đường. Thế nhưng, đáng buồn thay, y đã phản kháng kịch liệt, vì y không phải thuộc dòng của chúng tôi, và dù ở đây hay ở Âu châu thì cũng chẳng có ai là cấp trên để bắt y phải tuân thủ quy tắc luân lý hay thái độ hành vi nên chúng tôi cũng chẳng có thẩm quyền gì mà nói phải quấy hay ước thúc y trong vòng nhiệm vụ. Đó là lý do về sau chúng tôi không dám tiến lên hoàng thượng bất cứ ai không phải là người cùng dòng tu của chúng tôi nữa.

Lại cũng vì nguyên nhân như thế mà tổng đốc Quảng Châu đã gửi đến đây một người thường để làm việc trong ngành chế tạo thủy tinh. Tiên đế hoàng tổ khả kính, vì việc bất tiện mà chính ngài đã quan tâm, nên không để nghị cho y sống trong nhà thờ của chúng tôi mà ban cho y một căn nhà riêng cùng một số lương hướng cho y sinh sống. Thế nhưng người làm thủy tinh kia, sau khi phụng sự hoàng đế được vài năm, lại cũng theo chân người họa sĩ, quay trở về Âu châu".

Hoàng đế thường khuyến khích sư huynh Pansi, e ngại rằng y quá nhút nhát khi ở trước mặt ngài. Ngài nói: "Dù trường hợp nào, chính việc e sợ không thành công lại ngăn cản người ta thành công. Hãy để cho y vẽ ta với cùng một lòng tự tin như khi vẽ một người thường; hãy để cho y được ở tư thế nào thoải mái nhất; và cũng hãy cho y được báo cho trẫm biết, không hạn định gì cả, nếu có điều gì làm suy giảm hay khiến cho công việc bị bất toàn".

Việc quan tâm đó khiến hoàng đế hạ cố đến bất cứ thứ gì có thể làm trở ngại sư huynh Pansi và nếu ngài tiếp tục nói, vị sư huynh có thể bị chia trí. Ông thân mật bảo tôi: "Nếu mình cứ tiếp

tục trò chuyện như thế này, trẫm e rằng họa sĩ sẽ bị quấy rối. Liệu y có thể thoải mái hơn nếu trẫm giữ yên lặng chăng?".

Tôi đáp: "Tâu bệ hạ, ngài cứ tiếp tục nói vì khi nói thì long nhan đầy hòa khí và thanh thản khiến cho chân dung ngài thể hiện càng trội hơn và cũng không gượng gạo như trường hợp ngài ngồi yên không làm gì. Việc hoạt động cũng giúp cho khuôn mặt ngài bớt đi vẻ nghiêm nghị và nếu như ngồi yên thì lại không thể hiện các đặc điểm và càng khó vẽ hơn".

Hoàng đế vừa nói vừa đặt lên bàn cuốn sách ngài cầm trên tay: "Nếu quả thực vậy thì mình cứ tiếp tục nói chuyện". Trong gần bảy giờ đồng hồ sư huynh Pansi, trong nhiều thế ngồi khác nhau đã truyền thần hoàng thượng và trong suốt thời gian đó, ngài đã liên tục hỏi tôi về đủ loại vấn đề, luôn miệng bảo tôi ngồi xuống, ngài nhận ra sức khỏe suy nhược và tuổi già của tôi, e ngại tôi đứng lâu như thế sẽ không thoải mái nên đã hạ mình để đàm thoại với tôi bằng mọi vẻ thân tình và từ ái chẳng khác gì như cha con.

Vào khoảng trưa, hoàng đế cho chúng tôi đi dùng bữa và bảo quay trở lại vào lúc mười hai giờ rưỡi. Chúng tôi đi sang Khải Tường cung (phòng vẽ), là nơi người ta đã dọn sẵn đồ ăn. Trước mười hai rưỡi, chúng tôi quay lại phòng bên cạnh là nơi sư huynh Pansi đã vẽ buổi sáng thì đã thấy hoàng thượng ban cho sư huynh Pansi và tôi mỗi người một tấm lụa tương tự như loại lụa mà chúng tôi đã nhận được khi trình lên chiếc viễn vọng kính. Ngoài ra chúng tôi còn được thưởng mỗi người ba đôi hà bao[1], và bảo chúng tôi quay lại gặp ngài ngay để cho sư huynh Pansi tiếp tục vẽ.

1. Túi lụa nhỏ bằng gấm thêu vua nhà Thanh dùng làm vật ban thưởng mang ý nghĩa tốt lành.

Ngai vàng vua Càn Long ngồi (thường gọi là bảo tọa hay ngự tháp).

Khi gặp hoàng đế, chúng tôi lập tức hành lễ tạ ơn nhưng ngài cho chúng tôi bình thân và vui vẻ bảo rằng ông rất hài lòng. Sư huynh Pansi lập tức quay lại giá vẽ và tôi đứng ở bên cạnh. Nhà vua quay lại câu chuyện, thỉnh thoảng lại ngưng ngang để bảo đem bức hình đến cho ngài xem vẽ được đến đâu rồi.

Lông mày bên trái của hoàng đế có khuyết một khoảng nhỏ chừng 2 mm (1/12 inch), nhưng được phủ kín do đám lông sát bên dưới chỗ trống. Chút bất toàn nho nhỏ này vì thế được che đi và khó có ai nhận ra, nhưng nhà vua bảo chúng tôi đến gần, chỉ cho xem chỗ phân cách và nói tôi dặn sư huynh Pansi vẽ cho thật chính xác. Tôi tâu với ngài: "Nếu bệ hạ không chỉ cho chúng tôi thì chẳng bao giờ nhận ra được".

Hoàng đế mỉm cười: "Ừ, ngươi nói y vẽ chỗ khuyết này cách nào để người ngoài sẽ không nhận ra trừ phi được nói trước và chỉ những ai chú tâm tìm thì mới thấy. Đây là chân dung của trẫm nên không phải chỉ cốt làm cho trẫm vui. Nếu trẫm có khuyết điểm thì y phải miêu họa ra nếu không thì không còn giống trẫm nữa. Đối với những vết nhăn trên mặt cũng như thế, họa gia phải vẽ để cho giống như người thực".

Tôi nói: "Quả thực những vết đó mờ nhạt quá và họa sĩ phải khó khăn mới thấy được".

Nhà vua đáp: "Tuy nhỏ thực nhưng phải có dù không hiển hiện như trên mặt ông mặc dầu trẫm lớn tuổi hơn ông nhiều".

Rồi ngài bảo chúng tôi đến gần, cho người mang đến một cái gương nhỏ để ông cầm một tay còn tay kia chỉ vào từng nét nhăn trên mặt: "Cái này là cái gì, nếu chẳng phải là nếp nhăn sao? Y phải vẽ cho kỳ hết và đừng vẽ ta trẻ hơn thực tế. Sau khi đã qua một hoa giáp[1] rồi, lẽ nào mặt trẫm không có đường nhăn hay sao?". Sau đó hoàng thượng nhiều lần bảo đem bức họa cho ngài coi và ngài rất hài lòng tưởng rằng thế là xong. Khi họa sĩ tâu rằng đây chỉ mới là bản vẽ phác, và sau đó vài ba ngày, khi màu sơn đã khô thì ngài lại phải ngồi làm mẫu thêm một lần nữa. Ngài hỏi: "Nếu như ta thấy rằng bức chân dung này vẽ đã đẹp quá rồi thì sau khi làm thêm nó sẽ ra sao?".

Vài ngày qua, suốt thời gian đó sư huynh Pansi tô điểm tác phẩm tại cư sở chúng tôi đang ở. Khi trở lại hoàng cung, chúng tôi được dẫn đến bên cạnh cung điện hoàng đế ngự. Hoàng thượng không ở trong phòng như bình thường mà ở tại một diện đường là nơi ngài lâm triều theo tục lệ Tết Nguyên dán. Họ đem đến cho ngài xem bức ngự dung và tâu rằng đến đây kể như đã xong. Ngài đáp: "Lúc đầu tuy trẫm chỉ sai vẽ bán thân kiểm tượng (*half-length portrait*) nhưng nay cần phải mở rộng thêm bằng cách thêm vào phía trên, phía dưới và hai bên bằng giấy rồi trẫm sẽ ấn định kích thước như thế nào". Tôi tâu rằng bức truyền thần này không vẽ trên vải mà trên giấy lụa Triều Tiên, loại vật liệu này vừa dai, vừa

1. Người dịch chú: Lịch Trung Hoa tính năm theo phối hợp Can và Chi. Mười thiên can là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quí và mười hai địa chi là Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Thiên can và địa chi ghép lại với nhau thành 60 năm có tên khác nhau, từ Giáp Tí, Ất Sửu... đến... Nhâm Tuất, Quí Hợi là tròn một vòng, sau đó quay lại từ đầu. Vua Càn Long sinh năm 1711, tính đến 1773 ông đã 62 tuổi, qua hết một vòng lục thập hoa giáp rồi.

nhuyễn hơn cả vải dày (*canvas*). Họ sửa soạn tấm giấy vẽ không khác gì các họa sĩ của chúng tôi chuẩn bị cho vải nền. Để gia tăng các chiều dài rộng thích hợp cho một họa phẩm truyền thần, họ có thể mở rộng như ý muốn mà không ai biết rằng đã thêm vào sau này.

Ngày 30 tháng January, ngày cuối cùng của tháng đầu tiên là hạn kỳ mà sư huynh phải hoàn tất bức chân dung cho hoàng đế và cũng là ngày y thêm vào hoàng quan (mũ vua đội) và long bào (áo hoàng đế mặc). Việc cần thiết là sư huynh Pansi sẽ phải vẽ trước khuôn mặt của một người trẻ và bức vẽ sẽ phải cùng một khổ với hình trước. Họ lập tức đưa chúng tôi vào một phòng bên cạnh nơi nhà vua đang ngự, lúc đó không ở trong cung điện bình thường mà đang ở Trai cung (*Thay-kong*). Một thanh niên chừng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi đến trình diện, và người họa sĩ lập tức phác thảo chân dung người đó. Viên nội thị đích thân đem vào cho hoàng đế duyệt lãm và ngài rất hài lòng nên - cũng như viên thái giám - đều nói không cần gì thêm cho bức chân dung mà tự nó đã nói lên được rồi. Tuy nhiên đây vẫn chỉ là vẽ phác ban đầu.

Khi đó hoàng đế đang ở vào thời gian sống ba ngày tại Trai cung mà ngài phải sống một mình[1] cho nên ngài bảo đưa chúng tôi tới gặp và sư huynh Pansi có thể tiếp tục vẽ truyền thần. Vào 8 giờ sáng chúng tôi trở về Khải Tường cung trong một cơn bão tuyết dữ dội, và cơn bão này đến chiều tối mới chấm dứt. Họ bảo chúng tôi rằng hoàng đế đang bận với một số công việc bất ngờ nên không thể gặp chúng tôi trước giờ Ngọ. Thế nhưng vào khoảng 11 giờ sáng, ngài cho dời và họ đến kiếm chúng tôi. Chúng tôi phải ra đi ngay dù lúc ấy trời đang đổ những bông tuyết lớn. Chúng tôi đi qua đại đường, các hành lang, các cung điện do các thái giám hướng dẫn mà khi đi đến đâu thì các cửa mở có thể nhìn được vào bên trong phòng, nếu như có thể có các công chúa hay người cùng

1. Người dịch chú: Đây là thời gian người Trung Hoa trai giới, rút lui ra khỏi mọi sinh hoạt cuộc đời, kiêng khem và hoàng đế chuẩn bị để tế trời ở Thiên Đàn.

phái khác thì sẽ đưa hiệu lệnh cho những thái giám đương làm nhiệm vụ canh gác để họ đóng tất cả các cửa mở hay cửa sổ mà qua đó chúng tôi có thể nhìn vào, để biết được rằng có thể có công chúa này đi thăm một công chúa khác, hay vì lý do gì đó. Cho nên, dẫu rằng ở trong nội cung, một công chúa hay một phụ nữ cũng không được đi từ cung này sang cung khác dù rất gần mà phải đi bằng kiệu phủ rèm kín, do thái giám khiêng đi, số người nhiều ít tùy theo thân phận của công nương đó. Dù gì chăng nữa, không một ai ngoại trừ các viên quan thị, dù cho là con trai hay anh em của hoàng đế, được quyền gặp họ trên đường đi. Các thái giám, khi đã đưa ra hiệu lệnh rồi thì người đó phải quay lưng tức thì, và trong trường hợp họ không thể quay đầu lại thì khi đi ngang qua chỉ được quyền nhìn thấy phía sau của chiếc kiệu.

Sư huynh Pansi rất kinh ngạc về những nghi lễ quả thực hết sức xa lạ đối với người Âu châu. Thế nhưng điều làm y khó chịu nhất là khi tuyết tan thì các con đường rất trơn trượt, và vì chưa quen với các loại y phục Trung Hoa phải mặc tùy theo từng mùa, ông ta gần như lúc nào cũng loạng choạng.

Sau khi đi độ một phần tư giờ, hoàn toàn trong nội thất của các cung điện, chúng tôi đến được sân đình ngay phía trước Trai cung. Sân này có ba tòa nhà bao chung quanh, còn tòa nhà thứ tư ở phía bắc, ngăn cách với Trai cung. Tòa nhà đó chung quanh có các sảnh đường mở hay hành lang, cao chừng 2,4 đến 2,7 m (8 - 9 feet), trang trí dọc suốt chiều dài và cách quãng lại đặt những bình đồng và tượng đá nhiều kiểu mẫu khác nhau.

Qua khỏi cái hành lang này là Trai cung (*Palace of Retirement*), mô thức cũng y hệt như cung điện của nhà vua mà chúng tôi đã tường thuật. Ngăn chia giữa các phòng hầu như cũng giống như vậy, mặc dầu kiến trúc của mái điện, điêu khắc trên trần, và các phụ tùng khác, có các kiểu cách khác nhau nhưng đều hết sức sang trọng và huy hoàng khiến cho mỗi lần được nhìn thấy là chúng tôi lại ngưỡng mộ một lần hơn.

Tuy nay vẫn còn trong thời kỳ lễ Tết Nguyên đán nhưng điển lệ không cho phép hoàng đế trong những ngày trai giới này được mặc triều phục. Ông phải mặc long bào bán tang phục, có nghĩa là y phục đơn sắc là loại thường phục ông mặc hàng ngày khi không có nghi lễ, và chiếc áo bào khoác bên ngoài màu đen.

Ngay khi chúng tôi bước vào đại điện của hoàng đế, sư huynh Pansi lập tức tiếp tục với bức chân dung. Đến khoảng hai giờ chiều, khi ngự trù sẵn sàng dọn ngự thiện, ông cho chúng tôi nghỉ và ra lệnh cho nội thị dọn một bữa ăn nhẹ cho chúng tôi ở gian bên cạnh. Trong khi nhà vua ăn chiều, ông gửi cho chúng tôi trà và sữa từ bàn ăn của ông. Khoảng hai giờ mười lăm phút, chúng tôi được gọi trở lại.

Tôi đã kể về sở thích của người Trung Hoa, đặc biệt là của hoàng đế, là họ chỉ thích vẽ bóng đen vừa đủ trên chân dung. Hoàng thượng cũng muốn những sợi râu của ngài và lông mày phải tách ra từng sợi một, rõ ràng để khi nhìn gần có thể phân biệt. Cũng việc này, tôi nhớ lại, một ngày kia sư huynh Attiret, người họa sĩ tài nghệ xuất sắc lừng danh, trong những năm đầu tiên ở đây đã vẽ một bông hoa mà sư huynh Castiglione - người đã sống ở đây nhiều năm - vô tình nhìn thấy. Ông ta nói với sư huynh Attiret: "Bông hoa này vẽ thừa hai cánh ở chung quanh". Attiret đáp: "Bao nhiêu cánh hoa để làm thành cả bông, ai nghĩ đến chuyện đếm bao giờ?". Castiglione trả lời: "Một họa sĩ giỏi ở Âu châu sẽ cho là ông vẽ hoàn hảo; thế nhưng ở đây một họa công đã qua giai đoạn tập việc thì chỉ liếc mắt sẽ cho biết ngay là tổng số cánh hoa bao quanh phải là bao nhiêu". Để kiểm chứng, sư huynh Attiret đem bức tranh của mình cho các họa sĩ Trung Hoa xem và quả nhiên là thế thật.

Tôi cũng đã chứng kiến cùng một cách như thế khi họ vẽ từng hàng vảy trên thân những con cá. Tuy hoàng đế không đến nỗi quan tâm chi li (*minutiæ*) như thế, nhưng ngài cũng muốn - theo sở hiếu của đất nước này - là phải vẽ sao cho một số lớn râu tóc phải phân biệt

được từ cọng này sang cọng khác và mỗi sợi tóc, sợi râu phải bằng một nét khác nhau. Vì công việc này đòi hỏi khá nhiều thời gian, tôi tâu với ngài là sư huynh Pansi có thể làm trong thời gian rảnh riêng tư, và không cần phải có sự hiện diện của đấng kim thượng.

Một vài ngày sau, cả triều đình di chuyển sang Viên Minh Viên (*Yuen-ming-guen, House of Pleasure*). Tôi đi cùng sư huynh Pansi để làm thông dịch. Tôi đã được lệnh đi đến đó ngay khi thời tiết bớt lạnh một chút để chỉ cho bốn viên hoạn quan cách sử dụng chiếc máy bơm hơi, và giải thích cho hoàng đế về những thí nghiệm khác nhau. Và dưới đây là cảnh trí ở Viên Minh Viên.

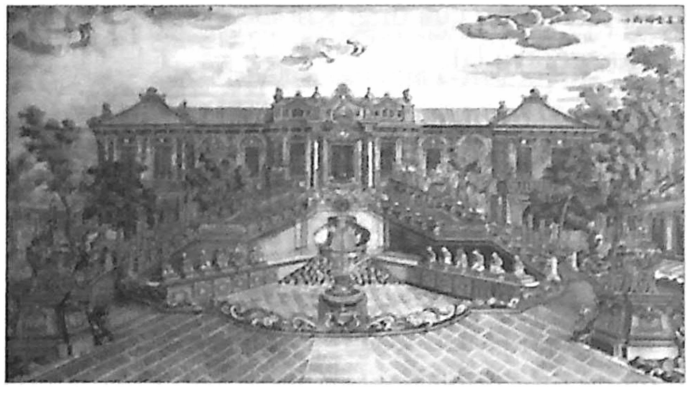

Một trong những cung điện ở Viên Minh Viên do các giáo sĩ vẽ theo kiểu Tây phương. Hệ thống phun nước từ 12 sinh tiêu (con vật theo địa chi) do Linh mục Benoit thiết kế.

Trong suốt cả năm, hoàng đế chỉ ngự tại Bắc Kinh khoảng chừng ba tháng. Ông thường quay về kinh đô khoảng trước ngày đông chí (*winter solstice*), ngày đó luôn luôn vào tháng thứ mười một theo lịch Trung Hoa (tháng Một). Trước ngày 15 tháng đầu tiên trong năm (rằm tháng Giêng) kế tiếp, nhà vua với tất cả tùy tùng, chuyển sang sống ở Viên Minh Viên, tọa lạc cách Bắc Kinh chừng hai dặm[1] (*leagues*) phía tây bắc. Trong ba tháng hoàng đế ở

1. Đơn vị chiều dài không nhất định từ 3,9 đến 7,4 km. Theo tài liệu ngày nay, Viên Minh Viên cách Bắc Kinh khoảng 8 km, vậy đơn vị *league* mà tác giả nói đến khoảng 4 km.

Bắc Kinh, ông bận rộn với vô số nghi lễ đòi hỏi sự hiện diện của ông. Phần còn lại trong năm, ngoại trừ khoảng thời gian ông đi săn ở Tartary (tiếng Hán là Mộc Lan) thì ông ở Viên Minh Viên, nơi đó ông có thể trở về Bắc Kinh một khi nghi lễ đòi hỏi ông có mặt. Sau khi làm lễ xong, ông lại quay về đây ngay lập tức.

Đây là nơi nghỉ ngơi vui chơi, nay đã thêm nhiều cảnh quan chỉ tìm thấy trong các cung điện cổ, và chính hoàng thượng ra lệnh xây thêm nhiều cung điện, mỗi tòa mới tráng lệ huy hoàng hơn cái trước và những cơi nới[1] thêm cung điện cũ khiến cho bây giờ khu vườn này không dưới 8 km chu vi.

Chúng tôi có thể nói rằng Lạc Viên này là một thị trấn hay đúng hơn là nhiều thành phố nhỏ liền nhau tổng số dân lên đến hơn một triệu người. Mỗi khu vực có tên riêng. Bộ phận mà huynh đệ người Pháp chúng tôi cư trú là một nơi nhỏ cho những người làm việc trong hoàng cung gọi tên là Hải Yến (*Hai-tien*). Lạc Viên này nhà vua đặt tên là Viên Minh Viên[2] có nghĩa là "khu vườn toàn vẹn huy hoàng". Nơi hoàng thái hậu ở, rất gần với ngự cung là khu vườn nơi có mùa xuân thật tuyệt vời. Một khu vườn khác, hơi xa một chút tên là "khu vườn yên tĩnh" (Tịnh Nghi Viên).[3] Ở giữa cung điện của hoàng đế là một ngọn núi có tên là "ngọn núi của dòng suối quý" (Ngọc Tuyền Sơn).[4] Con suối này, cung cấp nước cho mọi cung điện mà tôi đã nhắc đến, và sau đó dòng nước làm thành một con sông chảy đến tận Bắc Kinh. Thế nhưng từ khi dương kim hoàng đế phủ lên ngọn núi này những công trình tráng lệ thì dòng suối, tuy vẫn còn dồi dào chỉ còn đủ cung cấp chưa đầy một nửa số nước như trước kia.[5]

---

1. Mở mang quy mô nhỏ.
2. Chữ Hán: 圓明園.
3. Chữ Hán: 淨宜園, the garden of brillant tranquility.
4. Chữ Hán: 玉泉山, được coi như danh thắng đứng đầu trong bát cảnh ở Bắc Kinh.
5. Người dịch chú: Trong một lá thư của một Thừa sai khác nói đến Lạc Viên, gọi đây là "Điện Versailles của Trung Hoa".

Trong Lạc Viên, ngay lối vào trong vườn có tọa lạc Như Ý quán (*Jou-y-koan*) là nơi các họa sĩ Trung Hoa và Tây phương, các nhà chế tạo đồng hồ Tây phương, được sử dụng để làm nhiều loại máy móc khác nhau, những người thợ ngọc làm việc về đá quý và ngà voi, luôn luôn bận rộn. Qua khỏi cái cơ xưởng của nội cung này, nơi nhà vua thỉnh thoảng vào xem công việc tiến hành đến đâu, chung quanh cung điện còn rất nhiều công xưởng đủ loại; trong đó nhiều thợ luôn luôn chăm chú vào nhiều loại lao động để làm đẹp cho hoàng cung.

Ngày mồng 8 tháng February, tức là ngày 17 tháng Giêng, tất cả các công nhân đang làm việc trở lại Như Ý quán. Sư huynh Pansi cũng trở về và theo lệnh của hoàng đế, ông ta được dẫn đến một cung điện, nơi đây ông ta sửa lại chân dung của thanh niên thứ hai mà ông đã vẽ. Trong khi chờ tôi đến đó thì cha Vantavon đứng làm thông ngôn theo lệnh của hoàng đế. Tôi cũng không ở lại đây lâu vì còn phải về lại Bắc Kinh.

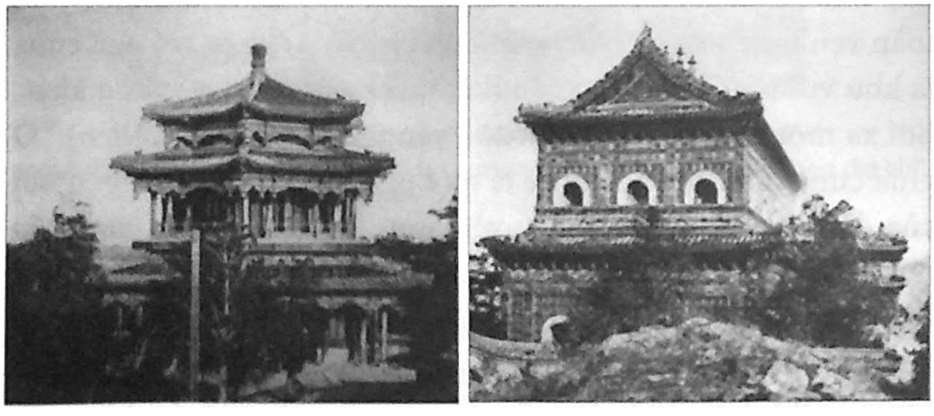

Viên Minh Viên
Một vài hình ảnh của Viên Minh Viên trước khi bị liên quân Âu châu tàn phá.

Vào đầu tháng Hai, hoàng đế có nhiệm vụ phải ra tế giao ở Thiên Đàn (*Temple of Heaven*). Ngay khi buổi lễ hoàn tất, ngài quay trở lại Lạc Viên và tôi cũng đi trong đám tùy tùng. Bốn viên nội thị mà nhà vua chỉ định đi học cách sử dụng chiếc máy bơm

hơi, nay đã quen thuộc với cách vận hành của nó. Ba vị Thừa sai làm trong cục chế tạo đồng hồ - đó là cha Archange (dòng Chân Đất Carmelite[1], giáo đoàn Linh Thiêng) và các cha Vantavon và Mericourt, dòng Jesuit[2], đã phô diễn tất cả các bộ phận khác nhau của chiếc máy này. Những người thái giám phụ tá tôi và một số người khác đưa đến để giúp đỡ, cho tôi biết rằng hoàng thượng sẽ ngự giá đến Như Ý quán (tức công xưởng) vào ngày 10 tháng March. Tôi xem lại chiếc máy vào buổi sáng và hướng dẫn các viên nội thị qua mọi thử nghiệm về sức ép, giãn nở và các công năng của hơi. Hoàng đế đến đây sau buổi trưa và bảo tôi giải thích từng món một. Ngài cũng muốn được xem cách vận hành bên trong của dụng cụ này như thế nào. Tôi cố gắng giải thích cho ngài rõ qua những hình vẽ mà tôi đã thực hiện để miêu tả các bộ phận khuất bên trong một khi chiếc máy không được tháo rời ra từng mảnh. Ngài chỉ thị cho tôi chuẩn bị các thí nghiệm vào ngày hôm sau và muốn chứng kiến mọi thứ theo trình tự mà tôi đã minh họa cho ngài xem. Ngay khi nhà vua vừa trở về cung, ngài truyền chỉ cho những viên thái giám đem chiếc máy bơm hơi tới, lập lại các vận chuyển đã làm cho ngài coi ở xưởng máy.

Ngày hôm sau, 11 tháng March, khi tôi tới xưởng thợ, các viên thái giám báo cho tôi biết mọi việc đã xảy ra ngày hôm trước ở cung điện của hoàng đế và nhắc lại cho tôi nhiều câu hỏi hoàng thượng đã cật vấn mà họ không thể trả lời được. Vì hoàng đế ra lệnh cho chuẩn bị thêm một số thí nghiệm mới, tôi nghĩ rằng tốt hơn hết và có lý do để tháo chiếc máy ra từng mảnh; rồi sau đó lại ráp vào và thử lại thì thấy mọi thứ đều hoàn hảo. Vì thế khi hoàng

1. Dòng tu Thiên Chúa giáo được thành lập vào khoảng thế kỷ XII trên núi Carmel, được dịch âm thành Dòng Cát Minh nguyên thủy, là một trong những dòng khổ hạnh, còn gọi là dòng hành khất vì họ khước từ quyền sở hữu cá nhân.

2. Còn gọi là Dòng Tên là dòng tu Thiên Chúa giáo khấn hứa giữ khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục, thường đưa những khoa học gia, họa gia xuất sắc sang Á Đông để truyền giáo. Họ được các hoàng đế Trung Hoa giữ lại trong cung để phục vụ.

thượng quay trở lại sau buổi trưa, tôi đã giải thích cho ngài các loại van, pít tông và các khấc trên bánh xe...

Nhà vua một lần nữa lại bắt đem chiếc máy vào trong cung, và sau đó đến một trong các cung điện theo kiểu Âu châu là nơi ngài chứa nhiều loại máy móc Tây phương đã sưu tầm được. Hôm sau, để cho thấy việc ngài hài lòng với chiếc máy bơm hơi mà ngài mới thấy lần đầu tiên, hoàng thượng đã thưởng cho chúng tôi ba tấm lụa lớn, cho cha Mericourt và sư huynh Pansi là hai người nhân danh đã tiến cống mỗi người một tấm, còn tấm lụa thứ ba thì ban cho tôi.

Thưa Đức Ngài, tôi biết rằng tôi chưa nói gì thêm về bữa ăn của hoàng đế như tôi đã hứa. Hoàng thượng luôn luôn ăn một mình và không cần ai phục thị trong bữa ăn ngoại trừ các thái giám hầu hạ. Ngài ăn thường vào đúng 8 giờ sáng và bữa chiều vào lúc 2 giờ. Giữa hai bữa ăn, ngài không ăn gì khác, ngoại trừ vài thức uống ngài đã quen và một số giải khát nhẹ vào buổi tối. Trước đây ngài không uống rượu hay loại thức uống nào làm say sưa. Thế nhưng vài ba năm gần đây, do ngự y đề nghị, ngài uống một loại trần tửu (rượu để lâu), hay cao lương, là loại rượu của người Trung Hoa, một chén hâm nóng vào giữa ngày và một chén vào buổi tối. Thức uống bình thường ngài dùng trong bữa ăn là trà, hoặc chỉ hãm trong nước sôi, trộn với sữa, hay bao gồm nhiều loại trà giã chung với nhau, được sửa soạn theo nhiều thể thức. Những loại trà này thường rất ngon, nhiều loại còn bổ dưỡng mà không làm dầy bụng.

Dù cho số lượng và trân soạn của những món ăn dọn lên cho hoàng đế thế nào chăng nữa, ngài không bao giờ dùng bữa quá 15 phút. Tôi thấy thật khó tin khi nhận ra điều này nếu không phải chính mình trải nghiệm và có chứng cớ vì tôi ở ngay tiền sảnh khi ngài ngự thiện, hay ở những hành lang và có dịp chứng kiến những món được dọn lên và bưng ra. Những món ăn đó phải ăn nóng, đựng trong những thố vàng hay bạc, chế tạo để dọn lên

theo lối trên đĩa hay lò hâm đều được. Thố đó có hình dạng giống như những đĩa lớn của bên nước ta, hai bên có hai quai là hai chiếc vòng chuyển động được, sắp xếp vào chỗ mà chúng ta gọi là tai đĩa. Những đĩa này có hai đáy và ngay đáy của tầng trên có hàn một cái ống đường kính chừng 5 cm (2 inches), cao lên khỏi miệng đĩa chừng 2,5 cm (1 inch). Do cái ống này mà người ta có thể cho than đang cháy vào giữa hai lớp đáy, còn cái ống được dùng như một đường thông hơi.[1] Cái thố có nắp đậy vừa khít, hình vòng quanh cái ống thông hơi nên đồ ăn được hâm nóng một thời gian lâu. Dẫu hoàng đế đang đi dạo trong cung điện hay ở ngoài ngự viên ngài vẫn có thể dùng bữa đúng giờ ngay tại nơi người ta tìm thấy ông. Các món ăn khác nhau dọn cho ngài thì do các thái giám đem đến trong những hộp sơn lớn, một số hộp còn có vài ba tầng. Bằng cách đó họ không sợ gió mưa hay những tổn hại khác do khí hậu.

Những đại quan trong cung không phải phục dịch hơn 1/4 giờ cho mỗi bữa ăn. Những đồ ăn dọn lên bàn đã được cắt sẵn thành miếng nhỏ. Ở đây không có lệ đem lên nhiều món ăn hay đồ tráng miệng. Trái cây, bánh ngọt hay các đĩa tráng miệng thường chỉ ăn buổi tối trước khi đi ngủ hay thỉnh thoảng trong ngày để giải khát. Ở trong cung người ta không bao giờ uống rượu trong bữa ăn. Những ai muốn uống thì thường uống vào ban tối sau khi đã ra khỏi cung, và biết chắc rằng họ không còn gặp hoàng đế trong ngày hôm ấy nữa.

1. Cái thố loại này tương tự như đồ dùng mà chúng ta dùng ăn lẩu ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Áo Môn nghệ thuật Bác vật viện (澳門藝術博物院). *Thiên hạ gia quốc* (天下家國). *Dĩ vật kiến sử Cố cung chuyên đề văn vật đặc tập* (以物見史故宮專題文物特集). Cultural Relics from the Palace Museum (4 volumes). Áo Môn văn hóa trung tâm, 2007.
2. Braudel, Fernand. *Civilization & Capitalism 15th - 18th Century: The Perpective of the World*, Vol. III (Nguyên bản tiếng Pháp, Sian Reynolds dịch). New York: Harper & Row, Publishers, 1979.
3. Bùi Dương Lịch. *Lê quý dật sử*, Phạm Văn Thắm dịch. Hà Nội: Khoa học xã hội, 1987.
4. Bùi Dương Lịch. *Nghệ An ký*, Nguyễn Thị Thảo dịch. Hà Nội: Khoa học xã hội, 1993.
5. Cameron, Nigel. *Barbarians and Mandarins, Thirteen Centuries of Western Travelers in China.* New York & Tokyo: John Weatherwill, Inc., 1970.
6. Cao Dương (高陽). *Thanh triều đích hoàng đế* (清朝的皇帝), ba quyển. Đài Bắc: Viễn Ảnh xuất bản sự nghiệp công ty, 1989.
7. Cao Dương (高陽). *Mai Khâu Sinh Tử Ma Da Mộng* (梅丘生死摩耶夢). Đài Bắc: Liên Kinh, 2004.
8. Chiêu Liên (昭槤). *Khiếu Đình tạp lục* (嘯亭雜錄), 10 quyển. Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 2002.
9. Chiêu Liên (昭槤). *Khiếu Đình tục lục* (嘯亭續錄), 3 quyển. Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 2002.
10. Chu Mẫn (朱敏) (Chủ biên). *Trung Quốc quốc gia bác vật quán: Quán tàng văn vật nghiên cứu tùng thư* (中国国家博物館：館蔵文物研究叢書) (Studies of the Collections of the National Museum of China), *Hội họa quyển - Lịch sử họa* (绘画卷 - 歷史画). Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 2006.

11. Chu Thành Như (朱诚如) (Chủ biên). *Thanh sử đồ điển* (清史图典): *Thanh triều thông sử đồ lục* (清朝通史图录), 12 tập. Bắc Kinh: Tử Cấm Thành xuất bản xã, 2002.
12. *Đại Việt sử ký toàn thư*, 4 tập, Bản in Nội các quan bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Hoàng Văn Lâu dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính. Hà Nội: Khoa học xã hội, 1998.
13. Đàm Kỳ Tương (潭其骧) (Chủ biên). *Trung Quốc lịch sử địa đồ tập* (中國歷史地圖集), 8 tập. Bắc Kinh: Trung Quốc địa đồ xuất bản xã, 1996.
14. *Đồng Khánh địa dư chí* (同慶地輿志). Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin biên tập, ba quyển. Hà Nội: Thế giới, 2003.
15. Giersch, C. Patterson. *Asian Borderlands: The Transformation of Qing China's Yunnan Frontier*. Mass: Harvard University Press, 2006.
16. Hoàng Xuân Hãn. *Chinh phụ ngâm bị khảo*. Paris: Minh Tân, 1953.
17. http://dcvonline.net/2017/07/30/dau-moi-that-quang-trung/
18. Khúc Diên Quân (曲延钧) (Chủ biên). *Trung Quốc Thanh đại cung đình bản họa: Bát tuần vạn thọ thịnh điển* (中國清代宮廷版畫。八旬萬壽盛典). Hợp Phì: An Huy mỹ thuật, 2002.
19. La Trúc Phong (罗竹风) (Chủ biên). *Hán ngữ đại từ điển* (漢語大詞典). Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 2008.
20. Lâm Giang và Nguyễn Công Việt (Chủ biên). *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, toàn bộ 5 quyển. Hà Nội: Khoa học xã hội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2003 - 2005.
21. Lê Duy Đản (黎惟亶). *Lê Duy Đản thi tập* (黎惟亶詩集). Thư viện Viễn Đông Bác cổ, ký hiệu: A.2821.
22. Lý Quang Đào (李光涛). *Ký Càn Long niên bình định An Nam chi dịch* (記乾隆年平定安南之役). Đài Bắc: Trung ương nghiên cứu viện lịch sử ngữ ngôn nghiên cứu sở, 1976.

23. Ngaosrivathana, Mayoury và Kennon Breazeale. *Breaking New Ground in Lao History: Essays on the Seventh to Twentieth Centuries*. Chiang Mai: Silkworm Books, 2002.
24. Ngô Chấn Vực (吳振棫). *Dưỡng Cát Trai tùng lục* (養吉齋叢錄). Bắc Kinh: Bắc Kinh cổ tịch xuất bản xã, 1983.
25. Ngụy Nguyên (魏源) (soạn). *Thánh vũ ký* (聖武記). Đài Bắc: Thế Giới thư cục, 1980.
26. Nguyễn Duy Chính (dịch). *Đại Việt quốc thư* (大越國書). TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016.
27. Nguyễn Duy Chính (dịch). *Khâm định An Nam kỷ lược* (欽定安南紀略), 31 quyển. Hà Nội: Hà Nội, 2016.
28. Nguyễn Duy Chính. *Giở lại một nghi án lịch sử "Giả vương nhập cận" - Có thực người sang Trung Hoa là vua Quang Trung giả hay không?*. TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016.
29 Nguyễn Duy Chính. *Núi xanh nay vẫn đó*. TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016.
30. Nguyễn Duy Chính. *Phái đoàn Đại Việt và lễ Bát tuần khánh thọ của Thanh Cao Tông*. TP.HCM: Văn hóa - Văn nghệ, 2016.
31. Nguyễn Phương. *Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn*. Sài Gòn: Khai Trí, 1968.
32. Nguyễn Văn Thức - Lê Văn Bảy (sưu tầm, biên dịch). *Lê triều dã sử* (khuyết danh). Hà Nội: Văn hóa - Thông tin, 2006.
33. Nhiệm Kế Dũ (任繼愈) (Chủ biên). *Trung Quốc văn hóa đại điển* (中國文化大典). Sơn Tây: Sơn Tây giáo dục xuất bản xã, 1999.
34. Ông Liên Khê (翁連溪). *Thanh đại cung đình bản họa* (清代宮廷版畫). Bắc Kinh: Văn Vật xuất bản xã, 2001.
35. Peyrefitte, Alain. *The Collision of Two Civilisations - The British Expedition to China 1792-4* (Bản dịch của Jon Rothschild từ tiếng Pháp *L'Empire Immobile ou Le Choc des Mondes*). London: HarperCollins Publishers, 1993.
36. Phan Huy Ích (潘輝益). *Dụ Am văn tập* (裕庵文集). Bản chép tay, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội (A.604/1-3).

37. Phương lược quán (方略館). *Khâm định An Nam kỷ lược* (欽定安南紀略). Hồ Nam: Hải Nam, 2000.

38. Quách Đình Dĩ, Vương Duật Quân (郭廷以, 王聿均) (Chủ biên). *Trung Pháp Việt Nam giao thiệp đáng* (中法越南交涉檔) (tái bản), 7 tập. Đài Bắc: Trung ương nghiên cứu viện cận đại sử nghiên cứu sở, 1983.

39. Quách Thành Khang (郭成康). *Càn Long hoàng đế toàn truyện* (乾隆皇帝全传). Bắc Kinh: Học Uyển, 1994.

40. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch Viện Sử học, hai tập. Hà Nội: Giáo dục, 1998.

41. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Nhà Tây Sơn* (*Đại Nam chính biên liệt truyện*: Ngụy Tây), bản dịch Tạ Quang Phát. Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1970.

42. Rawski, Evelyn Sakakida & Jessica Rawson (ed.). *China: The Three Emperors, 1662 - 1795*. London: Royal Academy of Arts, 2005.

43. Sotheby's Auction Catalog, (6) London, 1981.

44. Sotheby's Catalogue of Chinese Decorative Arts (trưng bày những món hàng bán trong ngày mồng 5 tháng 6 năm 1981 tại London). OCLC 171359993, Getty Research Institute, Los Angeles, USA.

45. Sotheby's. "Legacies of Imperial Power: Two Exceptional Qianlong Scrolls from a Private Collection" (Auction in Hong Kong 8 October 2008).

46. *Sử Địa*, Số 9 - 10 (tập san). *Đặc khảo về Quang Trung* (Số đặc biệt Xuân Mậu Thân). Sài Gòn: Khai Trí, 1968.

47. Tang Lệ Hòa (臧勵龢) (Chủ biên). *Trung Quốc cổ kim địa danh đại từ điển* (中國古今地名大辭典) (in lần thứ hai). Hương Cảng: Thương Vụ ấn thư quán, 1982.

48. Tang Lệ Hòa (臧勵龢) (Chủ biên). *Trung Quốc nhân danh đại từ điển* (中國人名大辭典) (bản tăng bổ lần thứ 2). Đài Bắc: Đài Loan Thương Vụ ấn thư quán, 1979.

49. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* (Hà Nội).

50. Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 6 (123). 2015. Chuyên đề Sử liệu Việt Nam: *Lý lịch sự vụ* (nguyên tác Nguyễn Đức Xuyên, Trần Đại Vinh dịch).

51. Tập san *History* (National Geographic), số Sept-Oct, 2019.

52. Tập san *Sử Địa* (Sài Gòn).

53. Tarling, Nicholas (Chủ biên). *The Cambridge History of Southeast Asia* (Volume One, Part Two: From c. 1500 to c. 1800). Cambridge University Press, 1999.

54. *Thanh Cao Tông ngự chế thi văn toàn tập* (清高宗御製詩文全集), 10 quyển. Đài Bắc: Quốc lập Cố cung Bác vật viện, 1976.

55. *Thanh quý nội các đáng án toàn tập*, quyển XI-XII (*Minh Thanh sử liệu*, Canh biên). Bắc Kinh: Học Uyển, 1999.

56. *Thanh thực lục* (清實錄): *Cao Tông Thuần hoàng đế thực lục* (高宗純皇帝實錄). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1986.

57. Thôi Khuê Thuận (崔圭順). *Trung Quốc lịch đại đế vương miện phục nghiên cứu* (中国历代帝王冕服研究) (A Historical and Cultural Study on Emperor's MianFu of China). Thượng Hải: Đông Hoa Đại học, 2007.

58. Tôn Sĩ Nghị (孫士毅). *Bách Nhất Sơn Phòng thi tập* (百一山房詩集), 3 quyển. Gia Khánh 9.

59. Trần Danh Án (陳名案). *Tàn Ông di cảo* (散翁遺槁). Tài liệu Viện Nghiên cứu Hán Nôm, H.2157.

60. Trần Quang Đức. *Ngàn năm áo mũ - Lịch sử trang phục Việt Nam giai đoạn 1009 - 1945*. Hà Nội: Thế giới - Nhã Nam, 2013.

61. Trần Văn Giáp. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm: Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, Tập I, in lần thứ hai. Hà Nội: Văn hóa, 1984.

62. Trần Văn Giáp. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm: Nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, Tập II. Hà Nội: Khoa học xã hội, 1990.

63. Trang Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu* (清高宗十全武功研究). Đài Loan: Cố cung tùng san, Giáp chủng Số 26, Tháng 6 năm 1982.

64. Triệu Nhĩ Tốn (趙爾巽) soạn. *Thanh sử cảo* (清史稿), in lần thứ 5, tổng cộng 529 quyển đóng thành 48 sách. Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1996.

65. Trịnh Bách. "Chân dung trang phục các vua triều Nguyễn, thật và bịa". https://anhsontranduc.wordpress.com/2015/07/12/chan-dung-trang-phuc-cac-vua-trieu-nguyen-that-va-bia/

66. Trịnh Quang Vũ. *Trang phục triều Lê - Trịnh*. Hà Nội: Từ điển Bách khoa, 2008.

67. Trịnh Thiên Đĩnh (郑天挺), Ngô Trạch (吴泽), Dương Chí Cửu (杨志玖) (Chủ biên). *Trung Quốc lịch sử đại từ điển* (中国历史大辞典), Thượng và Hạ. Thượng Hải: Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 2000.

68. *Trung Hoa ngũ thiên niên văn vật tập san* (中華五千年文物集刊). Phục sức thiên (服飾篇), Thượng và Hạ. Đài Bắc, 1986.

69. Trung Quốc dệ nhất lịch sử dáng án quán (中国第一历史档案馆). *Thanh cung Nhiệt Hà dáng án* (清宫热河档案), quyển 6. Thừa Đức: Trung Quốc dáng án xuất bản xã, 2003.

70. Trung Quốc dệ nhất lịch sử dáng án quán (中國第一歷史檔案館), Hương Cảng Trung văn Đại học văn vật quán (香港中文大學文物館) (hợp biên). *Thanh cung Nội vụ phủ Tạo biện xứ dáng án tổng hối* (清宫内務府造辦處檔案總匯), quyển 52. Bắc Kinh: Nhân dân xuất bản xã, 2005.

71. Trung Quốc dệ nhất lịch sử dáng án quán (中國第一歷史檔案館). *Càn Long triều thượng dụ dáng* (乾隆朝上諭檔), quyển XV. Bắc Kinh: Đáng án xuất bản xã, 1991.

72. Trung Quốc xã hội khoa học viện lịch sử nghiên cứu sở (中国社会科学院历史研究所). *Cổ đại Trung Việt quan hệ sử tư liệu tuyển biên* (古代中越关系史资料选编), Thượng và Hạ. Bắc Kinh: Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, 1982.

73. Trương Ấm Hoàn (張蔭桓). *Tam Châu nhật ký* (三洲日記). 1896.

74. Trương Hiểu Quang (張曉光). *Thanh đại đồng bản chiến công đồ toàn biên* (清代銅版戰功圖全編). Bắc Kinh: Học Uyển xuất bản xã, 2000.

75. Từ Diên Húc (徐延旭). *Việt Nam tập lược* (越南輯略), quyển 1: "Thế hệ diên cách" (khắc bản năm Quang Tự thứ 3).

76. Từ Hạo Tu (徐浩修). *Yên hành kỷ* (燕行紀), Tuyển tập V. Soul: Minjok Munhwa Ch'ujinhoe, 1976.

77. Từ Hạo Tu (徐浩修). *Yên hành lục tuyển tập* (燕行錄選集). Seoul: Minjok Munhwa Ch'ujinhoe, 1976.

78. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội) cộng tác với Phục Đán Đại học (Trung Quốc). *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành* (越南漢文燕行文献集成), Toàn bộ 25 quyển. Bắc Kinh: Phục Đán Đại học xuất bản xã, 2010.

79. Lưu Xuân Ngân, Vương Tiểu Thuẩn, Trần Nghĩa (Chủ biên). *Việt Nam Hán Nôm văn hiến mục lục đề yếu* (Đài Bắc: Trung Quốc văn triết nghiên cứu sở, 2002).

80. Vô danh thị. *Tây Sơn thuật lược* (西山述略), bản dịch Tạ Quang Phát. Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1971.

81. Zhang Hongxing. *The Qianlong Emperor: Treasures from The Forbidden City.* United Kingdom: National Museums of Scotland Publishing Limited, 2002.

NGUYỄN DUY CHÍNH

ĐI TÌM CHÂN DUNG VUA QUANG TRUNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập: HUỲNH TRUNG KIÊN
Sửa bản in: TÂN PHONG
Trình bày: NGUYỄN ĐỨC DUY
Bìa: MAI QUẾ VŨ

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38225340 - 38296764 - 38247225 - 38256713 - 38223637
Fax: 84.28.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: www.nxbhcm.com.vn - Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh - ĐT: 38256804
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh - ĐT: 39433868
GIAN HÀNG M01, ĐƯỜNG SÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện liên kết:
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH ẤN PHẨM VĂN HÓA
TAO ĐÀN THƯ QUÁN
Địa chỉ: 160 đường 2 tháng 9, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

In lần thứ nhất, số lượng 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm
Tại: **Xí nghiệp In FAHASA**
Địa chỉ: **Số 774 đường Trường Chinh, p.15, q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh**
XNĐKXB số: 369-2020/CXBIPH/06-18/THTPHCM cấp ngày 06/02/2020
QĐXB số: 68/QĐ-THTPHCM-2020 ngày 14/02/2020
ISBN: 978-604-58-3792-4
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2020

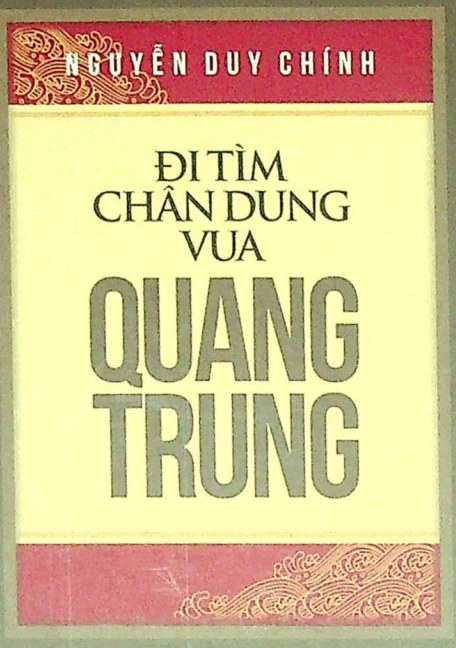

Trước đây, những người quan tâm nghiên cứu về giai đoạn nội chiến, thay chủ đổi ngôi cuối thế kỷ XVIII ở nước ta bị hạn chế vào tài liệu triều Nguyễn. Những ai muốn đi xa hơn thường phải sử dụng ngoại sử, đôi khi tự tưởng tượng ra một số chi tiết cho phù hợp với mục tiêu nguyên thủy của mình. Thêm một chút, nhiều tác giả tiểu thuyết hóa và coi đó như một dạng viết thay vào những khoảng trống lịch sử mà họ mong đợi.

Chính vì có một quá trình thêm bớt phức tạp như thế, lịch sử viết về thời kỳ này hư nhiều thực ít, lẫn lộn giả thật vì không ai cất công tìm hiểu xem những chi tiết đó nguồn gốc từ đâu ra, người đi trước viết sao thì người đi sau lập lại không cân nhắc. Trình tự quan trọng nhất khi tìm kiếm tài liệu là loại bỏ những tài liệu thứ cấp chưa đáng tin, nhất là những tài liệu có nguồn gốc thiếu minh bạch, cũng không ai làm. Ngay cả nhiều tác giả được đào tạo rất chính quy nhưng vì không có tài liệu nên cũng phải sử dụng ngoại sử và chọn lựa những chi tiết nào phù hợp với sở hiếu của mình để dùng trong các nghiên cứu.

Nguyễn Duy Chính

ĐI TÌM CHÂN DUNG VUA QUANG TRUNG
ISBN: 978-604-58-3792-4
9 786045 837924
Giá: 180.000 đ